

Ăn Quang Pháp Sư
Văn Sao Tinh Hoa Lục
Quyển 1

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục Quyển 1

Pháp sư Liễu Nhiên và Đức Sâm giám định
Quy y đệ tử Lý Tịnh Thông ở Hải Diêm
kính cẩn biên tập

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
(dịch theo ấn bản của Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật
Đường)

Giáo chánh: Minh Tiên, Huệ Trang, Đức Phong



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NHỮNG LỜI TÂM HUYẾT

Theo như sử liệu mười ba vị Tổ sư Liên Tông Tịnh Độ, Tổ sư Ấn Quang là Tổ sư Tịnh Độ thứ mười ba. Tổ sư Ấn Quang, một đời tu pháp môn Tịnh Độ và hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn Tịnh Độ dành cho ba căn: thượng căn, trung căn và hạ căn.

Tổ sư Ấn Quang dạy rằng: *“Pháp môn quảng đại, phổ bị tam căn, nhân tu cứu giới đồng quy, thập phương cộng tán. Phật nguyện hồng thâm, bất di nhất vật, cố đắc thiên kinh tịnh xiển, vạn luận quân tuyên”*.

Nghĩa là: *“Pháp môn rộng lớn, độ khắp ba căn, do vậy chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi. Phật nguyện rộng sâu, chẳng sót một ai, nên được ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói”*. Do vậy, chúng sanh trong chín giới hễ lìa pháp môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể phổ độ quần sanh.

Hơn nữa, Tổ sư Ấn Quang một đời tận lực đề sùng cội gốc để lập thân và giáo dục trong gia đình là *“dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đôn đốc luân thường, tin sâu nhân quả, luân hồi, báo ứng, dè dặt kiêng sợ nghiệp báo. Kiêng giết, ăn chay, phóng sanh, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc”*.

“Hễ nói được phải làm được, hễ làm không được bèn chẳng chịu nói. Dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy, người ta sẽ thuận theo. Như vậy trong hiện đời sẽ dự vào bậc Hiền Thánh, lúc lâm chung quyết định vãng sanh cõi Cực Lạc. Như thế thì sẽ có thể gọi là bậc đại trượng phu, đệ tử thật sự của Đức Phật”.

Theo chúng tôi thiết nghĩ: Nếu hành giả tu pháp môn Tịnh Độ, cũng như những gia đình Phật tử muốn hiện đời này làm đệ tử chân thật của Phật, Bồ Tát và Thánh Hiền, sau khi bỏ báo thân này vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, dự vào Liên Trì Hải Hội. Nếu quý vị lấy bộ sách Tinh Hoa Lục này làm tư lương hành trang để tấn tu đạo nghiệp thì không uổng phí đời người. Quý vị đọc qua cuốn sách này với tâm hời hợt giống như đọc tiểu thuyết thì không có hữu ích cho lắm. Bằng đọc với tâm chân thành, cung kính, xem đây là pháp bảo vô giá, đọc đi đọc lại nhiều lần và đọc sách này giống như người con hiếu thảo đọc “Di Chúc” trước linh cữu của Cha Mẹ mình mới mất thì lợi ích vô cùng. Nếu không đọc qua bộ sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục này thì thiệt là thiếu sót và hành giả tu pháp môn Tịnh Độ dễ bị lầm lạc.

Chúng tôi bằng tất cả tấm lòng cung kính, dâng lên cúng dường cuốn sách Pháp Bảo quý giá, một đời không thể thiếu đến với các vị Liên Hữu gần xa. Kính mong các vị dành chút thời gian quý báu đọc và suy

gẫm áp dụng lời của Tổ sư Ấn Quang, chắc chắn cuộc đời của quý vị sẽ có sự ngậm ngậm thay đổi, một đời thọ dụng không hết. Vì trong bộ sách này là Tổ sư Ấn Quang lấy những lời của Phật, Bồ Tát và các vị Tổ sư đi trước, áp dụng trong đời sống tu hành của mình, tự thân đã có sở chứng.

Tổ sư Ấn Quang dạy rằng: *“Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh và tâm này tạo được nghiệp thì tâm này chuyển được nghiệp, tâm chẳng thể chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm. Đọc kỹ bộ sách Văn Sao thì tất cả những khúc mắc đều được tháo gỡ. Chỉ cần tu theo đúng những gì trong Văn Sao đã nói thì cũng là người trong Liên Trì Hải Hội”*.

Cuối cùng chúng tôi có những lời tâm huyết này là để người người, nhà nhà, đều đọc được lời của Tổ sư Ấn Quang, rồi áp dụng trong cuộc sống sẽ có lợi ích thật sự. Quý vị nên giới thiệu cho bạn bè gần xa. Đây là công đức pháp thí thật lớn lao. Cho người ta một số tiền chỉ giúp cho họ cơm no áo ấm một thời gian ngắn ngủi cũng tốt, nhưng không bằng giúp cho họ gặp được pháp bảo của Ấn Tổ thì cuộc đời của họ sẽ được an vui, hết khổ đau, biết lánh dữ làm lành, ăn chay, phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, không còn sanh tử luân hồi. Công đức này lớn lao vô cùng.

Trích lời của Tổ Ấn Quang Khuyên người đọc sách:

“Độc giả cần phải chú trọng cung kính, kiên thành, khiết tịnh, lắng lòng suy nghĩ lãnh hội thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu như khinh nhờn, sẽ mắc tội chẳng hạn. Nếu chẳng muốn xem, xin hãy tặng cho người khác, đừng cất trên gác cao. Lại mong độc giả xem xong, sẽ lập đủ mọi cách để xoay vần lưu truyền, ngõ hầu hết thầy đồng bào trong hiện tại lẫn vị lai đều cùng thoát khỏi đường mê, đều cùng lên bờ giác”.

Nếu quý vị muốn thỉnh thêm sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục hoặc máy đọc Văn Sao MP3 để cúng dường cho quý thầy hoặc tặng cho bạn bè. Thì phía sau sách có số điện thoại, quý vị gọi đến, chúng tôi xin cúng dường miễn phí.

(Trân Trọng Cung Kính Pháp Bảo).

TỔ SƯẤN QUANG DẠY PHẢI CHÚ TRỌNG CHÍ THÀNH CUNG KÍNH

Pháp thể gian hay xuất thể gian đều lấy lòng Thành làm gốc. Hễ có lòng thành thì cảm được Thánh ứng; không có lòng Thành thì do không cảm, Thánh sẽ không ứng. Ví như Mặt trăng rạng rỡ giữa bầu trời, hiện bóng trong muôn sông. Nếu nước đục ngàu, xao động, bóng trăng khó thể hiện hiện được. Do nước gây nên như thế, đâu phải lỗi của trăng!

Vì thế nói: “*Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, ắt phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính, tiêu được một phần tội nghiệp, tặng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu mười phần tội nghiệp, tặng mười phần phước huệ*”. Nếu không cung kính thì chỉ kết được cái duyên xa, khó được lợi ích thật sự. Nếu còn khinh nhờn sẽ mắc tội vô lượng.

TỔ SU ẨM QUANG DẠY

MƯỜI ĐIỀU CUNG KÍNH KHI ĐỌC SÁCH

1) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết phải nên phát tâm cung kính như gặp được khách quý, như đối trước bậc hiền triết, ngỏ hầu luôn luôn ngộ nhập được dụng ý sâu xa của tác giả.

2) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên phát tâm chí thành, thốt lời khấn thiết, khen ngợi tác giả vận tâm cứu thế, vui mừng mình đã hữu duyên được đọc.

3) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên rửa tay, súc miệng, đặt sách lên bàn sạch trong gian phòng sạch sẽ, rồi mới mở ra xem.

4) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết chỉnh đốn quần áo, ngồi ngay ngắn một lát, sám hối hết thảy những ác niệm, ác ngữ, ác hạnh như: ganh ghét, khinh mạn, kiêu cuồng v.v...

5) Lúc đọc, hễ ngộ nhập được một câu một chữ, đều nên khởi lòng hoan hỷ lớn lao và tùy thời ghi chép những điều tâm đắc, đừng bỏ mặc cho quên mất!

6) Lúc đọc, hãy nên nghĩ rộng rãi về ý nghĩa, thoát đầu dùng sách để nhiếp tâm, tiếp đó dùng tâm để chuyên nghiệp, cuối cùng tiến tới tâm niệm không ngừng nghĩ

thực hành, khuyên dạy rộng rãi để chuyển thế giới Ngũ Trược thành thế giới Cực Lạc.

7) Lúc tâm khởi vọng niệm, hãy nên cung kính đặt sách xuống, tạm ngừng đọc.

8) Đọc xong hoan hỷ, theo đúng pháp vâng làm, hãy nên thường khởi lòng hâm mộ tâm hoằng pháp, tận lực bắt chước làm theo.

9) Đọc hết bộ sách xong, hãy nên nghĩ kỹ rộng rãi xu hướng trong xã hội hiện tại để nhiếp hóa rộng lớn, ngõ hầu điều lành được lưu truyền.

10) Đọc hết bộ sách xong, thấy được những chỗ có thể tuyên thuyết phù hợp căn cơ, liền vì người không biết chữ mà phương tiện diễn nói rộng rãi để tạo lợi ích lớn.

KỆ TU TRÌ

Giữ vẹn luân thường

Trọn hết bốn phận

Ngăn dứt lòng tà

Giữ gìn lòng thành.

Đừng làm các ác

Vâng làm các thiện

Kiêng giết cứu mạng

Ăn chay niệm Phật

Hồi hương vãng sanh

Thế giới Cực Lạc.

Dùng để tự hành

Lại còn dạy người

Ấy gọi Phật tử

Hành giả hãy nên

Làm như thế ấy

Công đức vô lượng.

**“Niệm Phật mới hòng tiêu túc nghiệp,
Kiệt thành sẽ tự chuyển phàm tâm”.**

“Đạo nghiệp chưa thành, há dám để tâm này tán loạn,

Kỳ chết sắp đến, tận lực tạ từ mọi thù tạc”.

**“Hãy nên phát nguyện, nguyện vãng sanh
Núi khe nẻo khách, từ nay thôi quyến luyến.**

Tự mình chẳng về, về liền được

Gió trăng quê cũ, toàn thể hãy tự vâng”.

“Đóng cửa chẳng tiếp ai, xót nghĩ thân này sắp chết,

Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thẹn thay đạo nghiệp chưa thành”.

NHỮNG CÂU ĐỐI DO ĐẠI SƯ VIẾT ĐỂ TỰ KHÍCH LỆ

Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, tâm chẳng chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ súc sanh còn khó mong cầu, chớ vọng tưởng quả phước trời người,

Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, chí nếu chân thành, liền dự liên trì, Thanh Văn, Duyên Giác vẫn chẳng muốn trụ, chắc chắn chứng viên thừa đẳng diệu

**KÊ VIẾT TRÊN VÁCH QUAN
PHÒNG CHÙA BÁO QUỐC
Ở TÔ CHÂU**

**Sống uổng bảy mươi năm,
Tháng ngày chẳng còn mấy,
Như tù dẫn ra chợ,
Mỗi ngày gần cái chết,
Tạ tuyệt hết thấy sự,
Để chuyên tu Tịnh Nghiệp,
Nếu hiểu lòng ngu thành,
Mới là chân Liên Hữu.**

Năm Dân Quốc thứ 24 (1935)

Lời tựa của bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục

Kinh Đại Tập dạy: “Mạt pháp ỨC ỨC NHÂN TU HÀNH, HÃN NHẤT ĐẮC ĐẠO, DUY Y NIỆM PHẬT, ĐẮC ĐỘ SANH TỬ” (Trong đời Mạt Pháp, ỨC ỨC người tu hành, hiếm một ai ĐẮC ĐẠO, chỉ có nương vào pháp niệm Phật là **thoát khỏi sanh tử**). Pháp Niệm Phật này chính là đạo để thượng thánh lẫn hạ phàm cùng tu, là pháp để người trí lẫn kẻ ngu cùng hành. Do pháp này chuyên cậy vào Phật lực nên lợi ích thù thắng, vượt trội những giáo pháp theo đường lối thông thường. Chỉ có pháp môn Tịnh Độ là chẳng dễ khiến cho con người sanh lòng tin nhất! Đối với những câu như “*vô sanh mà sanh, vô niệm mà niệm*”, nếu chẳng phải là bậc thấu hiểu sâu xa ý chỉ “*tâm làm, tâm là*”, sao không bị lầm lẫn cho được? Do vậy, đức Thế Tôn ta đối với chỗ vốn không nói năng lại thường nói thật nhiều, không có gì khác hơn là vì muốn cho hết thảy chúng sanh hiểu rõ giác tánh họ đang sẵn có, tiến hướng Phật quả, biết tự tánh chính là Di Đà thì mới có thể bàn luận “*duy tâm Tịnh Độ*”, “*tâm tịnh thì cõi Phật tịnh*”. Nếu có thể tin chắc thật, nguyện thiết tha, tận lực hành, sẽ cảm ứng đạo giao, đã nắm chắc bằng khoán vãng sanh.

Tôi thấy những kẻ cuồng huệ trong cõi đời, cứ hở ra bèn ngỡ Tịnh Độ là nông cạn, dễ dàng, rồi coi thường,

muốn cầu những pháp được gọi là huyền diệu khác để mong được ngộ chứng, nào biết một môn Tịnh Độ quả thật ngậm khế hợp Phật tâm, là giáo pháp chí viên, chí đốn! Tâm Phật vô vi, chẳng vương mắc nơi pháp số. Niệm Phật: Tâm năng niệm rành rành phân minh, nhưng trọn chẳng thể được, chẳng phải là do hữu vi lại khế hợp vô vi đó sao? Trọn chẳng thể được nhưng rành rành phân minh, chẳng phải là thềm hợp đạo mâu đó ư? Do vậy, người niệm Phật, niệm nào cũng là Phật. Cho nên biết: Sáu chữ gồm trọn muôn pháp, một môn chính là phổ môn, toàn Sự chính là Lý, toàn vọng chính là chân, toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh, nương vào y báo, chánh báo cõi ấy để hiển lộ tự tâm của ta, Thi Giác và Bồn Giác chẳng lìa nhau, tiến thẳng trên đường giác. Khoảng cách mười vạn ức cõi Phật cách đây chẳng xa, chín phẩm đều có thể đạt lên, hoàn tất ngay trong một đời. Hết sức bình thường, nhưng tốt bậc huyền diệu, những kẻ chứng nhập tối tăm, tham cứu mù quáng kia há mong sánh vai được sao!

Ấn Quang đại sư thừa nguyện tái lai, đề xướng một chánh lệnh duy nhất, chẳng bàn luận tâm tánh cao vời, nhưng hiển lộ trọn vẹn diệu tâm. Hoàng Nhất đại sư gọi Tổ là “*người duy nhất trong suốt ba trăm năm qua*”, há có phải là đề cao quá đáng! Củi căn cơ hóa độ đã hết, lửa ứng hiện phải tắt, nhưng lời nhỏ nhiệm, ý chỉ bao la đã rộng ban cho hậu học, quả thật là chẳng khi

nào, không nơi nào có ai khác làm được như vậy cả! Bộ Văn Sao của Sư tuy chỗ nào cũng chỉ quy Tịnh Độ, nhưng đối với người bận chuyện túi bụi, muốn tìm một tác phẩm vừa đọc liền thấy rõ, liền thâm nhập lãnh hội thì đã có cuốn Văn Sao Tinh Hoa Lục do cư sĩ Lý Tịnh Thông biên tập. Bộ sách này lý hiển chân thường, lời lẽ không trùng lặp, hết sức khéo léo, chặt lọc, trong cõi đời hiếm có sách nào sánh bằng; tâm trọng đạo tôn sư của cư sĩ lại càng khó có. Tôi biết sách này một khi được lưu hành, muôn người được hưởng lợi ích. Ước nắn lòng người để giúp đạt đến bình trị sẽ nhờ vào sách này vậy! Viên Anh kính cẩn nhận lấy xem xong, vui mừng, hớn hờ, khó thể dùng lời lẽ nào để giải bày, chỉ đành lược thuật mấy lời giải bày đem xếp trước phần chánh văn để ghi lại cái duyên tốt đẹp nhằm thừa với những vị đồng tâm, chứ đâu dám viết tựa!

Ngày Rằm mùa Đông năm Nhâm Thìn (1952), lão nạp Viên Anh đề tại Viên Minh Giảng Đường, Thượng Hải.

I. TÁN TỊNH ĐỘ SIÊU THẮNG (Khen ngợi Tịnh Độ siêu việt thù thắng)

* Pháp môn Tịnh Độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị. Do vậy, người thiên tư thông minh, tri kiến cao siêu thường xem Tịnh Độ là pháp tu của bọn ngu phu, ngu phụ, chẳng chịu tu trì. Nào có biết đây là pháp môn rất ráo thành thủy, thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh! Họ thấy kẻ ngu phu, ngu phụ tu được pháp này bèn coi thường pháp môn, sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, vẫn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc hòng viên mãn Phật Quả? Miệt thị pháp môn Tịnh Độ chẳng xứng đáng để tu, tức là coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người gì? Hơn nữa, chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm có đáng nên tôn trọng hay nên coi thường đây?

Có thái độ như vậy, không có gì khác hơn là do chưa xét kỹ nguyên do của từng pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như sự lớn, nhỏ, khó, dễ giữa tự lực và Phật lực, nên mới đến nỗi như thế! Nếu đã xét kỹ, há chẳng học đòi Hoa Nghiêm Hải Chúng, nhất trí tiên hành cùng cầu vãng sanh ư? (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Đề từ và lời tựa cho bộ Gia Ngôn Lục*)

* Giáo pháp của pháp môn Tịnh Độ lớn lao thay! **Tâm này làm Phật, tâm này là Phật**, pháp Trục Chỉ Nhân Tâm của nhà Thiền còn phải nhường phần kỳ đặc (lạ lùng, đặc biệt). So với lợi ích của cách tu “*dùng ngay cái tâm này niệm Phật, niệm niệm thành Phật*” thì lợi ích đạt được do trải qua bao kiếp tu chứng vẫn phải kém hơn. Độ khắp thượng - trung - hạ căn, thống nhiếp Luật, Giáo, Thiền Tông, như mưa đúng thời nhuần thấm muôn vật, như biển cả dung nạp các sông. Hết thấy các pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất; hết thấy hạnh Đại - Tiểu, Quyền - Thật, không hạnh nào chẳng quy về pháp giới này. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà được dự vào Bồ Xứ, ngay trong một đời này viên mãn Bồ Đề. **“Chúng sanh trong chín pháp giới là môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”**. Do vậy, Hoa Nghiêm hải chúng hết thấy đều tuân theo mười đại nguyện vương. Pháp Hoa xưng niệm một tiếng¹ đều chứng Thật Tướng của các pháp.

Hạnh phương tiện tối thắng, ngài Mã Minh dạy trong luận Khởi Tín. Đạo dễ hành chóng đến, ngài Long Thọ xiển dương trong luận Tỳ Bà Sa. Ngài Trí Giả là hậu

1. Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện, có câu: “*Nhược nhân tán loạn tâm, nhập u tháp miếu trung, nhất xưng nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo*” (Nếu ai tâm tán loạn, vào trong nơi tháp miếu, niệm mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo)

thân của Phật Thích Ca, nói Thập Nghi Luận, chuyên đốc chí nơi Tây Phương. Ngài Vĩnh Minh là Phật A Di Đà thị hiện, soạn Tứ Liệu Giản, suốt đời niệm Phật. Hội tam thừa ngũ tánh² cùng chứng chân thường, dẫn thượng thánh hạ phàm cùng lên bờ kia. Vì thế, pháp này được chín pháp giới cùng quy về, mười phương cùng khen ngợi. Ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên nói. Thật có thể gọi là lời bàn luận tốt cùng trong giáo pháp cả một đời đức Phật, là đại giáo Nhất Thừa vô thượng vậy! Chẳng gieo cội đức, dù trải bao kiếp vẫn khó thể gặp gỡ. Đã được thấy nghe, hãy nên siêng năng tu tập! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa in tặng tranh Cực Lạc*)

2. Tam thừa ngũ tánh: Tam thừa là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Ngũ tánh: Theo Hoa Nghiêm Kinh Sớ, chúng sanh có năm chủng tánh thành Phật bất đồng:

- 1) Bất định tánh: Tức căn tánh không nhất định, gần gũi Thanh Văn thì tu pháp Thanh Văn, gần Duyên Giác bèn tu pháp Duyên Giác v.v...
- 2) Vô chủng tánh: Hạng người không có chánh tín, thiện căn, bác không nhân quả, chẳng cầu giải thoát.
- 3) Thanh Văn Tánh.
- 4) Duyên Giác tánh.
- 5) Bồ Tát tánh.

Duy Thức Học lại phán định Ngũ Tánh như sau:

- 1) Bồ Tát Định Tánh
- 2) Thanh Văn Định Tánh
- 3) Duyên Giác Định Tánh
- 4) Tam Thừa Bất Định Tánh
- 5) Vô Tánh Hữu Tính.

Ba chủng tánh đầu quyết định thành tựu thánh quả, hai chủng tánh sau không nhất định.

* Trộm nghe pháp môn Tịnh Độ là pháp phơi bày thông suốt rốt ráo bản hoài của chư Phật, vượt trội hết thảy Thiên, Giáo, Luật, thống nhiếp hết thảy Thiên, Giáo, Luật. Nói đại lược thì một chữ, một câu, một sách có thể bao quát pháp môn Tịnh Độ không còn sót. Nói rộng thì dù những lời huyền diệu thuộc Tam Tạng mười hai bộ kinh, diệu nghĩa của chư Tổ sư năm tông³ cũng không thể diễn tả trọn.

Dẫu cho chúng sanh trọn khắp đại địa cùng thành Chánh Giác, hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí huệ, vi trần nói, cõi nước nói, sôi nổi nói, nói không gián đoạn, há có thể nói hết được ư? Ấy là vì Tịnh Độ vốn chẳng thể nghĩ bàn.

Thử xem bộ kinh lớn **Hoa Nghiêm là vua của toàn bộ Tam Tạng**, cuối cùng quy về chú trọng nơi nguyện vương. Bộ kinh uyên áo Pháp Hoa mâu nhiệm đứng đầu các kinh, nghe đến liền được vãng sanh, địa vị bằng với bậc Đẳng Giác. Còn như ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ quy Tịnh Độ là có lý do vậy.

Văn Thù phát nguyện, Phổ Hiền khuyến tấn; đức Như Lai thọ ký trong kinh Đại Tập như sau: *“Trong đời Mạt Pháp, nếu không nhờ vào pháp này, không thể đắc độ”*. Trong luận Tỳ Bà Sa, ngài Long Thọ dạy đơn giản là *“đạo dễ hành, mau thoát sanh tử”*, nên vãng

3. Năm tông: năm tông phái nhà Thiên, tức Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Quy Ngưỡng và Pháp Nhãn.

thánh tiên hiền ai nấy đều hướng về, há vô ích sao? Đúng là giáo pháp cả một đời đức Phật đều đặt đẽ nơi pháp môn Niệm Phật.

Không chỉ có vậy, phàm hết thấy cảnh giới được tiếp xúc bởi sáu căn như: núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, thấy, nghe, hay, biết, sắc, thanh, hương v.v... có pháp nào không phải là văn tự xiển dương Tịnh Độ? Lạnh - nóng đắp đổi, già - bệnh đưa đẩy, lụt, hạn, binh đao, dịch bệnh, bè lũ ma, tà kiến, có thứ gì chẳng phải là lời cảnh sách nhằm lay tỉnh con người sớm cầu vãng sanh? Nói rộng ra, há có thể trọn hết được hay chăng?

Nói “một chữ thông nhiếp trọn hết” thì chính là chữ Tịnh. Tịnh đến cùng cực ắt sẽ sáng suốt, sao không đạt đến Diệu Giác. Một chữ này há dễ đảm đương? Nghiên cứu bài tụng về Lục Tức Phật⁴ ắt sẽ biết!

Một câu là Tín - Nguyện - Hạnh. Không có Tín sẽ chẳng thể khởi Nguyện, không có Nguyện sẽ chẳng thể dẫn dắt Hạnh. Không có diệu hạnh trì danh sẽ không thể thỏa mãn sở nguyện hồng chứng được Tín ấy. Hết thấy kinh luận Tịnh Độ đều nêu tỏ ý chỉ này.

4. **Lục Tức Phật:** Sáu hạnh vị của Viên Giáo do Thiên Thai Trí Giả đại sư lập ra, gồm: Lý Tức Phật (chưa nghe Phật pháp, nhưng tự tánh chính là Phật), Danh Tức Phật (đã nghe Phật pháp), Quán Hạnh Tức Phật (ngoại phàm, tương đương với Thập Tín của Biệt Giáo), Tương Tự Tức Phật (Nội Phàm, thuộc địa vị Thập Tín), Phần Chứng Tức Phật (bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, từ Thập Trụ trở lên), Cứu Cánh Tức Phật (quả vị Phật).

Một kệ là kệ tán Phật⁵, nêu lên chánh báo để nhiếp y báo; nêu lên hóa chủ (A Di Đà Phật) để bao gồm đồ chúng (các vị thượng thiện nhân trong cõi Cực Lạc). Tuy chỉ có tám câu nhưng đã nêu trọn đại cương của ba kinh Tịnh Độ.

Một sách là Tịnh Độ Thập Yếu, mỗi chữ đều là lời hướng dẫn trong đời Mạt Pháp, mỗi lời đều là gương báu của Liên Tông. Buồn khóc ứa lệ, mổ tim vẩy máu, xứng tánh phát huy, tùy theo căn cơ mà chỉ bày. Dầu có ví là “vớt người chết đuối, cứu kẻ đang bị lửa thiêu” cũng không thể sánh ví được nỗi lòng thống thiết của tác giả bộ sách ấy. Bỏ cuốn sách này đi thì chánh tín không thể do đâu mà sanh, tà kiến không thể do đâu mà diệt! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi sư Ngô Khai*)

5. Tức bài kệ tán “A Di Đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân”.... Bài kệ này do ngài Đức Tạng Trạch Anh (1045-1099) sống vào thời Bắc Tông soạn. Sư là người huyện Đông Giang (tỉnh Chiết Giang), họ Du, tự Uân Chi. Sư mất mẹ từ bé, có lần theo cha đến Hàng Châu, gặp được ngài Nam Sơn Đoan Phong bèn xin theo xuất gia. Năm Thiên Ninh thứ nhất (1068), Sư thọ Cụ Túc Giới, chuyên tâm trì luật cũng như theo học giáo nghĩa Chỉ Quán với ngài Xứ Khiêm chùa Bảo Các, rất được ngài Xứ Khiêm coi trọng, đặc biệt truyền dạy Thập Bát Nhị Môn Luận, Kim Cang Bể Luận, do vậy Sư ngộ hiểu sâu xa giáo nghĩa Thiên Thai lẫn chỗ huyền áo của Tịnh Tông. Đồ chúng các tỉnh Giang, Hàng, Hồ... theo học rất đông, Sư chú tâm dạy họ bằng giáo nghĩa Tịnh Độ và thường răn nhắc đại chúng siêng tu Tịnh nghiệp. Do kính trọng, mọi người đều gọi ngài là Đông Giang pháp sư hay Đông Giang Anh pháp sư chứ không gọi thẳng tên. Ngài để lại cho đời các bộ chú giải Tâm Kinh, Tam Châu Luận, Tịnh Độ Tu Chứng Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Thập Nguyên Văn, Biện Hoàn Thụ Nhị Xuất, Khuyên Tu Tịnh Độ Tụng...

* Nhất niệm tâm tánh của chúng sanh và chư Phật không hai. Tuy đang mê bất giác, khởi Hoặc tạo nghiệp, tạo đủ mọi tội, nhưng Phật tánh sẵn có vốn không tổn thất. Ví như Ma Ni bảo châu rớt trong nhà xí, trọn chẳng khác gì vật dơ, người ngu chẳng biết là quý báu, bèn coi như uế vật (vật như bần). Người trí biết là diệu bảo vô giá, chẳng hiềm ô uế, vào trong nhà xí nhặt lấy, dùng đủ mọi phương cách gột rửa cho sạch. Sau đấy, treo trên tràng⁶ cao, châu liền phóng đại quang minh, tùy theo lòng mong cầu của con người mà mưa khắp các thứ báu. Do vậy, người ngu mới biết là quý báu.

Đại Giác Thế Tôn xem các chúng sanh cũng giống như thế: Dầu là kẻ hôn mê, điên đảo, phiền hoặc, tạo đủ Ngũ Nghịch, Thập Ác, vĩnh viễn đọa trong ba ác đạo, tâm Phật vẫn chẳng hề có một niệm buông bỏ, luôn tìm cơ duyên, gia bị âm thầm hoặc hiển nhiên, vì họ thuyết pháp ngỏ hầu họ hiểu rõ Hoặc nghiệp huyễn vọng, ngộ Phật tánh chân thường, cho đến khi viên chứng Vô Thượng Bồ Đề mới thôi! Đối với người tội ác cực nặng còn như thế, thì đối với người nghiệp nhẹ, khéo giữ giới, tu trọn vẹn, có sức Thiên Định sâu, không một ai chẳng được Phật đối xử như vậy.

Phàm trong tam giới, có những người tuy đã thâm

6. Tràng (Dhvaja) vốn là một loại cờ hiệu dùng để trang nghiêm đạo tràng, có hình ống tròn, chung quanh có tua. Về sau, những trụ cao, có hình ống hoặc hình lục lăng hay bát giác, bốn mặt khắc kinh cũng được gọi là Tràng hay Kinh Tràng. Tràng nói ở đây chính là loại cột trụ cao.

liễm được thân tâm, khuất phục được các Phiền Hoặc, nhưng tình chủng vẫn còn, phước báo một khi đã hết liền đọa xuống cõi dưới, gặp cảnh chạm duyên vẫn khởi Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ, luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có lúc nào ngưng; cho nên kinh Pháp Hoa nói: *“Ba cõi không yên ví như nhà cháy. Các khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ”*. Nếu không phải là nghiệp tận tình không, đoạn Hoặc chứng Chân thì chẳng mong chi thoát khỏi tam giới !

Riêng mình pháp môn Tịnh Độ chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật liền có thể nhờ vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh bèn nhập cảnh giới Phật, thọ dụng giống như Phật, hai thứ phạm tình lẫn thánh kiến đều chẳng sanh. Chính là pháp môn đặc biệt ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng, chẳng bỏ sót một ai vậy; đang thời Mạt Pháp, bỏ pháp này thì không còn cách gì khác nữa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Phó Đại Sĩ Truyện Lục*)

* Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, nhiếp trọn các pháp thuộc chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, thích hợp khắp ba căn thượng - trung - hạ, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, chắc chắn thoát sanh tử trong đời hiện tại! Chẳng trải qua tăng-kỳ kiếp số mà đích thân

chúng được Pháp Thân, chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, quả thật là đạo trọng yếu để thoát khổ trong hết thảy sự tu trì của chúng sanh. Do pháp này cậy vào Phật từ lực, nên lợi ích so với những pháp chuyên cậy vào tự lực sẽ khác biệt vời vợi một trời, một vực! Vì vậy, kẻ sắp đọa A Tỳ do mười niệm liền được vãng sanh, bậc đã chứng Đăng Giác phát ra mười nguyện để hồi hướng Tịnh Độ.

Do vậy biết: Pháp môn này chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bởi đó, từ hội Hoa Nghiêm hướng dẫn về, từ lúc được diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, vãng thánh tiền hiền người người hướng đến, ngàn kinh muôn luận đầu đầu cũng chỉ về. (**chú thích:** Tăng Kỳ, gọi đủ là A Tăng Kỳ, là một trong hai mươi lăm con số lớn nhất của Ấn Độ. Đôi khi còn được phiên âm là A Tăng Già, A Tăng Xí Da, hay A Tăng, có nghĩa là “chẳng thể tính toán được”. Một A Tăng Kỳ là một vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu (tám chữ vạn). (*Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa duyên khởi cho Phật Giáo Tây Phương Liên Hoa Hội ở Côn Sơn*)

* Những pháp môn khác tuy cao sâu huyền diệu, nhưng phạm phu sát đất ai có thể đích thân chứng được ngay trong đời này để đạt được lợi ích thật sự? Chỉ có

tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương là có thể cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Kẻ thấp nhất đã bằng với Tứ Quả A La Hán trong Tiểu Thừa và bậc Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín trong Viên giáo. Do vậy, biết pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong các pháp môn do đức Phật đã nói ra trong cả một đời Ngài, chớ nên dùng sự tu chứng của hết thảy các pháp môn để so sánh, bàn định pháp này!

Hiện thời có rất nhiều kẻ đại thông minh, coi Tịnh Độ là Tiểu Thừa, chẳng những chính mình không tu trì, mà còn lăm cách chê bai, bài bác, phá hoại sự tu trì của người khác. Chẳng biết pháp này chính là pháp để phàm lẫn thánh cùng tu: Kẻ phàm phu do nghiệp lực sắp đọa địa ngục mà niệm danh hiệu Phật liền có thể lập tức vãng sanh. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát sắp thành Phật đạo vẫn phải dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật quả.

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao thay! Đáng thương thay, những kẻ đại thông minh chẳng những không tu trì lại còn chê bai, bài bác! May mắn thay, ngu phu ngu phụ tín nguyện trì danh được cùng với Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải chúng làm bạn lữ. Những kẻ đại thông minh kia đâu có túc phước nên chẳng ngay lập tức đọa

vào tam đồ, nhưng mong được kê vai sát cánh với ngu phu ngu phụ vẫn chẳng thể được! Huống hồ đã báng pháp này, khó khỏi bị đọa lạc! Những kẻ ấy mắc bệnh ham cao chuộng xa, nhưng thật sự chẳng biết cội nguồn của sự cao xa. Nếu họ thấy chư vị trong Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành, dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương sẽ hổ thẹn muốn chết, đâu dám coi pháp môn này là Tiểu Thừa chẳng đáng để tu trì ư? (*Án Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời Trần Huệ Cung và Tôn Huệ Giáp*)

* Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt một đời đức Phật: Tuy là phàm phu sát đất đầy dẫy Hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện niệm Phật sẽ có thể cày vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Dù là vị Bồ Tát đã chứng địa vị Đẳng Giác cao cả vẫn phải hồi hướng vãng sanh thì mới viên mãn Phật quả được!

Do vậy biết: Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn. “*Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp này thì trên sẽ chẳng có gì để viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật là pháp này thì dưới chẳng có gì để phổ độ quần manh*”⁷. Hết thầy pháp

7. Quần manh còn dịch là Quần Sanh, có nghĩa là các loài chúng sanh. Đây là tên gọi khác của Chúng Sanh. Chữ “manh” hàm nghĩa giống như cây cỏ mới

môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thấy hạnh môn không hạnh nào chẳng trở về pháp giới này, bởi đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế, được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Nhưng pháp môn này do hai đức Thế Tôn hai cõi tạo lập, đức Thích Ca nơi Ta Bà dạy rõ Tịnh Độ để đưa con người đi về cõi Cực Lạc, đức

Di Đà nơi Cực Lạc đợi lúc họ lâm chung tiếp dẫn từ Ta Bà về tới Cực Lạc. Ấy là muốn cho chúng sanh thoát được nỗi khổ sanh tử ngay trong đời này, chứng sự vui chân thường. Tâm thương xót, che chở, bảo vệ ấy dấu hết cả kiếp vẫn khó thể nói trọn.

Có kẻ bảo: “Đã là đệ tử Phật Thích Ca, hãy nên niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, cầu sanh Hoa Tạng thế giới trong cõi này”, họ chẳng biết đức Thích Ca dạy niệm A Di Đà Phật nhằm làm cho hàng phàm phu sát đất nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hồng siêu phàm nhập thánh. Chỉ có bậc Đại Sĩ đã phá vô minh chứng Pháp Thân mới thấy được Hoa Tạng thế giới của cõi này; phàm phu chỉ thấy uest độ, chẳng thấy

nảy mầm, chưa thấy được rõ ràng. Chúng sanh vừa mới phát đạo tâm, nhưng vẫn còn bị vô minh che lấp giống như cây cỏ vừa mới nảy mầm, nên mới gọi là Quần Manh.

được cỡi Thật Báo Trang Nghiêm, há nên mong tưởng quá phận!

Huống chi Tây Phương cũng nằm trong Hoa Tạng thế giới, mà trong hội Hoa Nghiêm, hết thầy các vị Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới hải đều dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật Quả. Ông là hạng người như thế nào mà dám chống đối các vị ấy?

Kể từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn Công lập Liên Xã đầu tiên, một người xướng, trăm người hòa, không ai chẳng noi theo, thỏa thích bốn hoài của Phật chỉ có mỗi một mình pháp môn này là bậc nhất! Từ đây trở đi, đời nào cũng có cao nhân, tục diệm truyền đăng⁸, rạng rỡ trong ngoài nước mãi cho đến tận hiện thời, tông phong chẳng suy sụp, nhưng Trí Giả đại sư thuộc tông Thiên Thai, Thanh Lương quốc sư thuộc tông Hiền Thủ, Khuy Cơ pháp sư thuộc tông Từ Ân, Bách Trượng thiền sư thuộc Thiền tông, Đại Trí luật sư thuộc Luật tông, không vị nào chẳng giải thích kinh, soạn luận, khuyên khắp mọi người tu trì. Những sự tích của họ đã được chép tường tận trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Do vậy biết những vị tri thức các tông Thiên, Giáo, Luật đều noi theo Hoa Tạng hải hội, nhất trí tiến hành cầu sanh Cực Lạc, huống chi kẻ căn cơ cạn

8. Tục diệm truyền đăng: Tiếp nối ánh sáng ngọn đèn, ý nói “nối tiếp, lưu truyền mỗi đạo từ đời này sang đời khác”.

mỏng đời Mạt Pháp ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Hạ, Bài ký về chuyện xây dựng đại điện của đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp tại núi Linh Nham*)

* Một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương tam thế hết thầy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, lắm kẻ muốn làm bậc cao nhân đệ nhất xưa nay bèn coi thường, hủy báng pháp này. Chúng ta nên lấy chư Phật, chư Tổ làm thầy, chớ nên lấy những hạng cao nhân ấy làm căn cứ, sẽ được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Nếu không, liễu sanh thoát tử sẽ là chuyện lâu xa lắm đấy! (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời đại sư Tế Thiện*)

* Phải biết: Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, muốn nương theo những pháp môn ấy để tu trì hòng liễu sanh thoát tử, ắt phải đạt đến địa vị “nghiệp tận, tình không” thì mới được. Nếu không, có mộng cũng mơ chẳng được! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, lại thêm chí thành khẩn thiết niệm Phật bèn có thể nương theo Phật từ lực đối nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh là đã liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Nếu chẳng nương vào pháp này, tu những pháp môn khác thì chắc

chấn khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Đời này đã gặp được pháp này mà chẳng chú ý, tương lai há thể lại được gặp pháp này để liền chú ý tu trì hay sao? Do vậy, hãy nên sớm chú ý nơi pháp này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời một cư sĩ ở Diêu Duy*)

* Pháp môn Niệm Phật cao cả thay! Do một niệm tâm tánh của chúng ta giống như hư không thường hằng bất biến. Tuy thường chẳng biến nhưng niệm niệm tùy duyên, chẳng duyên theo Phật giới sẽ duyên theo cửu giới, chẳng duyên theo tam thừa sẽ duyên theo lục đạo, chẳng duyên theo nhân thiên sẽ duyên theo tam đồ. Do duyên nhiễm - tịnh bất đồng cho nên quả báo khổ - vui rất khác. Tuy bản thể trọn chẳng biến đổi gì, nhưng Tướng - Dụng cố nhiên khác nhau một trời một vực! Ví như hư không được mặt trời chiếu thì sáng, mây mù bèn tối. Tuy bản thể của hư không chẳng do mây hay mặt trời mà tăng - giảm, nhưng tướng hiển hiện hay ẩn lấp cố nhiên có nói trọn năm cũng chẳng hết.

Do vì nghĩa này, đức Như Lai dạy khắp các chúng sanh duyên niệm nơi Phật. Vì thế, nói: “*Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa*”. Lại nói: “*Chư Phật Như Lai là thân pháp giới vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh. Do vậy, lúc tâm các ông tướng*

Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ, tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tướng sanh". Hễ duyên theo Phật giới thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Nếu duyên theo các chúng sanh giới thì tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Hiểu rõ điều này rồi mà chẳng niệm Phật thì chưa bao giờ có chuyện ấy! Một pháp Niệm Phật chính là lấy hồng danh vạn đức của Như Lai làm duyên, mà hồng danh vạn đức ấy lại chính là vô thượng giác đạo Như Lai đã chứng nơi quả địa! Do dùng Quả Địa Giác ấy làm Nhân Địa Tâm nên nhân bao trùm biển quả, quả thâu tột nguồn nhân. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; như tò vò chúc loài sâu⁹, lâu ngày sẽ hóa thành tò vò. Thành Phật ngay trong đời này, chuyển phàm thành thánh, công năng lực dụng ấy vượt trội hết thảy những pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa của đức Phật. Bởi lẽ hết thảy các pháp môn đều cậy vào tự lực đoạn Hoặc chứng Chân mới liễu thoát sanh tử; còn pháp môn Niệm Phật thì tự lực lẫn Phật lực hai thứ đều đầy đủ. Vì thế, người đã đoạn được Hoặc nghiệp bèn mau chứng Pháp Thân, người còn đầy đủ Hoặc nghiệp sẽ đời nghiệp vãng sanh!

9. Dân gian Trung Hoa khi xưa tin rằng con tò vò phải bắt những con sâu đem về bỏ vào tổ của chúng, rồi cứ nhắc nhở: "Biến thành tò vò!" thì những con sâu ấy lâu ngày sẽ biến thành tò vò chui ra. Thật ra, tò vò bắt những con sâu ấy bỏ vào tổ rồi để trứng lên đó, tò vò con nở ra sẽ ăn thịt con sâu ấy. Khi tò vò con đã đủ sức, nó sẽ khoét tổ chui ra. Do vậy, dân gian tưởng lầm sâu nở ra thành tò vò. Ở đây, Tổ mượn truyền thuyết dân gian để nói cho người đương thời dễ hiểu.

Pháp này cực kỳ bình thường, dầu là ngu phu ngu phụ cũng đạt được lợi ích, nhưng lại cực huyền diệu, tuy là Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thể vượt khỏi phạm vi pháp này. Bởi vậy, không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, lại đạt được hiệu quả nhanh chóng, thật là một pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, cố nhiên chẳng thể dùng giáo lý thông thường để biện luận được. Chúng sanh đời Mạt Pháp phước mỏng, huệ cạn, chướng dày, nghiệp sâu chẳng tu pháp này, cứ muốn cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì khó khăn muôn phần! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa cho đạo tràng niệm Phật quanh năm tại Thê Chân thường trụ*)

* Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài phạm vi của nó được, như trời che khắp, như đất nâng đều. Không một pháp nào chẳng được kiến lập từ pháp này, không một ai chẳng được pháp này un đúc. Do hết thấy các pháp Đại, Tiểu Thừa đức Như Lai đã nói trong suốt một đời đều là tùy theo căn tánh của chúng sanh mà nói, hoặc khế lý nhưng chẳng thể khế hợp khắp mọi căn cơ; hoặc khế cơ nhưng chẳng thể khế hợp chí lý (lý tột cùng) một cách triệt để. Vì thế, bản hoài xuất thế độ sanh của đức Như Lai bị khuất lấp chưa được

thông suốt, đại pháp khiến cho chúng sanh được liễu thoát ngay trong đời này còn bị ẩn kín chưa được tỏ bày. Pháp hội Hoa Nghiêm tuy đã hướng dẫn về Tây Phương, nhưng hàng Nhân, Thiên, Quyền Thừa Bồ Tát chưa được nghe. Các kinh cũng nhiều phen nói đại lược những đầu mối tốt lành, nhưng cương yếu pháp môn chưa được đặt để.

Do vậy, đức Như Lai khởi lòng Vô Duyên Từ, vận tâm Đồng Thể Bi, trong hội Phương Đẳng, đặc biệt nói ba kinh Tịnh Độ Di Đà, độ khắp ba căn, thâm trọn chín giới, xiển dương đạo mầu thành thủy thành chung của Như Lai, dạy cho chúng sanh quy mô vĩ đại “*tâm làm, tâm là*”. Cơ lẫn lý đều khế hợp, phạm lẫn thánh đều được nhờ, như thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh, như mùi hương hu không bao hàm trọn muôn hình tượng, khiến cho khắp thánh - phạm đều thành tựu đạo nghiệp trong đời hiện tại, tỏ bày thông suốt bản hoài xuất thế độ sanh của Như Lai! Nếu đức Như Lai chẳng nói pháp này thì chúng sanh đời Mạt Pháp không một ai có thể liễu thoát sanh tử ngay trong một đời này. (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Lời Tựa Ấn Tổng Ấn Quang Văn Sao Tục Biên*)

* Phật pháp rộng sâu như biển cả, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tận nguồn đáy. Chín pháp giới kia dù thánh - phạm, lợi - độn khác nhau, ai nấy đều tùy

theo khả năng của chính mình để tu tập hòng chứng nhập. Ví như Tu La, hương tượng¹⁰ và muối mòng uống nước biển cả, mỗi loài uống no bụng rồi đi. Nếu muốn một hơi hút cạn hết, trừ phi là kẻ có dung lượng bằng biển cả mới làm được. Nếu không, chỉ có thể đích thân nếm vị nước biển, chưa dễ gì thấu tận nguồn đáy được! Nhưng Phật pháp chính là pháp sẵn có trong tâm của hết thảy chúng sanh, ngoài cái tâm của chúng sanh ra, trọn chẳng có pháp nào thêm vào được vì bản thể của tâm hết thảy chúng sanh và tâm Phật chẳng hai! Nhưng do mê muội chưa ngộ, bèn khởi Hoặc tạo nghiệp, theo nghiệp chịu khổ, đến nỗi trí huệ, đức tướng sẵn có nơi cái tâm ấy bị phiền não, ác nghiệp che lấp, giống như mây phủ kín mặt trăng, chẳng thấy được tướng sáng. Tuy chẳng thấy được tướng sáng, nhưng tướng sáng của mặt trăng vẫn tự thường chẳng biến đổi, trọn chẳng bị giảm suy.

Do vậy, đức Như Lai khởi lòng Từ Vô Duyên, vận lòng Bi Đồng Thể, tùy thuận cơ nghi thuyết pháp. Tuy tùy theo căn cơ đặt ra Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, đủ mọi thứ sai khác, nhưng bản ý của

10. Hương tượng là một loài voi lớn thân có mùi thơm nồng gắt thường tỏa mùi rất hăng trong thời kỳ nó động dục. Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận, quyển 30 chép: “Trong thời kỳ ấy, hương tượng rất mạnh, tánh chất cực hung bạo, khó thể chế ngự, sức của nó mạnh bằng mười con voi thường”. Vì loài voi này rất mạnh có thể vượt sông dễ dàng, nên kinh thường dùng hình ảnh “hương tượng độ hà” (voi thơm vượt sông) để chỉ bậc đại căn đại lực có thể dũng mãnh thoát dòng sanh tử.

đức Phật không lúc nào chẳng nhằm làm cho hết thảy chúng sanh đều trái trần, hiệp giác, bỏ mê về với ngộ, thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, thành tựu Phật đạo vốn sẵn có mới thôi!

Do chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng chưa dễ gì tiêu trừ, nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ tín nguyện niệm Phật để hết thảy dù phàm hay thánh, dù ngu hay trí, đều cùng nương vào hoàng thế nguyện lực của đức Di Đà vãng sanh Tây Phương hồng khôi phục tâm tánh sẵn có, thành vô thượng Bồ Đề dễ dàng.

Từ khi Phật pháp được truyền vào Chấn Đán (Trung Hoa), hơn một ngàn tám trăm năm qua, phàm là bậc vua thánh, tôi hiền, vĩ nhân, danh sĩ, không ai chẳng tuân phụng lời Phật dạy dò mà hộ trì, lưu truyền, bởi lẽ Phật pháp tuy thuộc pháp xuất thế, nhưng tất cả đạo xử thế trong cõi đời đều được bao gồm chẳng sót. Phàm những gì Phật pháp đã nói về cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, đều chẳng khác gì với những điều thánh nhân thế gian đã nói. Thánh nhân thế gian chỉ dạy dỗ con người trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, còn đức Phật dạy rõ báo ứng thiện - ác của việc trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận và không trọn hết tình nghĩa, không trọn hết bổn phận.

Trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận thì chỉ có thể dạy bậc thượng trí; còn nếu là kẻ bảm tánh ương

bướng, kém cỏi, nếu không giả vờ làm, ắt sẽ chống trái. Nếu họ biết báo ứng thiện - ác thì muốn làm lành ắt sẽ gắng sức, muốn làm ác ắt chẳng dám làm. Đối với những pháp nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo v.v... do đức Như Lai đã nói, kẻ sâu sắc sẽ thấy là sâu sắc, kẻ nông cạn sẽ thấy là nông cạn. Dùng những pháp ấy để tu tâm sẽ có thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử. Dùng những pháp ấy để giữ yên cõi đời thì sẽ thắng được tàn bạo, bỏ được giết chóc, bỏ sự bạc ác trở thành thuần lương. Gần đây, thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cực điểm, đua nhau đề xướng cách thức mới, vứt bỏ đường lối cũ. Ngay như cả mối quan hệ cha - con, vợ - chồng họ còn muốn đập đổ, hưởng chi những mối quan hệ nhỏ hơn ư?

Vì thế, thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Những người có tâm lo cho thế đạo, nhân tâm, muốn cứu vãn, đều khuyên khắp mọi người nghiên cứu Phật học, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, từ một truyền mười, từ mười truyền trăm, cho đến ngàn, đến vạn, không ai chẳng ngả theo chiều gió, mong sao thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Đây quả thật là pháp luân căn bản để dứt đời loạn, vãn hồi vận nguy, uốn nắn thế đạo lòng người vậy. Đang trong thời này, nếu chẳng dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để dạy dỗ, dù thánh hiền

đều cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng biết phải làm như thế nào! Nếu chẳng lấy “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương” đề tu, dẫu là kẻ thiên tư cao thượng, cũng khó lòng đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Học Phật Thiên Thuyết*)

* Đức Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi sáu nẻo trải nhiều kiếp lâu xa không thể thoát ra. Do vậy, khởi lòng Vô Duyên Từ, vận dụng lòng Đồng Thể Bi, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi rộng giảng các pháp. Nói bao quát đại cương thì gồm có năm tông, năm tông là như thế nào? Chính là Luật, Giáo, Thiên, Mật và Tịnh.

Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Thiên là Phật tâm. Phật sở dĩ thành Phật chỉ do ba pháp này, Phật sở dĩ độ sanh cũng chỉ có ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương theo Luật, Giáo, Thiên của Phật đề tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn. Lại sợ kẻ tức nghiệp sâu nặng ắt chẳng dễ chuyển, nên dùng sức gia trì Đà La Ni tam mật¹¹ để un đúc. Như tò vò bảo con nhộng: “Giống ta, giống ta”, bảy ngày sau sẽ biến

11. Tam Mật là thân mật, khẩu mật, tâm mật.

thành tò vò.

Lại sợ kẻ căn khí kém hèn, chưa được giải thoát, hễ thọ sanh lần nữa, khó tránh khỏi mê mất; do vậy, đặc biệt mở ra một môn “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ” để dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này được vãng sanh Tây Phương. Thánh sẽ mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, phàm thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử buộc ràng. Do cậy vào Phật từ lực, nên công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Phải biết: Luật chính là nền tảng của Giáo, Thiên, Mật, Tịnh. Nếu chẳng nghiêm trì cấm giới sẽ chẳng thể đạt được lợi ích thật sự nơi Giáo, Thiên, Mật, Tịnh. Giống như xây lâu cao vạm trượng nếu nền móng không vững thì chưa xây xong đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Thiên, Mật, như trăm sông vạn dòng đều đổ vào biển cả. Bởi lẽ, pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn “*trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thủy, thành chung*” của mười phương tam thế chư Phật. Vì vậy, trong phẩm Nhập Pháp Giới của Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài được Phổ Hiền Bồ Tát gia bị, khai thị, đã chứng Đẳng Giác, Ngài Phổ Hiền bèn dạy phát mười đại nguyện vương, hồi hướng Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới để mong viên thành Phật Quả, lại dùng mười nguyện ấy khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh, đầu là kẻ Ngũ Nghịch

Thập Ác sắp đọa A Tỳ địa ngục, được thiện tri thức dạy cho niệm Phật hoặc niệm mười tiếng, hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền mạng chung, cũng được đức Phật tiếp dẫn Vãng Sanh Tây Phương.

Xem đó thì trên từ Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể ra ngoài pháp này; dưới đến tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể vào trong pháp này. Công đức lợi ích ấy vượt trội hết thảy các pháp khác trong giáo pháp cả một đời đức Phật, bởi những giáo pháp trong cả một đời Ngài đều cậy vào tự lực để thoát sanh tử; còn pháp môn Tịnh Độ, kể chưa đoạn Hoặc, cậy vào Phật từ lực, liền có thể đởi nghiệp Vãng Sanh. Người đã đoạn Hoặc cậy vào Phật từ lực bèn mau chứng lên bậc Địa Thượng Bồ Tát. Đây chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp cả một đời đức Phật, chẳng thể dùng những giáo pháp theo đường lối thông thường để bàn luận được. Vì thế, các Kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v... các vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền v.v..., các đại Tổ sư như Mã Minh, Long Thọ v.v... thấy đều xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy, khuyên khắp chúng sanh Vãng Sanh. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư tuyên ngôn kết xã niệm Phật của chùa Thanh Liên ở Lô Sơn*)

* Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô

Lượng Thọ Phật, những kinh này được gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh, chuyên giảng về duyên khởi, sự lý Tịnh Độ. Những kinh Đại Thừa khác đều nói kèm Tịnh Độ, nhưng kinh Hoa Nghiêm là lúc Như Lai mới thành Chánh Giác đã vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ xứng tánh giảng thẳng vào diệu pháp Nhất Thừa. Cuối cùng, Thiện Tài đồng tử tham học khắp các thiện tri thức, sau khi đã chứng ngang với chư Phật, bèn được Phổ Hiền Bồ Tát dạy cho mười đại nguyện vương, khiến cho Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả.

Trong Quán Kinh, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh, hạng người Ngũ Nghịch Thập Ác làm đủ mọi chuyện bất thiện, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy niệm Phật. Người ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đủ mười tiếng liền thấy hóa Phật xòe tay, tiếp dẫn vãng sanh.

Kinh Đại Tập chép: *“Đời Mạt Pháp ực ực người tu hành, hiếm có một kẻ đắc đạo, chỉ có niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử!”* Do vậy, biết một pháp Niệm Phật chính là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu, là hạnh chung để hành của mọi người dù ngu hay trí, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Do chuyên cậy vào Phật lực, nên lợi ích thù thắng, là đạo pháp siêu việt đường lối thông thường.

Người xưa nói: “Học đạo nơi các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như cặng buồm xuôi gió, thuận nước”, có thể gọi là khéo hình dung nhất! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền)

* Trong những kiếp xưa, đức Thích Ca, đức Di Đà từng phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Một vị thị hiện sanh nơi uế độ, dùng cái uế, dùng điều khổ để chiết phục, đưa đi; một vị an cư Tịnh Độ, lấy tịnh, lấy lạc để nhiếp thọ, hòng nhào luyện chúng sanh. Ông chỉ biết ngu phu, ngu phụ vẫn có thể niệm Phật nên đến nỗi miệt thị Tịnh Độ, sao chẳng xét suy: Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi ngài Thiện Tài đã chứng ngộ gần bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngỏ hầu viên mãn Phật quả. Lại còn khuyên dạy khắp Hoa Tạng hải chúng¹² đó ư? Trong toàn thể Hoa Tạng

12. Biển Hoa Tạng tức Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải (Kusuma-tala Garbha Vyūhā Kāra Lokadhātu Samudra), dịch đủ nghĩa là Liên Hoa Xuất Sanh Thế Giới, hoặc Diệu Hoa Bồ Địa Thai Tạng Trang Nghiêm Thế Giới, Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, Thập Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, hoặc chỉ gọi gọn là Hoa Tạng Giới hoặc Thập Hoa Tạng. Đây là thế giới thanh tịnh trang nghiêm do đức Tỳ Lô Giá Na Phật khi tu nhân phát nguyện cảm thành. Thế giới này do Tu-di sơn vi trần số phong luân nâng giữ. Trên tầng phong luân cao nhất có một biển nước thơm. Trong ấy có một hoa sen lớn, tên là Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng. Hoa Tạng Thế Giới nằm chính giữa hoa sen ấy, vây quanh bằng Kim Cang Luân Vi Sơn. Đất trong đó do Kim Cang tạo thành, kiên cố không hư hoại, thanh tịnh bằng phẳng,

hải chúng, chẳng có một ai là phàm phu, Nhị Thừa, mà đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi một địa vị cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể nương vào bốn nguyện luân hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng có vô lượng Tịnh Độ, nhưng các ngài đều hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì đủ biết: Vãng Sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để thành Phật. Vì vậy, tự cổ chí kim, trong tất cả tông lâm dù Thiền hay Giáo, hay Luật, không nơi nào chẳng sớm tối trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

* Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài, toàn thể Sự chính là Lý, toàn thể Tu chính là Tánh, hạnh cực

có thế giới hải vi trần số sự trang nghiêm. Trong ấy lại có vi trần số biển nước thom, mỗi biển rộng bằng bốn thiên hạ và có vi trần số con sông nước thom. Đất hai bờ sông ấy đều bằng diệu bảo trang nghiêm, xếp đặt khéo léo như lưới Thiên Đê. Trong mỗi một biển nước thom lại có bất khả thuyết vi trần số thế giới chung, mỗi một thế giới chung lại gồm bất khả thuyết vi trần số thế giới. Biển nước thom chính giữa Hoa Tạng thế giới, có tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang. Giữa biển ấy mọc lên một hoa sen, thế giới chung trong hoa sen ấy tên là Phổ Chiếu Thập Phương. Trong đó có hai mươi thứ bất khả thuyết vi trần số thế giới xếp vòng quanh. Đức Phật xuất hiện trong thế giới này. Sách Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương giảng thêm: Cứ mười cảnh giới Phật gọi chung là một quốc độ hải hay thế giới hải. Thế giới hải chính là các thế giới thuộc phạm vi nhiếp hóa của mười đức Phật v.v... Nói chung, cảnh giới Hoa Nghiêm Thế Giới Hải rất phức tạp, rộng lớn, hầu như không thể nào hình dung được nổi! Cảnh giới đã rộng lớn như thế thì dĩ nhiên thánh chúng trong ấy vô lượng vô biên không thể tính đếm được, cho nên dùng chữ “*hải chúng*” (chúng nhiều như biển) để tạm hình dung.

bình thường, lợi ích cực thù thắng. Ấy là vì dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, nên được nhân trùm biển quả, quả tốt nguồn nhân. Hết thấy pháp môn không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thấy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong ấy. Thông nhiếp các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, xuyên suốt các giáo Quyền, Thật, Đốn, Tiệm. Trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, riêng một pháp môn này là đặc biệt. Chớ nên dùng giáo nghĩa theo đường lối thông thường để phân định nhân quả tu chứng của pháp này.

Xưa nay có nhiều kẻ thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm, nhưng chẳng sanh lòng tin tưởng đối với pháp môn này vì chấp chặt vào giáo nghĩa “cậy vào tự lực” của đường lối thông thường để luận định nhân quả đặc biệt “cậy vào Phật lực” mà nên nổi! Nếu họ biết nghĩa này thì tấm lòng tin tưởng, tu trì ngay đến cả đức Phật cũng chẳng thể ngăn trở được, vì pháp môn này chính là pháp môn tông trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bởi thế, pháp này được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Xét đến chỗ phát khởi pháp này thì quả thật từ cuối

hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến chỗ Phổ Hiền Bồ Tát được oai thần của đức Phổ Hiền gia bị, sở chứng bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, trở thành Đẳng Giác Bồ Tát. Phổ Hiền bèn xung tán công đức thù thắng nhiệm màu của Như Lai, khuyến khích, cổ vũ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả. Do Hoa Tạng hải chúng đều là các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Do các vị ấy đã đi trọn khắp các cõi Phật số nhiều như vi trần, nên thế nguyện Di Đà, cảnh duyên Cực Lạc, nhân quả vãng sanh, mỗi mỗi đều hiểu rõ, không cần phải nói nữa. Nhưng trong hội Hoa Nghiêm, trọn chẳng có ai là phạm phu Nhị Thừa và Quyền Vị Bồ Tát¹³; vì vậy, tuy hồng dương lớn lao pháp này, nhưng phạm phu, tiểu căn không cách chi vãng nhận được!

13. Quyền Vị Bồ Tát là những vị Bồ Tát chứng ngộ giáo pháp thuộc Quyền Đại Thừa. Gọi là Quyền Đại Thừa (hay Đại Thừa Quyền Giáo, hoặc Quyền Giáo Đại Thừa) vì những giáo pháp ấy do phương tiện quyền xảo (quyền biến, khéo léo) của chư Phật lập ra nhằm tùy thuận căn cơ, hồng khơi gợi, dẫn dắt căn cơ từ Tiểu Thừa hướng đến Đại Thừa, chứ chưa phải là giáo pháp Đại Thừa thật sự (Thật Đại Thừa), hoặc chưa phải là giáo pháp Nhất Thừa tối hậu.

Đến hội Phương Đẳng, đức Phật vì khắp hết thầy trời, người, phàm, thánh, **nói kinh Vô Lượng Thọ**, chỉ rõ nhân hạnh quả đức xưa kia của A Di Đà Phật, cảnh duyên Cực Lạc đủ mọi thứ thù thắng, nhiệm màu, nhân quả, phẩm vị tu chứng của hành nhân. Kinh này chính là chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vậy. Tuy được nói trong thời Phương Đẳng, nhưng giáo nghĩa quả thật thuộc thời Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ hạn cuộc nơi Pháp Thân đại sĩ, nhưng kinh này nhiếp trọn khắp thánh - phàm trong chín giới. Dầu dùng thời Hoa Nghiêm để luận thì kinh này vẫn là đặc biệt, huống là các thời khác ư? Nếu đức Như Lai chẳng mở ra pháp này, chúng sanh đời Mạt không một ai có thể liễu sanh tử! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bài Ca Tụng Kinh Vô Lượng Thọ*)

* Pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, bình đẳng nhiếp thọ phàm lẫn thánh. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài, dưới là tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Dạy dỗ không phân biệt, hễ ai sanh lòng chánh tín đều được lợi ích thật sự, hoàn thành ngay trong đời này. Kẻ trọn đủ Phiền Hoặc vẫn dự vào dòng thánh. Dường như biển cả dung nạp khắp trăm sông, như thái hư chứa khắp muôn hình

tượng. Nếu đức Như Lai chẳng lập ra pháp này thì chúng sanh đời Mạt ai có thể đoạn Phiền Hoặc để liễu sanh tử, thoát Ngũ Trược, vượt khỏi tam giới?

Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải nương vào đạo lực Giới - Định - Huệ để đoạn Phiền Hoặc tham - sân - si. Nếu đạt đến mức có sức Định Huệ sâu, đoạn sạch được Phiền Hoặc thì mới có phần liễu sanh tử! Nếu chưa thể đoạn sạch Phiền Hoặc, dẫu cho anh có đại trí huệ, có đại biện tài, có đại thần thông, biết được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn đến liền đến, vẫn chẳng thể liễu thoát được; huống chi những kẻ kém cõi hơn ư? Cây vào tự lực để liễu sanh tử sẽ khó lắm, thật khó như lên trời vậy!

Nếu nương theo pháp môn Niệm Phật, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận “xuất gia hay tại gia, sĩ, nông, công, thương, già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, hiền, ngu”, chỉ cần nương theo giáo pháp tu trì, đều có thể nương vào Phật từ lực đối nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì Định - Huệ chẳng mong được mà tự được, Phiền Hoặc chẳng mong đoạn mà tự đoạn. Thân cận Di Đà, thánh chúng, vầy vùng nơi đất vàng, ao báu. Nương theo duyên thù thắng ấy để trợ thành đạo nghiệp, khiến cho những người đối nghiệp vãng sanh sẽ lên thẳng địa vị Bất Thoái, những vị đã đoạn được Hoặc vãng sanh sẽ mau chứng Vô Sanh.

Đấy toàn là cậy vào đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật và sức tín nguyện niệm Phật của chính người ấy cảm ứng đạo giao mà được lợi ích lớn lao ấy; so với kẻ chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác biệt vời vợi như trời với đất.

Thường có kẻ ngu cam phận kém hèn, chẳng dám gánh vác. Cũng có kẻ học đạo tự xưng là Đại Thừa, nghĩ pháp này chẳng xứng để tu tập. Nếu biết kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, được bạn lành dạy Niệm Phật, chưa đủ mười tiếng đã được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương thì kẻ cam phận kém hèn sẽ dấy lòng tu trì. Kinh Hoa Nghiêm là vua cả Tam Tạng, trong chỗ quy tông cuối cùng của bộ kinh ấy, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương, để mong viên mãn Phật Quả. Sao lại dám coi pháp môn này là Tiểu Thừa?

Huống chi Thiện Tài đã chứng Đăng Giác, hải hội thánh chúng đều chứng Pháp Thân, các vị ấy còn cầu sanh, ta là hạng người nào mà nghĩ pháp này chẳng xứng để tu tập? (Liên Trì đại sư nói: “*Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là bản lãnh của bậc đại đức, đại phước, đại trí, đại huệ, đại thánh, đại hiền, chuyển Sa Bà thành Tịnh Độ, chẳng giống với nhân duyên nhỏ nhặt*”, người biên tập kính cẩn ghi chú). Chẳng những

dựng cao tràng kiêu mạn mà còn là hủy báng kinh Hoa Nghiêm! Muốn phô trương hư danh Đại Thừa, đích thân tạo cái họa báng pháp cùng cực vậy!

Nếu kẻ ấy một hơi thở ra không hít vào được nữa, cảnh giới Hoa Tạng thế giới chẳng thể nghĩ bàn vốn thường mong mỗi đều biến thành cảnh khổ A Tỳ địa ngục, chịu đựng đầy áp những hình phạt để đền cái lỗi thuyết pháp trái nghịch kinh điển, tự lầm, lầm người. Đến khi nghiệp báo sắp mãn, mới tỉnh ngộ, liền phát tâm niệm Phật, liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khổ thay! May mắn thay! Nguyện những ai học Đại Thừa đều đừng ghé vào Hoa Tạng hải hội thì tự lợi, lợi người cũng lớn lắm.

Phàm những ai tu pháp môn Niệm Phật thì phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, khuyến khích những người cùng hàng cầu sanh Cực Lạc. Nếu làm được như thế thì “*vạn người tu, vạn người đến*”, quyết chẳng sót một ai! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Niệm Phật Khẩn Trì*)

* Thánh giáo của Như Lai có vô lượng pháp môn, tùy ý nương theo một pháp môn nào dùng Bồ Đề tâm tu trì đều có thể liễu sanh tử, thành Phật đạo; nhưng trong khi còn tu, chưa chứng, sẽ có sự khó - dễ, nhanh - chậm

khác biệt lớn lao! Tìm lấy một pháp chí viên, chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, khế lý, khế cơ, vừa là tu, vừa là tánh, thích hợp khắp cả ba căn, thâm nhiếp trọn vẹn độn căn lẫn lợi căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiên, Mật, là con đường tắt cho người, trời, phàm, thánh chứng Chân thì không gì bằng một pháp “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương”!

Ấy là vì hết thầy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật lại kiêm nhờ Phật lực. Cậy vào tự lực thì nếu chưa đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể vượt khỏi tam giới. Cậy vào Phật lực, nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Con người hiện thời muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này thì trọn chẳng còn hy vọng gì hết!

Phải biết: Pháp môn Tịnh Độ pháp pháp viên thông. Như vàng mặt trăng sáng ngời giữa trời, dòng sông nào cũng đều hiện bóng, thủy ngân rót xuống đất, giọt nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì những chuyện như cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thế, yên dân, giữ cho nước nhà yên ổn, đều có lợi ích lớn lao thần diệu; mà ngay cả “sĩ, nông, công, thương” muốn phát triển sự nghiệp, “già, trẻ, nam, nữ” muốn tiêu diệt tật bệnh, khổ não, không ai chẳng “hễ cảm liền ứng, vừa lòng, mãn nguyện”. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho niên san của Phật Giáo Tịnh*

Nghiệp Xã tại Vô Tích)

* Pháp môn cậy vào tự lực để liễu sanh tử tuy cao sâu, huyền diệu, nhưng muốn nhờ vào đấy để liễu sanh tử thì lại chẳng biết cần phải trải qua bao nhiêu kiếp số! Nếu ước theo Viên Giáo của Đại Thừa để luận, địa vị Ngũ Phẩm vẫn chưa thể đoạn được Kiến Hoặc, địa vị Sơ Tín mới đoạn được Kiến Hoặc, mới có thể vĩnh viễn không còn sợ tạo ác nghiệp, đọa ác đạo! Nhưng cần phải tán tu dần dần, đã chứng được Thất Tín thì mới liễu sanh tử. Sơ Tín thần thông đạo lực đã chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vẫn phải đạt đến địa vị Thất Tín thì mới liễu sanh tử. Chuyện liễu sanh tử há dễ dàng ư?

Ước theo Tạng Giáo của Tiểu Thừa để luận, đoạn Kiến Hoặc liền chứng Sơ Quả, tùy ý chẳng còn làm chuyện phạm giới. Nếu chẳng xuất gia cũng sẽ cưới vợ sanh con. Nếu dùng oai thế bức hiếp, bắt buộc họ phạm tà dâm, tà chịu bỏ mạng, quyết chẳng chịu phạm giới. Sơ Quả chỉ tiến chứ không lùi, nhưng người chưa chứng Sơ Quả thì không nhất định. Đời này tu trì cực tốt, đời sau tạo đại ác nghiệp! Cũng có người nửa đời đầu thì tốt, nửa đời sau lại xấu xa. Sơ Quả còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lượt sanh trong nhân gian mới chứng được Tứ Quả. Tuổi thọ cõi trời thật dài, chẳng thể dùng năm tháng để luận. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó khăn như thế đó! Pháp môn Niệm Phật chính là pháp

môn đặc biệt trong Phật pháp. Nương theo Phật từ lực có thể đời nghiệp vãng sanh (Ước theo cõi này, vẫn chưa đoạn Hoặc nghiệp nên gọi là “đời nghiệp”. Nếu sanh về Tây Phương thì không có nghiệp để được, chứ không phải là mang theo nghiệp đến Tây Phương). Bất luận công phu sâu hay cạn, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành xưng niệm, không một ai chẳng vãng sanh! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ngô Tư Khiêm*)

* Phật pháp là tâm pháp. Tâm pháp ấy chúng sanh, Phật, phàm, thánh, ai nấy đều có. Chúng sanh thì toàn thể là mê trái nên dầu có vẫn như không. Phật thì triệt ngộ, triệt chứng, đích thân được thọ dụng, lại còn dấy lòng đại từ bi, đem sở ngộ sở chứng của chính mình chỉ dạy hết thấy chúng sanh, ngộ hầu họ đều triệt ngộ, triệt chứng mới thôi! Nhưng vì chúng sanh mê muội, trái nghịch đã lâu, dù nghe đủ mọi pháp môn đối trị, nhưng bởi Hoặc nghiệp sâu dày, phước huệ cạn mỏng nên khó lòng đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này. Do đã khó thể đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này nên lại phải thọ sanh, quá nửa bị mê mất, đến nỗi trải qua kiếp lâu xa luân hồi sanh tử, không thể do đâu thoát lìa được! Đức Như Lai thương xót, đặc biệt mở ra pháp môn “*tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương*” ngộ hầu hết thấy dù thánh hay phàm, thượng,

trung, hạ căn đều nương vào đại bi nguyện lực của đức Phật Di Đà, cùng trong đời này thoát cõi Sa Bà đây, sanh về cõi Cực Lạc kia, khiến cho kẻ đã đoạn Hoặc mau chứng Vô Sanh, kẻ chưa đoạn Hoặc cũng đạt lên Bất Thoái.

Pháp này vừa cạn vừa sâu, vừa là Quyền, vừa là Thật, bậc thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi cửa thành này. Vì thế, bậc đã chứng Đẳng Giác còn phải dùng mười nguyện dẫn về. Kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cõi này. Do vậy, kẻ sắp đọa địa ngục A Tỳ vẫn có thể dự vào chín phẩm. Thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai, là đạo thông đạt để chúng sanh thoát khổ. Vì thế, các vị Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ... các vị Tổ sư như Viên Công, Trí Giả, Thanh Lương,

Vĩnh Minh... đều cùng hiện tướng lưỡi rộng dài để tán dương, phát tâm Kim Cang để lưu truyền rộng khắp; bởi pháp này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư

Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh vậy (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, lời tựa trình bày duyên khởi của Đôn Luân Liên Xã*)

* Đức Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong cõi đời. Gọi là “đại sự” là vì muốn cho hết

thấy chúng sanh đều khai - thị - ngộ - nhập tri kiến Phật, ai nấy đều được thành Phật mới thôi. Do chúng sanh căn tánh lớn - nhỏ khác biệt, nên pháp môn của đức Như Lai có Quyền - Thật bất đồng. Vì vậy, tâm phổ độ chúng sanh của Như Lai chưa được thỏa mãn lớn lao.

Bởi thế, Ngài đặc biệt mở ra một pháp “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương” để dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này thoát khỏi cõi khổ này, sanh sang nước vui sướng kia. Bậc thượng căn sẽ mau chứng Pháp Thân, kẻ căn cơ trung - hạ cũng đều cùng lên Bất Thoái, khiến cho chúng sanh cùng thoát sanh tử, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai. Lợi ích ấy chẳng thể diễn tả được! (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký ghi duyên khởi sáng lập chùa Pháp Vân bên sông Tam Xoa tại Nam Kinh*)

* Ta Bà là cõi khổ sở cùng cực, vì thế cõi này thuộc về quán trọ trên đường lữ thứ. An Dưỡng là chốn vui sướng tốt bậc, vốn là quê nhà sẵn có. Nhưng do chúng sanh mê muội chưa ngộ, bèn cứ khăng khăng coi quán trọ là quê nhà, chẳng biết có trụ xứ thanh tịnh an ổn tốt bậc do cha ông đã tạo dựng. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, luân hồi trong sáu nẻo, chìm đắm trong tam đồ từ kiếp này sang kiếp khác, không cách nào thoát ra.

Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh

trong thế gian, tùy thuận căn cơ thuyết pháp để các chúng sanh bỏ mê về với ngộ, theo đường về nhà. Do chúng sanh căn cơ chẳng phải chỉ có một, nên mỗi pháp đức Như Lai nói ra đều khác biệt. Nhưng các pháp ấy đều phải cật vào tự lực, chỉ bậc thượng căn cao nhất mới có thể hoàn thành được ngay trong đời này. Nếu là kẻ kém hơn thì sẽ hai đời, ba đời mới giải quyết xong. Những kẻ trải kiếp dài lâu vẫn chưa thể giải quyết xong vẫn chiếm đa số! Lòng Như Lai phổ độ chúng sanh chan chứa nhưng chưa thỏa mãn được; do vậy, bèn đặc biệt mở ra một pháp “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương” để thượng thánh hạ phàm đều cùng trong đời này thoát cõi Ta Bà đây lên cõi An Dưỡng kia. Bậc thánh sẽ mau thành Phật đạo, kẻ phàm cũng sẽ dần dần chứng được Bồ Đề. Phổ độ chúng sanh cô đơn, quanh quẽ, không nơi nương tựa, thỏa thích lớn lao bồn hoai xuất thế của đức Như Lai. Trên là Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, dưới là tội nhân Ngũ Nghịch, Thập Ác cực nặng đều là căn cơ được thâm nhiếp bởi pháp này. Chúng ta trên chẳng bằng được các vị như Văn Thù v.v... dưới chưa đến nỗi giống như hàng Ngũ Nghịch, Thập Ác, há lẽ đâu chẳng mạnh mẽ phát ra đại chí ngỏ hầu vượt ngang ra khỏi tam giới ư?

Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, tuy có môn đình Thiên, Giáo, Luật, Mật, Tịnh bất đồng, nhưng không một môn nào chẳng lấy vắng sanh Tịnh

Độ làm chỗ quy túc! Núi Thiên Thai là đạo tràng của Trí Giả đại sư. Đại sư dùng Ngũ Thời Bát Giáo¹⁴ để phán thích¹⁵ giáo pháp cả một đời đức Như Lai, nhưng vẫn chú trọng nơi một môn Tịnh Độ. Tuy chưa thấy được phần kinh văn quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm nhưng đã lập pháp ngầm hợp, đủ thấy Phật và Tổ vốn thờ cùng một lỗ mũi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai sáng lập ba viện dưỡng lão, dưỡng bệnh và trợ niệm*)

* Hết thấy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong một đời Ngài đều nhằm dạy chúng sanh tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, hiểu rõ sanh tử huyễn vọng, chứng tâm tánh chân thường. Nhưng chúng sanh căn tánh có lợi - độn, Hoặc (phiền não) có dày - mỏng. Kẻ căn tánh nhạy bén, Phiền Hoặc mỏng nhẹ thì sẽ có thể liễu sanh tử ngay trong đời này hay trong hai ba bốn năm đời sẽ liễu sanh tử. Kẻ căn độn, Phiền Hoặc dày thì mười trăm ngàn vạn đời hay mười trăm ngàn vạn kiếp vẫn chẳng thể liễu được! Đây là luận trên sự tu trì theo giáo lý thông thường, cấy vào sức tu Giới - Định -

14. Ngũ Thời: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa - Niết Bàn. Bát Giáo: Tám loại giáo hóa, gồm Hóa Nghi Tứ Giáo (bốn phương thức dùng để giáo hóa) gồm: Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định và Hóa Pháp Tứ Giáo (bốn nội dung giáo hóa) gồm Tạng, Thông, Biệt, Viên.

15. Phán thích: Phán định, giải thích.

Huệ của chính mình để đoạn sạch tham - sân - si phiền hoặc, khó khăn cũng dường như lên trời! Mặc cho anh kiến địa cao siêu, công phu sâu đậm, công đức to tát, trí huệ lớn lao; nếu Kiến Tư Hoặc trong tam giới chưa hết, quyết chẳng thể vượt ra ngoài tam giới để liễu sanh tử được!

Chỉ có pháp môn Niệm Phật là hoàn toàn cậy vào nguyện lực đại từ bi của A Di Đà Phật. Nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận lợi căn hay độn căn, Phiền Hoặc dày hay mỏng đều có thể ngay trong đời này vào lúc lâm chung được nương theo Phật từ lực đích thân rủ lòng tiếp dẫn mà vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh rồi, Kiến Tư phiền não chẳng đoạn mà tự đoạn, bởi cảnh duyên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng, mỗi mỗi đều có thể tăng trưởng công đức, trí huệ của con người, trọn chẳng khiến cho con người dấy lên tham - sân - si. Đây chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, chẳng thể dùng những giáo lý theo đường lối thông thường để luận định pháp môn Tịnh Độ được!

Trong cõi đời có những kẻ thông hiểu Tông - Giáo sâu xa, nhưng chẳng tin vào pháp môn Tịnh Độ, ấy là vì đã dùng giáo lý theo đường lối thông thường để luận định pháp môn đặc biệt. Nếu họ biết đây là pháp môn

đặc biệt thì sẽ tự hành, dạy người, nào dám chống trái!
(Hoằng Hóa Nguyệt San kỳ thứ ba - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển thứ tư, Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh)

* Hết thảy các pháp Đại Thừa, Tiểu Thừa do đức Thế Tôn đã nói trong cả một đời Ngài đều cậy vào tự lực, cho nên khó khăn; chỉ có một pháp này hoàn toàn cậy vào sức từ bi thế nguyện nhiếp thọ của A Di Đà Phật và sức tín nguyện thành khẩn ức niệm của hành nhân nên được cảm ứng đạo giao, giải quyết xong xuôi ngay trong một đời này. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán)*

* Đến khi chúng sanh căn cơ phù hợp đã hết, sự ứng hiện của Như Lai phải thôi dứt, nhưng lòng đại bi lợi sanh trọn chẳng cùng tận. Do vậy, các đại đệ tử phân chia lưu truyền xá-lợi, kết tập Kinh Tạng hòng lưu thông khắp pháp giới, để tất cả đều được thấm nhuần pháp. Đến thời Đông Hán, đại giáo mới bắt đầu truyền sang Trung Hoa; nhưng do phong khí chưa được mở mang nên chỉ lưu truyền ở phương Bắc. Đến năm Xích Ô thứ tư (241) đời Tôn Ngô, tôn giả Khang Tăng Hội

khai hóa ở Kiến Nghiệp¹⁶, được xá-lợi của Như Lai giảng lâm, khiến Tôn Quyền hết sức tín ngưỡng, bèn dựng chùa xây tháp để hoàng dương pháp hóa. Pháp được lưu truyền ở phương Nam từ đó. Đến đời Tấn, pháp được truyền khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Miến Điện, An Nam, Tây Tạng, Mông Cổ. Từ đây trở đi, ngày càng hưng thịnh.

Đến đời Đường có đủ các tông, có thể nói là cực thịnh. Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân hoàng Giáo, Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn hoàng Tông, Nam Sơn nghiêm tịnh Tỳ Ni (Luật), Liên Tông chuyên tu Tịnh Độ. Như những chức vụ thuộc các ty sở của các bộ, như công dụng của sáu căn giúp đỡ lẫn nhau. Ấy là vì Giáo là Phật ngữ, Tông là Phật tâm, Luật là Phật hạnh. Ba thứ tâm, ngữ, hạnh quyết khó thể tách rời, ước theo chỗ chuyên chú mà lập ra những danh hiệu ấy. Chỉ có mình pháp Tịnh Độ thoát đầu là phương tiện để phàm phu nhập đạo, chứ thật ra là chỗ quy túc rốt ráo của các tông. Vì thế, kẻ sắp đọa A Tỳ còn được dự vào phẩm cuối, bậc chứng bằng với chư Phật vẫn mong vắng sanh.

Khi Như Lai tại thế, ngàn căn cơ đều được dưỡng dục, vạn phái châu về; đức Phật diệt độ rồi, bậc hoàng

16. Kiến Nghiệp chính là Kim Lăng (Nam Kinh) ngày nay. Cái tên Kiến Nghiệp đã có từ thời Hán Hiến Đế (181-234); trước đó, đất này được gọi là Kim Lăng dưới thời Sở Oai Vương, Tần Thủy Hoàng đổi thành Mạt Lăng, Hán Hiến Đế đổi tên thành Kiến Nghiệp.

pháp đại sĩ mỗi vị hoàng dương một tông, để mong thâm nhập một môn thì các pháp đều thông. Ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế, mỗi một hạt châu chẳng lẫn vào nhau, nhưng một châu lại nhập vào trong khắp ngàn hạt châu, ngàn hạt châu được nhiếp trong một hạt châu, hòa lẫn vào nhau nhưng chẳng xen tạp, riêng biệt nhưng chẳng tách rời. Kể câu nệ hình tích cho là hết thảy pháp, mỗi pháp đều khác biệt. Người khéo hiểu, thấy hết thảy pháp, pháp nào pháp nấy viên thông. Như bốn cửa thành, gần cửa nào bèn vào bằng cửa đó; cửa tuy bất đồng, nhưng vào trong thành rồi chẳng khác gì nhau. Nếu biết ý này thì há phải đâu chỉ có những lý chắc thật rất sâu do chư Phật, chư Tổ đã nói mới là pháp để quy chân, đạt gốc minh tâm kiến tánh? Khắp cả thế gian, hết thảy Âm, Nhập, Xứ, Giới, Đại v.v... mỗi mỗi đều là pháp để quy chân đạt gốc minh tâm kiến tánh. Đã thế, mỗi mỗi đều là Chân, là Gốc, là Tâm, là Tánh. Vì vậy, kinh Lăng Nghiêm coi Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh (Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh bao gồm, dưỡng dục chúng sanh, Phật, bao quát Có, Không, thế gian, xuất thế gian, không một pháp nào vượt ra ngoài được, nhưng chẳng ở trong ấy. Xin xem lời giải thích trong bức thư gửi cho sư Hải Thu trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Do vậy, nói “không một

pháp nào chẳng phải là Phật pháp, cũng như không một ai chẳng phải là Phật". Hiềm rằng chúng sanh châu trong chéo áo trọn chẳng biết hay; ôm của báu đi ăn xin, chịu nghèo khổ oan uổng, dùng tâm Như Lai tạo nghiệp chúng sanh, dùng pháp giải thoát để chịu khổ luân hồi, chẳng đáng buồn ư? Vì vậy, bậc hoằng pháp Đại Sĩ chẳng nề khổ sở, dùng đủ mọi phương tiện chỉ bày, hướng dẫn, khiến cho họ hiểu chắc thật sự lý nhân quả của mười pháp giới, triệt ngộ tự tánh của cái tâm để rút ráo viên chúng. Từ Đường tới Tống, sang Nguyên, sang Minh rồi đến Thanh, trọn một ngàn năm, thanh giáo chẳng suy. Tuy chẳng hưng thịnh bằng đời Đường, vẫn có thể nói là chỉ kém hơn đôi chút. Từ thời Hàm Phong - Đồng Trị trở đi, chiến tranh liên miên, đói kém liên tiếp, cao nhân ngày càng hiếm hoi, kẻ tầm thường ngày càng đông đảo, quốc gia chẳng rảnh rang để đề xướng, tăng lữ không có sức chấn hưng. Do vậy, những vị cao nhân tại gia vì chưa từng nghiên cứu, lầm lạc học theo thói cũ của họ Âu, họ Hàn, khiến cho Phật pháp suy bại sát đất.

Đến cuối đời Thanh, học giới mở rộng, những người thiên tư cao đều xem đọc Kinh Phật, mới biết cái gốc đạo là đây, bèn đều lắng lòng nghiên cứu. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Duyên khởi của Phật Học Biên Tập Xã*)

* Đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn Công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn) bèn dùng pháp này lập tông. Thoạt đầu, Ngài muốn cùng đồng học là Huệ Vĩnh¹⁷ qua La Phù, nhưng bị pháp sư Đạo An¹⁸ lưu lại; sư Huệ Vĩnh bèn đi một mình trước. Đến Tầm Dương, thứ sử Đào

17. Huệ Vĩnh (332-414), cao tăng đời Tấn, người xứ Hà Nội, họ Phan, xuất gia năm 20 tuổi, thờ ngài Trúc Đàm Hiên làm thầy, sau theo ngài Huệ Viễn qua học với ngài Đạo An. Khi ngài biệt cư ở Đông Lâm tại một chòi tranh trên đỉnh núi để tu tập, cái thất ngài ở thường tỏa mùi thơm lạ, nên người đời gọi là Hương Cốc. Có một con hổ quần quanh gần đấy, hễ ai đến, Ngài xua hổ chạy lên đỉnh núi. Người đi rồi, hổ lại về nằm phục bên lều. Ngài thông thạo kinh điển, khéo thuyết giảng, khi nói thường hay mỉm cười. Suốt đời cơm rau, áo vải thô, siêng năng tu hành không mệt mỏi. Năm Nghĩa Hy thứ mười Sư bị bệnh nhưng vẫn trì giới tinh chuyên. Lâm chung, tự đắp y, chấp tay, bảo đại chúng: “Phật đến rồi!” Nói xong, an tường qua đời, thọ 83 tuổi. Tăng tục ở trên núi ấy đều người thấy mùi hương lạ, bảy ngày sau mới tan. Đường Huyền Tông truy tặng thụy hiệu là Giác Tịch Đại Sư.

18. Ngài Thích Đạo An sống nhằm thời Đông Tấn, là một trong những vị đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển Phật giáo thời sơ kỳ ở Trung Quốc. Sư người huyện Thường Sơn, nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Họ Vệ, sanh nhằm năm Vĩnh Gia thứ sáu nhà Đông Tấn (312), có thuyết nói là năm Kiến Hưng thứ hai (314). Ngài cực thông minh, mẫn tiệp, nổi pháp của đại sư Phật Đồ Trùng. Sau phương Bắc Trung Hoa đại loạn, thầy trò hai vị phải lưu lạc khắp các nơi, giảng pháp, giáo hóa suốt 15 năm trong vùng Hồ Bắc, Tương Dương. Về sau Phù Kiên nhà Tiền Tần nghe danh đại sư, đem binh công hãm Tương Dương, đón ngài Đạo An về Trường An, cho sống ở chùa Ngũ Trùng, dùng lễ đãi Sư như thầy. Ngài khuyên Phù Kiên nên thỉnh pháp sư Cựu Ma La Thập sang đất Tần. Chính ngài Đạo An đã khởi xướng việc đặt pháp danh và dùng chữ Thích trước tên họ Tăng chúng, với ngụ ý: Tăng chúng là con cháu nối tiếp pháp của Phật Thích Ca. Ngài chế định tăng y, nghi thức, oai nghi, quy củ của Tăng chúng cho nhất quán. Ngài còn chỉnh lý kinh luận Hán dịch, biên tập Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục (một loại thư mục kinh điển đầu tiên của Trung Hoa). Thư mục này nay không còn, nhưng bản Xuất Tam Ký Tập được biên soạn dựa trên thư mục này. Chính ngài Đạo An cũng là người đầu tiên đề xướng phân chia kinh Phật thành ba phần Tụ Phần, Chánh Tông và Lưu Thông Phần để chú giải. Ngài tinh thông nhiều giáo thuyết Đại Tiểu Thừa, đặc biệt là Tánh tông. Chính sơ tổ Tịnh Tông là ngài Huệ Viễn nghe đại sư Đạo An giảng kinh Bát Nhã bèn cảm thán: “*Chín phái Nho - Đạo đều là tám cảm*”, rồi bèn xuất gia, hầu dưới tòa. Ngài Đạo An tịch năm Thái Hòa thứ 10 (385).

Phạm ngưỡng mộ đạo phong, bèn lập chùa Tây Lâm cho Ngài ở. Thời gian ấy nhằm năm Đinh Sửu tức năm Thái Nguyên thứ hai (377) đời Tấn Hiếu Võ Đế. Đến năm Giáp Thân, tức năm Thái Nguyên thứ chín (384), Viễn Công mới đến Lô Sơn. Thoạt đầu ở tại chùa Tây Lâm, do học trò tụ họp đông đảo, Tây Lâm chật hẹp không thể chứa hết nổi, thứ sử Hoàn Y bèn lập chùa ở phía Đông núi, đặt tên là Đông Lâm. Đến năm Canh Dần, tức năm Thái Nguyên thứ mười lăm (390), ngày hai mươi tám tháng Bảy, Viễn Công bèn cùng Tăng - tục một trăm hai mươi ba người kết liên xã niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sai ông Lưu Di Dân làm bài văn khắc vào đá để minh thị lời thề, Huệ Vĩnh pháp sư cũng dự vào liên xã này.

Vĩnh Công (ngài Huệ Vĩnh) sống ở Tây Lâm, kết riêng một lều tranh trên đỉnh núi để thường lên đó thiền tư. Đến bên thạt ấy bèn nghe mùi hương lạ; do vậy, người ta gọi là Hương Cốc (hang thơm), cứ suy nghĩ sẽ biết Ngài là người như thế nào!

Lúc Viễn Công kết xã, bèn có 123 người, đều thuộc hàng long tượng¹⁹ trong pháp môn, là Thái Sơn, Bắc

19. Thông thường, “long tượng” vốn để chỉ con voi mạnh mẽ nhất trong loài voi, nên thường được dùng để ví cho hàng Bồ Tát có năng lực oai mãnh. Ngài Cát Tạng cho rằng con vật nào giỏi nhất, tốt nhất thì dùng chữ Long để biểu thị, như ngựa quý sẽ gọi là “long mã”. Kinh Đại Bát Niết Bàn gọi hàng Bồ Tát đã đoạn trừ các kết lậu hoặc là Đại Long Tượng Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm lại nói “long tượng” để ví cho hàng Bồ Tát oai nghi tốt đẹp khôn sánh. Có thuyết nói “long tượng” là rồng và voi, hai loài có thể lực mạnh mẽ nhất trên cạn lẫn

Đầu trong làng Nho, do đạo phong của Viễn Công lan tỏa nên đều ủa nhau kéo đến. Nhưng trong suốt đời Ngài, trong hơn 30 năm, những người dự vào liên xã tu Tịnh nghiệp được tiếp dẫn vãng sanh nhiều khó thể biết được!

Sau đây, như các vị: Đàm Loan, Trí Giả, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh, không vị nào chẳng dùng pháp này để tự hành, hóa độ người. Ngài Đàm Loan viết Vãng Sanh Luận Chú, diệu tuyệt cổ kim. Ngài Trí Giả viết Thập Nghi Luận, chỉ bày tột cùng lẽ được - mất; Ngài soạn Quán Kinh Sớ chỉ bày sâu xa pháp quán Tam Đế²⁰. Ngài Đạo Xước giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt. Ngài Thiện Đạo sớ giải ba kinh Tịnh Độ, cực lực khuyến chuyên tu. Ngài Thanh Lương sớ giải Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, phát huy đạo rốt ráo thành Phật. Tổ Vĩnh Minh nói bài Tứ Liệu Giản chỉ thẳng pháp liễu thoát ngay trong đời này.

Từ xưa, những bậc cao nhân các tông, không ai chẳng quy tâm Tịnh Độ, chỉ có các sư Thiền Tông là chuyên chăm chú ngâm tu, ít vị nào chịu xiển dương rõ ràng. Từ sau khi ngài Vĩnh Minh xướng suất, ai nấy đều để lại ngôn giáo rõ rệt, thiết tha khuyến tu trì. Vì

dưới nước, nên đời sau thường gọi người có sức Thiền Định mạnh mẽ tối thắng là bậc “long tượng”.

20. Tức quán Chân Đế, Tục Đế và Đế Nhất Nghĩa Đế.

thế, bài Khuyển Tu Tịnh Độ Văn của Tử Tâm Tân thiên sư²¹ có câu: *“Di Đà thật dễ niệm, Tịnh Độ thật dễ sanh”*, lại viết: *“Người tham Thiền tốt nhất nên niệm Phật, nếu căn cơ độn chỉ sợ chẳng thể đại ngộ trong đời này, hãy nhờ vào nguyện lực tiếp dẫn vãng sanh của đức Di Đà”*. Lại nói: *“Nếu ông niệm Phật chẳng sanh Tịnh Độ thì lão tăng sẽ đọa trong địa ngục Bạt Thiệt (kéo lưỡi)”*.

Bài Tịnh Độ Thuyết của Chân Hiết Liễu thiên sư²² có câu: *“Trong tông Tào Động đều chăm chú ngâm tu là do nguyên nhân nào vậy? Ấy là do pháp môn Niệm Phật là đường tắt tu hành, căn cứ theo Đại Tạng thì pháp này để tiếp độ căn khí thượng thượng, tiếp dẫn kèm thêm căn cơ trung hạ”*.

Lại nói: *“Những bậc đại tượng trong Tông Môn đã ngộ pháp bất không bất hữu bèn dốc chí khẳng khẳng nơi Tịnh nghiệp, chẳng phải vì Tịnh nghiệp thấy Phật*

21. Tử Tâm Tân Thiên Sư chính là ngài Ngô Tân (1044-1115), cao Tăng đời Tống, thuộc pháp hệ Hoàng Long trong tông Lâm Tế, đệ tử của ngài Hoàng Long Tổ Tâm, không rõ hành trạng. Ngài dốc lòng chuyên tu Tịnh Độ, tự xưng là Tử Tâm Tầu (ông già lòng đã chết), còn lưu lại ngữ lục là Tử Tâm Ngô Tân Thiên Sư Ngữ Lục, được xếp trong quyển 12 của Vạn Tục Tạng.

22. Ngài Chân Hiết, húy Thanh Liễu (1089-1151) là một vị cao tăng thuộc tông Tào Động, nối pháp ngài Đan Hà Tử Thuần, người An Xương (tỉnh Tứ Xuyên), họ Ung. Xuất gia năm 11 tuổi với ngài Thanh Tuấn chùa Thánh Quả, thoát đầu học Pháp Hoa. Ngài từng tham học khắp Nga Mi, Ngũ Đài. Sau đến Đặng Châu (Hà Nam), lên núi Đan Hà tham yết ngài Tử Thuần bèn khai ngộ, được phó chúc nối pháp mạch của Ngài. Ngài thọ 63 tuổi, pháp lạc 45 năm. Trước tác gồm Tín Tâm Minh Niêm Cổ, Nhật Chương Lục v.v...

đơn giản, dễ dàng hơn Tông môn nhiều lắm hay sao?”

Lại nói: Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiên, đều tu Tịnh nghiệp, đồng quy một nguồn. Nhập được môn này thì vô lượng pháp môn thầy đều chứng nhập”.

Trường Lô Trách thiền sư kết liên hoa thắng hội, khuyên khắp Tăng, tục niệm Phật vãng sanh, cảm được hai vị Phổ Hiền, Phổ Huệ Bồ Tát xin được tham dự vào hội thù thắng ấy trong giấc mộng, bèn ghi tên hai vị ấy đứng đầu trong hội. Đủ thấy pháp này khế lý, khế cơ, chư thánh ngầm tán dương vậy!

Trong đời Tống Thái Tông - Tống Chân Tông, pháp sư Tĩnh Thường²³ trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Chiết Giang hâm mộ đạo phong của ngài Lô Sơn Viễn Công bèn kết Tịnh Hạnh Xã, Vương Văn Chánh Công Đán quy y đầu tiên, làm người đề xướng. Phàm là bậc tể phụ đại thần, học sĩ đại phu xưng là đệ tử dự vào Tịnh Hạnh Xã hơn 120 người, sa-môn số đến mấy ngàn, còn dân thường chẳng biết là bao nhiêu. Sau này có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan suốt bốn triều Nhân Tông,

23. Ngài Tĩnh Thường (959-1020) là vị Tổ thứ bảy của tông Tịnh Độ, sống vào đời Tống, người huyện Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang, họ Nhan. Ngài xuất gia từ năm bảy tuổi, thọ Cụ Túc Giới năm 17 tuổi. Sau trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, Hàng Châu. Ngài hâm mộ di phong của tổ Lô Sơn Huệ Viễn, nên lập Bạch Liên Xã ở Tây Hồ, sau đổi thành Tịnh Hạnh Xã, lấy ý từ phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm. Tể tướng Văn Chánh Công Vương Đán làm xã chủ. Ngài tịch năm 62 tuổi, nhục thân được táng ở núi Linh Ân gần phần mộ của Ô Khoa thiền sư, cõi đời gọi Ngài là Tiền Đường Bạch Liên Xã Chủ, được phong hiệu là Chiêu Khánh Viên Tịnh Pháp Sư. Do ông Vương Đán có tước phong là Văn Chánh Công nên tổ Ấn Quang gọi ông Vương Đán là Vương Văn Chánh Công Đán.

Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, ra vào làm quan cao chức cả hơn năm mươi năm, làm đến chức Thái Sư, được phong là Lộ Quốc Công. Bình sinh ông dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tuổi già càng dốc sức làm lợi cho đạo, chuyên niệm A Di Đà Phật. Sáng - tối, đi - ngồi chưa từng biếng nhác. Ông cùng với pháp sư Tịnh Nghiêm ở kinh đô kết xã gồm hơn mười vạn người cầu sanh Tịnh Độ. Các vị sĩ đại phu thời ấy đa phần chịu sự giáo hóa của ông; có bài tụng rằng:

*Tri quân đảm khí đại như thiên,
 Nguyên kết Tây Phương nhất vạn duyên,
 Bất vị tự thân cầu hoạt kế,
 Đại gia tề thượng độ đầu thuyền.*

(Tạm dịch:

Biết ông gan lớn bằng trời
 Tây Phương xin hãy kết mười nghìn duyên
 Sống còn chẳng tính kế riêng
 Mọi người ai nấy đã lên thuyền rồi!)

Ông thọ đến 92 tuổi, niệm Phật qua đời. Trong đời Nguyên - Minh thì có các ngài Trung Phong, Thiên Như, Sở Thạch, Diệu Hiệp hoặc là sáng tác thi ca, hoặc là biện luận, không vị nào chẳng cực lực xiển dương pháp “khê lý khê cơ, thông trên thấu dưới” này; nhưng các vị Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích là thiết tha, thành

khẩn nhất. Đòi Thanh có các ngài Phạm Thiên Tư Tề²⁴, Hồng Loa Triệt Ngô, cũng dốc sức hoằng dương đạo này. Bài Khuyên Phát Bồ Đề Tâm Văn của ngài Phạm Thiên, bài Thị Chúng Pháp Ngữ của ngài Triệt Ngô đều có thể kể tục các vị thánh đời trước, khai ngộ cho hàng hậu học. Kinh trời đất, động quỷ thần! Người học nếu có thể hành theo đó thì nào có ai không từ tạ Sa Bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải hội! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư Tuyên Ngôn Niệm Phật của chùa Thanh Liên*)

* Hơn nữa, pháp Tịnh Độ lợi khắp mọi căn cơ, quả thật là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp của suốt một đời đức Như Lai, lợi ích vượt trội những giáo lý thông

24. Phạm Thiên Tư Tề (1686-1734), tức tổ Thật Hiền, Tổ mười một của tông Tịnh Độ, người xứ Thường Thục, Giang Tô, Ngài có pháp tự là Tư Tề, pháp hiệu là Tinh Am, thuộc gia đình đời đời học Nho. Xuất gia năm 15 tuổi, kinh điển đọc qua không bao giờ quên. Năm 24 tuổi thọ Cụ Túc Giới, nghiêm trì giới luật, chẳng lia y bát, ngày chỉ ăn một bữa, không hề đặt mình xuống giường. Sau ngài tham yết sư Thiệu Đàm, nghe giảng Duy Thức, Lăng Nghiêm, Ma Ha Chỉ Quán, thông đạt giáo nghĩa Thiên Thai, Pháp Tướng v.v... nối tiếp pháp của ngài Thiệu Đàm thuộc Thiên Thai Chánh Tông, pháp phái Linh Phong. Ngài yểm quan ba năm tại núi Chân Tịch, đọc hết Đại Tạng, sáng chiếu trì danh hiệu Phật. Về sau, Sư ứng lời thỉnh của mười phương từng lâm, giảng kinh hơn mười năm, tăng tục vùng Giang Tây quy y đông đảo. Tuổi già, ngài cự tuyệt mọi duyên, kết liên xã, chuyên tu Tịnh nghiệp, người đời xưng tụng là Vĩnh Minh Tái Lai. Năm Ung Chánh 11 (1733), Sư báo trước ngày mất, suốt ngày đêm niệm Phật đến hơn 10 vạn tiếng, đến tháng Tư năm sau bèn thị tịch, thọ 49 tuổi. Ngài còn để lại 108 bài thơ Tịnh Độ, Tây Phương Phát Nguyện Văn Chú, Tục Vãng Sanh Truyện, Niết Bàn Sám, nhưng bài Khuyên Phát Bồ Đề Tâm Văn của Ngài nổi tiếng hơn cả và được đặc biệt coi trọng trong mọi tông phái.

thường trong cả một đời giáo hóa của đức Phật. Câu nói của cổ đức: “*Dĩ Quả Địa Giác vi Nhân Địa Tâm, cố đắc nhân cai quả hải, quả triệt nhân nguyên*” (Do dùng sự giác ngộ nơi quả vị để làm cái tâm trong khi tu nhân nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân), có thể nói là khéo hình dung nhất, không còn gì hay tuyệt hơn được nữa!

Vào năm Đại Lịch thứ hai (767), Liên Tông Tứ Tổ là Pháp Chiếu đại sư, trụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, nhiều lần thấy thánh cảnh hiện trong bát cháo, chẳng biết là danh sơn nào. Có vị Tăng đã từng đến Ngũ Đài, bảo đây ắt phải là Ngũ Đài. Về sau, Sư bèn đi triều bái. Năm Đại Lịch thứ năm (770), Sư đến huyện Ngũ Đài, nhìn thấy phía xa có ánh sáng trắng, bèn lần theo ánh sáng đi tìm, đến Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư vào chùa, đến giảng đường, thấy đức Văn Thù ở phía Tây, đức Phổ Hiền ở phía Đông, ngồi trên tòa sư tử, thuyết pháp thâm diệu.

Sư lễ hai vị thánh, thưa hỏi: “Phàm phu đời Mạt, thời gian cách thánh đã xa, tri thức ngày càng kém cỏi, cầu chương thật sâu, Phật tánh không do đâu hiển hiện được! Phật pháp mênh mông, chưa rõ tu hành pháp môn nào là thiết yếu nhất? Kính mong Đại Thánh đoạn trừ lưới nghi cho con”.

Đức Văn Thù bảo: “*Nay ông niệm Phật là hợp thời nhất. Các môn tu hành không gì hơn được niệm Phật,*

cúng dường Tam Bảo, phước huệ song tu. Hai môn này nhanh chóng, quan trọng nhất. Vì sao vậy? Trong đời quá khứ, ta do quán Phật, do niệm Phật, do cúng dường, nên nay đắc Nhất Thiết Chung Trí. Do vậy biết Niệm Phật là vua trong các pháp. Ông hãy nên thường niệm Vô Thượng Pháp Vương chớ để dừng nghỉ”. Sư lại hỏi: “Nên niệm ra sao?” Ngài Văn Thù nói: “Phía Tây thế giới này có A Di Đà Phật, đức Phật ấy nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Ông hãy nên niệm liên tục đừng để gián đoạn, sau khi mạng chung chắc chắn vãng sanh, vĩnh viễn không thoái chuyển”.

Nói lời ấy xong, khi đó hai vị Đại Thánh đều duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu Sư thọ ký: *“Do ông niệm Phật, chẳng bao lâu sau sẽ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nếu hàng thiện nam, thiện nữ nguyện mau chóng thành Phật thì không gì hơn niệm Phật, sẽ mau chóng chứng Vô Thượng Bồ Đề”.* Nói xong, khi ấy hai vị Đại Thánh cùng nhau nói già-đà (kệ). Sư nghe xong, hoan hỷ hơn hỷ, lưới nghi đều trừ. Đây là đại sư Pháp Chiếu đích thân đến Trúc Lâm Thánh Tự được hai vị Đại Thánh khai thị.

Ngũ Đài chính là đạo tràng ứng hóa của ngài Văn Thù. Văn Thù chính là thầy của bảy đức Phật, tự nói: *“Ta trong quá khứ do quán Phật, do niệm Phật nên nay đắc Nhất Thiết Chung Trí”.* Do vậy, hết thảy các pháp, Bát Nhã Ba La Mật, thiền định rất sâu, thậm chí

chư Phật đều sanh từ niệm Phật. Quá khứ chư Phật còn sanh từ niệm Phật, huống chi chúng sanh đời Mạt Pháp nghiệp nặng, phước nhẹ, chướng sâu, huệ cạn, miệt thị niệm Phật chẳng chịu tu hành, ý muốn siêu thoát, vào thẳng địa vị Như Lai, chẳng biết rằng dù có muốn nói gót hít bụi của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh vẫn còn chưa được nữa ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi hòa thượng Quảng Huệ*)

* Pháp môn Niệm Phật chính là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiên, Mật, là đường tắt thành Phật của trời, người, thánh, phàm. Hết thấy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thấy các pháp môn không pháp nào chẳng trở về pháp này. Kẻ tri kiến nhỏ nhoi cho Niệm Phật là pháp môn của ngu phu, ngu phụ; nào biết trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài sau khi chứng trọn mười tâm Tín, vâng lời ngài Văn Thù dạy, đi tham học với khắp các thiện tri thức, hễ nghe dạy liền chứng. Cuối cùng, đến chỗ Phổ Hiền Bồ Tát, được Ngài gia bị, khai thị, sở chứng ngang với Phổ Hiền và chư Phật. Đức Phổ Hiền bèn vì Thiện Tài xưng tán công đức thù thắng, màu nhiệm của Như Lai, dạy Thiện Tài phát mười đại nguyện vương, dùng công đức này hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả, và khuyến tán trọn

hết các Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới hải nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương.

Hoa Tạng hải chúng không một ai là phạm phu, Nhi Thừa hay Quyền Vị Bồ Tát chưa phá vô minh; vị nào chúng ngộ thấp nhất đã là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Vị ấy đã có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật và tùy theo mỗi loài hiện đủ mọi thân để độ thoát chúng sanh. Sau đó, từ Nhi Trụ cho đến Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, mỗi địa vị càng thù thắng hơn. Các vị Bồ Tát ấy đều dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương, những kẻ kia (tức kẻ phỉ báng Niệm Phật) là hạng người nào mà dám chống đối các Ngài ấy?

Do vậy, biết pháp môn Niệm Phật quả thật là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thủy, thành chung. Vì thế, pháp này được chín giới hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói. Do pháp này dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, nên liền được “*nhân trùm biển quả, quả tốt nguồn nhân*”. (Ấn

Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi hòa thượng Quảng Huệ)

* Thế giới Cực Lạc không có nữ nhân. Nữ nhân, súc sanh hễ sanh về thế giới ấy đều mang tướng đồng

nam (trẻ trai), liên hoa hóa sanh. Vừa từ trong hoa sen ra đều giống hệt như người trong thế giới Cực Lạc, chứ không phải là trước hết bé nhỏ rồi sau đấy mới dần dần khôn lớn. Người trong thế giới ấy không có phiền não, không có vọng tưởng, không có chuyện tạo nghiệp. Do cậy vào Phật từ lực nên hết sức dễ sanh, nhưng phải lấy niệm Phật làm nhân; đã vãng sanh rồi thấy Phật nghe pháp, nhất định viên thành Phật đạo. Trong mười phương thế giới chỉ có cõi này là thù thắng vượt trội nhất. Trong hết thảy pháp môn tu trì, chỉ có pháp này dễ tu nhất mà công đức lại lớn nhất. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị - 1*)

* Ông phát nguyện lập trường học nơi đất trống, lập liên xã nơi đất trống, cố nhiên là đỡ tốn công, nhưng vẫn là chẳng biết tùy địa phương, tùy duyên để tạo phương tiện cho dễ thực hiện. Trên là nơi thanh miếu, minh đường²⁵, dưới là bên nước, bên cội cây, hễ gặp ai

25. Theo ý nghĩa nguyên thủy, Minh Đường (明堂) là một dinh thự để thiên tử nhà Châu hội kiến chư hầu và cử hành tế lễ, cũng như tuyên cáo chánh sách. Minh Đường đã có từ thời Hoàng Đế, nhưng không có quy định kiến trúc rõ rệt. Đến nhà Hạ gọi là Thế Thất (世室), nhà Thương gọi là Trùng Ốc (重屋), đến nhà Châu mới gọi là Minh Đường, và từ đây Minh Đường mới mang chức năng của một trung tâm tôn giáo, nghị luận chánh sự và giáo hóa (nhưng đến cuối đời Châu, Minh Đường chỉ còn dùng vào mục đích tế lễ). Thoạt đầu chỉ ở kinh đô mới có Minh Đường, nhưng sau này, Minh Đường được xây dựng ở bất cứ một địa phương nào khi cần thiết. Chẳng hạn khi Hán Vũ Đế dự định làm lễ Phong Thiên ở Thái Sơn đã cho xây Minh Đường tại đấy. Và từ đó, mô hình kiến trúc của Minh Đường cũng tuân thủ theo một quy cách chặt chẽ hơn: Một tòa đại

có thể trò chuyện được, liền dùng những chuyện này để khuyên nhủ. Văn Lộ Công²⁶ phát nguyện “*sẽ khiến cho mười vạn người niệm Phật cầu sanh Tây Phương*” bèn kết Liên Xã. Tôi cho rằng: “Từ một người cho đến vô lượng người đều nên làm cho họ vãng sanh Tây Phương trong đời này, há nên lấy mười vạn người làm hạn định?” (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên - 1*)

* Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn Công mở liên xã đầu tiên, khi ấy bậc cao tăng, đại nho dự vào hội cả 123 người. Từ đây về sau, đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng, truyền khắp trong ngoài nước. Đại pháp của đức Như Lai có 5 thứ là Luật, Giáo, Tông (Thiền), Mật, Tịnh, nhưng chỉ có một pháp Tịnh Độ là tu trì dễ dàng nhất, thành tựu dễ dàng nhất, là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Tông, Mật. Vì thế các vị thiện tri thức Luật, Giáo, Tông, Mật xưa nay đều chăm chú ngâm tu, rất nhiều vị cực lực hoằng

điện trên tròn dưới vuông, có nước vây quanh bốn phía. Riêng trong đoạn văn này, minh đường lẫn thanh miếu chỉ là những từ ngữ phiếm chỉ các cơ sở thờ tự hay hội họp trong vùng.

26. Văn Lộ Công chính là Văn Ngạn Bác (1006-1997), tự là Khoan Phu, hiệu Y Tẩu, người xứ Giới Hư, Phần Châu (nay thuộc thành phố Giới Hư, tỉnh Sơn Tây), là một vị Tể Tướng trải suốt bốn đời vua nhà Tống (Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông), tước phong là Lộ Quốc Công, nên thường được gọi là Văn Lộ Công. Ông được người đời coi là một vị Tể Tướng hiền năng, có công giữ yên đất nước, đánh thắng Tây Hạ, chuyên cần chánh sự, tiết kiệm, nhân từ, giám tô thuế. Đến già ông mới quy hướng Phật pháp. Lời thề nguyện trên đây được phát ra khi ông xướng suất lập Liên Xã.

dương công khai. Pháp này chân - tục viên dung, vừa khế cơ vừa khế lý, chẳng những vì người học đạo lập ra một môn mâu nhiệm chung để thoát luân hồi, mà thật ra còn là đạo trọng yếu để người cai trị đất nước ngồi hưởng thái bình. Do đó, vãng thánh tiên hiền, bậc thông suốt, người trí sáng đều cùng tu trì, như mọi ngôi sao châu về Bắc Đẩu, như các dòng nước chảy xuôi về biển Đông. (*Án Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Xí Lô Liên Xã*)

* Phật quang là tâm quang. Tâm quang ấy chúng sanh và Phật đều cùng có, bình đẳng giống hệt như nhau, nơi Phật chẳng tăng thêm, nơi chúng sanh chẳng giảm bớt. Vì thế, lúc mới thành Chánh Giác, đức Thế Tôn than thở sâu xa: *“Hết thấy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì chưa ngộ nên chẳng tránh khỏi biến trí huệ, đức tướng ấy thành vô minh nghiệp thức, mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác, hiệp trần, ví như đi mãi trong đêm dài, chẳng thấy được đường chánh, chẳng va tường đụng vách thì cũng đọa hầm, sụp hố, luân hồi trong lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra!”* Đức Như Lai thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi, diễn nói các pháp, chỉ dạy thể tướng của nhất tâm, nói ra nhân quả ba đời, pháp thế gian lẫn xuất thế gian không gì chẳng trọn khắp.

Lại muốn lợi lạc khắp ba căn nên đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ, ngõ hầu hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, đích thân chứng được tâm quang mà Phật và chúng sanh đều cùng có, cũng như chúng được tánh thể vô lượng quang thọ.

Lại còn rủ lòng Từ tiếp dẫn đến tốt cùng đời vị lai, ngõ hầu pháp giới chúng sanh đều được đắm Phật quang, cùng chứng tâm quang. Quang quang chiếu sáng lẫn nhau, thành một thể giới Thường Tịch Quang mới thôi! (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của Phật Quang Phân Xã tại Xung Điền, Vụ Nguyên*)

* Đại pháp của Như Lai bao trùm pháp giới, bao quát có - không, chỉ dạy chân tâm sẵn có, tỏ rõ diệu dụng tùy duyên. Tâm thể ấy chúng sanh và Phật giống hệt như nhau, phàm - thánh chẳng hai, chân thường bất biến, tịch chiếu viên dung. Do Phật chứng rốt ráo nên được Ngũ Uẩn đều là không, vượt khỏi các khổ, chẳng lập mây trần, phô bày trọn vẹn vạn đức. Do chúng sanh triệt để mê nên đến nỗi mê chân đuổi theo vọng, trái giác, hiệp trần, luân hồi sanh tử, trọn không có lúc thoát ra. Do vậy, đức Như Lai tùy theo căn cơ của chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho ai nấy đều

theo đường về nhà, đích thân thấy được cha mẹ vốn có. Lần chéo áo tìm được hạt châu, liền được của báu vô tận nhà mình sẵn có.

Bậc thượng căn cố nhiên được giải thoát, nhưng hàng trung - hạ vẫn trong luân hồi, nên đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ “vượt ngang ra khỏi tam giới”, khiến cho khắp các hạng trung - hạ nối gót bậc thượng căn. Lợi ích ấy không thể nào diễn tả được! Nghĩa này tuy phát xuất từ hội Phương Đẳng, nhưng thật ra đạo ấy bắt nguồn từ hội Hoa Nghiêm, chỉ vì phạm phu, tiểu thánh chẳng thể dự hội Hoa Nghiêm nên không có cách chi vãng nhận được.

Trước khi kinh Hoa Nghiêm được truyền đến Trung Quốc, pháp môn Tịnh Độ thường bị coi là đạo phương tiện hay Tiểu Thừa. Sau khi phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện được dịch ra rồi, mới biết đây là lời giảng chân thật về pháp thành Phật. Xưa kia, Viễn Công ở Lô Sơn đã vãng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai. Chưa được thấy kinh Niết Bàn đã soạn luận Pháp Tánh Thường Trụ; chưa xem kinh Hoa Nghiêm đã xiển dương tông chỉ hướng dẫn về Cực Lạc, lập pháp ngầm hợp với các kinh, đạo thích hợp khắp ba căn, thông trên, thấu dưới, thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Như Lai, giải quyết trọn vẹn đại sự sanh tử của hàm

thức. Nếu chẳng phải là bậc Đại Quyền thị hiện²⁷, làm sao có thể dự đoán như vậy được?

Vì thế, pháp sư La Thập nói: *“Kinh dạy: Trong đời Mạt sau này, phương Đông sẽ có vị Bồ Tát hộ pháp. Gắng lên nhân giả! Hãy khéo hoằng dương chuyện này”*. Tăng chúng Tây Vực đều nói đất Hán có bậc Khai Sĩ²⁸ Đại Thừa, liền hướng về phương Đông cúi lạy, dâng lòng lên rặng Lô Sơn. Tung tích thần lý chẳng thể lường được! (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Tấn Liên Tông Sơ Tổ Lô Sơn Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao*)

* Giáo - Lý - Hạnh - Quả là cương tông của Phật pháp. Nhớ Phật, niệm Phật thực là đường tắt để đắc đạo. Thời xưa, cứ tu một pháp thì cả bốn (Giáo - Lý - Hạnh - Quả) đều đủ. Còn đời này nếu bỏ Tịnh Độ thì hoàn toàn chẳng chứng được đạo quả. Ấy là vì cách biệt thánh đã xa, căn tánh con người hèn kém, nếu chẳng cậy vào Phật lực, quyết khó được giải thoát.

Như đã nói: *“Pháp môn Tịnh Độ nhiếp khắp căn*

27. Đại Quyền: Phật, Bồ Tát vì cứu vớt chúng sanh nên hiện ra đủ mọi thân hình sai khác, thậm chí thị hiện những hạnh Ngũ Nghịch, Thập Ác để hóa độ chúng sanh. Như Vy Đề Hy phu nhân và vua A Xà Thế đều là những bậc đại quyền thị hiện.

28. Khai Sĩ là một cách dịch khác của chữ Bồ Tát. Khai có nghĩa là mở thấu hiểu thông đạt, chỉ dạy chánh đạo, dẫn dắt chúng sanh. Sách Thích Thị Yêu Lãm, quyển Thượng, viết: *“Trong kinh thường gọi Bồ Tát là Khai Sĩ, thời Phù Kiên nhà Tiền Tần thường phong tặng danh hiệu Khai Sĩ cho những vị Tăng có đức hạnh, thông suốt giáo lý”*.

cơ thượng, trung, hạ; cao trỗi hơn Luật, Giáo, Thiên Tông, thực là lòng từ bi triệt để của chư Phật, chỉ bày thể tánh sẵn có của chúng sanh, dẫn tam thừa ngũ tánh đồng quy cõi tịnh, đưa thượng thánh hạ phàm cùng chứng Chân Thường. Cứu giới chúng sanh là pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”.

Thế nên, vãng thánh tiên hiền (thánh hiền đời trước) ai nấy đều hướng về. Ngàn kinh vạn luận đâu đâu cũng chỉ quy. Từ sau hội Hoa Nghiêm dẫn khởi quy hướng, các đại Bồ Tát tận khắp mười phương thế giới không vị nào chẳng cầu sanh Tịnh Độ; kể từ khi diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, cuối hết thầy các trước thuật của Tây Thiên, Đông Độ đều quy kết Liên Bang. (*Trích Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Cổ nhân nói: “*Thân người khó được, trung quốc⁶ khó sanh, Phật pháp khó nghe, sanh tử khó xong*”. Chúng ta may mắn được thân người, sanh ở trung quốc, được nghe Phật pháp. Điều bất hạnh là tự thẹn nghiệp chướng sâu nặng, không sức đoạn Hoặc để mau thoát khỏi Tam Giới, liễu sanh thoát tử; nhưng lại may mắn được nghe đức Như Lai ta tâm bi triệt để nói ra pháp môn Tịnh Độ là pháp đại quyền xảo, phương tiện lạ lùng, khiến hàng phàm phu lè tè sát đất được đời

nghiệp vãng sanh, thật không còn gì may mắn hơn nữa! Nếu chẳng phải là từ vô lượng kiếp đến nay đã trồng thiện căn sâu dày, làm sao nghe được pháp chẳng thể nghĩ bàn này? Chẳng nên gấp sanh lòng tin chân thành, phát nguyện cầu sanh ư? (Trích Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Nên biết rằng chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Giả sử ác nghiệp có thể tương thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi”. Lẽ đâu tu trì lơ mơ, hời hợt, lại tiêu nổi được nghiệp ư? Bởi vậy, Thích Ca, Di Đà, giáo chủ hai cõi, đau đáu nghĩ đến chúng sanh không sức đoạn Hoặc, riêng mở ra một pháp môn nương vào từ lực của Phật để đối nghiệp vãng sanh. Lòng hoảng từ đại bi ấy dù trời đất, cha mẹ cũng chẳng thể bằng được một phần Hằng hà sa. Chỉ nên phát lòng thẹn hổ, phát tâm sám hối mới tự có thể được Phật gia bị, nghiệp tiêu, thân an thôi! (Trích Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Hòa Thượng Thiệu Đạo nói: “Nếu muốn học về Giải thì hết thấy các pháp từ địa vị phàm phu cho đến địa vị Phật, không pháp nào chẳng nên học. Nếu muốn học về Hạnh, nên chọn lấy một pháp kệ lý, kệ cơ, chuyên tinh tận sức mới mau chứng được lợi ích chân

thật. Nếu không thì từ kiếp này qua kiếp nọ vẫn khó xuất ly!” Pháp khế lý, khế cơ Ngài nói đó không gì hơn là Tín Nguyễn Trì Danh Cầu Sanh Tây Phương! (Trích Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Hết thấy chúng sanh vốn sẵn có trí huệ, đức tướng Như Lai. Chỉ do mê chân theo vọng, quay lưng với Giác, xuôi theo trần lao, nên toàn thể chuyển thành phiền não, ác nghiệp. Vì thế phải trải bao kiếp dài lâu, luân hồi sanh tử. Như Lai thương xót giảng ra các pháp khiến họ bỏ vọng quy chân, ngoảnh mặt với trần lao, xuôi theo giác ngộ, khiến cho toàn thể phiền não ác nghiệp lại trở thành trí huệ, đức tướng. Từ đây cho đến cùng tốt đời vị lai, an trụ trong cõi Thường Tịch Quang. Khác nào nước đóng thành băng, băng lại tan thành nước, thể vốn chẳng khác, nhưng công dụng thực khác nhau một trời một vực.

Nhưng căn cơ chúng sanh có Tiểu, có Đại, mê có cạn, có sâu; Phật tùy thuận cơ nghi của mỗi người khiến ai nấy đều được lợi ích. Pháp môn Ngài nói ra mệnh môn như Hằng sa, nhưng cầu lấy pháp chí viên, chí đốn, tối diệu, tối huyền, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh, độ khắp ba căn, thống nhiếp các pháp, thượng thánh hạ phàm cùng chung tu, đại cơ cùng tiểu căn cùng lãnh thọ được thì không gì thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh Độ. Vì sao

nói thế?

Hết thầy pháp môn tuy đôn - tiệm khác nhau, quyền - thật đều khác, nhưng đều phải dụng công tu tập sâu xa mới hòng đoạn Hoặc, chứng chân, xuất ly sanh tử, siêu phàm nhập thánh. Đó gọi là cậy vào tự lực, không nương dựa vào điều gì khác cả. Nếu như còn chút Hoặc chưa tận thì vẫn bị luân hồi như cũ. Đấy đều là các pháp phải thấu đạt lý rất sâu, chẳng dễ tu tập. Nếu chẳng phải hạng sẵn có linh căn từ trước, đời này thật khó lòng chứng nhập.

Chỉ có mình pháp môn Tịnh Độ, chẳng luận là phú quý hay bần tiện, già, trẻ, gái, trai, trí, ngu, tăng, tục, sĩ, nông, công, thương, hết thầy hạng người đều tu tập được là do đại bi nguyện lực của đức A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh khổ não cõi Sa Bà. Vì thế, so với các pháp môn khác, tu Tịnh Độ đắc quả dễ dàng hơn. *(Trích Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Phật pháp rộng sâu như biển cả. Kẻ phàm phu sát đất nào lại có thể một hơi hút sạch tận nguồn, cạn đáy được? Tuy nhiên, nếu có thể sanh tâm chánh tín sẽ tự có thể tùy theo sức mình được hưởng lợi ích. Ví như Tu La, hương tượng và các loài muỗi mòng uống nước biển cả; loài nào, loài nấy uống no mới thôi. Đức Như Lai xuất thế tùy thuận chúng sanh thuyết pháp khiến mỗi loài được lợi ích cũng giống như thế. Chúng sanh

đời mạt nghiệp chướng sâu dày, thiện căn cạn mỏng, tâm trí hẹp kém, thọ mạng ngắn ngủi. Đã thế, tri thức ít ỏi, ma tà, ngoại đạo tung hoành. Tu các pháp môn khác muốn ngay trong hiện đời đoạn Hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử thật là một việc hy hữu cực khó.

Chỉ mỗi mình pháp Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực. Thế nên chẳng cần biết đến Đoạn, Chứng, chỉ trọng Tín - Nguyện. Nếu có đủ tín - nguyện, dầu là hạng tội ác cực đại sắp đọa A Tỳ địa ngục vẫn có thể nương vào sức thập niệm, mau chóng được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Ôi! Như Lai đại từ phổ độ chẳng bỏ sót một ai. Chỉ mình pháp này thật là tóm thâu trọn khắp. (*Trích Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Kể từ Đại Giáo truyền sang Đông (ý nói: Phật giáo truyền sang Trung Hoa), Lô Sơn hưng khởi Liên Xã, một xứ trăm hòa, không đâu chẳng thuận theo. Nhưng những vị có đại công làm rạng rỡ Tịnh tông thì đời Bắc Ngụy có ngài Đàm Loan. Ngài Đàm Loan là bậc chẳng thể suy lường nổi. Do có việc, ngài phải xuống Nam gặp Lương Vũ Đế; sau trở về Bắc, Vũ Đế thường hướng về Bắc cúi lạy, nói: “Loan Pháp Sư là bậc nhục thân Bồ Tát!”.

Đời Trần - Tùy có ngài Trí Giả. Đời Đường có ngài Đạo Xước, noi theo giáo pháp của ngài Đàm Loan, chuyên tu Tịnh nghiệp, cả đời giảng ba kinh Tịnh Độ

hơn hai trăm lượt. Từ cửa ngài Đạo Xước, có ngài Thiện Đạo. Cho đến các vị Thừa Viễn, Pháp Chiêu, Thiếu Khang, Đại Hạnh thì liên phong đã thổi khắp cả trung ngoại (trong và ngoài Trung Hoa). Do vậy, tri thức các tông không ai là chẳng dùng đạo này để mật tu hoặc hiển hóa, tự lợi, lợi tha.

Với nhà Thiên, nếu chỉ đề cao hướng thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn chẳng thêm bận tâm tới, huống là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Đây là Chân Đế: một pháp đã mất thì hết thấy đều mất. Nói: *“Thật Tế Lý Địa chẳng nhận một mảy trần”* là nói về Tánh thể. Nếu luận đích xác về mật tu trì thì lại chẳng bỏ một pháp nào, chẳng làm việc thì chẳng ăn, huống hồ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Đây là Tục Đế: một pháp đã lập thì hết thấy đều lập.

Nói: *“Trong cửa Phật sự chẳng bỏ một pháp”* là nói về Tánh sẵn đủ vậy. Nếu toan bỏ Tục Đế để luận Chân Đế thì chẳng phải là Chân Đế, khác nào bỏ tứ đại, ngũ uẩn đi tìm tâm tánh. Thân đã chẳng còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng Tục Đế để hiển Chân Đế thì đích thực là Chân Đế. Như ở nơi mắt thì bảo là thấy, ở tai gọi là nghe; tức là dùng tứ đại, ngũ uẩn để hiển tâm tánh.

Những điều vừa nói trên đây chính là ý chỉ lớn lao của việc chư Tổ ngàm tu Tịnh Độ; nhưng các ngài chẳng giảng rộng, thuật rõ, nên nếu chẳng hiểu sâu xa ý Tổ sẽ chẳng biết được. Cứ như quy chế kỳ đảo cho

những vị Tăng mắc bệnh và quy cách thiêu hóa, tống táng những vị đã mất do ngài Bách Trượng xác lập, ta thấy đều quy về Tịnh Độ.

Có vị nói: “*Tu hành dùng niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng*”. Ngài Chân Hiệt Liễu bảo: “*Pháp môn Tịnh Độ chính là để tiếp dẫn căn khí thượng thượng, chỉ kiên tiếp dẫn căn khí trung hạ*”. Ngài còn bảo: “*Trong cả tông Tào Động hết thấy đều ngậm tu. Do vì tu Tịnh Độ thấy Phật giản dị hơn Tông môn rất nhiều*”. Ngài cũng bảo: “*Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền đều tu Tịnh Độ, đồng quy một nguồn*”. Những lời ấy đủ cho ta thấy được đại khái quan điểm của các thiền sư thời ấy.

Kịp đến ngài Vĩnh Minh đại sư, bản thân là Cổ Phật, do nguyện xuất thế mới lưu lại ngôn giáo rõ ràng, soạn sách lưu truyền, hoàng dương. Ngài lại sợ người học chẳng rõ đường nẻo, lẫn lộn lợi hại, nên cực lực xướng ra bài kệ Tứ Liệu Giản, có thể nói là cương tông của cả Đại Tạng. Ngài làm bậc hướng đạo nơi đường rẽ, khiến cho người học chỉ trong tám mươi chữ đốn ngộ yếu đạo xuất sanh tử, chứng Niết Bàn. Tám lòng đau đầu cứu thế của ngài thật là thiên cổ chưa từng có.

Sau đấy, các tông sư đều lưu lại ngôn giáo rõ ràng, chuyên khen ngợi pháp này như các đại Tổ sư: Trường Lô Trách, Thiên Y Hoài, Viên Chiếu Bôn, Đại Thông Bôn, Trung Phong Bôn, Thiên Như Tắc, Sở Thạch Kỳ, Không Cốc Long v.v... tuy hoàng dương Thiền Tông,

vẫn chú trọng khen ngợi Tịnh Độ.

Đến khi Liên Trì đại sư tham học với Tiểu Nham Đại Ngộ xong, cân nhắc mọi bề, đề xướng: “*Nếu Tịnh nghiệp đã thành, Thiên Tông sẽ tự chứng. Giống như tắm nơi biển cả là đã dùng nước của cả trăm sông. Thân đã đến điện Hàm Nguyên, cần gì hỏi Trường An đâu nữa!*” Sau đây, các đại Tổ sư: Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tĩnh Am, Mộng Đông v.v... không vị nào chẳng xướng như vậy. Bởi lẽ, lập cách hóa độ theo thời, pháp phải phù hợp căn cơ. Nếu không như thế, chúng sanh chẳng thể đắc độ!

Từ đây về sau, Phật pháp suy dần, lại thêm quốc gia lăm biến cố, pháp luân cơ hồ ngừng chuyển. Dù có bậc trí thức ra sức chống chọi, nhưng chẳng đủ sức, đến nỗi chẳng ai hỏi đến đạo này. Nếu có ai bàn đến pháp này, người nghe cứ như đang bị làm phiền. May còn có một hai vị Tăng, Tục đại tâm, in khắc lưu truyền, khiến cho những lời giáo huấn của chư Tổ chẳng bị diệt, khiến cho người ta được tạm nghe đến thì thật không còn gì may mắn hơn! (*Trích Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Con người có cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, phàm - thánh như một. Do Phật rất ráo ngộ được tâm này nên triệt chứng Niết Bàn, chúng sanh do rất ráo mê cái tâm này nên luân hồi sanh tử dài lâu. Nghĩ lại từ vô thủy đến

nay, bọn chúng sanh ta và đức Thích Ca Thế Tôn cùng là phàm phu, cùng chịu nỗi khổ sanh tử dữ dội. Đức Thế Tôn do tự phát khởi hùng tâm, trọn đủ sức đại hùng mãnh, tu ròng Giới - Định - Huệ, nên đoạn trọn vẹn Tam Hoặc, hai thứ Tử (Biến Dịch và Phân Đoạn) vĩnh viễn mất, an trụ trong Tam Đức bí tạng, phổ độ quần sanh thuộc chín giới. Luận về thời kiếp, dù có dùng hết số vi trần trong một cõi nước cũng chẳng thể tính toán được! Luận về pháp môn thì cạn hết biển mực vẫn khó thể chép được!

Trong thời kiếp ấy, ban sự pháp hóa này, bọn chúng sanh ta há chẳng nghe pháp tu hành, muốn chứng được tâm này ngay trong một đời hay sao? Chỉ vì Phiền Hoặc sâu dày, không sức nào đoạn trừ được, hễ thọ sanh lần nữa sẽ lại bị mê mất. Cũng như do chưa gặp được pháp cậy vào Phật từ lực để vãng sanh ngay trong đời này, hoặc do tu pháp này, nhưng tự lực mỏng yếu, không người giúp đỡ, hoặc tuy tự lực sung túc nhưng khi lâm chung bị quyền thuộc lắm cách phá hoại! Do đấy, trải cả kiếp dài lâu, luân hồi trong sanh tử. Dẫu được Phật giáo hóa, vẫn y như cũ uổng mang cái tâm chẳng khác gì tâm Phật, nhưng chẳng thể chứng được quả chân thường giống như đức Phật! Trên đã cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới phụ bạc tánh linh của chính mình. Mỗi phen nghĩ đến, ngũ tạng²⁹ như lửa đốt.

29. Nguyên văn “ngũ nội”, tức là một danh xưng khác của Ngũ Tạng, tức tim,

Nay may mắn được nghe đức Như Lai vì thương xót chúng sanh thuở mặt kiếp không có sức đoạn Hoặc, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ để hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này vãng sanh Tây Phương: Kẻ đã đoạn Hoặc sẽ cao đẳng Bồ Xứ, kẻ vẫn còn đầy dẫy phiền não cũng dự vào dòng thánh. Thật là một pháp môn đặc biệt trong suốt cả một đời giáo hóa của đức Như Lai; thích hợp khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều thâm tóm. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát còn chẳng thể vượt ra ngoài pháp môn này được; dưới là phàm phu Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Vì thế, pháp môn này được mười phương cùng khen ngợi, chín giới cùng tuân hành. Huống hồ bọn phàm phu chúng ta bỏ đi pháp này thì lấy đâu để nhờ cậy? (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Sức Chung Tân Lương*)

* Thánh giáo của Như Lai pháp môn vô lượng, tùy ý nương theo một pháp nào đó, dùng Bồ Đề tâm tu trì cũng đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo. Nhưng khi đang tu còn chưa chứng, sẽ có sự khó - dễ, nhanh - chậm rất lớn. Cầu lấy pháp viên mãn nhất, nhanh chóng nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, vừa khế cơ lẫn khế lý, vừa là tánh, vừa là tu, thích hợp khắp

ba căn, thâm nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiên, Mật, là con đường tắt để trời, người, phàm, thánh chứng Chân thì không chi bằng một pháp “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương”.

Ấy là vì hết thầy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật cậy thêm Phật lực. Cậy tự lực thì nếu chưa đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới, còn cậy vào Phật lực thì tín nguyện chân thành, thiết tha sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Người trong thời hiện tại muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này sẽ trọn chẳng có hy vọng gì!

Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh Độ pháp nào cũng viên thông, như vàng trắng vàng vặc sáng ngời giữa trời, con sông nào cũng đều hiện bóng. Thủy ngân rót xuống đất, viên nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thể, yên dân, trị quốc, giữ yên cõi bờ đều có lợi ích lớn lao, mà ngay cả sĩ, nông, công, thương, muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, trai, gái muốn tiêu diệt bệnh tật khổ sở, không gì chẳng tùy theo lòng cảm mà ứng, thỏa lòng, mãn nguyện. (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi trùng tu Niệm Phật Đường và mở liên xã tại chùa Tư Phước, Phú Dương*)

II. KHUYÊN TÍN, HẠNH, NGUYỆN NÊN CHÂN THÀNH, THA THIẾT

1. Dạy Về Lòng Tin Chân Thật, Tâm Nguyện Thiết Tha

* Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông: Không tin sao có thể phát nguyện cho được? Không có nguyện làm sao khởi hạnh? Không có diêu hạnh Trì Danh, làm sao chứng điều đã tin, mãi điều đã nguyện cho được? Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn! Tín - Nguyện - Hạnh như ba chân của cái đỉnh, thiếu một sẽ đổ nhào.

Nếu chẳng chú trọng tín nguyện, chỉ mong trì danh cho đạt được nhất tâm, dẫu đạt được nhất tâm sâu xa, cũng khó thể liễu sanh thoát tử! Vì sao vậy? Do Phiền Hoặc chưa hết sạch, chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được. Tín nguyện đã không có, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử! Đời có kẻ ham cao chuộng xa, thường phô phang tự lực, miệt thị Phật lực; chẳng biết từ sống đến chết không chuyện gì chẳng cậy vào sức người khác nhưng chẳng lấy đó làm then, sao riêng đối với đại sự liễu sanh tử và Phật lực lại chẳng muốn tiếp nhận, chắc là mắt trí điên khùng nên mới đến nỗi như vậy! Hành giả Tịnh tông hãy nên thống thiết răn dè! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ,*

Tịnh Độ Chỉ Yếu)

* Đối với pháp tắc tu trì, hãy nên thường như con nhớ mẹ, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, qua lại, một câu Phật hiệu miên miên mật mật! Dầu gặp bất cứ sự duyên nào cũng chẳng để cho gián đoạn, “*nhiep tron sáu căn, tinh niem tiiep noi*”. Người làm được như thế chắc chắn vãng sanh!

Lại phải nên tâm niệm nhân từ, rộng lượng, tánh khí khiêm nhường, thuận thảo, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, hành được những điều người khác chẳng thể hành, chịu cực nhọc thế cho người khác, thành tựu điều tốt đẹp cho người ta. Thường nghĩ mình sai quấy, đừng bàn lỗi của kẻ khác! Bạc Đẳng Giác Bồ Tát trong mười hai thời lễ mười phương Phật để sám trừ túc nghiệp, huống là kẻ còn đang trong địa vị phàm phu! Hãy nên thường hổ thẹn, nào dám ỷ y! Nếu ỷ y, dầu có tu trì thấy đều thuộc về ma nghiệp. Con người như thế chớ nên thân cận, để khỏi đến nỗi lâu ngày đều bị biến đổi giống như họ.

Phải vâng giữ chắc tông chỉ, chẳng bị xoay chuyển bởi kinh giáo và lời lẽ của thiện tri thức rồi bỏ pháp này tu pháp khác. Pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh.

Hết thầy pháp môn không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất; hết thầy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Vì thế, pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói. Bọn ta là hạng mạt học sao lại lập dị, tự chuốc lấy tội khiên tự làm, làm người ư? Nguyên hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Quyển Hạ, Tịnh Độ Chỉ Yếu*)

* Hãy thử hỏi: Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm. Chẳng khẩn thiết thì có đạt được như thế chẳng? Không Tín - Nguyên có đạt được như thế chẳng?

Phàm là bọn hữu tình chúng ta hãy nghe nói đến pháp môn Tịnh Độ thì phải tin Ta Bà cực khổ, Tây Phương cực vui, phải tin rằng từ nhiều đời đến nay, nghiệp chướng sâu nặng, chẳng cậy vào Phật lực, khó thể xuất ly.

Phải nên tin rằng cầu được vãng sanh thì ngay trong đời này sẽ được vãng sanh. Phải tin niệm Phật nhất định được Ngài từ bi nhiếp thọ. Dùng một lòng kiên định này, nguyện lìa Sa Bà như kẻ tù muốn thoát khỏi lao ngục, trọn chẳng có tâm lưu luyến. Nguyên sanh Tây Phương như lữ khách mong quay về cố hương, chẳng hề có ý niệm do dự. Từ đó, tùy phận, tùy lực, chí tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, chẳng luận là nói

năng, im lặng, động, tịnh, đi, đứng, nằm, ngồi, đón tiếp khách khứa, mặc áo, ăn cơm, giữ sao Phật hiệu chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa Phật. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Xem cõi Ta Bà này như xấu còn hơn nhà xí. Tin cõi Cực Lạc kia chính là quê nhà mình vốn sẵn có. Chẳng cầu phước lạc cõi trời, cõi người trong đời này hay đời sau, chỉ nguyện khi báo chung mạng tận, được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Sáng tối như thế, niệm đâu chú trọng đấy, niệm cực công thuần, cảm ứng đạo giao, lúc lâm chung, ắt được thỏa nguyện. Đã sanh về Tịnh Độ sẽ đón ngộ Vô Sanh, nhìn lại phú quý thế gian khác nào ánh dương diệm, hoa đóm trên không, thật đúng là nhà ngục, biển độc mà thôi! (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* **Nói đến Tám khổ** thì phải tin Ta Bà quả thật là khổ, Cực Lạc quả thật là vui. Ta Bà khổ vô lượng vô biên, nói tóm lại chẳng ngoài tám khổ, tức là: “*sanh, già, bệnh, chết, thương yêu phải xa lìa, oán ghét phải gặp gỡ, cầu không được, Ngũ Ấm hừng hực*”. Tám nỗi khổ này dù sang đến cực phẩm hay hèn như ăn mày, ai nấy đều có.

+ Bảy nỗi khổ đầu là quả do đời quá khứ cảm thành. Suy nghĩ kỹ ắt sẽ tự biết, không cần phải viết tường tận,

nói nhiều quá tổn bút mực.

+ Sự khổ thứ tám, Ngũ Âm hừng hực, chính là khởi tâm động niệm và những hành động, nói năng trong hiện tại, chính là nhân của nỗi khổ trong vị lai. Nhân quả kéo dặt nhau, nối tiếp không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, không thể giải thoát!

Ngũ Âm chính là: “Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức”. Sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành. Thọ, Tưởng, Hành, Thức chính là cái tâm khởi huyễn vọng khi tiếp xúc cảnh. Do những pháp “thân tâm huyễn vọng” này bèn khởi Hoặc tạo nghiệp nơi sáu trần cảnh như lửa cháy hừng hực chẳng thể ngưng tắt nên gọi là “*xí thanh*”: cháy hừng hực) vậy. Ngoài ra, Âm陰 (bộ Phụ) có nghĩa là che kín, đồng nghĩa với chữ Âm 蔭 (cũng có nghĩa là che lấp, bộ Thảo), do năm pháp này che lấp chân tánh khiến nó chẳng thể hiển hiện, như mây dày che khuất mặt trời. Tuy mặt trời tỏa sáng rực rỡ, trọn chẳng bị tổn giảm, nhưng vì mây che, nên chẳng chiếu sáng được. Phạm phu chưa đoạn Hoặc nghiệp, bị năm Âm này chướng ngại, mặt trời trí huệ nơi bầu trời chân tánh chẳng thể hiển hiện, cũng giống như thế. Sự khổ thứ tám này là gốc của hết thảy các khổ.

Người tu đạo sức Thiền Định sâu, đối với cảnh giới sáu trần, trọn chẳng chấp trước, chẳng khởi yêu - ghét. Từ đây gia công dụng hạnh, tiến lên chứng Vô Sanh, Hoặc nghiệp sạch hết, cắt đứt gốc rễ sanh tử. Nhưng

công phu này thật chẳng dễ dàng, thật khó đạt được trong đời Mạt! Vì thế, hãy nên chuyên tu Tịnh nghiệp, cầu sanh Cực Lạc, nương theo Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương.

Đã được vãng sanh thì liên hoa hóa sanh, không có các khổ. Thuận là tướng đồng nam (bé trai), thọ như hư không, thân không tai biến. Những danh từ như già, bệnh, chết v.v... chẳng còn nghe đến, hưởng gì thật có. Theo chân thánh chúng, thân cận Di Đà, nước, chim, cây cối đều diễn pháp âm, tùy theo căn tánh mình, do nghe pháp bèn chứng. Thân còn trọn chẳng thể được, hưởng gì có oán! Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ ăn bèn có ăn; lầu, gác, nhà, viện đều do bảy báu hợp thành, chẳng nhọc sức người tạo tác, chỉ là hóa ra. Biến bảy sự khổ nơi Sa Bà thành bảy niềm vui.

Lại thêm thân có đại thân thông, có đại oai lực, chẳng lìa chỗ mình liền có thể trong một niệm ở khắp trong mười phương thế giới chư Phật làm các Phật sự, thượng cầu hạ hóa. Tâm có đại trí huệ, có đại biện tài, từ một pháp biết trọn Thật Tướng của các pháp. Tùy cơ thuyết pháp không lầm lạc, dẫu nói bằng ngôn ngữ Thế Đế nhưng đều khế hợp diệu lý Thật Tướng, không có nỗi khổ Ngũ Âm hừng hực, hưởng niềm vui thân tâm tịch diệt. Vì thế kinh nói: *“Không có các khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc”*. Sa Bà khổ, khổ không nói nỗi; Cực Lạc vui, vui chẳng ví tày! Tin sâu

lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là chân tín. Chớ nên dùng tri kiến phàm phu ngoại đạo làm sanh suy lường, bảo các thứ thù thắng trang nghiêm màu nhiệm trong Tịnh Độ đều là ngụ ngôn nhằm tỷ dụ tâm pháp, chẳng phải là cảnh thật! Nếu có sự thấy biết tà vạy, sai lầm như thế sẽ mất lợi ích thật sự được vãng sanh Tịnh Độ, tai hại quá lớn! Không thể không biết! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Phật A Di Đà vì ta phát nguyện, lập hạnh để mong thành Phật. Ta do trái nghịch Di Đà hạnh nguyện nên bao kiếp dài lâu thường luân hồi lục đạo, vĩnh viễn làm chúng sanh. Hiểu rõ Di Đà là Phật trong tâm ta, ta là chúng sanh trong tâm Di Đà. Tâm đã là một, mà phàm và thánh khác nhau một trời một vực là vì ta một mực mê trái nên mới thành ra nông nổi ấy. Tín tâm như thế mới là chân tín. Từ tín tâm này, phát ra cái nguyện quyết định vãng sanh, hành cái hạnh quyết định niệm Phật, ngỏ hầu thâm nhập pháp giới Tịnh Độ, thành tựu ngay trong một đời, siêu nhập thẳng vào Như Lai địa như mẹ con gặp gỡ, vui sướng vĩnh viễn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Gia - 8*)

* Chuyện niệm Phật quan trọng nhất là liễu sanh tử, đã vì liễu sanh tử thì hãy tự sanh lòng nhằm chán đối

với nỗi khổ sanh tử, tự sanh lòng ưa thích đối với sự vui Tây Phương. Như thế thì hai pháp Tín - Nguyện sẽ được vẹn toàn ngay trong một niệm, lại thêm niệm chí thành khẩn thiết như con nhớ mẹ thì Phật lực, pháp lực, sức công đức tín nguyện nơi tự tâm, ba pháp đều phô bày trọn vẹn. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, dầu mây dày, băng đóng tầng tầng, chẳng mấy chốc liền tiêu tan. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như*)

*** Kinh A Di Đà dạy: “*Từ đây đi về phương Tây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà, nay đang thuyết pháp*”.** Lại nói: **“*Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Do chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên tên là Cực Lạc*”.** Không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui là do được trang nghiêm bởi phước đức, trí huệ, thần thông, đạo lực của đức Phật A Di Đà. Thế giới chúng ta đang sống đây có đủ ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng nỗi khổ, trọn chẳng có niềm vui; cho nên gọi là Sa Bà. Chử Phạn “Sa Bà”, ở đây (Trung Hoa) dịch là Kham Nhẫn, ý nói: Chúng sanh trong cõi này phải chịu đựng những nỗi khổ ấy. Nhưng trong thế giới này, không phải là không có niềm vui; nhưng tất cả những chuyện vui đa số là khổ, chúng

sanh mê muội, ngược ngạo coi đó là vui. Như nghiện rượu, đấm sặc, săn bắn, vây bắt v.v... có gì vui đâu mà những kẻ ngu phu đấm đuổi không bỏ được, vui quên cả mệt. Thật đáng thương xót! Dầu là sự vui thật sự, cũng khó thể trường cửu. Như cha mẹ còn sống đầy đủ, anh em không có chuyện gì, chuyện như vậy làm sao có thể thường hằng cho được! Vì thế, cảnh vui vừa hết, tâm buồn nổi tiếp dây lên. Do vậy, bảo “*trọn chẳng có niềm vui!*” không phải là nói quá đáng vậy!

Thế giới này khổ nói chẳng thể trọn, dùng tam khổ, bát khổ để tóm lược thì chẳng còn sót gì. **Tam khổ là: 1) Khổ Khổ 2) Hoại Khổ 3) Không khổ không vui tức là Hành Khổ.**

+ **Khổ Khổ** có nghĩa là do thể tánh của thân tâm Ngũ Ấm này bức bách nên gọi là Khổ. Lại còn phải thường chịu thêm những nỗi khổ sanh, già, bệnh chết v.v... nên gọi là Khổ Khổ.

+ **Hoại Khổ** là có chuyện gì trong thế gian tồn tại dài lâu? Mặt trời đứng bóng liền chên, trăng tròn rồi khuyết, đạo trời còn vậy, nữa là chuyện người! Cảnh vui vừa hiện, cảnh khổ đến ngay. Đúng vào lúc cảnh vui bị hoại diệt thì khổ chẳng thể nói được, cho nên gọi Lạc là Hoại Khổ.

+ **Hành Khổ** là tuy không khổ không vui, tự hồ thích nghi, nhưng tánh nó dời đổi, há thể thường trụ! Vì vậy, gọi là Hành Khổ.

Nêu lên ba sự khổ này, không sự khổ nào chẳng thâm tóm. Về ý nghĩa của Bát Khổ, trong sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam đã trình bày cặn kẽ. Nếu biết cái khổ trong cõi này, tâm chán lìa Sa Bà sẽ ào ạt phát sanh. Nếu biết sự vui của cõi kia, ý niệm ham cầu Cực Lạc sẽ bùng bùng phát khởi. Do vậy, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng đầy đủ vun bồi nền tảng. Lại thêm chí thành khẩn thiết trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương thì thoát được cõi Ta Bà này, sanh về nước Cực Lạc kia, làm con đích thực của Phật Di Đà, làm bầu bạn tốt trong hải hội. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam*)

* Triệu pháp sư³⁰ nói: “*Thiên địa chi nội, vũ trụ chi gian, trung hữu nhất bảo, bí tại hình sơn*” (Trong

30. Triệu Pháp Sư chính là ngài Tăng Triệu (384-414), môn nhân nổi tiếng nhất của đại sư Cưu Ma La Thập. Sư là con nhà nghèo, phải chép sách thuê để kiếm sống. Do vậy, thông hiểu kinh sử rất sâu. Thoạt đầu, Sư hâm mộ thuyết Lão Trang, sau do đọc kinh Duy Ma Cật bèn cảm ngộ, đi xuất gia. Ngài thông hiểu kinh Phương Đẳng, thanh danh lẫy lừng miền Bắc Trung Hoa. Nghe pháp sư Cưu Ma La Thập đến đất Lương, bèn xin theo học, được ngài Cưu Ma La Thập khen là bậc kỳ tài. Đến khi Diêu Tần diệt nhà Lương, Sư bèn theo ngài La Thập sang Trường An. Tuân sắc lệnh của Diêu Hưng, Tăng Triệu cùng với Tăng Duệ lo phù tá ngài La Thập phiên dịch kinh điển. Do vậy, giải ngộ càng sâu, được tôn xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất. Năm Hoảng Thi thứ sáu (404), khi ngài La Thập dịch xong bộ Đại Phẩm Bát Nhã, Sư soạn cuốn Bát Nhã Vô Tri Luận trình lên, được hai vị La Thập và Huệ Viễn nồng nhiệt tán thán. Sau đó, Sư còn soạn Pháp Không Luận, Vật Bất Thiên Luận, Niết Bàn Vô Danh Luận, Chú Duy Ma Cật Kinh v.v... Tiếc là Sư mất rất sớm, chỉ thọ được 31 tuổi. Những bài luận của Sư được thâm thập thành cuốn Triệu Luận.

trời đất, giữa vũ trụ, có một vật báu giấu kín trong núi hình). Lời này nói về kẻ chưa ngộ chưa chứng, chứ thật ra vật báu ấy bao quát thái hư, cùng tột theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang, hằng cổ, hằng kim, luôn luôn hiển lộ! Đây chính là như câu nói: “*Thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức*” (Luôn luôn chỉ dạy cho người, mà người vẫn cứ chẳng hề biết cho), chẳng đáng buồn sao? Chỉ có mình đức Thích Ca Thế Tôn ta đích thân thụ dụng được, những chúng sanh khác trải kiếp này sang kiếp khác dựa vào sức oai thần của vật báu ấy để khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi trong sáu nẻo, trọn chẳng có thuở ra! Ví như kẻ mù đích thân lên núi báu chẳng những không thụ dụng được, trái lại còn bị thương!

Do vậy, đức Thế Tôn tùy thuận cơ nghi mà khai thị, khiến cho bọn họ ai nấy đều theo đường trở về nhà, nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, tùy theo từng hoàn cảnh mà quán sát kỹ càng, mong họ đích thân thấy được vật báu ấy. Nhưng bậc có đủ trí chiếu Bát Nhã liền lập tức rỗng không các Uẩn, hết sạch mọi khổ ách, tuy có nhiều vị làm được như vậy, nhưng đây chẳng phải là điều bọn chúng sanh độn căn đời Mạt mà hòng mong mỏi được! Bởi vậy, đức Phật mở ra một pháp môn đặc biệt, ngộ hầu thượng - trung - hạ căn đều đạt được lợi ích thật sự ngay trong đời này, dạy họ dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, chuyên niệm thánh hiệu A

Di Đà Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chầy tháng, chính cái tâm nghiệp thức chúng sanh này sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng, tức là do báu Tam Muội chúng được báu Thật Tướng, mới biết vật báu này trọn khắp pháp giới, lại đem vật báu này thí khắp hết thảy. Do vậy, từ khi đức Phật mở ra pháp môn này, hết thảy Bồ Tát, Tổ sư, thiện tri thức thảy đều tuân hành pháp này, do pháp này trọn đủ tự lực và tha lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác nào một trời, một vực! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận Sớ*)

* Nếu chúng ta có thể đầy đủ lòng tin chân thật, nguyên thiết tha như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối để niệm, thì hai tầng công phu “xoay cái niệm để niệm nơi tự tánh” của đức Thế Chí và “xoay cái nghe để nghe nơi tự tánh” của đức Quán Âm sẽ hòa lẫn trong một tâm để niệm hồng danh vạn đức của Như Lai. Lâu ngày chầy tháng, cái tâm nghiệp thức chúng sanh sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng. Đây gọi là “*dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cho nên nhân trùn biến quả, quả tốt nguồn nhân*”. Người có duyên gặp được, mong chớ coi rẻ. Đây là đường vào cửa Niết Bàn của vi trần đức Phật, huống gì chúng ta là người đời Mạt Pháp há dám chẳng noi theo ư? (*Án Quang*)

Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho ấn bản Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh được viết theo lối chữ Khải để tặng đại chúng đọc tụng))

* Đã biết Ta Bà là khổ, Cực Lạc là vui thì hãy nên phát thệ nguyện thiết thực, nguyện lìa khổ Ta Bà, nguyện hưởng vui Cực Lạc. Nguyện ấy phải tha thiết như bị rớt xuống hầm xí, cầu được thoát ra gấp. Lại như bị giam cầm trong ngục, đau đáu nghĩ đến quê nhà. Sức mình chẳng thể tự thoát, ắt phải cầu người có đại thể lực cứu cho thoát khỏi.

Hết thấy chúng sanh trong thế giới Ta Bà đối với cảnh thuận - nghịch, khởi tham, sân, si, tạo giết, trộm, dâm, ô uế diệu giác minh tâm sẵn có. Đây chính là hầm xí không đáy. Đã tạo nghiệp ác, ắt phải chịu ác báo, qua nhiều kiếp dài lâu luân hồi sáu nẻo. Đây chính là chốn lao ngục chẳng hề phóng thích tội nhân. A Di Đà Phật trong nhiều kiếp quá khứ, phát bốn mươi tám nguyện độ thoát chúng sanh. Có một nguyện là: “*Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, cầu sanh về nước ta, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng sanh, chẳng lấy Chánh Giác*”. A Di Đà Phật thệ nguyện độ sanh; nhưng nếu chúng sanh chẳng cầu tiếp dẫn, Phật cũng chẳng biết làm cách nào! Nếu như chí tâm xưng danh, thề cầu xuất ly Sa Bà thì không một ai chẳng được Phật rủ lòng

từ nhiếp thọ. A Di Đà Phật có đại thế lực, cứu được người đang ở trong hầm phân không đáy, trong lao ngục chẳng hề phóng thích, khiến họ thoát ngay những chốn ấy, đặt yên họ nơi quê nhà sẵn có là cõi Cực Lạc, khiến họ nhập cảnh giới Phật, được thọ dụng giống như Phật. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

2. Khuyên Nên Trừ Lòng Nghi, Sanh Lòng Tin

* Trong thế gian, tất cả căn thân (căn chính là cái thân chúng ta) hay thế giới (tức là trời đất mình đang sống) đều là đồng nghiệp (thế giới) và biệt nghiệp (căn thân) được cảm thành trong cái tâm sanh diệt của chúng sanh, đều có thành - hoại, đều chẳng lâu bền. Thân có sanh - lão - bệnh - tử, thế giới có thành - trụ - hoại - không. Nói “*vật đạt đến cùng cực ắt xoay ngược lại, vui quá hóa buồn*” chính là ý này. Bởi lẽ, nhân đã là sanh diệt thì quả không thể nào chẳng sanh diệt!

Thế giới Cực Lạc là do A Di Đà Phật chứng triệt để Phật Tánh sẵn có trong tự tâm, tùy tâm hiện ra thế giới xứng tánh trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, sự vui trong cõi ấy không có thời kỳ cùng tận. Ví như hư không rộng rãi lớn lao, bao hàm hết thủy sâm la vạn tượng. Tuy thế giới bao lượt thành, bao phen hoại, nhưng hư không rốt ráo chẳng tăng - giảm.

Ông dùng sự vui thể gian để cật vấn sự vui nơi Cực Lạc. Dầu ông chưa thể thấy được sự vui nơi Cực Lạc; tuy ông chưa thể thấy hư không hoàn toàn, nhưng hư không trong vòng trời đất ông đã từng thấy qua, nó có biến đổi hay chẳng?

Phải biết: Hết thấy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh; vì thế, đức Phật (chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật) dạy người ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Do nương vào đại từ bi nguyện lực của A Di Đà Phật nên cũng được hưởng sự vui bất sanh bất diệt ấy. Do căn thân là liên hoa hóa sanh nên không có nỗi khổ sanh - già - bệnh - chết; còn thể giới do công đức xứng tánh biến hiện nên không có những sự biến đổi thành - trụ - hoại - không! Dầu là thánh nhân cũng còn có những điều không biết, há có nên do pháp thể gian sanh - diệt mà nghi ngờ ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cử*)

* Các pháp môn khác, pháp nhỏ thì đại căn chẳng cần tu, pháp lớn thì tiểu căn chẳng thể tu nổi! Chỉ có một môn Tịnh Độ này, độ khắp ba căn, lợi - độn gồm thấu. Trên thì như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, dưới thì Ngũ Nghịch, Thập Ác, chủng tánh A Tỳ địa ngục cũng có thể dựa vào. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh thoát tử ngay trong

đời này trọn chẳng có hy vọng gì!

Tuy pháp môn này rộng lớn như thế, nhưng cách tu lại cực giản dị. Do vậy, nếu không phải là kẻ đời trước có thiện căn Tịnh Độ sẽ khó thể tin chắc thật, không nghi. Chẳng những phàm phu không tin, Nhị Thừa còn đa nghi. Chẳng những Nhị Thừa không tin, quyền vị Bồ Tát rất có thể còn ngờ. Chỉ có Đại Thừa Bồ Tát thuộc những địa vị sâu xa mới có thể triệt để thỏa đáng tin tưởng không nghi (Áy là vì pháp môn này, lấy Quả Giác làm nhân tâm (cái tâm để tu nhân), nên toàn thể là cảnh giới của Phật. **Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rất ráo**, chứ trí của con người không thể nào biết được! Xin hãy đọc lời tựa cho sách Long Thư Tịnh Độ Văn trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên).

Có thể sanh lòng tin sâu xa đối với pháp này, dầu là phàm phu đầy đầy triển phược thì chủng tánh ấy đã vượt trội bậc Nhị Thừa. Do dùng tín nguyện trì danh hiệu Phật, bèn có thể đem cái tâm phàm phu gieo vào biển giác của Phật, cho nên ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo mầu.

Muôn nói pháp tu Tịnh Độ mà không nêu đại lược sự khó khăn của các pháp cậy vào tự lực để liễu thoát, và sự dễ dàng của pháp cậy vào Phật lực vãng sanh này thì nếu không nghi pháp cũng sẽ nghi chính mình. Nếu có mảy may tâm nghi sẽ do nghi mà thành chướng.

Đừng nói là không tu, dầu có tu cũng chẳng thể đạt được lợi ích thật sự rốt ráo! Do vậy phải nói: Một pháp Tín phải gấp gáp suy cầu, ngõ hầu tạo được lòng tin sâu xa đến cùng cực vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* **Nếu nói:** A Di Đà Phật ở yên nơi Cực Lạc, mười phương thế giới vô lượng vô biên, chúng sanh trong một thế giới niệm Phật cũng vô lượng vô biên. A Di Đà Phật làm sao có thể dùng một thân cùng lúc tiếp dẫn hết thảy chúng sanh niệm Phật trong khắp mười phương vô lượng vô biên thế giới được?

Đáp: Sao ông lại dùng tri kiến phàm phu để suy lường Phật cảnh? Xin mượn thí dụ để giải thích hòng trừ sai lầm cho ông. Một vàng trắng vàng vạc giữa trời, hiện bóng trong vịnh con sông, trăng có dụng tâm hay không? Trên trời chỉ có một vàng trắng, nhưng biển cả, sông to, rạch lớn, khe nhỏ thảy đều hiện bóng trăng vịnh toàn, dầu nhỏ như trong một chước, một giọt nước không đâu chẳng đều hiện bóng trăng trọn vẹn!

Vả nữa, bóng trăng trên sông rạch một người nhìn vào sẽ thấy một vàng trắng đối trước người ấy. Trăm ngàn vịnh ức người ở trăm ngàn vịnh ức chỗ nhìn vào, không ai chẳng có một vàng trắng đối trước mặt! Nếu trăm ngàn vịnh ức người ai nấy đi về những hướng

Đông, Tây, Nam, Bắc thì nơi người ấy đi đến, trăng vẫn thường ở nơi người ấy. Chỗ trăng đi đến, trọn chẳng có xa - gần. Nếu trăm ngàn vạn ức người ở yên chẳng động thì trăng cũng ở yên chẳng động, luôn ở nơi người ấy. Chỉ có nước trong lặng thì trăng hiện; nước đục, xao động thì trăng ẩn. Trăng cố nhiên không lấy - bỏ, không hiện là vì nước đục ngầu, xao động, không cách gì in bóng được!

Tâm chúng sanh như nước, A Di Đà Phật như trăng. Chúng sanh tín nguyện đầy đủ, chí thành cảm Phật thì Phật bèn ứng, giống như nước trong, trăng hiện. Nếu tâm không thanh tịnh, không chí thành, tương ứng với tham - sân - si, giống như nước đục, loạn động, thì trăng tuy chẳng bỏ sót không chiếu, nhưng chẳng thể hiện bóng rõ ràng.

Mặt trăng là sắc pháp thế gian mà còn hay khéo như thế, huống chi A Di Đà Phật đoạn sạch Phiền Hoặc, phước huệ đầy đủ, tâm bao thái hư, lượng trọn pháp giới! Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: *“Thân Phật đầy ắp pháp giới, hiện khắp trước hết thấy chúng sanh, tùy duyên cảm ứng không gì chẳng trọn vẹn, nhưng thường ngồi nơi tòa Bồ Đề này. Do vậy, phải biết: Trọn khắp pháp giới cảm, sẽ ứng trọn khắp pháp giới”*. Quả thật, Phật chưa hề khởi tâm động niệm có tướng đến - đi, nhưng có thể làm cho chúng sanh duyên chín muồi thấy Phật đến đây tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Ôm lòng nghi như thế, cố nhiên chẳng phải chỉ có một hai người; do vậy tôi bèn trình bày đại ý để người đọc sanh chánh tín vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam*)

* Nếu sự - lý, tánh - tướng, có - không, nhân - quả hỗn độn chẳng phân thì chỉ nên học theo ngu phu, ngu phụ, cắm cúi niệm Phật, chí cung, chí kính, chỉ nên thành khẩn, lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước cao. Cái tâm nghi ấy triệt để rớt mất thì Phật có hay là không, chính mình có hay là không, đường nẻo vào cửa Phật, căn cứ đích xác nơi bờ kia, cần gì phải hỏi ai khác nữa!

Nếu chẳng chuyên tâm dốc chí niệm Phật, chỉ hiểu đôi phần từ miệng người khác bàn bạc, thì cũng giống như xem kinh Kim Cang nhưng chẳng biết Thật Tướng. Đọc Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ nhưng chẳng sanh tín tâm là do nghiệp chướng trong tâm nên chẳng thể lãnh hội. Như kẻ mù nhìn mặt trời, cố nhiên mặt trời ở trên không, thấy được mặt trời là nhờ có mắt. Kẻ không thấy quang minh và lúc chưa thấy không khác gì nhau. Nếu mắt được sáng lại, vừa nhìn liền thấy tướng quang minh. Một pháp Niệm Phật chính là pháp thiết yếu nhất để mắt được sáng lại. Muốn thấy được tướng của Thật Tướng, hãy nên dốc cạn lòng thành nơi pháp

này, ắt sẽ có lúc được thỏa nguyện điều mình ấp ủ.

Muốn đích thân thấy được Chân Ngã, mà chẳng phải là bậc đại triệt đại ngộ thì sẽ không thể nào thấy được! Muốn chứng, nhưng nếu chẳng đoạn Hoặc chứng Chân sẽ không thể nào được. Muốn viên chứng mà Tam Hoặc³¹ chẳng đoạn sạch, nhị tử³² chẳng vĩnh viễn mất thì sẽ không thể nào đạt được.

Nếu luận về nơi chốn thì các hạ sẽ luân hồi bao kiếp dài lâu, cũng như những lời cật vấn trái lý hiện thời đều là nhờ vào sức của Chân Ngã để thực hiện; do trái nghịch giác, xuôi theo trần lao nên chẳng thể chân thật thọ dụng. Ví như cái đầu của chàng Diễn Nhã, châu nơi vạt áo³³, từ đầu đến cuối chưa hề mất, làm sanh sợ hãi, làm chịu nghèo cùng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cố Hiến Vi*)

* Chúng sanh mỗi người tập khí sai khác, mỗi người thiên về một chỗ. Kẻ ngu thiên về hèn kém, tầm thường, bậc trí thiên nơi cao thượng. Nếu kẻ ngu yên chịu phận

31. Tam Hoặc: Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc.

32. Nhị tử: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử.

33. Theo kinh Lăng Nghiêm, anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa soi gương thấy đầu mình đâm ra hoảng sợ phát cuồng. Còn ‘châu trong vạt áo’ là ví dụ trong kinh Pháp Hoa (phẩm thứ 8). Ví dụ này do năm trăm vị La Hán đã nói sau khi được Phật thọ ký: Gã nghèo đến chơi nhà bạn, ngủ say, bạn buộc hạt châu vô giá vào trong áo để giúp cho khỏi bị đói nghèo, nhưng gã không biết, thân mang vật quý vô giá, nhưng vẫn phải làm thuê làm mướn, vất vả kiếm sống.

ngu, chẳng dụng tâm tạp loạn, chuyên tu Tịnh nghiệp thì ngay trong đời này quyết định được vãng sanh, có thể nói là không ai sánh kịp kẻ ngu ấy ! Nếu người trí chẳng cậy mình có trí, vẫn cứ theo đuổi một môn cậy vào Phật từ lực, cầu sanh Tịnh Độ, thì có thể nói là hạng “đại trí”. Nếu ỷ vào kiến giải của chính mình, miệt thị Tịnh Độ, sẽ thấy từ kiếp này sang kiếp khác trầm luân ác đạo, có muốn được bén gót những gã ngu trong hiện thời cũng hoàn toàn chẳng thể được!

Tôi thật sự yêu mến, hâm mộ những kẻ hiểu sâu xa Tánh, Tướng, Tông, Giáo kia, nhưng chẳng dám thuận theo. Vì sao? Dây ngắn chẳng kéo được nước sâu, giấy nhỏ không thể bọc rộng, nguyên do là vậy! Chứ không phải là hết thầy mọi người đều phải bắt chước làm theo tôi!

Nếu cũng hèn kém giống như tôi mà muốn học theo hành vi của bậc đại thông gia, muốn diệu ngộ ngay tự tâm, xem đọc biển giáo, tôi sợ chẳng thể thành bậc đại thông gia; trái lại còn bị hạng ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật vãng sanh Tây Phương thương xót! Há chẳng phải là quá khéo biến thành vụng to, toan bay lên không lại rớt xuống vực sâu ư? Một lời bao trùm hết: Phải tự xét kỹ căn cơ của chính mình mà thôi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 9*)

* Trong thời thế hiện nay, **dẫu là bậc cổ Phật đã thành Chánh Giác thị hiện, chắc chắn cũng chẳng đẽ xướng gì khác ngoài chuyện “giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phận và chú trọng nơi pháp môn Tịnh Độ!”** Dẫu cho Đạt Ma đại sư thị hiện trong lúc này, cũng sẽ dùng pháp môn cây vào Phật lực để dạy dỗ.

Thời tiết, nhân duyên thật sự là căn bản. Trái nghịch thời tiết, nhân duyên, cũng giống như mùa Đông mặc áo vải mỏng, mùa Hạ mặc áo cừ, đói uống, khát ăn, không chỉ vô ích mà ngược lại còn có hại! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Đức Châu - 1*)

* Ngài Thiện Đạo là hóa thân của Phật A Di Đà, Ngài dạy Chuyên Tu vì sợ hành nhân tâm chí bất định, bị các pháp môn khác đoạt chí. Dẫu cho khắp tất cả từ Sơ, Nhị, Tam, Tứ Quả thánh nhân và các Bồ Tát Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, Đăng Giác, cuối cùng là mười phương chư Phật tận hư không, trọn pháp giới, hiện thân phóng quang, khuyên bỏ Tịnh Độ, giảng cho diệu pháp thù thắng, cũng chẳng chịu nhận, bởi thoát đầu đã phát nguyện chuyên tu Tịnh Độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy. Hòa thượng Thiện Đạo đã sớm biết người đời sau đứng núi này trông núi nọ, chẳng có tí ti định kiến nào nên mới nói như vậy hòng giết chết cái tâm chộp giựt cuồng vọng cứ luôn mong mỏi, ngưỡng mộ

lòng vòng! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Xưa kia Đại Trí luật sư³⁴ thông hiểu sâu xa giáo pháp của tông Thiên Thai, nghiêm tịnh Tỳ Ni (giới luật), hạnh nguyện tinh thuần, chí lực rộng lớn, chỉ đối với Tịnh Độ chẳng sanh tin tưởng. Về sau, do bệnh nặng mới biết lỗi trước, từ đó trở đi, hơn 20 năm tay chẳng rời kinh, chuyên nghiên cứu Tịnh Độ, mới biết pháp này lợi ích siêu việt thù thắng, bèn dám đối trước mọi người xưng tánh phát huy trọn chẳng sợ hãi. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu - 2*)

* Người khéo được lợi ích thì đối với mọi chuyện, không chuyện gì chẳng được lợi ích: Quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, gió động, không gì chẳng chỉ bày Thiên Chân³⁵ con người vốn sẵn có (Thiền Tông gọi là “ý

34. Đại Trí Luật Sư (1048-1116) là ngài Thích Nguyên Chiêu, tự là Tràm Nhiên, hiệu An Nhẫn Tử, người xứ Du Hàng, tỉnh Chiết Giang. Ngài xuất gia từ nhỏ, thọ Cụ Túc Giới năm 18 tuổi, theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xứ Khiêm, nhưng rất hâm mộ Tỳ Ni. Về sau, Sư thọ Bồ Tát Giới với ngài Quảng Từ, nối tiếp Nam Sơn Luật Tông. Trong thời Nguyên Phong nhà Tống, Sư trụ trì chùa Chiêu Khánh, hoằng truyền giới luật. Về già, Sư trụ trì chùa Linh Chi, nên thường được gọi là Linh Chi Tôn Giả. Khi ngài mất, được tôn thụy hiệu là Đại Trí Luật Sư.

35. Thiên Chân: Chân lý tồn tại tự nhiên không cần phải tạo tác. Sách Chi Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, quyển 1 giảng: “*Lý không tạo tác, nên gọi là Thiên Chân*”.

của Tổ sư từ trời Tây sang”). Huống gì bộ Văn Sao của Quang, văn tuy vụng về, chất phác; nhưng những điều được viết trong đó bất quá đều là tùy ý tùy cơ lấy những lời đã nói của Phật, Tổ biến thành những lời nói thông dụng mà thôi, nào có phải do Quang tự bịa ra ư? Quang chỉ truyền dịch lại để người sơ cơ dễ hiểu đó thôi! Dẫu là những điều dành cho sơ cơ, nhưng nếu thực hiện đến cùng cực thì cũng chẳng thể bỏ những điều này để tu điều gì khác được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu - 1*)

*** Phàm phu đời Mạt muốn chứng thánh quả mà chẳng nương theo Tịnh Độ thì đều là cuồng vọng!**

Tham Thiền dẫu đạt đến địa vị “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” thì vẫn là phàm phu, chưa phải là thánh nhân!

Quang cực tâm thường, kém cỏi, thiếu học vấn, nhưng thật sự giữ được thái độ “chẳng bị xoay chuyển bởi ngôn ngữ, văn tự của kinh giáo, tri thức!” Nếu ông chịu tin tưởng, hãy dốc sức nơi pháp dễ thực hiện, dễ thành tựu! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm - 6*)

* Tổ Triệt Ngộ, Tổ Tịnh Thường trước tác ít, nhưng cũng đủ khiến cho người khác dấy lòng phát nguyện.

Cố nhiên chẳng thể lấy trước tác nhiều hay ít để phán định đạo đức hơn - kém được! Xưa nay có nhiều vị Pháp Thân thị hiện, chỉ nói vài câu ít ỏi, không để lại trước tác gì, những vị như vậy nhiều lắm! Há có nên sanh lòng nghi nơi chỗ này? Cần biết rằng: Chúng ta muốn liễu sanh tử, quả thật chẳng cần nhiều; chỉ cần một điều là “lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương” là đủ rồi! Đầu đọc hiểu trọn hết Đại Tang cũng chẳng qua là nhằm thành tựu chuyên này mà thôi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Duy Phật*)

* Nay gửi cho cô ta một bộ An Sĩ Toàn Thư, xin hãy đọc kỹ càng, cẩn thận phần chú giải và dẫn chứng của đoạn văn “*ta mười bảy đời làm thân sĩ đại phu*”³⁶ và những đoạn văn đáp để giải trừ nghi ngờ trong các sách Vạn Thiện Tiên Tư, Dục Hải Hồi Cuồng, Tây Quy Trực Chỉ, sẽ chẳng đến nỗi biến mình thành kẻ không có căn bản, tuy tạm sống mấy chục năm, hễ chết liền tiêu diệt chẳng còn, há chẳng đáng thương đến tột cùng ư? Nếu biết thân chết mà thần thức chẳng diệt, coi đó như tuổi thọ, thì tuổi thọ nào phải chỉ dài lâu như trời với đất? Nếu chịu tu trì cầu sanh Tây Phương thì đến

36. Đây là một câu nói trong Âm Chất Văn khi Văn Xương Đế Quân tự thuật tiền thân. Trong bộ An Sĩ Toàn Thư, cuốn đầu là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn Quảng Nghĩa Tiết Lục.

tột cùng đời vị lai sẽ làm đại đạo sư cho hết thảy chúng sanh, há chẳng phải là bậc đại trượng phu vĩ đại ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Thiện Xương - 4*)

* Phàm những ai có tâm đều có thể thành Phật, há nên nói kẻ “mù, điếc, câm, ngọng” chẳng được vãng sanh? Phật nói đến “mù, điếc, câm, ngọng” trong tám nạn, ngụ ý những tật ấy khiến cho người đó khó thể nhập đạo mà thôi! Nếu có thể chuyên ròng niệm Phật, tuy người điếc chẳng thể nghe kinh và nghe thiện tri thức khai thị, người mù chẳng thể xem kinh, rốt cuộc nào trở ngại gì đâu? Người câm không có tiếng, kẻ ngọng cũng không nói gãy gọn được, nhưng trong tâm niệm thâm vẫn có thể đích thân đạt được Niệm Phật tam-muội trong đời này, lâm chung lên thẳng chín phẩm; há nên nói những người ấy chẳng thể vãng sanh? Những người ấy chẳng sốt sắng niệm Phật thì chẳng thể vãng sanh, chứ không phải là những người ấy dù niệm Phật cũng chẳng được vãng sanh! Còn người tàn phế thiếu tay thiếu chân thì cũng giống như kẻ mù, điếc, câm, ngọng.

Nói kẻ “mù, điếc, câm, ngọng” chẳng thể được vãng sanh như thế là vì hiểu lầm bài kệ trong Vãng Sanh Luận mà ra! Kệ nói: “*Đại Thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh*” (Cõi thiện căn Đại Thừa, bình

đẳng không có những danh từ đáng chê trách, nữ nhân và thiếu căn, giống Nhị Thừa chẳng sanh), chính là nói “Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới của những người mang thiện căn Đại Thừa sanh về, trọn chẳng có những danh tự có thể gây nên chê bai hoặc có thể gây nên sự chán ghét”. Hai câu tiếp đó liệt kê một số những danh tự có thể gây nên sự chê bai như “nữ nhân, người sáu căn chẳng đủ, và hạng người Nhị Thừa Thanh Văn, Duyên Giác”. Do vậy: “*Nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh*” nghĩa là Tây Phương không có nữ nhân, người sáu căn chẳng hoàn bị và hàng Nhị Thừa (Tây Phương tuy có danh tự “thánh nhân Tiểu Thừa” nhưng đều thuộc hàng phát tâm Đại Thừa, trọn chẳng có hàng Thanh Văn, Duyên Giác không phát tâm Đại Thừa), chứ không phải là nói đến những người tu hành cầu vãng sanh thế giới ấy. Người thiếu trí huệ tưởng rằng những hạng người ấy chẳng được vãng sanh Tây Phương, lầm lẫn quá lớn! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời pháp sư Tông Linh*)

* Xưa kia, Giới Hiền luận sư³⁷ ở Tây Vực, đức cao

37. Giới Hiền (Śīlabhadra) sống khoảng thế kỷ thứ 6, hay thứ 7, là một vị Luận Sư nổi tiếng của Đại Thừa Phật Giáo Du Già Hạnh (Duy Thức), trụ trì chùa Na Lan Đà tại nước Ma Kiệt Đà, Ấn Độ. Sư thuộc dòng dõi hoàng gia Samatata ở Đông Ấn, hiểu học từ thuở nhỏ, tham học với khắp các bậc minh triết. Khi đến Na Lan Đà, Sư gặp được Hộ Pháp Bồ Tát, nghe Ngài giảng pháp, tin tưởng, giác ngộ, bèn theo xuất gia. Năm 30 tuổi, Sư từng viết luận khiến các sư trưởng ngoại đạo khắp cả một giải Nam Ấn Độ phải chịu thua. Sư trụ trì chùa Na Lan

khấp đời, đạo lầy lừng Tứ Trúc (bốn xứ Thiên Trúc³⁸). Do túc nghiệp nên thân mắc ác bệnh, khổ sở cùng cực, chẳng thể chịu đựng nổi, muốn tự tử, chợt thấy ba vị Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giáng xuống, bảo: *“Ông trong kiếp xa xưa kia, nhiều lần làm quốc vương nã hại chúng sanh, đáng lẽ đọa ác đạo từ lâu. Do ông hoằng dương Phật pháp nên phải chịu nỗi đau khổ nhỏ này trong cõi người để tiêu diệt nỗi khổ địa ngục cả kiếp dài lâu... Ông nên gắng chịu đựng”*.... Nếu chẳng hiểu rõ nhân trong đời trước, người ta sẽ nói Giới Hiền chẳng phải là vị cao tăng đắc đạo, hoặc sẽ nói bậc đại tu hành như vậy mà vẫn bị bệnh thảm như thế, Phật pháp linh cảm lợi ích ở chỗ nào?....

Nếu thấy người tạo ác nhưng hiện tại được phước báo thì cũng sẽ khởi tâm tà kiến như thế; chẳng biết đầy đều là tiền nhân hậu quả và chuyển quả báo nặng nề trong đời sau thành quả báo nhẹ nhàng trong hiện

Đà rất lâu, chuyên hoằng truyền giáo nghĩa Duy Thức. Sư y cứ các bộ Giải Thâm Mật Kinh, Du Già Sư Địa Luận v.v... chia Phật giáo thành ba thời là Hữu, Không, Trung, lập ra thuyết Ngũ Chung Tánh. Khi ngài Huyền Trang đến cầu học, Sư đã hơn trăm tuổi. Do đức độ và kiến thức của Sư, đại chúng không kêu trực tiếp pháp danh nữa mà gọi Sư bằng mỹ hiệu Chánh Pháp Tạng.

38. Thiên Trúc chính là Ấn Độ. Do thời cổ, các âm Trúc và Độc đọc giống nhau, cổ thư còn phiên âm Thiên Trúc là Thiên Độc, Thiên Đốc, Thân Độc. Theo các nhà nghiên cứu, đây đều là những âm đọc sai của chữ Hindustan. Trong Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 85, pháp sư Huyền Trang ghi: *“Danh xưng Thiên Trúc, có nhiều ý kiến bàn bạc khác biệt. Thời cổ gọi là Thân Độc, hoặc gọi là Hiền Đậu. Nay theo chánh âm, nên đọc là Ấn Độ... Ấn Độ, Hán dịch là Nguyệt (mặt trăng). Mặt trăng có nhiều tên, đây là một tên!”* Ấn Độ chia thành năm xứ (Ngũ Trúc), ngoại trừ phần Trung Ương, bốn khu Đông, Tây, Nam, Bắc, được gọi chung là Tứ Trúc.

đời, cũng như chuyển quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời thành quả báo nặng nề trong đời sau v.v... đủ mọi lẽ phức tạp khác nhau! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Châu Tung Nghiêu*)

* Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên. Ví như một trận mưa thấm khắp, cây cỏ cùng tươi tốt. Cái đạo tu thân, tề gia, trị quốc, tân dân không gì chẳng đầy đủ. Xưa nay những kẻ văn chương lừng lẫy một thuở, công nghiệp vang rền vũ trụ, và những người nhân hiền rất mực, muôn đời kính ngưỡng, người ta chỉ biết đến hình tích chứ chưa xét đến cội nguồn. Nếu khảo sát kỹ căn do thì tinh thần, chí khí, tiết tháo của họ đều do học Phật vun bồi mà ra. Những chuyện khác không cần phải nhắc đến, chứ ngay như tâm pháp của thánh nhân do Tống Nho³⁹ phát minh cũng phải nhờ vào Phật pháp để làm khuôn mẫu vậy, huống gì những thứ khác!

Thế nhưng bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, muốn hậu thế cho rằng những điều ấy do chính trí của họ tìm ra, nên đặt ra những lời chê trách Phật để làm kế “bịt tai trộm linh”! Từ đời Tống đến nhà Nguyên rồi sang nhà

39. Tống Nho là Nho Học theo quan điểm diễn dịch của Trình Hạo, Trình Di, Châu Hy đề xướng (thường được gọi là Lý Học). Họ vay mượn, xuyên tạc những khái niệm nhà Phật để biện minh cho Nho Học, rồi cực lực đả kích Phật pháp.

Minh, không lúc nào chẳng vậy! Thử dốc lòng khảo sát thì không ai chẳng lấy Phật pháp để tự làm lợi cho mình! Còn như họ nói đến chuyện tịnh tọa, nói đến chuyện tham cứu, đều là chứng cứ chứng tỏ họ dụng công; lâm chung biết trước lúc mất, nói cười ngời thác là những chứng cứ sau cùng để phát hiện họ có tu Phật. Những chuyện như vậy chép trong các truyện ký của Lý Học không thể nào nêu trọn. Há có phải học Phật là mối lo cho xã hội ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1*)

* Đức Đại Giác Thế Tôn khéo trị những căn bệnh nơi thân, nơi tâm chúng sanh, khéo làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tâm bệnh có những thứ nào? Chính là tham - sân - si. Đã có những bệnh ấy, tâm chẳng thể chánh được, những ý niệm thuận theo tình kiến, trái nghịch lý sẽ ò ạt dấy lên. Những niệm ấy đã khởi, ắt sẽ muốn thỏa lòng ham muốn của chính mình, cái tâm hèn tẻ giết - trộm - dâm sẽ ngay lập tức biến thành sự thực. Đây gọi là “do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chuốc khổ trải tràn điếm kiếp⁴⁰ chẳng thối nào xong!” Đức Như Lai thương xót, tùy theo từng căn bệnh của chúng sanh mà ban thuốc, bảo họ: “*Tâm tham - sân - si chẳng phải là cái tâm vốn có của các*

40. Trần điếm kiếp: Kiếp số nhiều như số vi trần.

ngươi. Tâm các ngươi vốn viên minh tịnh diệu như tấm gương sáng sạch, trọn chẳng có một vật nào! Hễ có vật ở trước gương thì không vật nào chẳng được soi trọn vẹn. Vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng lưu giữ. Giữ được tánh thiên chân của ta, chẳng bị chuyển theo vật. Mê tâm đuổi theo cảnh thì gọi là ngu phu. Trái trăn hợp giác liền dự vào dòng thánh”.

Nếu con người biết được điều này, tâm bệnh sẽ lành. Tâm bệnh đã lành, thân bệnh chẳng có cội gốc nữa, dầu cảm xúc lạnh - nóng cũng chẳng bị nguy hiểm. Tâm đã chánh thì thân sẽ chánh theo. Do đã không có tình niệm tham - sân - si, sẽ do đâu mà có những hạnh hèn tẻ giết - trộm - dâm cho được? Ai nấy đều như thế thì dân là đồng bào, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng, nào còn có chuyện tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau nữa ư? Vì thế, những bậc vua quan thông minh duệ trí thời xưa không vị nào chẳng sùng phụng, hộ trì, bởi Phật pháp giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy, nên đạt đến thái bình mà chẳng hay chẳng biết, chẳng tỏ lộ dấu vết vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về chuyện Hương Quang Liên Xã thuộc Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện xây dựng Tam Thánh Điện*)

* Phải biết một câu A Di Đà Phật, trì đến cùng cực thì thành Phật vẫn còn dư! Há nên bảo niệm kinh A Di

Đà, niệm Phật chẳng diệt được định nghiệp ư? Phật pháp giống như tiền, do người khéo dùng, ông có tiền thì làm gì mà chẳng được? Ông có thể chuyên tu một pháp thì cầu gì chẳng được? Há cứ phải khẳng khái trì chú này, niệm kinh này sẽ được công đức này, chẳng đạt được những công đức khác ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu*)

* Pháp môn Tịnh Độ nếu tin cho tới, còn gì tốt lành hơn! Nếu trí mình chưa quyết thì phải nên tin tưởng lời chân thành của chư Phật, chư Tổ, trọn chẳng được một niệm nghi tâm. Nghi sẽ chẳng tương ứng chư Phật, lâm chung nhất định khó thể cảm thông. Cổ nhân bảo: “*Pháp môn Tịnh Độ chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu trọn vẹn. Hàng Đẳng Địa Bồ Tát¹³ chẳng biết được ít phần*”. Hàng Đẳng Địa Đại Sĩ còn chẳng thể biết hết, huống hồ là hạng phàm phu lè tè sát đất lại vọng sanh ức đoán ư? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Nếu tâm sanh tử thật sự thiết tha, tin tới nơi, tâm chẳng sanh một niệm ngờ vực thì dù chưa ra khỏi Sa Bà, đã chẳng còn là khách trọ lâu ngày trong chốn Sa Bà; chưa sanh Cực Lạc, nhưng đã là khách quý cõi Cực Lạc. Thấy người hiền mong mình được bằng, gặp

điều nhân đừng để lỡ. Há có nên do dự, lười nhác, sao nhãng, để đến nỗi một phen lầm lỡ khiến mình bị lỡ làng mãi mãi ư? Là trang nam nhi có huyết tánh, dứt khoát chẳng chịu sống làm thân đi, thịt chạy, chét mục nát như cỏ cây. Hãy gắng lên, cố lên! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Pháp môn Tịnh Độ do Phật Thích Ca và Di Đà kiến lập, do Văn Thù, Phổ Hiền chỉ quy, do Mã Minh, Long Thọ hoằng dương, do các vị Khuông Lu (Huệ Viễn), Thiên Thai (Trí Khải), Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích phát huy, xướng suất để khuyến khắp dù phàm hay thánh, dù ngu hay trí. Các vị Bồ Tát đại sĩ ấy trăm ngàn năm trước, sớm đã vì ta nghiên cứu khắp các giáo pháp trong Đại Tạng, đặc biệt chọn ra pháp chẳng cần đoạn Hoặc mà được dự ngôi Bồ Xứ này, ngay trong một đời này quyết định xỏ lồng, chí viên, chí đốn, cực kỳ giản dị, thống nhiếp Thiên - Giáo - Luật, lại vượt xa Thiên Giáo Luật cho dù căn cơ cạn hay sâu, dù Quyền hay Thật. Thật là một diệu pháp thật đặc biệt, siêu việt lẽ thường.

Chúng ta chẳng tin tưởng Phật, Tổ là những bậc thầy từ xưa bằng những vị tri thức cận thời hay sao? Kinh Hoa Nghiêm là vua trong Tam Tạng, cuối kinh quy kết chú trọng nguyện vương. Hoa Tạng hải chúng đều đã chứng Pháp Thân, đều cầu vãng sanh hồng viên

mãn Phật Quả. Bọn ta là hạng gì mà lại dám chẳng bắt chước theo? Hãy bỏ tâm cuồng ấy, tận lực thực hành đạo này. Công đức lợi ích sẽ tự chứng biết. Nào đợi phải tham học khắp cả rồi mới thành hạng biết pháp ư?
(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Luận bàn xác thực thì pháp môn Đại Thừa, pháp nào cũng viên diệu. Nhưng căn cơ có sống, chín, duyên có cạn, sâu. Bởi thế, xét về mặt lợi ích thì có “khó được” và “dễ được”. Tổ Thiện Đạo, hóa thân của Phật Di Đà, đã dạy chuyên tu. Ngài chỉ e hành nhân tâm chí bất định, bị các thầy trong những pháp môn khác lung lạc, nên bảo: Cho dù thánh nhân Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, và Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Đẳng Giác Bồ Tát cho đến thập phương chư Phật tận hư không, trọn pháp giới hiện thân, phóng quang, khuyến ta bỏ pháp Tịnh Độ, giảng cho pháp thù thắng nhiệm mầu nào khác, ta cũng chẳng chịu nhận. Thừa là do lúc ban đầu đã phát tâm chuyên tu Tịnh Độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy.

Hòa Thượng Thiện Đạo đã sớm thấy người đời sau đứng núi này trông núi nọ, chẳng có kiến giải nhất định. Vì thế Ngài nói như vậy để kiệt lực xoay chuyển cái tâm ngấm ghé cuồng vọng, ưa ham cầu. Ai đã biết ngài Thiện Đạo là thầy mà lại chẳng tuân theo? Thế mà người tuân theo lời Ngài thật chẳng được mấy! Có phải

là do túc thế ác nghiệp sai khiến đến nổi ngoảnh mặt bỏ lẽ pháp khế lý, khế cơ bậc nhất này, không Thiên, không Tịnh Độ, nghiệp thức mang mang, làm kẻ không cội rễ trong nẻo luân hồi đó chăng? Áo nào thay! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Tu hành Tịnh Độ có cái lẽ quyết định chẳng nghi. Chẳng cần phải hỏi han người khác hiệu nghiệm hay không! Dù khắp cả người đời không ai được hiệu nghiệm, cũng chẳng sanh nhất niệm nghi tâm, cứ lấy lời lẽ chân thành của Phật, Tổ làm căn cứ. Nếu hỏi người khác về sự hiệu nghiệm, chính là tin Phật chưa đến mức cùng cực, tâm vẫn còn so đo, chưa thể trọn vẹn mọi sự. Nam nhi anh liệt quyết chẳng đến nỗi bỏ lời Phật để tin lời người, trong tâm không chủ ý, chỉ muốn cậy vào lời người khác khoe hiệu nghiệm để hướng dẫn tiền đồ của chính mình. Thật chẳng đáng buồn ư? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Ông La Đài Sơn chẳng được vãng sanh, lại bị đọa vào nơi phước báo là do tập khí văn chương quá nặng. Tập khí ấy đã nặng, dù nói là niệm Phật, nhưng thực ra niệm niệm đặt nơi công phu sáng tác văn chương. Công phu niệm Phật chỉ là chống đỡ mặt ngoài đó thôi. Đây là bệnh chung của văn nhân, chẳng phải chỉ riêng Đài Sơn thôi đâu! Phật bảo thế trí biện thông là một

trong tám nạn, chính là vì lẽ này. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Người sống trong cõi đời, nhất nhất phải theo đúng bốn phận của mình, chẳng thể vọng tưởng tính toán ra ngoài bốn phận. Tức là như thường nói: “*Quân tử chẳng vượt ngoài phận vị của mình*”. Cũng như nói: “*Quân tử chỉ làm đúng theo phận vị của mình*”. Tuy đối với pháp môn Tịnh Độ đã sanh tín tâm, nhưng ý niệm ưa cao, chuộng trội vẫn còn chưa buông xuống được, chưa chịu đặt mình vào hàng ngu phu, ngu phụ. Phải biết rằng ngu phu, ngu phụ dễ liễu thoát sanh tử bởi tâm họ chẳng có dị kiến.

Nếu hiểu Tông, thông Giáo, toàn thân có thể buông xuống hết, thực hành công phu của hạng ngu phu, ngu phụ thì cũng dễ liễu thoát sanh tử. Nếu không thì bậc cao nhân thông Tông, thông Giáo lại chẳng bằng ngu phu, ngu phụ đời nghiệp vãng sanh! Pháp môn Tịnh Độ lấy vãng sanh làm chủ, tùy duyên tùy phận chuyên tinh chí mình, Phật quyết chẳng dối người. Nếu không, mong bay lên hóa ra lại rớt xuống; đây là tự mình làm lẫn, nào phải lỗi của Phật đâu! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn tối huyền, tối diệu, chí viên, chí đốn trong giáo pháp của cả một

đời Đức Phật (một pháp có đủ hết thủy pháp là Viên, ngay trong đời này tu sẽ chứng đắc ngay trong đời này nên bảo là Đốn). Hạng phàm phu lè tè sát đất cũng vào được pháp này, bậc Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng ra khỏi pháp này. Thực là một con đường tắt để thượng thánh hạ phàm chóng thành Phật đạo, là một chiếc thuyền từ phổ độ chúng sanh của chư Phật, chư Tổ.

Chẳng sanh tín tâm nơi pháp này, hoặc tin chẳng chân thành, thiết tha, chính là do nghiệp chướng sâu nặng, chẳng kham liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn thường luân hồi lục đạo trong thế giới này, chẳng có kỳ ra. Dẫu được làm thân trời, người, thời gian ấy rất ít, như khách chỉ ở trọ. Một phen đọa trong tam đồ, thời gian ấy dài lâu như ở yên nơi quê nhà. Mỗi lần nghĩ đến tâm kinh sợ, dựng đứng lông tóc, chẳng nề rát miệng khản cáo đồng nhân. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Xem kỹ thơ ngài gởi đến, bàn luận nhiều điều, nhưng có thể nói gọn một lời là “chỉ dùng trí kiến phàm phu để suy lường xằng bậy Phật trí mà thôi”! Và như chúng ta từ sống đến chết, trong là thân tâm, ngoài là cảnh giới, có một ai biết rõ được nguyên do mọi sự chẳng? Từ khi mình có hiểu biết đến nay, thấy tiền nhân làm sao mình cũng bắt chước làm đúng như thế thì thân thể mới được thành lập, mọi sự mới thuận tiện,

thích đáng, thân tâm an lạc, từ sống đến chết hưởng thọ tự tại. Đối với những lời khuyên dụ của đức Như Lai, các hạ cho rằng vì chẳng biết ngọn ngành Phật trí và ngọn ngành Tịnh Độ như thế nào, nên dù Phật, Tổ nói lời thành thực, cũng chẳng thể nhân đó sanh lòng tin.

Xin lấy chuyện này để xét: Các hạ suốt ngày ăn cơm, suốt ngày mặc áo, thì có biết hay là không biết nguồn gốc của việc chống đói, ngăn lạnh chẳng? Nếu nói là biết thì ai là người biết, xin chỉ đích xác ra. Nếu chỉ không được, vẫn là theo quy củ của tiền nhân đã lập mà ăn cơm, mặc áo! Sao lại đối với diệu pháp liễu sanh thoát tử bậc nhất, cứ đòi phải biết trước cội nguồn rồi mới sanh lòng tin, trọn chẳng chịu do lời thành thực của chư Phật, chư Tổ mà sanh lòng tin vậy?

Hơn nữa, nếu các hạ có bệnh cần phải uống thuốc thì trước hết sẽ mở sách Bản Thảo, Mạch Quyết ra xem để biết dược tánh, nguồn gốc căn bệnh rồi căn cứ trên bệnh chứng mà kê toa, sau đấy mới uống thuốc; hay là lập tức mời thầy lang chẩn mạch, lập tức uống thuốc? Nếu lập tức uống thuốc thì việc trị bệnh và học Phật mâu thuẫn nhau quá!

Dù cho có mở sách Bản Thảo, Mạch Quyết ra xem để biết dược tánh, gốc bệnh, cũng vẫn mâu thuẫn với việc học Phật. Vì sao vậy? Bản Thảo, Mạch Quyết đều là lời đề đòi của tiền nhân. Ông chưa thể tận mắt thấy, làm sao tin được? Nếu bảo những câu trong Bản Thảo,

Mạch Quyết chẳng thể không tin thì lời của Phật, Tổ, thiện tri thức sao lại đều chẳng tin, cứ phải chính mình thấy mới tin?

Với tri kiến của ông, nếu cứ thực tình mà luận thì trước hết phải thấy thuốc ấy chạy vào kinh lạc nào, trị được bệnh nào, rồi mới kê toa, uống thuốc; quyết chẳng chịu dựa theo những điều nói trong Bản Thảo, Mạch Quyết để lập toa, uống thuốc. Vì sao vậy? Vì chưa từng thấy.

Nay nguồn gốc của việc chống đối, ngăn lạnh, trị bệnh chưa từng thấy nhưng vẫn cứ ăn cơm, mặc áo, uống thuốc; thế thì ngọn nguồn của Phật và Tịnh Độ chưa từng thấy, dù có lời thành thực của Phật, của Tổ cũng chẳng tin là vì lẽ gì? Với điều này thì coi là chuyện liên quan đến tánh mạng, tuy không biết vẫn chẳng dám không làm đúng như thế. Còn với chuyện kia lại cậy mình cao minh, đòi phải thấy tốt cùng mới chịu tu trì pháp ấy. Xưa nay được mấy kẻ hào kiệt phi thường như thế? Do tri kiến đó, rốt cục chẳng hưởng lợi ích thật sự của Phật pháp.

Những kẻ bị coi là ngu phu, ngu phụ kia, thoát đầu cũng chẳng biết gì, nhưng y theo quy củ của tiền nhân, cắm đầu niệm Phật. Bởi đó, ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo mâu, liền được đối nghiệp vãng sanh, cùng kẻ đoạn Hoặc vãng sanh đều chứng Phật Quả, có hơn kẻ chỉ biết suông rồi thôi chẳng? Loại người tự dán nhãn

mình là hạng xuất cách, do nghi sanh báng, sẽ từ kiếp này sang kiếp khác, đọa mãi trong ác đạo, dù hàng ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh thương xót muốn cứu vớt giùm cũng chẳng biết làm sao! Vì sao? Vì hạng này bị ác nghiệp bất tín đòi trước chướng ngại. Trí của các hạ như bảo kiếm Can Tương, Mạc Gia, chặt ngọc như chém bùn. Do chẳng khéo dùng trí ấy, khác nào dùng thanh Can Tương, Mạc Gia để chém bùn, bùn không việc gì, uổng phí kiếm sắc, chẳng đáng buồn sao? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Phật pháp là tâm pháp. Hết thấy pháp thế gian chẳng sánh ví được. Có sánh ví chẳng qua là để khiến người ta lãnh hội được ý nghĩa. Chẳng được chấp chết vào sự để bàn ngang. Dùng cái quạt để ví cho mặt trăng, rung cây dạy gió. Nếu cứ do cái quạt tìm lấy quang minh, từ nơi cây tìm ra sự phát phơ thì có còn gọi được là trí hay chẳng? Tuy mộng cảnh là giả, nhân quả là chân, cũng chẳng ngại dùng mộng cảnh để ví dụ nhân quả, cốt sao chúng phù hợp nhau.

Là sao? Vọng tâm là Nhân, mộng cảnh là Quả. Nếu không vọng tâm chắc chắn chẳng có mộng cảnh. Điều này nhất định chẳng dễ luận. Tâm thiện ác và việc tu trì là Nhân, được quả báo thiện ác và quả báo tu trì là Quả. Các hạ phải tin; nếu không, do vọng tâm là nhân của mộng sẽ được mộng cảnh. Tâm niệm Phật là nhân

thành Phật, gần là được vãng sanh Tây Phương, xa là rất ráo viên thành Phật đạo. Đây chính là điều ngài đang nghi, ngăn trở ngài phát khởi lòng tin vậy! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Hãy để chuyện Phật rất ráo là có hay không lại đó. Các hạ cứ muốn cật vấn Phật là có hay là không thì hãy tự hỏi chính các hạ rất ráo là có hay là không? Nếu bảo là không thì mỗi ràng buộc này đây, ai là người thuật nói? Nếu bảo là có, xin hãy chỉ đích xác! Lời lẽ của người nói chỉ là do yết hầu và thức tâm hợp lại mà có. Văn tự cũng do thức tâm, tay, bút vận động mà hiện. Mỗi mỗi đều chẳng ngoài Ngũ Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đều chẳng phải là các hạ! Rời ngoài năm pháp này có chỉ được ai là các hạ để hỏi Phật rất ráo là có hay không, mà cho đó là câu hỏi đại trí huệ?

Nếu chẳng chỉ ra được chính mình là có hay không, nhưng lại muốn biết Phật là có hay không trước đã thì đây chỉ là câu hỏi cuồng vọng, không đáng luận tới, chẳng phải câu hỏi thấu đạt lý đến cùng tận! Phật rất ráo là có. Vì phàm tình của ông chưa sạch, nên Phật chẳng thể hiện. Chính các hạ cũng là có. Do Ngũ Uẩn của ông chưa là không nên cũng chẳng thể chỉ ra ngoài Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức được! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Kinh Kim Cang dạy hàng Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, phát tâm độ hết thảy chúng sanh khiến họ đều chứng Vô Dư Niết Bàn, nhưng chẳng thấy có một chúng sanh được diệt độ. Chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí. Bố thí đứng đầu trong lục độ vạn hạnh. Nêu lên bố thí thì trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, cho đến vạn hạnh cũng đều chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để tu. Văn kinh này giản lược, chỉ nêu bố thí để nói chung tất cả các pháp kia.

Hãy nên không trụ vào đâu để sanh tâm. Không có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả mà tu hết thảy thiện pháp. Nói như vậy thì bảo là hữu tướng hay vô tướng?

Tướng quang minh rộng lớn như thế chật kín thái hư mà bảo là không thì khác gì mù lòa từ lúc mới sanh? Nói “*không có một chúng sanh được độ*” là chẳng trụ vào tướng, vô tướng. “Vô sở trụ” là muốn cho con người chẳng vướng mắc trong phàm tình, thánh kiến, rồi chấp trước tướng.

Nói “*độ tận chúng sanh, hành bố thí, sanh tâm, tu thiện pháp*” là muốn cho con người xứng tánh tu tập pháp tự lợi, lợi tha, ngỗ hầu mình lẫn người cùng được viên mãn Bồ Đề mới thôi, đừng vướng vào đó, vọng chấp vô tướng là rốt ráo, chia xẻ cùng một tri kiến với kẻ nhai bã hèm, có đáng gọi là người có trí huệ chăng?

Tín có gì là khó khởi, nghi có gì là khó trừ? Ông quyết định chẳng chịu khởi, quyết định chẳng chịu trừ. Dù Phật có đích thân thuyết pháp cho ông, cũng chẳng làm sao được! Huống hồ tôi đây chỉ là kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Muốn biết Phật là thật hay giả, sao chẳng đối với những lý được bàn trong Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ và những chuyện được chép trong ấy mà phát khởi lòng tin, dứt lòng nghi, lại cho những ngôn luận, sự tích ấy chỉ là chuyện bịa đặt, lời đồn, chẳng đáng để vào mắt vậy? Nếu nghĩ như vậy thì nhất định linh hồn chẳng đọa trong năm đường nào khác, chỉ ở ngay trong địa ngục A Tỳ đến hết đời vị lai. Cứ mãi mãi hưởng thọ vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao do tâm hiển hiện, cứ coi chúng như các thứ lạc cảnh tự tại thọ dụng. Coi đó là vui thì chẳng thể khuyến dụ được nữa!

Ông cứ muốn biết Phật là thật hay giả, dù Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ nói gì đi nữa đều coi là chẳng thật; chỉ khi tự mình thấy, đích thân chứng, mới nhận là thật; nay tôi lấy một sự tương để hỏi, ông nên thẳng thắn đáp lời, chẳng được hàm hồ, thoái thác.

Bắc Thông Châu Vương là Tiên San, thời nhà Thanh từng giữ chức Phiên Đài ở Quảng Tây. Khi ấy, Quảng Tây thổ phỉ rất nhiều. Lúc ông Tiên coi việc binh bị bèn

bày kế diệt hết phỉ đảng, bắt giết rất nhiều. Bốn năm trước đây, ông mắc bệnh rất nặng. Cứ chớp mắt liền thấy mình ở trong căn nhà tối. Nhà đó rất lớn, lại rất tối, bọn quỷ vô số đều đến bức bách ông, sợ quá tỉnh dậy. Một lát sau, chớp mắt lại thấy y như cảnh cũ, lại hoảng sợ tỉnh dậy. Suốt ba ngày đêm chẳng dám chớp mắt. Ông ta chỉ còn thở thoi thóp, vợ bèn khuyên dụ: “Ông cứ như thế chẳng tốt đâu! Ông niệm nam mô A Di Đà Phật đi, niệm Phật sẽ ổn ngay!” Tiên San nghe vậy liền gắng niệm. Được một chốc liền ngủ, ngủ dậy một giấc không mộng mị gì, mà bệnh cũng dần dần thuyên giảm. Nhân đó, ông trường trai niệm Phật. Năm ngoái, Tiên San và Trần Tích Chu lên núi, có trò chuyện cùng Quang.

Nếu các hạ lâm vào cảnh ấy, thì cứ phải biết trước là Phật là thật hay giả rồi sau mới niệm chăng? Hay là nghe xong liền niệm? Nếu lúc ấy chẳng nhọc công xét thật, giả, cứ niệm ngay, thì hiện tại sao lại cùng người đời này bàn bạc ngôn luận, sự tích người đời trước là thật hay hư? Cứ nhất loạt cho là vọng, chỉ cầu lấy chỗ đúng; cứ vin vào đó khiến tâm cảnh mơ màng, mờ mịt, còn toan nhỏ lệ khóc cầu nữa ư? Đã có thể coi phú quý như chiếc dép rách, sao không thể coi chấp trước giống như chiếc dép rách để bỏ sạch cả đi? Ông tính dùng tri kiến ấy để làm cửa nhập đạo đây ư? Chẳng biết nó chính là đường để đạt địa ngục A Tỳ đây!

Lấy mộng để ví cho Phật thì vọng tâm là Nhân, mộng cảnh là Quả. Ví như niệm Phật là Nhân, vãng sanh gặp Phật là Quả. Vì sao có thể lấy sáu thí dụ trong kinh Kim Cang làm chứng? Ngôn ngữ, văn tự thế gian, một chữ, một sự, chẳng ngại gì diễn tả cả sang lẫn hèn, giảng giải cả tốt lẫn xấu. Chẳng hạn như chữ “Tử”, dùng để chỉ mình đức Phu Tử cũng được, mà chỉ người bình thường cũng được, dùng để gọi con cái cũng tốt. Điều phải dựa vào văn mạch để xác định ý nghĩa, quyết chẳng thể đối với chữ Tử có nghĩa là Phu Tử, lại giảng là “nhi tử” (con cái) được. Cõi Phật là mộng cảnh, đâu cần chờ các hạ thành Phật rồi mới nói sau. Nói như vậy chỉ tự tổn hại, vô ích mà thôi! *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Pháp môn Tịnh Độ là bi tâm triệt để của đức Như Lai, là pháp môn phổ độ chúng sanh khiến cho những kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược, không có sức đoạn Hoặc, nhờ tín nguyện trì danh sẽ được liễu thoát ngay trong đời này, cùng làm bè bạn với Quán Âm, Thế Chí. Trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, địa vị gần kề Phật Quả vẫn còn phải vãng sanh mới thành Chánh Giác.

Chí viên, chí đốn, thông trên, suốt dưới, vượt trội hết thảy các pháp môn đã được giảng trong cả một đời giáo hóa. Vì thế, trong khi Đức Phật giảng kinh A Di Đà, sáu phương chư Phật hiện tướng lưới rộng dài đồng thanh

tán thán, khen là kinh Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm.

Phật lại nói: Ta là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn làm được chuyện rất khó, hiếm có. Đức Thế Tôn ta tự phô bày túc nhân, bảo: *“Ta trong đời ác ngũ trước, làm được chuyện khó làm sau đây: chứng đắc Bồ Đề, vì hết thủy thế gian nói pháp khó tin này. Thật là rất khó”* khiến cho người nghe tin nhận, phụng hành, chỉ nhằm bày trọn bốn hoài xuất thế mà thôi.

Nhưng pháp môn này rất sâu, khó lường, tuy đã được Bốn Sư và chư Phật Thế Tôn cùng khuyên nên tin tưởng, nhưng đời vẫn còn rất nhiều kẻ nghi. Chẳng những hạng thế trí phàm tình chẳng tin, ngay cả hạng tri thức thông hiểu Tông, Giáo sâu xa cũng còn ngờ vực. Chẳng những hạng tri thức chẳng tin, mà bậc Thanh Văn, Duyên Giác đã chứng Chân Đế, nghiệp tận tình không hãy còn nghi ngờ. Chẳng những bậc tiểu thánh chẳng tin, ngay cả Quyền Vị Bồ Tát cũng hãy còn ngờ. Ngay đến bậc Pháp Thân Đại Sĩ dù đã tin chắc, nhưng vẫn chẳng thể thấu hiểu tận cùng nguồn cội.

Ấy là vì pháp môn này lấy Quả Giác làm Nhân Tâm, toàn thể là cảnh giới Phật, chỉ mình Phật với Phật mới có thể hiểu trọn, chẳng phải trí con người thấu hiểu được nổi! Bọn phàm phu ta ngửa tin lời Phật, y giáo phụng hành sẽ tự được lợi ích thật sự. Nếu được nghe pháp môn chẳng thể nghĩ bàn này thì phải là trong nhiều

kiếp đã gieo sâu căn lành, huông hồ là tin nhận, phụng hành ư? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Kinh Hoa Nghiêm vua của Tam Tạng, là do đức Như Lai lúc tối sơ thành Chánh Giác, vì các bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi địa vị đã vượt ngoài cửu giới, giảng ra pháp một đời thành Phật. Chỗ quy tông kết đánh của Thật Nghĩa rất ráo là “dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả”.

Cảnh sở chứng của Thiện Tài đã bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, được gọi là bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác chỉ kém Phật một chút vẫn còn phải hồi hướng vãng sanh. Toàn bộ các Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới hải đều bảm thọ giáo pháp này, cùng tu pháp này. Huông nay kẻ thông Tông, thông Giáo, mức căn tánh thông lợi, mức chứng nhập sâu xa có hơn nổi các vị Đẳng Giác Bồ Tát kia chẳng? Ngàn kinh, vạn luận, đâu đâu cũng dạy quy hướng. Vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, những kinh luận ấy há chẳng đáng để tuân thủ, hành theo ư?

Các vị thánh hiền ấy đều là hạng ngu phu, ngu phụ ư?

Nói gọn một lời: Nghiệp sâu chướng nặng, chưa được giải thoát nên đến nỗi đối với việc hằng ngày còn chẳng biết, cứ quen thói chẳng suy xét đó thôi. (*Trích*

dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Phải biết rằng pháp môn Tịnh Độ chính là để nhiếp phục người thượng thượng căn. Vì thế, Thiện Tài đã chứng Đẳng Giác, Phổ Hiền Bồ Tát vẫn dạy dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh ngỏ hầu viên mãn Phật Quả; nhân đó, khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Do vậy, ta biết rằng một pháp hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ chính là pháp tối hậu để viên mãn Phật Quả.

Đời có kẻ cuồng chẳng hiểu kỹ giáo lý, thấy ngu phu, ngu phụ đều tu được pháp này bèn khinh rẻ, cho là pháp Tiểu Thừa, chẳng biết rằng đây chính là pháp môn đệ nhất một đời thành Phật, thành thi, thành chung của Hoa Nghiêm.

Cũng có kẻ ngu tri kiến hẹp kém, nghĩ mình công phu cạn mỏng, nghiệp lực sâu dày, làm sao sanh ngay được; chẳng biết rằng tâm tánh chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai. Ngũ nghịch, thập ác sắp đọa địa ngục, gặp thiện tri thức dạy cho niệm Phật đủ cả mười tiếng hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền chết đi, còn được vãng sanh. Lời Quán kinh dạy có sao chẳng tin?

Bọn họ còn vãng sanh, huống hồ chúng ta dù còn tội nghiệp, dù ít công phu, sánh với kẻ thập ác ngũ nghịch kia chỉ niệm mười tiếng hay là mấy tiếng, còn vượt trội hơn rất nhiều, lẽ nào tự vội vàng bỏ qua đến nỗi đánh

mất lợi ích vô thượng này?

Như Lai gọi pháp môn Tịnh Độ này là pháp khó tin là vì hạ thủ dễ lại thành công cao, dùng công ít được hiệu quả nhanh. Chí viên, chí đốn, thẳng tắp, rộng lớn, giản dị, vượt trội hết thảy giáo lý thông thường. Chẳng phải xưa vốn đã có thiện căn, quyết sẽ khó tin nhận, phụng hành. Tôi thường nói: “Cửu giới chúng sanh lìa khỏi pháp môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh” là chuyện thực vậy. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, chính là để tiếp độ căn khí thượng thượng, kiêm tiếp dẫn hạng trung hạ căn. Kẻ ngu thường hay chê là pháp thiện cận, Tiểu Thừa; nói chung là vì chẳng xem kinh luận Đại Thừa, chưa phải là người thông suốt có đủ con mắt. Chỉ dùng cái tâm điên đảo, chấp trước của mình để suy lường đạo nguyên thủy trọng yếu, chung cục của Như Lai. Như kẻ mù ngó mặt trời, như người điếc nghe sấm, đương nhiên chẳng thấy, chẳng nghe, chỉ đành suy luận vọng tưởng!

Phải biết một pháp tín nguyện niệm Phật là do Như Lai vì bi tâm triệt để phổ độ chúng sanh mà tuyên thuyết. Chỉ có các vị Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí,

Văn Thù, Phổ Hiền mới có thể rớt ráo đảm đương. Bọn họ thấy ngu phu, ngu phụ đều niệm Phật được bèn coi là pháp Tiểu Thừa thiên cận, khác nào ngôi sao bé chỉ chiếm lãnh được khoảng trời nhỏ, con trùng bé chỉ bò được khoảng đất hẹp!

Nếu tin tưởng được pháp này thì là nhiều kiếp đã trồng sâu thiện căn. Nếu có thể dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thì cái tâm phàm phu đó biến thành Như Lai Tạng, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Hiện tại đã tiếp xúc với khí phận của Phật thì lúc lâm chung lại chẳng cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn hay sao? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Cần biết rằng: Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, nhưng đều phải đạt đến nghiệp tận tình không mới có thể liễu sanh thoát tử, khó cũng như lên trời. Hiện thời trên cả thế giới, sợ rằng cũng khó có mấy người làm được! Nếu chí thành khẩn thiết niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, bất luận là ai đều chắc chắn được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Chỉ có kẻ chẳng sanh lòng tin, chẳng phát nguyện là không thể vãng sanh! Nếu có lòng tin thật sự, nguyện thiết tha, không một ai chẳng được sanh! Một pháp này chính là hoàn toàn cậy vào Phật từ lực gia bị, tiếp dẫn vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi tiên sinh Thích Hữu Khanh*)

3. Khuyên Hành Nhân Tịnh Độ Hãy Trọn Đủ Lòng Tín Nguyện

* Hãy nên phát tâm quyết định, lâm chung nhất định muốn sanh về Tây Phương. Đừng nói chi thân người tầm thường kém cõi chẳng muốn thọ nữa, ngay cả làm vua trời - người và xuất gia làm Tăng, nghe một hiệu ngàn, đắc Đại Tổng Trì, làm thân cao tăng hoàng dương pháp hóa rộng lớn, lợi khắp chúng sanh, cũng xem như cỏ độc, rừng tội, tâm quyết định chẳng sanh một niệm muốn hưởng. Quyết định như thế thì Tín - Nguyện - Hạnh của chính mình mới có thể cảm được Phật; thế nguyện của Phật mới nhiếp thọ được mình, cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn, lên thẳng chín phẩm, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 3*)

* Phải biết: Tây Phương Cực Lạc thế giới đừng nói là phàm phu không hiểu, ngay cả thánh nhân Tiểu Thừa cũng không thể hiểu nổi, bởi pháp này thuộc về cảnh giới Đại Thừa chẳng thể nghĩ bàn vậy! Tiểu thánh hồi tâm hướng Đại mới hòng đạt tới. Phàm phu nếu không dùng tín - nguyện để cảm Phật, dầu có tu hết thấy các hạnh thù thắng khác cùng với hạnh trì danh thù thắng vẫn chẳng thể vãng sanh. Do vậy, tín - nguyện là khăn

yếu nhất.

Ngài Ngẫu Ích nói: “Được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn”, đây chính là lời phán định danh thép đầu ngàn đức Phật xuất thế cũng không thể thay đổi được. Tin cho tới nơi, đảm bảo ông sẽ có phần nơi Tây Phương. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 3*)

*** Phép Niệm Phật trọng tại tín nguyện. Tín nguyện chân thành, khẩn thiết, dù trong tâm chưa thể thanh tịnh, cũng được vãng sanh.** Vì sao vậy? Do trong tâm có Phật để có thể cảm, nên Phật A Di Đà bèn ứng. Như nước trong sông, biển, chưa thể trọn không có tương động, nhưng hễ không có gió bạo, sóng cuồng, thì vàng trắng sáng trên không trung sẽ hiện bóng rõ ràng. Cảm ứng đạo giao như mẹ con nhớ nhau. Những ai chuyên trọng tự lực, chẳng cậy vào Phật lực là vì không biết đến nghĩa này vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi - 3*)

* Người niệm Phật chỉ cần chân thật, khẩn thiết niệm Phật sẽ tự có thể cậy vào Phật từ lực, tránh khỏi đao binh, nước, lửa. Nếu có gặp thì là do túc nghiệp

kéo lôi, cũng như là do được chuyển tội nặng trong địa ngục thành quả báo nhẹ trong đời này nên mới gặp phải những nạn ấy. Nhưng do thường ngày có lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, chắc chắn lúc ấy sẽ được Phật tiếp dẫn. Nếu đã chứng tam-muội trong hiện tại, cố nhiên đã dựa vào dòng Thánh, tự thân như huyễn, đao binh, nước, lửa đều chẳng gây trở ngại được. Dẫu hiện tại gặp nạn, thật ra không khổ, trong thế giới mênh mông, có mấy ai được như thế? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1*)

* Phàm tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối và cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, mọi thứ công đức từ thiện đều phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo nhân - thiên trong đời sau. Hễ có tâm ấy (tức tâm cầu phước báo nhân thiên), sẽ chẳng có phần vãng sanh! Hễ sanh tử chưa giải quyết xong, phước càng lớn ắt nghiệp càng nặng. Hễ sanh lần nữa, khó khỏi đọa trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu muốn lại được mang thân người, lại được gặp pháp môn Tịnh Độ liễu thoát ngay trong một đời, khó như lên trời vậy!

Phật dạy người ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương là để con người liễu thoát sanh tử ngay trong đời này. Nếu cầu phước báo nhân - thiên đời sau tức là trái nghịch

lời Phật dạy, giống như đem một viên bảo châu vô giá trong khắp cõi đời đổi lấy một thỏi đường để ăn, chẳng đáng tiếc ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư trả lời khấp*)

* Phải biết người thật sự niệm Phật chẳng cầu phước báo thế gian, mà tự được hưởng phước báo thế gian (như trường thọ, không bệnh, gia đình yên vui, con cháu phát đạt, các duyên như ý, vạn sự cát tường v.v...) Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng vãng sanh thì phước báo thế gian đạt được lại trở thành hèn kém. Do tâm không chuyên nhất, vãng sanh lại càng khó quyết định! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Bà phải hiểu: “Đời sau sẽ được làm người còn khó hơn lâm chung vãng sanh!” Vì sao vậy? Những tội nghiệp đã tạo trong suốt một đời người chẳng biết là bao nhiêu! Khoan đừng nói bà có tạo những tội khác hay không, chỉ riêng cái tội ăn thịt giết hại sanh vật từ nhỏ đến lớn quả thật đã nhiều khôn xiết kể rồi! Bà phải phát tâm đại từ bi, cầu sanh Tây Phương. Đợi sau khi thấy Phật đấng đạo sẽ độ thoát những chúng sanh ấy; cậy vào Phật từ lực để có thể chẳng phải đền trả món nợ ấy! Nếu bà cầu phước báo đời sau thì không có đại đạo tâm. Dầu công phu tu hành tốt đẹp nhưng công đức

hữu hạn; bởi đã dùng cái tâm phàm phu nhân ngã (tâm phân biệt ta - người) để tu tập cho nên chẳng có công đức lớn lao!

Huống chi, từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng biết bà đã tạo bao nhiêu tội nghiệp? Nếu túc nghiệp phát hiện, nhất định khó trốn khỏi tam đồ, ác đạo. Mong lại được làm người sẽ thiên nan, vạn nan! Do vậy, nói: “*Cầu sanh Tây Phương còn dễ hơn cầu đời sau lại được làm người!*” Do cậy vào Phật lực gia bị, nên ác nghiệp đời trước dễ tiêu. Dẫu chưa thể tiêu hết, nhưng cậy vào Phật lực nên chẳng đến nỗi phải trả báo. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời mẹ cư sĩ Trí Chánh*)

* Cần biết rằng: Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức lực chẳng thể nghĩ bàn. Ba thứ chẳng thể nghĩ bàn ấy nếu không có cái tâm chí thành tín nguyện niệm Phật sẽ không có cách gì hiển hiện được. Có lòng chí thành cầu sanh Tây Phương thì ba thứ thần lực oai đức lớn lao chẳng thể nghĩ bàn ấy sẽ liền được hiển hiện. Như ngòi trên chiếc tàu thủy lớn lại được xuôi gió, chẳng lìa ý niệm trong hiện tại đây mà liền sanh về Tây Phương. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Pháp ngữ khai thị cho cư sĩ Phùng Hữu Thư lúc lâm chung*)

* Những câu “*nãi chí thập niệm, hàm giai nhiếp*”

thọ, duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp” (cho đến mười niệm đều được nhiếp thọ, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp) trong kinh Vô Lượng Thọ là luận theo lúc bình thường, chứ không luận trên lúc lâm chung. Do kẻ ấy đã có tội Ngũ Nghịch cực nặng, lại kèm thêm tà kiến sâu nặng, phỉ báng chánh pháp, cho rằng pháp “siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, và niệm Phật vãng sanh” do đức Phật đã nói đều là căn cứ để dụ dỗ, gạt gẫm ngu phu ngu phụ vâng thờ giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy; do có tội chướng cực nặng ấy, dầu có thiện căn một niệm hay mười niệm, nhưng vì không có tâm hộ thẹn cùng cực, tin tưởng cùng cực nên chẳng thể vãng sanh được!

Chương Hạ Hạ Phẩm trong Quán Kinh nói về những kẻ sắp lâm chung, tướng địa ngục A Tỳ hiện, tuy Quán kinh chẳng nói kẻ ấy phỉ báng chánh pháp, nhưng đã là kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác, đầy đủ mọi điều bất thiện, ắt không thể nào chẳng phỉ báng chánh pháp! Nếu hoàn toàn không phỉ báng chánh pháp, sao lại có thể giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu được?

Thường có kẻ giải thích rằng trong trường hợp này (tức những kẻ được nói trong Quán Kinh) thì không báng chánh pháp, trong trường hợp kia (tức những kẻ được nói trong kinh Vô Lượng Thọ) là báng chánh

pháp, thoát nghe qua cũng rất có lý, nhưng đã không báng pháp, sao lại có thể làm ba sự đại nghịch ấy cho được? Do vậy, biết rằng: Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, còn chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh luận theo lúc đã thấy tướng khổ cùng cực của địa ngục, kẻ ấy hoảng sợ không thể nào diễn tả được, vừa nghe danh hiệu Phật bèn xót xa cầu xin được cứu giúp, trọn chẳng có ý niệm nào khác, chỉ có ý niệm cầu Phật cứu độ, hộ niệm!

Tuy là vừa nghe liền niệm, nhưng đã “*toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm*”, cho nên tuy chỉ mười niệm hoặc chỉ một niệm, vẫn được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh! Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh nói về lúc lâm chung. Do thời gian, sự việc khác biệt nên có sự nhiếp thọ hay không nhiếp thọ sai khác. Cho đó là mâu thuẫn, tức là trở thành gã si ngốc⁴¹ vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Thiện Giác*)

* Họ⁴² ở trong hoa sen mười hai đại kiếp là vì lúc

41. Nguyên văn “*tạc tử mảo tử hán*”, là một thành ngữ của Thiểm Tây để chỉ kẻ si ngốc, khăng khăng cố chấp, không hiểu biết gì. Có thuyết giải thích từ ngữ này xuất phát từ câu chuyện có một gã khờ thấy một con thỏ chạy đâm vào góc cây bị chết, bèn khoét lỗ nơi thân ấy, cứ đứng đợi mãi để chờ xem có con thỏ nào đại đột đâm đầu vào ấy chết hay không. Xin ghi lại lời giải thích này như một điều tồn nghi!

42. Chỉ người Hạ Phẩm Hạ Sanh.

sống tội nghiệp nặng nề, thiện căn nông cạn, vì thế hoa sen chậm nở nhất; nhưng sự sung sướng của những người ấy ở trong hoa còn hơn sự vui trong Tam Thiên Thiên! (Sự vui trong thế gian thì Tam Thiên thật là bậc nhất), nào có thiếu sót, tiếc nuôi chi đâu? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Hằng Tàm*)

* Ấy là vì Phật xem chúng sanh hết như con một: Với đứa hiền ngoan tất nhiên thương yêu, nhưng với đứa ngỗ nghịch, lại càng thương xót gấp bội. Nếu con hồi tâm hướng về cha mẹ, cha mẹ ắt rủ lòng Từ nhiếp thọ. Hơn nữa, tâm tánh của chúng sanh và Phật không hai, do vì mê trái nên khởi Hoặc tạo nghiệp, ngăn lấp bản tâm chẳng thể hiện bày trọn vẹn. Nếu có thể nhất niệm hồi quang thì khác nào mây tan trăng hiện, tánh vốn chẳng mất, trăng vốn sẵn có. Vì vậy, tình trần bao kiếp đoạn ngay trong một niệm. Ví như nhà tôi ngàn năm, một ngọn đèn chiếu vào bèn sáng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Bài ký về duyên khởi chuyên tu Tịnh nghiệp của thảo am Đại Giác Nham Tây Lâm tại Nam Ngũ Đài Sơn, tỉnh Thiểm Tây*)

* Dù kính cần tu trì Ngũ Giới, Thập Thiện, được thân trời người, nhưng phước lạc nhân gian lại chính là

cội rễ đọa lạc. Dù trên trời phiền hoặc chẳng mãnh liệt như trong nhân gian, nhưng một khi phước trời đã tận, nhất định sẽ đọa xuống. Do túc phước chưa tận, nên được hưởng phước. Do hưởng phước nên tạo nghiệp. Đã tạo nghiệp rồi thì đọa lạc ác đạo chỉ trong khoảng nháy mắt, một hơi thở thôi! Huống hồ có kẻ khi mạng trời đã hết, vì sức ác nghiệp đời trước đã chín, liền đọa ngay vào ác đạo!

Vì thế, cổ đức bảo người tu hành nhưng không có chánh niệm tu trì Tịnh nghiệp, chỉ được phước báo trời người thì gọi là oán thù đời thứ ba. Kinh Pháp Hoa nói: *“Tam giới không yên, giống như nhà lửa. Thật đáng sợ hãi”*. Người biết tốt xấu phải gấp cầu xuất ly để được yên ổn mới là kế sách bậc thượng vậy. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Một pháp Niệm Phật là cậy vào Phật lực để thoát tam giới, sanh về Tịnh Độ. Nay đã chẳng phát nguyện thì có tín chẳng? (Người tin thật sự ắt sẽ phát nguyện tha thiết). Tín nguyện đều không, chỉ niệm Phật danh thì thuộc về Tự Lực. Vì không tín nguyện nên chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng hồng thệ của đức Di Đà. Nếu đã hết Kiến Tư Hoặc, có lẽ được vãng sanh. Còn nếu hoàn toàn chưa đoạn hay chưa đoạn hết sạch thì nghiệp căn vẫn còn, làm sao thoát ngay khỏi luân hồi cho được? Ngũ Tổ Giới Diển, Thảo Đường Thanh v.v...

chính là những chứng cứ xác thực.

Phải biết rằng không có tín nguyện mà niệm Phật sẽ chẳng khác gì tham cứu bên Tông, bên Giáo. Dù có được vãng sanh nhưng nhân quả chẳng phù hợp với nhau! Ngài Ngẫu Ích nói: *“Được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn”*. Đây chính là phán định chắc như sắt vậy. (Trích dẫn *Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Bình sinh tuyệt chẳng có tín nguyện thì khi lâm chung nhất định khó cậy vào Phật lực. Đã bảo là “thiện ác đồng thời cùng hiện ngay” thì chẳng luận là bốn chữ A Di Đà Phật chẳng hiện nên chẳng được vãng sanh, mà dù có hiện cũng chẳng được vãng sanh! Vì sao vậy? Do chẳng nguyện vãng sanh, do chẳng cầu Phật, nên chẳng được Phật tiếp dẫn. Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Giả sử ác nghiệp có thể tương thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi”*. Cổ đức nói: *“Như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ kéo đi trước”*. Tâm tình đa đoan, đặt nặng nơi nào sẽ rơi về đó. Nay thiện ác đều hiện, do không có tín nguyện, chẳng thể làm gì ác nghiệp được! Phải biết rằng: Cậy vào tự lực thì nếu còn một mảy ác nghiệp sẽ chẳng thể xuất ly sanh tử, huống là nhiều ác nghiệp?

Lại nếu không tín nguyện, dù niệm đến Nhất Tâm

thì trong vô lượng vô biên người như thế, may ra có một hai người được vãng sanh. Quyết chẳng thể lấy đó làm gương để cắt đứt thiện căn của hết thảy người vãng sanh Tịnh Độ trong đời sau.

Vì có sao? Người có thể cậy vào tự lực, niệm đến mức nghiệp tận tình không, chúng Vô Sanh Nhân, trong cả cõi đời ít có được một, hai. Nếu ai nấy tu hành theo cách đó, bỏ Tín Nguyện chẳng theo, thì những chúng sanh bình thường sẽ ở mãi trong biển khổ, không cách nào xuất ly, đều là do bị một lời này chèn ép cả. Thế mà kẻ ấy vẫn dương dương đắc ý, cho mình là thật cao, chẳng biết mình bị đoạn Phật huệ mạng, là chúng sanh ngu si nói cuồng. Buồn thay!

Với pháp Tịnh Độ, phải tránh nhìn bằng một mắt, chẳng được đem những giáo nghĩa thông thường để so bì. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì sự liễu sanh thoát tử của chúng sanh đời mạt sẽ chẳng thể thấy được. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Nếu luận về pháp môn Niệm Phật thì chỉ có ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh là tông yếu. Đầy đủ ba pháp, quyết định vãng sanh. Nếu không có tín thật, nguyện thiết, dù có chân hạnh cũng chẳng thể vãng sanh, huống là kẻ tu hành hời hợt, qua loa ư? Ngài Ngẫu Ích từng bảo: *“Được vãng sanh hay chẳng toàn là do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì*

danh sâu hay cạn”. Bởi lẽ, pháp này cả ba đời chẳng dễ thường bàn, là đạo mâu độ khắp ba căn. Hãy nên dốc trọn toàn thân nương về tu tập, mới hòng chứng được lợi ích thật sự.

Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh sách Thập Yếu đã giảng rõ từng thứ. Nhưng trọng yếu nhất là trong phần giảng về Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của sách Yếu Giải, phần thứ ba là Minh Tông (minh định tông thú của kinh) đã phát huy ba pháp này tinh tường bậc nhất. Tiếp đó, trong mỗi một đoạn văn, Tổ đều giảng giải về Tín - Nguyện - Hạnh. Hãy nên đọc thật kỹ cuốn sách chẳng thể thiếu này. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Muốn sanh Tây Phương, trước hết phải có tín thật, nguyện thiết. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dù cho tu hành vẫn chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, chỉ được phước báo nhân thiên và tạo thành cái nhân đắc độ trong đời vị lai mà thôi. Nếu đầy đủ Tín - Nguyện thì được vãng sanh vạn người chẳng sót một ai. Tổ Vĩnh Minh bảo: “*Vạn người tu, vạn người đến*” là nói về Tín Nguyện Hạnh đây! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Nguyện lìa Ta Bà như tù nhân mong thoát lao ngục. Nguyện sanh Cực Lạc như cùng tử mong về lại

cổ hương. Nếu trước khi chưa sanh về Tịnh Độ mà phải nhận lấy ngôi vua trong cõi trời người thì cũng phải coi đó là nhân duyên đọa lạc, trọn không có một niệm mong cầu, hâm mộ. Dầu đời sau chuyển nữ thành nam, xuất gia từ thơ ấu, nghe một ngộ cả ngàn, đắc đại tông trì, cũng phải coi đó là đường quanh nẻo rẽ, trọn không có tâm niệm nào mong mỏi cả. Chỉ mong lúc lâm chung, được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương.

Đã được vãng sanh sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ở vào địa vị Bồ Xứ, chứng Vô Sanh Nhân, nhìn lại những sự như làm vua trong cõi trời người, xuất gia làm Tăng v.v... nào bằng Tịnh Độ. Tu các pháp môn khác trải bao kiếp khó nhọc, chuyên cần, nào được giải thoát! Như lửa đóm sánh với vàng mặt trời rạng rỡ, như gò mồi sánh cùng Thái Sơn, khó ngăn buồn thương, khó kìm run rẩy! Bởi vậy, người tu Tịnh Độ trọn chẳng thể cầu những sự như hưởng phước lạc nhân thiên trong đời sau và đời sau xuất gia làm Tăng!

Nếu có chút mảy may mong cầu đời sau thì là chẳng có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, đối với thế nguyện của đức Di Đà sẽ bị cách trở, chẳng thể cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn! Như vậy là đã dùng diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn tạo thành phước nhân hữu lậu trong cõi nhân thiên.

Vả nữa, lúc hưởng phước ắt sẽ tạo nghiệp. Đã tạo ác nghiệp ắt khó tránh ác báo. Như bỏ chất độc vào đê hồ

khiến người uống vào phải chết. Kẻ chẳng khéo dụng tâm, mắc họa như thế. Phải nên triệt để cắt đứt ý niệm ấy mới hòng được lợi ích hoàn toàn nơi Tịnh Độ, toàn thân thọ dụng vậy! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Dù thọ cả trăm năm, chỉ trong khoảng khảy ngón tay, thở hắt ra một hơi là chẳng còn nữa! Hãy tìm đường thoát; chớ để đến lúc lâm chung, hối cũng chẳng kịp! Thường nhớ kinh dạy: *“Thân người khó được, trung quốc khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó khởi”*. Nay may đủ cả bốn điều, càng phải nên nỗ lực như đã lên được núi báu, phải tìm cho được ngọc Ma Ni.

Chúng sanh vì còn trong địa vị phàm phu, chưa đoạn Hoặc Nghiệp, sanh tử giải quyết chưa xong, khó tránh đọa lạc; cho nên, đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh phát tâm chân tín và nguyện tâm thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ. Dem hết thảy công đức đã tạo: cúng dường Tam Bảo, giữ giới cả đời... chẳng cầu phước báo đời sau trong cõi nhân thiên, chẳng cầu đời này trường thọ, khỏe mạnh, yên vui, chỉ cầu lâm chung vãng sanh Tịnh Độ thì phù hợp với thế nguyện của Phật, cảm ứng đạo giao, chắc chắn được mãn nguyện. Như người rớt xuống biển, có thuyền đến cứu, nếu chịu lên thuyền sẽ lên được bờ kia.

Cầu phước nhân thiên, chẳng cầu vãng sanh như

chẳng lên thuyền, khó khỏi chết chìm. Phật muốn ông siêu phàm nhập thánh, ông lại chỉ nguyện được phước hữu lậu. Một khi phước báo đã hết, vĩnh viễn đọa trong đờ. Khác nào dùng ngọc Ma Ni để ném chim sẻ, được thì ít, mất quá nhiều. Chẳng tiếc lắm ư? Hãy nên tự cảnh tỉnh! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Nếu muốn trong đời này được hưởng lợi ích chân thật, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì quyết định được liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng y vào pháp môn Niệm Phật, đừng kể chi kẻ chưa được chân truyền Phật giáo, ngay cả kẻ đã được chân truyền cũng chẳng thể liễu sanh thoát tử. Vì sao thế? Dù được chân truyền, đại triệt, đại ngộ, nhưng vẫn chưa thật chứng. Có chứng mới liễu sanh thoát tử được, chứ chỉ ngộ thì chẳng thể liễu!

Tu các pháp môn khác đều phải đoạn Hoặc chứng chân mới có thể liễu sanh thoát tử. Tu pháp môn Tịnh Độ chỉ cần đủ tín thật, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, Chánh-Trợ cùng hành, chẳng những được vãng sanh mà phẩm vị còn ưu thắng nữa. Chẳng riêng kẻ tin tưởng thuần thành, siêng tu được vãng sanh, mà hạng ngũ nghịch thập ác sanh lòng hổ thẹn lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng thì ngay lúc mạng chung nhất định được

vãng sanh. Do lòng từ rộng lớn của Phật, chuyên vì sự nghiệp độ sanh, nhất niệm hồi quang liền được nhiếp thọ. Như thế gọi là “nương Phật từ lực, đời nghiệp vãng sanh”.

Chúng sanh đời mạt chẳng nương theo Tịnh Độ, tu các pháp môn khác chỉ được phước báo nhân thiên và tạo nhân duyên đắc độ cho đời vị lai mà thôi. Do không sức đoạn Hoặc, gốc sanh tử vẫn còn, dễ hồ chẳng này mầm mộng sanh tử nữa ư? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Ước theo những cách giảng dạy thông thường thì còn trong địa vị phàm phu muốn liễu sanh thoát tử thật chẳng phải chuyện dễ. Nếu ước theo pháp môn đặc biệt tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì ngay trong hiện đời ắt được liễu thoát. Nếu như đầy đủ tín thật, nguyện thiết thì trong vạn người nhất định chẳng sót một ai. Chúng sanh đời mạt chỉ có mỗi một pháp này đáng để nương cậy. Bởi thế, khi vận mạng đạo pháp ngày càng suy giảm thì pháp này càng thích đáng căn cơ, thiện tri thức càng đề xướng thiết tha. Chân thật tu trì liền được vãng sanh, là điều chứng nghiệm từng thấy. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

*** Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông. Có tín nguyện thì chẳng luận**

tu hành nhiều - ít, cạn - sâu đều được vãng sanh. Không tín nguyện dẫn dắt đến địa vị cả Năng lẫn Sở cùng mất, hồi thoát căn trần thì cũng khó được vãng sanh.

Nếu như thật sự đạt được Thật Lý Năng lẫn Sở cùng mất, hồi thoát căn trần, có thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử thì chẳng phải bàn đến nữa. Nhưng nếu công phu chưa thấy được lý này, vẫn còn chưa thật chứng, nếu không có tín nguyện, cũng khó vãng sanh.

Thiền gia giảng Tịnh Độ quy về Thiền tông, bỏ qua tín nguyện. Nếu thật sự y theo đó mà tu, họa may được khai ngộ, nhưng chưa đoạn Hoặc nghiệp, muốn liễu sanh tử thì có mơ cũng mơ chẳng được. Bởi phàm phu vãng sanh là do tín nguyện cảm Phật, nên có thể nương vào Phật từ lực đối nghiệp vãng sanh. Nay đã chẳng sanh tín nguyện, lại toan đem Phật lẫn cõi nước quy hết vào tự tâm, làm sao cảm Phật được? Cảm ứng chẳng phù hợp thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật, biến pháp Hoàn Siêu (siêu việt tam giới theo chiều ngang) thành pháp Thụ Xuất (thoát tam giới theo chiều dọc), được lợi thì ít nhưng lại bị tổn hại rất sâu! Chẳng thể không biết điều này!

Được lợi là do tuân theo thuyết ấy, họa chẳng được khai ngộ. Còn bị tổn hại là do bỏ đi tín nguyện sẽ không cách chi nhờ vào Phật từ lực được. Bởi vậy, tôi bảo: *“Người thực sự tu Tịnh Độ chẳng được dùng đến lời*

khai thị của nhà Thiên, vì tông chỉ của pháp môn bất đồng vậy”. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Pháp môn Tịnh Độ chú trọng nơi Tín - Nguyện, có kẻ do chẳng biết cho nên hoặc cầu phước báo nhân thiên, hoặc cầu đời sau làm Tăng để hoằng dương Phật pháp, độ thoát chúng sanh. Những loại tâm niệm ấy đều phải trừ khử sạch sẽ; nếu có mảy may sẽ chẳng thể vãng sanh! Vãng sanh là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Không vãng sanh thì tuy một đời, hai đời chẳng mê, chắc chắn khó lòng vĩnh viễn chẳng mê. Hễ mê thì do có phước tu trì, bèn tạo nghiệp đáng sợ lắm! Ác nghiệp đã tạo, ác báo tự xảy đến, cầu thoát tam đồ chỉ sợ chẳng có ngày nào đâu! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Di và La Huệ Chú*)

* Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn bình thường nhất nhưng cao sâu nhất trong Phật pháp. Nếu không phải đời trước sẵn đủ huệ căn, quả thật khó thể sanh chánh tín sâu xa. Đừng nói nhà Nho chẳng dễ sanh lòng tin, ngay cả bậc tri thức thông Tông thông Giáo cũng thường dựa theo ý nghĩa trong Tông - Giáo để luận định, phán đoán, đến nỗi đối với pháp “khiến cho hàng phàm phu sát đất chưa đoạn Phiền Hoặc mà được liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh ngay trong đời hiện tại” chẳng

thể nghĩ bàn này, họ chẳng những không chịu tự tu mà còn chẳng chịu dạy người khác tu; vì họ chẳng biết pháp này chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, cứ lấy giáo nghĩa của Tông - Giáo để làm chuẩn, nên mới phạm những lỗi lầm ấy. Nếu thoát đầu họ liền biết được nghĩa này thì lợi ích lớn lắm.

Người thông minh phần nhiều chú trọng “hiểu lý để ngộ cái tâm”, chẳng biết niệm Phật chính là đường tắt để hiểu lý ngộ tâm. Nếu có thể niệm niệm tương ứng thì sẽ tự hiểu được lý, ngộ được tâm. Dẫu chưa làm được, bèn cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, so với những kẻ “hiểu được lý, ngộ được tâm, nhưng chưa đoạn Phiền Hoặc, vẫn cứ luân hồi sanh tử, trọn không có lúc thoát ra”, thì sự khác biệt giữa trời và đất đã chẳng đủ để sánh ví giữa hay và dở.

Hướng chi đã vãng sanh liền thân cận Phật Di Đà và thánh chúng, sẽ đích thân chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn, há nào phải chỉ hiểu được lý, ngộ được tâm mà thôi ư! Pháp môn Tịnh Độ chỉ có bậc Thượng Thượng Căn và ngu phu ngu phụ mới được lợi ích thật sự, còn kẻ thông minh thông Tông thông Giáo phần nhiều do chí lớn, ăn nói lớn lối, chẳng chịu cậy vào Phật từ lực, cứ dốc chí cậy vào đạo lực của chính mình, cam lòng nhường cho ngu phu ngu phụ sớm dự vào dòng thánh!
(*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Minh Quang*)

* Pháp Niệm Phật khẩn yếu nhất là có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hễ có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dầu chưa đạt đến nhất tâm bất loạn vẫn có thể cậy vào Phật từ lực đởi nghiệp vãng sanh. Nếu không có tín - nguyện, dầu tâm không có vọng niệm thì vẫn chỉ là phước báo nhân thiên vì chẳng tương ứng với Phật. Do vậy, đương nhiên phải chú trọng nơi tín - nguyện cầu sanh Tây Phương. Thật sự có tín - nguyện, vọng sẽ tự hết. Nếu lúc bình thường có vọng tưởng quá mức, muốn đắc thần thông, được danh dự, được duyên pháp, đắc đạo v.v... hoàn toàn lấy vọng tưởng làm bản tâm của chính mình như vậy thì càng tinh tấn, dũng mãnh, những thứ vọng tưởng ấy càng nhiều càng lớn! Nếu chẳng giác chiếu để dứt trừ vĩnh viễn những vọng tưởng ấy thì sau này vẫn bị ma dựa phát cuồng, há nào phải chỉ có vọng tưởng mà thôi ư? Vì thế, phải miệt mài đoạn dứt những thứ vọng tưởng quá mức ấy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Hựu Chân và cư sĩ Giác Tam*)

* Một pháp niệm Phật chú trọng vào ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh, chỉ biết niệm nhưng không sanh lòng tin và phát nguyện, dù có đắc nhất tâm cũng chưa chắc được vãng sanh. Nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dầu chưa đạt nhất tâm bất loạn, vẫn có thể cậy vào Phật từ lực để vãng sanh. Những người tu hành

ngoài rìa phần nhiều cầu giác ngộ, cầu được các thứ cảnh giới, chẳng lấy chuyện quyết định cầu sanh làm chánh yếu, đây gọi là “bỏ gốc chạy theo ngọn” vậy! Vì sao? Vì ngộ đến cùng cực, nhưng nếu chưa đoạn hết sạch Phiền Hoặc, vẫn là kẻ luân hồi trong lục đạo. Nếu được vãng sanh, so với chuyện ngộ đến mức cùng cực nhưng chưa đoạn Phiền Hoặc, lẽ cao - thấp khác biệt dường như trời với vực! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tập Hoài Tân*)

* Cổ nhân nói: “*Túng nhiên sanh đảo Phi Phi Tưởng, bất như Tây Phương quy khứ lai*” (Phi Phi Tưởng đầu được sanh, chớ hề bằng được trở về Tây Phương). Nếu có thể chất phác niệm Phật thì nương theo nguyện thuyên của đức Di Đà, trở về quê hương Cực Lạc Tịnh Độ là điều có thể đoán chắc. Đây chính là điều ngàn kinh muôn luận, đâu đâu cũng chỉ dẫn hướng về. Nếu chẳng trở về đây, chắc chắn sẽ như đứa con nghèo túng, chẳng biết quê cũ, chẳng nhớ cha lành, cam phận lênh đênh quê người, lê la khe rãnh!

Nếu chẳng so đo, chẳng bàn đi tính lại, cứ nhất tâm quay về, mới biết tự tánh vốn sẵn thanh tịnh, còn có chỗ nào để cầu tướng quay về và tướng tịnh nữa ư? Cổ nhân lại nói: “*Tự thị bất quy, quy tiên đắc. Cố hương phong nguyệt hữu thùi tranh?*” (Tự mình chẳng về, về

liền được. Gió trăng quê cũ há ai giành?) (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vu Quy Tịnh*)

* Chúng ta từ bao kiếp đến nay cố nhiên đã có lúc gieo thiện căn, nhưng chưa gặp được pháp môn cậy vào Phật lực để liễu thoát ngay trong một đời, cho nên vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, chẳng thể tự thoát được. Ông thuở bé theo mẹ tin Phật, ấy là thiên tánh. Về sau, lạm nặng chất độc của Âu - Hàn, đấy chính là tập thói xấu ác. Còn những cảnh được thấy trong giấc mộng thì cũng là do thiện căn từ đời trước mà ra, nhưng mê đã quá sâu, cho nên trong nhất thời chẳng thể lập tức quay đầu lại được. Sự quan hệ này hết sức nguy hiểm! Nếu chẳng tự chấn chỉnh, sẽ mê muội dài lâu, sợ rằng ngay cả danh hiệu Phật cũng không cách gì nghe được! Nay đã biết rồi, hãy nên nỗ lực!

Hơn nữa, pháp môn Tịnh Độ khác với các pháp môn khác. Các thứ pháp môn khác đều cậy vào tự lực, chỉ có pháp môn này hoàn toàn cậy vào Phật lực. Phương Nam, Tông môn khá nhiều, ông chớ nên xen nhập Tông môn, mong được cái danh đẹp đẽ là “Thiền - Tịnh song tu”. Nói chung, Tông môn lấy việc khán câu “*người niệm Phật là ai*” để được khai ngộ, tuyệt chẳng nói đến “tín nguyện cầu sanh”. Đừng nói chưa ngộ, dẫu khán đến mức thấy được diện mục vốn có của người niệm

Phật thì chỉ được kể là Ngô, còn cách liễu sanh tử rất xa! Nếu chưa đạt đến địa vị “nghiệp tận, tình không”, chắc chắn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được!

Thêm nữa, chẳng chú trọng tín nguyện, cầu sanh Tây Phương là trái nghịch với Phật, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử được! Vì thế, người niệm Phật hễ xen kèm hơi hướng Tông môn thì chỗ đạt được lợi ích ít ỏi mà chỗ mất mát lợi ích lại nhiều. Giáo lại càng khó đắc lực hơn nữa! Mật Tông ăn nói quá lớn lối, nguy hiểm cùng cực⁴³.

Ông hãy nên chuyên chú một môn tín nguyện niệm Phật, kèm thêm là giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy người, chắc chắn sẽ được vãng sanh. Phàm suy nghĩ, động niệm, cư xử đều phải lấy chân thật chẳng dối, làm chánh, ngỏ hầu chẳng luống uổng cuộc đời này, chẳng phí dịp gặp gỡ này! (*Vĩnh Tư Tập trang 42 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên - 1*)

43. Xin chú ý ở đây Tổ không có ý đả kích Mật Tông mà chỉ quở trách những kẻ không học hiểu giáo nghĩa Mật Tông đến nơi đến chốn, được truyền thụ vài ấn quyết, đọc một số kinh sách Mật Tông rồi ngạo nghễ coi thường các tông khác, cũng như không hiểu rõ ý nghĩa “hiện thân thành Phật”, tự xưng là đã đắc đạo, tự xưng là Thượng Sư, thâu nhận đồ chúng tràn lan, cũng như chuyên chú trọng thân thông, không hiểu mục tiêu cuối cùng của mọi pháp môn trong Phật giáo đều là hướng tới mục đích liễu sanh thoát tử, tấn tu cho đến khi thành Phật Quả.

* Như ông nói “*gặp phải đại họa, do công hạnh cạn mỏng, không có gì để nắm níu, rất có thể hoảng sợ quẫn trí, đánh mất chánh niệm*” thì chỉ nên tin tưởng sâu xa rằng Phật lực, pháp lực, tự tánh công đức lực, sức trì tụng chí thành đều chẳng thể nghĩ bàn. Đừng nói là không có tai họa, dẫu gặp đại họa cũng chẳng đến nỗi quẫn trí, vì có những lực ấy gia bị! Phàm là con người hãy nên hành xử đúng theo địa vị thì chẳng đến nỗi do cảnh ngộ không tốt đẹp mà bị quẫn trí.

Phàm những kẻ quẫn trí vì gặp cảnh ngộ không tốt đẹp phần lớn là do không có tín lực sâu xa, lại kèm thêm có ý niệm tiếc nuôi cảnh trước, chẳng chịu buông xuống mà ra. Như lúc gặp nạn, chỉ nghĩ cách tránh né, những chuyện khác đều chẳng lo liệu tới, nhất loạt chẳng bận lòng nghĩ đến. Do bận tâm vương vấn chẳng cởi gỡ được nên bị tổn hại vô ích. Do vậy, nói: “*Tổ hoạn nạn hành hồ hoạn nạn, quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên*” (Gặp cảnh hoạn nạn sống theo hoạn nạn; không trong hoàn cảnh nào, người quân tử chẳng được tự tại) (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Du Huệ Úc*)

* Pháp môn Niệm Phật chú trọng Tín - Nguyện, có Tín - Nguyện nhưng chưa đặc nhất tâm cũng có thể vãng sanh. Đặc nhất tâm nhưng không có Tín - Nguyện, vẫn chẳng được vãng sanh! Người đời phần nhiều chú trọng nhất tâm, chẳng chú trọng Tín - Nguyện, tức là

đã đánh mất điều quan trọng cốt lõi nhất. Nếu lại còn sanh khởi mỗi nghi “chưa đắc nhất tâm, sợ rằng chẳng được vãng sanh” thì hoàn toàn trái nghịch với lòng tin chân thành, nguyện thiết tha mất rồi! Kiểu suy nghĩ này tợ hồ là suy nghĩ tốt, nhưng thật ra, nếu do đây sẽ càng tăng thêm tín nguyện để đạt đến nhất tâm thì đó là cách suy nghĩ tốt. Còn nếu do chưa được nhất tâm bèn thường nghĩ chẳng thể nào vãng sanh được thì sẽ trở thành cách suy nghĩ xấu, chẳng thể không biết! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Đức Đại*)

* Đòi Mạt, ngoại đạo lòng lầy. Dẫu là kẻ có tín tâm phần nhiều theo về ngoại đạo, bởi lẽ chẳng có chánh pháp để nghe vậy. Gần đây, giao thông tiện lợi, kinh điển Phật pháp được lưu thông, quả thật là may mắn lớn lao. Nhưng chớ nên đã học Phật pháp lại còn tu pháp của ngoại đạo, đến nỗi tà - chánh hỗn loạn sẽ gây hại chẳng cạn!

Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng; cầu lấy một pháp môn thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng thì không chi hơn được pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực để tu Giới - Định - Huệ hồng đoan tham - sân - si. Nếu đoan sạch tham - sân - si sẽ liền có thể liễu sanh thoát tử. Nếu kẻ nào đoan chưa

hết thì sẽ vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ chưa thể đoạn ư?

Pháp môn Niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật, đến khi lâm chung ắt được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ví như trẻ thơ do cha mẹ nâng dắt, liền có thể về thẳng đến nhà của chính mình. Con người gần đây thích lập dị, chẳng chịu thực hiện công phu thật thà, nên mới có kẻ học Thiên tông, Tướng tông, Mật Tông. Ba pháp môn này đều chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đều thuộc về tự lực. Mật Tông tuy có giáo nghĩa “hiện thân thành Phật” (thành Phật ngay trong thân này), nhưng rốt cuộc có mấy ai thành Phật ngay trong đời này? Đừng nói chi người học Mật chẳng thể thành Phật ngay trong thân hiện tại, ngay cả các vị Hoạt Phật⁴⁴ truyền dạy Mật Tông cũng chẳng phải là người có thể thành Phật ngay trong thân hiện tại được!

Các ông đừng bị xoay chuyển bởi những vị tri thức của các pháp môn ấy thì sẽ có thể thoát khỏi cõi Ngũ Trược này, lên cõi chín phẩm kia, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải hội. Người niệm Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành,

44. Hoạt Phật là từ ngữ do người Trung Hoa dịch chữ Tây Tạng Hpbrulsku (thường được biết dưới dạng ghi âm phổ biến hơn là Tulku, là một từ ngữ Tây Tạng nhằm

thì mới có thể dùng thân để hướng dẫn người khác, tự lợi, lợi tha vậy. Nếu luân thường khiếm khuyết, người ta sẽ chẳng sanh lòng khâm phục, kính trọng; cho nên đối với kẻ hiểu lý còn khó thể khuyến hóa; đối với kẻ chẳng hiểu lý, do chính ta còn thiếu sót trong chuyện tận tụy thực hành, họ sẽ chẳng chịu nghe theo lời ta nói. Đây chính là “*dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tụng*” (dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người ta nghe theo). Phạm mọi chuyện đều phải lấy thân làm gốc, hướng chi dạy người khác niệm Phật liễu sanh tử ư? (*Hoằng Hóa Nguyệt San số 10 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời hai cư sĩ Hàn Tông Minh và Trương Tông Thiện*)

* Hết thầy chúng sanh đều sẵn đủ Phật tánh, tức là đều sẵn đủ Phật Huệ; nhưng do tham - sân - si v.v... xen tạp vào trong ấy nên Phật Huệ bèn trở thành tri kiến của chúng sanh. Nay đã biết Phật Huệ vốn sẵn có, bèn chú tâm kiểm điểm nơi khởi tâm động niệm, xử sự, chẳng để cho tri kiến tham - sân - si v.v... phát sanh. Lại hãy nên dùng lòng tín nguyện sâu để trì danh hiệu Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tự hành, dạy người cùng tu Tịnh nghiệp thì Huệ ấy sẽ dần dần thuần. Nếu giữ được điều này chẳng để mất thì vãng sanh Tây Phương sẽ vừa thuần vừa dễ. Đến

khi Phiền Hoặc hết sạch, phước trí viên mãn thì Huệ sẽ thuần đến tột bậc, viên thành Phật đạo.

Người đời thường lầm lạc bảo mình có trí huệ, chẳng biết trí huệ là vàng còn trong quặng, hoàn toàn chưa sử dụng được, cần phải luyện ròng khiến cho những chất xỉ quặng (những tạp chất) hoàn toàn tiêu hết thì mới được lợi ích. Đại ý là như vậy, mong hãy chuyển những ý nghĩa này đến cho ông ta. Người học Phật chú trọng vào việc tận tụy thực hành. Con người hiện thời phần nhiều mong sao miệng lưỡi nhạy bén, tức là kể tên những món ăn thật hay, thật đẹp, nhưng vô ích cho cái bụng rỗng tuếch, đáng buồn thay! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên*)

III. DẠY PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ

1. Dạy Phương Pháp Niệm Phật

*** Đã có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, hãy nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Dùng Tín - Nguyện để dẫn đường, Niệm Phật là Chánh Hạnh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Có Hạnh nhưng thiếu Tín - Nguyện, chẳng thể vãng sanh. Có Tín - Nguyện nhưng không có Hạnh cũng chẳng thể vãng sanh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ không khuyết, quyết định vãng sanh. “Được vãng sanh hay không hoàn toàn do Tín - Nguyện có hay không; phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn”.**

Nói đến Chánh Hạnh Niệm Phật thì ai nấy tùy theo sức mình mà lập, chẳng được chấp cố định một pháp. Nếu như thân không bận việc, cố nhiên phải từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, giữ cho một câu hồng danh thánh hiệu này chẳng lìa tâm - miệng. Nếu khi tắm táp, súc miệng thanh tịnh xong, mũ áo tề chỉnh, và ở nơi thanh khiết, thì niệm ra tiếng hoặc niệm thầm đều được. Nếu lúc ngủ nghỉ, lỏa lồ, tắm rửa, đại tiểu tiện và lúc đến những nơi ô uế không sạch, chỉ nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Công đức niệm thầm cũng giống

vậy. Niệm ra tiếng là không cung kính, chứ không phải là ở những nơi, những lúc ấy, không được niệm Phật! Phải biết: Trong những nơi, những lúc ấy, không được niệm ra tiếng. Thêm nữa, lúc nằm nếu niệm ra tiếng, chẳng những không cung kính mà còn đến nỗi bị tổn khí, không thể không biết!

Tuy là trường thời niệm Phật không gián đoạn, nhưng cần phải vào lúc sáng sớm hướng về Phật lễ bái xong, trước hết niệm kinh A Di Đà một biến, niệm chú Vãng Sanh ba biến, liền niệm bài kệ tán Phật: “*A Di Đà Phật thân kim sắc...*” Niệm kệ xong, niệm Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật, tiếp đó chỉ niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc là một ngàn tiếng, hoặc năm trăm tiếng, hãy nên vừa đi nhiều vừa niệm (Cần phải đi nhiều từ Đông qua Nam, rồi qua Tây, qua Bắc, đây là thuận tùng, là tùy hỷ. Thuận tùng sẽ có công đức. Tây Vực coi trọng đi nhiều nhất. Nơi đây cũng dùng cách này kết hợp với lễ bái. Xin đọc thư gửi cho cư sĩ Mã Khê Tây trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Nếu không tiện nhiều thì quỳ hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được. Lúc niệm sắp xong, trở về chỗ quỳ, niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, mỗi danh hiệu ba lần. Rồi mới niệm bài Tịnh Độ Văn để phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Niệm bài Tịnh Độ văn thì phải nương theo văn nghĩa mà phát tâm. Nếu chẳng

y theo văn nghĩa để phát sẽ trở thành uổng công đọc văn suông, chẳng được lợi ích thật sự. Đọc Tịnh Độ Văn xong, niệm Tam Quy Y, lễ bái lui ra. Đây là công khóa buổi sáng; buổi tối cũng giống như vậy.

Nếu muốn lễ bái nhiều hơn thì trong lúc niệm Phật, lúc trở về chỗ, ngoài việc lễ Phật bao nhiêu đó, lúc xưng danh hiệu Bồ Tát chín lần, bèn lễ chín lay. Lễ xong bèn phát nguyện hồi hướng, hoặc sau khi niệm xong công khóa bèn lễ bái, miễn sao thuận tiện cho mình đều được. Nhưng phải khẩn thiết chí thành, chẳng được láo nháo, qua loa. Bồ đoàn không được quá cao, nếu cao sẽ thành ra không cung kính.

Nếu công việc đa đoan, hầu như không rảnh rỗi, hãy nên vào lúc sáng sớm, súc miệng xong, nếu có tượng Phật bèn lay ba lay, đứng ngay ngấn chấp tay, niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hết một hơi là một niệm. Niệm đến mười hơi, bèn niệm bài Tiểu Tịnh Độ Văn, hoặc chỉ niệm bốn câu kệ “*nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung...*” Niệm xong lễ Phật ba lay, rồi lui. Nếu không có tượng Phật thì hướng về Tây xá bái, chiếu theo cách trên để niệm. Đây gọi là pháp môn Thập Niệm do ngài Từ Vân Sám Chủ đời Tống vì hàng vua quan quá bận rộn chánh sự không rảnh rỗi để tu trì mà lập ra.

Vì sao phải niệm hết một hơi? Do chúng sanh tâm tán loạn, lại không rảnh rỗi để chuyên niệm. Lúc niệm như thế, mượn hơi thở nhiếp tâm, tâm tự chẳng tán

loạn. Nhưng phải tùy theo hơi thở dài hay ngắn, chẳng được cưỡng niệm cho nhiều, hễ cưỡng niệm sẽ bị tổn khí. Lại chỉ được niệm mười niệm, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi hơi. Niệm nhiều cũng tổn khí. Do tán tâm niệm Phật khó được vãng sanh nên pháp này có thể làm cho tâm quy một chỗ. Nhất tâm niệm Phật quyết định vãng sanh! **Số câu niệm tuy ít, nhưng công đức khá sâu.** Kẻ cực nhàn hay cực bận đều có pháp riêng, còn kẻ nửa nhàn nửa bận hãy tự châm chước thời gian để định pháp tắc tu trì. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Bế quan chuyên tu Tịnh nghiệp thì hãy nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Khóa sáng vẫn chiếu theo lệ thường tụng Lăng Nghiêm, Đại Bi, Thập Tiểu Chú. **Nếu không thuộc chú Lăng Nghiêm thì chẳng ngại gì hằng ngày cứ xem kinh mà tụng.** Đến khi thật thuộc rồi hãy niệm thuộc lòng. Khóa tối thì kinh A Di Đà, Đại Sám Hối, Mông Sơn cũng phải thường niệm hằng ngày. Ngoài ra, nên niệm Phật từ sáng đến tối, đi - đứng - nằm - ngồi thường niệm.

Lại lập một quy củ, sáng niệm một lần; trước khi chưa niệm, lạy bao nhiêu đó lạy. Trước hết lạy Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lạy, rồi lạy A Di Đà Phật bao nhiêu đó lạy, rồi lễ Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh

Đại Hải Chúng mỗi vị ba lạy, rồi lễ thường trụ thập phương hết thầy chú Phật, hết thầy tôn pháp, hết thầy hiền thánh tăng ba lạy. Hoặc niệm Phật một ngàn tiếng, hoặc nhiều hơn hay ít hơn. Niệm xong lại lễ chùng đó lạy, buổi sáng một lần, buổi chiều một lần, rồi nghỉ một khắc để tụng khóa tối. Đầu hôm niệm Mông Sơn, sau đó niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, lễ bao nhiêu đó lạy, phát nguyện hồi hướng, tam quy y xong, trong tâm thầm niệm Phật hiệu để dưỡng hơi. Lúc nằm, chỉ nên niệm thầm trong tâm, đừng nên niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng sẽ tổn khí, lâu ngày sẽ thành bệnh.

Dẫu là ngủ nghỉ, trong tâm vẫn thường giữ lòng cung kính, chỉ cầu tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, niệm niệm tương ứng với Phật hiệu. Nếu tâm khởi lên tạp niệm, liền lập tức nhiếp tâm kiên thành niệm, tạp niệm sẽ tiêu diệt ngay.

Đừng nên mù quáng dấy lên vọng tưởng, mong đắc thần thông, đắc duyên pháp, được tiếng tăm, mong xây chùa dựng miếu. Nếu có những thú ý niệm ấy, lâu ngày chày tháng ắt sẽ bị ma dựa... Dẫu cho tâm đã tịnh, vọng bị khuất phục, cũng chớ nên sanh lòng hoan hỷ, tự khoe khoang với người khác, có một phần bèn nói tới mười phần, đấy cũng là cái gốc để bị ma dựa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Minh Tâm*)

* **Lúc niệm Phật cần phải thâm nhiếp tai lắng nghe, từng chữ từng câu chẳng để luống qua, lâu ngày chày tháng, thân tâm sẽ quy nhất.** Một pháp Lắng Nghe đúng là pháp quan trọng trong pháp môn Niệm Phật; bất luận là ai áp dụng pháp này đều có lợi chứ không có điều tệ, công đức rất sâu. Chẳng như những pháp quán tưởng v.v... người biết pháp sẽ được lợi ích, kẻ chẳng biết pháp phần nhiều bị tổn hại. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Dân - 2*)

* Người niệm Phật hãy nên cung kính, chí thành, từng câu từng chữ trong tâm niệm cho rõ ràng, rành mạch, miệng niệm cho rõ ràng, rành mạch. Nếu làm được như thế, dầu chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng cũng chẳng đến nỗi quá đáng. Có lắm kẻ chỉ mong lẹ, mong nhiều, thuận miệng niệm ào ào, cho nên không có hiệu quả! Nếu có thể nhiếp tâm thì mới gọi là người niệm Phật thật sự.

Đại Thế Chí Bồ Tát đã ví dụ “như con nhớ mẹ”, trong tâm con chỉ nghĩ đến mẹ, những cảnh khác đều chẳng phải là chuyện trong tâm chính mình. Vì thế có thể cảm ứng đạo giao. Lại nói: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, đắc Tam Ma Địa⁴⁵, tư vi đệ nhất*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa (tức tam-muội), ấy là bậc nhất). Nói “*khiến cho tâm, miệng,*

tai đều được rõ ràng” chính là pháp tắc nhiếp trọn sáu căn vậy (Tâm là Ý Căn, miệng là Thiệt Căn). Tâm và miệng niệm hợp cùng tai nghe thì mắt, mũi quyết định chẳng đến nổi rong ruổi theo bên ngoài, thân cũng chẳng đến nổi láo xược, phóng túng. Người đời nay niệm Phật phần nhiều đều chẳng chịu nỗ lực nên không có hiệu quả gì!

Lại nữa, khi không niệm Phật, vọng tưởng tuy nhiều nhưng không cách nào biết được, chứ không phải là lúc không niệm thì không có vọng tưởng! Ví như đối với hư không trong nhà, dầu mắt cực tốt cũng chẳng thể thấy được bụi bặm. Nếu từ khe cửa sổ soi vào một tia nắng, sẽ thấy bụi bặm trong tia nắng chao lên đảo xuống không khi nào ngừng, khi ánh sáng chưa chiếu đến nơi, vẫn chẳng thấy có bụi bặm! Vì thế, biết rằng: Khi niệm Phật mà nhận biết có vọng tưởng thì đấy vẫn là cái hay của việc niệm Phật. Lúc không niệm Phật, hoàn toàn bị vùi lấp trong vọng tưởng cho nên không biết! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Hựu Chân và cư sĩ Giác Tam*)

* Tu tập Tịnh Độ hãy tùy phần tùy sức, há cứ phải

45. Tam Ma Địa (Samādhi), còn dịch là Tam Muội, Tam Ma Đề, Tam Ma Đê. Dịch ý là Đăng Trì, Chánh Định, Định Ý, Điều Trục Định, hay Chánh Tâm Hạnh Xứ, có nghĩa là xa lìa hôn trầm, lao chao, chuyên tâm trụ vào một cảnh. Do quá nhiều ý nghĩa, chữ này thường được dùng dưới dạng dịch âm, chứ không dịch nghĩa. Thông thường, Tam Ma Địa được hiểu là quán tưởng ngưng lặng cho trí huệ rạng ngời, để đoạn trừ được hết thảy phiền hoặc, hồng chứng đắc chân lý.

bỏ sạch muôn duyên thì mới tu trì được ư? Ví như đứa con hiếu nghĩ đến mẹ hiền, gã dâm mơ tưởng gái đẹp, tuy hằng ngày bận bịu trăm bề, một niệm ấy không có lúc nào quên bẵng. Người tu Tịnh Độ cũng phải giống như thế, mặc cho hằng ngày công việc bận bịu toi bời, quyết chẳng để tâm quên lãng niệm Phật thì sẽ đạt được yếu quyết. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Truyền*)

*** Niệm ra tiếng thì có thể niệm sáu chữ, chứ niệm thầm trong tâm thì nhiều chữ quá sẽ khó niệm, hãy nên niệm bốn chữ...** Từ sáng đến tối, ngủ thì để mặc đó, thức dậy lại niệm tiếp. Lấy niệm Phật làm bản mạng nguyên thân của chính mình quyết chẳng buông bỏ lúc chút thời gian nào, ngỗ hầu siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vãng sanh Tây Phương. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Thư trả lời cư sĩ Thang Huệ Chấn*)

* Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong lục đạo không nghiệp nào chẳng tạo. Nếu không có tâm tu hành, sẽ đâm ra chẳng cảm thấy có những ác niệm cổ quái, hiểm lạ ấy. Nếu phát tâm tu hành, sẽ cảm thấy những thứ ý niệm ấy càng nhiều hơn thêm (Đây chính là do chân - vọng soi lẫn nhau mà hiển hiện, chứ không phải là trước kia không có, chỉ là do chúng chẳng hiện rõ mà thôi). Lúc ấy, hãy nên tưởng A Di Đà Phật ở

trước mặt ta, chẳng dám có một tạp niệm vọng tưởng, chí thành, khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật (hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm), ắt phải sao cho từng câu từng chữ trong tâm niệm rõ ràng, phân minh, miệng niệm rõ ràng, phân minh, tai nghe rõ ràng, phân minh. Thường niệm được như thế thì hết thấy tạp niệm tự nhiên tiêu diệt.

Khi tạp niệm khởi lên, hãy đặc biệt đề khởi toàn bộ tinh thần niệm Phật, chẳng để cho nó tác quái trong tâm ta. Nếu có thể thường niệm được như thế thì ý địa tự nhiên thanh tịnh; lúc tạp niệm vừa mới dậy sẽ giống như một người chống lại vạn người, tâm chẳng thể có chút ý niệm thông thả, dễ dãi nào. Nếu không, nó sẽ thành chủ của ta, ta sẽ bị nó hại. Nếu liều hết tánh mạng chống lại nó, nó sẽ bị ta xoay chuyển, đấy gọi là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”.

Ông có thể thường đem vạn đức hồng danh của Như Lai để cự lực kháng cự thì lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tự thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh rồi, vẫn cứ niệm y như cũ chẳng buông lung thì nghiệp chướng tiêu, trí huệ mở mang. Chớ nên sanh lòng gấp rút, vọng động.

Bất luận ở tại nhà hay ở nơi am đều phải: kính trên, hòa dưới, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những chuyện người khác chẳng thể làm, chịu nhọc nhằn thay cho người khác, thành tựu sự tốt đẹp cho người ta. Khi tịnh

tọa thường nghĩ đến lỗi mình, lúc chuyện gẫu chẳng bàn lỗi của kẻ khác. Đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm, từ sáng tới tối, từ tối tới sáng, một câu Phật hiệu chẳng để gián đoạn, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm, trừ niệm Phật ra, chẳng khởi lên niệm nào khác.

Nếu lỡ vọng niệm dấy lên, hãy lập tức làm cho nó tiêu diệt. Thường sanh lòng hổ thẹn và sanh lòng sám hối. Dầu có tu trì, luôn cảm thấy mình công phu rất cạn, chẳng tự khoe khoang, kiêu căng, chỉ bận tâm đến chuyện trong nhà của chính mình, chẳng dính tới chuyện nhà người khác, chỉ thấy những gương tốt, chẳng thấy những gương xấu. Thấy hết thấy mọi người đều là Bồ Tát, chỉ có mình ta quả thật là phàm phu. Nếu ông có thể làm theo những điều tôi đã nói, chắc chắn sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị - 1*)

* Đối với những điều như: Muốn tâm chẳng tham sự vật bên ngoài, chuyên niệm Phật nhưng chẳng thể chuyên, cứ toan chuyên chuyện khác; chẳng thể niệm, cứ muốn niệm những sự khác; chẳng thể nhất tâm, cứ muốn nhất tâm nơi chuyện khác v.v... thì chẳng có pháp tắc kỳ đặc, áo diệu nào khác cả; cứ lấy một chữ Tử dán ngay trên trán, rủ xuống tận lông mày, tâm luôn nghĩ:

“Ta là người nào mà từ vô thủy mãi cho đến đời này đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì tận mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi. Đời trước do may mắn nào, nay được thân người, lại được nghe Phật pháp. Nếu chẳng nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khi một hơi thở ra chẳng trở lại, quyết sẽ phải thọ khổ trong vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao nơi địa ngục, chẳng biết phải trải qua mấy kiếp.

Dù thoát địa ngục, lại đọa vào ngạ quỷ, bụng to như biển cả, họng bé như chiếc kim, đói khát bao kiếp dài lâu. Trong họng lửa cháy, chẳng được nghe đến tên chất tương hay nước, khó được no lòng chốc lát. Từ ngạ quỷ ra, lại làm súc sanh: bị người cưỡi cổ, hoặc gieo thân vào bếp núc nhà người. Dù được làm người, cũng ngu si, vô trí, coi tạo nghiệp là đức năng, coi tu thiện là công cù. Chẳng qua mấy mươi năm lại bị đọa lạc; trải qua kiếp số nhiều như cát bụi luân hồi lục đạo. Dù có muốn xuất ly, cũng chẳng biết làm sao!”.

Nghĩ được như thế thì những việc mong muốn nói trên sẽ thành tựu được ngay. Bởi thế, ông Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quý, lâm chung tướng địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng liền tận mắt thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Lợi ích như thế, trăm ngàn vạn ức pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật đều không có. Tôi thường nói: “*Cứu giới chúng ta rời*

pháp này thì trên là chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới là chẳng thể lợi khắp quần sanh” chính là vì lẽ này. (Trích *Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Còn như niệm Phật, tâm khó quy nhất, hãy nên nhiếp tâm khẩn thiết niệm, sẽ tự có thể quy nhất. Không pháp nhiếp tâm nào chẳng trước hết phải chí thành khẩn thiết. Tâm không chí thành mà muốn nhiếp tâm thì chẳng có cách nào cả! Nếu đã chí thành mà vẫn chưa thuần nhất, hãy nên lắng tai nghe kỹ, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm, đều phải niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng lọt ra, âm thanh lọt vào tai (niệm thầm dấu miệng không động, nhưng trong ý vẫn có tướng miệng niệm), **tâm - miệng niệm cho rõ ràng, rành mạch, tai nghe cho rõ ràng, rành mạch. Nhiếp tâm như thế, vọng niệm tự dứt.**

Nếu vọng niệm vẫn còn nổi sóng, thì dùng pháp Thập Niệm Ký Số (nhớ số bằng mười niệm), tức là đem sức lực toàn tâm đặt nơi một tiếng Phật hiệu, dấu muốn khởi vọng cũng không có sức. Diệu pháp nhiếp tâm niệm Phật rốt ráo này xưa kia các vị hoằng truyền Tịnh Độ chưa đề cập đến là vì căn tánh con người thưở ấy còn thông lợi, chẳng cần phải làm như thế mới có thể quy nhất được! Ấn Quang do tâm khó chế phục, mới biết cái hay của pháp này. Càng thử càng thấy hay,

chẳng phải là nói mò đầu nhé! Nguyện khắp thiên hạ những kẻ độn căn đời sau đều cùng sử dụng khiến cho “vạn người tu, vạn người về”.

Pháp Thập Niệm Ký Số vừa nói đó chính là trong lúc niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, lại phải nhớ phân minh, đến mười câu là thôi. Lại phải niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi. Niệm đâu nhớ đấy, không được lộn chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu nhớ thẳng vào mười câu thấy khó thì chia thành hai hơi, tức là từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười.

Nếu vẫn thấy mệt, nên từ câu một đến câu ba, từ câu bốn đến câu sáu, từ câu bảy đến câu mười, chia làm ba hơi để niệm. **Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không chỗ chen chân, nhất tâm bất loạn, niệm lâu ngày sẽ tự đạt được.**

Phải biết mười niệm này giống như cách nhiếp vọng bằng pháp Thập Niệm buổi sáng, nhưng công dụng khác xa. Buổi sáng mười niệm thì hết một hơi là một niệm, chẳng luận số câu niệm Phật nhiều - ít. Cách này lấy một câu Phật hiệu làm một niệm, còn cách kia chỉ có thể niệm mười hơi vào buổi sáng. Nếu niệm hai mươi, ba mươi hơi sẽ tổn khí thành bệnh. Cách niệm này một niệm là một câu Phật hiệu, tâm biết một câu; niệm mười câu Phật hiệu, tâm biết mười câu. Từ một

đến mười, rồi lại từ một đến mười, dầu cả ngày niệm mấy vạn tiếng cũng đều nhớ như thế. Chẳng những trừ vọng, lại còn dưỡng thần tốt nhất. Niệm mau hay chậm trọn không trở ngại, từ sáng đến tối, không gì không thích hợp.

So với cách lần chuỗi nhớ số, lợi ích khác nhau một trời một vực. Cách kia (tức cách niệm bằng lần chuỗi) thân mệt, thần động, cách này thân nhàn, tâm an. Nhưng lúc làm việc nếu khó nhớ số thì cứ khẩn thiết niệm thẳng. Làm việc xong, lại nhiếp tâm nhớ số như cũ. Dầu ý niệm loang loáng đến đi, cũng vẫn quần quanh chuyên chú nơi một cảnh Phật hiệu. Đại Thế Chí Bồ Tát nói: *“Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất”*. Kẻ lợi căn chẳng cần phải nói nữa, nếu là hạng độn căn như bọn ta, bỏ pháp Thập Niệm Ký Số này, muốn *“nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”* thật khó khăn lắm!

Lại phải biết pháp nhiếp tâm niệm Phật này tuy cạn mà sâu, tuy nhỏ mà lớn, là pháp chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ nên thường kính tin lời Phật, chớ vì mình thấy không đến nơi đến chốn bèn sanh nghi hoặc, đến nỗi thiện căn nhiều kiếp do đây bị mất, chẳng thể rớt ráo tự đạt được lợi ích thật sự, đáng buồn lắm!

Lần chuỗi niệm Phật chỉ nên làm trong hai lúc đi và đứng. Nếu tịnh tọa dưỡng thần mà lần chuỗi thì do tay động nên thần chẳng an, lâu ngày thành bệnh. Pháp

Thập Niệm Ký Số này đi, đứng, nằm, ngồi, không gì chẳng thích hợp! Lúc nằm chỉ nên niệm thầm, không được niệm ra tiếng. Nếu niệm ra tiếng thì một là bất kính, hai là tổn khí, hãy nhớ kĩ, nhớ kĩ! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân*)

* Đã có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, phải nên chí tâm chấp trì sáu chữ thánh hiệu “nam mô A Di Đà Phật”. Bất luận đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, mặc áo, ăn cơm, và đại tiểu tiện v.v... đều chẳng lìa sáu chữ hồng danh (hoặc trì bốn chữ cũng được). Cần phải niệm sao cho toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm Phật chẳng hai, tâm Phật nhất như. Nếu có thể niệm tại đâu chú tâm tại đó, niệm đến cùng cực, tình mát sạch, tâm không, Phật hiện, sẽ chứng được tam muội ngay trong đời này. Đến lúc lâm chung, sanh trong Thượng Thượng Phẩm, có thể nói là đã hoàn tất sự tu trì đến cùng cực vậy. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Nhiếp tâm niệm Phật chắc chắn chẳng phải là phương cách dễ dàng, nhưng pháp nhiếp tâm chỉ có xoay cái Nghe trở lại quả thật là bậc nhất! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thư trả lời cư sĩ Lưu Chiêm Minh (Quán Thiện)*)

* Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt

trong giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bạc Đăng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà thoát khỏi luân hồi; ngay trong một đời này quyết định lên cõi Phật! Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này làm sao yên được?

Phàm những ai tu Tịnh nghiệp thì:

+ **Điều thứ nhất** là phải giữ tịnh giới nghiêm ngặt.

+ **Điều thứ hai** là phải phát Bồ Đề tâm.

+ **Điều thứ ba** là phải đầy đủ lòng tín nguyện chân thật.

Giới là cơ sở, nền tảng của mọi pháp, Bồ Đề tâm là chủ soái của tu đạo, tín nguyện nhằm dẫn đường cho việc vãng sanh. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Tịnh Độ Chỉ Yếu*)

* Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, lấy Bồ Đề tâm làm căn bản. Do bởi thật nghĩa “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật, nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân*”, cho nên dùng “*nhập trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” làm công phu thực hiện tối thiết yếu.

Dùng điều ấy để hành, lại còn Tứ Hoằng Thệ Nguyện thường chẳng rời tâm thì tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo. Lúc đang còn sống sẽ dự vào bậc thánh, lâm chung

lên thẳng Thượng Phẩm, ngỏ hầu chẳng phụ cuộc sống này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao*)

* **Niệm Phật theo lối Truy Đánh⁴⁶ dễ bị bệnh. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm Kim Cang hay thâm niệm, đều tùy theo tinh thần của chính mình mà điều chỉnh để dùng.** Há nên chấp chết cứng một pháp đến nỗi bị bệnh ư? Tùy Tức⁴⁷ chẳng bằng Tịnh Thính (lặng lẽ lắng nghe), bởi lẽ Tùy Tức không khéo thì cũng bị bệnh, còn Tịnh Thính thì chẳng bị bệnh! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Đáp lời hỏi của Huyền Tu Học Nhân*)

* **Niệm Phật nhắm mắt dễ bị hôn trầm.** Nếu không khéo dụng tâm rất có thể gặp cảnh ma! Chỉ buông hờ mí mắt (tức là giống như mắt các tượng Phật vậy) thì tâm sẽ lặng xuống, chẳng sôi động, cũng chẳng bị hỏa bốc lên đầu. Nếu ông niệm Phật mà trên đầu dường như có vật gì rờ đụng, hoặc lôi kéo v.v... là vì suy tưởng trong lúc niệm Phật khiến cho sóng tâm thức dâng trào đến nỗi tâm hỏa bốc lên.

Nếu buông rủ mí mắt và hướng tâm suy tưởng xuống phía dưới thì tâm hỏa chẳng bốc lên, bệnh ấy sẽ mất đi. Chớ nên làm tướng hiện tượng ấy là công phu đã đạt

46. Truy Đánh là niệm Phật liên tiếp, câu sau gói lên câu trước không xen hở chút nào.

47. Tùy Tức là cứ thở ra một hơi (hay hít vào một hơi) bèn niệm Phật một câu.

đến mức, cũng đừng sợ đấy là ma cảnh, chỉ chí thành nhiếp tâm mà niệm, và tưởng bản thân đang ngồi hoặc đứng trên hoa sen, nhất tâm tưởng ta đang ngồi hay đứng trên hoa sen thì hiện tượng ấy sẽ tự nhanh chóng biến mất. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trâm Di Sanh*)

* Người học Phật nhất cử nhất động đều phải lưu tâm. Đối với việc niệm Phật phải chí thành. Nếu khi nào trong tâm khởi lên đau buồn, đấy cũng chính là tướng thiện căn phát hiện, chớ nên để thường xảy ra như thế. Nếu không, sẽ bị ma bi thương dựa vào. Phạm có chuyện gì thích ý, chớ nên hoan hỷ quá mức. Nếu không, ắt bị ma hoan hỷ dựa.

Lúc niệm Phật, mí mắt nên rủ xuống, chớ nên căng thẳng tinh thần quá mức đến nỗi tâm hỏa bốc lên, rất có thể bị những chứng bệnh ngứa đầu, đau đầu v.v... cần phải điều hòa cho thích đáng. Hễ niệm lớn tiếng thì chớ nên cố sức quá mức để khỏi bị bệnh.

Lần chuỗi niệm có thể ngứa được sự lười nhác, nhưng lúc tịnh tọa chẳng được lần chuỗi, hễ lần chuỗi thì do ngón tay động nên tâm chẳng định được, lâu ngày ắt thành bệnh. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư nhắc nhở những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* **“Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật**

nhỏ”, cổ đức giải thích: **“Niệm lớn tiếng thì thấy được thân đức Phật lớn; niệm nhỏ tiếng thì thấy được thân đức Phật nhỏ”**, cũng có thể giải thích là: **“Niệm với cái tâm lớn thì thấy được thân đức Phật lớn; dùng đại Bồ Đề tâm niệm Phật thì sẽ thấy được Ứng Thân thắng diệu của Phật, hoặc Báo Thân”** (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Niệm Tây*)

* Đạo cảm ứng giống như gõ chuông. Gõ mạnh thì chuông kêu to, gõ nhẹ thì chuông kêu nhỏ. Trong đời thường có những kẻ do tiểu cảm mà được đại ứng chính là vì công đức tu trì trong đời trước cảm nên. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời tựa tái bản Dược Sư Như Lai Bốn Nguyên Công Đức Kinh*)

* Niệm Phật tu trì giống như uống thuốc. Nếu hiểu rõ giáo lý, giống như biết căn kẽ nguồn gốc căn bệnh, được tánh, mạch lý, rồi sẽ uống thuốc thì có thể gọi là “tự lợi, lợi tha”, không chi tốt lành bằng! Nếu không được như thế, trước hết chỉ chịu uống thuốc A Già Đà⁴⁸ đã được đức Phật thay ta bào chế sẵn thì bệnh cũng được lành. Cũng có thể đem thuốc này cho hết thấy mọi người uống để được lành bệnh. Chỉ mong sao lành

48. A Già Đà (Agada), còn phiên là A Yết Đà hoặc A Kiệt Đà, có nghĩa là mạnh khỏe, trường sanh bất tử, không bệnh, trừ khử khắp mọi thứ. Đây là một loại thuốc theo huyền thoại Ấn Độ có tác dụng trị tất cả mọi bệnh, giá trị vô lượng.

bệnh, không cần phải buồn lòng vì chẳng biết nguồn gốc căn bệnh, dược tánh, mạch lý! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Pháp Niệm Phật há nên chấp chặt vào lẽ lối nhất định, cố nhân lập ra phương pháp giống như tiệm thuốc có đủ các loại thuốc. Cách dùng của chúng ta là phải phù hợp với tinh thần, khí lực và thiện căn xưa kia của chính mình. **Niệm Phật lớn tiếng hoặc nhỏ tiếng, hoặc niệm Kim Cang, hoặc niệm thầm, không cách nào chẳng được.**

+ **Hễ hôn trầm:** chẳng ngại gì niệm lớn tiếng để đẩy lùi cơn hôn trầm tán loạn thì cũng được.

+ **Nếu thường niệm lớn tiếng,** ắt sẽ đến nỗi bị bệnh. Đừng nói người thông thường chớ nên thường niệm như vậy, dầu là người hết sức khỏe mạnh cũng chớ nên thường như thế. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời Niệm Tây đại sư*)

* Pháp môn Tịnh Độ trọn chẳng có chuyện “miệng truyền, tâm trao”, tùy ý để người khác tự hành lãnh hội từ nơi kinh giáo, trước thuật, không có gì là không được cả!... Vào thời Đường - Tống vẫn còn có pháp truyền tâm ấn của Phật, chừ nay chỉ còn dòng phái các đời truyền thừa danh nghĩa mà thôi, gọi là “pháp” cũng

đáng tội nghiệp quá! Tịnh tông trọn chẳng có chuyện ấy. Đến núi vẫn chẳng hữu ích bằng đọc sách! Cổ nhân nói: *“Gặp mặt chẳng bằng nghe tên”*. **Dẫu có đến đây thì những gì tôi sẽ nói với tạ hạ vẫn là những lời lẽ trong Văn Sao, há có bí pháp đặc biệt sâu mầu nào đâu?**

Mười mấy năm trước, cuối lá thư gửi cho ông Ngô Bích Hoa, tôi đã viết: *“Có một bí quyết, tha thiết bảo ban: Cạn lòng thành, tận lòng kính, mầu nhiệm vô cùng!”*...

+ **Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh** là cương yếu của Tịnh Độ.

+ **“Nhiếp trọn sáu căn”** là bí quyết niệm Phật.

Biết được hai điều này rồi thì chẳng cần phải hỏi ai nữa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Minh Tánh*)

* **Hỏi:** *“Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”*, hành trì như thế nào?

Đáp: Tông chỉ của Niệm Phật là sanh lòng tin chân thật (tức Tín), phát nguyện thiết tha (tức Nguyện), chuyên trì Phật hiệu (tức Hạnh). Ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh là tông chỉ của Niệm Phật.

Phương pháp dụng công Niệm Phật hay nhất là *“nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”*.

“Nhiếp trọn sáu căn” là cái tâm niệm Phật chuyên

chú nơi danh hiệu Phật, tức là nhiếp Ý Căn. Miệng phải niệm sao cho rõ ràng rành rẽ, tức là nhiếp Thiệt Căn. Tai nghe cho rõ ràng rành rẽ tức là nhiếp Nhĩ Căn. Ba căn ấy được nhiếp trong Phật hiệu thì mắt quyết chẳng thể nhìn ngó loạn xạ. Khi niệm Phật nên buông rèm mắt xuống, tức là hạ thấp mí mắt xuống, chớ nên mở banh mắt. Mắt đã nhiếp rồi thì mũi cũng chẳng thể ngửi loạn được, tức là mũi cũng được nhiếp! Thân phải cung kính tức là thân cũng bị nhiếp. Sáu căn đã nhiếp, chẳng tán loạn thì tâm không vọng niệm, chỉ nghĩ đến Phật; đấy mới là tịnh niệm.

Hễ sáu căn không nhiếp thì tuy niệm Phật trong tâm vẫn có vọng tưởng toại bởi, khó đạt được lợi ích thật sự.

Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn để niệm thì gọi là “*tịnh niệm tiếp nối*”. Tịnh niệm đã có thể thường tiếp nối thì nhất tâm bất loạn và Niệm Phật tam-muội sẽ đều có thể dần dần đạt được.

Xin chú ý: chỉ mong đạt được “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” thì nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, tâm địa sẽ khai thông, lo gì chẳng hiểu rõ nghĩa kinh nữa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Đáp lời hỏi của Huyền Tu Học Nhân*)

* Ông chưa biết tông chỉ Tịnh Độ. Hãy nên y theo những gì đã nói trong Một Lá Thư Gửi Khấp mà sanh lòng tin thật sự, phát nguyện thiết tha, chí thành khẩn

thiết, niệm danh hiệu Phật. Đừng dùng cách niệm quán tâm, hãy nên dùng cách niệm nhiếp tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đấng Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất*”. Khi niệm Phật trong tâm (ý căn) phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi miệng (thiệt căn) phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi tai (nhĩ căn) phải nghe cho rõ ràng, rành rẽ. Ý, thiệt, nhĩ, ba căn mỗi mỗi đều nhiếp thủ Phật hiệu thì mắt cũng chẳng ngó Đông, dòm Tây, mũi cũng chẳng ngửi những thứ khí vị khác, thân cũng chẳng lười trễ, biếng nhác, đó gọi là “nhiếp trọn sáu căn”. Nhiếp trọn sáu căn để niệm tuy chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng so với kẻ chẳng nhiếp sáu căn để niệm thì trong tâm thanh tịnh hơn nhiều lắm, vì thế gọi là “tịnh niệm”.

Nếu thường giữ được tịnh niệm cho liên tục chẳng bị gián đoạn, tâm sẽ tự được quy về một chỗ. Ở mức cạn là đấng nhất tâm, mức sâu là đấng tam-muội. Tam Ma Địa cũng là tên gọi khác của Tam Muội, ở đây (Trung Hoa) dịch là Chánh Định, hay còn dịch là Chánh Thọ. Chánh Định nghĩa là tâm an trụ nơi Phật hiệu, chẳng còn rong ruổi theo bên ngoài nữa. Chánh Thọ ngụ ý những gì được nạp thọ (thâu nhận) trong tâm chỉ là cảnh duyên công đức của Phật hiệu, hết thấy cảnh duyên đều chẳng thể được! (Thêm nữa, Chánh Định có nghĩa là Tịch lãn Chiếu cùng viên dung, Chánh Thọ có

nghĩa là khuất phục được vọng, Chân hiển hiện. Xin coi trong thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - thư thứ năm, trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Có thể thật sự nhiếp cả sáu căn để niệm, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Chẳng cần phải quán tâm mà tâm tự thanh tịnh, sáng tỏ, sao lại đến nỗi mắc bệnh tâm hỏa bốc lên nữa ư? Do ông là phàm phu nghiệp lực cực nặng, lầm lạc dùng pháp quán tâm nên mới đến nỗi như thế. Pháp quán tâm chính là pháp tu Quán bên Giáo, chẳng thích hợp lắm với người niệm Phật!

“Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” mới là vô thượng diệu pháp thích hợp khắp hết thầy căn cơ thượng, trung, hạ, cả phàm lẫn thánh. Hãy nên biết: **“Nhiếp trọn” chú trọng tại Nghe.** Dẫu niệm thầm trong tâm cũng vẫn phải nghe, bởi lẽ trong tâm khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình, vẫn rành rẽ, rõ ràng. Nếu có thể nghe được từng câu, từng chữ rõ ràng, thì sáu căn đều quy về một (**Hễ nhĩ căn được nhiếp thì các căn không cách nào rong ruổi theo bên ngoài, có thể đạt đến nhất tâm bất loạn.** Xin hãy đọc lá thư gửi cho nữ sĩ Từ Phước Hiền trong bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). So với tu những pháp Quán khác thì pháp Niệm Phật ôn hòa, thích đáng nhất, ít tổn sức nhất, khéo lý, khéo cơ nhất. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn*

Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Vỹ Chương)

* Phàm là bọn hữu tình chúng ta hễ nghe nói đến pháp môn Tịnh Độ thì phải tin Ta Bà cực khổ, Tây Phương cực vui, phải tin rằng từ nhiều đời đến nay, nghiệp chướng sâu nặng, chẳng cậy vào Phật lực, khó thể xuất ly. Phải nên tin rằng cầu được vãng sanh thì ngay trong đời này sẽ được vãng sanh. Phải tin niệm Phật nhất định được Ngài từ bi nhiếp thọ.

Dùng một lòng kiên định này, nguyện lìa Sa Bà như kẻ tù muốn thoát khỏi lao ngục, trọn chẳng có tâm lưu luyến. Nguyện sanh Tây Phương như lữ khách mong quay về cố hương, chẳng hề có ý niệm do dự.

Từ đó, tùy phận, tùy lực, **chí tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật**, chẳng luận là: nói năng, im lặng, động, tịnh, đi, đứng, nằm, ngồi, đón tiếp khách khứa, mặc áo, ăn cơm, giữ sao Phật hiệu chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa Phật. (*Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục, 1. Giảng về lòng tin chân thành, tâm nguyện tha thiết*)

* Hương thơm công đức phước huệ, ánh sáng từ bi nhiếp thọ của Như Lai theo chiều dọc suốt cả ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương đều xông chiếu trọn khắp. Phàm phu đầy dẫy triền phược trọn chẳng nghe thấy, như kẻ: “mắt mù, mũi điếc” giữa trưa

đi ngang rừng Chiên Đàn, trọn chẳng ngửi được mùi hương Chiên Đàn, chẳng thấy được ánh sáng mặt trời.

Nếu sanh lòng chánh tín, thường niệm Phật hiệu, do được vạn đức hồng danh của Như Lai ngậm hun đúc, gia bị, nên nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, sẽ tự có thể tùy theo khả năng của chính mình mà đắc tam-muội nên thấy nghe đôi chút hương công đức, ánh sáng từ bi của Phật, hoặc chứng Vô Sanh Nhẫn nên thấy nghe lớn lao, cho tới dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm.

Thầy Giám Viện là đại sư Diệu Chân mong những ai đến đây đều cùng được nhiễm mùi hương của Phật, cùng được hưởng quang minh của Phật, cây tôi đề bốn chữ này và viết lời bạt để thừa với bậc thông sáng mai sau! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Lời bạt cho tám biển gạch Hương Quang Trang Nghiêm của Linh Nham Sơn Tự*)

* Nếu xây lầu gác trên không, bịa nói cảnh giới thù thắng, chính là phạm vào giới đại vọng ngữ; chưa đắc bèn nói là đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, tội ấy còn gấp trăm ngàn vạn ức lần tội giết, trộm, dâm! Nếu người ấy chẳng tận lực sám hối, khi một hơi thở ra không hít vào được nữa liền đọa địa ngục A Tỳ, bởi kẻ ấy hoại loạn Phật pháp, gây lầm lạc, nghi ngờ cho chúng sanh.

Ông phải rất thận trọng; thấy cảnh chỉ có một phân

chẳng được nói lên một phân môt, cũng chẳng được nói chín ly chín. Nói quá lên cũng là tội lỗi, mà nói giảm cũng là tội lỗi. Vì sao vậy? Do hàng tri thức chưa đắc Tha Tâm Đạo Nhân, chỉ có thể dựa vào lời nói để phán định. Dem cảnh giới ấy thừa cùng tri thức để chứng minh tà - chánh, đúng - sai thì không có lỗi gì. Nếu chẳng vì để chứng minh, chỉ muốn tự khoe khoang, cũng sẽ có lỗi. Nếu hướng về hết thầy những người khác nói ra thì sẽ mắc lỗi! Ngoại trừ chuyện cầu tri thức chứng minh ra, đều không được nói. Hễ nói ra, sau này sẽ vĩnh viễn không thể đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa. Cái ải lớn nhất của người tu hành này trong giáo thuyết tông Thiên Thai đã nhiều lần nói đến.

Sở dĩ gần đây những người tu hành phần nhiều bị ma dựa, đều là do tâm tháo động, vọng niệm, mong cầu cảnh giới thù thắng. Đừng nói là cảnh ma, dầu cho cảnh ấy là cảnh thù thắng, vừa sanh tâm tham chấp, hoan hỷ v.v... bèn bị tổn hại, chẳng được lợi ích, huống chi cảnh ấy chưa đích xác là cảnh thù thắng ư?

Nếu người ấy có hàm dưỡng, không mang tâm bộp chộp, vọng động, tâm không tham đắm, dù thấy các cảnh giới cũng hết như không thấy. Đã không sanh tâm hoan hỷ, tham đắm, lại chẳng sanh tâm sợ hãi, kinh nghi, thì đừng nói là người ấy sẽ được lợi ích khi cảnh thù thắng hiện, dầu là cảnh ma hiện cũng vẫn được lợi ích. Vì sao vậy? Do chẳng bị ma chuyển nên có thể tiến

lên....

Nên biết: Người học đạo phải biết chuyện lớn; nếu không, được điều ích nhỏ nhất ắt sẽ bị tổn hại lớn lao. Đừng kể chi loại cảnh giới này, dầu thật sự đắc Ngũ Thông vẫn còn phải gác bỏ ra ngoài thì mới đạt được Lộ Tận Thông. Hễ tham đắm sẽ khó thể tiến lên, rất có thể bị lui sụt, chẳng thể không biết! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu*)

* Người niệm Phật hãy nên giữ tâm lòng “được vãng sanh ngay trong đời này”. Nếu báo thân chưa mãn thì cũng chỉ tùy duyên. Nếu định kỳ hạn mong muốn vãng sanh mà công phu đã thành thực, cố nhiên chẳng trở ngại gì. Nếu không, chỉ riêng cái tâm mong cầu ấy đã là cái gốc để thành ma rồi! Nếu vọng niệm ấy kết thành một khối chẳng tháo gỡ được, sẽ nguy hiểm chẳng thể nào nói nổi!

“Cho đến hết tuổi thọ, gieo tâm lòng Thành” chính là đạo chúng ta nên tuân giữ. “*Diệt thọ thủ chứng*” (Diệt trừ thọ mạng để mong chứng đắc) quả thật là lời lẽ bị Giới kinh quở trách sâu xa (Bài kệ cuối kinh Phạm Võng có đoạn:

“Kế ngã chấp trước giả	(Kẻ chấp trước nơi Ngã
Bất năng sanh thị pháp	Chẳng sanh được pháp này
Diệt thọ thủ chứng giả	Diệt thọ mong chứng đắc
diệc phi hạ chủng xứ” .	Cũng không gieo giống được) ¹ .

Chúng tôi dịch từ ngữ này theo cách giải thích của pháp sư Diễn Bồi trong Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bản Giảng Ký (do hòa thượng Trí Minh dịch), phân dịch nghĩa bốn câu kệ kinh Phạm Võng được dẫn theo Nghi Thức Tụng Giới Bồ Tát của hòa thượng Trí Tịnh. Theo Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bản Giảng Ký (bản dịch của hòa thượng Trí Minh), pháp sư Diễn Bồi đã giảng: “Còn người ‘diệt thọ thủ chứng’ (người trầm không trệ tịch) chỉ cho hàng Nhị Thừa chấp Không, thuộc về loại mầm cây héo, hạt giống hư, nên ‘cũng không gieo giống được’. Người diệt thọ thủ chứng ý nghĩa như thế nào? Chính là chỉ các bậc thánh nhân trong Nhị Thừa, các ngài diệt trừ thọ mạng hiện tại để thủ chứng cảnh tịch diệt Niết Bàn, nên gọi là “diệt thọ thủ chứng”. Thông thường trong các kinh gọi là “khô thân diệt trí” vậy. Vì các thánh giả Tiểu Thừa thủ chứng lý Thiên Không nên không phải là chỗ gieo giống Bồ Đề. Giới pháp bản nguyên tâm địa vốn là chúng sanh và Phật đều bình đẳng, nên đúng lý ra, dù là phàm phu hay Nhị Thừa đều có thể tin thọ gieo giống. Ở đây, nói phàm phu và Nhị Thừa đều là vô phân vì không phải là không thể bảm thọ hay giới phẩm không thể thấm nhuần trên thân, mà là do các vị ấy không khéo nghĩ lường mà thôi”.

Chỉ nên trọn hết lòng kính, lòng thành để cầu mau được vãng sanh; chớ nên mong muốn được vãng sanh đúng như kỳ hạn theo như ý ta đã định.

Người học đạo tâm chớ nên thiên chấp. Hễ thiên chấp sẽ đến nỗi mất trí điên cuồng; chẳng những vô ích mà còn bị hại! Nếu tịnh nghiệp chín muồi, vãng sanh ngay bữa nay càng tốt. Nếu chưa chín muồi mà cứ muốn được vãng sanh ngay, sẽ trở thành “nhỏ mạ để giúp cho nó mau lớn!”

Thật sợ rằng hễ ma sự dấy lên, chẳng những chính mình không thể vãng sanh được, mà còn khiến cho kẻ vô tri đều lui sụt tín tâm, bảo là: “Niệm Phật tổn hại vô ích!” Như ông X... nọ là tám gương tày đình, mỗi hại ấy quả thật chẳng nông cạn vậy!

Xin hãy đem cái tâm quyết định mong được vãng sanh đúng kỳ hạn ấy đổi thành cái tâm “chỉ mong mau được vãng sanh”. Dầu không được vãng sanh mau chóng, cũng chẳng áy náy gì, chỉ chí thành chí kính để mong khi hết báo thân sẽ được vãng sanh thì không bị vọng niệm bộp chộp vón cục lại trong tâm đến nỗi mắc họa chuốc lấy ma sự! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật - bài này được đăng tải trên Đại Vân Nguyệt San*)

* Bất luận tụng kinh nào, trì chú nào, cũng đều phải niệm Phật bao nhiêu tiếng đó rồi hồi hướng thì mới hợp

với tông chỉ tu Tịnh nghiệp. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu*)

* Niệm Phật chớ nên bỏ hồi hướng. Hồi hướng chính là tín nguyện được phát ra từ miệng, nhưng chỉ nên hồi hướng sau khi xong khóa tối, và sau khi niệm Phật, tụng kinh trong ngày xong. Nên niệm Phật từ sáng đến tối không gián đoạn, trong tâm chỉ có ý niệm nguyện được vãng sanh chính là “thường thời hồi hướng” (luôn luôn hồi hướng). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 4*)

* Ngay trong sinh hoạt thường ngày, với tất cả những điều thiện nhỏ nhặt và các thiện căn như: tụng kinh, lễ bái... đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thủy hạnh môn đều thành trợ hạnh cho Tịnh Độ, như gom các hạt vi trần thành đất, tụ các dòng nước thành biển, rộng lớn sâu thẳm, ai có thể cùng tốt được! Nhưng phải phát Bồ Đề tâm, thệ nguyện độ sanh, hồi hướng tất cả công đức tu trì cho khắp pháp giới chúng sanh, bốn ân, ba cõi. Giống như đổ dầu vào lửa, như mạ gặp mưa; đã kết pháp duyên sâu xa cùng hết thủy chúng sanh lại còn có thể mau thành tựu hạnh Đại Thừa thù thắng cho chính mình. Nếu không biết

nghĩa này thì là kiến giải tự lợi của phàm phu, Nhị Thừa; đầu tu diệu hạnh này, chỉ cảm được quả hèn kém. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

*** Hồi hướng phát nguyện tâm nghĩa là đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới đều cùng được vãng sanh Tây Phương. Nếu có tâm ấy, công đức sẽ vô lượng. Nếu chỉ vì một người mà niệm thì do tâm lượng nhỏ hẹp, công đức cũng nhỏ hẹp! Ví như thắp một ngọn đèn thì chỉ có ánh sáng của một ngọn đèn. Nếu chịu xoay vần thắp cho những ngọn đèn khác thì ánh sáng của trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số ngọn đèn sẽ chẳng thể nào thí dụ được; thế nhưng ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cố nhiên chẳng bị hao tổn gì! Người đời chẳng biết nghĩa này, nên chỉ biết tự tư tự lợi, chẳng muốn cho người khác hưởng lợi ích ấy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh - 1*)**

* Hồi hướng là đem các công đức niệm tụng do chính mình đã tu, nếu để mặc không hồi hướng, thì nhờ vào những công đức ấy, sẽ chỉ được hưởng các thứ phước báo trời người, nay xoay cái nhân được hưởng phước báo trời người do công đức đã làm ấy gom về

sự vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm cái quả siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cho đến rốt ráo thành Phật trong tương lai, chứ chẳng chỉ nhằm hưởng phước trời - người mà thôi!

Dùng một chữ Hồi nhằm thể hiện ý “quyết định, chẳng thuận theo thói tình thế gian”. Dùng một chữ Hướng nhằm thể hiện ý “quyết định mong mỗi phương cách xuất thế”. Đó gọi là “*hồi nhân hướng quả, hồi sự hướng lý, hồi tự hướng tha*”. Công đức đã làm là cái nhân kết thành quả báo trong cõi trời - người, xoay cái nhân ấy lại để hướng về quả Niết Bàn. Công đức đã làm là chuyện sanh - diệt; xoay nó lại để hướng đến diệu lý Thật Tướng bất sanh bất diệt. Công đức đã làm vốn thuộc tự hành, xoay nó lại để hướng về hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Đây chính là danh từ nhằm thể hiện ý nghĩa phát nguyện lập thế, quyết định hướng đến. Hồi hướng có 3 nghĩa:

1) Hồi hướng Chân Như Thật Tế, tâm tâm khế hợp. Đây chính là nghĩa “*hồi sự hướng lý*”.

2) Hồi hướng Phật Quả Bồ Đề, niệm niệm viên mãn. Đây chính là nghĩa “*hồi nhân hướng quả*”.

3) Hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ. Đây chính là nghĩa “*hồi tự hướng tha*”.

Ý nghĩa hồi hướng lớn lao thay! Pháp hồi hướng tuy không phải chỉ có một, nhưng đều coi hồi hướng Tịnh Độ là pháp tối mầu nhiệm duy nhất không hai! Bởi

lẽ, nếu chẳng sanh về Tịnh Độ, thường khó thể thành tựu những đại nguyện khác! Nếu sanh về Tịnh Độ thì không nguyện nào chẳng thành. Do bởi lẽ này, phàm làm hết thảy công đức, dầu có mong mỗi chi khác, cũng tất nhiên phải hồi hướng Tịnh Độ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng*)

* Phát nguyện nên thực hiện trong sớm tối lúc niệm Phật xong (pháp Thập Niệm buổi sáng thì cũng niệm Phật trước, phát nguyện sau) có thể dùng bài Tiểu Tịnh Độ Văn. Nếu thân tâm rảnh rang nên dùng bài Tân Định Tịnh Độ Văn (tức bài ‘Khê thủ Tây Phương An Lạc quốc...’ chép trong Thiền Môn Nhật Tụng. Người biên tập kính cẩn ghi chú) của Liên Trì đại sư để hồi hướng. Bài này ngôn từ lẫn nghĩa lý đều châu đáo, đứng đầu cổ kim. Nên biết: Phát nguyện bằng cách đọc bài văn phát nguyện thì phải nương theo văn đề phát nguyện, chứ không phải cứ đọc văn hồi hướng một lượt là đã phát nguyện đâu nhé! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư dự định trả lời vị cư sĩ X...*)

* Một pháp Niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để bỏ trần lao, quay về giác, phản bản quy nguyên. Đối với người tại gia, pháp này lại càng thân thiết. Vì người

tại gia, thân trong lưới trần, công việc đa đoan, đối với những việc như nhiếp tâm tham thiền, tụng kinh trong tịnh thất... do hoàn cảnh sẽ chẳng làm được nổi hoặc chẳng đủ sức. Chỉ có mình pháp Niệm Phật là thuận tiện nhất.

Sáng tối đôi trước Phật, tùy phận, tùy sức lễ bái, trì niệm, hồi hướng, phát nguyện. Ngoài ra thì đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, hết thấy thời, hết thấy chỗ đều niệm được cả. Nhưng ở nơi sạch sẽ, lúc cung kính thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Còn như ở những nơi chẳng sạch sẽ (như vào nhà tiêu chẳng hạn) hoặc nằm lúc chẳng cung kính (chẳng hạn như đang nằm ngủ, tắm gội...) chỉ nên niệm thầm, chẳng nên niệm ra tiếng, chứ chẳng phải là ở những chỗ ấy, nằm lúc ấy, không được niệm!

Nằm ngủ niệm ra tiếng thì chẳng những không cung kính, lại còn bị tổn khí, lâu ngày thành bệnh. Công đức niệm thầm giống hết công đức niệm bình thường. Ấy là: *“Niệm ở đâu sẽ ở đó. Ngay thẳng cũng do đây, mà diên đảo cũng bởi đây”*. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Lúc niệm Phật nên tùy nghi. Nay trong Niệm Phật đường của các tùng lâm đều niệm kinh A Di Đà xong thì niệm chú Vãng Sanh ba biến hoặc một biến, rồi mới

xương kệ niệm Phật. Tán kệ xong, niệm tiếp “nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật” rồi nhiều niệm. Phải đi nhiều từ Đông sang Nam, từ Tây sang Bắc. Đây là thuận tùng, là tùy hỷ. Thuận tùng mới có công đức. Tây Vực trọng nhất là đi nhiều. Ở phương này, cùng thực hành cả hai cách lễ bái và đi nhiều. Nếu đi từ Đông sang Bắc, từ Tây sang Nam thì là “phản nhiều” (đi nhiều ngược chiều) sẽ mắc tội, chẳng thể không biết điều này! Nhiều niệm một khắc rười rôi ngồi thâm niệm. Ước chừng một khắc lại niệm Phật ra tiếng.

Niệm xong, quỳ niệm Phật mười lần. Quan Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, mỗi danh hiệu niệm ba lượt. Sau đây mới niệm Phát Nguyện Văn. Người tại gia ngại thất nhỏ khó nhiều niệm thì đứng, quỳ hay ngồi niệm đều được. Chỉ nên án theo tinh thần mình mà định, bắt tất phải nhờ người khác lập pháp tắc cho mình. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Niệm Phật tuy quý ở tâm niệm, nhưng chẳng thể bỏ miệng tụng. Vì ba thứ thân - khẩu - ý hỗ trợ nhau. Nếu tâm ức niệm, nhưng thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng thì cũng khó được lợi ích. Thế gian nhắc vật nặng còn phải dùng tiếng hò reo để trợ lực, huống là muôn nhiếp tâm để chứng tam muội ư?

Vì thế, kinh Đại Tập nói: “Niệm lớn thấy Phật lớn.

Niệm nhỏ thấy Phật nhỏ”. Cổ đức bảo: “Niệm lớn tiếng sẽ hiện thân Phật lớn. Niệm nhỏ tiếng sẽ hiện thân Phật nhỏ”. Hàng phàm phu đầy dẫy triền phược, tâm nhiều hôn trầm, nếu chẳng nhờ vào sức thân khẩu lễ niệm mà mong được nhất tâm thật chẳng thể được! (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Phát Nguyên Văn, văn tuy rộng lớn, nhưng phải chân thật phát nguyện từ nơi tâm mới gọi là Nguyên. Nếu không, tâm - miệng trái nhau, gọi là Nguyên sao được? Muốn nguyện được phước báo trong hiện đời cũng chẳng ngại gì. Muốn được phước huệ, đông con lắm cháu thì cứ cầu bằng cách chất chứa thật nhiều âm đức, rộng hành các phương tiện. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Đối với chữ Niệm (念) trong Niệm Phật (念佛), muôn phần chớ nên thêm chữ Khẩu (口), có rất nhiều người viết là Niệm (唸), đánh mất ý nghĩa đến tột cùng! Một pháp Trì Danh Niệm Phật lợi khắp ba căn, còn Quán Tượng, Quán Tướng thì chỉ có người thấu hiểu pháp môn tâm địa mới tu tập được. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi khởi lên các ma sự. Trì danh niệm Phật lại thêm lắng tai nghe kỹ là ổn thỏa, thích đáng nhất. Bất luận thượng - trung - hạ căn đều có lợi ích, đều không bị khuyết điểm.

Ông thích niệm kinh Kim Cang, hãy nên đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì đây chính là Trợ Hạnh cho Tịnh Độ. Nhưng Tịnh Độ Ngũ Kinh công đức cũng chẳng kém gì kinh Kim Cang. Đối với những kinh sách đã gởi, hãy nên đọc kỹ lời Tựa do Quang viết, sẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩa chánh yếu. Tiếp đó, lắng lòng cung kính đọc thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích (*Hoằng Hóa Nguyệt San kỳ thứ 8 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham - 1*)

* Đối với việc niệm Phật, có thể chiêu theo thời mà niệm cũng được. Nếu không, suốt ngày thừa dịp thuận tiện mà niệm, chẳng luận đi - đứng - ngồi - nằm (hễ nằm thì nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng). Nói chung, lấy niệm Phật làm chánh. Nhưng cần phải sanh lòng tin, phát nguyện, cầu sanh Tây Phương, vạn phần chớ nên cầu phước báo đời sau.

Nếu cầu phước báo đời sau thì chính là phá giới trái pháp, vì pháp môn Niệm Phật chính là pháp môn dạy người cầu sanh Tây Phương. Ông đã niệm Phật, chẳng cầu sanh Tây Phương, lại muốn cầu đời sau, tức là chẳng tuân lời Phật dạy. Đây là pháp Phật dạy người như thế, phải nhất định tuân theo, ông chẳng chịu tuân theo, nên gọi là “phá giới, trái pháp”. Nếu đời này còn có tu trì, đời sau chắc chắn có phước thế gian để hưởng.

Hễ hưởng phước, chắc chắn phải tạo ác nghiệp (nay cõi đời loạn lạc đến như thế, quá nửa là do những kẻ đời trước tu si phước ươm thành). Đã tạo ác nghiệp thì khổ báo về sau chẳng nở nói ra! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Truyền Đức*)

* Con người sống trong thế gian điều quan trọng nhất là thân cận thầy lành bạn tốt. Có thầy lành bạn tốt thì sẽ có thể trở về chánh đạo. Nếu không, bạn bè nhậu nhẹt tụ họp, hằng ngày xen lộn với phường hạ lưu, bệnh tật cũng do đó thường chẳng lành được!

Pháp môn Tịnh Độ không gì lớn lao ra ngoài được, nhưng kẻ thiếu hiểu biết thường coi nhẹ. Ông đã trì danh, nhưng tâm chưa quy nhất là vì nghiệp chướng sâu đậm vậy! Lúc niệm phải giữ tâm kính sợ, niệm khởi từ nơi tâm, tiếng phát ra từ miệng, âm thanh lọt vào tai, phải sao cho nghe từng câu rõ ràng, từ sáng đến tối lúc nào không phải dùng tâm để làm việc thì thường niệm. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, hay niệm thầm trong tâm đều phải nghe, bởi tâm vừa khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai của chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình là chuyện hết sức rõ ràng. Sáng tối lập một công khóa, hoặc tụng một biến kinh Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh, rồi niệm kệ Tán Phật, niệm Phật, hoặc một ngàn hay tám trăm câu, hay năm trăm câu,

tùy theo mỗi người mà lập ra công phu. Nếu quá bận thì dùng cách sáng tối Thập Niệm. Ngoại trừ lúc thực hiện công khóa sáng tối ra, đi, đứng, nằm, ngồi đều phải niệm. Chỉ cầu tâm quy nhất, chẳng nhất định phải cầu tướng lành. Vì nếu tâm đã quy nhất sẽ khác với lúc tâm phập phều, tán loạn. Nếu chẳng chú trọng tâm quy nhất, thường mong thấy được tướng lành, rất có thể ma sự khởi lên, chẳng thể không biết! Chớ thành khẩn thiết lắng nghe, chắc chắc chẳng đến nỗi ma sự dậy lên! **“Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”** chính là **cách niệm Phật màu nhiệm nhất!**

Phải thường xem Tịnh Độ Ngũ Kinh, cần phải cung kính, chớ nên khinh nhờn! Đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết đại nguyện của đức Di Đà, sự trang nghiêm của cõi Tịnh Độ, và sự thích hợp trọn khắp của pháp môn. Những kẻ nói pháp môn Tịnh Độ là Tiểu Thừa, là pháp tu của ngu phu ngu phụ, thì biết là họ trong đời trước chưa từng gieo thiện căn Tịnh Độ, nên mới nói những nói càn như vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Đạo*)

* Trong đời trước, con người nghiệp nào chẳng tạo? May mắn được nghe Phật pháp, hãy nên sốt sắng tu trì để mong tiêu trừ túc nghiệp, siêu độ oán gia. Tất cả oán gia tuy khó cởi gỡ nhưng nếu chịu phát tâm Bồ Đề và thành tâm siêu độ sẽ không có mối oán kết nào chẳng

cởi gỡ được! Ông niệm Phật bị ghen hơi chẳng phải vì thân thể yếu đuối mà là do nghiệp chướng tạo ra, ông chỉ nên khẩn thiết, chí thành niệm. Nếu niệm không được thì tâm hãy thường tưởng nhớ. Nếu niệm được thì vẫn cần phải dùng miệng để niệm, không thể niệm được thì chỉ tâm chuyên, tâm nhớ, lâu ngày nghiệp ấy sẽ tiêu. Từ rày, phạm khởi tâm, làm việc, đều phải hướng theo phương diện ăn ở cho có tình nghĩa nồng hậu mà làm. Ăn ở trọn vẹn tình nghĩa thì thêm phước, ăn ở bạc bẽo thì chẳng đạt được phước gì! Nếu lại còn khắc nghiệt, hiểm độc, gian xảo thì giống như đánh núi chót vót, mưa dầm cách nào cũng không nhận được, bất cứ cây cỏ gì cũng không mọc được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Kim Thiện Sanh*)

* Một pháp Niệm Phật chính là pháp môn tổng trì lời Phật dạy, nhưng có người chuyên niệm Tự Phật, có người chuyên niệm Tha Phật, hoặc niệm Tự Phật lẫn Tha Phật bất đồng! Kẻ chuyên niệm Tự Phật là như tham cứu sâu xa Thật Tướng trong các kinh đến mức cùng tận để mong ngộ chứng, dùng trí chiếu Bát Nhã để thấu hiểu trọn vẹn đương thể của hết thảy các pháp Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát

Giới, Thất Đại v.v... toàn là Không, đích thân thấy được tánh Chân Như màu nhiệm vốn sẵn có, hoặc như

Thiền Tông khán những câu thoại đầu như “*người niệm Phật là ai?*” v.v... để mong đích thân thấy được “bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra”. Trong bốn loại Niệm Phật, cách này được gọi là Thật Tướng Niệm Phật.

Chuyên niệm Tha Phật thì có 3 cách niệm:

1) Một là quán tướng, nghĩa là dựa theo Thập Lục Quán Kinh để quán, hoặc chuyên quán tướng bạch hào⁴⁹, hoặc chỉ quán thân Phật một trượng sáu, hay thân tám thước, hoặc quán Pháp Thân rộng lớn và quán trọn vẹn mười sáu phép Quán.

2) Hai là quán tượng, tức là đối trước hình tượng Phật, tượng tướng hảo, quang minh của Phật v.v...

3) Ba là trì danh, tức là nhất tâm xưng niệm thánh hiệu A Di Đà Phật.

Ba cách niệm Phật này tuy cách thức khác nhau, nhưng đều cần phải có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì mới cảm ứng đạo giao cùng đức Phật được,

49. Bạch Hào Tướng: Đôi khi còn dịch là hào tướng, hào mi, bạch mao tướng, mi gian bạch hào tướng, bạch hào trang nghiêm tướng, mi gian bạch hào nhuyễn bạch đầu-la-miên tướng v.v... là một trong ba mươi hai tướng của đức Như Lai. Đây chính là một sợi lông trắng trong ngần, sáng ngời như ngọc lưu ly, thường tỏa quang minh, nằm giữa hai chân mày, cuộn tròn lại, quấn quanh theo chiều bên phải, nếu kéo dài ra sẽ dài đến một tấc (Tấc là đơn vị đo lường thời cổ, có chiều dài bằng khoảng cách giữa hai cánh tay giang thẳng ra hai bên). Theo kinh Vô Thượng Y, quyển Hạ, tướng này do lúc tu nhân Phật thường tán thán mỗi khi thấy có chúng sanh nào tu tập Giới - Định - Huệ. Theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải thì quang minh tỏa ra từ tướng bạch hào có công năng trừ được tội lỗi trong trăm ức na-do-tha hằng sa kiếp sanh tử, nên là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của đức Phật.

mới có thể chắc chắn trong đời này lìa khỏi cõi Sa Bà này, sanh sang cõi Cực Lạc kia.

Trong bốn thứ niệm Phật này, chỉ có Thật Tướng Niệm Phật là đế lý sâu xa nhất, nhưng chẳng dễ gì tu được! Do cậy vào Giới - Định - Huệ và sức tham cứu, quán chiếu, soi xét của chính mình, chứ không có Tha Lực nào khác phụ trợ; nếu chẳng phải là hạng túc căn chín muồi thì ngộ còn chưa dễ gì đạt được, huống là thật chứng! Chỉ có Trì Danh Niệm Phật, thực hiện dễ dàng nhất, thành công nhanh nhất! Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục ắt sẽ đích thân chứng được Niệm Phật tam-muội ngay trong đời này, lâm chung chắc chắn vãng sanh Thượng Phẩm. Dầu căn cơ hèn kém, chưa chứng được tam-muội, chỉ dùng lòng tin chân thành trì danh hiệu Phật như con nhớ mẹ, luôn luôn chẳng gián đoạn, đến khi lâm chung cảm ứng đạo giao, nương theo Phật từ lực đởi nghiệp vãng sanh. Chúng sanh đời Mạt chỉ có pháp này để nhờ cậy. Nếu không, chỉ gieo được cái nhân cho đời sau, khó đạt được lợi ích thật sự!

Nếu có thể chí tâm trì niệm, niệm đến khi “*toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, không niệm mà niệm, niệm mà không niệm, tâm lẫn Phật cùng tỏ rạng, lại cùng mất hẳn*” thì diệu lý Thật Tướng sẽ hiện rõ ràng rành, y báo, chánh báo cõi

Tây Phương triệt để hiện trọn vẹn. Tuy trì danh nhưng đạt Thật Tướng sâu xa, chẳng quán tưởng mà đích thân thấy được Tây Phương! Pháp trì danh nhiếp thọ căn cơ phổ biến nhất, được lợi ích sâu xa nhất, lợi lạc nhất cho kẻ độn căn trong đời Mạt Pháp, thỏa thích lớn lao bản hoài xuất thế của Như Lai. Vì thế, từ xưa hàng tri thức phần nhiều đều chuyên chú nơi một môn Trì Danh. Đây là nói đại lược về cách niệm Tha Phật vậy.

Còn như niệm Tự Phật lẫn Tha Phật thường được gọi là Thiên Tịnh Song Tu, có người chuyên khấn câu “*người niệm Phật là ai?*” để mong minh tâm kiến tánh, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Tuy tợ hồ Thiên Tịnh Song Tu, nhưng thật ra là “có Thiên, chẳng có Tịnh”. Đã không có tín nguyện, sẽ không có cách nào cậy vào Phật lực để đời nghiệp vãng sanh được! Nếu chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, vẫn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử! Do vậy biết: Đối với Thiên Tịnh Song Tu, chỉ hạng người có đầy đủ tín nguyện sâu xa mới có thể đạt được lợi ích. Nếu không, đương nhiên chẳng bằng chuyên dốc sức nơi một môn trì danh hiệu Phật! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Di Đà Thánh Điển*)

* Lý tức là Lý Tánh, tức là Phật Tánh mà Phật và chúng sanh đều sẵn có. Tánh ấy có đủ hết thủy công đức.

Sự chính là tu trì và đoạn Hoặc chứng Chân v.v... Do trong tự tánh sẵn đủ những công đức ấy nên tu đến mức cùng cực sẽ xứng tánh hiển hiện. Do vậy, gọi là “lý sự viên dung”. Nếu chỉ biết bản tánh sẵn đủ, chẳng tu trì thêm thì đến tột cùng đời vị lai cũng chẳng thể đích thân chứng được lý “tánh sẵn đủ” ấy. Đó gọi là “chấp Lý phé Sự, Lý cũng chẳng viên”. Vì thế, người tu hành hễ đã ngộ được lý “tánh sẵn đủ”, ắt phải thiết thực tu trì.

Phương pháp tu trì chỉ có trì danh niệm Phật thật là bậc nhất. Vì thế, hãy nên chuyên chú nơi tín nguyện trì danh. Lại còn lấy “đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành” làm Trợ Hạnh, lợi ích sẽ lớn lao. “*Hồ đến, Hồ hiện*” nghĩa là tâm như gương sáng, gương vốn rỗng lặng, trọn chẳng có một vật gì, nhưng lại tùy theo cảm mà ứng. Người Hồ đến thì trong gương liền hiện bóng người Hồ, người Hán đến gương cũng hiện bóng người Hán giống như thế. Ngồi ngay ngắn niệm Thật Tướng chính là nhất tâm chuyên chú nơi Chân Như Phật Tánh bất sanh bất diệt để mong triệt ngộ, thật chứng. Loại công phu này thật chẳng dễ dàng đạt được; nếu chẳng hiểu rõ Lý, chắc sẽ khởi ma sự, bắt tất phải dùng loại công phu này! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số*

thứ tám - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu - 6)

* Ông nói vọng niệm quá nhiều là vì ông cứ một mực ứng phó ngoại duyên đến nỗi trong lòng tạp niệm tung bừng diễn ra. Hãy nên nghĩ mình sắp chết, tưởng sắp đọa địa ngục, nhất tâm niệm Phật thì vọng niệm sẽ liền tiêu diệt, chứ không phải vì thông thuộc kinh hay không! (*Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 7 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu - 5*)

* Niệm Phật tu trì giống như uống thuốc. Nếu hiểu rõ giáo lý, giống như biết căn kẽ nguồn gốc căn bệnh, dược tánh, mạch lý, rồi sẽ uống thuốc thì có thể gọi là “tự lợi, lợi tha”, không chi tốt lành bằng! Nếu không được như thế, trước hết chỉ chịu uống thuốc A Già Đà⁵⁰ đã được đức Phật thay ta bào chế sẵn thì bệnh cũng được lành. Cũng có thể đem thuốc này cho hết thầy mọi người uống để được lành bệnh. Chỉ mong sao lành bệnh, không cần phải buồn lòng vì chẳng biết nguồn gốc căn bệnh, dược tánh, mạch lý! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ*

50. A Già Đà (Agada), còn phiên là A Yết Đà hoặc A Kiệt Đà, có nghĩa là mạnh khỏe, trường sanh bất tử, không bệnh, trừ khử khắp mọi thứ. Đây là một loại thuốc theo huyền thoại Ấn Độ có tác dụng trị tất cả mọi bệnh, giá trị vô lượng.

Niệm Phật)

* Chúng sanh tập khí quá sâu, muốn làm cho họ thay đổi thật chẳng dễ dàng. Cơ duyên niệm Phật của vợ chồng Tử Cần vẫn chưa chín muồi, chớ nên miễn cưỡng! Cư sĩ đã lập cách huân tập, chắc dần dần họ sẽ sanh lòng tin. Một phụ nữ ở Tào Hành Trấn thuộc vùng phụ cận Thượng Hải mỗi khi niệm Phật liền bị mẹ chồng chửi mắng, ngăn cấm, người con dâu ấy vẫn chẳng thay đổi. Lâu ngày mẹ chồng cũng niệm Phật, cũng quy y. Nay thì bà cụ còn tinh tấn hơn con dâu nữa! Xin ông hãy từ từ, đừng sanh ưu phiền (*Hoằng Hóa Nguyệt San, số thứ 8 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu - 6*)

2. Khuyên Niệm Kèm Thêm Danh Hiệu Quán Âm

* Còn nói đến chuyện niệm Quán Âm để cầu sanh Tây Phương thì có gì là không được? Chẳng thấy kinh Lăng Nghiêm nói: *“Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu phú quý được phú quý, cầu trường thọ được trường thọ, như thế cho đến cầu đại Niết Bàn sẽ đắc đại Niết Bàn”* đó ư? Đại Niết Bàn là lý thể chứng được khi thành Phật. Rốt ráo thành Phật mà còn đạt được, hưởng hồ vãng sanh Tây Phương ư?

Hơn nữa, Quán Âm và Di Đà đều cùng làm một chuyện độ sanh, nào có phân biệt? Nhưng cũng phải sáng tối niệm Phật thì sự lý mới viên dung!

Chẳng thấy trong kinh Đại Bi, đức Quán Âm dạy người lễ bái, trì chú thì trước hết phải niệm danh hiệu A Di Đà Phật đó sao? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 18. Thư trả lời hòa thượng Truyền Độ*)

* Phật pháp, pháp nào cũng viên thông, nếu dùng tâm chí thành thọ trì ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể lường được! Chỉ có niệm Phật, niệm Quán Âm là dễ cảm thông nhất, những kẻ bình dân không ai chẳng biết đến sự cứu khổ cứu nạn của Quán Âm Đại Sĩ.

Hãy nên bảo Chí Thoát ăn chay trường, hằng ngày lễ niệm **“Nam-Mô A Di Đà Phật”** và niệm thánh hiệu

“**Nam-Mô Quán Thế Âm Bồ Tát**” ắt sẽ có cảm ứng. Nay đặt pháp danh cho Chí Thoát là Thông Sướng, nghĩa là niệm thánh hiệu ngỏ hầu túc nghiệp tiêu diệt, tâm địa thông đạt, lời lẽ thông suốt vậy. Sáng tối niệm Phật bao nhiêu đó câu, niệm Quán Âm cũng chừng đó.

Ngoài ra thì từ sáng đến tối chuyên niệm Quán Âm, bất luận niệm ra tiếng, niệm thầm, đều phải dùng tai lắng nghe, hễ nghe thì công đức càng lớn. Đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm được. Khi nằm và lúc áo mũ không chỉnh tề, chưa rửa tay, súc miệng thì đều nên niệm thầm.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Quán Âm nói: “Ta đắc Phật tâm, chứng nơi rốt ráo, có thể dùng trân bảo đủ mọi cách cúng dường mười phương Như Lai cùng với pháp giới lục đạo chúng sanh, cầu vợ được vợ (cầu vợ là cầu được người vợ hiền thiện), cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu trường thọ được trường thọ, như thế cho đến (từ ngữ “như thế cho đến” bao gồm hết thảy những điều mong cầu) cầu đại Niết Bàn đắc đại Niết Bàn”.

Đại Niết Bàn là Phật quả rốt ráo mà còn có thể cầu được, huống là những chuyện nhỏ nhặt khác mà chẳng thể được ư?

Hãy nên phát tâm tự lợi, lợi tha, tùy theo lòng thành của người mong cầu và sự tinh thuần của hạnh ấy lớn hay nhỏ mà được cảm ứng lớn hay nhỏ.

Nếu muốn làm chuyện ác mà cầu Bồ Tát thì chẳng

những không được phước mà còn mắc họa lớn.

Phàm hết thấy những bệnh thuốc men chẳng thể trị được, đều dùng thuốc A Già Đà một vị này để chữa trị. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 21. Thư trả lời hòa thượng Bình Sơ*)

* Thế đạo hiện thời là thế đạo đại hoạn nạn. Họa hoạn xảy đến không thể trốn tránh được! Chỉ có niệm Phật, niệm Quán Thế Âm thì mới chẳng gặp hoạn nạn. Dầu bất hạnh gặp phải thì cũng có thể “gặp dữ hóa lành”.

Gần đây, những kẻ do gặp hoạn nạn bèn niệm Phật, niệm Quán Âm được cảm ứng nhiều khôn kể xiết! Gia đình ông còn được coi là “*có của ăn của để*”, hãy nên dạy nam - nữ - lớn - bé trong nhà đều hằng ngày niệm Phật bao nhiêu đó câu, niệm Quán Âm bao nhiêu đó câu để làm kế dự phòng.

Lúc vô sự niệm thì sẽ không có họa hoạn. Dầu lúc đương đầu với hoạn nạn mà có thể chí tâm niệm thì công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 82. Thư trả lời cư sĩ Châu Trọng Hoa (thư thứ 2)*)

* Chữa bệnh thì đối với những căn bệnh do oán nghiệp khó lành, hãy nên dạy bệnh nhân xưng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm và khuyên họ kiêng giết,

bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật. Chẳng những bệnh nhân được hưởng sự tốt lành “tiêu nghiệp, khỏi bệnh”, mà y đạo của Tử Căn⁵¹ cũng sẽ nhờ đây ngày càng phát đạt. Gần đây Tây Y hẳn thấy bệnh nhân ăn chay bị bệnh liên thường khuyên họ nên ngã mặ, bảo ăn thịt giàu chất bổ, chẳng biết gây trở ngại cho phép dinh dưỡng, lại còn kết oán nghiệp nữa! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 9 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu - 8*)

* Thời cuộc hiện tại nguy hiểm vạn phần, bất luận già - trẻ - trai - gái đều nên chí tâm niệm Nam-Mô A Di Đà Phật và Nam-Mô Quán Thế Âm Bồ Tát để dự phòng.

Kiếp vận hiện thời có trốn cũng trốn không được, có đề phòng cũng chẳng thể đề phòng! Chỉ có cậy vào lòng Từ của Phật, chắc sẽ được che chở trong cơn nguy hiểm nhỏ. Nếu đại hiểm họa xảy đến, có lẽ mọi người sẽ đều cùng chết sạch. Tuy người niệm Phật chẳng thể riêng một mình thoát khỏi kiếp nạn, tránh khỏi cái chết, nhưng chết rồi sẽ đi về đâu, mỗi người một khác!

Người niệm Phật sẽ nhờ vào Phật lực sanh về Tây Phương. Dầu chẳng thể sanh về Tây Phương, cũng sanh trong đường lành, trọn chẳng cùng đọa trong ác

51. Tử Căn là con trai của cư sĩ Phương Thánh Chiếu.

đạo như người không niệm Phật. Chẳng thể không biết đến ý này! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 95. Thư trả lời cư sĩ Lưu Dung Các*)

* Niệm Quán Âm thì không chỉ khuyên bảo tịnh hữu niệm mà hãy nên tuyên cáo trong thôn mình ở và những thôn lân cận, bất luận già - trẻ - trai - gái đều nên ăn chay, niệm Nam-Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Mọi người ai nấy ở trong nhà mình, vừa làm việc vừa niệm, thường niệm trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, chắc chắn chẳng bị ôn dịch.

Ví dụ: Năm trước, các xứ bị dịch tả thật dữ dội; tại vùng phụ cận của trấn Tự Tiên thuộc huyện Trưng Thành, tỉnh Thiểm Tây, cả mấy trăm người chết. Trong thôn của một đệ tử có năm sáu chục nhà, ông ta dạy mọi người đều niệm Quán Âm nên chỉ có hai kẻ xấu bị chết, những người khác đều bình an.

Cư sĩ Hà Hồng Cát ở huyện Cam Cốc tỉnh Cam Túc đề xướng niệm Phật. Phạm những chỗ niệm Phật, tật dịch chẳng xâm nhập bờ cõi. Ông khuyên tịnh hữu niệm là biện pháp nhỏ; dạy già - trẻ - trai - gái trong cả thôn đều niệm mới là biện pháp lớn.

Tốt nhất là ăn chay trường; nếu chẳng thể thì cũng nên bớt ăn mặn. **Đầu chưa thể ăn chay cũng phải niệm. Đang trong lúc hung hiểm này, chỉ có niệm Nam-Mô Quán Thế Âm Bồ Tát là được cứu vớt, che**

chở. Những kẻ sợ chết muốn được yên vui sẽ chẳng đến nỗi vẫn chẳng nghĩ làm như vậy là đúng mà coi thường.

Tụ tập đạo hữu để niệm thì nên chia thành ba ban:

+ Một ban đi nhiều, niệm ra tiếng.

+ Hai ban tịnh tọa niệm thầm.

Như thế sẽ thành ra niệm suốt ngày nhưng chẳng đến nỗi quá mệt. Nếu cùng nhau niệm ra tiếng hết thì một lúc lâu sau do quá mệt chắc sẽ đến nỗi đổ bệnh. Do chẳng khéo lập cách, đâm ra làm cho kẻ vô tri bảo Phật pháp chẳng linh, oan uổng tạo khẩu nghiệp. Chẳng thể không biết điều này! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 110. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ hai)*)

* Những loài thú dữ, rắn độc, châu chấu đều do tâm con người hung ác mà chúng gây tổn thương cho con người. Nếu hướng về chúng nó niệm Phật và dạy hết thầy mọi người ai nấy đều niệm Phật thì chúng nó sẽ tự bỏ đi, há nào phải là giết chúng mà có thể trừ hại cho dân hay sao? Đấy chính là dẫn dắt người khác tạo nghiệp, đời đời kiếp kiếp phải chịu sát báo. Ông học Phật kiêng giết mà thốt ra lời lẽ đáng ghét nhất ấy! Nếu chẳng sám hối, ắt sẽ bị trời quở

Ví dụ 1: Nạn Châu Chấu

Ông Long Tử Tu làm Tri Huyện một huyện nọ tại

Giang Bắc. Dân chúng do bị nạn châu chấu bèn mời quan đi xét nghiệm. Tới một chỗ, lấy chân giẫm xuống, hơi bị lún chân, hỏi châu chấu ở chỗ nào. Dân chúng thưa: “Nó ở ngay dưới chân”. Có chỗ châu chấu đậu đầy mấy tác, rộng mấy dặm, dài mười mấy dặm, vẫn chưa mọc cánh. Hễ mọc cánh liền bay lên, che rợp cả mặt trời. Ông hết sức kinh hãi, chẳng dám nói một câu nào, bèn lạy trời đất, xin cứu mạng cho dân. Chưa đầy hai ba tiếng đồng hồ, đột nhiên trời nổi sấm mưa to, châu chấu bị mưa diệt sạch. Đây chính là chuyện đại cảm ứng do không thể làm cách nào bèn cầu trời diệt châu chấu vậy. Nếu ông ra lệnh đốt hay chôn vùi để giết châu chấu thì thử hỏi có được mạnh mẽ như vậy hay không?)

Ví dụ 2: Nạn giết ruồi

Một đứa bé gái mua một cái đập ruồi, hễ thấy ruồi bèn đập, chưa được bao lâu cả nhà đều bị ruồi bò đầy. Bà nội bèn mở toang cửa ra vào, cửa sổ, niệm Phật cầu ruồi bỏ đi, ruồi bèn bỏ đi hết. Do đứa bé gái ấy còn có thiện căn, bởi chuyện ấy bèn dứt sát nghiệp. Nếu không, ngày ngày sát sanh, chính mình cũng bị yếu thọ theo.

Cũng đừng học theo Tôn Thúc Ngao, thử hỏi ai có được lòng tốt ấy? Không có tấm lòng tốt ấy sẽ tự tạo sát nghiệp, dạy hết thầy mọi người tạo sát nghiệp!

Hơn nữa, rắn hai đầu là con vật lạ hiếm thấy, cho

nên Thúc Ngao giết đi rồi chôn. Mãnh thú, rắn độc, châu chấu, không phải là những con vật cứ giết đi là có thể ngăn ngừa được! **Mọi người chỉ nên cùng phát tâm từ thiện, cùng niệm Phật hiệu, ắt chúng sẽ lánh xa.**

Trong phẩm Phổ Môn đã dạy: Nếu ác thú vây quanh, nanh vuốt nhọn đáng sợ, do sức niệm Quán Âm, bỏ chạy không tăm tích. Rắn độc cùng bò cạp, phun độc như khói lửa, do sức niệm Quán Âm, nghe tiếng tự rút lui vậy? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 126. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyên (thư thứ 3)*)

* Phàm làm công đức, vẫn lấy việc tụng niệm Phật hiệu làm trọng, bất tất phải đổi thành niệm kinh Địa Tạng. Một pháp Niệm Phật được ích lợi dễ dàng nhất, do kinh văn ít nên dễ niệm. Dầu có người cầm dao muốn giết cũng vẫn niệm được. Hễ niệm liền được lợi ích.

Ví dụ: Dương Giám Đình ở Tô Châu khom mình chào tên lính Nhật ở cửa thành, trong tâm niệm thánh hiệu Quán Âm, gã lính ấy không thích được cúi chào bèn vung đao chém xuống (*Đây chính là oan gia đời trước khiến cho ông ta bị toác da đầu*), đao chạm đến da đầu liền trượt ngang. Da đầu đã toác, chảy máu rất nhiều, nhưng xương đánh đầu chẳng bị tổn thương mấy

may. Nếu lưỡi đao không trượt ngang thì đầu đã thành hai mảnh rồi!

Do vậy, biết trong thời thế nguy hiểm nhất, hãy nên lấy niệm Phật làm chánh. Tâm Địa Tạng Bồ Tát cứu khổ khẩn thiết, nhưng so với A Di Đà Phật tiếp dẫn lúc lâm chung khiến được vãng sanh thì lại càng thua xa lắm. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 133. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Cung*)

* Đang trong thời thế này, ngoại trừ niệm Phật, niệm Quán Âm ra, không có cách tốt lành nào khác. Bất luận già - trẻ - trai - gái quy y hay không quy y, đều khuyên niệm Phật, niệm Quán Âm. Dù chẳng thể ăn chay hoàn toàn vẫn nên chú trọng bớt ăn mặn để trong khi nguy hiểm cũng không bị hiểm nguy.

Thế giới đại chiến, cả cõi đời không một ai được an vui, người bị tàn sát cố nhiên là khổ, nhưng kẻ sát nhân hiện tại cũng cực khổ, đời sau hay đời sau nữa muốn làm chó, ngựa, trâu, dê cũng chẳng được! Tiếc cho cả cõi đời đều là kẻ si, cùng nhau mãi miết giết người, giết vật, chẳng tự biết ác nhân đã gieo, ác quả sẽ tự theo đó đưa tới! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 162. Thư trả lời hai cư sĩ Trí Mục và Trí Thanh (thư thứ 2)*)

* Hiện thời là lúc tình thế đại hoạn nạn, bất luận phú quý hay nghèo hèn, già, trẻ, trai, gái đều nên niệm thánh hiệu “nam-mô A Di Đà Phật” và niệm “nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát” để làm căn cứ phòng ngừa tai họa. Phàm đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, hạn hán, lụt lội, thổ phi, cường đạo, và các tai họa ngoài ý muốn, bệnh tật do oán nghiệp, oan gia gặp gỡ v.v... nếu có thể chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành. Dầu là do định nghiệp tạo thành, cũng có thể giảm nhẹ, chẳng đến nỗi khóc liệt quá mức. Những tai họa ấy chẳng phân biệt phú quý hay nghèo hèn. Nhưng người phú quý xem ra còn khó chịu đựng hơn kẻ nghèo hèn; do vậy, chớ nên vì ta phú quý rồi coi thường, cũng như vì ta nghèo hèn bèn mặc kệ, chẳng lập kế đề phòng sẵn!

Hơn nữa, pháp Niệm Phật đối với chuyện sống lẫn chết của con người đều có lợi ích. Thế gian chỉ biết đến lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung, chẳng biết cái lợi ích khuyên niệm khi sanh nở, đến nỗi rất nhiều mẹ con phải chịu vô lượng khổ, hoặc đến nỗi mất mạng, không cách gì cứu được! Nữ nhân nếu có thể thường niệm thánh hiệu Phật và Quán Âm từ nhỏ thì về sau chắc chắn chẳng bị nỗi khổ gặp tai biến trong khi sanh nở. Hoặc vừa cần thai liền niệm, hoặc ba bốn tháng trước khi sanh bèn niệm, hoặc đang sanh nở mới bắt đầu niệm, đều được an nhiên sanh nở. Nếu sanh khó

đến cùng cực và sắp mất mạng, chịu niệm nammô Quán Thế Âm Bồ Tát, chắc chắn lập tức được an nhiên sanh nở. Đừng nói lúc ấy lơ lơ bất tỉnh, nếu niệm sợ mắc tội lỗi! Phải biết Quán Âm Bồ Tát đại từ đại bi tâm thanh cứu khổ. Ví như thấy con cái té vào lửa, nước, hầm xí, gọi cha mẹ để cầu cứu, cha mẹ quyết chẳng vì chúng nó y phục không chỉnh tề, thân thể chẳng sạch sẽ mà bỏ mặc không cứu. Tâm cứu chúng sanh của Bồ Tát sâu xa thiết tha hơn lòng thương yêu con cái của cha mẹ trong cõi đời, đúng là gấp cả trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa lân! Do vậy, phụ nữ khi sanh nở có thể niệm rõ ràng danh hiệu của Bồ Tát chính là diệu pháp tối thượng cực kỳ linh nghiệm, hữu hiệu vậy. Chẳng những không có tội lỗi mà còn khiến cho cả mẹ lẫn con đều được gieo đại thiện căn. Nghĩa này do đức Phật Thích Ca đã dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải do Bát Huệ bịa đặt. Phàm những ai có niệm thì không một ai chẳng được an nhiên sanh nở. Gần đây người bị sanh khó quá nhiều, một phần là do nghiệp chướng đời trước, một phần là do đời này chẳng biết tiết dục mà ra. Bồ Tát cứu khổ cố nhiên chẳng tính đến người ấy bị nạn] do nhân như thế nào, đều bình đẳng cứu giúp.

Lúc bình thường niệm Phật, tuy đi - đứng - nằm - ngồi đều có thể niệm, nhưng lúc ngủ chỉ nên niệm thầm trong tâm, chớ nên niệm ra tiếng. Nếu lúc tỉnh giấc, áo mũ hầy còn chưa chỉnh tề, tay lẫn mặt còn chưa

rửa ráy, súc miệng, và khi tắm gội, tiêu tiểu, và đến những nơi ô uế chẳng sạch, chỉ nên niệm thầm trong tâm, đừng niệm ra tiếng. Trong những lúc, những chỗ ấy, công đức niệm thầm giống với công đức niệm lúc bình thường. Niệm ra tiếng chẳng hợp nghi thức. Còn lúc sanh nở nhất định phải niệm ra tiếng rõ ràng, chớ nên niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm sức cảm ứng nhỏ nhoi. Lại vì lúc ấy phải dùng sức đẩy đưa con ra, nếu niệm thầm trong tâm, do vì bế khí sẽ có thể thành bệnh!

Không riêng gì sản phụ phải niệm rõ tiếng mà những người chăm sóc ở bên cạnh cũng đều phải niệm rõ tiếng. Dầu cho người nhà ở chỗ khác cũng vẫn có thể niệm cho sản phụ ấy. Nếu pháp này được truyền bá, thế gian sẽ vĩnh viễn không có nỗi khổ vì sanh sản, và nỗi khổ cả mẹ lẫn con đều chết vì sanh nở. Phải biết Phật pháp lợi khắp hết thảy, Phật là cha mẹ đại từ bi, là trời của các vị trời, là bậc thánh của chư thánh, do tâm đại Bồ Đề lợi khắp hết thảy chúng sanh nên được viên mãn thành tựu. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tú*)

* Nếu có thể chí thành khẩn thiết trì niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì không chỉ được lành bệnh mà thôi! Nếu có thể chí thành đến cùng cực thì còn có thể liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật.

Kinh Lăng Nghiêm dạy: “Cầu vợ được vợ (cầu vợ là mong có được vợ hiền thực, trí huệ), cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam-muội được tam-muội, như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn đắc Đại Niết Bàn”.

Đại Niết Bàn chính là cực quả rất ráo được chứng bởi đức Phật. Nhưng người đời do lòng tin lẫn sự chí thành trì tụng đều chưa thể đạt tới mức cùng cực nên tùy theo lòng Thành của kẻ ấy mà được các thứ lợi ích nhỏ nòi, đừng nói là lợi ích chỉ có thế mà thôi!

Hãy nên với trong là người thân trong nhà, ngoài là hết thầy mọi người, đều đem những chuyện chính mình chứng nghiệm và những chuyện cảm ứng được thuật trong bộ Quán Âm Tụng để khuyên bảo, ngỏ hầu ai nấy đều được Bồ Tát từ bi che chở, gia bị trong lúc tình thế hoạn nạn này. Đây chính là cách dự phòng mầu nhiệm nhất! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 203. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Từ (Thư thứ 4)*)

* Thế đạo ngày nay chính là thế đạo hoạn nạn; muốn ở trong cảnh hoạn nạn mà chẳng gặp hoạn nạn, nếu chẳng chí thành khẩn thiết trì niệm thánh hiệu Quán Âm sẽ chẳng thể được! Huống chi ông làm trưởng ấp, đang trong lúc thổ phỉ, binh lính hoành hành, nếu chẳng cậy vào từ oai của đức Phật, cứ muốn dùng tài trí của chính mình để lo liệu sẽ khó như lên trời, nguy hiểm

như bước trên băng. Nếu ôm tấm lòng đại từ bi trừ bạo an lương, lỡ gặp phải những hạng hung ác như vậy thì thế tất nhiên là phải xử trị, nhưng phải giữ tấm lòng xót thương thì sẽ chẳng tự đến nỗi kết oán và gặp họa.

Ví dụ: Một đệ tử là Tào Vận Bằng làm huyện trưởng huyện Quảng Đức, tỉnh An Huy, do chủ trì án tử hình một người, bè đảng của hắn mưu tính báo thù. Trong tháng Mười Một, ông ta trở về Thượng Hải, đến ngày Mười Ba tháng Chạp, mười gã đến nhà hỏi ông ta có nhà hay không.

Vợ ông ta bảo: “*Đã đi ra ngoài rồi!*” Bà vợ và đứa con gái mười chín tuổi cũng quy y với Quang, thấy tình thế ấy, **chí tâm niệm Quán Âm**. Bọn giặc lục soát rương tráp, tìm được một xấp tiền hai ngàn đồng và hơn một trăm đồng tiền hiện thời, bèn ngồi trong nhà chờ ông ta trở về. Ông ta về đến nhà, thấy mười gã đều cầm súng, hỏi nguyên do, chúng nói để báo thù.

Hỏi: “*Do chuyện gì?*”, họ nói báo thù cho kẻ bị ông ta xử tử hình. Bọn chúng hỏi ông Tào vì sao phải tử hình, ông bèn cho biết do cấp trên hạ lệnh tử hình.

Ông ta nói: “*Đấy là do mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải Tào mỗ tự giết*”. Bọn giặc không chịu là đúng. Ông ta hỏi: “*Các ông có nhận được mặt Tào mỗ không?*” Chúng bảo: “*Nhận được*”. Nói chuyện hồi lâu, bọn giặc nóng ruột, bảo mọi người: “*Chúng ta hãy đi thôi, ngày mai lại tới*”, rồi bỏ đi.

Tào Vận Bằng cùng bọn giặc trò chuyện hồi lâu, hỏi chúng có nhận được mặt hay không mà chúng trợn chẳng nhận ra ông, mà cũng chẳng hỏi “ông là ai?” rồi bỏ đi, hẹn ngày mai lại đến. Bọn giặc bỏ đi rồi, Vận Bằng gọi điện thoại cho ngân hàng bảo đừng trao tiền, sợ bọn giặc lại đến, đưa cả nhà sang Thanh Đảo. Thứ cảm ứng này nhiều đến nỗi không rảnh rang để viết ra.

Có thể dốc hết thực lực trì niệm thì quyết định gặp dữ hóa lành. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 237. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (Thư thứ 14)*)

* Năm nay có một cô bé 9 tuổi bị bệnh do oán nghiệp hơn cả năm, thuốc Tàu, thuốc Tây đều chẳng thấy công hiệu gì; Quang dạy cô bé niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, uống nước Đại Bi và dùng nước Đại Bi để rửa chỗ đau, hơn một tuần liền khỏi bệnh. Một bé trai 11 tuổi cũng giống như thế.

Làm Phật sự trong thời tai nạn cấp bách lớn lao thì càng giản tiện càng hữu ích.

Vì thế, mới nói “lành bệnh chẳng cần phải dùng nhiều thuốc đến nỗi phải dùng lừa, lạc đà để chở, để cứu ngặt mà vẫn cần đến toa thuốc phải tìm các dược liệu ngoài biển cả”. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 244. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (Thư thứ 21)*)

* Đang trong lúc đại kiếp đời đầu này, chỉ dựa vào một vị Tăng người Ấn Độ, mấy trăm vị hòa thượng, **tụng Lăng Nghiêm, Đại Bi** mà có thể ngưng dứt được đại kiếp hay sao? Sao không phổ cáo cả thành, cả ấp, cả phủ, cả nước, trọn hết thầy mọi người hằng ngày thường chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để tiêu diệt đại kiếp này? Dùng tấm lòng khẩn thiết chí thành để soạn một bài văn trong sáng, rõ ràng, buồn khóc ứa lệ, khẩn khoản bảo ban. Ai nấy đều có tâm, ắt mọi người sẽ cùng nhau phát khởi, xoay vần khuyên bảo lẫn nhau thì tiếng niệm Quán Âm và niệm Phật sẽ vang dội hư không. Dầu chẳng thể diệt được đại kiếp, thì tai ương cũng sẽ chẳng đến nỗi quá đáng!

Ví dụ: Mười mấy năm trước đây, một vị cư sĩ ở Xuyên Trung đề xướng trì chú Lăng Nghiêm để cứu quốc dứt tai họa. Ông ta vì những người chẳng thể niệm chú mà in chú Lăng Nghiêm thành một quyển sách nhỏ, bảo họ đeo trên thân, treo trên đầu cửa, thờ ở trong nhà, tốn kém cũng khá bộn; chẳng biết dạy hết thầy mọi người niệm Quán Thế Âm sẽ chẳng cần phải tốn tiền mà hết thầy già - trẻ - trai - gái đều gieo thiện căn không chi lớn bằng! Ông ta gởi chương trình ấy và một quyển chú nhỏ đến Phổ Đà, lúc ấy đã cận ngày rồi, dầu viết thư gởi đi ngay vẫn chẳng kịp, Quang chỉ than thở, cảm thương mà thôi, chẳng gởi thư cho ông ta nữa!

Đấy chính là bỏ chuyện giản tiện ai cũng có thể làm

được đề chỉ mong một vị Tăng Ấn Độ và hơn năm trăm vị hòa thượng tiêu trừ đại kiếp này. Không phải là tôi nói vị Tăng Ấn Độ và chư vị hòa thượng chẳng thể tiêu trừ đại kiếp được mà là than thở sao ông nữ làm cho hết thảy những người đang hứng chịu tai nạn chẳng được gieo thiện căn sâu đậm? Do vậy người làm chuyện lớn mà chẳng tính đến những điều nhỏ nhặt, rốt cuộc sẽ hết sức bày vẽ phô trương, chẳng hề chú ý đến chuyện thành thật thực hiện rộng khắp.

Muốn diệt đại kiếp, sao không chọn lấy một điều đã được đề nghị trong lá thư ấy, khuyên khắp hết thảy những người cùng hàng đều niệm Quán Thế Âm vậy? Ngoài trừ những kẻ chẳng phát tâm ra, dầu là đưa trẻ lên ba cũng niệm Quán Âm được!

Niệm chú Lăng Nghiêm thì trong vạn người chỉ một hai người niệm được mà thôi! Niệm Quán Âm chẳng tốn công mảy may, cũng chẳng phải tốn kém gì, còn niệm Lăng Nghiêm thì chẳng tốn đến mấy ngàn đồng sẽ chẳng thể xong việc được!

Người bề trên của dân làm chuyện gì cũng phải lo toan đến điều này thì tuy là cùng làm chuyện giống nhau mà lợi ích thật sự lại khác biệt vời vợi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 245. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (Thư thứ 22)*)

*** Hiện nay đang lúc tình thế hoạn nạn, bất luận là ai, đều phải thường niệm thánh hiệu A Di Đà Phật và Quán Thế Âm.** Dầu gặp phải những nguy hiểm như nước, lửa, đao binh và bệnh tật do oán nghiệp v.v... **mà nếu có thể chí thành niệm,** chắc chắn chẳng đến nỗi nguy hiểm!

Hơn nữa, nữ nhân đang khi sanh nở, hãy nên chí thành niệm thánh hiệu Quán Âm ra tiếng rõ ràng (*lúc ấy chớ nên niệm thầm trong tâm*) sẽ liền an nhiên sanh nở, chắc chắn chẳng bị khổ vì khó sanh. Dầu khó sanh sắp chết, dạy người ấy niệm, sẽ tức khắc an nhiên sanh nở. Có thể đem điều này bảo khắp với hết thầy mọi người, chính là cứu sẵn sản nạn, cứu sẵn tánh mạng, mà con gái, con dâu v.v... của chính mình cũng đều cùng được Phật, Bồ Tát từ bi gia bị.

Đừng cho rằng Quang chẳng nên thốt ra lời này! Cổ nhân nói “*sanh tử cũng lớn thay!*” Lâm chung trợ niệm là giúp cho người chết được vãng sanh. Khi sanh nở niệm Quán Âm chính là giúp cho người sống cả mẹ lẫn con được lìa nguy hiểm. Mấy năm gần đây, tôi thường nghe kể nỗi khổ vì khó sanh, lại biết rõ chấp trước sai lầm của người đời (*Có người niệm Phật, hễ trong nhà có ai sanh nở bèn trốn ra ngoài hơn cả tháng mới trở về*). *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 269. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (Thư thứ nhất)*

* Đang nhằm thời Mạt Pháp, con người căn cơ kém hèn, chỉ có một pháp Niệm Phật là phù hợp căn cơ nhất. Có nhiều người hễ cầu đảo đều luôn bận tâm về chuyện con người chẳng thể niệm tụng trọn hết kinh chú; chẳng biết hễ trì vạn đức hồng danh của A Di Đà Phật còn có thể thành Phật, há chẳng thể tiêu tai được ư?

Quán Thế Âm Bồ Tát có duyên với thế giới này của chúng ta nhất, cũng nên niệm kèm thêm; chỉ cần chí thành, cung kính, nhất định “*hễ có cảm liền thông*”.

Dẫu cho tu trì lúc bình thường hay do có chuyện bèn cầu đảo đều cùng phải coi trọng chuyện “*ai nấy đều có thể niệm được*”.

Tứ Xuyên nhiều lần tổ chức cầu đảo nhưng không có hiệu quả, nguyên nhân chánh yếu đều là vì không phải ai cũng niệm được chú Lăng Nghiêm, khiến cho người ngoài cuộc cảm thấy đáng cười, đáng thương thay! Những kẻ đứng ra tổ chức những pháp hội cầu đảo ấy thuộc hạng ưa ăn nói lớn lối, thích làm chuyện khó khăn, chính họ làm thì được nhưng bảo nam nữ trọn tỉnh Tứ Xuyên đều niệm thì lại không thể niệm được!

Họ chẳng biết rằng: Niệm Phật, hay niệm Quán Âm, đưa trẻ lên ba cũng có thể niệm được! Sau này, ông tổ chức Liên Xã để cầu đảo, hãy nên lấy niệm Phật, niệm Quán Âm làm chánh thì lợi ích lớn lắm. Hơn nữa, có

nhiên nhiều liên xã thì tốt, nhưng nhiều mà tràn lan hỗn loạn thì không nên. Đừng chú trọng lôi kéo người gia nhập liên xã cho đông đến nỗi xen lạp, tràn lan, hỗn tạp thì công chẳng cự được lỗi đâu! *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 295. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (Thư thứ hai)*

* Niệm Quán Âm cầu sanh Tây Phương cũng được vãng sanh Tây Phương, nhưng chớ nên bảo “*cần gì phải niệm A Di Đà Phật!*” Bởi lẽ, Quán Âm chính là vị phù tá đức A Di Đà Phật. Phật Di Đà là chủ, Quán Âm là khách. Phật Di Đà như quốc vương, Quán Âm như trung tể (người đứng đầu các quan). Khéo hiểu ý nghĩa, ắt chẳng trở ngại gì! *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 326. Thư trả lời cư sĩ Đình Phổ Tịnh)*

* Từ lão thái do uống nước pha tro hương được gia trì bằng chú Đại Bi mà căn bệnh nguy hiểm được bớt hẳn, đây cũng là do lòng Thành của gia quyến cảm nên. Hà Đức Mục thích nói chuyện thơ ca, chẳng chú trọng niệm Phật là do bị nghiệp lực mê hoặc, nên chẳng biết phân biệt điều khinh lễ trọng! Ví như trẻ thơ cho nó đồng tiền thì ưa thích, cho bảo châu Ma Ni bèn chẳng nhận. Dem tiền dụ kẻ ăn mày, hẳn chịu niệm Phật là cũng đã gieo thiện căn không chi lớn bằng. Năm Quang Tự 18 (1892), Quang sống tại chùa Viên Quang ở ngoài

cửa Phụ Thành của thành phố Bắc Kinh. Một hôm cùng một vị Tăng từ phía ngoài cửa thành Tây Trục đi về chùa Viên Quang. Một đũa ăn mày mười lăm, mười sáu tuổi, chẳng thấy có vẻ đói khát, đi theo xin tiền. Quang bảo nó: “*Niệm Phật một câu, ta sẽ cho con một đồng*”; nó không niệm. Quang nói: “*Niệm Phật mười câu ta sẽ cho con mười đồng!*” Vẫn chẳng niệm. Quang lôi túi đựng tiền ra cho nó thấy, ước chừng hơn bốn trăm đồng, bảo nó: “*Con niệm Phật một câu ta sẽ cho con một đồng. Con tận lực niệm, ta sẽ cho đến khi hết túi tiền này mới thôi*”. Nó vẫn không niệm, khóc âm lên; do vậy bèn quăng nó một đồng tiền rồi bỏ đi. Đũa ăn mày ấy quá thiếu thiện căn, đem tiền dụ cũng không chịu niệm. Nếu trẻ ăn mày phát thiện tâm mà niệm sẽ được lợi ích lớn lao. Dẫu là bị dụ tiền mà niệm Phật vẫn gieo được thiện căn lớn lao.

Trước kia, Quang chẳng trì chú Đại Bi. Năm Dân Quốc 21 (1932), Quang bế quan tại chùa Báo Quốc, mẹ ông Ngô Hằng Tôn ở ngõ cầu Tây Hoa bệnh tình nguy cấp. Ông Hằng Tôn đang ở Bắc Kinh, người nhà vội đánh điện gọi ông về. Vợ ông sai người đến chùa Báo Quốc xin Quang tụng cho một chén nước Đại Bi, Quang liền niệm ba biến, bảo cầm về. Uống vào, bà cụ liền tỉnh lại, không còn trong tình trạng nguy hiểm nữa. Sợ Hằng Tôn lo lắng, họ bèn đánh điện nói “*bệnh đã không còn nguy ngập nữa*”; Hằng Tôn bèn không

về. Có một đứa bé 9 tuổi khi sanh ra chưa đầy 2 tháng, khắp mình sanh đầy mụn lở nhỏ, Xuân đến càng thêm đau đớn. Trải nhiều năm vẫn không hết, uống thuốc cũng vô hiệu; do vậy bèn xin nước Đại Bi, uống vào liền lành. Vì thế, thường có người đến xin, hằng ngày nói chung phải niệm mấy biến.

Về sau, người đến xin càng nhiều, liền dùng một đồ đựng lớn. Năm trước ty nạn đến Linh Nham, thầy Đương Gia nói vẫn cần phải trì chú Đại Bi vào nước. Quang nói: *“Hiện thời không mua được bình, mà cũng không có tiền mua bình. Hãy nên dùng gạo để thay!”* Trì chú Đại Bi vào tro hương thì trước kia ở Báo Quốc đã từng làm rồi, bởi lẽ đường xa chẳng thể gửi nước đi được, còn tro thì mọi lẽ đều không trở ngại gì! Nếu ở ngay địa phương này thì không dùng tro. Ông Tần Hiệu Lỗ ở Vô Tích bị ba thứ bệnh, chữa không lành, vừa uống vừa bôi nước Đại Bi liền được lành, bèn quy y.

Toa thuốc trị bệnh sốt rét trọn chẳng phải là điều bí mật gì, phàm ai biết chữ đều có thể dựa theo đó mà viết. Một cựu quân nhân tánh tình xấu xa ở Vô Tích, từng làm thân binh cho Viên Tổng Thống (Viên Thế Khải) nên tập quen thành tánh xấu, ăn nhậu, cờ bạc, chơi bời đủ cả, nghiện thuốc phiện rất nặng. Đến khi đói rách, mắt đã không thấy đường, tuổi đã năm mươi bảy hay năm mươi tám. Người anh ông ta chết đi, Tần Hiệu Lỗ đến phúng điếu, trông thấy tình huống khổ sở ấy, bèn

cực lực khuyên răn. Ngay hôm ấy, ông ta bèn chữa sạch thuốc phiện, rượu, thịt, hằng ngày thường niệm Phật, mắt liền sáng hơn, nghiêm nhiên thành một vị thiện nhân đề xướng niệm Phật. Trước kia người làng chẳng dám qua lại với ông ta. Sau này, bệnh sốt rét bùng phát, ông ta trị cho từng người một đều được lành bệnh. Từ đấy, người làng đều nghe theo. Trong tháng Tư, từng dẫn mười mấy người đến quy y, nghiêm nhiên là một vị cư sĩ tu hành đã lâu! Người này họ Hoa, tên Quán Thiên, đã 64 tuổi. Như người này có thể gọi là “dũng mãnh sửa ác hướng lành”. *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 430. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (Thư thứ 8)*

* Nhận được thư hôm Rằm, biết bệnh của Từ lão thái đã đỡ rất nhiều. Phàm người lâm chung thần thức hôn loạn; nếu uống nước Đại Bi hoặc nước pha từ tro hương Đại Bi, hay nước nấu từ gạo Đại Bi, thần thức đều có thể sáng suốt. Nếu lại có người trợ niệm thì chắc chắn sẽ niệm Phật qua đời. Một hai năm qua, đã có ba người được như thế. Hôm Mười Bảy tôi đã gửi cho bà một bao tro hương, kể cả bao bì và toa thuốc nặng bốn lạng, chia làm tám bức thư gửi đi, chắc đã nhận được rồi.

Chuyện niệm Phật, ước về mặt được lợi ích ngay trong đời này thì cần phải chí thành khẩn thiết thường

niệm. Nếu chỉ để gieo thiện căn, dẫu đũa bốn niệm một câu cũng nhất định sẽ trong đời sau nhờ vào thiện căn ấy phát khởi mà tu trì. Vì thế, cỗ nhân dựng nhiều tháp miếu to lớn là vì muốn cho hết thảy mọi người trông thấy đều gieo thiện căn. Một câu Phật hiệu này đã gieo vào trong tám thức điền sẽ vĩnh cửu chẳng diệt. Lúc đức Phật tại thế, một cụ già muốn xuất gia đầu Phật, năm trăm vị thánh chúng quán sát, thấy từ tám vạn kiếp đến nay, ông cụ trọn chẳng có một mảy may thiện căn nào, bèn cự tuyệt chẳng thấu nhận. Ông cụ liền gào khóc ở phía ngoài Kỳ Viên, Phật cho gọi vào, thuyết pháp cho ông cụ, cụ liền chứng đạo quả. Năm trăm vị thánh chúng đều chẳng hiểu được nguyên nhân, hỏi Phật, Phật dạy: *“Người này trong vô lượng kiếp trước, do bị hổ đuôi phải trèo lên cây, niệm một câu Nam Mô Phật, gặp ta bèn đắc đạo. Đạo nhân của hàng Thanh Văn các ông chẳng thể thấy được!”*

Do vậy biết rằng: Chịu niệm Phật cố nhiên là tốt. Nếu người ta không chịu niệm, hãy bảo người ấy: *“Chịu nghe niệm Phật hiệu cũng gieo được thiện căn, nghe lâu ngày cũng có công đức lớn lao”*. Gần đây, ở Vô Tích người niệm Phật rất đông; có một người biết nấu món chay. Hễ mở Phật thất đều gọi người ấy đến nấu. Người ấy hằng ngày nghe tiếng niệm Phật; về sau đũa con ông ta sắp chết, liền nói: *“Con sắp chết, nhưng chẳng thể đến được chỗ tốt lành. Cha hãy cho con Phật*

của cha, con sẽ đến được chỗ tốt lành". Người cha nói: "Cha chẳng niệm Phật, làm sao có Phật được?" Đứa con nói: "Phật của cha nhiều lắm. Chỉ cần cha nói một tiếng, con sẽ chết an lành". Người cha nói: "Vậy thì tùy con, muốn bao nhiêu cứ lấy bấy nhiêu". Đứa con liền chết. Ông ta tự nhủ: "Mình chẳng hề niệm Phật, sao lại có Phật?" Người hiểu biết bảo: "Lúc ông nấu cỗ chay ở trong căn nhà gần chỗ niệm Phật, hằng ngày thường nghe mọi người niệm Phật. Cho nên cũng có công đức lớn". Đây là kẻ vô tâm nghe; chứ nếu lưu tâm nghe thì công đức càng lớn hơn! Niệm kinh thì không có câu văn được lập lại, chẳng thể nghe từng câu rõ ràng, minh bạch được. Dầu lưu tâm lắng nghe cũng khó thể nghe cho rõ ràng, huống là kẻ vô tâm ư? Đủ biết công đức niệm Phật thù thắng! (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 431. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (Thư thứ 9))

* Nói đến bệnh lạ thì ấy chính là oán nghiệp đời trước (*Oan là oan khuất, còn Oán là thù*). Bệnh do oán nghiệp thì đừng nói thầy thuốc trong cõi đời chẳng thể chữa trị được, dầu thần tiên cũng không cách nào cứu vớt được! Nếu ông có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sửa lỗi trước, từ nay hãy tu tập, dùng tâm chí thành khẩn thiết để xưng niệm thánh hiệu "Nam Mô A Di Đà Phật" thì trước hết những oán nghiệp trong đời trước

ấy sẽ do Phật hiệu mà mau chóng tránh xa, kể đến họ được nương vào Phật lực thoát khổ siêu sanh, chắc chắn chẳng đến nỗi oan khiên vẫn ràng buộc y như cũ. Nhưng nếu tâm chẳng chí thành và sanh lòng sửa lỗi cũ, từ nay tu tập, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì tâm của chính mình sẽ gần gũi với tâm của quý, trái nghịch với tâm của Phật. Dẫu niệm Phật đôi chút vẫn khó thể cảm ứng được! Ấy là vì tâm chính mình chẳng thành, chẳng chánh, chứ không phải là do Phật không linh, không hiệu nghiệm! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 563. Thư trả lời cư sĩ X...*)

* Người đời bệnh khổ phần nhiều do sát nghiệp trong đời trước cảm vùi. Bất luận là bệnh gì, nếu có thể khản thiết, chí thành niệm Nam Mô A Di Đà Phật và thánh hiệu Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, chắc chắn sẽ tiêu trừ tức nghiệp, tăng trưởng thiện căn, bệnh sẽ tự lành. Dẫu đã hết tuổi thọ thì chết đi sẽ sanh trong đường lành, chẳng đến nỗi đọa lạc. Nếu biết pháp môn Tịnh Độ, có chân tín nguyện thì còn có thể vãng sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử; nhưng người đời chẳng biết lý sâu, hãy nên dùng những chuyện thật để bảo ban trước!

Con ông Phương Văn Niên ở Cửu Thự Phương (*địa danh*) thuộc huyện Trấn Hải, tên là Tử Trọng, vào năm

trước, tròn 19 tuổi, bị ung nhọt trong ruột, thầy lang Trung Y không trị được, bác sĩ Tây Y nói: “*Nếu không mổ sẽ chẳng trị được!*” Cha mẹ anh ta không chịu, liền chữa trị. Bà mẹ là người thông văn lý, do đọc Ấn Quang Văn Sao liền ăn chay niệm Phật, cả nhà lớn nhỏ kể cả đầy tớ đều thường ăn chay; chỉ có Văn Niên là vẫn chưa hoàn toàn ăn chay, nhưng đã giảm bớt ăn mặn rất nhiều. Bà mẹ cùng một u già (*bà này cực hiền, sống trong nhà họ Phương đã mấy chục năm, con bà cũng khá giả. Có đứa cháu mời về nhà sống, bà bảo ‘muốn cùng với bà chủ tu hành’, chẳng chịu trở về. Bà chủ cũng chẳng coi bà này như u già mà xem như bạn bè*) liền mạng niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát và niệm kinh Kim Cang. Ba ngày sau khối ung trong ruột Tử Trọng tự vỡ, máu mủ theo đại tiện thoát hết ra ngoài, năm ngày sau hoàn toàn lành mạnh. Chí thành niệm Phật tụng kinh tiêu trừ tức nghiệp, có chuyện như vậy đó! Người đời chỉ biết tạo nghiệp, chẳng biết cách tiêu nghiệp, đáng thương quá!

Thêm nữa, ông Từ Úy Như quê ở Hải Diêm (*ông này luôn sống ở kinh đô*) do dụng công học rộng nên trong người bị hao tổn, bị bệnh thoát giang đã hai năm mấy. Thường sau khi đại tiện phải nằm một khắc, đợi cho nó tự rút lên thì mới dám cử động. Tháng Giêng năm Dân Quốc thứ tám (1919), sau khi đại tiện, có chuyện cần thiết chẳng thể trì hoãn được, liền ngồi xe ra khỏi

cửa; do bị ma sát, đoạn ruột ấy vĩnh viễn không rút lên được nữa. Suốt bảy ngày đêm đau đớn như kim đâm, không một khắc nào tạm ngừng. Suốt bảy ngày đêm không chợp mắt được. Ông ta trước kia tuy niệm Phật nhưng vẫn chẳng giảm nhẹ, bèn phát đại Bồ Đề tâm, nói: *“Bệnh này khổ cùng cực, con xin chịu nhiều hơn để nguyện cho tất cả mọi người trong thế gian đừng mắc phải bệnh này”* rồi bèn chí thành niệm Phật. Không lâu sau ngủ thiếp đi, tình dẫy bệnh đã lành. Từ đây bệnh hết tận gốc. Ông ta gửi thư báo tin, Quang bảo: *“Bệnh ấy vốn do túc nghiệp, do các hạ dùng tâm đại Bồ Đề để tiêu trừ túc nghiệp đó nên bệnh liền dứt tận gốc!”* (chú thích: Thoát giang (bệnh lòi dom) là chứng bệnh do các cơ vòng quanh giang môn (hậu môn) bị suy yếu khiến phần cuối của ruột già (nhất là đoạn ruột gọi là Trực Tràng) bị thòng xuống hậu môn, lòi ra ngoài).

Nếu biểu huynh của ông biết nghĩa này thì chẳng những bệnh trĩ được lành mà bệnh sanh tử cũng được lành. Nếu không, sẽ sống yên trong nhà hưởng phước, sống say, chết mộng, chẳng bằng ông ngồi tù lại được đại lợi ích. Cảnh không có tự tánh, tổn hại hay lợi ích do con người. Ông tin được lời tôi nói thì lợi ích sẽ khó thể tuyên nói được!

Họa - phước trong thế gian dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người có khéo dụng tâm hay không mà thôi! Ông do bị tù mà được nghe Phật pháp, đây chính là may

mắn lớn lao trong khi bất hạnh. Hãy nên coi đây là cơ hội được hướng dẫn tốt lành thì tâm càng được thanh tịnh.

Ông vẫn chưa thấu hiểu những điều kinh Kim Cang đã dạy. Kinh dạy: *“Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này (đây chính là sự lành trong hiện tại) bị người khác khinh rẻ là vì tội nghiệp trong đời trước của người ấy đáng lẽ phải đọa trong ác đạo, nhưng do đời này bị người đời khinh rẻ (nghiệp chuyển theo thiện, cũng thuộc trong đời hiện tại) nên những tội nghiệp trong đời trước liền bị tiêu diệt, sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (đây là chuyện trong vị lai, nghĩa là do đây mà được, đừng tưởng là ngay trong hiện tại sẽ liền được như thế)”*. Thiện nam tử thọ trì kinh này, đây chính là điều lành trong đời này. Bị người khác khinh rẻ là do nghiệp trong đời trước. Nhưng do bị người khác khinh rẻ mà tiêu diệt được những ác nghiệp trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lại còn sẽ đắc Phật Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ấy chính là dùng thiện nghiệp để chuyển ác nghiệp, khiến cho quả báo trong đời sau biến thành quả báo trong đời này, báo nặng chuyển thành báo nhẹ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 573. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh-1*)

* Vợ ông chẳng chịu ăn chay niệm Phật, hãy thử hỏi bà ta: “*Bà có muốn thường bị bọn người xứ... đánh chửi, làm nhục hay không?*” Ất bà ta sẽ chẳng nói là “*thường muốn!*”

Ở Vô Tích, bọn người xứ... giết huyện trưởng, vây thành ba ngày, lùng bắt những kẻ chống đối khiến cho cả nhà đều phải bỏ trốn. Bọn chúng bắt được món đồ gì tốt đẹp liền tịch thu, chẳng ai dám hó hé! Trong nhà ông Viên Lệ Đình có rất nhiều người niệm Phật; lính xứ... chẳng tới nhà ấy. Có nhà bị chúng lùng sục mấy lượt, những món đồ tốt đẹp đều bị cướp đi hết. Lúc Tô Châu thất thủ, bọn lính xứ... gian dân phụ nữ, thăm chẳng nữ nghe! Một nữ đệ tử vì mẹ chết, linh cữu (quan tài) còn đang quàn tại nhà, chẳng nữ bỏ trốn, bèn đóng cửa niệm Phật. Lính xứ... phá cửa, thấy cô ta đang niệm Phật nên không làm nhục! Chúng chỉ vào cái rương, bắt đồ ngược hết ra, nhưng chẳng lấy một món nào, bỏ đi! Nếu cô ta không niệm Phật thì bà già sáu bảy chục tuổi vẫn bị ô nhục, hưởng hồ thiếu phụ ấy mới ba mươi mấy tuổi ư?

Nơi cửa thành, bọn chúng kiểm soát rất ngặt (*thoạt đầu do binh lính lục soát, về sau mới sai phụ nữ lục soát*), nữ nhân cũng bị sờ nắn khắp mình. Những người cầm chuỗi niệm Phật đa số không bị xét gắt gao như vậy; cũng có người chẳng bị xét, cho đi luôn. Niệm Phật chính là diệu pháp cứu nạn cứu mạng trong đời

loạn. Người xứ... tin Phật, đối với nam nữ cầm chuỗi đều không ngược đãi quá đáng, sẽ khiến cho hết thấy mọi người đều niệm Phật. Phàm những ai đi ra ngoài đều cầm chuỗi niệm Phật, dẫu là kẻ chúng muốn bắt làm phu phục dịch cũng sẽ thả cho đi.

Một đệ tử ở Vu Hồ tên là Ngô Thương Châu làm sĩ quan. Năm Dân Quốc 24 (1935), ông ta tham chiến tại Tuy Viễn, bị lính xứ... bắt được, lột quần áo khám xét, thấy ông ta cổ đeo chuỗi niệm Phật liền tỏ vẻ kính trọng, không xét nữa, dẫn đến gặp viên Tư Lệnh. Viên Tư Lệnh do thấy ông ta vốn làm giáo viên ở trường X..., nói: “Ông cũng đến đây rồi!” Ông Ngô nói: “*Tôi đến đây để ngắm phong cảnh*”. Viên Tư Lệnh liền ra lệnh thả cho ông ta đi. Nếu chẳng đeo chuỗi niệm Phật ấy, chắc tánh mạng đã mất trong tay bọn lính rồi, có còn gặp được viên Tư Lệnh hay chăng? Đây chính là vô thượng diệu pháp để gặp dữ hóa lành trong hiện tại. Vợ ông không chịu niệm, lỡ xảy ra những chuyện như khám xét v.v... thì sẽ xử sự như thế nào? Đây là mối họa do con người gây ra. Nếu gặp phải oán gia đối đầu trong đời trước mà nếu không niệm Phật sẽ đành bỏ mặc cho nó làm gì thì làm, có cách nào để trốn tránh được đâu!

Dưới triều Tống, Trần Xí lỡ giết người. Một hôm thấy kẻ ấy đi tới, biết là hấn đến đòi mạng, vội vã niệm Nam Mô A Di Đà Phật, oán quỷ liền đứng sững không

tiến lên được! Càng niệm rất gấp, oán quỷ liền bỏ đi. Trần Xí liền sốt sắng niệm Phật, lại sống được mấy chục năm rồi mới vãng sanh Tây Phương. Vãng sanh rồi còn trở về, nhập vào thân đứa cháu nội gái nói chuyện ông ta đã vãng sanh. Người nhà nói: “*Lúc cụ còn sống chưa kịp vẽ hình tượng. Nếu cụ chịu hiện thân, sẽ vẽ hình tượng để thờ*”, liền hiện hình thân hình của người cõi Tây Phương.

Năm Dân Quốc 19 (1930), một thanh niên hai mươi bốn tuổi ở Tô Châu tên là Quách Chấn Thanh nhà ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, mở tiệm bán giấy Hợp Pháp, theo một người già trong gia đình đến chùa Báo Quốc quy y. Quang bảo anh ta: “*Hiện thời đang nhằm tình thế hoạn nạn, hãy thường niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm*”. Chàng trai hai mươi bốn tuổi béo phịch ấy liền chịu nghe theo. Tháng Chạp năm sau sang Thượng Hải; chiến sự nổ ra, chẳng thể trở về đất Tô được. Đến Tết vẫn còn đánh nhau, chẳng biết tới bao giờ mới kết thúc. Đường xe lửa đã bị cắt đứt, liền ngồi tàu thủy nhỏ vòng qua ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. Tàu thủy tới lui đều bị cường đạo cướp bóc, anh ta bèn thường niệm thánh hiệu Quán Âm, nhưng chỉ niệm thầm chứ không niệm ra tiếng. Ban đêm cường đạo đến cướp, anh ta đang ở dưới cabin. Trong cabin có rất nhiều người nghèo. Bọn cướp lục soát trên boong xong xuôi liền xuống hầm tàu, tiền bạc của những kẻ nghèo

cùng đều bị tước sạch. Anh ta người béo phục phịch, lại mặc một cái áo da, nhưng bọn cướp trợn chẳng thèm hỏi tới! Cả tàu đều bị cướp sạch, chỉ mình anh ta là không buồn hỏi tới! Ấy chính là do Phật quang gia bị nên lũ cường đạo chẳng thấy anh ta.

Một nữ nhân ở Hồ Nam sanh nở, oán quỷ dựa vào thân, phát cuồng, cười ngật nghẻo, cắn đứt thịt trên tay mình mấy chỗ mà miệng vẫn cười! Cha mẹ chồng thấy vậy không biết làm cách nào, bèn lớn tiếng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Cô ta liền như si ngốc, không cười nữa, sanh đứa con ra. Ấy là do chí thành niệm Quán Âm, oán quỷ bỏ đi. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, lá thư số 594. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (Thư thứ 4)*)

* **Hỏi:** Thế tục chuyên coi niệm Phật là để tiễn người chết, còn niệm Quán Âm nhằm giữ lại mạng sống. Vì thế, kẻ tu Tịnh Độ chưa tinh ròng và người chưa già khi lâm chung phần nhiều do luyện tiếc cõi đời liền niệm Quán Âm. Người trợ niệm phần nhiều ngả theo ý này hoặc thuận theo ý muốn của gia quyến cũng niệm Quán Âm để trợ niệm, chứ không niệm Phật. Nếu lành bệnh thì cố nhiên không áy náy gì. Chứ nếu không, đã gây trở ngại cho sự linh cảm do xưng danh, mà còn làm lỡ làng cơ duyên sanh Tây. Con chẳng biết nếu gặp phải hạng căn tánh ấy phải nên dùng biện pháp ra sao thì

mới viên thông? Có phải là trước hết niệm Quán Âm để giữ tánh mạng cho họ rồi đến khi họ đã chết bèn chuyển sang niệm Phật để tiến đi hay chẳng? Hoặc là từ đầu đến cuối chuyên niệm Quán Âm cũng có thể khiến cho người chưa hết tuổi thọ sẽ được lành, tuổi thọ đã hết sẽ sanh về Tây Phương ư?

Đáp: Con người bị bệnh nặng liền hãy nên có ý tưởng vãng sanh, nhất tâm niệm Phật. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ do niệm Phật mà được chóng lành (*A Di Đà Phật chính là Vô Lượng Thọ, nghĩa là tiêu tai, kéo dài tuổi thọ*). Còn như vì người khác trợ niệm, há nên vì họ niệm Quán Âm, lại còn cầu thọ cho người ấy? Cứ niệm Phật, chưa hết tuổi thọ cũng có thể kéo dài mạng sống. Niệm Quán Âm thì không có tâm cầu được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết sẽ làm hỏng chuyện.

Không phải là niệm Phật sẽ nhất định chết, niệm Quán Âm nhất định chẳng thể vãng sanh. Chỉ vì kẻ si không có tâm niệm cầu được vãng sanh nên cũng chỉ tạo thành một thứ nghiệp cảm gây hỏng chuyện mà thôi! Vô Lượng Quang là tiêu tai, Vô Lượng Thọ là diên thọ (kéo dài tuổi thọ). Niệm A Di Đà Phật công sức đến cùng cực còn được thành Phật, há lẽ nào niệm Phật chẳng thể kéo dài tuổi thọ, khiến cho chóng chết ư? (*Trong lời đáp, bên cạnh hai chữ “si nhân”, Sư gạch dưới ba vạch để nhắc nhở, những người sẽ chết sau này chớ đừng tự lầm*) (*Ấn Quang Pháp Sư Văn*

Sao Tam Biên, lá thư số Quyển 4, 4. Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập)

* Hạ tuần tháng Hai, nghe Ngài từ Ôn Châu trở về, thân mắc bệnh ngặt, chân tay cử động khó khăn. Đương nhiên, Quang biết Ngài bi tâm sâu nặng, muốn thị hiện ngộ hầu các đệ tử và hết thảy tứ chúng phải sớm nỗ lực tu hành, đừng đợi đến lúc con ma bệnh vào thân sẽ chẳng dễ gì thoát khỏi. Dầu trực tiếp dùng miệng nói còn e chẳng thân thiết, bèn hiện thân để nói. Có thể nói là đại từ bi sâu xa không chi hơn được nữa! Quang tự thẹn cả pháp lẫn tài đều khuyết, muốn bắt chước bày tỏ tấm lòng ngu thành nhưng không có sức, nên chỉ hỏi qua những người như Căn Kỳ, Căn Nhiên, Căn Vân... Sau nghe Phật Hy nói Ngài bệnh đã lành, nhưng chân không thể đi nhiều được. Tôi cứ nghĩ rằng: Đi thì vẫn đi được, nhưng khó đi ra ngoài mà thôi! Hôm qua, gặp mặt trụ trì Vạn Niên Tự là thầy Liễu Ngộ, hỏi thăm, thầy cho biết: “*Ăn cơm, nói năng không khác gì người bình thường, chỉ có tay chân trọn chẳng thể cử động được, muốn ăn uống, tiêu tiểu, nhất nhất phải nhờ người khác châu toàn cho!*”

Quang trộm nghĩ tình hình bệnh tật như thế làm sao hoằng pháp cho được, rất có thể khiến cho kẻ hiểu biết nông cạn nói Phật pháp không linh. Bởi lẽ một vị đại Pháp Sư giảng Kinh nổi danh mấy mươi năm trong

thiên hạ, thân mắc bệnh ngặt, cầu thầy uống thuốc cũng chẳng thấy lành! Những gì ông ta hay nói: “*Y giáo tu trì chuyển được định nghiệp và thuốc A Già Đà chữa được vạn bệnh*” đều là dối người. Nếu không dối người, vị Pháp Sư ấy hãy nên y giáo chuyên định nghiệp, ông ta tôn sùng Tịnh Độ sao không lấy danh hiệu Di Đà làm thuốc A Già Đà để uống đi? Lại lúc giảng giải phẩm Phổ Môn Quán Âm Viên Thông không biết bao nhiêu là đạo lý, nào là xưng danh cầu cứu Bồ Tát liền đến. Nếu đã như vậy, sao không buông xuống thân tâm, dốc hết tánh mạng chí tâm niệm Quán Âm Bồ Tát để cầu thân tâm đều được an ổn và được đại giải thoát, đạt được chân viên thông? Quang nghĩ người đời đa phần nghĩ như thế.

Nếu như ngài ngưỡng cầu Đại Sĩ rủ lòng từ khiến cho quý thể được khôi phục, phước huệ cao rộng thì những kẻ tri kiến nông cạn kia sẽ đoạn sạch hồ nghi, tăng trưởng chánh tín, đưa nhau ra khỏi đường tà, vào trong Phật đạo, ngõ hầu lợi khắp mình người không gì chẳng trọn vẹn. Ấy quả thật là dùng lòng đại từ bi hiện thân thuyết pháp, lợi ích lớn lao thay! Theo cuốn Quán Âm Trì Nghiệm Ký của Châu Khắc Phục có chép câu chuyện bệnh tật gần giống như bệnh của Ngài, nhân phẩm kẻ ấy kém xa Ngài một trời một vực, kẻ ấy còn được Bồ Tát gia bị khiến cho tức nghiệp nhanh chóng tiêu trừ, cố tật lành ngay! Huống chi Ngài là người bậc

nhất trong pháp môn trong hiện tại, pháp đạo hưng suy tùy thuộc vào sự tồn vong của một thân Ngài. Nếu có thể đem những gì Ngài thường ngày giảng cho người khác về phẩm Phổ Môn và toàn bộ tinh thần viên thông của Quán Âm để xưng niệm hồng danh, thường chẳng lia tâm ấy, sẽ được tiêu túc nghiệp lại được an ổn, khiến những kẻ trước kia đã sanh lòng gièm báng, chê cười Phật pháp chẳng linh đều nương theo quy y tín phụng, chỉ sợ bị tụt hậu!

Năm Tân Tỵ (1641) niên hiệu Sùng Trinh nhà Minh, tại Đồ Huyện, Quan Vu, có một người bại liệt từ Sơn Đông đến, dùng tay thay chân, ăn xin ở chợ, thường bị người ta chán ghét. Kẻ liệt tuy bệnh nhưng tánh tình nóng nảy, bị chửi mắng liền bất bình, nghe nói ở am Đường Kiêu có một vị Tăng tu hành tên Thủy Cốc, bèn đến kể lẽ nỗi niềm khát thực gian nan, thầy Thủy Cốc nói: *“Nếu ông có thể phát tâm xuất gia, nương theo đại lực từ bi thì có thể có người thí cho”*. Người liệt thuận theo, bèn xuống tóc, thọ trai giới, dầu ăn xin nhưng không ăn mặn, dầu bị nhục mạ vẫn yên lặng chịu đựng.

Thầy Thủy Cốc lại dạy niệm danh hiệu Quán Thế Âm và trì chú Chuân Đề, thọ trì hơn hai năm, vào mùa Thu năm Mậu Tý (1648), chợt mộng thấy một bà lão kêu: *“Người đứng lên, đứng lên!”* Người liệt nói: *“Tôi là người liệt, sao đứng lên được?”* Bà lão dùng tay chỉ vào hai chân, cảm thấy chân thẳng ra không co quắp

nữa, sáng ra liền khỏi bệnh liệt, nghiêm nhiên thành một ông Tăng hiên ngang, lẫm liệt, lấy hiệu là Bán Nhai, liền có người cúng dường. Chuyện này trích từ sách Kỷ Cầu của ông Đường Nghi Chi.

Quán Âm đại sĩ chuyên lấy việc tâm thanh cứu khổ làm sự nghiệp, từ xưa đến nay, người được cảm ứng lia khổ não nào chỉ phải trăm ngàn vạn ức, những gì được chép trong truyện tích chỉ là đại lược thấy một hai kẻ trong ức vạn người mà thôi! Lẽ dĩ nhiên, Quang chẳng biết được ý Ngài, cứ ước theo thiện kiến của mình mà luận thì: Để thật sự được an lạc, trọn không khổ não cũng nên cầu Bồ Tát cứu khổ, nêu gương cho đại chúng vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Chánh Biên, quyển 1, lá thư số 57. Thư Hỏi Thăm Bệnh Pháp Sư Đế Nhàn*)

* Quán Âm chính là quá khứ Cổ Phật, làm bậc phù tá đức Di Đà. Niệm Quán Âm cầu sanh Tây Phương vẫn có thể được như nguyện, có gì là không được! So sánh những công đức niệm Quán Âm, Địa Tạng, Di Đà v.v... chính là nhằm khiến cho người ta phát tâm quyết định niệm Phật, chẳng có ý niệm đòi dòi mà thôi! Nếu chấp chết cứng vào lời ấy, chẳng hiểu được ý, sẽ trở thành oan uổng cho đức Phật.

Hiện thời, mọi người đều đang trong cảnh hoạn nạn, hãy nên nói với hết thầy mọi người “để giải trừ hoạn nạn chỉ có một cách là sửa lỗi, hướng thiện, đôn đốc

luân thường, chí thành, khẩn thiết, xưng niệm danh hiệu Quán Âm”, ấy là diệu pháp độc nhất vô nhị! Bất luận các sự nguy hiểm như nước, lửa, đao, binh v.v... và bệnh tật do oán nghiệp, thuốc men chẳng thể trị được, nếu chịu tuân theo những điều vừa nói trên đây, chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành, gặp nguy thành an, và oán nghiệp tiêu diệt, không uống thuốc mà lành bệnh.

Nhìn vào thời cuộc hiện tại, nguy hiểm muôn phần, nếu chiến sự xảy ra, cả nước không một chỗ nào yên vui cả! Dầu là chỗ chưa bị chiến tranh lan đến thì cái họa thổ phỉ so với chiến tranh còn khốc liệt hơn nữa! Hãy nên bảo hết thầy già trẻ, trai gái đồng niệm “Nam-mô A Di Đà Phật” và “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát”. Ngoại trừ cách này ra, không có cách tốt lành nào khác! Đối với tai nạn nhỏ thì sẽ gặp dữ hóa lành. Dầu cho mọi người đều cùng chết sạch, người niệm Phật sẽ nương theo Phật lực, hoặc sanh về Tây Phương, hoặc sanh vào đường lành. Chớ nên nói “đã không thể nào tránh khỏi cái chết thì niệm Phật vô ích!” Chẳng biết: Con người được thọ sanh làm người đều do nhân duyên tội phước đã gây trong đời trước tạo thành cái gốc để quyết định sanh vào nhà phú quý hay bần tiện. Người niệm Phật có tín nguyện sẽ được vãng sanh; dầu không có tín nguyện cũng chẳng đến nỗi đọa vào ác đạo, há có nên chẳng niệm để tự mình lầm, lầm người ư?

Mọi chuyện phải khéo suy nghĩ, chớ nên mặc tình làm bừa. Ngay như hành vi bố thí thường là chuyện lành, nhưng đối với kẻ chẳng biết hổ thẹn lại biến thành chướng ngại, cố nhiên hãy từ chối, không chấp nhận! Nếu kẻ như vậy đến xin, chỉ cho một chút, hẳn sẽ tự chẳng đến nữa, cũng chẳng đến nổi nổi nóng phát cáu, chỉ có cách mặc kệ hẳn là hay nhất. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật*)

* Quán Thế Âm Bồ Tát trong kiếp xa xưa, thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh. Nhưng do tâm từ bi thiết tha nên tuy an trụ trong cõi Thường Tịch Quang lại thù tích⁵² trong ba cõi: Thật Báo, Phương Tiện, Đồng Cư. Tuy thường hiện thân Phật, nhưng lại còn hiện đủ mọi thân Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn và thân trong sáu đường trời người lục đạo. Tuy thường hầu Di Đà, nhưng lại hiện sắc thân trong khắp mười phương vô tận pháp giới, có thể nói là “chỉ tạo lợi ích, không ai không ngưỡng mộ, sùng kính”. Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp.

Phổ Đà Sơn là chỗ Bồ Tát ứng tích, muốn cho chúng sanh có chỗ gởi tấm lòng Thành nên bèn thị hiện tại núi này, nào phải Bồ Tát chỉ ở Phổ Đà, không ở nơi khác! Một vàng trắng vằng vặc giữa trời, vạn con sông đều

52. Thù tích: Thị hiện dưới một thân phận nào đó.

hiện bóng, dầu nước nhỏ như một chước⁵³, một giọt, thủy đều hiện trọn vẹn bóng trắng. Nếu nước vừa đục vừa xao động, bóng trắng chẳng thể phân minh. Tâm chúng sanh như nước, nếu nhất tâm chuyên niệm Bồ Tát thì liền ngay trong lúc niệm ấy Bồ Tát bèn khiến cho người niệm danh hiệu Ngài được lợi ích hiển hiện hoặc thâm kín. Nếu tâm không chí thành, không chuyên nhất, ắt khó được cứu hộ. Nghĩa này rất sâu, hãy xem bài tựa Thạch Án Phổ Đà Sơn Chí trong Ấn Quang Văn Sao sẽ tự biết.

Ngài có tên là Quán Thế Âm, là vì lúc tu nhân Bồ Tát do quán tánh Nghe liền chứng được viên thông, lúc đắc quả do quán sát âm thanh xung danh của chúng sanh để ban bố sự cứu hộ nên có tên là Quán Thế Âm.

Phổ Môn là đạo Bồ Tát lớn lao không ngần, tùy thuận khắp mọi căn tánh của chúng sanh, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, chẳng lập riêng một môn. Như trong đời có ngàn căn bệnh nên thuốc có vạn phẩm, chẳng chấp nhất định một pháp nào, tùy theo con người mê chỗ nào và chỗ nào người ấy dễ ngộ, liền chỉ điểm cho. Như nơi: sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, mỗi mỗi đều có thể chứng viên thông. Do vậy, pháp

53. Chước (勺): Đơn vị đo lường dung tích rất nhỏ, có thuyết nói khoảng chừng 1centilitre (cl). Sách Tôn Tử Toán Kinh chỉ mô tả như sau: “Mười toát là một sao, mười sao là một chước, mười chước là một hợp, mười hợp là một thăng...” Nếu hiểu Thăng tương ứng 1 lít hiện thời thì một Chước bằng một centilitre. Nhưng Thăng biến đổi theo các triều đại nên cũng khó thể nói nhất định một Chước là bao nhiêu.

gì, chuyện gì cũng đều là cửa để thoát sanh tử, thành Chánh Giác, nên gọi là Phổ Môn. Nếu Bồ Tát chỉ ở tại Nam Hải thì chẳng đáng gọi là Phổ vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời Ly Ấn Tâu*)

* Quán Âm đại sĩ trong vô lượng kiếp, thành Phật đã lâu. Vì độ chúng sanh chẳng lìa Tịch Quang, hiện thân Bồ Tát. Lại còn ứng khắp quần cơ, hiện hình trong lục đạo. Dùng 32 ứng thân, 14 vô úy, 4 vô tác diệu lực chẳng thể nghĩ bàn, tầm thanh cứu khổ, độ thoát quần manh. Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Khác nào trăng in bóng trên ngàn con sông, mùa Xuân tăng trưởng muôn cây cỏ. Tuy trọn chẳng tính nghĩ, nhưng chẳng sai sót mảy may!

Ấy là vì triệt chứng duy tâm, tỏ trọn tự tánh. Vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên, lấy niệm của chúng sanh làm tâm, lấy hết cảnh trong pháp giới làm lượng. Do vậy biết: Vô tận pháp giới vô lượng chúng sanh đều ở trong tâm tịch chiếu của Bồ Tát. Cho nên được mây bủa cửa Từ, sóng trào biển Bi, hễ cảm liền ứng, không nguyện nào chẳng thỏa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Bài ký về chuyện Quán Âm Bồ Tát ứng tích tại chùa Viên Quang, Nam Ngũ Đài Sơn*)

* Phải biết: Bồ Tát vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, Bồ Tát không cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh; vì thế, hễ cảm liền thông, chẳng phải suy nghĩ để ứng. Ấy là vì bản thể của tâm chúng sanh và bản thể của tâm Bồ Tát tương thông khít khao... Vì thế, hễ gặp phải hiểm nạn cực lớn, vừa niệm liền được cảm ứng.

Lại nữa, Bồ Tát hiện thân chẳng chuyên hiện thân hữu tình. Ngay như: núi, sông, cây cối, cầu, bến, thuyền, bè, lầu, đài, nhà cửa, tường, vách, thôn, xóm cũng đều tùy cơ mà hiện, ắt đều khiến cho kẻ đã lâm vào tuyệt địa lại gặp đường thông, không chỗ trốn tránh lại được nơi che đậy lớn lao. Đủ mọi loại cứu vớt, che chở, khó thể tuyên nói trọn! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa lưu thông sách Lịch Triều Danh Họa Quán Âm Thánh Tượng Kha La Bản Ấn*)

* Tâm chúng ta và tâm Bồ Tát cùng một thể tánh. Chúng ta do mê trái, nên nương theo tâm tánh này để khởi Hoặc tạo nghiệp, chịu các khổ não. Nếu biết cái tâm khởi tham - sân - si ấy chính là tâm viên chứng Giới - Định - Huệ của Bồ Tát thì khởi tâm động niệm có bao giờ chẳng phải là Bồ Tát hiển thần thông nói diệu pháp đâu? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập - 2*)

* Vợ và con của ông Tiết X... đòi trước có kẻ oán thù lớn. Vì thế, kẻ oán thù cố ý trả thù, khiến bà ta bị sanh khó cho thỏa dạ. Nhưng bỏ công niệm Quán Âm ba ngày, sản phụ vẫn không sao, há chẳng phải là do niệm danh hiệu Đại Sĩ mà được cảm ứng đầy ư? Phàm phu chẳng biết “nhân trước, quả sau”, hễ không hiệu nghiệm liền ngã lòng tin tưởng. Nào biết oan gia trong đời trước oán thù sâu đậm, nhiều đời lắm kiếp đều mong báo thù, đâu có nương nhờ hồng danh của Đại Sĩ mà vẫn chưa thấy hiệu quả. Nếu chẳng niệm hồng danh Đại Sĩ, há sản phụ vẫn được vô sự hay sao?

Những kẻ lúc sanh nở niệm Quán Âm liền thấy hiệu nghiệm có tới trăm ngàn vạn người; há nên vì một sự không linh liền lui sụt lòng tin ư? Hãy nên trọn đủ lòng không sợ hãi, nói với người khác để cho hết thảy mọi người đều được yên vui.

Lại còn nên khuyên họ đừng kết oán nghiệp. Nếu oán nghiệp nặng nề, Phật lực cũng khó cứu độ! Điều này đúng là có thể giúp cho việc khuyên lơn người khác biết “*nhân trước, quả sau*”.

Khi lâm chung có thể dùng cách trợ niệm, nhưng khi sanh nở thì không cần dùng cách trợ niệm. Chỉ cần bảo người nhà cùng những người săn sóc trong phòng sanh và chính sản phụ đều cùng niệm là được rồi!

Niệm danh hiệu Quán Âm lớn tiếng thì có cảm ứng lớn, niệm nhỏ tiếng thì có cảm ứng nhỏ, chớ trọn chẳng

có lẽ nào không ứng! Quan trọng là can đảm nói với mọi người, những kẻ chẳng thấy cảm ứng thì cũng chẳng phải là không hề có cảm ứng! (Cảm ứng xét về mặt hình tích, có cảm lẫn ứng đều rõ ràng, cảm ngầm lẫn ứng đều ngầm ngầm, cảm ngầm ngầm nhưng ứng rõ ràng, cảm rõ ràng nhưng ứng ngầm ngầm. Xin xem bài lời tựa cho bản Thạch Ấn Phổ Đà Sơn Chí trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên) (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đĩnh - 2*)

* Ấy là vì tâm Bồ Tát giống như hư không, không đâu chẳng trọn khắp. Chỉ do chúng sanh đang mê, chẳng sanh tin tưởng, ví như hư không bị vật ngăn chướng nên biến thành cách trở, ngăn ngại, nếu xoi một lỗ nhỏ thì sẽ được một khoảng trống vừa bằng cái lỗ nhỏ. Nếu xoi một cái lỗ to sẽ được khoảng trống bằng cái lỗ to. Nếu bỏ được hoàn toàn vật chướng ngại thì sẽ xen lẫn khít khao cùng hư không bao hàm khắp muôn hình tượng. Do vậy, chúng sanh tiểu cảm sẽ được tiểu ứng, đại cảm bèn được đại ứng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa khắc lại mộc bản sách Quán Thế Âm Bồ Tát Bản Tích Cảm Ứng Tụng*)

* Nếu bệnh khổ đến mức dữ dội, chẳng thể nhẫn chịu được thì ngoài lúc niệm Phật hồi hướng sáng tỏ ra, hãy chuyên tâm dốc ý, niệm Nam Mô Quán Thế

Âm Bồ Tát. Quán Âm Bồ Tát hiện thân trong sát-na, tâm thanh cứu khổ. Người nào trong lúc nguy cấp, nếu có thể trì tụng, lễ bái, không khi chẳng thuận theo lòng cảm để ứng, Bồ Tát liền rủ lòng Từ che chở, khiến cho thoát khỏi khổ não, được an vui. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành - 1*)

Người biên tập kính cẩn nhận định: Trong hội Hoa Nghiêm, Đại Sĩ bảo Thiện Tài: “Ta trụ trong hạnh môn Đại Bi này, hiện trước khắp hết thấy chúng sanh”. Như vậy thì một câu nói, một hành động của chúng ta có lúc nào, có chỗ nào chẳng nằm trong thân từ bi của Đại Sĩ? Chỉ vì đã hôn mê nhiều kiếp như kẻ mù từ lúc mới lọt lòng, hằng người được ánh mặt trời chiếu soi nhưng không nhận biết. Chợt gặp phải cảnh nguy nan, hết thấy trần lao vọng tưởng nhanh chóng bị đè nén, không dấy lên, một niệm mong cầu Bồ Tát cứu vớt sẽ như lửa mạnh bốc cháy, như lặn ngụp trong dòng nước xiết, bất ngờ sẽ lập tức tương ứng với thân Đại Sĩ, thân lực vôi vọi sẽ liền trọn đủ, thọ dụng vô tận. Những điều trên đây là sự linh cảm của Đại Sĩ đã được cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh đã xiển dương, hình dung tột cùng khéo léo sau phẩm Phổ Môn trong bộ Quán Âm Bồ Tát Tích Cảm Ứng Tụng, nên tôi đặc biệt trích lấy những chỗ thiết yếu chép vào đây nhằm tăng lòng tin tưởng cho người đọc).

* Khi chiến cuộc xảy ra ở đất Hồ (Thượng Hải), những nhà cửa ở vùng Áp Bắc phần nhiều cháy tan ra tro, chỉ còn khu nhà của một đệ tử quy y với tôi là ông Hạ Hình Bồi chưa bị mắc họa. Ấy là vì trong lúc chiến sự dữ dội, cả nhà ông ta cùng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Điều kỳ lạ nhất là bảy ngày sau khi cuộc chiến nổ ra, cả nhà bọn họ mới được Thập Cửu Lộ Quân⁵⁴ cứu ra; đến lúc đình chiến trở về nhà, mọi vật trong nhà chẳng bị mất thứ gì. Nếu Bồ Tát chẳng gia hộ, che chở thì làm sao mà được như vậy? Đó là do ông ta làm việc cho một tòa soạn nhật báo đã mấy mươi năm, vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật rất chí thành. Do vậy biết: Quán Âm Bồ Tát đại từ, đại bi, nếu gặp tai nạn, một phen xưng niệm thánh hiệu, chắc chắn được cứu vớt, che chở.

Nếu nói: “Người đời ngàn vạn, tai nạn phát sanh dồn dập, Quán Âm Bồ Tát chỉ có một mình, làm sao có thể cùng lúc đến cứu vớt, che chở từng người được? Dù có cứu giúp, che chở, cũng mệt nhọc khôn xiết!”

54. Thập Cửu Lộ Quân là một cánh quân của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, tương đương với cấp quân đoàn. Tiền thân mang tên Việt Quân Đệ Nhất Sư (sư đoàn thứ nhất của tỉnh Quảng Đông), năm 1926 đổi tên là Quốc Dân Cách Mạng Quân Đệ Tứ Quân (quân đoàn thứ tư của quân đội cách mạng Trung Hoa Dân Quốc). Khi quân đội Trung Hoa Dân Quốc tiến hành Bắc Phạt (đẹp tan các tướng lãnh quân phiệt xưng hùng ở miền Bắc Trung Hoa), Đệ Tứ Quân lập rất nhiều chiến tích. Năm 1930, do quân số ngày càng lớn mạnh, nhất là sư đoàn thứ mười một của Đệ Tứ Quân đã giúp cho Tưởng Giới Thạch đánh thắng được Phùng Ngọc Tường và Diêm Tích Sơn nên đã được đổi tên thành Thập Cửu Lộ Quân, do đích thân Tưởng Giới Thạch chỉ huy.

Thật chẳng biết trọn không phải là Quán Âm Bồ Tát đến từng chỗ cứu giúp, mà chính là Quán Âm trong tâm chúng sanh cứu giúp đó thôi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Túc Tai Pháp Ngữ*)

* Thánh hiệu Quán Âm Bồ Tát chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hiện thời, hãy nên khuyên hết thầy mọi người cùng niệm. Nếu là người tu Tịnh nghiệp, ngoài những lúc niệm Phật, hãy nên chuyên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm. Đối với kẻ chưa phát tâm, hãy dạy họ chuyên niệm do vì họ dốc chí mong được Đại Sĩ che chở, gia bị ngõ hầu tiêu diệt tai họa. Đợi cho đến khi họ đã sanh được lòng tin, lại dạy họ lấy niệm Phật làm chuyện chánh, niệm Quán Âm để phụ trợ; nhưng niệm Quán Âm để cầu sanh Tây Phương thì cũng được như nguyện. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù – 15*)

* Niệm Phật, niệm Quán Âm đều có thể tiêu tai thoát nạn thì lúc bình thường hãy nên niệm Phật cho nhiều, niệm Quán Âm ít hơn. Gặp khi hoạn nạn, hãy nên chuyên niệm Quán Âm do Quán Âm bi tâm tha thiết, có túc duyên sâu đậm với chúng sanh phương này. Chớ nên do thấy nói như vậy, bèn nói “Phật chẳng từ bi bằng Quán Âm!”. Cần biết rằng Quán Âm là đáng

thay Phật rủ lòng Từ cứu khổ. Ngay như khi Phật Thích Ca tại thế, cũng thường dạy chúng sanh khổ nạn niệm Quán Âm, huống gì bọn phàm phu chúng ta ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn – 15*)

* Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật lẽ đâu chẳng có chuyện cứu khổ ách? Quán Âm Bồ Tát tùy cơ chỉ dạy, há lẽ nào chẳng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương? Người niệm Phật lâm chung thấy Phật và thánh chúng đích thân đến tiếp dẫn, há nên chấp chết cứng như thế? Nếu đúng là như vậy thì Phật cũng chẳng đáng gọi là Phật, Bồ Tát cũng chẳng đáng gọi là Bồ Tát!

Sanh về Tây hãy nên lấy tín nguyện làm gốc, nếu gặp nguy hiểm bèn niệm Quán Âm. Có tín nguyện thì khi mạng chung quyết định sanh về Tây Phương, hoặc chỉ chuyên nhất niệm A Di Đà thì gặp khổ ách cũng được giải thoát. Những điều cảm ứng như vậy được sách cổ ghi chép càng khó tính kể. Nay trong trần lao thì chuyện gì cũng viên thông, nhưng trong tu trì thì chuyện gì cũng chấp chết cứng, chẳng đáng viên thông mà lại làm lạc viên thông, chẳng đáng chấp trước mà cứ chấp trước chết cứng! Do điều này mà biển khổ sóng dậy liên tục, luân hồi không ngừng nghỉ vậy. Người có kiến giải như vậy khác nào trẻ nít, con người như vậy nào đáng để cùng bàn luận nữa! (*Vĩnh Tư Tập - Ấn*

Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Như Sâm hỏi thay cho bạn)

* Để cứu tai nạn, nên chọn cách nào khiến cho hết thảy mọi người đều có thể niệm được thì mới có ích lớn lao. Dù có in chú Ma Lợi Chi Thiên cho nhiều, cũng khó thể sử dụng trong lúc đại kiếp đời đầu này, hãy nên bỏ ý định ấy! Dạy người khác niệm thánh hiệu Quán Âm, dầu là đưa trẻ lên ba cũng có thể niệm được... Chớ nói niệm chú Ma Lợi Chi Thiên lợi ích lớn lao, còn niệm Quán Âm lợi ích nhỏ nhoi! Dầu chú ấy do chính đức Quán Âm thị hiện thân Ma Lợi Chi Thiên nói ra, vẫn nên chú trọng niệm thánh hiệu Quán Âm.

Ông tín tâm tuy tốt, nhưng chẳng biết lý cao tột “một pháp nhiếp khắp hết thảy pháp” và chẳng biết “lúc khẩn yếu thì càng đơn giản càng hay!” Nho giáo cũng nói: “*Bác học nhi tường thuyết chi, tương dĩ phản thuyết ước dã*” (Học tập rộng rãi, giải nói tường tận chỉ nhằm mục đích: Sau khi dung hội, quán thông rồi, sẽ hướng về chỗ giản ước)⁵⁵. Nếu ông biết đến nghĩa này, sẽ thấy lời Quang luận định là chí lý. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (Huệ Thông)*)

55. Đây là một câu nói của Mạnh Tử được ghi trong thiên Ly Lâu Hạ sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải.

* Nghiệp chướng nặng, tham sân mạnh mẽ, thân yếu đuối, tâm khiếp nhược thì chỉ nên nhất tâm niệm Phật, lâu ngày các bệnh sẽ tự lành. Phẩm Phổ Môn nói: *“Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ xa lìa được những sự ấy”*. Niệm Phật cũng thế, chỉ nên tận tâm kiệt lực, chẳng hề ngơi vơi thì không cầu cũng được. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Mỗi ngày ngoài trừ lúc phải làm mọi việc thuộc bốn phận mình ra, hãy chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Sáng tối đối trước Phật, kiệt thành tận kính, khấn thiết sám hối túc nghiệp từ vô thi. Lâu ngày như thế sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn mà chẳng hay, chẳng biết. Kinh Pháp Hoa dạy: *“Nếu có chúng sanh nhiều lòng dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được ly dục”*. Với sân hận, ngu si cũng thế. Như vậy thì chí thành niệm thánh hiệu A Di Đà, Quán Âm, ba thứ Hoặc: tham, sân, si sẽ tự tiêu diệt.

Hơn nữa, nay đang lúc cõi đời hoạn nạn, ngoài việc niệm Phật ra, nên niệm thêm thánh hiệu Quán Âm, trong âm thầm sẽ có sự chuyển biến chẳng thể nghĩ bàn, kéo đến lúc túc nghiệp bắt chợt hiện đến, không cách chi tránh thoát. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Thầy thuốc dù giỏi cũng chỉ trị được bệnh, không trị được nghiệp. Như Tử Trọng ruột bị loét nặng, thầy thuốc bảo không giải phẫu không xong. Bà thím Tư của ông chẳng đành lòng nên chẳng chữa, cùng Đức Chương liêu mạng niệm Phật, niệm kinh Kim Cang. Năm ngày khỏi bệnh. Bệnh này đáng kể là cực nặng, cực nguy hiểm, nhưng chẳng chữa, sau năm ngày liền lành. Bệnh điên của Tử Tường thuộc về túc nghiệp, bà thím Tư của ông do chí thành lễ tụng, nửa năm liền khỏi.

Cha ông đã quy y Phật pháp, lẽ ra nên tin lời Phật, chẳng nên tin theo thầy thuốc Tây, phải đến bệnh viện của họ để chữa. Nếu như hết thầy bệnh đều phải được thầy thuốc trị mới lành, không thầy thuốc chẳng xong thì từ thời cổ, hoàng đế và những kẻ phú quý lẽ ra vĩnh viễn không bệnh tật, cũng vĩnh viễn chẳng bị tử vong. Thế nhưng kẻ bần tiện vừa ít bệnh vừa sống lâu, người phú quý lắm bệnh lại thường đoản thọ. Đó là vì có gì? Một là do mình tự tạo thành bệnh, hai là thầy thuốc gây ra bệnh. Do hai công năng tạo tác này, muốn thoát bệnh khổ có được hay chẳng?

Mong ông thưa cho cha hiểu, bắt tất phải lên Thượng Hải tìm thầy thuốc Tây, cứ ở nhà cầu nơi đại y vương A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ tự có thể chẳng cần đến thuốc mà lành bệnh. Cầu thầy thuốc Tây chỉ hy vọng chừng một nửa, cầu đại y vương may ra thân thể

sẽ được mạnh, mà dù thân thể chưa khoẻ lại, thần thức chắc chắn thấy thư thái. Nếu sai lầm muốn được mạnh liền, bỏ hết những giới đã trì khi trước, thật chẳng khác nào rạch thịt để tự bị thương, chỉ tổn hại không ích gì. Khi Tây Y chưa truyền vào Trung Quốc, Trung Quốc có bệnh gì cũng chẳng trị được ư? Bởi vậy nên buông vọng tưởng xuống, đề khởi chánh niệm sẽ cảm ứng đạo giao, tự có thể lành bệnh hoàn toàn. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Quán Thế Âm Bồ Tát thế nguyện rộng sâu, theo tiếng cứu khổ⁵⁶. Nếu gặp phải những hoạn nạn như đao binh, nước, lửa, đói kém, sâu rầy, châu chấu, ôn dịch, hạn hán, lụt lội, giặc cướp, oan gia, ác thú, rắn độc, ác quỷ, yêu mi, bệnh tật do oán nghiệp, tiểu nhân hãm hại... mà có thể phát tâm sửa lỗi hướng thiện, tự lợi lợi người, chí thành khẩn thiết niệm Quán Thế Âm, niệm niệm không gián đoạn, chắc chắn sẽ được Ngài từ bi che chở, chẳng bị nguy hiểm gì. Nếu vẫn giữ tấm lòng chẳng lành, dẫu có xưng niệm, chẳng qua chỉ tạm gieo căn lành cho vị lai, chẳng được cảm ứng trong hiện thời. Bởi lẽ Phật, Bồ Tát đều là thành tựu thiện niệm cho người, trọn chẳng thành tựu ác niệm cho người.

56. Tầm thanh cứu khổ: Quán Thế Âm Bồ Tát quán sát tiếng kêu cầu cứu khổ cứu nạn của chúng sanh trong mười phương pháp giới bèn tùy thuận cơ nghi hiện thân cứu độ.

Nếu chẳng phát tâm sửa lỗi hướng thiện, làm lạc muốn niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát để mong thành tựu ác sự cho mình thì quyết định không được cảm ứng, chớ có dấy lên cái tâm điên đảo ấy!

Niệm Phật khẩn yếu nhất là giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, giữ tâm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp. Có sức làm được thì tích cực làm, chẳng thể làm được thì cũng phải phát thiện tâm ấy, hoặc khuyên người có sức làm, hoặc thấy người khác làm bèn phát tâm hoan hỷ, thốt lời khen ngợi thì cũng là thuộc về công đức nơi tâm và miệng. Nếu chẳng thể tự làm được, thấy người khác làm bèn sanh ganh ghét, liền thành ra tâm hạnh tiểu nhân gian ác, chắc chắn bị tổn phước, giảm thọ, chẳng được kết quả tốt lành, hãy nên thông thiết răn dè. Chẳng được làm chuyện giả dối để được tiếng, buôn danh chuốc dự, tâm hạnh ấy quả thật bị thiên địa, quỷ thần đều cùng ghét. Nếu có thì phải sửa đổi, nếu không thì càng thêm cố gắng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gửi khắp*)

*Kệ Hồi Hương Lễ Niệm Quán Âm Bồ Tát

Kính lạy Quán Thế Âm, từ bi đại đạo sư, chúng vô thượng đã lâu, an trụ Thường Tịch Quang. Vì thương chúng sanh khổ, lại hiện thân mười cõi, nên dùng thân nào độ, liền hiện ngay thân ấy. Gần là sanh đường lành, xa là chúng Bồ Đề. Bồ Tát từ bi lục, chư Phật thuật chẳng trọn.

Đệ tử con tên là... từ vô thủy đến nay, do bởi sức ác nghiệp, luân hồi trong sáu nẻo, trải qua trần sát kiếp, không cách nào thoát lìa, may nhờ túc thiện căn, được nghe tên Bồ Tát, muốn nương sức từ bi, đời này sanh Tịnh Độ. Xưng thánh hiệu dài lâu, kiêm lễ bái, cúng dường, sám hối các ác nghiệp, tăng trưởng các thiện căn. Nguyện rủ lòng từ mẫn, tiêu diệt các tội chướng, phóng quang chiếu thân con, duỗi tay xoa đầu con, cam lộ rưới đỉnh con, gột phiền cấu tâm con, khiến cho thân tâm con, đều được thanh tịnh cả. Con nguyện hết thân này, đến tận kiếp vị lai, nguyện bảo khắp chúng sanh, ân đức của Bồ Tát, khiến họ đều quy y, đều phát tâm Bồ Đề. Nguyện rủ lòng từ mẫn, chúng minh và nhiếp thọ. *(Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, phần Kệ tụng)*

3. Dạy Cách Đối Trị Tập Khí

* Niệm Phật muốn được nhất tâm, ắt phải phát tâm chân thật vì liễu sanh tử, chẳng vì để được người đời gọi ta bằng danh xưng là “kẻ chân thật tu hành”. Lúc niệm phải từng chữ, từng câu từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai, một câu như thế, trăm ngàn vạn câu cũng như thế. Làm được như vậy thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp! Lại phải khéo dụng tâm, chớ chấp trước quá mức đến nỗi thân tâm chẳng yên, hoặc đến nỗi khởi các ma sự. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hành theo đó, quyết chẳng bị làm lạc đi vào đường rẽ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quân Tranh*)

* Lúc niệm Phật chẳng thể khăn thiết là vì không biết Ta Bà là khổ, Cực Lạc là vui vậy! Nếu nghĩ đến “*thân người khó được, khó sanh vào chính giữa đất nước, Phật pháp khó gặp gỡ, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp gỡ*”. Nếu không nhất tâm niệm Phật, một khi hơi thở không hít vào được, chắc chắn sẽ theo ác nghiệp nặng nề nhất trong đời này hay đời trước đọa vào tam đồ ác đạo, chịu khổ bao kiếp dài lâu, trọn không có ngày thoát ra. Như vậy chính là “*nghĩ địa ngục khổ, phát tâm Bồ Đề*”.

Bồ Đề tâm là tâm địa: lợi mình, lợi người. Tâm ấy vừa phát ra liền giống đồ vật nhiễm điện, như thuốc pha thêm lưu huỳnh, sức chúng rất lớn, lại rất mau chóng. Điều này có công năng tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ; không phước đức, thiện căn bình thường nào có thể sánh ví cho được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Siêu*)

*** Niệm Phật phải luôn nghĩ mình sắp chết, sắp bị đọa địa ngục thì không khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, không tương ứng cũng tự tương ứng. Dùng cái tâm sợ khổ mà niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để thoát khổ, cũng là diệu pháp bậc nhất để tùy duyên tiêu nghiệp.** (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 6*)

- Niệm Phật tâm không quy nhất là do tâm sanh tử chưa khẩn thiết. Nếu nghĩ như đang bị nước cuốn lửa đốt, không được cứu giúp, tưởng sắp bị chết, tưởng sắp đọa địa ngục thì tâm sẽ tự quy nhất, không cần đến diệu pháp nào khác. Vì thế, trong kinh thường nói: “*Nghĩ tới sự khổ trong cõi địa ngục, phát tâm Bồ Đề*”. Đây chính là khai thị thiết yếu nhất của đức Đại Giác Thế Tôn, tiếc là con người chẳng chịu thật sự suy nghĩ!

Nỗi khổ trong địa ngục so với sự thảm thương của

nước - lửa thì sâu nặng hơn vô lượng vô biên lần. Thế mà nghĩ đến nước dâng lửa đốt bèn run rẩy, nghĩ đến địa ngục lại coi thường, là vì:

+ Một đấng do tâm lực nhỏ nhoi chẳng thể thấu hiểu sự khổ ấy.

+ Còn một đấng là chính mắt thấy, bất giác lông tóc đều dựng đứng! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Bao Sư Hiên*)

* Lúc trì Phật hiệu, tạp niệm toại bời, đấy chính là hiện tượng lăm tri nhiều kiến, tâm không có chánh niệm. Muốn cho hiện tượng ấy chẳng xuất hiện thì chỉ chuyên tâm đầu đầu nghĩ chính mình sắp chết, chỉ sợ đọa ngay vào ác đạo, dốc chí niệm Phật, chẳng khởi lên những ý niệm khác, lâu ngày sẽ được trong lặng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phổ Tịnh*)

* Nếu biết thân người khó được, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó được nghe hơn, nay may mắn được làm thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh Độ khó được nghe nhất, có dám để quang âm hữu hạn bị tiêu hao sạch nơi thanh sắc, vật chất, lợi lộc, khiến cho vẫn sống thừa chết uổng y như cũ, vẫn bị trầm luân lục đạo, không mong có ngày

thoát ra hay sao?

Phải đem một chữ Chết (chữ Chết này hay lắm) dán cho rủ xuống trán. Phàm khi những cảnh tham luyến đáng lẽ chẳng nên có mà lại hiện tiền liền biết đấy chính là vạc sôi, lò than của chính mình, sẽ trọn chẳng đến nỗi như con thiêu thân gieo mình vào lửa, tự đốt thân mình. Phàm với những chuyện thuộc về bổn phận nên làm, liền biết đấy chính là bè từ để thoát khổ của ta vậy, quyết chẳng đến nỗi thấy việc nhân bèn nhường cho người khác, thấy điều nghĩa chẳng làm. Như vậy thì trần cảnh sẽ trở thành duyên để nhập đạo, cần gì phải tuyệt sạch muôn duyên mới tu hành được? Vì đã làm chủ được tâm, chẳng chuyển theo cảnh thì trần lao chính là giải thoát.

Vì thế, Kinh Kim Cang nhiều lượt dạy con người tâm chẳng nên trụ vào tướng, phát tâm độ tận hết thấy chúng sanh, nhưng chẳng thấy ta là người độ, người khác và chúng sanh là kẻ được độ, cũng như chẳng thấy tướng thọ giả, Vô Dur Niết Bàn để đắc thì mới là thật sự hành Bồ Tát đạo. Nếu thấy có ta là người độ, chúng sanh là kẻ được độ, và pháp Vô Dur Niết Bàn dùng để độ, thì tuy là độ sanh nhưng thật ra chẳng thể khế hợp đạo Nhất Thừa Thật Tướng. Vì chẳng hiểu rõ bản thể của chúng sanh chính là Phật, Phật tánh bình đẳng, làm lạc khởi lên phàm tình toan hiểu trí Thánh, đến nỗi chẳng được lợi ích, trở thành công đức hữu vi;

huống chi khần chặt vào thanh sắc, của cải, lợi lộc?
(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Ninh Ba)

* Con người ở trong thế gian chẳng thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đều là do vọng niệm gây nên. Nay trong lúc niệm Phật, liền nghĩ như chính mình đã chết, chưa được vãng sanh, trong mỗi một niệm đều gác bỏ tất cả hết thảy tình niệm thế gian ra ngoài. Trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào để được! Làm thế nào để niệm được như thế? Là vì ta đã chết rồi, tất cả hết thảy vọng niệm đều chẳng vương mắc nữa. Niệm được như thế ắt sẽ có lợi ích lớn lao. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trọng Hoa - 2)*

* Lúc sơ tâm niệm Phật, chưa tự chứng được tam-muội, ai có thể không có vọng niệm cho được? Quý sao tâm thường giác chiếu, chẳng chuyển theo vọng, ví như quân hai bên đối địch, ắt phải giữ vững thành quách của chính mình, chẳng cho quân giặc xâm phạm tí tí nào, đợi khi giặc vừa tấn công bèn đánh chặn đầu. Ắt phải xua quân Chánh Giác vây kín bốn mặt khiến cho chúng nó không lối lên trời, không nẻo chui xuống đất, khiến chúng sợ bị diệt chủng, liền đua nhau quy hàng. Quan trọng nhất là chủ soái không mê muội, không

lười nhác, thường luôn tỉnh táo mà thôi! Nếu mê muội, lười nhác thì chẳng những không diệt được giặc mà trái lại còn bị giặc diệt. Do vậy, người niệm Phật không biết nhiếp tâm thì càng niệm càng sanh vọng tưởng. Nếu nhiếp được tâm thì vọng niệm sẽ dần dần mỏng nhẹ, cho đến không còn nữa! Vì thế, nói:

*Học đạo do như thủ cấm thành,
Trú phòng lục tặc, dạ tỉnh tỉnh,
Tướng quân chủ soái năng hành lệnh,
Bất động can qua định thái bình.*

(Tạm dịch:

Học đạo dường như giữ cấm thành,
Ngày phòng sáu giặc, đêm thường tỉnh,
Tướng quân chủ soái nghiêm quân lệnh,
Chẳng dấy can qua, quyết thái bình)

(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư Tử Ngạn Như và Tử Dật Như)

* Hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, chẳng biết phản chiếu hồi quang. Học Phật như thế rất khó được lợi ích thật sự! Mạnh Tử nói: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ*” (Đạo học vấn chẳng có gì khác, cầu sao buông được cái tâm mà thôi!) Ông học Phật mà chẳng biết lắng lòng niệm Phật, đối với Nho Giáo còn chưa thật sự tuân thủ, huống gì đối với Phật giáo là

pháp thật sự lắng lòng ư? (Ý nói “lắng lòng chẳng để nó rong ruổi theo bên ngoài”, người biên tập kính cần ghi chú).

Quán Thế Âm Bồ Tát xoay trở lại nghe nơi Tụ Tánh, Đại Thế Chí Bồ Tát nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, kinh Kim Cang “không trụ vào đâu để sanh tâm, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí, cho đến vạn hạnh”. Tâm Kinh “*soi thấy năm Uẩn đều không*” đều nhằm dạy cho con người diệu pháp “từ cảnh biết được tâm” vậy. Nếu cứ một mực muốn xem rộng khắp hết thấy các kinh điển, sách vở thì sẽ không có lợi ích gì. Hễ nghiệp chướng chưa tiêu, sẽ chưa đạt lợi ích ấy (tức lợi ích do học rộng, nghe nhiều), mà trước hết còn bị mắc bệnh! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khê Tây - 3*)

* Chỗ quan trọng trong việc tu hành chính là đời trị tập khí phiền não. Tập khí ít đi một phần thì công phu tiến thêm được một phần. Có người càng ra sức tu hành, tập khí càng dấy động là vì chỉ biết tu trì theo mặt sự tướng, chẳng biết phản chiếu hồi quang, kiên quyết trừ khử những vọng tình trong tâm họ mà ra. Nếu ngay trong lúc bình thời đã đề phòng sẵn, thì lúc gặp cảnh đưng duyên, phiền não sẽ chẳng phát khởi. Nếu bình thời biết được thân tâm ta đây hoàn toàn thuộc

về huyễn vọng, cầu lấy thực thể, thực tánh của Ngã hoàn toàn chẳng thể được thì đã không có Ngã, nào còn có nhân cảnh (cảnh nơi nhân), nhân nhân (đối tượng con người nơi nhân) mà hồng sanh khởi những chuyện phiền não! Đây chính là phương pháp giải quyết tối thiết yếu từ trên căn bản vậy!

Nếu như chẳng thể hiểu chắc thật Ngã Không, hãy nên nương theo pháp Ngũ Đình Tâm Quán do đức Như Lai đã dạy để đối trị (Ngũ Đình Tâm nghĩa là dùng năm pháp này để điều hòa, ngưng lặng cái tâm, khiến cho tâm an trụ, chẳng bị chuyển theo cảnh nữa!) Có nghĩa là: Chúng sanh nhiều tham thì hành Bất Tịnh Quán; chúng sanh nhiều sân thì hành Từ Bi Quán; chúng sanh nhiều tán loạn thì hành Sở Tức Quán; chúng sanh ngu si thì hành Nhân Duyên Quán, chúng sanh nhiều chướng thì hành Niệm Phật Quán. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận*)

* Còn là phàm phu, ai không phiền não? Phải đề phòng trước trong lúc bình thời; tự nhiên gặp cảnh chạm duyên, phiền não chẳng đến nổi bộc phát. Dầu có phát cũng sẽ nhanh chóng giác chiếu khiến phiền não bị tiêu diệt.

Cảnh khởi phiền não, nào phải chỉ một, nhưng kể ra những cảnh gây nên phiền não nhiều nhất chỉ có mấy

thứ như: tài sắc và thuận - nghịch mà thôi.

+ **Nếu biết của cải vô nghĩa**, hại quá rắn độc, sẽ chẳng lâm vào cảnh phiền não vì lấy của cầu thả. Biết tạo phương tiện cho người, rốt cuộc vẫn là tạo tiền trình cho chính mình, khi gặp kẻ cùng quẫn, cấp bách, hoạn nạn cầu cứu, sẽ không bị phiền não bởi tiếc của rồi chẳng chịu giúp cho.

+ **Về sắc** thì dầu đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, tâm thường giữ ý tưởng coi như chị, như em. Dầu nhìn thấy kỹ nữ, vẫn nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát, sẽ không bị phiền não “thấy sắc đẹp động lòng ham muốn”. Vợ chồng kính trọng nhau như khách, coi thê thiếp như ân nhân giúp mình có con nối dõi, chẳng dám coi họ như món đồ thỏa dục hành lạc thì không bị phiền não “do ham sắc dục đến nỗi diệt thân, vợ không thể sanh, con không thể trưởng thành”.

Dạy dỗ, uốn nắn con cái từ nhỏ sẽ không có phiền não “con cái ngỗ nghịch đối với cha mẹ, bại hoại môn phong”. Còn như gặp kẻ ngang ngược, hãy nên sanh lòng thương xót, thương nó vô tri, không biết suy xét. Lại nên nghĩ do mình đời trước từng nào hại nó nên nay mới gặp cảnh này hòng trả nợ xưa, tâm sanh hoan hỷ, sẽ không có phiền não báo thù ngang trái. Nhưng những điều vừa nói trên đây là dành dạy cho kẻ sơ cơ. Nếu là bậc đại sĩ tu lâu đã hiểu rõ Ngã Không thì vô tận phiền não đều hóa thành đại quang minh tạng. Ví

như đao do mài mà bén, vàng do luyện được thuần, sen do bùn lầy bón tưới mới được thanh tịnh sáng sạch. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 4*)

* Con người hằng ngày khổ sở trong phiền não, vẫn chẳng biết là phiền não. Nếu biết là phiền não thì phiền não sẽ tiêu diệt. (Tâm vốn là Phật, nhưng do phiền não chưa trừ, oan uổng làm chúng sanh. Nhưng nếu có thể tiêu diệt phiền não thì Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện. Xin xem lá thư trả lời cư sĩ Viên Văn Thuần trong bộ *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*). Ví như tường làm gã trộm cắp là người nhà thì tất cả cửa cái trong nhà đều bị hấn trộm mất. Nếu biết là giặc, hấn liền trốn đi. **Vàng chẳng luyện chẳng ròng, đao chẳng mài chẳng bén; chẳng từng trải phiền não thì gặp cảnh phiền não tâm thần sẽ tán loạn.** Biết nó chẳng có thể lực gì, chuyện nhọc tâm mệt trí nảy sanh đều do ta tự chuốc lấy.

Kinh dạy: “*Nếu biết Ngã Không, ai bị hủy báng?*” Nay phỏng theo đó, nói: “*Nếu biết là vô ngã, phiền não nào sanh?*” Thí dụ của ông rất có đạo lý. Cổ nhân nói: “*Vạn cảnh bốn nhàn, duy tâm tự náo. Tâm nhược bất sanh, cảnh tự như như*” (Muôn cảnh vốn nhàn, chỉ có tâm tự rộn. Nếu tâm không sanh, cảnh tự như như). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả*

lời cư sĩ Trần Phi Thanh - 4)

* **Tam Chướng là:** Phiền Nã Chướng, Nghiệp Chướng, Báo Chướng.

+ Phiền Nã chính là vô minh, còn gọi là Hoặc, tức là chẳng hiểu lý (“chẳng hiểu lý” chính là tham - sân - si), làm lạc khởi lên các thứ tâm niệm chẳng thuận lý (Muốn diệt những tâm niệm chẳng thuận lý, trước hết phải hiểu rõ hết thấy các pháp đều là Khổ, là Không, là Vô Thường, là Vô Ngã, thì ba độc tham - sân - si không cách gì dấy lên được. Hãy xem lá thư gửi cho ông Tạ Dung Thoát trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên).

+ Nghiệp tức là do cái tâm “tham - sân - si phiền nã” bèn làm những chuyện ác giết - trộm - dâm v.v... vì thế gọi là Nghiệp. Nghiệp đã thành, thì tương lai nhất định phải chịu các thứ khổ báo. Tam Đồ: Đồ là đường, là nẻo, có nghĩa thông với nhau. Do các ác nghiệp giết - trộm - dâm nên sẽ chịu ác báo trong Tam Đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn - 6)*

* **Tham** có nghĩa là thấy cảnh bèn dấy lòng yêu thích. Chúng sanh trong Dục Giới đều do dâm dục mà sanh. Dâm dục do ái sanh. Nếu có thể quán sát mỗi

mỗi kỹ càng thân mình, thân người từ ngoài vào trong thì chỉ thấy hòm đất, mồ hôi, đờm rãi, tóc, lông, móng, răng, xương, thịt, máu, mủ, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bản như chuồng xí, ai có thể sanh lòng tham ái đối với vật này cho được! Tham ái đã dứt thì tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt được trộn lẫn, như vải trắng ăn màu, dùng Nhân Địa Tâm khế hợp Quả Địa Giác, sự giảm được nửa mà công gấp bội, lợi ích khó thể nghĩ suy!

Sân là thấy cảnh khởi tâm bực bội, chán ghét. Người phú quý thường hay nóng giận. Phàm mọi chuyện muốn được như ý phải có người để sai bảo, hễ hơi chút sai trái liền sanh phần nộ, nhẹ thì buông lời dữ ác, nặng thì roi vọt vọt đánh, chỉ cốt khoái ý mình, chẳng đoái hoài người khác đau lòng!

Lại nữa, tâm sân nếu khởi lên thì vô ích cho người, tổn hại cho mình, nhẹ thì cũng khiến cho tâm ý bực bội, xáo động; nặng thì gan lẫn mắt đều bị tổn thương. Hãy nên giữ sao cho trong tâm thường có một khối nguyên khí thái hòa thì bệnh tật tiêu diệt, phước thọ tăng trưởng. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Một niệm sân tâm khởi, trăm ngàn cửa chương mở!”* Cổ đức nói: *“Sân là lửa trong tâm, cháy trụi rừng công đức. Muốn học đạo Bồ Đề, nhẫn nhục phòng tâm sân”*.

Như Lai dạy chúng sanh nhiều sân tu Từ Bi Quán như sau: Xem hết thấy chúng sanh đều là cha

mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Đã là cha mẹ trong quá khứ thì nên nghĩ đời trước họ có ân đức sanh thành, dưỡng dục, thẹn chưa thể báo đáp, há có nên vì chuyện trái ý nhỏ nhặt bèn ôm lòng phẫn nộ ư? Đã là vị lai chư Phật ắt sẽ rộng độ chúng sanh. Nếu ta chưa giải quyết được sanh tử, vẫn mong họ đến độ thoát!

Chẳng những chuyện trái ý nhỏ nhặt không nên nổi nóng, dầu là chuyện táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh sân hận! Vì vậy, lúc Bồ Tát xả đầu, mắt, tủy, não, đều xem người xin những thứ ấy như thiện tri thức, coi như ân nhân, coi như người thành tựu đạo Bồ Đề vô thượng cho mình. Xem phẩm Thập Hồi Hương trong Kinh Hoa Nghiêm sẽ tự biết.

Lại nữa, một niệm tâm tánh của chúng ta và chư Phật không hai. Chỉ vì mê trái bản tâm, chấp chặt Ngã Kiến nên hết thảy các duyên đều thành đối đãi. Như cái bia để bán đã lập thì các mũi tên đều nhắm vào. Nếu biết được tâm ta vốn là tâm Phật, Phật tâm không, vô sở hữu. Giống như hư không: Sấm la vạn tượng không gì chẳng bao gồm.

Cũng như biển cả: Trăm sông mọi nguồn nước không gì chẳng dung nạp. Như trời che chở khắp, như đất nâng bình đẳng, chẳng coi chuyện che chở, nâng đỡ là đức. Nếu ta do chuyện nghịch ý nhỏ nhặt

bèn sanh nóng giận thì chẳng những khiến cho tâm lượng chính mình thành hẹp hòi, mà còn tự đánh mất cả đức. Tuy có đủ Phật tâm lý thể nhưng khởi tâm động niệm toàn là xử sự theo phàm tình, coi vọng là chân, biến tở thành chủ; suy nghĩ như thế há không hồ thẹn ư?

Nếu bình thời thường nghĩ như thế thì tâm lượng sẽ rộng lớn, không gì chẳng dung được, coi muôn loài như chính mình, chẳng thấy đây - kia. Điều nghịch xảy đến còn thuận chịu được, huống gì những chuyện trái ý nhỏ nhặt mà lại sanh nóng giận ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận*)

* **Sân tâm** chính là tập tánh từ đời trước, nay nghĩ mình đã chết, mặc kệ người ta dao cắt hay hương bôi, chẳng ăn nhập gì đến mình. Đối với tất cả những cảnh trái ý, cứ nghĩ như mình đã chết, ắt sẽ chẳng khởi tâm sân được nữa! Đây chính là tam-muội pháp thủy do đức Như Lai đã truyền để rửa sạch khắp các kết nghiệp của hết thầy chúng sanh, chứ không phải là Quang tự ý bịa ra đâu nhé! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh - 2*)

* **Ngũ si** nghĩa là hoàn toàn không có tri thức, tức là nói thể nhân đối với cảnh duyên thiện - ác chẳng biết đầy đủ là do túc nghiệp chuốc lấy, do hành vi trong hiện tại cảm lấy, làm lạc bảo là không có nhân quả báo ứng, và những chuyện đời trước, đời sau v.v... Hết thấy chúng sanh không có con mắt Huệ, nếu không chấp Đoạn thì lại chấp Thường.

Chấp Đoạn là nói con người bầm thụ khí chất của cha mẹ mà sanh ra, trước lúc được sanh ra vốn chẳng có vật gì, đến lúc chết rồi, hình hài đã mục nát thì hồn cũng phiêu tán; làm gì có đời trước cũng như đời sau! Những nhà Nho câu nệ, hẹp hòi cõi này đa phần nói như thế.

Chấp Thường là nói con người thường làm người, súc vật thường làm súc vật; chẳng biết nghiệp do tâm tạo, hình tùy tâm chuyển.

Thời cổ có kẻ cực độc từ ngay nơi thân ấy biến thành măng xà, có kẻ cực tàn bạo, ngay từ chính nơi thân ấy biến thành cạp. Ngay trong lúc nghiệp lực đang mạnh mẽ, dữ dội, còn có thể biến đổi được hình thể, huớng chi nhằm lúc sau khi chết đi, trước lúc được sanh ra, thức do nghiệp lôi kéo mà chuyển biến ư? Do vậy, đức Phật nói 12 nhân duyên chính là lời luận bàn xuyên suốt cả ba đời. Nhân trước ắt cảm lấy quả sau, quả sau ắt phải có nhân trước. Báo ứng thiện - ác, phước - họa xảy đến đều do tự mình làm, tự mình chịu, nào phải trời

giáng xuống! Chẳng qua do hành vi của người ấy mà trời đứng ra làm chủ mà thôi⁵⁷.

Sanh tử tuần hoàn chẳng có cùng cực, muốn khôi phục bản tâm để liễu sanh tử mà bỏ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì chẳng thể được!

Ba thứ Tham - Sân - Si là căn bản của sanh tử. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh chính là diệu pháp để liễu sanh tử. Muốn bỏ ba thứ ấy thì cần phải tu ba pháp này. Ba pháp này tu đắc lực thì ba thứ ấy tự tiêu diệt. Pháp quán Sở Tức không nhất thiết phải dùng, bởi lẽ trong lúc niệm Phật nhiếp tai lắng nghe thì sự nhiếp tâm ấy tương tự Sở Tức, nhưng lực dụng khác Sở Tức một trời một vực. Về pháp quán trong khi Niệm Phật chỉ cần xem Ấn Quang Văn Sao và những trước thuật Tịnh Độ sẽ tự biết.

Hỏi: Nếu như nói: *“Dẫu táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh nóng giận”*, thì giả sử như có người ác đến hại mình cũng chẳng bận tâm, mặc cho họ giết chóc ư?

Đáp: Phàm người tu hành có người là phàm phu, có vị là Bồ Tát đã chứng Pháp Thân. Lại có người lấy việc duy trì thế đạo làm chủ, có người lấy liễu giải tự tâm làm chủ. Nếu chỉ nhằm liễu giải tự tâm và là bậc Bồ Tát đã chứng Pháp Thân thì giống như

57. Tức là đứng ra làm người thực hiện họa phước ứng với nhân quả chứ không phải trời cố ý giáng họa hay ban phước!

trên đã nói: Coi muôn vật và ta như nhau, sống chết hết như nhau. Nếu là kẻ phàm phu, lại muốn duy trì thế đạo thì suy nghĩ nên giống như Bồ Tát từ bi lớn lao, sâu xa, không gì chẳng dung nạp, nhưng xử sự thì vẫn phải y theo lẽ thường của thế gian, hoặc làm chuyện ngăn cản, chế ngự để nhiếp phục, hoặc dùng nhân từ để cảm hóa. Sự việc chẳng nhất loạt giống nhau, nhưng tâm nhất quyết chẳng được có lòng sân độc, kết thành oán hận! Những điều chỉ dạy trong đoạn văn phía trước chính là để dạy người *“dùng chuyện giả dụ nhằm tiêu diệt tập khí nóng giận”*. Nếu pháp quán này thành thực thì tập khí nóng giận tự diệt. Dầu gặp phải cảnh hại thân thật sự cũng vẫn giữ được tâm lòng thản nhiên, hành đại bố thí. Nhờ vào công đức ấy liền sanh về Tịnh Độ. So với chuyện giết chóc lẫn nhau, bao kiếp dài lâu báo đền thì chẳng phải là cách biệt như trời với đất ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận*)

* Quý vị nói chuyện đời ràng buộc, không cách gì thoát khỏi được thì ngay trong lúc bị ràng buộc ấy, chỉ cần không bị chúng xoay chuyển thì ràng buộc liền thành cõi gỡ, như gương chiếu hình tượng, hình đến chẳng cự tuyệt, hình đi chẳng giữ lại. Nếu không biết

nghĩa này, dầu có trừ sạch mọi chuyện thế tục không còn có chuyện gì phải lo toan, cũng vẫn bị cái tâm vọng tưởng, tán loạn, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột rửa, thoát khỏi.

Người học đạo phải hành xử thuận theo địa vị, tận hết bốn phận của mình. Như thế thì dù suốt ngày việc đời ràng buộc, nhưng suốt ngày vẫn cứ tiêu dao ngoài vật. Câu nói “*nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều nhàn, chẳng ghét lục trần, vẫn đồng Chánh Giác*” chính là nói về điều này vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như*)

* Muốn cho chân tri hiển hiện thì trong lời lẽ hành vi hằng ngày phải thường khởi giác chiếu, chẳng để cho hết thấy tình tướng trái lý tạm chớm trong tâm. Thường khiến cho tâm này rộng sáng thông suốt, như gương đặt trên đài, hễ có cảnh liền hiện bóng, chỉ chiếu cảnh trước gương, chẳng bị cảnh chuyển. Xấu - tốt tự nó, can chi đến ta? Đến chẳng mong ngóng, đi không lưu luyến. Nếu tình tướng trái lý vừa mới chớm nẩy, liền nghiêm ngặt đối trị, trừ khử cho hết sạch. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa đúc bản kèm lưu thông sách Tứ Huấn của ông Viên Liễu Phàm*)

* Một niệm của chúng sanh và một niệm của Phật không hai, do mê chưa ngộ nên toàn bộ trí huệ đức tướng biến thành phiền não nghiệp khổ. Tâm vốn là một, do mê - ngộ sai khác nên khổ - vui khác biệt! Do vậy, biết: Một niệm tâm tánh vốn là biển trí huệ công đức. Do phiền não chướng lấp, không có trí huệ chiếu tỏ thì toàn thể biến thành biển phiền não nghiệp khổ. Nay dùng trí huệ giác chiếu thì biển phiền não nghiệp khổ liền biến thành biển trí huệ công đức. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *“Hết thấy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền”*. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh - 3)

* Bản thể của cái tâm chẳng khác với Phật, cho nên đức Phật dạy con người niệm Phật, dùng lửa trí huệ từ sức thần thông, oai đức của Phật để chung luyện Phật tâm đang bị xen tạp phiền não Hoặc nghiệp của phàm phu, ngõ hầu phiền não Hoặc nghiệp ấy đều bị tiêu diệt, rơi rớt tứ tán, chỉ còn giữ lại cái tâm thanh tịnh thuần chân thì mới có thể bảo: *“Tâm tức Phật, Phật tức tâm”*. Chưa đạt đến địa vị ấy dẫu có nói *“Tự tâm làm Phật, tâm Phật này độ tự tâm, ta chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật”* thì chẳng qua là dạy

về thể tánh của cái tâm mà thôi! Nếu luận về Tướng (sự tướng) và Dụng (lực dụng) thì đều hoàn toàn chẳng phải! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Châu Trần Huệ Tịnh*)

* Niệm Phật cũng là pháp dưỡng khí điều thần, mà cũng là pháp tham cứu bản lai diện mục! Vì sao nói thế? Cái tâm của chúng ta thường luôn rối loạn, nếu chí thành niệm Phật thì sẽ thấy hết thấy tạt niệm vọng tưởng dần dần tiêu diệt. Hễ vọng tưởng tiêu diệt thì tâm quy về một mối, quy về một mối thì thần khí tự nhiên sung mãn, thông suốt.

Ông không biết niệm Phật là dứt vọng. Cứ thử niệm đi! Sẽ nhận thấy đủ mọi vọng niệm trong tâm đều hiện. Nếu niệm lâu ngày, sẽ tự chẳng còn những vọng niệm ấy. Thoạt đầu cảm thấy có vọng niệm, đấy là do niệm Phật nên mới hiển lộ được những vọng niệm trong tâm, nếu không niệm thì chẳng thấy rõ tâm có vọng niệm. **Ví như** trong nhà thanh tịnh không bụi, nhưng một tia nắng lọt qua khe cửa sổ sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi! Do ánh nắng thấy rõ bụi trong nhà, vọng trong tâm cũng do niệm Phật mà hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm thanh tịnh.

Không Tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Châu Công, niệm niệm chẳng quên, nên thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công

trong mộng! Đây là do thường luôn nghĩ nhớ, có khác gì niệm Phật! Do tâm miệng của chúng sanh bị phiền não, Hoặc nghiệp nhiễm ô, nên Phật dạy hãy dùng tâm miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu “*Nam Mô A Di Đà Phật*”. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cử*)

* Lý thế gian lẫn xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ “tâm tánh”. Sự thế gian và xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ “nhân quả”. Lý tâm tánh nhỏ nhiệm, dầu là thánh nhân vẫn có điều không biết; sự nhân quả rành rành, dù ngu phu cũng có thể hiểu đại khái. Thánh nhân muốn cho thiên hạ vĩnh viễn thái bình, nhân dân thường yên vui, bèn đặc biệt soạn ra sách Đại Học để dạy pháp ấy. Vừa mở đầu sách, liền nói: “*Đại Học chi đạo, tại minh Minh Đức*” (Đạo Đại Học nhằm làm sáng tỏ Đức Sáng). Minh Đức chính là điều ai nấy đều sẵn có, nhưng do thiếu công phu khắc chế ý niệm, tự phản tỉnh, suy xét, nên Minh Đức bị tư dục huyễn vọng che lấp chẳng thể hiển hiện để thụ dụng được! Cách để làm sáng tỏ Minh Đức là “khắc chế ý niệm”. Thứ tự của công phu khắc chế ý niệm là “tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri, cách vật”.

“Vật” là gì? Chính là tư dục huyễn vọng được sanh bởi cảnh, chẳng hợp thiên lý, chẳng thuận nhân tình, chứ không phải là vật ở bên ngoài! Do những tư dục này kết chặt trong tâm, nên tất cả tri kiến đều xuôi theo tư dục, trở thành lệch lạc, tà vạy. Như kẻ tham danh tham lợi chỉ biết có lợi, chẳng biết đến hại, kiệt lực lo toan, rất có thể đến nỗi thân bại danh liệt! Kẻ yêu vợ thương con chỉ biết đến những điều tốt của vợ con, chẳng biết đến những thói xấu của họ, nuôi thành mầm họa, sẽ có thể đến nỗi bị tan nhà nát cửa. Đấy đều là do tư dục Tham và Ái sai khiến. Nếu trừ khử hết sạch những thứ tư dục chẳng hợp tình hợp lý ấy thì vợ con đúng hay sai sẽ tự biết, đối với đường lối để đạt được danh lợi sẽ chẳng cần phải đút lót hay mong cầu sai trái nữa!

Trước hết, phải hiểu chữ Vật này là tư dục huyễn vọng chẳng hợp tình hợp lý thì trừ khử nó sẽ là chuyện dễ dàng! Nếu không, suốt đời dốc sức cũng chẳng làm gì được nó! Dầu đọc trọn hết sách vở thế gian cũng chỉ trở thành một loài dây leo sống bám vào cội cây lớn, trở thành một gã theo sóng đuổi sóng! Cái họa của món vật tư dục lớn lắm thay! Nếu biết “vật” ấy là oán gia sanh tử của chúng ta, quyết chẳng để cho nó được tạm tồn tại trong tâm ta, thì chánh tri vốn sẵn có trong cái tâm này sẽ tự hiển hiện. Chánh tri đã hiển hiện thì “thành ý, chánh tâm, tu thân” sẽ được hướng dẫn xuôi

dòng với khí thể như chẻ tre, chẳng mong cầu mà tự nhiên được như thế.

Con người ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, vì hết thảy mọi người ai nấy đều sẵn có Minh Đức, hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu - Thuấn, chẳng thể làm Phật đều do bị tư dục bít chặt, chẳng mạnh mẽ đổ công sức khắc chế ý niệm đến nỗi bị tư dục xoay chuyển, luân hồi trong sáu nẻo từ kiếp này sang kiếp khác, trọn chẳng có lúc thoát ra, chẳng đáng buồn sao? Những kẻ chuyên dạy “cách vật trí tri” mà chẳng dùng nhân quả để phụ giúp cho sự hướng dẫn, chắc sẽ khó thể phát khởi đại tâm mạnh mẽ, dốc chí tu trì được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Văn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Góc Lấn Ngọn*)

* Ông 21 tuổi, biết làm văn làm thơ, chính là đời trước có thiện căn, nhưng hãy nên khiêm tốn nấu mình, đừng cậy thông minh khinh người! Học vấn càng rộng rãi, càng cảm thấy không đủ thì sự thành tựu sau này sẽ khó thể suy lường được!... (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Du Hữu Duy*)

* Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), Quang đến Nam Kinh, ông Ngụy Mai Tôn (làm quan Hàn Lâm, lúc ấy đã 60 tuổi) nói với Quang: “Đối với Phật pháp, tôi cũng tin tưởng, cũng chịu niệm Phật, sách Văn Sao của Sư tôi cũng đã đọc rồi, nhưng ăn chay chưa được!” **Quang nói: “Người phú quý khó quên tập khí, ông muốn ăn chay xin hãy đọc kỹ bài Sớ Quyên Mộ Lập Ao Phóng Sanh tại Nam Tâm, hãy đọc nhiều lượt sẽ tự có thể không ăn thịt”.** (Bởi phần đầu bài văn ấy giảng “tâm chúng sanh và tâm Phật không hai, tiếp đó, dạy chúng sanh trải bao kiếp lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyền thuộc, sanh ra nhau, giết lẫn nhau. Tiếp đến, dẫn kinh Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già để làm chứng. Đọc bài văn ấy xong chẳng những không ăn, mà còn chẳng dám ăn! Xin xem phần Pháp Ngữ trong pháp hội Tức Tai) Nói lời ấy vào ngày 12 tháng 8, đến tháng 10 là ngày sinh nhật 60 tuổi của ông ta, sợ thương tổn tình cảm người khác, ông qua Kim Sơn dự sinh nhật, về nhà liền ăn chay trường. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trác Nhân*)

* Đối với cơm áo và những vật cần thiết cho cái thân, người đời đều biết để dành sẵn để khỏi phải lúng túng khi xảy ra chuyện; nhưng đối với chuyện liên quan đến thân tâm, tánh mạng, chẳng những không biết sắp đặt

sẵn, lại còn coi những kẻ chuẩn bị sẵn là si dại, tự mình mặc tình làm càn những chuyện dâm, giết, cho là mình có phước, có trí! Chẳng biết những kẻ: mù, điếc, câm ngọng, tàn phế, không nơi nương tựa trong thế gian và trâu, ngựa, lợn, dê, hoặc phục dịch con người, hoặc đem thân trám đầy bụng miệng con người đều là hạng người tự cho là mình có phước có trí đã gặt lấy quả báo “tốt đẹp, chân thật” do thứ phước trí ấy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Dương Tông Thận*)

*** Người học đạo phải lấy đôi trí tập khí làm bước thứ nhất trong công phu tu hành. Nếu có thể trừ khử được một phần tập khí thì công phu mới thật sự đạt được một phần. Nếu không, chỉ có nhân, không có quả, khó được tương ứng với Phật! Ông đã biết chính mình tánh tình hung bạo, hãy nên luôn luôn nghĩ “ta chuyện gì cũng chẳng bằng người khác”; dấu cho người ta phụ bạc ân đức của chính mình, vẫn thường nghĩ mình đã phụ bạc ân đức của người khác! Cảm thấy đối với hết thảy mọi người, ta đều đáng hổ thẹn, thiếu sót khôn cùng, thì tánh khí hung bạo sẽ không còn do đâu phát sanh được nữa! Phàm tánh khí hung bạo đều là do ngạo mạn mà dấy lên. Đã biết chính mình chỗ nào cũng có lỗi, tự nhiên tánh khí sẽ hòa hoãn, tâm bình lặng, chẳng tự ngã mạn, cao ngạo, lấn hiếp người**

khác! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy*)

* Nghĩa lý trọng yếu trong Phật pháp chính là “tâm không chấp trước”. Nếu đã sẵn mang lòng chấp chết cứng cầu được đủ mọi cảnh giới lợi ích là đã ươm sẵn cái họa bị ma dựa. Nếu trong tâm rỗng rang, trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào khác thì được, may ra sẽ chứng đắc vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời pháp sư Minh Đạo*)

* Tự Tri Lục chính là lời lẽ ma mị đáng ghét bậc nhất, dẫn dắt người khác lọt vào cảnh ma. Cư sĩ La Tế Đồng ở Thượng Hải có được cuốn sách ấy liền cho in thạch bản một ngàn cuốn để biếu tặng người khác. Cư sĩ Đinh Quế Tiều muốn lưu truyền rộng rãi bèn bảo Tế Đồng gửi cho Quang một gói; còn Quế Tiều tự viết thư cho Quang, cậy Quang viết lời tựa để mong được lưu truyền rộng rãi.

Quang đọc xong, khôn ngăn kinh dị, bèn để nguyên gói sách gửi trả lại cho Quế Tiều, cực lực thuật rõ những cái họa của cuốn sách ấy. Bởi lẽ, sách ấy sẽ lôi kéo những kẻ sơ tâm chẳng dụng công nơi nhất tâm chí thành nghĩ nhớ, mà chỉ thường muốn thấy cảnh giới tốt đẹp. Nếu họ vừa thấy cuốn sách này, do cái tâm cuồng vọng, gấp rút, thiết tha, thường khởi ý niệm như thế

ấy, ắt sẽ đến nỗi dẫn khởi oán gia trong đời trước biến hiện những cảnh kẻ ấy hâm mộ và khi vừa được thấy cảnh ấy, họ liền sanh lòng hoan hỷ lớn lao, oán gia liền dựa vào thân. Kẻ ấy liền mất trí điên cuồng, Phật cũng chẳng thể làm sao cứu giúp người ấy được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên - 2*)

* **Chuyện sắc dục** là bệnh chung của người cả cõi đời, chứ không riêng gì hạng trung hạ căn bị sắc mê hoặc. Dù là người thượng căn, nếu chẳng luôn canh cánh giữ gìn, luôn nghĩ kinh sợ thì cũng khó khỏi bị mê hoặc. Thử xem từ xưa đến nay bao nhiêu hào kiệt lỗi lạc, kham làm thánh làm hiền, chỉ vì chẳng phá được cửa ải này, đâm ra trở thành kẻ hạ ngu bất tiêu, lại còn bị vĩnh viễn đọa trong ác đạo, chẳng biết là bao nhiêu!

Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nếu chúng sanh thuộc sáu đường trong các thế giới tâm chẳng dâm sẽ chẳng bị sống - chết tiếp nối. Ông tu tam-muội vốn để thoát trần lao, dâm tâm không trừ, chẳng thể xuất trần được!*” Người học đạo, vốn để thoát lìa sanh tử, nếu chẳng đau đầu dứt trừ bệnh này, sẽ khó thể thoát lìa sanh tử.

Ngay như pháp môn Niệm Phật tuy có thể đời nghiệp vãng sanh, nhưng nếu tập khí dâm cố kết sẽ bị cách ngăn cùng Phật, khó thể cảm ứng đạo giao! Muốn tuyệt cái họa này, không gì bằng trông thấy hết thấy nữ nhân

đều khởi: thân tướng, oán tướng, bất tịnh tướng:

1) Thân tướng là thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn hơn coi như chị, thấy người trẻ hơn coi như em gái, thấy trẻ nhỏ coi như con. Dục tâm dẫu lừng lẫy, trọn chẳng dám khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Xem hết thấy nữ nhân đều là mẹ, chị, em, con của mình thì lý bèn chế ngự dục, dục không do đâu phát được!

2) Oán tướng là phạm thấy gái đẹp bèn khởi tâm ái; do tâm ái đó bèn đọa ác đạo, chịu khổ bao kiếp chẳng thể thoát lìa. Như thế thì những gì gọi là mỹ lệ, kiều mị, so ra còn độc hại hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, bò cạp độc, phê sương, trầm độc⁵⁸ gấp trăm ngàn lần. Với những oan gia cực đại ấy nếu vẫn cứ quyến luyến mơ tưởng, há chẳng phải là kẻ mê gấp bội ư?

3) Bất tịnh tướng là vẻ đẹp lộng lẫy rung động lòng người chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu bóc lớp da ấy đi thì chẳng dám nhìn: xương, thịt, máu mủ, phân, tiểu, lông, tóc, đằm đìa, rờn rờn, trọn không có vật gì đáng cho người khác yêu mến được! Nhưng do lớp da mỏng bao bọc, nên làm sanh ái luyến; bình đẹp đựng phân, người ta chẳng muốn nâng niu. Nay lớp da mỏng của mỹ nhân chẳng khác cái bình đẹp đẽ, những thứ

58. Phê sương (砒霜, đúng ra phải đọc là tỳ sương) là chất độc, tức chất arsenic, còn gọi là Thạch Tín hoặc Nhân Ngôn. Trầm độc là chất độc của con chim Trầm (鳩, còn đọc là Trám), một loài chim rất độc theo truyền thuyết, tương truyền một cái lông của nó rút xuống sẽ làm chết sạch cả hồ cá.

được bọc trong đó còn gôm ghiếc hơn phân nữa! Há nên yêu mền lớp da bên ngoài, quên đi những thứ bản thủ chứa bên trong da, lan man khởi vọng tưởng ư?

Nếu chẳng khăng khăng kiên sợ, đau đáu trừ khử tập khí ấy, sẽ chỉ thấy tư chất mỹ lệ khiến cho mũi tên yêu thương lọt thấu xương chẳng thể nhỏ được. Thường luôn như thế, lại muốn chết đi chẳng vào bụng người nữ sẽ chẳng thể được! Vào trong bụng người nữ còn tạm được, chứ vào trong bụng súc sanh cái biết làm sao đây? Thử suy nghĩ đến điều này, tâm thần kinh hãi!

Nhưng muốn thấy cảnh mà chẳng khởi nhiễm tâm thì phải trong lúc chưa thấy cảnh, thường khởi ba thứ tưởng này; khi thấy cảnh sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không, dẫu không thấy cảnh, ý vẫn vẫn vương, rốt cục vẫn bị tập khí dâm dục ràng buộc. Vì thế, phải nỗ lực gột trừ các tập khí ác nghiệp thì mới có phần được tự do. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Dũng Giang*)

*** Tôi thường nói trong 10 phần nhân dân của thế gian thì những kẻ chết trực tiếp vì sắc dục chừng 4 phần, kẻ gián tiếp bị chết cũng phải là 4 phần, tức là do sắc dục gây hao tổn, chịu những cảm xúc khác mà chết. Những kẻ bị chết ấy không ai chẳng đồ thừa cho số mạng, nào biết vì tham sắc mà chết, đều**

chẳng phải do số mạng. Nếu là chết vì số mạng thì phải là người giữ lòng thanh tịnh, trinh lương, không tham dục sự; những kẻ tham sắc kia tự tàn hại đời mình, há có thể nói là vì mạng ư? Còn những người do mạng mà sống, mạng hết bèn chết thì chẳng qua chỉ được một hai phần mà thôi!

Do vậy biết quá nửa thiên hạ đều là kẻ chết oan uổng, mỗi họa này khốc liệt có một không hai trong cõi đời, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư? Cũng có cách chẳng phí một đồng, chẳng tốn chút sức mà trở thành bậc đức hạnh cao tốt, hưởng yên vui cực lớn, để lại phước âm vô cùng cho con cháu, khiến đời sau được quyền thuộc trinh lương, có phải chỉ là kiêng dè dâm đó ư?

Trước kia tôi đã trình bày đại lược về sự lợi - hại trong dâm tình chánh đáng giữa vợ chồng nay không bàn đến nữa. Còn chuyện tà dâm vô liêm, vô sỉ, cực ấu, cực ác, chính là dùng thân con người làm chuyện thú vật. Do vậy, gái đẹp đến tầng tị, nữ nhân yêu mị đến quỵến rũ, quân tử xem như mỗi họa ương không gì lớn bằng nên bèn cự tuyệt, ắt được phước diệu⁵⁹ chiếu soi, hoàng thiên che chở; tiểu nhân xem điều đó như hạnh phúc không gì lớn lao bằng bèn nhận lãnh, ắt đến nỗi

59. Diệu (曜) và tinh (星) đều có nghĩa là những ngôi sao, phước diệu là ngôi sao tốt lành, tai tinh là ngôi sao rủi ro. Phước diệu và tai tinh có nghĩa là vận tốt và vận rủi.

tai tinh giáng xuống, quý thần tru lục. Quân tử do họa được phước, tiểu nhân do họa càng thêm họa. Vì thế nói: “*Họa phước vô môn, do con người tự chuốc lấy*”.

Nếu đối với cái ả nữ sắc người đời chẳng thể thấy thấu triệt sẽ khiến cho đức hạnh cao tốt, an lạc cực lớn, phước âm vô cùng để lại cho con cháu, quyền thuộc trình lương trong đời sau bị khoảnh khắc khoái lạc đoạt hết! Buồn thay! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa phổ khuyến thọ trì lưu thông sách Dục Hải Hồi Cuồng*)

* Kẻ thông minh dễ phạm nhất chỉ có sắc dục. Hãy nên thường giữ tâm kiên sợ, đừng để nảy sanh chút tà vọng nào. Nếu như ngẫu nhiên khởi lên ý niệm ấy, liền tưởng: Mỗi một cử động của chúng ta, thiên địa, quý thần, chư Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng biết hết, thấy hết! Trước mặt người khác còn chẳng dám làm điều quấy, huống gì là đối trước chỗ Phật, trời nghiêm túc cẩn mật, lại dám ôm giữ ý niệm tà vạy tệ hại và làm chuyện tà vạy tệ hại ư?

Mạnh Tử nói: “*Sự thực vi đại? Sự thân vi đại. Thủ thực vi đại? Thủ thân vi đại*” (Thờ ai là chuyện lớn? Thờ cha mẹ là chuyện lớn. Giữ gì là chuyện lớn? Giữ cái thân là chuyện lớn).

Nếu không giữ được cái thân, dù có phụng dưỡng cha mẹ cũng chỉ là hình thức bề ngoài mà thôi, chứ thật ra là coi rẻ di thể nhận từ cha mẹ, đấy chính là bất

hiếu lớn lắm! Do vậy, Tăng Tử lúc sắp mất, mới nói: “*Phóng tâm vô lự*” (Tâm thanh thoi không lo lắng).

Kinh Thi chép: “*Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phù*” (Dè dặt, đề phòng, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện thời, mai sau, ta biết tránh khỏi). Chưa đến lúc ấy vẫn phải giữ lòng dè dặt, Tăng Tử còn như vậy, huống gì là lũ phàm tục, tầm thường chúng ta ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thu Dung*)

*** Hễ mỗi khi những ý niệm phần nộ, dâm dục, háo thắng, bộp chộp v.v... ngẫu nhiên chớm sanh, bèn lập tức nghĩ rằng: “Ta là người niệm Phật, há nên dấy lên những tâm niệm này?”** Niệm vừa dấy lên bèn dứt, lâu ngày, hết thấy những ý niệm hao tổn tinh thần, mệt nhọc thân xác đều không cách chi dấy lên được! Suốt ngày dùng công đức chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật để gia trì thân tâm, dám bảo đảm chẳng cần đến mười ngày sẽ liền thấy hiệu quả lớn lao. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hồ Tác Sơ*)

* Nghiệp chướng nặng nề, tham sân lừng lẫy, sức yếu, tâm khiếp nhược, chỉ nên nhất tâm niệm Phật, lâu ngày các chứng bệnh đều sẽ tự khỏi. Phẩm Phổ Môn

nói: “*Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được lìa khỏi*”. Niệm Phật cũng thế, nhưng phải tận tâm kiệt lực, không còn ngờ vực thì cầu gì chẳng được. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Trị tập khí trong tâm thì chỉ có siêng năng, chỉ có thiết tha, nhưng vẫn chưa đạt, chưa thấy được tập khí tiêu trừ là vì có gì? Ấy là tâm sanh tử chưa thiết tha, chỉ đem pháp siêu phàm nhập thánh, tiêu trừ Hoặc nghiệp, thành tựu tịnh niệm này bàn suông nơi cửa miệng nên chẳng đạt hiệu quả thật sự. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Niệm Phật chẳng thể thuần nhất thì phải chế tâm, chẳng để nó chạy theo bên ngoài. Lâu ngày sẽ tự được thuần nhất. Nói “*thành phiến*” (tâm biến thành một phiến, một khối) nghĩa là thuần nhất, không tạp vậy. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Niệm Phật cũng là cách để dưỡng khí, điều thân, mà cũng là pháp để tham cứu bôn lai diện mục. Vì sao nói thế? Tâm chúng ta thường luôn rối loạn, nếu chí thành niệm Phật thì sẽ thấy hết thấy tạp niệm, vọng tưởng dần dần bị tiêu diệt nên tâm quy nhất. Quy nhất

thì tự nhiên thần khí sung mãn, thông suốt.

Ông chẳng biết niệm Phật diệt được vọng ư? Hãy thử niệm, sẽ thấy các thứ vọng niệm trong tâm đều hiện. Nếu niệm lâu ngày sẽ tự thấy không có các thứ vọng niệm đó nữa. Lúc đầu biết có vọng niệm là nhờ niệm Phật mới thấy được các vọng niệm trong tâm mình. Chẳng niệm Phật sẽ chẳng thấy.

Ví như trong nhà, sạch sẽ không bụi, một ánh nắng lọt qua khe cửa sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi. Bụi trong nhà do ánh mặt trời hiện rõ, vọng niệm trong tâm do niệm Phật hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm sẽ thanh tịnh. Không Tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Châu Công, niệm niệm chẳng quên, nên thấy Nghiêu trong canh, thấy Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Đây là do luôn luôn nghĩ nhớ.

Niệm Phật có khác chi? Do vì Hoặc nghiệp, tâm và miệng của chúng sanh biến thành nhiễm ô, nên Phật dạy dùng tâm và miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu A Di Đà Phật, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm.

Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện.
(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

*** Nếu như vọng niệm đầy dẫy, qua lại loang loáng, quần quanh nơi ý, đó là do chưa thật sự đề khởi chánh niệm. Nếu chánh niệm chân thật, thiết tha thì sẽ khăng khăng chuyên chú vào một cảnh chánh niệm.** Như thường nói: *“Chế ngự, thuần phục đúng pháp thì giặc cướp cũng như con đò. Chế ngự, thuần phục thất cách thì kẻ tay chân cũng thành oan gia”*.

Còn thuộc địa vị phạm phu, ai là không phiền não? Phải luôn luôn đề phòng sẵn thì tự nhiên khi gặp cảnh, đưng duyên, chẳng đến nổi phiền não bạo phát. Ví dù phiền não có phát, vẫn có thể nhanh chóng đề khởi giác chiếu khiến phiền não tiêu diệt. Những cảnh làm phiền não khởi nào phải chỉ có một, chỉ nêu những cảnh dễ khởi phiền não nhất thì chẳng ngoài tài, sắc và những chuyện ngang trái mà thôi.

Nếu biết tiền tài vô nghĩa, hại hơn rắn độc thì thấy tiền tài sẽ chẳng khởi phiền não, chỉ phương tiện cùng người sử dụng tiền tài, chứ rốt ráo luôn quay về tiền trình giải thoát của chính mình, sẽ không có phiền não “hoạn nạn cùng quần, cấp bách cầu cứu, tham tiếc tiền tài chẳng bỏ được”!

Về sắc thì đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, tâm luôn nghĩ như chị, như em. Dù gặp gái ăn sương, vẫn nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát, sẽ không có phiền não “thấy sắc động lòng”. Vợ chồng kính trọng nhau như khách, coi thê thiếp như ân

nhân giúp mình nói dối tổ tông, chẳng dám xem nhẹ họ như vật để hành lạc thỏa dục thì sẽ không có phiền não “đắm dục diệt thân, vợ chẳng thể sanh nở, con chẳng thành người”.

Giáo huấn con cái từ nhỏ sẽ không có phiền não “con cái ngỗ nghịch với cha mẹ, bại hoại môn phong”. Ngay cả khi gặp cảnh trái ngang, phải sanh lòng thương xót, thương kẻ đó vô tri, chẳng nên so đo. Lại nghĩ do mình đời trước từng nào hại kẻ đó; do vậy phải đền nợ cũ, sanh lòng hoan hỷ, sẽ không có phiền não “trả thù kẻ trái nghịch”.

Những điều vừa nói trên chỉ dành cho người sơ cơ. Còn nếu là bậc đại sĩ tu lâu do đã thấu rõ Ngã Không nên vô tận phiền não đều hóa thành đại quang minh tạng, giống như đao đã mài bén, vàng đã luyện thuần. Sen nhờ bùn vun bón mới được thanh tịnh, tươi sạch. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Cái học của người quân tử là vì mình, niệm niệm nhắc nhở mình tự tỉnh. Giác và mộng hệt như nhau, chỉ có công phu đến nơi mới hiểu được. Chỉ là hễ giác liền tu trì ngay, lâu ngày, ngay trong mộng cũng chẳng làm gì làm lỡ! *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Người học đạo nặng đạo niệm một phần, sẽ nhẹ phàm tình một phần, đó là lẽ tất nhiên! Người chưa

đoạn Hoặc phải thường nỗ lực. Nếu một phen phóng túng, bệnh cũ nhất định sẽ tái phát. Người đã đoạn sạch Kiến Tư Hoặc mới nên tùy ý hành động, chẳng cần phải kiềm chế, gìn giữ! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Tâm tham - sân - si ai nấy đều có. Nếu biết đó là bệnh, thế lực của chúng sẽ khó lòng lấy được. Ví như giặc vào nhà người, nếu chủ nhân nhà ấy tưởng là người trong nhà thì đồ trân báu của cả nhà sẽ bị nó lén trộm mất sạch. Nếu biết nó là giặc, sẽ chẳng cho nó ở lại nhà mình dù chỉ một khắc, ắt phải đuổi nó đi thật xa khuất mắt, mới hòng tài bảo chẳng bị mất, chủ nhân yên vui.

Cổ đức bảo: “*Bất phạ niệm khởi, đản phạ giác tri*” (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ e biết chậm). Tham - sân - si vừa khởi lập tức biết ngay, nó sẽ lập tức tiêu diệt. Nếu coi tham - sân - si là ông chủ chánh trong nhà mình sẽ giống như nhận giặc làm con, của báu trong nhà ắt phải tiêu tán hết! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Bị cảnh chuyển là sức “tháo tri” còn nông cạn. Vui - giận dấy động bên trong hiện thành vẻ tốt - xấu ngoài mặt. “Tháo tri” có nghĩa là hàm dưỡng. Nếu coi trọng chánh niệm thì mọi thứ khác đều xem nhẹ. Vì

thể, người thật sự tu hành phải mài luyện trong trần lao, khiến cho phiền não, tập khí dần dần bị tiêu diệt thì mới là công phu thực sự. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Hãy đề chuyện đối trị tập khí, phiền não trong tự tâm lại đó khoan bàn tới. Chỉ hành trì ngoài mặt, công phu bên trong trống rỗng; trái lại còn sanh ngã mạn, coi công - lợi là đức thì càng bị tổn hại nhiều! Ví như ăn cơm phải có rau dưa phụ trợ, lại cũng như thân thể phải dùng áo mao để trang hoàng. Nơi con đường đạo tu hành dài lâu để liễu sanh tử, sao lại muốn thâm nhập một môn, phê sạch các môn khác? Phê sạch các môn khác, chỉ lo đả thất thì còn được. Còn trong lúc thường nhật, nếu chẳng phải là bậc Bồ Tát tái lai, chắc chắn chưa có một ai lại không trở thành hạng biếng nhác, ngạo mạn. Bởi lẽ tâm phàm phu thường hay sanh chán.

Trời sanh ra vật, ắt phải mưa nắng điều hòa, nóng lạnh đắp đổi mới có thể khiến cho mọi vật sanh thành, tạo hóa. Giả sử mưa hoài, nắng mãi, luôn lạnh, luôn nóng thì dưới khắp gầm trời sẽ trọn chẳng có một vật gì! Huống hồ bọn ta tâm như khí vượn, chẳng dùng các biện pháp đối trị, lại muốn nó an trụ một nơi, chẳng vọng rong ruổi thì thật là khó lắm, khó lắm! Ai nấy nên tự gắng sức, chớ nên thiên chấp một pháp, cũng đừng lan man không đầu mỗi gì hết! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Khi làm việc chưa thể niệm tại đâu, tâm tại đó là do chưa đạt đến cảnh giới Nhất Tâm Bất Loạn, tâm vô nhị dụng, nên khó tránh khỏi gián đoạn. Chỉ cần luôn giữ được tâm giác chiếu thì cũng chẳng ngại gì. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Bàn đến những ai bị việc đời trói buộc, không cách nào thoát được; nếu trong lúc bị buộc ràng mà có thể chẳng bị chúng xoay chuyển sẽ thoát ngay được những buộc ràng ấy. Như gương chiếu vật, vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng giữ lại. Nếu chẳng hiểu nghĩa này, dù có bỏ sạch việc đời không còn một việc gì thì tâm vẫn cứ tán vọng, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột sạch.

Người học đạo phải làm đúng với bốn phận của mình, tận hết bốn phận. Như vậy, dù suốt ngày việc đời bận bịu, vẫn suốt ngày tiêu dao ngoại vật. Câu nói “*nhất tâm vô trụ, vạn cảnh câu khai, lục trần bát ó, hoàn đồng Chánh Giác*” (nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều khai, chẳng ghét sáu trần, đều coi chúng là Chánh Giác) là nói về điều này vậy. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Muốn cho Chân Trí hiển hiện thì hãy nên thường khởi giác chiếu đối với mọi ngôn từ, cử chỉ hằng ngày, chẳng để hết thảy những tình cảm, ý tưởng trái lẽ tạm thời nảy mầm trong tâm. Thường giữ cho tâm này hư

minh đồng triệt (trống không, sáng suốt, thấu suốt) như gương đặt trên đài, gặp cảnh nào hiện bóng cảnh ấy, chỉ chiếu cảnh trước mắt, chẳng bị chuyển theo cảnh, tốt xấu kệ nó, can chi đến mình? Đến chẳng mong chờ, đi chẳng lưu luyến.

Những tình huống trái lẽ nếu vừa mới manh động liền phải nghiêm khắc đối trị, trừ khử cho sạch. Như cùng quân giặc đối địch, chẳng những không cho nó xâm phạm lãnh thổ của mình, mà còn phải chém tướng, đoạt cờ, diệt sạch dư đảng. Phải nghiêm khắc dùng cách chế ngự quân địch như vậy để tự trị mình, đừng lười nhác, đừng sao nhãng. Khắc kỷ, giữ lễ, chú trọng kính, giữ lòng thành. Những khí giới để tự đối trị mình thì nên dùng bốn điều không của Nhan Tử, ba điều cảnh tỉnh của Mạnh Tử, cách hạn chế lỗi lầm, tự biết mình sai của ông Cừ Bá Ngọc.

Lại phải nên nhiệt thành kinh sợ những tình huống trái lẽ như té xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng. Đối địch cùng chúng thì quân oai vang dậy khiến tặc đảng tâm lòng nguội lạnh, hoảng hốt, sợ vương phải con tàn sát diệt chủng nặng nề, chỉ mong hưởng hồng ân vô về. Từ đây, chúng sẽ khuất phục, đầu hàng, quy thuận sự giáo hóa, đổi sạch tâm trước, chăm tu đức sau. Tướng chẳng ra khỏi cửa, quân chẳng đổ máu. Toàn bộ giặc cướp, oán cừu đều thành con đò, bọn phản loạn cùng hóa thành dân lành. Trên cai trị, dưới tuân phục,

cả nước phẳng lặng, chẳng dấy can qua, ngòi hương thái bình.

Những điều vừa nói trên đây là do cách vật nên trí tri, do trí tri nên tự khắc sẽ làm sáng tỏ đức sang¹⁸. Chân thành và minh đức nhất trí thì phàm sẽ thành thánh. Nếu là kẻ căn khí hèn kém, chưa thể tự thâm liễm mình, hãy nên bắt chước ông Triệu Duyệt Đạo: ngày làm điều gì, đêm đốt hương bạ̉m bạch cùng Thượng Đế. Điều gì mình chẳng dám bạ̉m bạch thì chẳng dám làm.

Ông Viên Liễu Phàm chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, mạng do chính mình lập, phước do chính mình cầu, chứ tạo vật¹⁹ chẳng thể tự tiện chiếm quyền. Ông vâng giữ phép Công Quá Cách: hễ khởi tâm động niệm, nói năng, làm gì dù việc thiện hay ác nhỏ nhất đều ghi lại, ngỏ hầu điều thiện ngày càng, điều ác mỗi ngày mỗi diệt.

Lúc đầu, thiện ác xen tạp, lâu dần chỉ còn thiện không còn ác. Vì thế có thể chuyển vô phước thành hữu phước, chuyển yếu thọ thành trường thọ, chuyển không con cháu thành lắm con cháu. Ngay trong đời này đã dự vào bậc thánh hiền, báo hết sẽ cao đăng cõi Cực Lạc. Việc làm trở thành khuôn mẫu cho đời, lời nói trở thành pháp thức cho đời. Họ là trượng phu, ta cũng như thế, sao lại tự khinh đến nỗi đành chịu thua kém vậy? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Nếu như căn cơ hèn kém, chưa thể chứng nhập, nếu ước trên Sanh Diệt Môn để luận về nguyên do, hậu quả thì là do mê tâm đuổi theo cảnh, hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, khiến toàn thể trí huệ, đức tướng biến thành vọng tưởng, chấp trước. Vì thế, phải nên chú trọng chỗ tinh yếu, chú trọng chuyên nhất, chấp trì thánh hiệu Di Đà, tin thật, nguyện thiết, mong cầu vãng sanh Tây Phương.

Hành trì lâu ngày, tâm và Phật như một, chẳng lìa ý niệm hiện tại, triệt chứng Ngũ Uẩn là Không. Vọng tưởng, chấp trước đã diệt; trí huệ, đức tướng cũng không còn. Do tâm tịnh, cõi nước sẽ tịnh; chẳng lìa ngay nơi này, thâm nhập cõi Tịch Quang. Chỉ có mỗi cách này là cách để chúng ta rốt ráo an thân lập mạng mà thôi!
(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Người sống trong thế gian huyễn trụ mấy mươi năm. Kể từ khi có hiểu biết đến nay, ngày đêm tính toán bộn bề, ngổn ngang, không điều gì chẳng phải là để nuôi thân mình cùng người nhà, giữ thể diện, sao cho con cháu quý hiển mà thôi! Xét cội nguồn căn bệnh ấy, chỉ là do chấp trước có Ngã, chẳng chịu buông xuống. Nỗi lo nghĩ ấy dính chắc, dù Đức Phật có vì mình thuyết pháp cũng chẳng hiểu nổi. Trái lại, còn chẳng thêm bận tâm đến diện mạo vị chủ nhân sẵn có của chính mình, mặc tình lưu chuyển theo nghiệp, trầm luân muôn kiếp,

chẳng đáng buồn ư? (Trích dẫn *Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Nói đến sân tâm là nói đến thói quen từ đời trước. Nay đã biết sân là có hại, vô ích, đối với hết thảy các sự hiện hữu hãy nên dùng lượng biển rộng trời cao để dung nạp. Như vậy thì tập tánh rộng rãi trong đời này sẽ chuyển biến được tập tánh hẹp hòi trong những đời trước. Nếu chẳng gia công đối trị, tập khí sân hận càng tăng, tai hại chẳng nhẹ.

Còn khi niệm Phật thì phải căn cứ trên tinh thần, khí lực của mình để làm chuẩn mà niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, niệm thầm và kim cang niệm (tức là niệm có tiếng se se, người khác chẳng nghe thấy. Những người trì chú gọi cách này là kim cang niệm). Chẳng được quá mãnh liệt đến nổi mắc bệnh. Cái tâm quá mãnh liệt ấy cũng là cái bệnh “dục tốc” (mong cho mau đạt kết quả).

Nếu nay đã chẳng thể niệm ra tiếng, há trong tâm chẳng niệm thầm được hay sao? Sao lại chỉ hạn chế trong mười niệm? Huống hồ lúc bệnh nằm trên giường, há nên để tâm trống rỗng như bị rửa sạch, trọn chẳng niệm gì hoặc niệm chuyện khác? Sao bằng càng niệm nhiều danh hiệu Phật?

Lúc ấy phải nên giao gấp mọi việc cho người nhà làm thay, luôn nghĩ mình sắp chết, tướng sắp đọa địa

ngục, trong tâm không còn dính mắc sự gì. Dùng tâm thanh tịnh ấy nhớ tưởng Phật tượng và thâm niệm Phật danh cũng như tượng Quán Thế Âm Bồ Tát và danh hiệu ngài. Nếu thật sự làm được như thế thì nghiệp chướng quyết định tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, bệnh tật thuyên giảm, thân tâm kang kiện.

Bệnh của các hạ thuộc về túc nghiệp, niệm Phật quá mạnh mẽ tạo duyên cho bệnh phát hiện, chẳng phải hoàn toàn do niệm Phật quá mãnh liệt nên mắc bệnh. Nếu ông chẳng niệm Phật thì cũng do nhân duyên khác mà bị bệnh. Trên đời, kẻ không niệm Phật rất nhiều, há không có một ai cũng mắc phải căn bệnh đó, cứ khoẻ mạnh mãi ư? Hiểu được điều này sẽ chẳng tự làm lẫn mà bảo là niệm Phật đến bệnh, chỉ tổn hại, không ích lợi gì! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

*** Bệnh và ma đều do túc nghiệp mà thành.** Ông chỉ nên chí thành, khẩn thiết niệm Phật thì bệnh tự thuyên giảm, ma tự rời xa. Còn như tâm ông chẳng chí thành, hoặc khởi các ý niệm bất chánh như tà dâm v.v... thì toàn thể cái tâm đọa trong hắc ám, khiến ma quấy nhiễu. Lúc niệm Phật xong, hồi hướng, ông nên hồi hướng cho hết thảy oán gia trong đời quá khứ, khiến họ đều thấm đẫm lợi ích niệm Phật của ông, siêu sanh thiện đạo.

Ngoài ra chẳng quản đến gì hết. Ma có phát ra tiếng

thì cũng chẳng quan tâm đến rồi sợ hãi. Nó im hơi lặng tiếng, cũng chẳng quan tâm đến mà sanh hoan hỷ. Chỉ chí thành, khẩn thiết niệm, tự nhiên nghiệp chướng tiêu, mà phước huệ thấy đều tăng trưởng. Khi xem kinh điển, chẳng được làm như kẻ đời nay đọc sách, trọn chẳng có chút nào cung kính, phải trân trọng dường như Phật, Tổ, thánh hiền giáng lâm mới được lợi ích thật sự. Nếu ông làm được như vậy thì tâm địa chánh đại quang minh, bọn tà quỷ, tà thần kia không còn đất dung thân nữa!

Nếu tâm ông tà trước thì tà chiêu cảm tà, làm sao có thể khiến cho chúng xa lìa, không quấy nhiễu được? Quỷ thần dù có Tha Tâm Thông, nhưng thần thông của chúng nhỏ và gần. Nếu nghiệp tận, tình không sẽ hết như gương báu đặt trên đài, có hình liền hiện bóng. Ông chẳng chí tâm niệm Phật, lại toan nghiên cứu chân tướng này, chẳng biết tâm này liền thành “ma chủng” (dòng giống ma).

Ví như gương báu chẳng có mây may trần cấu sẽ tự chiếu trời soi đất. Cái tâm ông bị trần cấu phủ kín dày chặt, lại muốn được chiếu sáng như vậy, khác nào tấm gương bị bụi phủ dày kín trọn chẳng thể tỏa ánh sáng. Nếu có phát sáng cũng chỉ là ánh sáng yêu quái, chẳng phải ánh sáng của gương! Hãy bỏ việc đó ra ngoài tâm tưởng, hãy nên như lâm nạn lửa, nước, như cứu đầu cháy mà niệm Phật thì không nghiệp hay ma nào chẳng

tiêu cả. (Trích dẫn *Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Người học đạo phạm gặp các thứ chẳng như ý chỉ nên dùng đạo để hiểu. Cảnh nghịch xảy đến bèn vui lòng chịu, dù có gặp phải những sự nguy hiểm gì, lúc ấy cũng chẳng đến nỗi kinh hoàng, thất chí, làm điều thất thố. Chuyện đã qua hãy để cho nó qua như giấc mộng đêm trước, sao còn ủ mãi trong lòng đến nỗi thành bệnh hoảng hốt? Ông đã muốn tu hành, phải biết hết thấy cảnh duyên đều do túc nghiệp cảm vời.

Lại phải nên biết: Chí thành niệm Phật sẽ chuyển được nghiệp. Chúng ta chẳng làm chuyện thương thiên tổn đức thì sợ cái gì chứ? Người niệm Phật thiện thân hộ mạng (bảo vệ, giáng phước), ác quỷ tránh xa, sợ cái gì cơ chứ? Nếu ông cứ sợ mãi sẽ bị vương ma sợ, rồi oán gia trong vô lượng kiếp thừa dịp tâm ông hoảng sợ đến dọa nạt ông, khiến ông mất trí hóa cuồng để báo oán xưa.

Chớ có nói: “Nếu tôi còn niệm Phật, chỉ sợ thành linh sẽ bị như thế”. Chẳng biết rằng toàn thể chánh niệm của ông đã quy vào nỗi sợ, nên khí phần xa cách Phật, tương thông với ma, chẳng phải Phật không thiêng! Do tâm ông đã mất chánh niệm nên đến nỗi niệm Phật chẳng được lợi ích toàn phần vậy!

Chỉ mong ông thấy chữ viết của Quang, bèn quyết liệt gột bỏ tâm trước. Ông chỉ một chồng, một vợ còn lo

nỗi gì? Dầu cho nghiệp chướng hiện tiền, sợ gì chẳng tiêu diệt được nó? Chỉ vì chẳng sợ nên giữ được chánh niệm, thành ra làm việc gì cũng đích đáng, chân thân ổn định nên tà chẳng thể xâm.

Nếu không, do tà chiêu tà, tức oán đồ tới, gặp sự không làm chủ được, hành động hoàn toàn thất thố, chẳng đáng buồn ư? Tôi nay vì ông tính kế: Hãy nên buông bỏ hoài bão, chẳng nên toan tính hết thảy mọi việc, chẳng nên đảm đương, lo lắng mọi việc, chỉ sợ hành vi có tỳ vết, chẳng sợ họa hoạn, quỷ thần. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Khi tập khí hãy còn thì chính mình chẳng biết, chẳng hạn như tập khí của thói quan liêu, chỉ những ai không có thói ấy mới biết! Tự mình có thói tập khí ấy dầu người khác có nói thì chính mình vẫn chẳng nhận biết những điều đã được chỉ ra. Người học đạo cần phải trừ tập khí. Tập khí ngạo mạn quả thật là chướng ngại cho sự nhập đạo. Các hạ hãy xét kỹ, quan sát lời nói, hành vi chắc sẽ biết được! Hễ biết thì còn đạt được lợi ích thù thắng. Lời lẽ này không ai chịu nói, Quang một mực lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, chẳng nề hà kiêng kỵ, muốn cho các hạ thật sự được lợi ích chân thật cho nên tôi lược thuật nguyên do. (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ bảy - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Dương Điện Thân*).

* Căn bệnh chung của cả cõi đời hiện thời là nhờ công đê lợi tư, khiến cho dân cùng khốn, nước nguy ngập, chiến tranh liên miên. Chúng ta xuất gia làm đệ tử Phật, cố nhiên phải lấy lòng bình đẳng đại từ, đại bi của đức Phật làm chí hướng, chẳng nên giữ mãi thói kiêu mạn tự đại của người tại gia, coi thường hết thầy, mặc tình xử sự, chẳng tuân theo lẽ lối cũ. Phải nghĩ chúng ta được trời che đất chở, được cha mẹ giáo dục, nếu chẳng bắt chước tấm lòng của trời đất, cha mẹ, sẽ thành kẻ nghịch trời trái lý, gây nhục sâu xa cho đáng sanh thành. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi thầy Minh Bốn*)

* Người xưa nói: “*Ninh khả thiên sanh bất ngộ, vật giao nhất thời trước ma*” (Thà cho ngàn đời chẳng ngộ, chẳng đê ma dựa một lúc). Người thông minh tự kiêu, đa phần phạm phải căn bệnh này. Do trước đó tự tâm đã chứa sẵn chí khí phô trương, sai trái, hung hăng này, ma bèn thừa cơ xen vào. Nếu chẳng nông nổi, bộp chộp, tự kiêu, ma sẽ lánh xa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật*)

* Tu hành chẳng si ngốc⁶⁰, quyết khó thể thành tựu! Nhất tâm niệm Phật chính là chánh niệm Chân Như lớn lao. Khi chuyện chẳng ngờ trước xảy đến, dầu là chuyện chẳng thể thoái thác được, hãy nên bình tâm, hòa khí, suy xét cẩn thận, đây chính là “xét lời nói, xem vẻ mặt” hết sức kỹ càng. **Tâm gấp rút chính là chướng ngại lớn cho người tu hành.** Buông được cái tâm này xuống thì đương thể sẽ thanh lương.

Trong lúc cõi đời rối loạn này, tuổi ông đã gần 50 rồi, nếu chẳng chịu chết lòng⁶¹ niệm Phật, do đọc sách có chỗ không biết bèn muốn học Giáo. Suy tính kiểu ấy, nếu đem hỏi vị pháp sư khác, chắc vị ấy sẽ bảo là rất tốt. Nếu đem hỏi Quang, Quang sẽ bảo đây chính là suy tính chẳng tuân giữ bốn phận! Kẻ ngu một chữ không biết kia còn được vãng sanh Tây Phương, nhưng bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo sâu xa vẫn không được hưởng lợi ích ấy! Sao ông lại xem đó là điều tiếc nuối vậy? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật*)

60. Ở đây không có nghĩa là người ngu si, đàn độn mới tu hành được, mà có nghĩa là hành nhân phải hiểu mình là phạm phu độn căn, không tự kiêu, ngạo nghệ, không cậy mình thông minh, mà thật thà, chất phác tu hành, không mong ngóng trở thành bậc thông gia diễn giảng Phật pháp hoạt bát hùng phô tài thể trí biện thông, đến nỗi không có sự tu tập thật hạnh.

61. Chết lòng niệm Phật (từ tâm niệm Phật): Ý nói chỉ còn một bề chuyên niệm Phật, cầu vãng sanh, tin sâu, nguyện chắc, không mong ngóng, tìm kiếm quần quanh, không cầu phước báo nhân thiên, không tham học rộng nghe nhiều để biện luận cho lưu loát, chứ không thực tu.

* Người tu hành tâm chớ nên lệch lạc. Nếu lệch lạc chắc sẽ mắc bệnh. Thân thể yếu đuối thì hãy nên lắng lòng chánh niệm để tâm thần chẳng rong ruổi theo bên ngoài, tâm tự quy nhất thì thân cũng dần dần được yên ổn, khỏe mạnh. Nếu muốn được vãng sanh mà tâm này kết chặt chẳng cởi gỡ được, chắc sẽ dấy lên ma sự. Mặc cho nghiệp đến - đi, chính mình tự trấn định. Nếu muốn được thành tựu ngay, sẽ như dưa chưa chín đã hái trước, há còn dùng được nữa hay chăng?

Ông bạn X... nọ thần kinh suy nhược, một là do tham sắc, hai là do quá mức vọng tưởng muốn làm chuyện sức mình không thể làm được mà ra. Nếu cởi gỡ được hai điều này, bệnh sẽ tự lành. Nếu không, sau này bị mất trí phát cuồng cũng chẳng biết chừng! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật*)

* **Đoạn trừ dâm niệm, sân niệm thật chẳng dễ dàng gì.** Nếu chẳng có sở chứng, quyết chẳng thể rớt ráo thanh tịnh! Như mười hai câu trong sách Cảm Ứng Thiên: “*Kiến nhân chi đắc, như kỷ chi đắc*” (Thấy người khác đạt được điều gì, giống như chính mình đạt được) v.v... nếu có thể đối với mỗi chuyện đều có thể xét soi tự tâm, dầu tâm chưa thể thuần ngay, vẫn có thể thường được như vậy. Nhan Tử (Nhan Uyên) ba tháng chẳng trái nghịch điều nhân, nhưng vẫn hơi bị

gián đoạn, chưa thể hoàn toàn hòa lẫn thành một khối với lòng nhân được. Mong thành thánh thành hiền là do con người tự gắng sức. Nếu phóng túng thì sẽ chẳng thể nào diễn tả được, giống như những kẻ “vì nước vì dân” hiện thời vậy! Chẳng đáng buồn ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật*)

* Trong cõi đời gần đây, bọn thiếu niên do tình dục quá nặng, nên buông lung chơi bời, hoặc mê mệt thể thiếp, hoặc do ý chuyên nghĩ đến điều dâm mà tinh thần ngầm bị tổn thương, hoặc thủ dâm để rò rỉ, phung phí thứ quý báu nhất. Do vậy, thân yếu, tâm hèn, chưa già đã suy; học vấn, sự nghiệp đều chẳng thành tựu. Thậm chí con cái sanh ra đều bầy bót hoặc khó khôn lớn, thành người được! Mà thọ mạng của chính mình cũng khó thể dài lâu như trong số mạng đã định, chẳng đáng buồn ư? (*Hoằng Hóa Nguyệt San kỳ thứ hai - Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Nghiệp*)

* Ở ngân hàng, trong hết thấy mọi lúc, ông phải chú tâm cẩn thận, đừng học thói ăn nói lớn lối, chẳng tích cực dốc lòng vào mọi chuyện nhỏ nhặt. Phải biết thái độ ấy là thái độ của kẻ bại hoại, bởi chưa làm chuyện lớn đã coi thường chuyện nhỏ, tưởng mình tài năng lớn

lao, có gì phải ràng buộc bởi chuyện này? Phải biết đây là mầm mống của phường hạ lưu dối mình, lừa người!

Phàm người làm việc lớn, quyết chẳng chịu khinh thường chuyện nhỏ. Phàm ai khinh thường chuyện nhỏ, chắc chắn chẳng thể đảm nhiệm chuyện lớn. Vì sao biết vậy? Do quân tử hành xử đúng với địa vị. Ông thuộc địa vị làm chuyện nhỏ, nhưng chẳng chịu trọn hết chức trách và bổn phận, cho rằng ta cần gì phải dụng tâm nơi chuyện này thì khi được làm chuyện lớn, kiêu căng, phóng túng, buông lung sẽ dấy lên, ấy là vì cội rễ chưa lập, do đâu mà cành nhánh tươi tốt, tỏa rộng cho được? Ví như một người có chút tài mọn, cũng có đôi chút tu trì, trong tâm bèn cảm thấy ta rất cao minh, tu trì dữ lắm. Do đó, cái tâm ngạo nghễ, ngã mạn sẽ chiêu khởi những oán gia đối đầu từng bị ta hãm hại trong đời trước nhập vào thân tâm hiện thời, đến nỗi tài chẳng thành gì, tu chẳng ra chi! Nếu kẻ ấy khiêm cung, hiếu thuận, do sức tu trì ấy sẽ tiêu diệt được tức nghiệp, tăng trưởng thiện căn, mai sau lâm chung sẽ vãng sanh Tây Phương, được lợi ích thật sự là siêu phàm nhập thánh. So với những kẻ tự làm lạc ngạo nghễ, lợi - hại nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Châu Pháp Lợi - 3*)

4. Luận Về Cách Giữ Gìn Tấm Lòng, Lập Phẩm Vị

* Người niệm Phật phải: **hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng** (tức thầy dạy ta và những vị có đạo đức), **từ tâm không giết** (nên ăn chay trường, hoặc ăn chay kỳ. Nếu chưa dứt được ăn mặn thì đừng đích thân giết), **tu Thập Thiện nghiệp** (tức là thân chẳng làm chuyện sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng chẳng nói dối, thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời ác; tâm chẳng khởi niệm tham dục, nóng giận, ngu si).

Lại còn phải: “**cha nhân từ, con hiếu thuận, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, nghiêm túc tận hết bổn phận của chính mình**”. Chẳng cần biết người khác có trọn hết bổn phận đối với ta hay không, ta phải luôn trọn hết phận ta. Nếu có thể đối với gia đình và xã hội trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận thì gọi là “thiện nhân”.

Người lành niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn khi lâm chung liền được vãng sanh bởi tâm hợp với Phật, nên cảm được Phật từ tiếp dẫn. Nếu tuy thường niệm Phật, nhưng tâm chẳng nương theo đạo, hoặc đối với cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, xóm làng chẳng thể tận hết bổn phận thì tâm đã trái nghịch Phật, khó thể vãng sanh! Do tự tâm phát sanh chướng ngại, Phật cũng không có cách nào rủ lòng từ tiếp dẫn

được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gửi khắp*)

* Người học Phật nên giữ tâm lòng tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành. “Giữ tâm lòng tốt lành” là phạm những ác niệm nghịch trời trái lý, tổn người lợi mình v.v... đều chẳng cho khởi lên. Nếu khởi lên bèn lập tức sanh lòng hổ thẹn, sám hối khiến cho nó tiêu diệt ngay. Phạm những tâm hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, lợi người, lợi vật đều thường gìn giữ, hễ có sức làm được bèn sốt sắng làm. Chẳng thể làm thì tâm cũng thường nghĩ đến điều ấy. “Nói lời tốt lành” là phải nói những lời có ích cho người, hữu ích cho vật; chứ không phải là muốn cho người khác nghe xong vui sướng mà gọi là lời tốt lành! Như giáo huấn con cái và khuyên người làm lành, khuyên người kiêng ác, khuyên người giữ vẹn luân thường, khuyên người tu phước v.v... “Làm việc tốt lành” là tích cực làm những chuyện hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính anh, hòa thuận với họ hàng, sửa đổi phong tục cho tốt đẹp hơn. Phạm tụng kinh, lễ Phật, niệm Phật, bái sám, các Phật sự đều phải thực hiện bằng thân tâm cung kính! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* Nếu do cảnh ngộ không tốt thì hãy lùi một bước, suy nghĩ, thử nghĩ coi trong đời kẻ hơn được mình có nhiều là nhiều, nhưng những người không được như mình cũng chẳng ít! Chỉ cần không đói, không rét, mong chi đại phú, đại quý? Vui theo mạng trời, tùy ngộ nhi an (an vui theo cảnh duyên). Như thế sẽ chuyển được phiền não thành Bồ Đề, há chẳng thể chuyển ưu khổ thành an lạc ư?

Nếu bị tật bệnh dây dưa thì hãy đau đáu nghĩ thân này là gốc khổ, sanh lòng nhàm lìa hết mức, ra sức tu Tịnh nghiệp, thề cầu vãng sanh. Chư Phật lấy khổ làm thầy, nên thành Phật đạo. Chúng ta nên lấy bệnh làm thuốc, mau cầu xuất ly.

Phải biết phạm phu đầy dẫy phiền não, nếu không khổ vì bản cùng, tật bệnh v.v... ai có thể sẽ không suốt ngày rong ruổi trong trường thanh sắc, danh lợi, ai chịu trong lúc đắc ý lừng lẫy, quay đầu nghĩ đến lúc chìm đắm trong tương lai?

Mạnh Tử nói: *“Trời vì muốn giao phó trách nhiệm lớn lao cho người nào thì trước hết phải làm khổ tâm chí, nhọc nhằn gân cốt người ấy, khiến thân người ấy đói khát, thân thể trống thiếu, gây nên những điều trái ngược với những gì người ấy làm. Do vậy, nảy sanh tánh Nhân, tăng thêm khả năng làm được những điều người ấy không thể làm”*. Do vậy, biết rằng: Trời muốn thành tựu người thường hay tạo ra nghịch cảnh, con

người chỉ nên thuận theo mạng trời là được.

Cái gọi là “trách nhiệm lớn” như Mạnh Tử đã nói chính là tước vị thế gian, vậy mà còn phải lo âu, nhọc nhằn như thế mới chẳng phụ lòng trời. Huống chi chúng ta là phàm phu sát đất, muốn trên thì gánh vác gia nghiệp của đấng Pháp Vương, dưới hóa độ pháp giới hữu tình, nếu không bị chút nghèo - bệnh vùi dập thì phàm Hoặc ngày càng lầy lừng, Tịnh nghiệp khó thành, mê muội bản tâm, vĩnh viễn đắm trong ác đạo đến tận đời vị lai, không mong có lúc thoát ra.

Cổ đức từng nói: *“Chẳng trải một phen lạnh buốt xương, há được hoa mai thơm ngát mũi”*, chính là nói về điều này vậy.

Hãy nên “chí tâm niệm Phật” để tiêu nghiệp cũ, trọn chẳng nên khởi lòng bực bội, lo nghĩ, oán trời hận người, cho là nhân quả hư huyền, Phật pháp không linh! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành - 2*)

* Sở dĩ tiểu nhân giả vờ làm thiện mà thật ra làm ác là vì nghĩ rằng người khác không biết mà mình biết, chẳng biết rằng những kẻ không biết chỉ là phàm phu thế gian đó thôi. Nếu là thánh nhân đắc đạo cố nhiên biết rành rẽ; chư thiên, quỷ thần tuy chưa đắc đạo nhưng do quả báo đắc Tha Tâm Thông cũng đều biết rõ ràng. Huống hồ Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật:

Tha Tâm đạo nhân thấy trọn ba đời như nhìn lòng bàn tay ư? Muốn người khác không biết, chỉ có chính mình không làm mà thôi!

Nếu tự mình biết thì thiên địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát v.v... chẳng vị nào không biết, không thấy tất cả. Nếu biết nghĩa này thì dầu ở trong nhà tối phòng kín cũng chẳng dám coi thường, biếng nhác. Dầu nơi người ta không biết cũng chẳng dám manh nha ác niệm (ý niệm vừa mới chớm, còn kín nhiệm mà tội phước đã cách biệt một trời, một vực. Xin đọc lá thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (bức thứ tư) trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên), bởi lẽ, thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát v.v... đều cùng biết. Dầu là kẻ không biết hổ thẹn, hễ biết được nghĩa này, cũng sẽ hổ thẹn vô ngần, huông gì bậc chân tu thực tiễn!

Vì thế, muốn giảm bớt lỗi, trước hết phải khởi đầu từ chỗ sợ chư thánh - phạm đều biết, đều thấy. *“Thấy tiên triết nơi canh, nơi tường, cẩn thận, dè dặt ngay cả với bóng áo”*⁶², vẫn chỉ là lời nói thiên cận ước theo

62. Nguyên văn: *“Kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri khâm ảnh”*. Canh tường (羹 墙) là điển tích nói về vua Ngụ Thuần do hâm mộ đức hạnh của vua Đường Nghiêu nên trong suốt ba năm ăn canh đều thấy bóng vua Nghiêu hiện trong bát canh, ngồi thấy bóng vua Nghiêu hiện trên tường. Đời sau thường dùng chữ “canh tường” để chỉ lòng cung kính, chí thành đến cùng cực. “Thận độc” (慎 獨) là ở một mình, hành vi luôn dè dặt, chẳng cầu thả. “Khâm ảnh” (襟 影) là bóng chiếc áo, lấy từ thành ngữ “khâm ảnh vô quý” (襟 影 無 愧: chẳng thẹn với bóng áo). Như vậy “thận độc khâm ảnh” ngụ ý hành vi luôn cẩn thận, nghiêm cung, không hề phải hổ thẹn với ai, dù ngay cả với bóng của chính mình.

tình kiến thể gian. Thật ra, tâm ta cùng mười phương pháp giới bản thể hợp nhau khít khao. Do ta mê nên cái biết bị hạn cuộc nơi một thân. Mười phương pháp giới thánh nhân triệt chứng Pháp Giới Tạng Tâm sẵn có nơi tự tâm, phàm hết thấy hữu tình trong pháp giới khởi tâm động niệm thì các ngài không gì chẳng tự biết, tự thấy. Vì có sao? Vì cùng bảm thọ Chân Như, ta - người không hai. Nếu biết nghĩa này, ắt sẽ run sợ, kiêng dè, chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, thoát đầu phải ra sức dứt vọng, lâu ngày không vọng nào có thể khởi được! (Ác niệm vốn thuộc vọng tưởng, nếu không giác chiếu sẽ thành ác thật sự. Nếu có thể giác chiếu thì vọng tưởng giảm, chân tâm hiện) (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 2*)

* Người niệm Phật đối với mỗi sự phải giữ lòng “trung hậu, khoan thứ”, tâm luôn đề phòng lỗi hại. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa ắt làm, mới hợp với Phật. Người như thế quyết định vãng sanh. Nếu không như thế sẽ là trái nghịch Phật, quyết khó cảm thông! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Người học Phật trước hết phải biết thực hiện cẩn thận, dè dặt nơi nhân quả. Đã có thể thận trọng, dè dặt,

thì tà niệm tự trong lặng, đâu đến nỗi có những chuyện chẳng đúng pháp! Nếu có, hãy nên dốc sức đoạn diệt thì mới là chân thật tu hành. Nếu không, học một đặng, hành một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ! Đây chính là vết thương thấu xương của những kẻ học Phật tự xưng là thông gia hiện thời! Nếu chẳng vướng vào hai khuyết điểm ấy thì học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt - 2*)

* Các điều ác, những điều thiện đều là từ tâm địa mà luận, chứ không chuyên chỉ về sự thực hành nơi mặt sự tướng mà thôi. Trong tâm địa trọn chẳng khởi ác thì toàn thể là thiện, niệm Phật như thế hơn công đức của người bình thường niệm Phật trăm ngàn vạn ức lần. Muốn được tâm địa “chỉ thiện không ác” thì trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, phải chú trọng lòng kính, giữ lòng thành như đối diện Phật, trời, mới hòng đạt được! Nếu tâm vừa phóng túng thì các ý niệm không đúng pháp sẽ theo nhau khởi lên. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 1*)

* Phàm phu đang mê, tín tâm bất định, nên lúc tin, lúc ngã lòng, lúc tu, lúc tạo nghiệp, cũng do người dạy ban đầu chẳng hiểu đường lối mà ra. Nếu thoát đầu,

khởi đầu từ những chuyện nhân quả thiện cận sẽ chẳng đến nỗi có những chuyện mê hoặc, điên đảo như thế.

Tội dĩ vãng dẫu cực sâu nặng, nhưng nếu chuyên chú chí tâm sám hối, sửa đổi tu tập, dùng chánh tri kiến để tu tập Tịnh nghiệp, lợi mình, lợi người thì tội chường như sương tiêu, bầu trời chân tánh rạng ngời. Vì thế, kinh nói: *“Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: một là không tạo tội, hai là tạo rồi biết sám hối”*.

Một chữ Hối phải từ tâm khởi. Tâm không hối thật sự, nói gì cũng vô ích! (Nếu chẳng sửa lỗi, tu thiện, thì có bảo là sám hối vẫn chỉ là nói suông, chẳng được lợi ích thật sự, xin xem bức thư thứ hai trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Ví như đọc đơn thuốc nhưng không uống thuốc, quyết chẳng mong gì lành bệnh! Nếu có thể theo toa uống thuốc, sẽ được bệnh lành, thân yên. Chỉ sợ lập chí chẳng vững, một ngày nóng, mười ngày lạnh, chỉ uống có hư danh, chẳng ích lợi mảy may gì! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu*)

*** Học thánh, học Phật đều lấy: “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” làm gốc.** Lại còn phải giữ phận khiêm nhường, ẩn giấu tài năng, noi theo cổ nhân, tận tụy dõng theo đường lối

thực tiễn. Làm được như vậy thì học vấn lẫn phẩm hạnh đều vượt trội những kẻ tầm thường. Thông thường những kẻ thông minh đều: kiêu căng, khoe khoang, phô tài, chua ngoa, khắc bạc, tâm hoàn toàn thiếu sự hàm dưỡng. Kẻ ấy nếu không suốt đời trắc trở, ắt sẽ chết yểu lúc trẻ! (Phàm suy nghĩ, xử sự, đều phải sao cho nhân hậu. Nhân hậu thì được phước, bạc bẽo sẽ chẳng được phước gì! Nếu lại khắc bạc, hiểm độc, gian xảo sẽ giống như ngọn núi cao chót vót, mưa cách nào cũng không thấm ướt được, bất cứ cây cỏ nào cũng đều chẳng mọc được. Hãy đọc lá thư trả lời cư sĩ Kim Thiện Sanh trong bộ *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên*) (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung*)

* Tám chữ “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si” chính là quy củ, mực thước để làm người. Nếu ai chẳng tận sức nơi tám chữ ấy chính là đã mất đi tám chữ. Tám chữ đã mất thì là loài cầm thú đội mũ mặc áo!

Người tuổi còn trẻ thì cái khó chế ngự nhất là tình dục. Thế đạo hiện thời chuyên lấy việc hướng dẫn kêu gọi dâm dục làm mục đích. Các con tuy có âm đức của tổ tiên, chẳng đến nỗi sa đà lắm, nhưng cần phải dè dặt tự giữ gìn mới hòng chẳng thẹn với cha ông. Nếu chẳng dốc sức tạo lập phẩm hạnh, bị dâm dục không chế, sau này quyết định chẳng có thành tựu, hoặc đến nỗi đoản

mạng mà chết. Nay ta gởi cho các con hai bộ Lịch Sử Thông Kỷ – đây là những chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng trích từ hai mươi bốn bộ sử ra, hai cuốn Gia Ngôn Lục – đây chính là đạo trọng yếu để học Phật, là quy củ thường hằng để tu thân, hãy nên đọc kỹ!

Câu “nam-mô A Di Đà Phật” như đã nói chính là diệu pháp để tiêu nghiệp chướng, chuyển phàm thành thánh, nếu có thể thường niệm thì tâm địa tự nhiên mở mang, thông suốt, tri kiến tự trở về chánh lý, học hành, làm việc đều có lợi ích lớn. Huống hồ nay đang lúc thế đạo hoạn nạn, niệm Phật sẽ có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn trở thành chuyện may, lợi ích chẳng thể nói trọn hết, các con hãy nên hành theo Gia Ngôn Lục.

Đọc Thọ Khang Bảo Giám, Thanh Niên Bảo Thân v.v... thì chẳng đến nỗi buồn lung theo tình dục hoặc thủ dâm. Thiếu niên hiện thời quá nửa mắc chứng thủ dâm. Đây thật sự là một con dao thật sắc giết hại cái thân vậy, hãy nên đau đầu răn dè!

Anh các con là Đức Tấn mong mỗi các con sẽ do Phật pháp mà giữ vẹn hạnh nhà Nho, đã sớm xin Quang viết thư khuyên lơn các con. Quang sợ các con bị nhiễm theo trào lưu thời thượng, trái nghịch với Phật, uổng phí tâm ta, vô ích cho các con, nên không viết thư ngay. Nay các con đã biết tâm lòng sâu đậm của anh mình, gởi thư xin dạy dỗ, nên ta chỉ nói những điều khẩn yếu.

Những điều khác hãy tự mình chịu tận lực thực hiện, lâu ngày sẽ chẳng khó gì mà dần dần biết được! Phải biết con người và trời đất cùng xung là Tam Tài. Trời đất cao dày ai có thể biết được; con người với tám thân sáu thước sao lại có thể cùng trời cao đất dày khôn lường cùng xung là Tam Tài cho được? Ấy là vì con người có thể kế tục bậc thánh đời xưa, mở lối cho hàng hậu học đời sau, dự phần vào cuộc sanh thành, dưỡng dục của trời đất vậy.

Con người không thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì đã mất cái danh nghĩa con người, hướng hồ kẻ chuyên ôm lòng mưu mẹo, dối trá, ý mạnh nuốt yếu ư? Người như thế còn thua kém sài lang, hổ, báo, rắn độc, rết dữ nữa, còn có thể gọi là người được ư? Thường nghĩ đến lời ta đừng quên thì sẽ dần dần tự có thể dự vào bậc thánh, hưởng được phúc nhân từ, sống thọ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Ninh Đức Hằng và Ninh Đức Phục*)

*** Một chữ Trung có ý nghĩa xuyên suốt vạn hạnh! Nếu con người giữ tám lòng trung, ắt sẽ có hiếu với cha mẹ, kính anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, xót thương kẻ cô cút, giúp đỡ người góa bụa, nhân từ với mọi người, yêu thương loài vật, chẳng**

làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, vì sao vậy? Do trung nên chẳng dối, do chẳng dối nên trọn hết bốn phận. Do trọn hết bốn phận nên đối với những chuyện thuộc về bốn phận của chính mình đều chăm chú thực hiện, quyết chẳng mắc lỗi đối phó vờ vĩnh cho xong chuyện, chẳng tận hết lòng, hết sức mình. Trong đời gần đây, tuy đã lật đổ đế chế nhưng mọi sự đều phải nói đến trung thì mới chẳng đến nỗi “ta dối gạt, người mắc lừa”, luông tuông, không chuẩn mực vậy!
(*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục*)

* Ông Cừ Bá Ngọc đến tuổi năm mươi biết bốn mươi chín năm trước là sai trái. Khổng Tử tuổi chừng bảy mươi, còn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học Dịch hầu khỏi mắc lỗi lớn. Thánh hiền học hỏi không vị nào là chẳng mong muốn hiểu đến chỗ rốt ráo. Các nho gia cận đại chỉ học từ chương, chẳng bận tâm đến chánh tâm thành ý. Tuy suốt ngày đọc sách, trọn chẳng biết ý lưu lại sách vở để răn đời của thánh hiền. Nếu lời nói, hành vi của mình đem đọ với lời nói, hành vi của thánh hiền mà sáng - tối chẳng hợp nhau, tròn - vuông chẳng khớp nhau, chẳng nên gấp suy xét tới từng điểm sai biệt ẩn kín, nhỏ nhặt ư?

Kinh Phật dạy người ta thường hành sám hối ngõ hầu đoạn sạch vô minh, viên thành Phật đạo. Dù địa vị

đến bậc Đẳng Giác như Di Lạc Bồ Tát vẫn trong mười hai thời lễ thập phương chư Phật để mong hết sạch vô minh, viên chứng Pháp Thân, huông những kẻ kém hơn Ngài chẳng học theo vậy ư? Kẻ phàm phu sát đất khắp thân là nghiệp lực, chẳng sanh hồ thẹn, chẳng tu sám hối, dù nhất niệm tâm tánh bình đẳng với Phật, nhưng do phiền não ác nghiệp ngăn lấp nguồn tâm chẳng thể hiển hiện được. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Đối với việc dứt ác làm lành, dựa trên thực tế mà suy xét thì không gì hay bằng Công Quá Cách. Nhưng nếu tâm chẳng thành kính, dù suốt ngày ghi công, chép lỗi, cũng chỉ là hư văn!

Ở nơi đây chưa có sách Công Quá Cách, nhưng theo tôi thấy, chỉ nên chú trọng lòng thành, giữ lòng kính, trong suốt mười hai thời, chẳng có một niệm hời hợt, một tướng lười nhác, xao nhãng. Đối xử với thế nhân chỉ giữ lòng trung thứ (trung hậu và khoan dung) thì tự nhiên trong hết thấy lúc, hết thấy chỗ, ác niệm chẳng thể khởi từ đâu được. Giả như do túc tập sai khiến, ngẫu nhiên ác niệm phát sanh, vì luôn ôm ấp lòng thành kính, trung thứ, sẽ tự có thể hối niệm khởi liền nhận biết ngay. Hối đã giác thì ác niệm liền không, quyết chẳng đến nỗi để nó tăng trưởng khiến cả ba nghiệp phải xuôi theo. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Việc giảm thiểu lầm lỗi thật sự là công phu thiết yếu của cả Nho lẫn Phật. Ông Cừ Bá Ngọc đến năm năm mươi tuổi, thấy cả bốn mươi chín năm trước mình đều sai trái. Nếu ai nói muốn bớt lỗi nhưng chưa làm được, thì nên biết là phải thật sự dụng công nơi ý, chứ chẳng phải hễ thân khẩu vừa phát động liền có lỗi đâu! Tại gia cư sĩ hằng ngày cùng người cư xử phải luôn đề phòng trong mỗi khắc. Nếu không, chẳng những ý nghiệp không tịnh mà thân khẩu cũng thành ra ô uế, bất tịnh. Muốn cả mình lẫn người cùng được lợi thì không gì bằng lấy những hành vi của vị danh nhân đã nói ở trên (tức Cừ Bá Ngọc) làm khuôn phép, gương mẫu vậy. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Muốn học theo Phật, Tổ liễu sanh tử thì phải bắt đầu từ việc hổ thẹn, sám hối, dứt ác, tu thiện, ăn chay, tự răn nhắc, ý thật chân thành, thiết tha. Phải thực sự tu tập, tận lực thực hành. Nếu không chỉ trở thành vọng ngữ trong các thứ hư dối. Biết chẳng khó, làm được mới khó. Máy kẻ thông minh trong thế gian đều chỉ nói được, nhưng không làm được. Trọn một đời này, uổng công vào núi báu, trở về tay không. Đáng xót, đáng tiếc thay! Đáng xót, đáng tiếc thay! *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Phàm phu còn mê, tín tâm bất định; vì thế có tật lấm phen tin rồi lại ngờ, lấm phen đã tu rồi lại tạo nghiệp, cũng là do người dạy ban đầu không hiểu đạo đến nơi đến chốn. Nếu lúc ban đầu, chỉ từ nhân quả thiển cận mà khởi sự sẽ chẳng đến nỗi bị điên đảo, mê hoặc như thế. Đối với những tội cũ, dù rất sâu nặng, hãy nên chí tâm sám hối, sửa đổi thói xưa, tu tập từ nay, dùng chánh tri kiến tu tập Tịnh nghiệp, dốc chí tự lợi, lợi tha thì tội chướng như sương tiêu tan, bầu trời chân tánh sáng rạng. Vì thế, kinh nói: *“Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: một là người chẳng tạo tội; hai là đã tạo tội rồi lại có thể sám hối”*.

Một chữ Hối phải từ tâm khởi. Tâm chẳng thật sám hối, có nói gì cũng vô ích. Ví như chỉ đọc toa thuốc, chứ chẳng uống thuốc, nhất định chẳng hy vọng gì lành bệnh được. Còn nếu theo toa uống thuốc, sẽ tự được lành bệnh, thân an. Điều đáng ngại là lập chí chẳng vững, một nóng mười lạnh thì chỉ uống mang hư danh, không mấy may lợi ích thật sự. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Cảnh không tự tánh, tổn hại hay lợi ích toàn do người. Ba nghiệp, bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) thường giữ như “tứ vật” (bốn điều đừng) của Nhan Uyên. Ngũ giới, thập thiện khác gì “tam tịnh” (ba điều tự cảnh tịnh) của Tăng tử. Trong nhà tối tuy không ai

thấy nhưng thiên địa, quỷ thần đều biết. Niệm mới manh nha nhưng tội phước ần nhiệm đã rạch ròi như trời với vực. Nếu thường tu tỉnh được như thế thì tất cả hành động đều là thiện, ác chẳng sanh từ đâu được. Đây chính là quy mô sâu rộng của chánh tâm thành ý, chớ nói là nhà Phật phiền toái, chẳng giản dị, nhanh tắt như Nho gia! (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Kinh Pháp Hoa nói: “*Tam giới không yên, hết như nhà cháy. Các khổ đầy đầy, thật đáng kinh sợ*”. Vì thế, để thành tựu con người, trời phải có khổ, có vui, có nghịch, có thuận, có phước, có họa, vốn chẳng nhất định. Nhưng người trong hoàn cảnh ấy nếu có cái nhìn thấu suốt sẽ thấy không khổ, không vui, không nghịch, không thuận, không họa, không phước. Vì thế, quân tử vui biết mệnh trời, trên chẳng oán trời, dưới chẳng trách người, an vui theo hoàn cảnh, không lúc nào là chẳng tự tại tiêu dao!

Vì thế họ chẳng phú quý mà hành như đang hưởng phú quý (chữ Hành ở đây hàm ý ung dung, tự tại. Phú là cứu giúp khắp mọi người bản cùng. Quý là tận tụy với vua, giúp đỡ dân), chẳng bản tiện mà hành như bản tiện (nếu trong nhà không tiền của, thân chưa ra làm quan thì thanh bản giữ khí tiết, chẳng dám làm bậy), chẳng phải mọi rợ mà hành xử như mọi rợ (ý nói: Nếu

vì lòng tận trung bị sàm tấu, bị vua biếm truất ra miền xa như các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Lương Quảng (Quảng Đông - Quảng Tây), Hắc Long Giang v.v... thì tâm bình, khí hòa, trên chẳng oán vua, dưới chẳng hận người sàm tấu, tự coi mình giống như người dân đang sống tại những vùng ấy), chẳng hoạn nạn mà hành như đang hoạn nạn (nếu như chẳng những bị đày, còn bị trừng phạt. Nhẹ thì bị đánh đập, giam cầm, nặng thì bị chém đầu, phanh thây, hoặc đến nỗi diệt tộc. Nhưng vẫn cứ chẳng oán vua, chẳng hận gian đảng. Nếu tự mình làm được như thế, khi gặp người gieo vạ còn giữ được như thế, huống hồ khi trời gieo vạ, há có nên oán hận chẳng? Người như vậy người yêu mến, trời bảo vệ, ngay trong đời này hoặc trong đời sau, hoặc con cháu người đó nhất định sẽ hưởng phước báo vô cùng xứng với đức ấy). (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Phàm là người bỏ lỗi theo lành và tu Tịnh nghiệp, chỉ quý ở chỗ chân thành, tối kỵ giả dối. Chẳng được ngoài mặt phô trương cái danh làm lành tu hành, trong lòng bất trung, bất thứ. Ông Cừ Bá Ngọc năm năm mươi tuổi thấy bốn mươi chín năm trước mình toàn làm quấy. Có vậy mới mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, là bậc danh giáo công thân, là con đích thực của đức Như Lai. Vì thế, tôi chẳng quan tâm

đến kẻ Tăng, người tục ấy là thành đạt hay cùng quần chi cả! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Niệm Phật cầu sanh Tây Phương, phải biết nhân hiệu quả. Hành vi nơi thân, ý niệm nơi tâm phải hợp với Phật. Nếu trái nghịch Phật, dù có niệm Phật cũng khó vãng sanh vì chẳng cảm ứng đạo giao vậy! Nếu có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sửa lỗi như trừ ghẻ độc, lập chí như giữ bạch ngọc thì vạn người chẳng sót một ai đều được vãng sanh cả! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Nói về những quy luật phải giữ ngoài việc ăn chay trường niệm Phật là nói đến việc chăm chăm bền lòng hiếu thuận, thành kính giữ trọn vẹn luân thường, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Tâm nghĩ, niệm khởi chẳng hề tà vạy, khuất khúc và hư ngụy. Làm việc cho người phải tận hết trách nhiệm. Gặp người hữu duyên, khuyên họ nhập đạo. Các hành tướng như vậy chẳng cần phải thuật đủ. Chỉ siêng xem Ấn Quang Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư sẽ tự biết.

Phải biết rằng: là đệ tử Phật, phạm làm gì phải vượt trội hơn hành vi thế tục thì chính mình mới đạt được lợi ích chân thật, khiến cho người khác trông thấy làm lành theo. Nếu miệng nói tu hành, trong tâm chẳng lành, đối với cha mẹ, anh em và hết thầy người đời chẳng trọn hết

bốn phạm thì người như thế gọi là “ngụy thiện nhân”! Nhân địa đã giả dối, làm sao đạt lợi ích thật sự? Cái học của thánh hiền đều bắt đầu từ “cách vật trí tri, thành ý chánh tâm”; hướng muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh lại chẳng như thế ư? Về ý nghĩa của “cách vật trí tri” nên xem lời tựa bản in lại sách chú giải Tứ Thư của ngài Ngẫu Ích và lời tựa cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Niệm Phật phải khéo phát tâm. Tâm làm chủ việc tu trì. Tâm nếu phù hợp với bốn hồng thệ nguyện thì niệm Phật một câu, làm một điều lành, công đức vô lượng vô biên; hướng hồ là ba nghiệp thân - khẩu - ý luôn đặt nơi niệm Phật lợi sanh?

Nếu tâm chỉ cầu tự lợi, chẳng mong lợi người, dù làm nhiều việc vẫn đạt được công đức rất ít. Hướng hồ lại còn có ý khuynh đảo người, hại người, và tâm tự khoe khoang, hợm hĩnh thì việc mình niệm Phật đó, việc mình làm đó dù chẳng phải hoàn toàn không công đức, nhưng trong trăm ngàn vạn ức phần, mình chỉ thật sự đạt được một phần rưỡi thôi! Thế nhưng tội lỗi của ác niệm cũng lại chẳng ít. Bởi vậy, người tu hành ai nấy phải khéo phát tâm, chứ chẳng riêng gì người niệm Phật! *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Phải biết rằng Phật pháp vốn chẳng là thế gian. Tất cả những bạn trong liên xã ai nấy đều phải trọn vẹn bốn phận của mình. Như cha hiền con hiếu, anh rộng lượng, em cung kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành v.v... Lại phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, phóng sanh, chẳng ăn mặn, uống rượu, ngăn điều tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, tự lợi, lợi tha; lấy những việc như vậy làm trách nhiệm của mình. Như thế thì nền tảng vững vàng, ngay ngắn, đáng thọ pháp nhuận. Nếu có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, ắt sẽ vãng sanh thượng phẩm.

Kẻ ngu trong đời phần nhiều thường không tu hành thật sự, chỉ mong được cái hư danh là tu hành chân thật. Vì thế, bày ra đủ mọi cách tô son trát phấn thành ra những trò trông giống như thật nhưng chỉ là giả, chỉ mong người khác khen ngợi mình. Tâm hạnh họ đã dơ bẩn quá đỗi, dù có tu trì cũng bị tâm ấy làm bẩn, quyết khó được lợi ích chân thật. Đây gọi là “háo danh ô thật” (thích danh ghét thật), là điều đại kỵ bậc nhất cho việc tu hành.

Nếu ai thực hiện những điều nên làm đã nói ở phần trước, không có những điều nên tránh như đã nói ở phần sau, người ấy là người hiền trong thế gian, là bậc Khai Sĩ trong Phật pháp. Dùng thân mình làm gương cho mọi người, từ trong nhà ra đến làng xóm, từ làng

xóm đến thành ấp, cho đến toàn quốc và tứ thiên hạ thì lễ nghĩa hưng thịnh, can qua vĩnh viễn ngưng dứt, từ thiện nảy nở, tai hại chẳng sanh, mới hồng thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc! *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Đã niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải phát tâm từ bi, hành phương tiện sự, dứt tham - sân - si, tránh giết - trộm - dâm, tự lợi, lợi người mới hợp ý Phật. Nếu không, tâm trái với Phật, cảm ứng đạo giao bị gián cách, chỉ gieo nhân đời sau, khó được quả hiện đời. Nếu chí thành niệm Phật, hạnh hợp tâm Phật, tâm khẩu tương ứng thì người như thế đến lúc lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng tất nhiên hiện đến tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Một phen sanh về Tây Phương liền siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các vui. Đây là toàn cậy vào Phật lực, chẳng bàn đến công đức là cạn hay sâu, có Hoặc hay không Hoặc! Chỉ đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định vạn người chẳng sót một. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Người học đạo an tâm lập hạnh ắt phải chất trực, trung chánh, chẳng được có mảy may thiên lệch, tư vị, cong vẹo nào. Nếu có chút thiên lệch, tư vị, cong

veo nào sẽ giống như cái cân có mấu cân chẳng chuẩn, cân các vật nặng nhẹ đều sai! Như tấm gương thể chất chẳng sạch, chiếu các vật đẹp xấu chẳng đúng. Sai chỉ hào ly, mất cả ngàn dặm. Sai làm lan truyền, không sao dứt được.

Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: *“Thập phương Như Lai đồng một đạo nên xuất ly sanh tử đều dùng trực tâm”*. Do tâm lẫn lời nói đều ngay thẳng như thế cho đến địa vị Chung Thủy, trong khoảng thời gian ấy vĩnh viễn không có các tướng ủy khúc. Kinh Thư nói: *“Nhân tâm nguy ách, đạo tâm tế nhị, ròng chuyên một mối, đừng chấp hai bên”*. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Quán kinh dùng hiệu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp và thọ trì Tam Quy, các giới: Cụ Túc... chẳng phạm oai nghi, phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại Thừa để khuyến tấn hành giả dùng đó làm chánh nhân cho Tịnh nghiệp. Với mười một điều này, chỉ có một điều “dùng tín nguyện sâu xa, hồi hướng vãng sanh” thì đều được như nguyện. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Những người cùng một sắc áo với tôi hãy thường nghĩ *“ta là đệ tử Phật phải nên hoằng dương sự giáo*

hóa của đức Phật, giáo hóa chúng sanh để làm cầu bến cho cõi đời, báo ân đức của Phật”. Nếu chính mình vẫn chẳng tự gắng sức thì hóa ra đã tạo căn cứ cho những kẻ đuôi Tăng chiếm đoạt tài sản biện minh cho hành động của chúng, bị kẻ tại gia chuyên ròng tu hành coi thường, há chẳng phải là tự mình chuốc lấy nỗi lo hay sao? Con người ai mà không mong được người khác tung hô, nếu chẳng gắng sức tu trì thì chính là tự chuốc lấy sự chán ghét.

Phật pháp chẳng thể bị bại hoại bởi thiên ma, ngoại đạo, mà chỉ bị bại hoại bởi tăng sĩ không tuân phụng giáo pháp và giới luật của đức Phật! Ví như trùng trên thân sư tử tự ăn thịt sư tử. Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh, con người ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng có thể thành Phật, điều đáng quý là tự gắng sức vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời thông cáo nhún nhường của hội Phật giáo Ngô huyện tỉnh Giang Tô dành cho Tăng chúng các tự viện*)

5. Đánh Giá Các Phương Pháp Tu Trì

* **Trộm nghĩ: Pháp môn tu trì có hai thứ bất đồng.**

+ Nếu cậy vào tự lực tu Giới - Định - Huệ để đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử thì gọi là **“pháp môn theo đường lối thông thường”**.

+ Nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật để cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì gọi là **“pháp môn đặc biệt”**.

Đường lối thông thường thì hoàn toàn cậy tự lực, còn **đường lối đặc biệt** thì tự lực lẫn Phật lực đều có. Nếu có công tu Định - Huệ đoạn Hoặc sâu xa nhưng không chân tín, nguyện thiết, niệm Phật cầu vãng sanh, thì vẫn thuộc về tự lực.

Nay dùng thí dụ để chỉ rõ: **Đường lối thông thường** giống như vẽ núi sông, ắt phải từng nét bút, từng vạch một mới dần dần vẽ thành. Còn **pháp môn đặc biệt** như chụp cảnh sông núi, dẫu cho mấy mươi tầng núi non um tùm, chụp một cái liền đầy đủ. Lại nữa, **đường lối thông thường** như đi đường bộ, người mạnh mẽ một ngày bất quá đi được một trăm mười dặm. Còn **pháp môn đặc biệt** như cưỡi Luân Bảo của Chuyển Luân Thánh Vương trong một ngày liền có thể đến khắp bốn đại bộ châu.

Chúng ta không có tư cách thành Phật ngay lập tức, lại không có thật chứng “đoạn được Kiến Hoặc, tùy ý chẳng tạo ác nghiệp”, nếu chẳng chuyên tu Tịnh nghiệp

để hòng cậy vào Phật từ lực đởi nghiệp vãng sanh thì chỉ e đến tột cùng đời vị lai vẫn cứ phải chịu sống chịu chết trong tam đồ lục đạo không cách gì thoát ra được! Chẳng đáng buồn ư? Nguyên những người cùng hàng với tôi đều sanh chánh tín. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Cận Đại Vãng Sanh Truyện*)

* Chớ bảo duyên tướng một vị Phật công đức chẳng lớn bằng duyên tướng nhiều vị Phật. Phải biết A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân, một mình Phật A Di Đà có đủ toàn thể công đức của tất cả mười phương pháp giới chư Phật, như những hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế, ngàn hạt châu in bóng trong một hạt châu, một hạt châu trọn khắp ngàn hạt châu, nêu lên một mà thâm trọn tất cả, chẳng thiếu, chẳng thừa.

Nếu là bậc đại sĩ tu hành đã lâu thì cảnh duyên rộng lớn chẳng ngại, cảnh càng rộng tâm càng chuyên nhất. Nếu là kẻ sơ tâm mạt học mà duyên cảnh rộng thì tâm thức phân tán, nhưng chương sâu huệ cạn rất có thể khiến cho các ma sự khởi lên. Vì thế, đức Phật Thế Tôn ta và chư Tổ các đời đều dạy hành nhân Tịnh Độ hãy nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là vì lý do này.

Đợi đến khi nào niệm Phật chứng được tam-muội thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa, thảy đều đầy đủ. Cổ nhân nói: “*Đã tắm trong biển cả ắt dùng*

nước trăm sông. Thân đã đến điện Hàm Nguyên, cần gì hỏi Trường An chi nữa!” có thể nói là hình dung ý này khéo nhất. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân*)

* Tâm tánh của bọn ta giống hệt như Phật, chỉ do mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai thương xót, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi hàm thức đều theo đường trở về nhà. Pháp môn tuy nhiều, nhưng trọng yếu chỉ có hai, tức là Thiền và Tịnh liễu thoát dễ nhất. Thiền chỉ có Tự Lực, Tịnh kiêm Phật Lực. So sánh hai pháp, thì Tịnh khế cơ nhất. Như người vượt biển, nhờ vào thuyền bè, mau đến được bờ kia, thân tâm thản nhiên. Chúng sanh đời Mạt chỉ kham hành được pháp này. Nếu không thì là trái cơ, nhọc nhằn nhưng khó thành!

Phát đại Bồ Đề, sanh chân tín nguyện, suốt đời giữ vững, chỉ nghĩ đến Phật, niệm đến cùng cực, tình kiến mất sạch, tuy niệm mà vô niệm, diệu nghĩa Thiền Giáo triệt để hiển hiện, đợi đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, lên thẳng Thượng Phẩm, chứng Vô Sanh Nhẫn. Có một bí quyết tha thiết bảo ban: **“Cạn lòng thành, tận lòng kính”, màu nhiệm làm sao!** (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gửi cư sĩ Ngô Bích Hoa*)

Người biên tập kính cẩn nhận định: *Trong Văn*

Sao đã giảng rõ sự khó dễ giữa Thiên và Tịnh cũng như lợi ích của sự thành kính không biết bao lần, dặn đi nhắc lại, chỉ có mười câu này đã bao quát không còn sót chút nào!

* Chớ bảo pháp Trì Danh là thiên cận rồi bỏ bê, tu theo những pháp Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng ! Phàm trong bốn cách niệm Phật chỉ có Trì Danh là khế cơ nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng hiển lộ toàn thể, Tây Phương diệu cảnh triệt để phô bày trọn vẹn. Do trì danh chứng được Thật Tướng, chẳng cần quán tướng vẫn thấy được thấu triệt Tây Phương.

Một pháp Trì Danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Người đời nay giáo lý quán pháp chẳng hiểu rõ. Nếu tu quán tướng Thật Tướng rất có thể bị ma dựa, khéo quá hóa vụng, cầu thăng hóa đọa. Hãy nên tu hạnh dễ hành, ắt tự cảm được quả chí diệu. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Tuy có mười sáu hạnh (pháp quán), nhưng hành giả tu tập phải hành từ pháp dễ tu trước, hoặc là quán tướng Bạch Hào⁶³ của Như Lai, hoặc quán tướng pháp

63. Bạch Hào (Urna laksana): Còn gọi là hào tướng, mi gian bạch hào tướng, bạch hào trang nghiêm tướng, mi gian bạch hào nhuyển bạch đầu-la-miên

Tạp Quán thứ mười ba. Đến phần quán chín phẩm, chẳng qua là để cho người ta biết nhân trước và quả sau của hành nhân vãng sanh mà thôi. Chỉ mong hiểu rõ là được rồi, thật ra không cần phải quán riêng phép này.

Quán về mặt Lý chẳng thể không biết, nhưng về mặt Sự, phải từ từ hành. Nếu không hiểu rõ Lý, quán cảnh chẳng rành, dùng cái tâm tháo động, bộp chộp đề tu, rất có thể khởi lên ma sự! Khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm làm lạc nảy sanh ý niệm vui sướng, thì cũng do vui sướng mà thành chướng, rất có thể bị lui sụt công tu tập từ trước. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: *“Chẳng khởi tâm tưởng là thánh cảnh thì gọi là cảnh giới lành; nếu tưởng là thánh cảnh bèn vướng vào các tà”*. Mong ông hãy nhất tâm trì danh, bởi đây là hạnh ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng. Đợi đến khi tâm đã quy nhất, tịnh cảnh sẽ tự hiện tiền. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư Hoàng Ngọc Như ở Sùng Minh*)

tướng. Đây là một trong 32 tướng hảo của đức Như Lai. Tức là khoảng giữa hai mày Phật có một sợi lông mềm mại, trắng, sạch, cuộn tròn, kéo ra dài đến một Tầm (có kinh nói lúc sơ sanh dài năm thước Tàu, lúc thành đạo dài một trượng sáu), buông tay ra liền uyển chuyển xoay về phía hữu, trông như một con ốc trắng, bên trong rỗng, lóng lánh như ống lưu ly. Bạch Hào trông xa như một viên minh châu giữa trán, tỏa quang minh chói ngời, quang minh ấy gọi là “bạch hào quang”. Chúng sanh được quang minh ấy chạm vào bèn tiêu trừ tức nghiệp, thân tâm yên vui. Tướng này do trong lúc tu nhân, Như Lai luôn tán dương tùy hỷ những người tu tập Giới - Định - Huệ. Theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải, tướng Bạch Hào là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của Như Lai (Theo kinh này, ba mươi hai tướng đại nhân chỉ là ba mươi hai tướng tiêu biểu, dễ thấy nhất trong vô lượng tướng của Như Lai).

* Quán tưởng thì chỉ cần quán sao cho đặc lực, cần gì phải quán từ đầu đến đuôi, hằng ngày tập đi tập lại! Phật nói ra mười sáu phép Quán thì những phép Quán đầu nhằm khiến cho con người biết đến sự trang nghiêm của Cực Lạc, các phép Quán về chín phẩm vãng sanh ở phần sau nhằm làm cho con người biết nhân quả của phép đợc tu. Mỗi phép Quán đã biết thì qua một phép quán Phật sẽ có thể quán trọn vẹn các phép Quán kia. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Trả lời những câu hỏi của cư sĩ Khúc Thiên Tường*)

* Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy: “*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”. “**Làm Phật**” là quán tưởng tượng Phật, ức niệm Phật đức cũng như Phật hiệu. “**Là Phật**” nghĩa là lúc quán tưởng, ức niệm, thì tướng hảo trang nghiêm, phước đức, trí huệ, thần thông, đạo lực của Phật đều hiện trong cái tâm quán tưởng, ức niệm ấy, như gương soi hình, giống hệt như nhau, không hai. Như vậy, nếu tâm chẳng làm Phật thì tâm chẳng phải là Phật; tâm làm tam thừa thì tâm là tam thừa; tâm làm lục đạo thì tâm là lục đạo.

Bản thể của tâm giống như một tờ giấy trắng, tác dụng thiện ác nhân quả của tâm giống như vẽ Phật hay vẽ địa ngục, đều tùy tâm hiện. Bản thể tuy đồng, nhưng tạo tác thật khác. Vì thế nói: “*Chỉ là thánh mắt niệm thành cuồng, cuồng khắc chế đợc ý niệm bèn thành*

thánh”, chúng ta chẳng nên thận trọng nơi những gì mình nghĩ, mình làm ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tụng và lời tựa bức tranh ngàn vị Phật*)

* Một pháp quán tưởng nếu không hiểu rõ đạo lý, không thông thuộc quán cảnh, tâm vọng động mong gặp đạt được, không có chí vững vàng chẳng dòi, ắt sẽ bị tổn hại nhiều, lợi ích ít. Còn về Thật Tướng Niệm Phật chính là diệu hạnh theo đường lối thông thường của hết thầy pháp môn trong cả một thời giáo hóa của đức Phật. Như pháp Chỉ Quán của tông Thiên Thai, pháp Tham Cứu Hướng Thượng của nhà Thiền đều là nó cả, tức là niệm đức Phật Thiên Chân⁶⁴ nơi tự tánh vậy... Niệm đức Phật nơi Thật Tướng như thế nói có vẻ dễ dàng, nhưng tu chứng thật là khó nhất trong những điều khó. Nếu không phải là bậc đại sĩ tái lai, ai có thể đích thân chứng được ngay trong đời này?...

Một pháp Trì Danh là đại pháp môn “*Sự chính là Lý, tuy cạn mà sâu, tu chính là tánh, tâm phàm phu chính là tâm Phật*” vậy. Do Trì Danh biết được Thật Tướng ngay nơi Thể, lợi ích ấy rộng sâu. Ngoài cách Trì Danh, cứ chuyên tu Thật Tướng thì trong vạn người khó được hai, ba kẻ thật chứng; nếu được quả báo như Tô Đông

64. Đức Phật thiên chân là tên gọi khác của Pháp Thân.

Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Thập Bằng v.v... vẫn còn là bậc thượng! Một sự liễu sanh thoát tử há có thể dùng chí to, lời lẽ lớn lao để hoàn thành được ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân - 2*)

* Nghi thức niệm Phật như đã nói phải chia thành 2 loại: Niệm Phật cùng đại chúng và niệm một mình.

Nếu niệm cùng đại chúng, hãy nên dựa theo Niệm Phật Khởi Chỉ Nghi (nghi thức niệm Phật) trong kinh nhật tụng để khởi gây trở ngại cho những người đã quen hành trì theo lối thông thường, đây - kia đều hợp lẽ.

Còn tu niệm Phật một mình tuy có thể hành theo chương trình do mỗi người tự lập, nhưng thứ tự niệm tụng chớ nên tán loạn. Tức là nói buông xuống thân tâm, nhắm mắt, lặng thần, niệm Tịnh Pháp Giới Hộ Thân Chú⁶⁵ và thầm tưởng bài kệ Tán Phật, lễ Phật và

65. Tịnh pháp giới hộ thân chú: Nói chi tiết, phần này gồm có sáu bài chú nhỏ thường được dùng trong khóa tụng trong Thiền Môn xưa kia, gồm: Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn, Tịnh Khẩu Nghiệp Chân Ngôn, Tịnh Thân Nghiệp Chân Ngôn, Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn, An Thổ Địa Chân Ngôn, và Phổ Cúng Đường Chân Ngôn. Đôi khi các khóa tụng chỉ dùng giản lược hai bài là Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn và Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn. Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn gọi đủ là Thanh Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn. Theo Đại Nhật Kinh Sớ, chú này thể hiện chân thể Phật đã chứng. Thanh Tịnh là bản thể của Chân Như vì Chân Như lia hết thầy phiền não cấu nhiễm, Pháp Giới là chỗ nương tựa của hết thầy công đức thế gian lẫn xuất thế gian. Như vậy, Tịnh Pháp Giới là công đức vô vi của Chân Như. Chân ngôn này gồm hai bài khác nhau, một là “*Nam mô tam mạn đà Phật đà nã, đạt ma đà đa, tát phạ bà phạ, cú hám*” (dành cho Thai Tạng Giới) và bài chú thứ hai là Án Lam (phổ biến hơn, dành cho Kim Cang Giới). Chú Án Lam thường được sử dụng nhất với mục đích thanh tịnh thân tâm và hoàn cảnh, vì theo Du Già Liên

ba vị Bồ Tát xong. Nếu tụng kinh thì tụng kinh Di Đà một biến, Vãng Sanh Chú ba biến xong rồi mới niệm rõ ràng bài kệ Tán Phật xong, liền niệm tiếp “*Nam-Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật*” rồi chỉ niệm Nam Mô A Di Đà Phật.

Hoa Bộ Niệm Tụng Nghi Quỹ, chữ Án (Aum) tức là bản thể của pháp giới, là lời quy mạng trong Kim Cang Giới, khi tụng chữ Lam, từ trên đánh đầu sẽ có chữ Lam (Ram) phát sanh từ pháp giới tỏa ánh sáng đỏ chói lợi như ngọn lửa rực rỡ thiêu đốt tất cả những vật ô uế lẫn những tư tưởng ô uế, tịnh hóa thân tâm. Hành nhân trước khi tụng niệm dùng chú này để thanh tịnh bản thân, đồng thời thanh tịnh vật phẩm cúng dường.

Chú Thanh Tịnh Tam Nghiệp (“*Án, tát phạ bà phạ thuật đà ta phạ đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hám*”) như tên gọi nhằm thanh tịnh ba nghiệp, khiến thân tâm hành nhân tương ứng với ba nghiệp của Phật, Bồ Tát. Khi tụng hành nhân phải kết Liên Hoa Hiệp Chưởng Ấn (chấp mười ngón tay khít vào nhau, lưng bàn tay hơi khum như đóa sen búp). Theo Bí Tạng Ký, hai tay chấp lại như thế tượng trưng cho Lý và Trí hợp nhất. Nhiếp Vô Ngại Kinh giải thích tỉ mỉ hơn: Năm ngón bên tay trái tượng trưng cho năm trí của Thai Tạng Giới, năm ngón bên tay phải tượng trưng cho năm trí của Kim Cang Giới. Mười ngón hợp lại tượng trưng cho Thập Độ hoặc mười pháp giới, mười chân như dung hợp. Do vậy, mỗi ngón tay tượng trưng cho một Độ (Ba La Mật). Như vậy Liên Hoa Hiệp Chưởng tượng trưng cho sự viên dung mọi trí, mọi giới, mọi độ.

Trong Tịnh Tông, thường thì những bài chú này không dùng đến vì A Di Đà Phật vạn đức hồng danh đã là vô thượng thân chú, là kết tinh của mọi giáo pháp nên hành giả nhiếp tâm chuyên trì thì công đức chẳng kém gì trì tụng các chú khác mà có phần còn vượt trội hơn. Điều này có thể minh chứng qua hành trạng của Tổ Liên Trì: Ngài thông hiểu Mật Pháp vì từng san nhuận nghi thức Du Già Diệm Khâu, nhưng khi được đại chúng cầu thỉnh ra làm lễ cầu mưa trong lúc hạn hán, Ngài nói không biết thực hiện đàn pháp đảo vũ. Đại chúng cố van nài, Ngài bèn đi quanh bờ ruộng gõ mõ niệm Phật, trời liền đổ mưa lai láng. Hơn nữa, những bài chú chỉ phát huy được diệu dụng khi hành nhân tụng niệm với tâm đại Bồ Đề, nhiếp tâm thanh tịnh, tương ứng với Phật, Bồ Tát, tha thiết như con nhớ mẹ, đồng thời phải kết ấn khế tương ứng. Có những ấn khế phải được A Xà Lê truyền thụ mới được sử dụng, không được kết ấn bừa bãi. Ngoài ra, sử dụng quá nhiều chú ngữ trong khóa tụng sẽ khiến hành giả phân tâm, khởi phân biệt, nên hiện thời các vị hoàng truyền Tịnh Tông đa số lược bỏ các ấn chú khỏi khóa tụng, chỉ giữ lại chú Vãng Sanh cho hành nhân dễ chuyên tâm.

Hãy nên vừa đi nhiều vừa niệm, hoặc niệm mấy trăm tiếng, hoặc niệm một ngàn tiếng. Cuối cùng niệm ba danh hiệu Bồ Tát “*Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng*”, rồi mới niệm bài Phát Nguyện Văn, niệm xong sẽ đọc Tam Tự Quy. Đây là nghi thức của một kỳ niệm Phật vậy. Nếu muốn tụng kinh nhiều hơn, hoặc tụng nhiều chú, hãy nên lập một thời tụng kinh khác. Nếu cùng làm trong một lúc thì phải tụng kinh trước, kế đó tụng chú, rồi đến tán Phật, niệm Phật, tiếp theo là phát nguyện, tam quy. Đây chính là thứ tự quyết định chẳng thay đổi vậy.

Pháp Thập Niệm do ngài Từ Vân Sám Chủ vì hàng quốc vương, đại thần việc nước đa đoan, không rảnh rỗi để chuyên tu mà lập ra. Lại muốn khiến cho họ được tịnh tâm, nhất tâm, nên lập ra cách lấy hết một hơi thở làm một niệm để tâm họ nương theo hơi thở mà thâm nhiếp, không bị tán loạn. Sự màu nhiệm của pháp ấy nếu không phải là người trí sẽ không thể biết được! Nhưng chỉ có thể dùng một lần vào buổi sáng, hoặc dùng ba lần: buổi sáng, buổi tối và giữa trưa, chớ nên dùng nhiều! Dùng nhiều sẽ bị tổn khí thành bệnh. Chớ nên nói pháp này dễ nhiếp tâm nhất bèn sử dụng thường xuyên thì bị hại chẳng nhỏ đâu!

Niệm Phật niệm ra tiếng hay niệm thầm thì phải xét nơi chốn, quang cảnh như thế nào. Nếu niệm ra tiếng rõ ràng không gây trở ngại gì thì nên niệm rõ

tiếng như khi thực hiện nghi thức niệm Phật, nhưng chỉ nên sao cho nghe tự nhiên, đừng niệm quá lớn tiếng. Quá lớn tiếng có thể bị tổn khí mắc bệnh. Nếu tình hình nơi chỗ ta đang ở chẳng tiện niệm ra tiếng thì chỉ niệm nhỏ tiếng và niệm Kim Cang Trì, công đức chỉ ở chỗ chuyên tâm dốc chí, còn âm thanh vẫn là chuyện nhỏ. Trừ lúc riêng thực hành công khóa niệm Phật ra, nếu suốt ngày thường niệm thì cố nhiên nên niệm nhỏ tiếng, niệm Kim Cang, hoặc niệm thầm, vì nếu cứ thường niệm ra tiếng rõ ràng, ắt sẽ đến nỗi bị tổn khí. Chưa chứng Pháp Thân, cần phải điều hòa sao cho thích đáng thì mới chỉ có ích, chẳng bị tổn hại. Niệm rõ tiếng tổn sức, niệm thầm dễ hôn trầm. Tuy tán trì có công đức khó nghĩ tưởng, nhưng so với nhiếp tâm tịnh niệm khác nào một trời một vực!

Đôi với mấy điều này, Quang từng khá tốn công nghiên cứu, năm ngoái đã tìm ra một cách hay khéo thuận tiện, viết thư trình bày với những người tri kỷ, ai nấy đều khen ngợi. Nếu đã niệm Phật thành phiền, cố nhiên không cần dùng tới cách này. Nếu chưa thành phiền và hết thấy những kẻ sơ cơ sử dụng cách này thì không ai chẳng thích hợp, chỉ có ích chứ không bị tổn hại. Tuy các hạ không cần đến cách này, nhưng cũng nên vì những kẻ tu Tịnh Tông chưa nhận được cửa mà thực hành thử để bảo khắp với những người thông sáng mai sau. Cách ấy được ghi nơi hàng thứ tám trong trang

bốn mươi lăm bộ Ấn Quang Văn Sao⁶⁶, xin hãy kiểm xem. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo - 4*)

* Quang từ khi xuất gia đến nay liền tin một pháp Tịnh Độ. Nhưng do nghiệp chướng ngăn che, đã hai mươi năm, phè phỡn sống thừa, miệng tuy niệm Phật, tâm chẳng nhiếp đạo. Gần đây được pháp sư dạy dỗ, khuyến khích, thệ lập kỳ [tu tập hồng] chẳng phụ tấm lòng đau đáu. Hiềm rằng hôn tán chen lẫn, vẫn cứ lẩn quẩn y như cũ. Nhân đó mỗi ngày đọc hơn mười tờ kinh điển Tịnh Độ để phát khởi tâm thẳng tắn.

Thử dùng pháp môn Bảo Vương Tùy Túc⁶⁷ liền nhận thấy vọng niệm không còn trào dâng, ô ạt như trước.

66. Tức là pháp Thập Niệm Ký Số được viết trong “Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm” (thư thứ tư) trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển một: “Trong lúc niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, lại phải nhớ phân minh, đến mười câu là thôi. Lại phải niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi. Niệm đâu nhớ đấy, không được lẩn chuôi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu nhớ thẳng vào mười câu thấy khó thì chia thành hai hơi, tức là từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn thấy mệt, nên từ câu một đến câu ba, từ câu bốn đến câu sáu, từ câu bảy đến câu mười, chia làm ba hơi để niệm. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không chỗ chen chân, nhất tâm bất loạn, niệm lâu ngày sẽ tự được”.

67. **Bảo Vương Tùy Túc** do ngài Phi Tích đời Đường chế ra. Trong Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận, quyển trung, ngài dạy như sau: “Người trên đời đa phần dùng bảo ngọc, thủy tinh, hạt Kim Cang, hạt Bồ Đề, hạt Mộc Hoạn để làm xâu chuỗi, còn ta dùng hơi thở ra vào để làm xâu chuỗi. Xưng danh hiệu theo hơi thở thì chắc chắn lắm, nào sợ thở ra không hít vào được bèn thuộc đời sau! Ta đi - đứng - nằm - ngồi thường dùng xâu chuỗi này, dầu cho mê mệt cũng ôm Phật mà ngủ, thức lại niệm tiếp. Ất trong mộng thấy được đức Phật!”

Nghĩ tu cách này lâu ngày ắt sẽ có lúc sương tan, mây tiêu, thấy tỏ mặt trời. Lại tra trong sách Lạc Bang Văn Loại, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều có chép đoạn này. Nhân đó, hiểu phép Thập Niệm của ngài Từ Vân nhờ vào hơi thở để trói buộc cái tâm, cội gốc là đất, nhưng Liên Tông Bảo Giám⁶⁸ cũng chép cách này. Đủ thấy cô nhân đã thấy trước cơ nghi của hậu thế, không có cách này chẳng nhập được, bèn lập sẵn pháp ấy. Nhưng cô nhân không thường đem cách ấy dạy người, bởi căn tánh con người [khi ấy] còn thông lợi, hễ chịu phát tâm bèn tự được nhất tâm.

Nhưng người đời nay như Quang, chương nặng căn độn, e cả đời chẳng đạt được nhất tâm bất loạn. Vì thế trình bày chuyện mình để hỏi bậc cao minh nên hay không nên, xin bảo rõ cho. Quang lại cho rằng chỉ một pháp này có đủ cả Ngũ Đình Tâm Quán⁶⁹. Nếu có thể

68. Bộ sách này do ngài Ưu Đàm Phổ Độ chùa Đông Lâm, Lô Sơn (sống vào đời Nguyên) soạn, gồm 10 quyển. Còn có những tên gọi khác như Lô Sơn Ưu Đàm Bảo Giáo, Lô Sơn Liên Tông Bảo Giáo Niệm Phật Chánh Nhân, hoặc Niệm Phật Bảo Giáo. Ngài Ưu Đàm coi mình là người nối tiếp chí hướng của sơ tổ Huệ Viễn, xiển dương giáo nghĩa của ngài Từ Chiếu Từ Nguyên thời Nam Tống. Sách gồm những trích lục trọng yếu về pháp Niệm Phật Tam Muội, sử truyện của Tịnh Tông. Ngài soạn tập sách này nhằm thuyết minh cặn kẽ giáo nghĩa Tịnh Độ được xiển dương bởi ngài Huệ Viễn và Từ Nguyên nhằm bài trừ những tà thuyết, kiến giải sai lầm của những người tự xưng là Tịnh Độ thời ấy. Nội dung chia thành các mục Niệm Phật Chánh Nhân, Niệm Phật Chánh Giáo, Niệm Phật Chánh Tông, Niệm Phật Chánh Phái, Niệm Phật Chánh Tín, Niệm Phật Chánh Hạnh, Niệm Phật Chánh Nguyên, Niệm Phật Vãng Sanh Chánh Quyết, Niệm Phật Chánh Báo, Niệm Phật Chánh Luận. Mỗi quyển gồm có phần tổng thuyết, rồi đến những đoạn kinh luận trọng yếu, hành trạng của cổ đức, giáo ngữ v.v...

69. **Ngũ Đình Tâm Quán:** Năm pháp quán để dứt phiền não, mê hoặc gồm: Bát Tịnh Quán (quán tướng thân thể mình và người khác dơ bẩn để dứt tham ái),

niệm Phật theo hơi thở bèn gồm cả hai pháp quán Sổ Túc, Niệm Phật. Nhiếp tâm niệm Phật sẽ có thể dần dần đoạn được nhiễm tâm, sân khuể ắt chẳng lừng lẫy, hôn trầm, tán loạn vừa hết, trí huệ hiện tiền, ngay cả ngu si cũng phá được, lại chính là pháp môn nhiếp trọn sáu căn của ngài Đại Thế Chí. Theo ngu ý cho rằng đối với kẻ niệm Phật hờ hững hiện thời, có lẽ không nên dạy họ tuân theo pháp này; sợ rằng do không nhớ số bèn thành giải đãi.

Có ai chịu bằng lòng tu tập thì nếu không theo pháp này, e chắc chắn khó thành tam-muội. Pháp sư nương nguyện lợi ích người, tuy tự mình chẳng dùng, nhưng nên vì hậu học thử dùng để dạy cho thông sáng về sau. Nếu là kẻ lợi căn, trong một thất, hai thất quyết định được nhất tâm. Như Quang là kẻ hôn ám, độn căn, thô lậu, hèn kém, nghĩ phải mười năm, tám năm thì có lẽ sẽ được bất loạn! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi pháp sư Đế Nhàn⁷⁰*)

Từ Bi Quán (quán tưởng lòng từ bi để đối trị sân hận), Duyên Khởi Quán (quán tưởng 12 nhân duyên thuận và nghịch để đối trị ngu si), Giới Phân Biệt Quán (quán tưởng các pháp của 18 giới đều do đất, nước, gió, lửa, không và thức hòa hợp để đối trị Ngã Chấp), và

Sổ Túc Quán (đếm hơi thở để đối trị tâm tán loạn và khiến cho tâm dừng lặng nơi một cảnh)

70. Đế Nhàn (1858-1932), danh tăng tông Thiên Thai sống vào cuối đời Thanh cho đến đầu thời Dân Quốc, người Hoàng Nham, Chiết Giang, họ Châu, tên Cổ Hư, hiệu Trác Tam. Thuở bé thấy sa-môn liền vui mừng, lúc trẻ học Y, năm hai mươi tuổi từng nhiều lần thí thuốc cho người nghèo ở Hồ Ấp. Về sau, vợ chết, con mất, bèn bỏ vào núi Bạch Vân, xuất gia với ngài Thành Đạo. Năm 24 tuổi, thọ Cụ Túc Giới ở chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai. Lần lượt học Pháp

* Đức Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới nói ra các kinh Tịnh Độ, chúng ta há nên chẳng tự lượng, cứ chuyên chú theo cái nhìn của bậc tối thắng ư? Thân trọng sáu hay tám thước, đức Phật đã từng giảng qua cho chúng ta. Đức Phật đã vì kẻ Hạ Phẩm trước khi đọa địa ngục mà rộng mở pháp Trì Danh, tức là Quán Kinh vẫn lấy Trì Danh làm hạnh thiết yếu nhất. Vô Lượng Thọ Kinh nói cặn kẽ thế nguyện của Phật và những tướng thanh tịnh, đây chính là bí quyết quan trọng cho người tu tập dựa theo kinh Tiểu Bản (kinh A Di Đà). Do hai kinh này sẽ biết văn tự của kinh Tiểu Bản chỉ là toát yếu. Do vậy, biết rằng: Tuy y theo Tiểu Bản, chớ nên nghĩ hai kinh kia không khẩn yếu rồi coi thường!

Đối với sự tu trì, nếu thật sự chí thành thì một lần chiêm ngưỡng, một lay, một lướt xưng danh đều tiêu diệt được vô lượng tội, tăng vô lượng phước, chứ không phải là nhất định phải tu theo một cách nào mới được!

Hoa, Lăng Nghiêm với các vị Mãn Hy, Hiểu Nhu, Đại Hải v.v... Năm Quang Tự 12 (1886), được ngài Tích Thụy Dung Tô truyền pháp, kế thừa tông phong Thiên Thai đời thứ bốn mươi ba. Trước sau ngài bế quan ba lần chuyên tu Thiền Quán. Ngài từng làm trụ trì các chùa Đầu Đà ở Vĩnh Gia, chùa Giới Châu ở Thiệu Hưng, chùa Long Hoa ở Thượng Hải, chùa Quán Tông ở Cản Huyện. Ngài giảng kinh thuyết pháp hơn 40 năm. Năm Tuyên Thống thứ 2 (1910), lập Phật Giáo Sư Phạm Học Hiệu ở Nam Kinh, kiêm nhiệm vai trò hiệu trưởng. Năm 1919, lập Quán Tông Học Xá tại chùa Quán Tông. Các vị Thường Tinh, Nhân Sơn, Hiền Âm, Đàm Hư, Giới Trần, Trì Tùng, Diệu Chân, Tường Duy Kiều, Hoàng Thiệu Hy là những học trò nổi tiếng của Sư. Ngài nhập diệt tháng 7 năm 1932. Trước thuật nổi tiếng nhất là các bộ Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa, Kim Cang Kinh Tân Sớ, Chung Thủy Tâm Yếu Giải, Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa được gom thành bộ Đề Nhân Đại Sư Di Tập.

Tâm địa thanh tịnh, thánh cảnh hiện tiền, nhưng đây vẫn là những gì ta sẵn có. Há nên như đứa con nghèo nhặt được vàng bèn mừng vui quá mức như điên như cuồng? Đã có tình trạng ấy, hoàn toàn là tính cách của phàm tình. Nếu chẳng suy xét phản tỉnh, khó khỏi bị ma dựa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Tế Thiện*)

* Tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cậy vào Phật từ lực đỏi nghiệp vãng sanh. Đây là pháp môn “*vạn người tu, vạn người đến*” thẳng chóng, ôn hòa, thích đáng nhất! Trước hết, phải thấu hiểu được nguồn cội của pháp môn này, tâm hiệu cho rõ ràng. Nếu thừa sức, sẽ lại nghiên cứu hết thầy kinh luận, các pháp môn đều có thể giúp cho pháp môn này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ La Thế Phương*)

* Nay đã phát tâm niệm Phật, hãy nên lấy “*tâm tương ứng với Phật, lúc sống đạt được nhất tâm bất loạn, khi báo thân đã tận liền lên Thượng Phẩm cõi Cực Lạc*” làm chí hướng, sự nghiệp, chẳng cần phải cầu “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Tông môn chú trọng khai ngộ, Tịnh tông chú trọng vãng sanh. Kể khai ngộ mà chẳng được vãng sanh trong trăm người có đến chín mươi kẻ. Người vãng sanh mà chẳng khai

ngộ thì trong vạn người chẳng có một ai. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu - 8*)

* Trước khi chưa được nhất tâm, trọn chẳng nên manh nha ý niệm thấy Phật. Hễ được nhất tâm thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền thấy ngay, không thấy cũng chẳng trở ngại gì! Nếu muốn gặp thấy Phật, tâm niệm lằng xằng, cái ý niệm muốn thấy Phật có kết trong bụng dạ, trở thành căn bệnh lớn cho việc tu hành. Lâu ngày, oan gia nhiều đời nương theo cái tình tưởng vọng động ấy hiện thành thân Phật hầu báo túc oán. Tự mình tâm không chánh kiến, toàn thể là khí phận ma. Hễ thấy Phật hay cảnh tượng tốt đẹp do kẻ thù trong đời trước biến hiện bèn sanh hoan hỷ, từ đấy ma nhập vào tâm tạng, bị ma dựa phát cuồng. Dầu có Phật sống cũng chẳng biết làm sao được!

Chỉ nên nhất tâm, nào cần phải tính sẵn có thấy Phật hay không? Nhất tâm rồi sẽ tự biết tốt - xấu! Khi không thấy đã tăng tiến công phu, thì khi được thấy, lại càng phải lắng lòng chuyên tu, trọn chẳng mắc lỗi hiểu lầm, chỉ có lợi ích thẳng tắn.

Người thế gian không hiểu lý, vừa có chút tu trì đã ôm lòng mong mỏi quá phận. Ví như mài gương, nếu hết bụi nhơ, quang minh quyết định tỏa lộ chiếu trời soi đất. Nếu chẳng tận lực mài gương, chỉ mong gương tỏa

sáng, toàn thể gương là cầu uế thì nếu có quang minh cũng chỉ là ánh sáng quý quái, chứ không phải là ánh sáng của gương.

Quang sợ ông không khéo dụng tâm đến nỗi tự mình đánh mất lợi lành, lui sụt tín tâm của người khác, nên mới viết thêm. Ngài Vĩnh Minh nói: *“Chỉ được thấy Di Đà, lo gì không khai ngộ”*. Nay tôi cũng bắt chước nói đùa rằng: *“Chỉ cầu tâm bất loạn, chẳng kể thấy, không thấy!”* Biết điều này, hãy dốc sức nơi đạo tâm hợp với Phật vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quân Tranh*)

* Trong lúc bế quan dụng công, hãy nên lấy chuyên tinh bất nhị làm chánh. Nếu tâm thật sự chuyên nhất, sẽ tự có cảm thông chẳng thể nghĩ bàn. Lúc chưa được nhất tâm, chớ nên vọng động cầu được cảm thông trước. Đã nhất tâm, sẽ nhất định có cảm thông. Hễ cảm thông thì tâm càng tinh nhất. Đó gọi là gương sáng đặt trên đài gặp hình liền hiện bóng, hình tự lãng xăng, can chi đến mình! Chưa nhất tâm mà cầu cảm thông thì cái tâm cầu cảm thông ấy bèn trở thành đại chướng bậc nhất cho việc tu đạo. Huống chi vọng động mong mỏi chuyện phi thường rất có thể khiến cho ma sự khởi, phá hoại tịnh tâm. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời đại sư Hoằng Nhất*)

* Gần đây, người ta thường ưa ham cao chuộng xa, hơi thông minh bèn học Thiền Tông, Tướng Tông⁷¹, Mật Tông, phần nhiều coi niệm Phật là vô dụng. Họ chỉ biết sự huyền diệu của cơ ngữ⁷² nhà Thiền, sự tinh vi của pháp tướng trong Tướng Tông, oai thần rộng lớn của Mật Tông, nhưng chẳng biết:

+ **Thiền** dẫu đạt đến địa vị “đại triệt đại ngộ”, nhưng nếu chưa hết sạch Phiền Hoặc thì vẫn sanh tử y như cũ, chẳng thể liễu thoát được!

+ **Với Tướng Tông** thì nếu không phá sạch Ngã Chấp và Pháp Chấp, dù có hiểu rành rẽ đủ mọi danh tướng⁷³, cũng giống như “kể chuyện ăn, đếm của báu”, rốt cuộc có ích gì đâu!

+ **Với Mật Tông** thì tuy nói là có thể “thành Phật ngay nơi thân hiện tại”, nhưng quyết chẳng phải là chuyện của hạng phàm phu sát đất có thể thành tựu

71. Tướng Tông: Gọi đủ là Pháp Tướng Duy Thức Tông. Do tông này chú trọng nghiên cứu tướng trạng của các pháp, phân chia các trạng thái tâm thức tỉ mỉ, nên gọi là Tướng Tông.

72. Cơ ngữ: Gọi tắt của cơ phong chuyên ngữ, tức những câu đối đáp thuận theo căn cơ, nhằm giúp cho người hỏi kiến tánh, chẳng hạn như “Phật là gì?” Thiền Sư bèn đáp “con mèo treo lên cây cột”.

73. Danh là tên gọi của sự vật, Tướng là hình trạng của sự vật. Dùng danh xưng để nêu rõ tướng trạng của sự vật nên gọi là “danh tướng”. Một cách giải thích khác: Những gì nghe được thì gọi là Danh, thấy được thì gọi là Tướng. Danh và Tướng đều không có thật thể, chỉ là giả lập để tiện giáo hóa.

được! Phàm phu làm sanh ý tưởng ấy bèn bị ma dựa phát cuồng, mười người hết tám chín người bị như vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời một vị cư sĩ ở Diêu Duy*)

* Như ai thiên tư thông minh, mẫn tiệp, nghiên cứu các tông Tánh, Tướng chẳng trở ngại gì, nhưng vẫn phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chỗ nương về, ngỏ hầu chẳng đến nỗi có nhân không quả, biến diệu pháp liễu sanh thoát tử thành lời nói trơn tru ngoài miệng, không do đâu được lợi ích thật sự! **Ắt phải trọng lòng kính, giữ lòng thành, xem kinh - tượng như vị Phật sống, chẳng dám chớm chút ý coi thường**, ngỏ hầu tùy lòng thành của mình lớn hay nhỏ mà sẽ được những lợi ích sâu hay cạn! **Đối với người độn căn, hãy nên chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ.**

Nếu quả thật tin cho tới nơi, giữ cho chắc, nhất định trong đời này sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, so với những kẻ hiểu sâu xa kinh luận nhưng chẳng thật hành pháp môn Tịnh Độ thì lợi ích đúng là khác biệt một trời một vực. Những điều vừa nói đó, bất luận là tư cách nào, lúc ban đầu cứ cho uống loại thuốc Một Vị này, bất luận những căn bệnh như tà chấp, thấy biết sai lầm, ngã mạn, phóng túng, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình cam phận hèn kém, không bệnh nào kê thuốc A Già Đà Nhất Vị trị chung vạn bệnh này mà

chẳng lành. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên*)

* Thiên Tông thường nói “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. **“Minh tâm kiến tánh”** là đại triệt đại ngộ. **Nói “kiến tánh thành Phật”** là đích thân thấy được đức Phật thiên chân nơi tự tánh thì gọi là “thành Phật”. Đấy chính là “lý tức Phật” và “danh tự tức Phật”, chứ không phải là Cứu Cánh Phật phước huệ viên mãn! Vị ấy tuy ngộ đến chỗ cùng cực, đích thân thấy được Phật Tánh, nhưng vẫn là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân.

Nếu có thể rộng tu Lục Độ, trong hết thảy cảnh duyên đều đối trị tập khí phiền não cho thanh tịnh không còn thừa sót, sẽ có thể liễu sanh thoát tử, vượt ra ngoài tam giới, chẳng ở trong lục đạo nữa. Thời đức Phật còn tại thế, hạng người như vậy rất nhiều, trong thời Đường - Tống vẫn còn có, nay thì “đại triệt đại ngộ” còn chưa dễ được, huống là bậc hết sạch phiền não ư?

Thuyết “hiện thân thành Phật” hoặc còn gọi là “tức sanh thành Phật” (thành Phật ngay trong đời này) của Mật Tông giống như thuyết “kiến tánh thành Phật” của Thiên Tông, đều ứng theo công phu rất sâu mà nói. Chớ nên tưởng lầm là thật sự có thể thành Phật ngay trong thân này! Cần biết rằng “thành Phật ngay trong thân này” chỉ có mình đức Thích Ca Mâu Ni Phật mà

thôi! Ngoài ra, dầu là cổ Phật thị hiện, cũng không có chuyện “hiện thân thành Phật” (thành Phật ngay trong thân hiện tại)! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Chí Thành - 1*)

* Thiện Đạo hòa thượng là Di Đà hóa thân, có đại thần thông, có đại trí huệ, xiển dương Tịnh Độ rộng rãi, không chuộng huyền diệu, chỉ trọng chỗ chân thật, thiết thực, bình phàm, thực tiễn để dạy người khác tu trì. Lời dạy của Ngài về hai cách Chuyên Tu và Tạp Tu lợi ích vô cùng:

1) Chuyên Tu nghĩa là thân nghiệp chuyên lễ (phàm những khi đi nhiều và hết thấy những khi thân chẳng buông lung thì chính là thân nghiệp chuyên lễ), khẩu nghiệp chuyên xưng (phàm tụng kinh chú, có thể chí tâm hồi hướng thì cũng có thể gọi là chuyên xưng), ý nghiệp chuyên niệm. Như thế thì vãng sanh Tây Phương, vạn người chẳng sót một.

2) Tạp Tu là kiêm tu các pháp môn, hồi hướng vãng sanh. Do tâm chẳng thuần nhất, nên khó được lợi ích, trong trăm người khó được một, hai; trong ngàn kẻ hiếm được ba bốn người vãng sanh!

Đấy là lời thành thật từ kim khẩu, là lời phán định đanh thép ngàn đời chẳng đổi được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời anh em cư sĩ X... ở Vĩnh Gia*)

* Mỗi ngày, lượng theo sức mình niệm Phật và trì chú Đại Bi để làm căn cứ tự lợi, lợi tha. “Suốt đời chẳng thấu nhận một đệ tử xuất gia nào, chẳng nhận làm Trụ Trì chùa nào cả”! Đối với hết thầy mọi người đều dùng “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” để khuyên nhủ. Bất luận xuất gia hay tại gia, ai nấy đều phải chú trọng “trọn hết bổn phận con người” nhằm làm cho hết thầy mọi người trước hết làm một người hiền, người lành trong thế gian, ngỏ hầu cậy vào Phật từ lực siêu phàm nhập thánh, vãng sanh Tây Phương! Trọn chẳng nói với người khác những lời lẽ lớn lao khiến họ không thể thực hiện được, mặc cho người ta bảo mình là hạng Tăng chỉ biết cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì. Đại lược là như vậy đó! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Trích lục lời đại sư tự thuật*)

* Quang ở Phổ Đà từ năm Quang Tự 19 (1893) cho đến năm Dân Quốc thứ năm (1916), hơn 20 năm khá yên vui, suốt năm không ai đến thăm, không một lá thư nào gửi đến. Từ năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Vương Áu Nông đem một lá thư in ra mấy ngàn bản, ông Từ Úy Như đem ba lá thư in ra mấy ngàn bản, rồi năm sau lại in Văn Sao. Từ đây, một người truyền hư, vạn người truyền thật. Lại do chẳng tự lượng, khắc in các sách để mong lợi người. Hai mươi năm qua, đúng

là chuyên bận bịu vì người khác, nay đã già rồi, mong bề quan làm kế lánh phiền. **Đối với công khóa sớm tối, ngoài việc theo cả chùa thực hiện công khóa ra, mỗi tối niệm thêm chú Đại Bi năm mươi lượt, hoặc hai mươi lăm lượt.** Ngoài ra, hễ lúc nào rảnh thì niệm Phật, chẳng nhớ số, bởi nhớ số tốn sức. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên*, quyển thượng, *Thư trả lời cư sĩ Du Hữu Duy*)

* Nay gởi cho Thận Tu và lệnh ái⁷⁴ Hữu Trinh mỗi người một bao tro hương Đại Bi. Tro này đã gia trì hơn ba tháng rồi. Mỗi ngày nếu ít thì tụng năm mươi biến, nhiều thì bảy mươi lăm biến. Đựng trong thùng bánh quy to, mỗi thùng khoảng hơn mười cân⁷⁵. Phỏng tính đã trì tụng chú Đại Bi đến sáu bảy ngàn biến. Một bao tro này có thể dùng để pha nước được khoảng hai ba trăm lần. Pha lần đầu nên dùng một phần hai mươi lượng tro ấy bỏ trong chén lớn, dùng nước sôi để hòa, khuấy lên, đợi cho chất tro lắng xuống, đem nước ấy đổ vào trong bầu hay trong bình, mỗi ngày uống ba lần. Hãy nên ăn chay, thường niệm thánh hiệu “**Nam Mô Quán Thế Âm**” ắt sẽ có công hiệu thần diệu. Sau khi

74. Lệnh ái: Tiếng gọi con gái người nhằm tỏ ý tôn trọng.

75. Cân là một đơn vị đo lường trọng lượng đã có từ thời cổ, định lượng không đồng, mỗi đời mỗi khác. Thời Hán một cân chỉ là 200 gr. Qua mỗi đời, Cân nặng dần lên, đến đời Thanh, một cân khoảng 590 gr. Hiện thời, Đài Loan quy định một cân là 600 gr, tại Hoa Lục là 500 gr, riêng Hương Cảng là 604,79 gr.

bệnh lành hẳn rồi, nên pha ít đi, không cần phải uống một phần hai mươi giống như trước nữa. Nếu không tin, không chí thành sẽ vô hiệu!

Người phú quý lắm bệnh, một là vì chẳng chịu cắt tay nhắc chân làm chuyện gì, huyết mạch không thông suốt; hai là vì ăn nhiều các món huyết nhục, nếu gặp phải món có chất độc thì họa hoạn chẳng nhỏ, không chừng bị mất mạng! Dầu là con vật không độc, nhưng do lúc nó bị giết, hận tâm kết lại, nên thịt nó có độc tánh. Tuy chẳng có tác dụng giết chết người ngay lập tức, nhưng chất độc tích lại lâu ngày, ắt sẽ phát ra thành ghê, thành bệnh. Bà Trâm nhà họ Trương chịu để cho Thận Tu kiêng giết, ăn chay thì bệnh đờm sẽ được lành ngay! Sớ tro còn dư nên để thờ ở phía dưới khám thờ Phật hoặc treo nơi cao ráo, sạch sẽ, để phòng khi bất ngờ cần đến và tùy tiện dùng để cứu giúp những chứng bệnh nguy hiểm, chớ nên khinh lờn! Chất tro đã đem dùng để hòa nước xong, hãy nên trộn với nước trát lên nóc nhà để tỏ lòng kính trọng. Đây chính là “*nước Đại Bi khô*”⁷⁶ có thể gửi đi phương xa, có thể giữ lâu năm được. Ở chỗ ông, nếu không phải là chứng bệnh cực nguy hiểm, đừng đem cho! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên*, quyển thượng, *Thư trả lời cư sĩ Giang*

76. Tổ Ấn Quang thường trì chú Đại Bi vào nước, gọi là Đại Bi Thủy, hoặc trì chú vào gạo cho người bệnh nấu cơm ăn gọi là Đại Bi Phạn. Để tiện gửi đi xa, Tổ trì chú vào tro hương, để người nhận đem tro hòa nước uống, giống như uống Đại Bi Thủy vậy.

Dịch Viên (bốn lá thư) – lá thư số 2)

* Người khác dạy người, đa phần chú trọng dốc sức nơi chỗ huyền diệu, còn Quang dạy người đa phần phát huy ý chỉ “*tận hết bốn phận*”. Nếu chẳng thể tận hết bốn phận thì dù có thấu triệt tận nguồn tốt đày mọi sự trong Thiên, trong Giáo, cũng chỉ thành một kẻ khiến cho tam thế chư Phật bị oan uổng mà thôi! Huống chi còn có sự chưa thể thông hiểu tận nguồn thấu đày ư! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 11*)

* Chuyện trích máu chép kinh xin hãy thư thả ! Trước hết, hãy lấy chuyện nhất tâm niệm Phật làm trọng, e rằng do trích máu chép kinh mà huyết hao, thần suy, đâm ra biến thành chướng ngại. Thân có an thì đạo mới tăng tấn. Trong địa vị phàm phu, chẳng được học đòi khổ hạnh của địa vị Pháp Thân đại sĩ, như vậy mới có hiệu quả. Hễ đạt được nhất tâm thì pháp nào cũng đều viên dung! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời đại sư Hoằng Nhất - 2*))

* Cư sĩ tu chân ngay trong cõi tục, tùy duyên tăng tấn đạo nghiệp, giữ gìn một câu Di Đà làm bốn mạng nguyên thần, ôm ấp hai chữ “*hồ thẹn*” để dùng làm bạc

thang dự vào cõi thánh. Chẳng chán nhiều phen trèo lên thánh địa, sao chép những tông tích để mở rộng tai mắt cho người khác.... Thật có thể nói là cư sĩ đã “*vì pháp quên mình*”, nhưng trong sự thấy biết ngu muội của Quang thì có lẽ nên dừng bước nghỉ ngơi! Nếu vẫn muốn du hành rộng khắp thì hãy nên dùng thần thức để du hành, chẳng cần phải dùng thân.

Ba kinh Di Đà, một bộ Hoa Nghiêm dùng làm lộ trình để du hành, tham phỏng, ngồi yên trong ao bảy báu mà dạo khắp thế giới Hoa Tạng thì thần thức càng dạo đi, thân càng mạnh mẽ, niệm càng trọn khắp mà tâm càng chuyên nhất. **Tịch** thì một niệm cũng chẳng thể được, mà **Chiếu** thì vạn đức cũng vốn sẵn đủ, Tịch - Chiếu viên dung, Chân - Tục chẳng hai. Mười đời xưa nay hiện trong đương niệm, vô biên sát hải⁷⁷ nhiếp về tự tâm. So với chuyện khoác sao đội trăng, xông mưa đột gió, kinh sợ khi vào chốn vực sâu, hãi hùng trong cảnh nguy hiểm thì còn gấp mấy lần sự sai khác giữa một ngày và cả kiếp! Tôi thấy biết hèn tẻ như thế đó, chẳng biết cư sĩ nghĩ sao? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên - 8*)

77. Sát Hải: nói đủ là “sát độ đại hải”, từ ngữ dùng để chỉ mười phương thế giới hay vũ trụ. Sát tức là chữ Ksetra (sát-độ) nói gọn. Một Ksetra nhỏ nhất là một tam thiên đại thiên thế giới, tức khu vực giáo hóa của một đức Phật. Do sát-độ của chư Phật vô lượng vô biên nên dùng chữ Hải (biển) để hình dung số lượng rộng lớn không thể tính xuê được.

* Các hạ chưa đầy 30 tuổi mà đã hiện tướng suy yếu, cố nhiên hãy nên bỏ cái học rộng rãi để giữ lấy chỗ ước lược, hãy chuyên tu Tịnh nghiệp. Khi Tịnh nghiệp đã thành tựu lớn lao rồi, sẽ hoằng dương các pháp khác ngỏ hầu thật sự tự lợi, lợi tha. Nếu không, tuy có thể lợi người, nhưng những pháp ấy vẫn chưa phải là đạo rốt ráo. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh - 1*)

* Người tu Tịnh nghiệp chớ nên dính vào chút điểm xảo thuật nào. Nếu vẫn thích những chuyện kỳ lạ, không ưa chuyện bình thường, ắt sẽ biến khéo thành vụng. Do điều này, người thông Tông thông Giáo thường chẳng bằng ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật mà lại được ích lợi thật sự. Nếu chịu giữ nề nếp bình thường, đạu bực, chất phác, thật thà thì sanh về Cực Lạc sẽ là điều có thể dự đoán chắc chắn được! Nếu không, chẳng sanh về Cực Lạc cũng là điều có thể đoán chắc được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 1*)

* **Một pháp Niệm Phật chỉ những ai chết được cái trí kiến cường vọng mới có thể được lợi ích.** Dầu cho cái trí ngang bằng thánh nhân cũng mặc kệ, cứ lấy một câu Phật hiệu này làm bồn mạng nguyên thân, thề cầu vãng sanh. Dầu đem cái chết bức bách, ép thay đổi

đường lối cũng chẳng thể thay đổi chí hướng! Như thế mới được coi là người thông minh, mới có thể đạt được lợi ích thật sự. Nếu không, do lắm tri nhiều kiến, tâm chẳng thể đoạn nghi, đâm ra chẳng bằng kẻ chất phác niệm Phật chẳng có chút hiểu biết nào lại dễ được lợi ích hơn! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập - 1*)

* Xem thư gửi đến, có thể nói là “phát đại Bồ Đề tâm để mong mình lẫn người đều được lợi”, nhưng thư viết “*tâm lợi mình nhặt nhẽo, tâm lợi người thiết tha*” cũng là ngữ bệnh! **Chẳng thể tự lợi thì trọn chẳng thể làm lợi lớn lao cho người khác được!** Hai điều ấy hãy nên chẳng phân biệt thân - sơ mới đúng. Tự lợi và lợi tha chính là một nguyện mà thôi, đối với tự lợi ắt phải dốc hết tâm lực, há nên đối với phương diện tự lợi lại nói là nhặt nhẽo, lầm lạc học theo thân phận của đại Bồ Tát! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm - 1*)

* Ông thích niệm kinh Kim Cang, hãy nên đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì đây chính là Trợ Hạnh cho Tịnh Độ. Nhưng Tịnh Độ Ngũ Kinh công đức cũng chẳng kém gì kinh Kim Cang. Đối với những kinh sách đã gửi, hãy nên đọc kỹ lời Tựa do Quang viết, sẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩa chánh yếu.

Tiếp đó, lắng lòng cung kính đọc thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham - 1*)

Người biên tập kính cẩn góp lời: Mùa Thu năm Dân Quốc 24 (1935), tôi ở Phố Đà dâng thư lên Ấn Quang đại sư ở chùa Báo Quốc, thành phố Tô Châu, xin được quy y, liền được Ngài phúc đáp, ban cho pháp danh là Tông Kính và tặng cho tôi Tịnh Độ Ngũ Kinh, Mộng Đông Thiên Sư Di Tập v.v... mười mấy đầu sách. Thư phúc đáp còn dạy: Những chỗ giảng rõ về Tịnh Độ trong kinh Kim Cang rất ít, mỗi ngày dốc lòng thành tụng một biến là được rồi. **Ngoài việc chuyên rờng niệm Phật ra, ông hãy nên đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh ba lượt không gián đoạn. Cho đến nay tôi vẫn tuân theo lời dạy ấy, chẳng dám quên!**

* Pháp sư Ngọc Phong tuy hành trì tốt đẹp, nhưng kiến giải về mặt lý nhiều chỗ thiên vị... Ngay như cuốn Niệm Phật Tứ Đại Yếu Quyết của ngài, về ý thì cũng chẳng phải là không tốt lành, nhưng dùng từ ngữ, lập luận thật mâu thuẫn với những bậc cổ đức. “*Chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu nhất tâm*” là đã trái nghịch, làm lạc với toàn thể.

Kinh dạy người ta nhất tâm, Sư lại dạy người ta chẳng cầu. Chẳng trừ vọng tưởng mà có thể đạt được nhất tâm hay sao? Chọn lấy pháp bậc thượng, chỉ đạt

được bậc trung. Há có nên vì chẳng thể đạt được mà chẳng giữ lấy pháp ấy hay sao? Nếu do chẳng đạt được mà dạy người khác chẳng giữ lấy pháp ấy thì chính là dạy người khác học theo pháp bậc hạ vậy!

Đại Thế Chí Bồ Tát nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”. Sư cực lực dạy người khác tán tâm niệm, chẳng tán dương nhiếp tâm niệm. Niệm Phật tuy hết thảy vô ngại, nhưng muốn đích thân chứng được tam-muội thì cố nhiên giữ tâm cho tịnh vẫn tốt hơn. Nếu chẳng thể tịnh thì cũng không trở ngại gì, đây chính là “ngay trong nơi động mà tịnh!” Sư một mực coi tịnh là tà, cho rằng cố giữ cho tâm tịnh là trái nghịch rất lớn ý chỉ “*chấp trì danh hiệu, nhớ Phật, niệm Phật*”, lỗi ấy không thể nào diễn tả được!

Hơn nữa, **một pháp Niệm Phật bao gồm trọn vẹn hết thảy pháp môn trong một đời giáo hóa của đức Phật**, mà một chữ Tịnh vẫn bị đặt ra bên ngoài thì há có đáng gọi là vị chân thiện tri thức trong Tịnh tông hay chẳng? Mong lần sau tái bản hãy gạt bỏ mực viết về sách Tứ Đại Yếu Quyết, ngõ hầu kẻ sơ cơ chẳng đến nỗi mắc bệnh, mà người thông suốt cũng không do đâu mà chê cười được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo - 10*)

* Chẳng tu thân mà niệm Phật thì cũng có lợi ích, nhưng quyết định vãng sanh thì trong trăm ngàn vạn

người khó được một kẻ! Hùng Tuấn, Duy Cung⁷⁸ được vãng sanh là chuyện may mắn. Hai câu văn ông đã soạn thì đúng nhưng còn chưa thiết thực, hãy nên viết: “*Trí đoạn phiền tình siêu khổ hải, lập kiên tín nguyện nhập liên trì*” (Trí dứt phiền tình, vượt biển khổ, tín nguyện lập vững, nhập liên trì) sẽ xác đáng, thiết thực, vì pháp tác dụng công đều được chỉ ra (Phiền là phiền não, tức là nói chung, còn Tình chuyên chỉ dâm dục). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập - 1*)

*** Chuyện niệm Phật, ước về mặt được lợi ích ngay trong đời này thì cần phải chí thành khẩn thiết thường niệm.** Nếu chỉ để gieo thiện căn, dẫn đưa bốn niệm một câu cũng nhất định sẽ trong đời sau nhờ vào thiện căn ấy phát khởi mà tu trì. Vì thế, cổ nhân dựng nhiều tháp miếu to lớn là vì muốn cho hết thảy mọi người trông thấy đều gieo thiện căn.

Một câu Phật hiệu này đã gieo vào trong tám thức điền sẽ vĩnh cửu chẳng diệt. Do vậy biết rằng: Chịu niệm Phật cố nhiên là tốt. Nếu người ta] không chịu niệm, hãy bảo người ấy: “Chịu nghe niệm Phật hiệu cũng gieo được thiện căn, nghe lâu ngày cũng có công

78. Đây là hai nhân vật hung ác, phá giới, phạm trai, tới lúc lâm chung do sám hối thiết tha cầu sanh Tịnh Độ nên vẫn được vãng sanh (Xin xem trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục).

đức lớn lao”. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Triều Giác (Giác Minh) - 8*)

* Ông muốn Quang dạy ông sao cho viên giác diệu tâm của ông được khai ngộ thênh thang (tâm ấy chính là tâm do đức Phật đã chứng), chân cảnh Tịch Quang thường được hiện tiền (cảnh ấy chính là cảnh đức Phật ngự), tuy bài nguyện văn của tổ Liên Trì tuy có câu này, nhưng đừng sanh lòng si dại mong đạt được ngay! Nếu muốn đạt được ngay, ắt sẽ bị ma dựa phát cuồng, Phật cũng chẳng thể cứu được! Ví như trẻ nít vịn tường để bước đi còn khó khỏi vấp té, nếu muốn bay lượn trên không, xem khắp bốn biển, há chẳng phải là nói mơ ư? Chỉ cầu vãng sanh, liền liễu sanh tử. Nếu muốn ngộ cái tâm này, thấy được cảnh này, vẫn cần phải tu dần dần thì mới ngộ được từng phần, thấy từng phần. Nếu muốn thấy trọn vẹn, ngộ trọn vẹn mà chưa thành Phật thì sẽ không thể được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Ngô Tư Khiêm*)

* **“Giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận; dứt lòng tà, giữ lòng thành; đừng làm các điều ác; vâng giữ các điều lành”**, nếu muốn học Phật đạo để thoát phàm tục mà chẳng chú trọng nơi bốn câu ấy sẽ như cây không rễ mà mong tươi tốt, như chim không cánh

mà mong bay cao!

“Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật”. Phàm phu sát đất muôn liễu sanh tử ngay trong đời này mà nếu chẳng y theo bốn câu này sẽ thành “không nhân mà muốn có quả, chưa gieo đã mong gặt hái”, muôn vàn chẳng có lẽ ấy!

Nếu toàn thân có thể gánh vác tám câu này, chắc chắn khi còn sống có thể dựa vào bậc thánh hiền, ắt lên cõi Cực Lạc. (*Ấn Quang Pháp Sư Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Thái Khê Thành - 3*)

* Một pháp Niệm Phật ước có 4 loại, nghĩa là: Trì Danh, Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng. Chỉ mỗi mình pháp Trì Danh thâm nhiếp căn cơ rất rộng, hạ thủ dễ dàng nhất, chẳng đến nỗi bị ma sự!

Nếu muốn tu Quán, phải đọc kỹ Quán Kinh, hiểu sâu xa “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” và “tâm tịnh Phật hiện, cảnh chẳng phải đến từ bên ngoài”, chỉ do tâm hiện, đừng sanh chấp trước. Đã không chấp trước thì cảnh càng thêm thâm diệu, tâm càng thêm tinh nhất. Làm được như vậy thì quán tướng được lợi ích chẳng nhỏ.

Nếu cảnh quán chẳng thuần thực, chẳng hiểu rõ Lý, dùng tâm gấp rút vọng động muốn cảnh hiện gấp thì toàn thể đều là vọng, chẳng tương ứng với cả Phật lẫn tâm, đọa vào ma thai. Nhân đó, vọng động muốn thấy

cảnh thì tâm càng thêm vọng động, ắt đến nổi phát động oan gia trong nhiều đời hiện ra những cảnh giới. Cái nhân ban đầu đã chẳng chân, làm sao biết được cảnh ấy là do ma nghiệp hiện? Liền sanh đại hoan hỷ, tình thức chẳng tự yên nên ma sẽ dựa thân, mất trí thành cuồng. Dù cho Phật sống hiện thân cứu độ, cũng chẳng làm gì được! Nên tự lượng căn tánh, chớ toan tính chuyện cao xa để đến nỗi mong được lợi hóa ra thành tổn hại!

Hòa Thượng Thiện Đạo dạy: *“Mạt Pháp chúng sanh thần thức chao đảo, tâm thô cảnh tế, quán khó thành tựu. Cho nên đức Đại Thánh thương xót riêng khuyên nên trì danh vì xưng danh dễ, trì danh liên tục liền được sanh”*. Đúng là Ngài sợ có kẻ chẳng khéo dụng tâm đến nỗi lạc vào cảnh ma. Hãy tự xét kỹ! Hơn nữa, Trì Danh chí thành khẩn thiết cũng là một diệu pháp để tiêu trừ ma cảnh vọng động. Hãy nên dốc kiệt tâm lực thực hành mới nên! *(Trích dẫn Án Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Như Lai thuyết pháp vốn là để thích ứng căn cơ. Vì thế mới có việc vì Thật bày Quyền, hiển Quyền khai Thật, năm thời giáo hóa. Lại vì cậy vào tự lực để liễu thoát thì khó, cậy Phật lực để liễu thoát thì dễ. Lại vì chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để ba căn thượng, trung, hạ đều hưởng lợi ích, cùng chứng Bất Thoái.

Đời có kẻ ham cao chuộng trội, chẳng xét thời cơ, cứ đem những pháp phần đông chẳng khế ngộ nổi để dạy người tu tập. Ý họ tuy rất lành, nhưng ước về giáo pháp thì chẳng thích hợp với căn cơ, cho nên dụng sức rất nhiều mà kẻ được lợi ích lại ít! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Khi bế quan dụng công, nên lấy “chuyên tinh bất nhị” làm chánh. Nếu tâm được chuyên nhất sẽ tự được cảm thông chẳng thể nghĩ bàn. Lúc chưa được Nhất Tâm, tâm chớ vọng động cầu cảm thông. Sau khi Nhất Tâm, nhất định có cảm thông. Cảm thông thì tâm càng tinh nhất. Có thể nói là như gương sáng đặt trên đài, hình đến liền hiện bóng, hình tự lặn xăng, can gì đến ta? Tâm chưa chuyên nhất, đừng cầu cảm thông; bởi cái tâm cầu cảm thông đó chính là một chướng ngại lớn bậc nhất cho việc tu đạo. Huống hồ do vọng động mong cầu thái quá, rất có thể các ma sự khởi, phá hoại tịnh tâm! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Việc cắt máu chép kinh có thể hoãn lại đó, trước hết nên lấy nhất tâm niệm Phật làm trọng. E rằng vì máu hao tinh thần suy nhược, lại hóa thành chướng ngại. Thân có an thì đạo mới vượng. Còn thuộc địa vị phàm phu đừng bắt chước khổ hạnh của bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Chỉ cần được nhất tâm thì pháp nào cũng trọn

vẹn hết! (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Đối với pháp Quán Tượng, nếu chẳng minh bạch về mặt Lý, quán cảnh chưa thành thực thì chẳng được có tâm vọng động mong chóng đạt. Người có chí trần định chẳng dờn tu pháp này thì tổn nhiều, ích ít. Còn Thật Tướng Niệm Phật chính là diệu hạnh thuộc về đường lối chung trong hết thảy pháp môn thuộc toàn bộ giáo pháp của đức Phật. Như Chỉ Quán bên Thiên Thai Tông, tham cứu hướng thượng của nhà Thiền v.v... đều thuộc đường lối này cả. Những pháp nói đó đều là niệm Đức Phật tự tánh thiên chân....

Niệm đức Phật Thật Tướng như vậy nói có vẻ dễ, nhưng tu chứng khó nhất. Chẳng phải bậc Đại Sĩ tái lai, có ai chứng được ngay trong đời này? Do khó khăn ấy, lẽ đương nhiên cách Trì Danh niệm Phật đáng nên khen ngợi, khuyên tu. Hiểu điều này rồi mà còn muốn cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng chân, khôi phục tâm tánh vốn sẵn có, chẳng chịu sanh lòng tin, phát nguyện, chấp trì danh hiệu cầu sanh Tây Phương, quyết chẳng có lẽ ấy!

Do Thật Tướng hiện hữu trong hết thảy pháp, một pháp Trì Danh chính là một đại pháp môn vừa là Sự vừa là Lý, vừa cạn, vừa sâu, vừa là tu, vừa là tánh, là phàm tâm nhưng lại là Phật tâm. Với Trì Danh mà hiểu được thể của nó chính là Thật Tướng thì đạt lợi ích sâu rộng.

Bỏ Trì Danh để chuyên tu Thật Tướng thì vạn người tu, cũng khó được một hai kẻ thật chứng! Cứ xem quả báo của những vị Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Thập Bằng v.v... sẽ thấy được lẽ trên. Với một việc liễu sanh thoát tử há cứ dùng chí to, lời lẽ to lớn mà thành tựu được nổi sao? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* **Niêm vui niệm Phật chỉ người chân thật niệm Phật mới biết được nổi.** Nhưng phải chí thành khẩn thiết, nhiếp tâm mà niệm, chẳng được chấp vào tướng ngoại cảnh. Nếu không cõi lòng chẳng thông, quán đạo chẳng thuần thực, ma cảnh hiện tiền cũng chẳng biết rõ thì nguy lắm! Phải nhớ kỹ, nhớ kỹ! Nay những người thật sự hoằng dương Tịnh Độ khó được mấy ai! Dem ý niệm tham học với khắp các bậc tri thức đổi thành nhất tâm niệm Phật thì lợi ích to lớn. Nếu không, chỉ thành ra uổng công nhọc nhằn bôn ba mà thôi! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* **Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm** chính là niệm đến lúc tương ứng, dù thường niệm Phật, nhưng trọn không có tướng khởi tâm động niệm (lúc chưa tương ứng, chẳng khởi tâm động niệm thì chẳng niệm). Tuy chẳng khởi tâm động niệm, nhưng thường luôn xung niệm hoặc ức niệm một câu Phật hiệu; nên nói

“niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm”. Đừng hiểu vô niệm là không niệm. Vô niệm nghĩa là không có tướng khởi tâm động niệm để niệm, nhưng niệm niệm chẳng gián đoạn. Cảnh giới này chẳng dễ đạt được, chớ có hiểu lầm! *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Một pháp Quán Tưởng tuy hay, nhưng phải hiểu rõ tượng Phật mình thấy đó thuộc về duy tâm sở hiện. Nếu tượng đó là cảnh ngoài tâm, rất có thể bị ma dựa phát cuồng. Chẳng thể không biết! Duy tâm sở hiện là cảnh tượng ấy tuy rành rẽ phân minh, nhưng thật chẳng có vật gì. Nếu tượng là ngoại cảnh, cho là đành rành thật có thì liền thành ma cảnh. Khi tu Quán nhắm mắt, mở mắt cốt sao thích hợp là được. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Người khác dạy người chú trọng vào chỗ huyền diệu. Quang tôi dạy người đa phần chỉ dẫn những điều họ có thể tận sức làm được. Nếu chẳng thể tận sức mình, dù có luận tới tốt nguồn, tận đáy của mỗi một pháp trong Thiên hay Giáo cũng chỉ thành “tam thế chư Phật oan” mà thôi, huống gì chưa phải là chuyện tốt nguồn, tận đáy ư? *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Không tín - nguyện niệm Phật so với tham thiền, khán thoại đầu tuy công đức lớn hơn, nhưng mình chưa đoạn được Hoặc, sẽ chẳng thể liễu thoát bằng tự lực! Thêm nữa, không có tín - nguyện chẳng thể được Phật tiếp dẫn liễu thoát, vẫn là pháp môn thông thường cậy vào tự lực để chứng đạo, thật chẳng thể dễ dàng. Chớ bảo “tín nguyện cầu sanh” là hèn kém! Hoa Nghiêm hải hội cùng lấy mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh là chỗ quy kết cuối cùng cho kinh Hoa Nghiêm. Huống hồ những pháp ngữ, những lời dạy của các Bồ Tát, Tổ sư trong Tịnh Độ đều chỉ dạy tín nguyện cầu sanh. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng hành giả nên bắt đầu từ phép quán dễ, hoặc là quán tướng bạch hào của Như Lai, hoặc phép quán thứ mười ba là tạp tướng quán. Còn như quán về chín phẩm chẳng qua là để hành nhân biết được tiền nhân, hậu quả của việc vãng sanh mà thôi, chỉ cần hiểu rõ là được; bất tất phải đặt riêng làm phép quán.

Chẳng thể chẳng biết lý của Quán, về mặt sự của tu quán thì phải hành từ từ. Nếu như chẳng hiểu rõ mặt lý, quán cảnh chẳng phân minh, dùng tâm tháo động thô phù để tu, có thể tạo thành ma sự. Tức là khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm chợt vọng sanh ý niệm vui mừng, sẽ do vui thành chướng, có thể bị thoái thất cái tâm ban

đầu.

Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Tâm chẳng cho là cảnh thánh, gọi là cảnh giới lành. Nếu cho là thánh giải liền vướng quàn tà”*. Chỉ mỗi cách Nhất Tâm Trì Danh là hạnh ngàn phần ôn thỏa, vạn bề thích đáng, đợi đến khi tâm quy nhất, tịnh cảnh sẽ tự hiện tiền. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Phải biết lý *“Pháp Thân vào trong tâm tướng”* nói trong Quán Kinh rất sâu. Tâm là Phật, tâm làm Phật sự vốn bình thường. Bình thường phi thường, rất sâu chẳng sâu. Phải viên ngộ mới gọi là *“đạt nhân”* (người thấu hiểu). Còn phép quán thứ mười ba là riêng vì chúng sanh căn cơ kém cõi mở cửa phương tiện, dạy họ quán thân Phật tượng sáu hoặc tám thước.

Trong phép quán thứ mười sáu, lại dạy những kẻ ác nghiệp nặng nề xưng danh hiệu. Do xưng danh liền được vãng sanh. Do đây biết rằng: Tướng có lớn nhỏ, Phật vốn là một. Chẳng thể quán tượng, chỉ cần xưng danh liền được lợi ích. Suy nghĩ kỹ điều này sẽ biết một pháp Trì Danh thật là bậc nhất. Hành nhân đời mạt muốn được quyết định vãng sanh ngay trong đời này có nên bỏ phí của báu một hạnh Trì Danh này chẳng? *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Tượng Đại Sĩ ông được thấy lúc mới lễ Phật là

không đích xác. Nếu đích thực là tượng Ngài thì sẽ chẳng vì ông nghĩ tượng đó chẳng khớp với Quán kinh mà ản. Nhưng vì điều đó tín tâm của ông càng khẩn thiết thì cũng là một nhân duyên tốt, nhưng chẳng nên mong thường thấy tượng. Chỉ nên chí thành lễ bái mà thôi, mong ông đừng nghĩ gì khác. Lúc ngủ thấy ánh sáng trước mắt và khi lễ Phật thấy tượng Phật đứng trên hư không tuy là thiện cảnh, nhưng đừng tham đắm. Từ đây về sau đừng lấy đó làm điều mong mỏi, các tướng ấy sẽ chẳng hiện nữa.

Xem căn tánh của ông có lẽ đời trước từng tu tập Thiên Định nên mới nhiều lần thấy những tướng ấy. Đời Minh, ông Ngu Thuần Hy ở tại núi Thiên Mục, bế quan tĩnh tu trên đỉnh núi cao. Lâu ngày bèn có tiên tri, dự đoán được trời sẽ âm u hay quang đãng, họa phước của người. Ông ta quy y với Liên Trì đại sư. Đại sư nghe chuyện gửi thư cực lực quở trách, bảo ông ta lọt vào lưới rập của ma. Sau ông không biết nữa.

Phải biết rằng: Người học đạo phải biết điều gì là quan trọng; nếu không, được lợi ích nhỏ nhặt, bị tổn hại lớn lao. Đừng kể đến những cảnh giới ấy, dù có thật sự đắc Ngũ Thông cũng còn phải không đếm xỉa gì tới, mới hòng chứng được Lộ Tận Thông. Nếu một phen tham đắm sẽ khó thể tiến lên, thậm chí còn thoái đạo. Chẳng thể chẳng biết! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Người tu Tịnh nghiệp chẳng đặt nặng các thứ cảnh giới nên không cảnh giới nào phát sanh. Nếu trong tâm cứ chuyên muốn thấy cảnh giới thì cảnh giới rất nhiều. Nếu chẳng khéo dụng tâm, có thể bị tổn hại, chẳng thể chẳng biết. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Đàm Bích Vân cứ mong gặp chứng. Chẳng phải riêng mình ông ta mắc phải căn bệnh này, hết thầy người học Phật đa số đều phạm phải căn bệnh này. Đã có bệnh ấy, chẳng những chiêu cảm ma sự, mà còn chưa chứng nói là đã chứng. Phải biết rằng: Tâm vốn là Phật, do phiền não chưa trừ, phải oan uổng làm chúng sanh. Chỉ khi tiêu diệt được phiền não thì Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện.

Giống như mài gương chỉ mong sạch chất dơ, chẳng mong phát quang. Như thầy thuốc chữa mắt, hễ màng mọng mắt đi, mắt sẽ tự sáng lại. Còn lúc chất dơ chưa sạch, màng mọng chưa khử, dù có muốn phóng đại quang minh, há có thể được chẳng? Nếu phát quang, đấy chính là yêu ma biến hiện, chứ chẳng phải là quang minh chân chánh của gương hay mắt. Đối với những người sơ phát tâm, hãy nên đem ý này bảo cho họ biết. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật; đó gọi là Chánh Nhân, thuộc về Tánh đức, cũng còn gọi là Bồn Giác. Tuy có Chánh Nhân, nhưng nếu chẳng nghe Phật pháp sẽ như đồ báu trong kho, như viên châu buộc trong chéo áo; do không biết nên phải oan uổng chịu bần cùng. Đã được nghe Phật pháp, biết “Phật là vị Phật đã thành, ta và hết thấy chúng sanh đều là những vị Phật chưa thành”, từ đây tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, bỏ vọng về với chân, trái trần, hiệp giác. Đây gọi là Duyên Nhân, thuộc về Tu đức, cũng gọi là Thi Giác vậy!

Công Tu đức sâu thì thể của Tánh đức hiển lộ, mới biết từ xưa đến nay đã nương theo sức của Chánh Nhân Phật tánh ấy để làm đủ mọi chuyện trái nghịch tánh, chịu đủ mọi nỗi khổ huyễn vọng, giống như trong nhà tôi đựng phải của báu, đâm ra bị tổn thương! Nay đã đích thân thấy được Phật tánh sẵn có thì cái gốc cũ chẳng mất, mà Phật tánh mới giác ngộ hiện thời cũng chẳng được⁷⁹, toàn vọng chính là chân, toàn tu chính là tánh. Đây gọi là Liễu Nhân, chính là Tánh và Tu dung hợp, Thi - Bồn hợp nhất vậy!

Phàm hết thấy những pháp môn Đại - Tiểu - Quyền - Thật do đức Phật đã nói, không môn nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh đích thân chứng được điều này mà

79. Do luôn thường hằng sẵn có, nên nói “chẳng mất mà cũng chẳng được”, chỉ là thấy được Phật tánh hay không mà thôi!

thôi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi quyển mộ tu bổ tháp Báo Ân chùa Báo Ân, Tô Châu*)

* Người thông minh trong thế gian phần nhiều chẳng tự lượng, coi pháp môn Tịnh Độ là lười nhác, muốn nương theo các pháp môn thâm diệu cật vào tự lực hòng được lợi ích lớn lao, rốt cuộc chỉ biết giáo nghĩa, chưa thể tâm đắc! Dầu có tâm đắc, cũng chẳng thể thực hiện trọn khắp. Bỏ dễ cầu khó, biến khéo thành vụng, người thông minh mười kẻ hết chín phạm phải tâm bệnh này! Chẳng bị xoay chuyển bởi những thứ tri kiến ấy, lại còn giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, thì chính là đệ tử thật sự của đức Phật, chắc chắn có thể liễu sanh thoát tử trong đời này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Nam Phó*)

* Cật vào tự lực thì phải đoạn hết sạch Kiến Tư phiền não trong tam giới, hàng lợi căn có thể đoạn được phiền não ngay trong đời này; còn độn căn thì trước hết phải đoạn phiền não trong Dục Giới, sanh lên Sắc Giới. Kế đó, đoạn phiền não trong Sắc Giới, sanh lên Vô Sắc Giới. Mãi cho đến khi đoạn hết sạch phiền não trong Vô Sắc Giới, chứng Chân Đê Niết Bàn, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh vậy! Chư thiên trong tam giới

ngoại trừ các vị đại Bồ Tát thuộc Đâu Suất Nội Viện (sinh về Nội Viện⁸⁰ đều là Pháp Thân đại sĩ) và tam quả thánh nhân thuộc năm tầng trời Bất Hoàn (Ngũ Bất Hoàn Thiên) tức Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện, Sắc Cứu Cánh, thì đều là người trong lục đạo luân hồi, chẳng thể coi sinh lên Vô Sắc Giới Thiên là đã thoát tam giới! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 4*)

* Gần đây, người ta thường ưa ham cao chuộng xa, hơi thông minh bèn học Thiên Tông, Tướng Tông⁸¹, Mật Tông, phần nhiều coi niệm Phật là vô dụng. Họ chỉ biết sự huyền diệu của cơ ngữ⁸² nhà Thiên, sự tinh vi của pháp tướng trong Tướng Tông, oai thần rộng lớn của Mật Tông, nhưng chẳng biết: Thiên dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng nếu chưa hết sạch Phiền Hoặc thì vẫn sanh tử y như cũ, chẳng thể liễu thoát được! Với Tướng Tông thì nếu không phá sạch Ngã

80. Nội Viện chính là Thiện Pháp Đường của tầng trời Đâu Suất, do đại thần Lao Độ Bạt Đề kiến tạo, là trụ xứ của Bồ Tát Di Lạc. Tất cả các vị Phật thị hiện trong Sa Bà đều trụ tại Đâu Suất Nội Viện trước khi giảng sanh trong nhân gian. Các phàm thiên không thể nào thấy được Đâu Suất Nội Viện.

81. Tướng Tông: Gọi đủ là Pháp Tướng Duy Thức Tông. Do tông này chú trọng nghiên cứu tướng trạng của các pháp, phân chia các trạng thái tâm thức tỉ mỉ, nên gọi là Tướng Tông.

82. Cơ ngữ: Gọi tắt của cơ phong chuyển ngữ, tức những câu đối đáp thuận theo căn cơ, nhằm giúp cho người hỏi kiến tánh, chẳng hạn như “Phật là gì?” Thiên Sư bèn đáp “con mèo trèo lên cây cột”.

Chấp và Pháp Chấp, dù có hiểu rành rẽ đủ mọi danh tướng⁸³, cũng giống như “kể chuyện ăn, đếm của báu”, rốt cuộc có ích gì đâu! Với Mật Tông thì tuy nói là có thể “thành Phật ngay nơi thân hiện tại”, nhưng quyết chẳng phải là chuyện của hạng phàm phu sát đất có thể thành tựu được! Phàm phu lầm lạc sanh ý tưởng ấy bèn bị ma dựa phát cuồng, mười người hết tám chín người bị như vậy. Do đó, hãy nên chuyên chí vào một môn Niệm Phật là pháp tắc vô thượng bậc nhất ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời một cư sĩ ở Diêu Duy*)

* Muốn đọc tụng Đại Thừa để giúp cho Tịnh nghiệp mà không thật sự có chánh tri chánh kiến hiểu biết Tịnh Độ sâu xa sẽ không được. Nếu không, sẽ coi những pháp môn cao sâu huyền diệu trong kinh giáo là bậc thượng, hoàn toàn xem pháp môn Tịnh Độ là sự tu trì của ngu phu ngu phụ. Gần đây, những người giảng Hoa Nghiêm, giảng Pháp Tướng, phần nhiều đả phá Tịnh Độ. Ông X... ở Hồ Nam hiểu sâu Tịnh Độ và còn cực lực đề xướng, do học Pháp Tướng Tông, những gì ông ta nói về sau này đều là báng Phật, báng Pháp, báng

83. Danh là tên gọi của sự vật, Tướng là hình trạng của sự vật. Dùng danh xưng để nêu rõ tướng trạng của sự vật nên gọi là “danh tướng”. Một cách giải thích khác: Những gì nghe được thì gọi là Danh, thấy được thì gọi là Tướng. Danh và Tướng đều không có thật thể, chỉ là giả lập để tiện giáo hóa.

Tăng. Ông đã phát cái tâm lớn lao này, khá là khó có, nhưng chưa chắc đã không bị lay chuyển bởi những tri thức từ kinh giáo. Chẳng bị chuyển thì đáng gọi là chân Phật tử. Hễ bị chuyển thì sẽ trở thành bỏ dễ chọn khó, hoặc giống như ông X... ở Hồ Nam thì ô hô, ai tai rồi!

Khi xưa, một vị pháp sư dùng niệm Phật để bán đậu Ngũ Hương⁸⁴, dùng giảng kinh để mở ngân hàng, niệm Phật lại biến thành com trộn lẫn cát, làm sao ăn được? Do vậy, biết rằng: Không có đại thiện căn sẽ chẳng thể tin tưởng sâu xa pháp này! Nói với ông điều này nhằm làm cho trước khi ông cất bước đã nhận biết chắc chắn hướng chỉ của kim chỉ nam. Nếu không, có thể mạo xưng là bậc đại thông gia, sợ khó lòng đạt được liễu sanh tử. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ân Đức Tăng*)

* Một pháp Mật Tông thật sự chẳng thể nghĩ bàn, nhưng tiểu trượng phu dùng đến chưa chắc được lợi ích mà sẽ bị tổn hại trước. Xin đừng vọng quá cao, may ra sẽ tự được lợi ích thật sự. Nếu không, hơi bị nguy hiểm đấy! Sư Hiên Âm⁸⁵ được chân truyền của Mật Tông,

84. Ngũ Hương Đậu là một món ăn vặt nổi tiếng của Hoa Nam, nổi tiếng nhất là Đậu Ngũ Hương ở miếu Thành Hoàng, Thượng Hải. Món này dùng đậu ván tẩm hồi hương, quế, muối, đường, và một số hương liệu nữa rồi chiên bằng bơ.

85. Hiên Âm (1902-1925), pháp tự Đại Minh, người huyện Côn Minh, tỉnh Giang Tô, là đệ tử xuất gia của ngài Đệ Nhàn. Thiên tư thông minh, thông suốt kinh tạng, văn chương lỗi lạc. Do có tài văn chương, Sư từng giữ các chức vụ biên tập các tờ nguyệt san của Cư Sĩ Lâm, đăng rất nhiều bài viết trên tờ Hải

lại thông hiểu giáo nghĩa tông Thiên Thai, đã là bậc Quán Đảnh Đại A-Xà-Lê hiển mật viên thông. Phàm ai được thọ quán đảnh từ nơi sư đều có thể thành Phật ngay trong thân này, nhưng Hiền Âm khi mất rất hồ đồ (Sư chết tại Cư Sĩ Lâm, một đệ tử đích thân chứng kiến), chú cũng chẳng niệm được, mà Phật cũng chẳng thể niệm, cho nên biết: Pháp ấy chẳng bằng pháp Niệm

Phật ôn hòa, thích đáng hơn nhiều! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Hiếu Hy*)

(**Chú thích:** A Xà Lê: Dịch nghĩa là Giáo Thọ, có nghĩa là vị thầy có đủ giới đức, hành vi đoan nghiêm có thể dạy dỗ học trò đúng khuôn phép. Trong Mật Tông, vị sư đầy đủ giới đức có sự hiểu biết uyên thâm về mật pháp, thông hiểu đàn pháp, ấn khế, đã được quán đảnh và tu trì, đủ tư cách để truyền dạy Mật Pháp cho người khác mới được gọi là A Xà Lê. Tiêu chuẩn để được xưng là A Xà Lê trong Mật Tông được giảng rất rõ trong phẩm A Xà Lê của kinh Tô Tất Địa. Theo đó, những điều kiện để xứng danh là một vị Mật Tông A Xà Lê rất khó và rất cao. “Hiển Mật viên thông” là Hiển giáo lẫn Mật giáo đều thông hiểu sâu xa, viên dung).

Triều Âm. Năm Dân Quốc 12 (1923), Sư vượt biển sang Nhật đến Thiên Đức Học Viện trên Cao Dã Sơn (Koyasan) để học Mật Tông và được truyền Quán Đảnh. Năm Dân Quốc 14, Sư trở về Hàng Châu truyền thọ Mật Pháp, nổi danh lòng lẫy. Tháng Năm cùng năm đó, Sư

* **Chú Đại Bi nếu khẩn thiết, chí thành niệm sẽ có cảm ứng chẳng thể lường được!** Nếu hướng đến người học Mật Tông để cầu cách đọc thì cũng chẳng phải là không được, nhưng người học Mật Tông phần nhiều chẳng chú trọng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chỉ sợ bị họ đoạt mất chí hướng vãng sanh trong đời này, để mong “được thành Phật ngay nơi thân này”. Thành Phật ngay nơi thân này, nói dễ dàng sao! Nếu cho là điều ấy bản thân ông chắc chắn thật sự làm được, sợ rằng còn chưa thành Phật mà đã thành ma trước rồi! Những kẻ đem phạm lạm thánh, bộp chộp, lảm lạc, khoe khoang rỗng tuếch, phần nhiều phạm phải căn bệnh này, chẳng thể không biết! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Nam Phó*)

* Kẻ tại gia niệm Mông Sơn có gì là không được? Đây là nghi thức để kết duyên với khắp các cô hồn. Nhỏ là Mông Sơn, trung là Diệm Khẩu, lớn là Thủy Lục, cùng là một chuyện cả. Thường kết duyên với cô hồn thì thường được sự tốt lành. Người ta chẳng dám niệm vì sợ sẽ vời quỷ đến, chẳng biết quỷ và người sống lẫn lộn, không chỗ nào không có quỷ! Dẫu không vời quỷ, nhà ai không có quỷ? Quỷ đông hơn người trăm ngàn lần!

Nếu con người sợ quỷ, hãy nên tích đức làm lành thì

quỷ liền kính trọng, bảo vệ. Nếu con người làm chuyện ám muội, quỷ sẽ tranh nhau quấy phá, cho nên khó thể tốt lành. Nếu con người biết điều này, dầu ở trong nhà tối cũng chẳng dám khởi lên ý niệm xấu xa, huống chi là chuyện xấu? Loại quỷ này chính là thiện quỷ, người đến, chúng bèn nhường, người đi, chúng lại chiếm khắp chỗ đất ấy. Nếu quỷ dữ xuất hiện sẽ có chuyện chẳng tốt lành lớn.

Phóng Mông Sơn nêu chí thành, dầu là loài quỷ dữ dần cũng kính cẩn vâng lời Phật sắc truyền, chẳng còn dữ dần nữa. **Do vậy, phàm là các bệnh do oán nghiệp, thuốc chẳng thể chữa lành, hãy chí thành niệm Phật, niệm Quán Âm sẽ liền được mau lành, do oán quỷ được nhờ ơn niệm Phật, được sanh vào thiện đạo.** Có thể biết là trước mặt mỗi người thường có rất nhiều thiện quỷ hoặc ác quỷ. Người sợ quỷ thì nên giữ cái tâm tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành thì tất cả các quỷ đều trở thành kẻ hộ vệ. Loại quỷ ấy chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt, đâu có sợ chi? *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Trần Huệ Cung)*

*** Phương cách cầu siêu cho người đã khuất chỉ có niệm Phật thật là bậc nhất.** Thí Thực trong đời nay đều là hình thức mà thôi; do vậy, chẳng bằng thỉnh Tăng niệm Phật, buổi tối phóng Mông Sơn sẽ có lợi ích

thật sự. Kinh sám pháp sự của Đạo Gia thường là trộm lấy những danh nghĩa trong Phật pháp rồi bịa đặt ra! Tăng thí thực còn khó được lợi ích thật sự, thì đạo sĩ thí thực há độ được vong u? Chẳng qua mượn chuyện này để dối người mà thôi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 4*)

* Một pháp Tịnh Độ ai ai cũng tu được, hễ tu đều có cảm ứng. Người thời nay phần đông ham cao chuộng xa, đến nỗi có thể là vì bày vẽ bề ngoài mà đâm ra gây trở ngại cho lợi ích thật sự. Con người bây giờ hễ ra công tu hành liền nói đến chuyện xây dựng trước, chẳng biết duyên do của Tịnh Độ, lại muốn nghiên cứu rộng khắp kinh luận Đại Thừa, hoặc hâm mộ sự huyền diệu của Thiên Tông, hoặc hâm mộ sự tinh vi của Tướng Tông, hoặc hâm mộ thần thông của Mật Tông, xem pháp “cậy vào Phật lực để liễu sanh tử” như chuyện vô ích!

Thiên Tông dù có ngộ, nhưng ai đạt đến địa vị nghiệp tận tình không? Tướng Tông dẫu có thể nhớ rõ ràng danh tướng, nhưng ai có thể thật sự phá được Ngã Chấp và Pháp Chấp? Thần thông của Mật Tông và “hiện thân thành Phật” (thành Phật ngay trong thân này) thì quả thật cũng có chuyện ấy, nhưng chẳng phải là chuyện để hạng căn tánh như ông và tôi mong mỏi được. Nếu muốn được thần thông, muốn được thành

Phật ngay, thì do đây bị ma dựa phát cuồng rất nhiều!
(*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Mãn Tông Kinh*)

* Đức Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới nói ra, chúng ta há nên chẳng tự lượng, cứ chuyên chú theo cái nhìn của bậc tối thắng ư? Thân trọng sáu hay tám thước, đức Phật đã từng giảng qua cho chúng ta. Đức Phật đã vì kẻ Hạ Phẩm trước khi đọa địa ngục mà rộng mở pháp Trì Danh, tức là Quán Kinh vẫn coi Trì Danh là hạnh thiết yếu nhất. Vô Lượng Thọ Kinh nói cạn kẻ thệ nguyện của Phật và những tướng thanh tịnh, đây chính là bí quyết quan trọng cho người tu tập dựa theo kinh Tiểu Bản (kinh A Di Đà). Do có hai kinh này nên biết văn tự của kinh Tiểu Bản chỉ là toát yếu. Do vậy, biết rằng: Tuy y theo Tiểu Bản, chớ nên nghĩ hai kinh kia không khẩn yếu rồi coi thường!

Đối với sự tu trì, nếu thật sự chí thành thì một lần chiêm ngưỡng, một lay, một lượt xưng danh đều tiêu diệt được vô lượng tội, tăng vô lượng phước, chứ không phải là nhất định phải tu theo một cách nào mới được! Tâm địa thanh tịnh, thánh cảnh hiện tiền, nhưng đây vẫn là những gì ta sẵn có. Há nên như đứa con nghèo nhặt được vàng bèn mừng vui quá mức như điên, như cuồng? Đã có tình trạng ấy, hoàn toàn là tính cách của phàm tình. Nếu chẳng suy xét phản tỉnh, khó khỏi bị

ma dựa!

Xưa kia, đại sư Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa, đến chỗ “*thị danh chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai*” (đấy gọi là chân tinh tấn, đấy gọi là chân pháp cúng dường Như Lai) hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, đích thân thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Nếu có tướng trạng mừng rỡ điên cuồng không kiềm chế được thì làm sao nhập định cho được? Suy nghĩ điều này sẽ biết: Thánh cảnh hiện bèn mừng rỡ như điên thì đều là phàm tình, rất trái nghịch thánh trí. Nếu chẳng tự lượng, cũng nguy hiểm lắm thay! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời đại sư Tế Thiện*)

* Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Nếu đời trước không có Tịnh nhân, sẽ rất khó sanh lòng tin. Thiên giả lấy “kiến tánh thành Phật” để tự khoe tài, Giảng giả (người học Giáo) lấy hoằng dương Giáo Quán để tự khoe khoang. Họ chẳng những không chịu đề xướng pháp môn Tịnh Độ, mà còn cực lực đả phá, bài xích, đa phần là như vậy. Chúng sanh đời Mạt Pháp chẳng gặp được pháp môn Tịnh Độ đâu có thể minh tâm kiến tánh, thông hiểu Giáo Quán sâu xa, ai có thể chẳng đoạn Phiền Hoặc mà liễu sanh thoát tử được? Quang túc nghiệp sâu nặng, mới sanh được sáu tháng liền bị bệnh mắt, từ đấy suốt một trăm tám

mười ngày chưa từng mở được mắt, trừ lúc ăn ngủ ra, khóc suốt ngày đêm. Đến khi lành bệnh, còn được thấy bầu trời. Vào trường đi học, trúng phải chất độc của Hàn - Âu - Châu - Trình rất sâu, may không có tài như các ông ấy. Nếu không, đã mang quả báo hãm vào đọa địa ngục ngay trong khi còn sống rồi! Về sau biết họ sai trái, do vậy liền xuất gia. Cửa ngõ Tông - Giáo cao vời, không sức nào ngóng dò được, chỉ mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

Hai mươi năm trước, nhập chúng tại chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, sống nhàn tản. Hai chữ Ấn Quang trọn chẳng dùng trong các giấy tờ viết lách, vì thế được yên vui không phiền nhiễu. Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), đã có hai người (tức Từ Ủy Như và Châu Mạnh Do) đem những lá thư Quang gửi cho bè bạn in thành mấy ngàn bản tặng cho người khác. Năm sau, Từ Ủy Như in Văn Sao. Từ đấy, hằng ngày không được rảnh rỗi. Quang chỉ đem pháp môn Tịnh Độ nói với bọn họ, mặc cho người ta bảo tôi “vô tri vô thức!”. Ông đã đọc Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Liễu Phàm Tứ Huấn v.v... hãy dùng những điều ấy để tự hành, dạy người, chắc chắn thừa thãi có dư. Nếu còn nghiên cứu Tông, Giáo, trộm sợ rằng thấy lời lẽ nhà Thiền huyền diệu, lý bên Giáo sâu xa, lại coi Tịnh Độ như chuyện vật vãnh, đâm ra chẳng ôn hòa, thích đàng bằng kẻ chất phác chẳng biết gì, cứ nhất tâm niệm Phật! Quang già rồi, mục lực lẫn

ting thần đều không đủ (*Hoàng Hóa Nguyệt San số 12 - Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hóa Phàm*)

* Nếu người học Phật chẳng chú trọng tận tụy thực hành thì có khác gì kếp hát trong cõi đời đâu! Trên sân khấu, khổ - sướng, buồn - vui diễn cho thật giống như đức, nhưng thật ra cũng chẳng có mảy may gì liên quan đến ta. Như vậy thì sẽ trở thành gã si ham danh ghét thật, tâm muốn lừa người dối Phật, thật sự chỉ tạo thành cái lỗi lừa người dối Phật. Người còn chẳng nên lừa, huống gì là Phật? Phải chú trọng thật sự thực hiện thì mới nên. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hứa Hy Đường*)

* Đức Như Lai chẳng xuất hiện, cõi đại thiên giống như đêm dài. Phật nhật đã chiếu khắp, các pháp đều rạn vỡ. Chẳng riêng gì tam thừa thánh nhân mau lên được bờ giác, mà còn khiến cho hàm thức trong sáu đường đều dần dần thoát vòng khổ. Phật dùng một âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu. Ví như một trận mưa nhuần thấm trọn khắp, cây cỏ mỗi loài tự sum xuê; một vầng trăng hiện bóng khắp nơi, nơi sông biển tùy mỗi người thấy khác. Chỉ rõ Phật tánh sẵn có, chúng sanh và Phật vốn đồng. Dạy rõ do tu trì thuận hay nghịch Phật tánh mà phàm - thánh thật

khác biệt. Chia ra nói thành năm thừa, để mong chúng sanh theo đường về nhà. Chẳng lập một pháp ngộ hầu hiểu gốc mà biết ngọn. Ngũ tánh, tam thừa cùng về một đạo; Tứ Đế, Lục Độ chẳng ngoài một tâm. Hết thấy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, pháp pháp dung nhiếp. Hết thấy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hạnh hạnh viên thông. Đây chính là quy củ lớn lao nuôi dạy hàng ngàn căn cơ của đức Như Lai, là nghĩa lý lớn lao trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật.

Xét từ lúc đạo Phật được hưng khởi vào đời Chiêu Vương nhà Châu (**Chú thích:** Theo quan điểm cổ truyền của Phật môn Trung Hoa, đức Phật giáng sanh nhằm thời Châu Chiêu Vương (995-977 trước Công Nguyên), đạo truyền khắp cõi Tây Càn (Ấn Độ), đến đời Hán Minh Đế, pháp được truyền sang Đông Chân (Trung Hoa). Thoạt đầu chỉ được hoàng truyền nơi đất Bắc, đến đời Ngô mới bắt đầu truyền xuống phương Nam. Từ đời Tấn trở đi, đạo được truyền khắp trong nước, ngoài nước: Cao Ly, Nhật Bản, Tiêm La (Thái Lan), Miến Điện đều cùng được gọi pháp hóa của Phật trong thời ấy. Ngài La Thập ở Quan Trung(**Chú thích:** Quan Trung: Lãnh thổ nhà Diêu Tần nằm trong địa phận tỉnh Thiểm Tây, do vùng này nằm lọt giữa các cửa ải Hàm Cốc, Tán Quan, Vũ Quan và Hào Quan nên thường gọi là Quan Trung), Viễn Công tại Lô Sơn, công huân hoàng pháp không ai to lớn bằng. Do vậy,

pháp được truyền đến các nước, đều được bình đẳng hưởng ơn Phật. Từ đây trở đi, đến thời Đại Đường, kinh, luận, pháp môn thấy đều trọn vẹn. Tính chung những tông lớn thì có 5 tông là: Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Cố nhiên tri thức các tông đều thông suốt các pháp, nhưng để hoằng dương thì hoặc kiêm, hoặc chuyên, chỉ mong sao kế cơ, nên không nhất định! Đa số là bậc đã chứng thánh quả, thừa nguyện thị hiện, hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Khi sống được vua quan khâm phục, kính ngưỡng, dân chúng tôn sùng; mất đi, trời người buồn khóc, cảm thú kêu ai oán. Làm bậc thầy mô phạm cho cõi đời khi ấy, làm cầu bến cho đời sau. Đạo đức, lợi ích nói chẳng thể cùng!

Rạng Côn Luân tuy sanh ngọc, vẫn có đá tảng; rừng chiên-đàn phần nhiều thom ngát, vẫn sanh cỏ thối. Đó là vì chư Tăng hoặc thừa nguyện thị hiện bệnh hạnh⁸⁶, hoặc do mê tâm nên phạm Thanh Quy. Dấu tích của những lợi ích bị mất mát và những khổ báo chiêu cảm đều đáng để khơi gợi thiện tâm cho người đời sau, răn

86. “Bệnh hạnh” là một trong năm hạnh của Bồ Tát, được nói đến trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Theo đó, Bồ Tát vận dụng lòng vô duyên đại từ, vận tâm bình đẳng, nhằm cứu bạt những chúng sanh đang khổ sở phiền não mà thị hiện các hạnh gây tạo tội nghiệp lớn lao. Chữ Bệnh ở đây chỉ cho những tội nghiệp, vì tội nghiệp chính là bệnh nơi thân - khẩu - ý. Chẳng hạn như ngài Ưu Đà Di thị hiện phạm nhiều hạnh bất tịnh để Phật có cơ duyên chế giới, cũng như ngài Đề Bà Đạt Đa thị hiện phá hòa hợp Tăng, thị hiện phạm đại tội Ngũ Nghịch, thị hiện đọa địa ngục A Tỳ để cảnh tỉnh người đời sau về quả báo Ngũ Nghịch, hoặc như các vị Hàn Sơn, Thập Đắc, Tế Điền thị hiện điên khùng, không giữ Thanh Quy đều nhằm hóa độ chúng sanh.

dạy đời Mạt phải gắng chí, vĩnh viễn là gương soi về sự trái đạo nghịch pháp trong pháp môn. Vì thế, chưa chắc những gương phạm giới ấy đã là trái nghịch sự giáo hóa của Phật, mà là nhằm khiến cho con người y giáo phụng hành vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Hạ, Lời tựa cho cuốn Thích Môn Pháp Giới Lục*)

Chú thích:

Ngũ Tánh là một khái niệm phân chia căn tánh theo tông Hoa Nghiêm, dựa trên căn tánh thành Phật của chúng sanh mà chia thành năm loại:

1. Bất Định Tánh Bán Thành Phật, tức căn tánh bất định, nếu gặp được pháp Nhị Thừa sẽ tu tập pháp Nhị Thừa, nếu gặp pháp Bồ Tát sẽ tu tập pháp Bồ Tát, khả năng thành Phật tùy theo căn duyên nên gọi là “bán”.

2. Vô Chung Tánh Bất Thành Phật: Chỉ hạng người không có thiện căn, chánh tín, bài bác nhân quả, chẳng chịu nhận lãnh sự hóa độ, cam phận chìm đắm trong sanh tử, chẳng cầu giải thoát.

3. Thanh Văn Tánh Bất Thành Phật: Những người mang căn tánh Thanh Văn, chỉ tu tập pháp Tứ Đế, chứng chân không Niết Bàn, tham đắm không tịch, kinh sợ sanh tử, chẳng muốn độ sanh, tấn tu Phật đạo.

4. Duyên Giác Tánh Thành Phật: Những người mang căn tánh Duyên Giác, chỉ quán Thập Nhị Nhân Duyên, chứng chân không Niết Bàn, cố chấp thiên không, chẳng cầu Phật đạo.

5. Bồ Tát Tánh Toàn Thành Phật: Bồ Tát có thể tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, bi trí song vận, rộng tạo các nhân, chứng quả Bồ Đề.

6. Khuyến hành nhân hỹ nỗ lực

* Người sống trong thế gian có đủ tám khổ, dầu sanh lên trời chưa khỏi ngũ suy⁸⁷. Kinh dạy: “*Ba cõi không yên, khác nào nhà lửa, các khổ đầy đầy, thật đáng kinh sợ*” hay sao? Mạng người vô thường, nhanh như ánh chớp, đại hạn xảy tới, ai lo phận nấy. Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Với điều này còn không tỉnh ngộ, dốc sức tu tịnh nghiệp thì khác gì gỗ đá vô tình cùng sanh trưởng trong vòng trời đất. Là trang nam tử có huyết tánh, há chịu sống làm thầy đi, thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình lại chịu phận phàm ngu, gặp lời cảnh sách lớn lao chẳng phát phần, nghe đạo của thánh hiền, Phật, Tổ lại chẳng chịu hành, ấy là trời phụ người hay người phụ trời vậy? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh - 2*)

87. Ngũ suy: Năm tướng suy hiện ra khi một vị trời sắp hết tuổi thọ, tức là hoa trên mào héo úa, nách rịn mồ hôi, áo quần như nhớp, thân mất vẻ oai nghi có mùi hôi và mắt thường hay chớp, không thích chỗ ngồi cũ của mình hoặc làm những việc thô tháo với ngọc nữ.

* Con người sống trong thế gian, siêu thăng rất khó, đọa lạc thật dễ. Nếu không vãng sanh Tây Phương, đừng nói chi nhân đạo chẳng đáng nương cậy, dù sanh lên trời phước thọ thật dài lâu, hễ hết phước lực vẫn bị đọa lạc trong nhân gian y như cũ, cũng như phải chịu khổ trong Tam Đồ ác đạo! Nếu không biết Phật pháp thì chẳng biết làm sao, nay đã hiểu đại khái Phật pháp, há nhường một mối đại lợi ích này cho người khác, còn chính mình đành lòng luân hồi trong sáu nẻo, thoát chìm, thoát nổi, vĩnh viễn không có ngày thoát khỏi ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* **Một câu Phật hiệu bao quát trọn vẹn không sót cả Đại Tạng giáo.** Người thông Tông, thông Giáo mới có thể thật sự làm người niệm Phật chân chánh. Nhưng người không biết gì, không làm được gì, chỉ cần miệng nói được thì vẫn có thể là người niệm Phật chân chánh. Ngoài hai hạng này ra thì chân chánh hay không chân chánh đều là do chính mình có nỗ lực, có y giáo phụng hành hay không? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1*)

* Kiếp xưa vun bồi được huệ căn này, cố nhiên chẳng dễ dàng. Nếu chẳng chuyên tinh dốc sức nơi đây ngộ

hầu tự chứng thì sẽ giống như chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Quang âm ngăn ngủi, mạng người được mấy? Một hơi thở ra không trở lại là đã thuộc đời sau. Người chưa chứng đạo từ ngộ vào mê, vạn người có đến mười ngàn, từ ngộ tăng thêm ngộ, trong ức người chưa được một hai! Nỡ để cái chén vô thượng pháp khí qua cơn mưa “tái sanh” lại trở thành bụi đất ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lô - 1*)

*** Cổ nhân nói: “Bậc quân tử tận lực thực hành thì được một câu nói tốt lành sẽ thọ dụng suốt đời không hết. Nếu chẳng chăm chú tận tụy thực hành, dầu đọc hết sách vở thế gian, đối với chính mình vẫn vô ích!”** Như rồng thật hể được một giọt nước liền có thể làm mưa khắp cả thế giới; rồng đất dầu ngâm trong nước cũng chẳng khỏi cái họa táng thân! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...*)

* Hiện tượng Hoàng Hậu Giác khá có ích lớn lao cho người học Phật. Bất luận là rốt cuộc ông ta vãng sanh hay đọa lạc, thôi đừng bàn đến! Nếu người niệm Phật biết được hiện tượng khi lâm chung của ông ta, chắc chắn sẽ chẳng dám theo đuổi pháp liễu sanh tử một cách hời hợt nữa!

Xem hành vi, cử chỉ của ông ta dường như rất chí thành, nhưng coi những cảnh tượng được biểu hiện khi ông ta lâm chung thì trong lúc thường nhật, ông ta chưa hề nỗ lực dụng công nơi tâm địa, cũng như có lẽ trước kia ông ta có những nghiệp như keo tiết tiền của khiến cho người khác bị mất mạng, hoặc keo tiết lời nói khiến cho người khác táng mạng v.v...mà thành ra như vậy (*“Keo tiết lời nói khiến cho người khác mất mạng”*) là như ta biết chỗ có giặc cướp và biết chỗ có thể trốn tránh được, nhưng vì tâm không từ bi, thích thấy người khác mắc họa cho nên chẳng chịu nói. Chuyện ấy, tâm ấy khiến cho thiên địa quỷ thần rất phẫn nộ. Do vậy, lúc lâm chung chẳng nói được, cũng như có chuyện như ghét nghe tiếng niệm Phật v.v...) Hiện ra tình cảnh không chết trong khi ấy (tức không chết trong khi đang có người niệm Phật để trợ niệm) và khi người trợ niệm đi rồi thì không lâu sau liền chết; điều này hoàn toàn tương đồng với chuyện keo kiệt tiền của, keo kiệt lời nói khiến cho người khác bị tổn mạng. Tuy không đọa làm ngạ quỷ, nhưng tánh khí ấy là tánh khí của ngạ quỷ...

Nhưng không chừng do ông ta trong tâm sám hối, hoặc do mọi người và con cái thành khẩn nên được giảm nhẹ, chẳng đến nỗi đọa thẳng vào ngạ quỷ. Phương kế hiện thời là con cái và các quyến thuộc ai nấy đều hãy nghĩ đến nỗi khổ của ông ta, cùng phát tâm tự lợi lợi

tha niệm Phật cho ông ta, cầu Phật rủ lòng Từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu thật sự thành khẩn thì ông ta được vãng sanh là điều có thể dự đoán được. Do cha con có mối tương quan tự nhiên, tâm Phật hẳn cảm bèn ứng. Nếu quyên thuộc thực hiện hờ hững, lơ là thì khó thể tiêu nghiệp chướng để được Phật tiếp dẫn vậy! Ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ cực nặng!

Phàm là người niệm Phật ai nấy hãy chuyên chú thật sự đối trị tập khí của chính mình, tạo thuận tiện cho người khác. **Chuyện gì nên nói, dù người ta có thù với mình cũng phải nói, khiến cho người ta hướng lành, lánh dữ, lìa khổ được vui.** Thường luôn nói thẳng thắn, rành rọt với người khác những chuyện nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và đạo niệm Phật liễu sanh thoát tử, dạy dỗ con cái lập nền tảng thái bình, tâm như sợi dây đàn thẳng tắp, lời nói chẳng lấp lửng, tâm niệm có thể phô bày thẳng thắn cùng quỷ thần, quyết chẳng làm chuyện trái nghịch thiên lý thì đến lúc lâm chung, chắc chắn chẳng có những hiện tượng đáng thương đáng xót ấy.

Như vậy, Hoàng Hậu Giác chính là tiếp dẫn đạo sư của mọi người; nhờ ông ta, mọi người sẽ được lợi ích lớn lao trong tương lai. Ông ta cũng sẽ nhờ vào tâm lực của mọi người mà diệt tội, vãng sanh. Lời Quang nói đây chẳng phải là lời nói huê vốn⁸⁸ mà chính là lời bàn

88. Nguyên văn là “*thủ thủ lưỡng phụ*” là một thành ngữ hàm nghĩa do dự,

luận quyết định chẳng khi dối vạy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Đức Quán*)

* Niệm Phật chẳng phân “thánh – phàm”. “Thánh” chỉ Tam Thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. “Phàm” chỉ lục đạo, tức thiên, nhân, A-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục; nhưng do cõi trời sung sướng nên kẻ chẳng thể niệm rất nhiều. Vì tam đồ khổ sở nên kẻ chẳng thể niệm càng nhiều. Tu La do sân hận nên cũng chẳng thể niệm. Chỉ có loài người dễ niệm nhất; nhưng kẻ phú quý liền bị phú quý mê hoặc, kẻ thông minh bị thông minh gây làm lẫn, kẻ ngu si bị ngu si làm mê muội; chúng sanh đông nhưng nhúc mà có mấy ai niệm Phật? Đã biết nghĩa này, hãy nên dừng mãi tu trì, đừng để đến nỗi “muốn niệm mà chẳng thể niệm được” sẽ chẳng phụ rầy cuộc sống và dịp gặp gỡ này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập*)

* Khi đưa con gái của ông Trương Chuyết Tiên ở Vân Nam đi lấy chồng, nhà chàng rể biếu một cặp ngỗng để làm lễ Điện Nhận⁸⁹, ông ta bèn đem chúng phóng sanh

không quyết định, đón gió xuôi chiều, nói cách nào cũng được. Chúng tôi tạm dịch là “nói huê vốn”.

89. Điện Nhận Lễ (奠雁禮) là từ ngữ chỉ chung những lễ phải có trong một cuộc hôn nhân. Theo quy định từ thời Châu đến đời Thanh, kể từ khi nhà trai

ở chùa Vân Thê trong núi Hoa Đình, đã được ba năm rồi. Cặp ngỗng của ông ta mỗi sáng tối khi đại chúng lên chánh điện tụng kinh, chúng đều đứng ngoài chánh điện, vươn cổ ngắm Phật.

Tháng Tư năm nay, con trống chết trước, người ta cũng không để ý. Sau đấy, con ngỗng mái bỏ ăn mấy ngày. Nó đến nhìn Phật, thầy Duy Na khai thị, dạy nó cầu vãng sanh, đừng luyến tiếc cõi đời. Thầy ấy bèn niệm Phật mấy chục tiếng, ngỗng bèn đi nhiều ba vòng, vỗ hai cánh một cái rồi chết ngay. Do vậy, ông Chuyết Tiên bèn viết bài ký về sự vãng sanh của cặp ngỗng trắng. Ôi, lạ lùng thay! Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Ngỗng còn như thế, há lẽ người chẳng bằng chim ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tú - 2*)

* Cô nhân nói: “*Sanh tử cũng lớn lao thay!*” Chẳng đáng buồn ư! Trộm nghĩ: Buồn suông thì rốt cuộc có ích chi đâu? Cần biết rằng sanh tử là đại sự, tín nguyện

cậy người mai mối đến khi rước dâu phải có đủ sáu lễ. Ngoại trừ lễ Nạp Chình (lễ giam) ra, trong năm lễ kia nhà trai phải mang lễ vật đèn biếu nhà gái, trong các món lễ vật luôn có chim bồ câu hay chim nhạn. Nhạn là thứ chim thiên di theo mùa; hề thấy chim Nhạn bay về Nam là biết trời chuyển sang Đông, chim Nhạn lại chung thủy (khi một con chết, con kia không kết đôi với con khác nữa). Do vậy, cổ nhân cho rằng Nhạn tượng trưng cho lòng trung thực, thủ tín, trung trinh. Bởi thế, lễ vật dành cho đám cưới phải có Nhạn. Về sau, do Nhạn ngày càng hiếm nên người ta thay bằng các loài gia cầm khác có tập tánh sống thành đôi như bồ câu, ngỗng, vịt, gà v.v...

niệm Phật là đại pháp. Đã biết chết đáng buồn, hãy nên tu đại pháp này trước khi chưa chết thì chẳng những chết không đáng buồn mà còn là may mắn lớn nữa. Vì sao vậy? Do tịnh nghiệp chín muồi, nương theo Phật từ lực, lập tức vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, tu tập dần dần mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Lời bạt cho sách Sức Chung Tân Lương*)

* Tâm gặp ác mộng là điềm ác nghiệp đời trước hiển hiện. Dù cảnh hiện ra có thiện hay ác, nhưng chuyển biến được cảnh chính tại nơi mình! Ác nghiệp hiện nhưng chuyên tâm niệm Phật thì nhân duyên ác thành nhân duyên lành, ác nghiệp đời trước biến thành đạo sư đời này. Tiếc là người đời phần nhiều bị nghiệp trói buộc, chẳng thể chuyển biến, đến nỗi lâm vào cảnh đã té giếng còn bị ném đá, khổ càng thêm khổ! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Thời này là thời nào? Nam Bắc đánh nhau, trong ngoài đối địch. Ba bốn năm gần đây, người chết bốn năm ngàn vạn. Tự thưở có con người đến nay, chưa từng nghe thấy sự thê thảm như vậy. Lại còn gió lốc, nước dâng, địa chấn, ôn dịch nhan nhản các nơi. Lại

còn thêm lụt lội, hạn hán, không năm nào chẳng kèm thêm các tai nạn ấy. Giá cả các thứ mắc gấp mấy lần năm trước.

* Trong lúc này, may còn được sống, dám đâu chẳng kiệt lực chuyên tu Tịnh nghiệp để cầu vãng sanh Tịnh Độ ư? Dám đâu do may mắn còn được cái thân lại buông lung ý chí, chẳng chuyên chú nhất định vào một pháp, lơ mơ dốc sức vào một pháp môn chẳng khế hợp thời cơ ư? Giả sử một hơi thở ra chẳng hít trở vào được, muốn lại được nghe pháp môn thẳng tắt như thế này, chỉ e chẳng có dịp may mắn như thế nữa đâu? *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Thân là gốc rễ chiêu khổ, chán nhàm bèn được cái nền tảng để hưởng vui. Do túc nhân sâu dày, hiện tại thiện hảo càng nồng hậu, nên báo nặng từ nhiều kiếp chuyển thành vạ nhẹ trong hiện tại. Càng hoạn nạn, đón đau càng mạnh mẽ tu trì thì những thống khổ trong cõi Sa Bà sẽ là thầy hướng dẫn mình về Cực Lạc. Hãy nghĩ mình đang đền nợ cũ thì những ý tưởng ảo não, phiền muộn sẽ tự tiêu. Nếu vẫn còn ôm lòng oán trách thì tội chướng tiếp tục khởi. Cam chịu nghịch cảnh xảy đến mới là kẻ biết vui theo mệnh trời. Chán đây, ưa kia mới là người tu Tịnh nghiệp. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Nếu đối với pháp môn Tịnh Độ, kính tin lời Phật quyết định chẳng ngờ, lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, tu hành thật sự nhất định sẽ vãng sanh làm người trong thế giới Cực Lạc. Há nên trong lúc kiếp vận này, toan nhằm thời buổi nguy hiểm, tinh thần hữu hạn, lại thực hiện những pháp vụ chẳng cấp bách hồng được tiếng tăm là bậc đại thông gia để thỏa thể diện, khiến cho một việc chuyên tu của chính mình rốt cục thành hư luống sao? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Mười nguyện Phổ Hiền, một hạnh Văn Thù, nếu có thể chuyên ròng tu, dù hết thầy kinh luật đều chẳng thông suốt cũng có thể nhanh chóng tháo cũi xổ lồng, cao dự hải hội. Nếu đối với một pháp cậy vào Phật lực này tin chẳng chân thật, không quyết định nương dựa vào pháp này, dù có thông Tông thông Giáo sâu xa cũng chỉ là tam muội nơi cửa miệng. Toan dùng tam muội kiểu môi miệng ấy để liễu sanh thoát tử thật giống như dùng bánh vẽ để đỡ đói, ắt đến bước cùng đường hối hận sâu xa cũng chẳng mấy may có lợi ích gì! Hiện tại đời lẩn đạo chẳng biết tình trạng tương lai ra sao, vẫn còn toan dùng quang âm sắp hết để lo những chuyện chẳng cấp bách ư? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Cổ nhân nói: “*Thiếu thật thắng đa hư. Đại xảo bất như chuyết. Thuyết đắc nhất trượng, bất như hành thủ nhất thôn*” (Ít thật hơn hư nhiều. Khéo quá chẳng bằng vụng. Nói cả trượng không bằng làm được một tấc). Chân tâm là ở chính mình, hãy suy nghĩ thấu đáo! (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Một pháp Tịnh Độ lấy ba điều Tín - Hạnh - Nguyện làm tông. Chỉ có đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha mới dốc chí hành trì được. Gặp cảnh họa hại mới bền chân thành, khẩn thiết; gặp lúc nhàn nhã, thông dong bèn lơ là, hoãn đãi. Đây là bệnh chung của phàm phu. Vào lúc này, thời cuộc lẫn tình hình đạo pháp như nằm yên trên đồng củi, phía dưới lửa đã bốc cháy, nhưng chưa cháy đến thân. Chớp mắt là toàn thể bùng cháy, khắp cõi không chỗ nào trốn tránh được cả! Sao còn lơ là, xao nhãng qua ngày, chẳng chuyên chí cầu nơi một câu Phật hiệu? Cái tri kiến ấy thiếu cận quá đời! (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Chúng ta đã là Phật tử, phải hành Phật hạnh. Dù chẳng phá sạch được vô minh, nhanh chóng khôi phục bản tánh, tiến thẳng vào Diệu Giác quả hải, chẳng lẽ không thể viên chứng ba tâm (thâm tâm, trực tâm, hồi hướng phát nguyện tâm), dốc lòng tu Tịnh nghiệp để mong đoạn Hoặc ngay nơi thân này, gởi tâm thức nơi

Liên bang, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn lành của các Đại Sĩ, an trụ tịch diệt, đạo các cõi Phật, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh hay sao?

Nếu chẳng tự gắng sức, chỉ đề cao thánh cảnh, vẫn cam làm phàm ngu, e rằng cả nửa đời tu trì siêng nhọc phải đành cay đắng vĩnh viễn trầm luân! Mê muội nên châu buộc nơi vạt áo mà đành bỏ phí của báu, lên núi báu trở về tay không. Dùng tánh Chân Như mâu nhiệm có đủ vô lượng công đức, trí huệ, thần thông, tướng hảo để hứng chịu oan uổng vô lượng sanh tử luân hồi, phiền não nghiệp quả, huyễn vọng cực khổ. Chẳng phải là mất trí sanh cuồng, ghét thẳng thích đọa, sống làm thịt chạy, thây đi, chết mục nát cùng cỏ cây ư? Tam thế chư Phật gọi là hạng người đáng thương xót. Những vị đồng luân với tôi hãy nên nỗ lực. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Trong lúc đường đời nguy hiểm này, hãy nên mở toang tấm lòng, tầm mắt, nỗ lực tu trì Tịnh nghiệp. Tất cả cát - hung họa - phước đều chẳng lo tới, tùy duyên ứng biến. Dù cho đại họa trút xuống đầu vẫn nên nghĩ: Những người cùng mắc phải họa này chẳng biết là mấy ngàn vạn ức người? Trong tình thế chẳng làm gì khác được, vẫn còn có A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát để nương cậy được, há còn lo chi? Lấy việc niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm chỗ cậy nhờ

vô úy. Mở rộng tâm lượng, đừng thấp thỏm thì bệnh tự nhiên lành, thân yên vui.

Chẳng biết nghĩa này, dù chưa gặp phải cảnh tai ách đã tự hãm mình trước vào trong tai ách; dù là Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể cứu nổi. Bởi thế, quân tử không hoạn nạn hành xử như đang bị hoạn nạn, cho nên không điều gì xảy đến mà chẳng tự chủ được! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Con người đức hạnh sung mãn, lập được sự nghiệp, đầu mối là do lúc thiếu niên có lập được chí hay không? Ông sanh trưởng trong nhà giàu có, hãy nên hết lòng bỏ sạch tập khí phú quý thì mới có phần học đạo liễu sanh tử. Nếu không, thanh, sắc, của cải, bạn bè ăn nhậu, tà vạy thừa cơ chen vào. Tuy mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, nhưng chẳng thể được! Muốn học Phật pháp, trước hết phải tận hết chức trách, bổn phận của chính mình. Nếu không thể: giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, dù có học Phật pháp cũng khó đạt được lợi ích lớn lao, bởi tâm địa chưa được lương thiện vậy! Nếu làm được những điều như vừa nói trên đây thì gọi là “thiện nhân”. Như nền tảng kiên cố, lâu cao vạn trượng mặc lòng xây cất, chắc chắn chẳng bị sụp đổ.

Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, toan dùng tự

lực để ngộ hiểu tâm tánh, đoạn sạch Phiền Hoặc, hòng liễu sanh tử, ngàn người chưa được một! Hãy nên y theo pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cấy vào Phật từ lực đời nghiệp vãng sanh. Đây là pháp môn “*vạn người tu, vạn người đến*” thẳng chóng, ôn hòa, thích đáng nhất!

Trước hết, phải thấu hiểu nguồn cội của pháp môn này, tâm hiểu cho rõ ràng. Nếu thừa sức, sẽ lại nghiên cứu hết thầy kinh luận, các pháp môn đều có thể giúp cho pháp môn này. Nếu chưa hiểu rõ nguyên do của pháp môn này, lại tùy ý nghiên cứu các kinh luận khác và thân cận tri thức các tông để trở thành bậc đại thông gia và gieo thiện căn cho đời vị lai thì quả thật là có như thế, nhưng muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, sợ rằng có mộng cũng mộng chẳng được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ La Thế Phương*)

* Hiện thời, vận đời nguy ngập, nếu có thể chí thành niệm Phật, chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành. Nếu không, họa hại trong hiện thời khác hẳn khi trước, đúng là muốn tránh né nhưng không thể nào tránh né được, muốn ngăn ngừa nhưng không thể nào phòng ngừa được, cuộc sống người dân lúc này đáng thương đến cùng cực! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Đàm Thiệu Phủ*)

* Kinh Phạm Võng chép: “Ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin được như vậy thì giới phàm đã đầy đủ”. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Hết thấy chúng sanh sẵn đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền”. Do vậy biết tâm tánh chúng sanh và tâm Phật vốn đồng, ba pháp “tâm, Phật, chúng sanh” không sai biệt, chỉ vì mê hay ngộ mà phân biệt vậy!

Hiềm rằng khi chúng sanh còn mê chưa giác, dấu sẵn đủ Phật tánh viên mãn rộng lớn theo chiều dọc cùng tốt ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, nhưng tánh ấy hoàn toàn bị vùi lấp trong trần lao, ngược ngạo nương theo sức công đức của Phật tánh ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp, hủy báng Tam Bảo, tự hại, hại người. Thật giống như giòng suối chảy ngầm dưới đất, hoàn toàn chẳng hay biết, ắt phải đợi thời tiết nhân duyên khơi mở mới dần dần tỏ lộ được.

Vì thế, xưa nay nhiều bậc vĩ nhân có quyền lực thuở bé mê muội, chuyên lo hủy báng Phật pháp, đến khi sự lịch duyệt đã dần dần sâu hơn, gặp cảnh, chạm duyên, đột nhiên giác ngộ, bèn quy y Tam Bảo, tận lực phụng hành cũng chẳng thể kể xiết! Đủ chứng tỏ Phật pháp rộng lớn, quả thật là tâm pháp vốn sẵn có của hết thấy chúng sanh vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên*,

quyển Hạ, Lời bạt ấn tống Tịnh Độ Ngũ Kinh)

* Ông có thời gian rộng rãi, sức lực mạnh mẽ, hãy nên nỗ lực nghiên cứu, tu trì pháp Tịnh Độ. Đây chính là đại pháp đề phàm phu liễu sanh tử ngay trong đời này. Pháp này nếu không có túc căn thì đừng nói là người tầm thường không thể thấu hiểu triệt để, ngay cả bậc cao nhân lỗi lạc triệt ngộ tự tâm thâm nhập kinh tạng cũng quá nửa là không thể thấu hiểu triệt để được! Do họ chẳng biết đây là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, luôn chiếu theo nghĩa lý của các pháp môn thông thường nên chẳng chịu tin. Hoặc là có người tin, nhưng sợ chuyên hoằng dương Tịnh Độ, người ta sẽ coi thường mình, vì thế chẳng chịu đề xướng.

Phải biết: Tu bất luận pháp môn nào, nếu Phiền Hoặc chưa đoạn, chắc chắn không có phần liễu được sanh tử. Chỉ có một pháp này, chỉ cần đầy đủ tín nguyện liền có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Ông chớ nên coi qua loa, mà phải đọc kỹ nghĩ chín mới biết lời Quang không làm! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Du Hữu Duy*)

* Phàm là người tu hành tâm phải có chủ ý, thấy cảnh giới tốt chẳng sanh hoan hỷ, thấy cảnh giới không tốt chẳng sanh sợ hãi. Được như thế thì các cảnh giới

đã hiện đều trở thành duyên trợ đạo. Nếu không, chúng đều trở thành duyên chướng đạo. Thêm nữa, phàm là người tu hành đều nên lấy chí thành cung kính làm gốc, giữ lòng từ bi, khiêm tốn. Lòng nghĩ, thân làm tuy chẳng thể hoàn toàn tương ứng với Phật, nhưng cần phải nỗ lực gắng công ngỗ hầu chẳng trái nghịch tâm hạnh của Phật, thì mới đáng gọi là người tu hành thật sự, là đệ tử Phật thật sự. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Phật Điển*)

* Phật là giác; tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì mới gọi là Phật, tức là hết sạch Phiền Hoặc, phước huệ trọn đủ, Ngũ Uẩn đều không, chứng triệt để ba đức⁹⁰, là danh hiệu cao đẹp của bậc “thánh trong các thánh, trời trong chư thiên”, là danh hiệu chung của mười phương ba đời hết thảy chư Phật.

Thích Ca Mâu Ni chính là tên riêng của đấng giáo chủ cõi Ta Bà. Tiếng Phạn “Thích Ca Mâu Ni” cõi này dịch là Năng Nhân Tịch Mặc. Năng Nhân nghĩa là rộng độ chúng sanh; Tịch Mặc là chứng triệt để tự tánh. “Học” là bắt chước theo, tức là tùy phần, tùy sức tu hành theo lời dạy. Đã tu hành theo lời dạy, sao lại nói “tùy phần, tùy sức”? Là vì đức Phật thuyết pháp tùy theo căn tánh của chúng sanh. Do căn tánh chẳng chỉ có một nên tùy theo sự hiểu biết, khả năng của họ

90. Tam đức: ba đức tánh của chân tâm, tức giải thoát, Niết Bàn và Bát Nhã.

mà nói pháp thích hợp. Tùy theo căn cơ ban bố giáo pháp, đối bệnh cho thuốc, sao cho giáo pháp phù hợp căn cơ, khiến cho ai nấy đều được lợi ích. Dạy chúng sanh chìm đắm trong biển khổ sanh tử quy y Tam Bảo Phật - Pháp - Tăng để làm chỗ nương tựa, dạy họ giữ năm giới “chăng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu”, dạy họ tu Thập Thiện, đối với ba điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, ba điều nơi ý đều dạy dứt ác làm lành. Tức là thân chẳng làm chuyện giết - trộm - dâm, miệng chẳng nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói ác độc, ý chẳng khởi ý niệm tham dục, nóng giận, ngu si. “Ngu si” nghĩa là không tin nhân quả, nói ra những lời tà kiến như “làm lành làm ác chẳng có báo ứng, con người chết đi thần hồn diệt mất, không có đời sau” v.v...

Lại còn gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, khuyên bạn bè hướng thiện sửa lỗi, chủ giữ lòng nhân, tớ giữ lòng trung, mỗi mỗi đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Đây chính là pháp Nhân Thừa. Tu theo pháp này sẽ đời đời làm người. Nhân Thừa là căn bản của Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa, như đắp nền đất vững vàng, có thể tùy ý xây dựng lầu cao.

Thiên Thừa thì ngoài Ngũ Giới, Thập Thiện ra, còn

tu thêm các thứ Thiên Định để sanh vào các cõi trời Lục Dục, Tứ Thiên, Tứ Không v.v... Nhân Thừa lẫn Thiên Thừa đều chẳng phải là pháp liễu sanh tử.

Thanh Văn Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ, tu pháp Tứ Đế để liễu sanh tử.

Duyên Giác Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ, quán sát hai môn Lưu Chuyển và Hoàn Diệt⁹¹ của Thập Nhị Nhân Duyên hòng liễu sanh tử.

Bồ Tát Thừa thì y theo Giới - Định - Huệ tu lục độ, vạn hạnh, dưới hóa độ chúng sanh để mong trên là thành Phật đạo.

Nhưng pháp ba thừa này đều thuộc vào pháp phổ thông cậy vào tự lực, người tối thượng thượng căn mới có thể liễu sanh tử ngay trong đời này, dầu khi Phật đang còn tại thế cũng là trong trăm người mới có được một. Nếu như hiện thời, e rằng cả thế giới cũng không có được một hai người!

Nhưng do tâm đại từ bi, đức Phật biết trước chúng sanh đời sau không có kẻ nào cậy vào tự lực để liễu sanh tử ngay trong đời này được, bèn mở riêng một pháp môn đặc biệt là tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương; bất luận già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, trí, ngu, sĩ, nông, công, thương, công chức, quân nhân,

91. Lưu Chuyển (Pravrtti) ngụ ý sanh tử tiếp nối không ngừng, xoay lẫn trong tam giới, luân hồi trong lục đạo. Quán Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều thuận, tức là quán từ vô minh cho đến lão - tử thì gọi là Lưu Chuyển Môn hoặc Thuận Quán.

giới giáo dục học thuật, tại gia, xuất gia, thượng thánh, hạ phàm đều trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Phàm phu sát đất đối nghiệp vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương, ba thứ Hoặc - Nghiệp - Khổ thảy đều tiêu diệt. Ví như mảnh tuyết rơi vào lò to, chưa đến nơi đã tan mất. Hàng Nhị Thừa đã liễu sanh tử và Quyền Vị Bồ Tát vãng sanh sẽ mau chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Bậc Pháp Thân đại sĩ đã chứng Vô Sanh mà vãng sanh sẽ mau chứng Phật quả. Hoàn Diệt có nghĩa từ mê trở về với lẽ chân, diệt hết phiền não, tiến nhập Niết Bàn. Quán Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều nghịch, từ lão - tử quán ngược lại cho đến cội nguồn của mọi đau khổ là vô minh, sẽ phá được vô minh nên gọi là Hoàn Diệt hoặc Nghịch Quán hậu. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán*)

7. Chỉ Dạy Quy Củ Thơm Thảo Trong Chốn Thường Trụ

(**Chú thích:** Chùa Linh Nham tên gọi đầy đủ là Linh Nham Sơn Tự, thuộc Ngô Huyện, Tô Châu. Khởi đầu từ Tư Không Lục Ngoạn biến nhà riêng thành chùa, nhưng rất nhỏ. Đến niên hiệu Thiên Giám (502-519) thời Lương Vũ Đế, chùa mới được mở rộng và mang tên là Tú Phong Tự. Theo kinh Đại Ai (ngài Trúc Pháp Hộ

dịch), đây chính là đạo tràng ứng hóa của Trí Tích Bồ Tát. Vào thời Thiên Bảo (742-755) đời Đường Huyền Tông, tổ trung hưng tông Thiên Thai là ngài Đạo Tuân từng tu Pháp Hoa tammười tại chùa này. Đầu đời Tống, chùa trở thành học viện giới luật của Luật Tông. Vào thời Nguyên Phong (1078-1085), chùa trở thành thiền viện. Chùa bị cháy rụi chỉ còn sót lại một cái tháp đá vào năm Vạn Lịch 18 (1600) đời Minh Thần Tông. Sau khi được trùng tu, chùa lại bị loạn quân Thái Bình Thiên Quốc đốt phá một lần nữa. Mãi đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), hòa thượng Chân Đạt mới đứng ra dựng lại chùa như hiện nay).

* Linh Nham là đạo tràng cổ đã một ngàn một trăm năm, sau cơn biến loạn trở thành chốn hoang tàn. Tuy còn một ít kiến trúc, nhưng không có người chống đỡ, vẫn suy tàn như cũ. May là vào cuối thời Quang Tự, vị đại hộ pháp họ Nghiêm nghe tiếng thầy Chân⁹² bèn nghênh thỉnh; ấy là vì mong Sư sẽ khôi phục đạo tràng vậy. Thầy Chân tuy tiếp nhận, hiềm rằng các sự ràng buộc, chẳng thể đích thân trụ trì. Năm ngoái, Giới pháp sư⁹³ đến đây, Sư mừng tìm được người bèn giải bày mọi

92. Thầy Chân (Chân sư) ở đây chính là hòa thượng Chân Đạt, vị trụ trì có công đứng ra trùng tu Linh Nham vào năm Tuyên Thống thứ ba (1911).

93. Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khưu, tự là Dịch Ngô, xuất gia năm mười chín tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu Thiền. Sau Sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, Sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp Ban Châu

lễ, đích thân đưa lên núi để làm Trụ Trì. Lại còn thỉnh vời quan viên, thân sĩ, lên tiếng minh xác biến chùa này thành chốn thập phương thường trụ. Thầy Giới phẩm đức, học nghiệp, tiếng tăm đều xuất sắc, thật đáng làm khuôn phép cho hàng hậu học. Nay thầy đã đáp ứng lời thỉnh cầu thuyết giảng một thời gian tại Ngũ Sơn, ông hãy nên hết sức gắng công thay thầy Giới lãnh chúng tu trì, chớ nên lẩn tránh, lười nhác, mong được an nhàn.

Phàm những ai đến núi này ở lại đều là người phát tâm tu đạo, ai nấy đều phải tích cực dụng công, khuyến khích, cổ vũ lẫn nhau, hòng được sự lợi ích “lệ trạch”⁹⁴, chẳng được rong chơi, chuyện gẫu, cũng như chẳng tuân theo quy củ nhà chùa, tự làm theo ý mình. Chùa này đã là chùa thập phương, con cháu của Tam Thánh Đường⁹⁵ sống ở đây cũng phải tu chung với đại chúng, đều cùng hưởng nhọc nhằn hay nhàn nhã, đều đồng cam cộng khổ. Nếu không, sẽ trở thành kẻ quấy loạn

Niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), Sư đến mở Hoa Nghiêm Đại Học tại Hàng Châu. Về sau, Sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngâm tu Tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v... lập Hoa Nghiêm Đại Học tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm Trụ Trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Củng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạc 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v...

94. Kinh Dịch có câu “*Lệ Trạch Đoài, quân tử dữ bằng hữu giảng tập*” (Lệ Trạch Đoài: quân tử cùng bè bạn nghiên cứu, tu tập) nên chữ “lệ trạch” thường dùng để chỉ bạn bè thân thiết, tốt lành cùng nhau học hỏi, nghiên cứu.

95. Tam Thánh Đường tức Tây Phương Tam Thánh Đường, chỉ Niệm Phật Đường.

“Con cháu Tam Thánh Đường” là những vị Tăng chuyên tu Tịnh nghiệp.

Thường Trụ, kính đối thầy Chân. Đã là đồ đệ của thầy Chân thì hãy nên vô cùng đúng pháp để khỏi đến nỗi vì chính mình chẳng đúng pháp mà khiến cho người ta nói động đến thầy Chân. Nay dạy giản lược đại khái để làm căn cứ hòng duy trì tiền đồ vậy:

1) Thời thế bất ổn, chỉ nên nhất tâm tu đạo, chớ nên vọng động tính xây dựng. Nếu bắt đắc dĩ thì chỉ nên xây dựng thêm nho nhỏ, cốt vừa đủ dùng là được, chớ nên xây cất nhiều, mong cho thật rộng lớn. Không những vì tài lực không đủ mà còn là để khỏi vì lẽ đó mà bị chuốc họa!

2) Đường đời gian nan, cơm áo ai nấy đều nên tiết kiệm. Chi phí cho Thường Trụ phải dựa theo thu nhập mà chi tiêu. Nếu chẳng tiết kiệm, sau này khó duy trì được. Tất cả các khoản thu vào, chi ra đều phải phân minh, chớ nên mua sắm những vật phù phiếm, xa hoa: Một là phí tiền, hai là chuốc lấy tiếng chê bai. Phải dành dụm chỗ dư ra để bù đắp chỗ thiếu hụt sau này, chẳng được nói: “Có thầy Chân tiếp tế, cứ mặc tình tiêu xài phù phiếm”.

3) Khóa tụng hằng ngày nơi Phật đường nên y theo quy củ đã định hiện thời, tu trì thiết thực, nhưng chớ nên một mực chuyên chú dụng công nơi sự tướng, mà hãy nên tâm tâm niệm niệm đối trị những căn bệnh tập khí của chính mình. Làm được như thế thì mới thật sự là người niệm Phật. Nếu không, sẽ như bọt nước vỡ vào

tảng đá, hoàn toàn chẳng có tâm đắc chi! Chỉ nên căn cứ theo quy củ Tịnh Độ thông thường, chớ có bày vẽ kiểu cách hoa dạng nào khác. Nếu có kẻ muốn lập dị, như đốt ngón tay, dùng thân đốt đèn, hãy thỉnh người đó đến chùa A Dục Vương⁹⁶ mà làm, núi này vĩnh viễn chẳng bày ra thói ấy.

4) Giới pháp sư đã nhận lời giảng dạy một thời gian ở Ngũ Sơn, sợ rằng khó thể trở về ngay được, nhưng danh vị Trụ Trì vẫn thuộc về thầy Giới, chuyện lãnh chúng tu trì ông tạm thay thế. Phải nên hết sức siêng năng, cẩn thận, khiêm cung, chẳng nên tự đại, tự cao. Ông là văn bối, thay thầy ấy trông nom mọi việc, chẳng được nói năng dường như chính mình là vị Trụ Trì để đại chúng khâm phục tâm lòng rộng rang của ông, đạo tâm càng thêm chân thành, thiết tha.

5) Phạm xử sự tiếp vật hãy nên khiêm hòa công bình, chẳng được cố chấp ý kiến của chính mình, mặt sát

96. Chùa A Dục Vương ở trên núi A Dục Vương thuộc huyện Cận tỉnh Chiết Giang. Theo truyền thuyết, vào năm Thái Khang thứ hai (281) đời Tấn Vũ Đế, có người tên là Lưu Tát Ha xứ Tinh Châu bị hôn mê trên núi, mộng thấy một vị tăng người Ấn Độ, cho biết tội ông ta sẽ đọa địa ngục, rồi khuyên ông ta nên đến đánh lễ tháp của A Dục Vương (tháp thờ xá-lợi đức Phật do vua A Dục kiến tạo, sai quỷ thân đem chôn trong các nơi khắp Nam Thiệm Bộ Châu, khi nào Phật giáo hưng thịnh nơi ấy, tháp sẽ tự động trôi lên) để sám hối các tội. Ông này thức dậy bèn xuất gia, đổi tên là Huệ Đạt. Sư đi tìm tháp khắp nơi, nhưng không thấy, đau lòng than khóc. Một đêm, bỗng nghe dưới đất có tiếng chuông vẳng lên. Ba hôm sau, bảo tháp và xá-lợi từ dưới đất cùng vọt lên. Huệ Đạt bèn dựng chùa miếu phụng thờ tháp. Đó là căn nguyên của chùa A Dục Vương. Những người phụng theo phật Dược Vương Bốn Sự trong kinh Pháp Hoa thường đến trước tháp xá-lợi lễ bái đốt ngón tay hay đốt cánh tay để cúng dường.

chánh lý. Cần nhất là mọi người khích lệ, khuyên lơn lẫn nhau tu ròng Tịnh nghiệp. Thường giảm lỗi mình, đừng bàn lỗi người, cực lực đối trị căn bệnh tập khí. Tập khí khử được một phần thì đạo nghiệp mới tăng được một phần. Chẳng được kiêu ngạo, luông tuông, hãy chú ý giữ cho đúng chừng mực. Nói chung, phải chịu thương, chịu khó, an bản, thủ phận.

6) Chùa này là chùa thập phương, dù ông mang vật gì đến cũng thuộc về thập phương, nên giữ tinh thần chí công vô tư. Phạm con cháu của Tam Thánh Đường trụ trong núi này cũng phải đả phá tình cảm riêng, đặt mình vào địa vị của mười phương Tăng chúng, chẳng được tự tiện cậy vào ý riêng để được hưởng sự ưu đãi, mặc sức phóng túng, hủy hoại quy củ đã thành lập. Nếu không, sẽ trở thành tội nhân trong Phật pháp, là oan gia của thầy Chân, hãy cho kẻ đó ra đi để khỏi bị người khác chê cười.

Thời sự gian nan, tiền đồ đáng lo, nếu chẳng có cách tốt đẹp thì sao trở thành đạo tràng cho được? Chỉ sợ ông có lẽ chưa nghĩ tới, cho nên tôi mới dài dòng một phen. Lúc đầu vốn muốn nói chung chung, sau lại muốn cho rõ ràng, để xem, nên chia thành sáu điều, chẳng qua nhằm biểu thị tấm lòng ngu thành của Quang nhằm bảo vệ đạo tràng Linh Nham, xin chớ vì “*vượt chén thay thốt*”⁹⁷ mà chê cười thì Linh Nham may mắn lắm, mà

97. “*Việt tôn đại trở*” (Vượt chén rượu, thay đổi thốt) là một thành ngữ, thường

thầy Chân cũng may mắn lắm thay! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi thầy Minh Bôn*)

*** Đính kèm quy ước của chùa Linh Nham**

1. Trụ Trì bất luận thuộc tông phái nào, chỉ lấy “tin sâu pháp môn

Tịnh Độ, giới hạnh tinh nghiêm” làm chuẩn. Chỉ truyền hiền, chẳng truyền pháp⁹⁸ để dứt thói tệ pháp quyền riêng tư.

2. Truyền thừa Trụ Trì luận theo thứ tự, chẳng luận theo thế hệ, để tránh thói tệ bậc cao đức phải ở dưới kẻ đức hạnh tầm thường.

3. Không truyền giới, không giảng kinh, để khỏi bị chèo kéo, dao động, nhiễu loạn chánh niệm. Trong chùa tuy hằng ngày thường giảng, nhưng chẳng thăng tòa và níu kéo người ngoài đến nghe.

4. Chuyên nhất niệm Phật, trừ đả Phật thất ra, nhất loạt không làm hết thầy Phật sự thù tiếp.

5. Bất luận là ai chẳng được thâm nhận, thế độ đồ đệ trong chùa.

dùng dưới dạng thông dụng hơn là “việt bào đại trở” (vượt quyền đầu bếp mà thay cái thớt). Tổ dùng thành ngữ này với ý tự khiêm, đối với Linh Nham, Ngài chỉ là một vị trưởng lão danh dự, không phải là Đương Gia hay Trụ Trì, không có tư cách gì lên mặt chỉ dạy vị quyền Trụ Trì là thầy Minh Bôn. Ngài khuyên dạy những lời này thì cũng giống như kẻ tự tiện vượt quyền, dạy dỗ người khác, cắt đặt quy củ theo ý mình, nên mới nói là “việt tôn đại trở”.

98. Ý nói: Chỉ truyền ngôi Trụ Trì theo đức hạnh của người đáng làm Trụ Trì, chứ không vì người ấy thuộc cùng sơn môn hay là pháp quyền mà truyền ngôi Trụ Trì.

Trong năm điều hễ trái một điều nào, lập tức ra khỏi chùa. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ Linh Nham Sơn Tự*)

IV. LUẬN SANH TỬ ĐẠI SỰ

1. Răn Nhắc Mạng Sống Vô Thường

* Quang âm nhanh chóng, thời thế đổi dời trong từng sát-na, chẳng ngừng nghỉ đâu chỉ một niệm. Đây chính là tạo vật hiện tượng lười rộng dài vì khắp hết thấy chúng sanh như bà với tôi mà nói: “*Mạng người vô thường, vinh hoa chẳng tồn tại dài lâu, hãy gấp đi theo diệu pháp vô thượng để khỏi bị trầm luân*”. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy tỳ-kheo-ni X...)

* Đại sự sanh tử cần phải lo liệu sẵn! Nếu đợi đến lúc ra đi (lúc lâm chung) mới tu, chỉ sợ bị nghiệp lực đoạt mất! (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quân Tranh)

* Cổ nhân nói: “**Thông minh chẳng cự nổi nghiệp, phú quý chẳng khỏi luân hồi**”. Sanh tử xảy đến, không dựa vào đâu được, chỉ có A Di Đà Phật là nương dựa được. Tiếc là người đời biết điều này quá ít; tuy biết nhưng chân tín thật niệm lại càng ít hơn nữa! (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ - 2)

* Cầu sanh Tây Phương không được sợ chết. Nếu chết ngay ngày hôm nay thì hôm nay bèn sanh về Tây Phương, như câu nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ*” (Buổi sáng nghe đạo, tối chết cũng được); há đâu hôm nay phải chết, lại chẳng muốn chết. Đã tham luyến trần cảnh, chẳng thể buông xuống, bèn do tham thành chướng, cảnh Tịnh Độ không hiện, cảnh giới theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác bèn hiện. Cảnh hiện sẽ theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác vậy. Chuyện vãng sanh Tây Phương bèn thành bánh vẽ!

Vì thế, người tu Tây Phương hôm nay chết cũng được, dẫu phải sống tới một 120 tuổi mới chết cũng xong. Hết thầy phó mặc nghiệp trước, chẳng làm lạc sanh so đo. Nếu tín nguyện chân thành, thiết tha, khi báo hết mạng tận, thần thức bèn siêu nơi tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen nở hoa chín phẩm, trong một đời được Phật thọ ký. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 1*)

*** Đại trượng phu sống trong thế gian, không chuyện nào chẳng tính toán sẵn, nhưng chỉ có mỗi một chuyện sanh tử đa số đều ngược ngạo bỏ mặc không hỏi tới, mãi cho đến khi báo hết mạng tận phải theo nghiệp chịu báo, chẳng biết một niệm tâm**

thức này sẽ lại đi thọ sanh trong đường nào! Cõi trời người là quán trọ, tam đồ là quê nhà! Mỗi lần thọ báo trong tam đồ là trăm ngàn kiếp, trọn chẳng có dịp nào lại được sanh trong cõi trời người! Do vậy nói rằng: “Đương nhiên không thể nào không miệt mài cầu tìm pháp liễu sanh tử!” (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bản in gộp chung hai sách Tịnh Độ Vấn Biện và Công Quả Cách*)

* Phật pháp không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Chỉ nên trong niệm niệm biết “chẳng tu tịnh nghiệp sanh về Tây Phương thì sẽ luân hồi cả kiếp dài lâu, chẳng thể thoát được!” Do vậy, xót mình, xót người, thương ta, thương người, lớn tiếng hô hào để gần là người nhà, xa là người đời đều cùng tu đạo này! So với việc chỉ cầu tự giải thoát cho chính mình, lợi ích há nào phải khác biệt vời vợi như trời với đất? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa - 1*)

* Sanh tử là việc lớn. Vô thường nhanh chóng. Nghe đến kinh sợ, nhưng còn lâu mới bằng khi thân trải qua nỗi đốn đau kịch liệt.

Ngày ba mươi tháng Chạp là ngày chấm dứt một năm. Nếu chẳng thu xếp trước cho khéo thì chủ nợ, oán gia sẽ xúm lại lôi kéo, chẳng dung cho lỗi lầm của mình.

Lúc lâm chung chính là ngày ba mươi tháng Chạp của cả một đời. Nếu tư lương Tín - Nguyễn - Hạnh chưa đủ, vẫn còn tham - sân - si, tập khí ác thì oán gia, chủ nợ từ vô lượng kiếp đến nay sẽ kéo đến bức bách, đòi nợ, chẳng dung cho mình.

Đừng nói những kẻ chẳng biết đến pháp môn Tịnh Độ đành không biết làm cách nào, phải theo nghiệp thọ sanh; dù là đã biết nhưng chẳng chăm chú tu hành thật sự thì cũng giống hệt như vậy: bị ác nghiệp lôi kéo vào trong tam đồ, lục đạo, vĩnh viễn luân hồi! Muốn cầu con đường thoát khổ, chỉ có cách niệm niệm lo nghĩ đến lúc chết, sợ rằng chết đi sẽ đọa lạc trong tam đồ ác đạo thì Phật niệm sẽ tự thuận, Tịnh nghiệp sẽ tự thành; hết thấy trần cảnh sẽ chẳng thể đoạt được chánh niệm nữa! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Mạng sống của con người trong thế gian chớp mắt đã qua, một hơi thở ra không hít vào được nữa, chẳng biết lại đi về đâu! Nếu chẳng hiểu chắc chắn một pháp Tịnh Độ, thật đáng sợ hãi đến cùng cực! Ông Tào Tung Kiều kể: Khi cha ông ta đi học, một bạn học là con nhà phú ông, hết sức đàn độn. Thầy giáo dạy hấn, hấn còn chưa hiểu, cha ông Tào vừa nghe liền thuộc được ngay. Gã con phú ông ấy chết sớm, về sau thấy hấn đến nhà ông Tào, rồi chợt chẳng thấy nữa; Tào Tung Kiều bèn sanh được một gái, nay đã ba mươi một tuổi, cực

thông minh, học hành hoàn toàn chẳng phải tốn công. Thoạt đầu là con trai phú ông, đời sau làm cháu nội gái của người bạn học. Con người luân hồi, thật đáng sợ thay! Đây chỉ là thay đổi hình tướng nam - nữ, chứ kể biến đổi toàn thể thì trong mười người đã hết tám, chín. Buồn thay! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật*)

* Con chim Anh Vũ (két, vẹt) do gặp ngài A Nan giảng cho pháp Tứ Đế bèn sanh lòng hoan hỷ, cũng như công đức do lúc bình thường trông thấy Tăng bèn hoan hỷ, báo trước cho người nhà biết, nên được bảy lần sanh lên Lục Dục Thiên⁹⁹, rồi mới sanh trong loài người, chứng A La Hán. Do vậy, biết liễu sanh tử khó khăn, chẳng thể tính toán được năm tháng của bảy lần sanh trong Lục Dục Thiên! (Nhân gian 50 năm bằng một ngày đêm nơi trời Tứ Vương, cứ lên một tầng trời là tính gấp đôi lên, chẳng hạn như cõi trời Đao Lợi một ngày đêm bằng một trăm năm trong nhân gian, trời Dạ Ma bằng hai trăm năm, Đâu Suất bằng bốn trăm năm,

99. Lục Dục Thiên, hiểu theo nghĩa rộng là sáu tầng trời trong cõi Dục từ Tứ Vương Thiên cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên (tức Tứ Thiên Vương Thiên, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại). Hiểu theo nghĩa hẹp, Lục Dục Thiên chỉ là tầng trời Tha Hóa Tự Tại (Paranirmita-vaśa-vartin). Cõi trời này còn được dịch là Tha Hóa Tự Chuyển Thiên, Tha Hóa Lạc Thiên, Tha Ứng Thanh Thiên, Ba La Ni Mật Thiên, do Tự Tại Thiên Vương (Vaśavartti-devarāja) làm chúa tể. Trong Dục giới, cõi trời này tự tại khoái lạc nhất, do có thể thụ hưởng những sự khoái lạc do người khác biến hóa ra.

Hóa Lạc tám trăm năm, Tha Hóa một ngàn sáu trăm năm, tuổi thọ cũng tăng gấp bội. Tứ Vương thọ năm trăm tuổi, Đạo Lợi một ngàn tuổi, càng lên trên càng tăng gấp bội). Đây là pháp Tiểu Thừa, mặc sức nhờ vào tự lực để liễu sanh tử.

Nếu sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì không có ai chẳng trong đời này liền được sanh về Tây Phương. Sanh về Tây Phương thì sanh tử đã xong. Hãy nên phát tâm khẩn thiết! Pháp môn Niệm Phật này quả thật là đạo trọng yếu vô thượng đại từ bi của đức Phật nhằm phổ độ hết thảy chúng sanh khiến cho họ là những kẻ không có sức liễu sanh tử sẽ có thể mau chóng liễu sanh tử ngay trong đời này. *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 5 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Sinh Thân)*

* Con người sống trong thế gian nguy hiểm muôn vẻ, một hơi thở ra không hít vào được, chẳng biết sẽ lại có hình dạng như thế nào. Ông đã đầu thai vào loài người, may là tâm địa sáng suốt, một niềm hiếu thuận, nhân từ, khôi phục được bản thể. Nếu như mê muội, sẽ khó quay về! Phải biết: Đây vẫn còn là tin tức tốt lành nhất, nếu đầu thai vào dị loại thì càng nguy hiểm hơn! Do vậy, biết rằng: Chúng sanh trong lục đạo đều không có giống nhau hay khác biệt, đều theo nghiệp thọ báo, không sanh ở chỗ nào nhất định. Ông đã trải qua nạn

ấy, tâm hãy nên quyết định cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu do cơn nguy hiểm này sẽ vĩnh viễn hưởng yên vui. Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Triệt Ngộ Ngũ Lục đã thỉnh được. Lại còn các sách đã in gần đây đóng thành sáu gói gửi đi, mong hãy xem xét, thâm nhận. Chuyện ăn chay là do chẳng biết con người và súc vật luân hồi, sanh ra lẫn nhau, giết hại lẫn nhau, lầm lẫn cho rằng con người nên ăn chúng nó, chúng nó sanh ra là để cho con người ăn. Đến khi đầu thai vào loài ấy mới biết những suy tính trước kia là sai lầm. Ông đã trải qua một phen nguy hiểm ấy, cố nhiên hãy nên gắng sức tu học, ăn chay. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Hòa - 2*)

2. Dạy Hành Nhân Hãy Chuyên Cậy Vào Phật Lục

* Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, bất luận Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hết thảy pháp môn đều phải dùng Giới - Định - Huệ để đoạn tham - sân - si cho hết sạch không còn sót thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Điều này khó như lên trời, chẳng phải là chuyện hàng phàm phu sát đất đầy dẫy triền phược như chúng ta mà hòng mong mỗi được. Nếu dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, cầu sanh Tây Phương, thì bất luận công phu cạn hay sâu, công đức lớn hay nhỏ, đều có thể

cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

Điều này giống như ngồi chiếc tàu thủy to vượt biển, chỉ chịu lên tàu liền có thể đến được bờ kia; ấy là nhờ sức tàu chứ chẳng phải là bản lãnh của chính mình. Tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương cũng giống như thế, hoàn toàn là Phật lực, chứ không phải do đạo lực của chính mình. Hễ đã sanh về Tây Phương thì sanh tử đã liễu, phiền não chẳng sanh, đã giống như người vận dụng công phu tại nơi ấy đã lâu, đã đoạn sạch phiền não, liễu sanh tử.

Vì thế, niệm Phật quyết định phải cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau, chớ nên nương theo những kẻ rời lìa tín nguyện, chỉ dẫn người khác niệm Phật cầu khai ngộ.

Niệm Phật cốt yếu là “nhiếp trọn sáu căn”. Trong lúc niệm Phật, nhiếp tai lắng nghe kỹ, đây chính là biện pháp để nhiếp sáu căn. Có thể chí tâm lắng nghe kỹ thì công đức so với việc “chẳng lắng nghe, niệm tán loạn” khác biệt rất lớn. Pháp này bất luận người thượng, trung, hạ căn đều dùng được, đều được lợi ích, chỉ có lợi, không điều tệ. Hãy nên bảo hết thầy mọi người tu đều tu theo pháp này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Trương Tịnh Giang*)

* Chúng ta đã luân hồi trong sanh tử bao kiếp dài lâu, đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Nếu cậy vào tự lực để tu trì hòng diệt sạch Hoặc nghiệp phiền não để liễu sanh thoát tử thì còn khó hơn lên trời! Nếu có thể tin vào pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã nói, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm danh hiệu A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương thì bất luận nghiệp lực lớn hay nhỏ đều có thể cậy vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương.

Ví như một hạt cát bỏ vào nước liền chìm; nhưng khối đá mấy ngàn, mấy vạn cân đặt trên một chiếc đại hỏa luân thuyền¹⁰⁰ chẳng những không chìm, mà còn chuyển sang được nơi khác để tùy ý sử dụng. Đá ví như nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh, đại hỏa luân thuyền ví như Di Đà nguyện lực rộng lớn. Nếu không niệm Phật, cậy vào sức tu trì của chính mình để mong liễu sanh tử thì phải đạt đến địa vị nghiệp tận tình không mới được. Nếu không, dù cho đoạn được phiền não Hoặc nghiệp chỉ còn sót lại một tí xíu thì cũng chẳng thể liễu được. Ví như một hạt cát cực bé cũng phải chìm trong nước, quyết chẳng thể tự mình vượt ra ngoài nước được!

Các hạ chỉ nên sanh lòng tin, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đừng nghĩ gì khác nữa. Nếu làm được

100. Thời xưa gọi tàu chạy bằng hơi nước, có bánh xe để đẩy nước ở phía sau tàu là “đại hỏa luân thuyền”.

như thế thì tuổi thọ chưa tận sẽ liền mau được lành bệnh; vì công đức chuyên nhất, chí thành niệm Phật có thể diệt trừ được ác nghiệp đời trước. Ví như mặt trời đã mọc lên, tuyết sương bèn tan mất. Tuổi thọ đã tận thì liền vãng sanh. Do tâm không có ý niệm khác nên bèn được cảm ứng đạo giao cùng Phật; vì thế, được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu các hạ tin được lời này thì sống cũng được đại lợi ích mà thác cũng được đại lợi ích. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh - 2*)

* Kinh Lăng Nghiêm, nếu người không biết pháp Tịnh Độ đọc đến sẽ cho kinh này là công thần bậc nhất để đả phá Tịnh Độ; còn người đã biết Tịnh Độ sẽ thấy kinh này là hướng dẫn tốt lành cho Tịnh Độ. Vì sao nói thế? Dùng tự lực để ngộ đạo khó lắm, còn vãng sanh Tịnh Độ lại dễ. Nhân quả của mười pháp giới, mỗi mỗi phân minh. Nếu chẳng cậy vào Phật lực, dù phá được một hai Âm, vẫn có thể bị ma dựa, trở thành chủng tử địa ngục. Đã thế, hai mươi bốn công phu Viên Thông, người bây giờ ai có thể tu tập được? Chỉ có niệm Phật như con nhớ mẹ, hễ ai có tâm đều phụng hành được. Hễ “tịnh niệm tiếp nối” bèn tự chứng được Tam Ma (Chánh Định). Người biết tốt - xấu đọc đến có còn chịu chỉ cậy vào tự lực, chẳng nương vào Phật lực hay chẳng? Kẻ không phân tốt - xấu thì ngược lại, chỉ muốn trở thành

một bậc thông gia, không hề có cái tâm liễu sanh tử!
(*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 7*)

*** Người niệm Phật nếu mắc bệnh hãy nên một dạ đợi chết.** Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, vì toàn thân buông xuống niệm Phật có thể tiêu được nghiệp chướng mạnh nhất. Nghiệp tiêu, bệnh sẽ lành. Nếu không buông xuống được, cứ muốn cầu lành bệnh thì vẫn chưa thể lành bệnh được, mà cũng chắc chắn không cách gì vãng sanh được, vì chẳng nguyện vãng sanh! Nếu không hiểu rõ những đạo lý này, há còn có thể cậy vào Phật từ lực được ư?

Đối với bệnh của mẹ ông, hãy khuyên bà cụ nên buông xuống, cầu Vãng Sanh. Nếu tuổi thọ chưa hết, đâm ra sẽ mau lành bệnh, vì tâm chí thành nên được Phật từ gia bị. Mong ông hãy uyển chuyển khuyên mẹ, đừng bắt chước kẻ si nói lời ngây ngô! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

*** Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn vừa cực khó vừa cực dễ.**

+ **Nói là khó** thì là do vì bậc đại triệt đại ngộ thâm nhập kinh tạng còn chẳng tin được.

+ **Nói là dễ** là do vì ngu phu, ngu phụ chí thành khẩn

thiết niệm, liền có thể lúc lâm chung hiện tướng lành, vãng sanh Tây Phương.

Những vị đại triết đại ngộ, thông hiểu sâu xa kinh luận kia còn chẳng mong ngang vai bằng lứa với họ! Ấy là vì một đằng bỏ Phật lực, chuyên cậy vào tự lực; một đằng chuyên cậy vào Phật từ lực, lấy Phật lực dẫn phát tự lực. Do Phật lực, pháp lực, sức sẵn có trong tự tâm, ba pháp khế hợp, nên được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Pháp này quan trọng nhất là Tín - Nguyện. Có Tín - Nguyện sẽ chắc chắn chịu tích cực tu trì. Chịu tu trì liền đạt được lợi ích vãng sanh. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Thư trả lời cư sĩ Tập Hoài Tân*)

* Phật, Tổ xuất thế đều lập pháp thuận theo cơ nghi. Kẻ độn căn đời Mạt nên chọn lấy pháp vừa khế lý lại vừa khế cơ để chuyên ròng dốc sức, ngỏ hầu nương theo Phật từ lực, vượt ngang ra khỏi tam giới, ngay trong một đời này giải quyết xong xuôi đại sự sanh tử chẳng thể dễ dàng giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ Linh Nham Sơn Tự*)

* Ấn Quang từ Tây qua Đông, từ Bắc xuống Nam, qua lại hơn vạn dặm, gặp gỡ nhiều người. Trong số đó,

lắm kẻ bình nhật tự vỗ ngực là bậc thông Tông, thông Giáo, coi Tịnh Độ như uế vật, chỉ sợ nó làm bản lay đến mình. Lúc lâm chung, đa số chân loạn tay cuồng, kêu cha gào mẹ. Trong số ấy, có những người trì giới niệm Phật già giặn, chắc thật, dù Tín Nguyện chưa đến mức cùng cực, tướng lành chẳng hiện, nhưng đều an nhiên mạng chung.

Vì sao như vậy? Là vì tâm thủy trong lặng, do phân biệt nên xao động, đục ngầu, sóng thức trào dâng. Do Phật hiệu nên tâm thủy ngưng lặng. Bởi thế, kẻ thượng trí chẳng bằng kẻ hạ ngu, biến quá khéo thành vụng về lớn vậy! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Phật nói hết thầy pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật đều phải cậy vào công sức của chính mình để đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát khỏi sanh tử. Nếu còn chút may may Hoặc nghiệp, sẽ quyết định khó thoát khỏi sanh tử. Vì thế, từ đời này sang đời khác, từ kiếp này sang kiếp khác, lần lượt tu trì, nếu ai có đầy đủ sức lực sẽ tiến thẳng lên Bất Thoái, liền được liễu thoát.

Đa phần là từ giấc chợt mê, thoát tiền liền lùi, trải qua bao kiếp nhiều như bụi trần chẳng thể xuất ly. Sở dĩ, ngài và tôi hôm nay vẫn còn là phàm phu, toàn là vì chẳng biết đến pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, chí cực viên đôn của đức Như Lai. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Tu hành dụng công vốn là để liễu sanh thoát tử. Nếu dụng công nhưng chẳng thể liễu sanh tử là do chẳng chịu y vào pháp có thể liễu được sanh tử mà hành. Khác nào gánh gai bỏ vàng, tự chuốc lấy lỗi hay sao? Dù tham thiền đại triệt đại ngộ như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết, Đoạn Nham Nghĩa còn chưa liễu nổi sanh tử, phải thọ thân đời sau, đến nổi mê lầm. So ra, ta còn thua xa họ, họ còn chẳng thể liễu sanh tử nổi, huống hồ là bọn ta ư? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn phổ độ chúng sanh, viên đốn, thẳng tắt, rộng lớn, giản dị nhất của đức Như Lai. Vì sao nói thế? Do hết thấy các pháp môn đều phải đoạn hai Hoặc: Kiến và Tư mới hòng liễu sanh tử. Nhưng đoạn Kiến Hoặc còn như cắt đứt dòng chảy rộng bốn mươi dặm, huống hồ là Tư Hoặc? Đoạn Kiến Hoặc là chứng Sơ Quả. Nếu ước theo Viên Giáo thì là Sơ Tín. Đoạn sạch Tư Hoặc liền chứng Tứ Quả; trong Viên Giáo là địa vị Thất Tín. Sơ Quả, Sơ Tín còn có sanh tử. Tứ Quả, Thất Tín mới hết sanh tử.

Nhưng Thiên Thai Trí Giả đại sư chỉ thị hiện chứng được địa vị ngũ phẩm, tuy sở ngộ đã bằng với chư Phật, đã hàng phục trọn vẹn ngũ trụ phiền não, nhưng vẫn chưa từng đoạn Kiến Hoặc. Thế nhưng, bốn địa²² của Đại Sư thực chẳng thể suy lường được. Lúc mạng

chung, Ngài chỉ nói là chứng ngũ phẩm, vì lo xa hậu thế chẳng dốc sức đoạn Hoặc chứng Chân, chỉ lấy minh tâm kiến tánh làm rốt ráo.

Minh tâm kiến tánh là đại triệt đại ngộ. Nếu là bậc tối thượng thượng căn, hễ ngộ liền chứng, thì liễu được sanh tử. Nếu không, dù có biết trước được vị lai như sư Viên Trạch vẫn chẳng tránh khỏi phải thọ sanh lần nữa. Đến như Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại làm thân Lỗ Công. Đấy hãy còn là tạm được. Ngài Hải Ấn Tán thành con gái của quan Phòng Ngự họ Châu, đã đáng buồn lòng. Nhưng ông Tăng ở núi Nhạn Đãng trở thành Tần Côi thì thật là đáng thương xót quá. Tự lực đoạn Hoặc chứng Chân để liễu sanh thoát tử thật khó khăn thay!

Các giáo lý tu chứng thông thường trong cả một đời đức Như Lai đã nói tuy có nhiều pháp khác nhau, nhưng không có một pháp nào khiến cho kẻ còn đầy dẫy Hoặc nghiệp có thể liễu sanh thoát tử cả! Chỉ mình pháp Tịnh Độ, chỉ cần lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dùng tâm chí thành trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Chẳng luận là Hoặc nghiệp dày hay mỏng, công phu cạn hay sâu, khi lâm chung đều cậy vào Phật từ lực, đời nghiệp vãng sanh. Đã vãng sanh liền siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Từ đấy, lần lượt tấn tu, liền chứng được Vô Sanh, thậm chí viên mãn Phật Quả! Đây chính là pháp môn đặc biệt thương xót chúng sanh

căn cơ hèn kém, muốn cho họ mau thoát khỏi luân hồi của đức Như Lai. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Những người nghiên cứu về Giáo dựa trên giáo lý thông thường để luận đoán sự chứng đắc, chẳng tin có việc đói nghiệp vãng sanh, khoe mình là hạng thường ở trong sanh tử để độ chúng sanh, chẳng muốn mau thoát khỏi sanh tử. Chẳng biết chén, bình chưa nung, gặp mưa liền rã; phiến hoặc chưa đoạn, chuyển sanh liền mê. Tự lợi còn khó, huống là lợi người! Bọn họ đều là hạng chẳng lượng đức mình, là hạng phàm phu sát đất, có chút huệ tánh bèn vội bắt chước phong cách của bậc Pháp Thân Đại Sĩ, đến nỗi làm lỡ một phen, lỡ lầm vĩnh viễn!

Kẻ tham Thiên thì chuyên chú tham cứu, mong mình tâm kiến tánh, chẳng biết căn cơ mình khá hèn kém, chẳng thể mình tâm kiến tánh rất nhiều. Dù cho đã được minh tâm kiến tánh, nhưng nếu Hoặc nghiệp chưa đoạn, vẫn luân hồi sanh tử y như cũ, chẳng thể xuất ly cũng lại nhiều lắm. Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Hải Ấn Tín, Chân Như Triết v.v... là những chứng cứ xác thực.

Ôi! Sanh tử lớn thế, sao lại chuyên cậy vào tự lực, chẳng cậy vào Phật lực? Ý chừng tự lực hơn hẳn Phật lực ư? Phàm người sống trong đời, việc lớn như sáng

lập sự nghiệp lưu truyền nhiều đời, việc nhỏ như một manh áo, một bữa ăn, không gì là chẳng phải nhờ vào sức của nhiều người để hoàn thành việc mình. Đến như việc lớn liễu sanh tử, dù sẵn có Phật lực vẫn chẳng chịu nương nhờ, cứ muốn tỏ ra phong cách phi thường, chỉ e lại rớt vào thói thường của kẻ phàm ngu. Chí của họ đáng bảo là lớn, nhưng tiếc là chẳng biết khả năng của họ có đáng gọi là lớn hay chẳng? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Muốn liễu sanh tử thì phải thật chứng. Nếu phiền hoặc vẫn còn, ắt phải thật nỗ lực mới có thể tranh cạnh với nghiệp, trải qua những duyên giới mài thì trong tâm thường giác chiếu, thâm hợp với Thánh Trí. Phàm tình nhân ngã thì phi không do đâu khởi được. Nếu chẳng tăng thêm giác chiếu, phàm tình vẫn lừng lẫy như cũ, thì công hạnh càng cao, tình kiến càng nặng, từ ngộ vào mê là chuyện khó tránh khỏi. Như người ngủ chẳng tỉnh, càng ngủ mê mệt thêm.

Cổ nhân bảo: “*Đại sự dĩ minh như táng khảo tử*” (Đại sự đã hiểu như chôn cha mẹ). Chính là vì phiền hoặc chưa đoạn, chỉ e lại mê. Phải biết rằng người đã đoạn Hoặc chẳng có phàm tình. Đã không có phàm tình, lấy đâu sanh tử? Người đại ngộ dù ngộ bằng với Phật, nhưng chưa đoạn trừ Hoặc thì phải niệm niệm

giác chiếu, mới hòng tránh khỏi tác dụng của phàm tình. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Pháp môn này toàn cậy vào Phật lực. Ví như người thọt một ngày chỉ đi được mấy dặm; nếu ngồi trên luân báu của Chuyển Luân Thánh Vương liền trong khoảnh khắc đến khắp bốn đại châu. Đây là sức của Luân Vương, chẳng phải do sức mình. Người đời tu hành cố nhiên giống vậy. Dù là kẻ ngu nghịch thập ác tội lỗi cực nặng, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, nếu có thể chí tâm niệm Phật, liền được Phật tiếp dẫn. Ấy là vì Phật xem chúng sanh khác nào con một. Đứa nào thiện thuận, dĩ nhiên từ ái dưỡng dục. Đứa nào ác nghịch, càng thêm xót thương. Nếu con hồi tâm hướng về mẹ, ắt mẹ sẽ rửa lòng từ tiếp nhận. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Cậy tự lực tu hành, đoạn Hoặc chứng Chân thật chẳng dễ dàng! Đoạn Kiến Hoặc như cắt ngang dòng nước rộng bốn mươi dặm, hướng hồ là Tư Hoặc! Kiến Hoặc đoạn được liền chứng Sơ Quả, dự vào dòng thánh, vẫn còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh xuống nhân gian mới đoạn sạch được Tư Hoặc để chứng Tứ Quả.

Tuy nói là mười bốn lần sanh tử, nhưng trên trời tuổi thọ dài lâu, cố nhiên chẳng thể dùng năm tháng để luận.

Thánh nhân Sơ Quả muốn liễu sanh tử còn khó khăn như thế, huống hồ là phàm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp ư? Nếu chúng Tứ Quả sẽ vĩnh viễn đoạn được căn bản sanh tử, siêu xuất lục đạo luân hồi. Nếu phát tâm Đại Bi, nhập thế độ sanh, nương theo nguyện thị hiện hạ sanh, sẽ chẳng giống như kẻ đầy dẫy Hoặc nghiệp bị nghiệp thiện ác lôi kéo thăng trầm trong lục đạo, tự mình chẳng may mắn làm chủ được! Tự lực liễu sanh tử nếu chẳng phải là hạng túc căn thâm hậu sẽ chẳng thể làm được; chúng sanh đời mạt mong bằng được sao?

Bởi thế, Như Lai đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để hết thảy dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn cùng được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Lòng từ bi cứu hộ ấy tốt bậc không chi hơn được! Để tu trì pháp này cũng phải nghiêm trì tịnh giới, tận lực tu Định - Huệ, kiêm thêm sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm lực tinh thuần, ngay trong hiện đời cũng có thể chứng thánh, lâm chung lên ngay thượng phẩm, dự vào địa vị Bồ Tát, chứng địa vị Bất Thoái.

Nếu như căn cơ hèn kém, chưa làm được như thế, cứ chí thành niệm Phật thì tâm và Phật khế hợp nhau, cảm ứng đạo giao. Lúc lâm chung ắt được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn, đởi nghiệp vãng sanh. Thậm chí kẻ ngu

ngịch, thập ác, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu tâm thức chẳng mê, có thiện tri thức dạy cho niệm Phật, người ấy sanh lòng sợ hãi lớn lao, sanh lòng hổ thẹn lớn sám hối, dù niệm mấy tiếng rồi liền mạng chung, cũng vẫn được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh.

Một phen được vãng sanh liền vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội, lần lượt tấn tu, ắt chứng Phật Quả. Cây vào tự lực để liễu sanh tử khó như thế ấy, cây vào Phật lực để liễu sanh tử dễ như thế đó. Phàm ai có tâm đều có thể niệm Phật, đều có thể vãng sanh. Là trang nam nhi có huyết tánh, nhất định chẳng chịu để Chân Như Phật Tánh sẵn có trái nghịch tịnh duyên, theo duyên mê nhiễm, luân hồi trong lục đạo bao kiếp dài lâu không thể thoát khỏi! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Tình thế hiện tại chính là tình thế hoạn nạn. Nếu chẳng lấy Phật A Di Đà và Quán Thế Âm Bồ Tát làm chỗ nương cậy để thường niệm, lỡ ra họa hoạn xảy tới, hoặc thành linh gặp phải chuyện bất trắc, kêu gào sông cũng chẳng được! Nếu đã niệm sẵn từ trước sẽ có sự chuyển biến âm thầm. Huống hồ cơn sanh tử xảy tới, ai cũng phải có ngày ấy!

Vì thế, phải thường nghĩ đến lúc lâm chung, tự chẳng dốc sức rong ruổi theo đuổi hết thảy vọng tưởng trái phận và các pháp môn chẳng giúp ích gì cho việc liễu

sanh thoát tử, đến nỗi bỏ phế, chẳng tu pháp môn phải quyết định dựa vào để liễu sanh thoát tử này. Mong vợ chồng, cha con ông đều chẳng cho lời Quang là hủ bại, vợ vẫn thì thật là may mắn lắm! *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Người niệm Phật có bệnh nên nhất tâm chờ chết. Nếu tuổi đời chưa tận sẽ chóng lành bệnh. Dem toàn thân buông xuống để niệm Phật, tiêu nghiệp rất hay! Nghiệp tiêu thì bệnh lành. Nếu chẳng buông xuống được, cứ mong được khoẻ lại; nếu chẳng được khoẻ lại chắc chắn không cách chi được vãng sanh vì chẳng nguyện sanh! Chẳng hiểu rõ đạo lý này, còn mong cậy vào Phật từ lực nữa ư?

Với căn bệnh của mẹ ông, hãy nên khuyên bà khẩn thiết buông xuống, cầu vãng sanh. Nếu tuổi thọ chưa hết mà cầu vãng sanh sẽ hóa ra chóng được lành bệnh. Ấy là vì tâm chí thành nên được Phật từ gia bị. Mong ông hãy nhỏ nhẹ, khéo léo khuyên mẹ, đừng bắt chước kẻ si nói những lời si dại nữa! *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

* Trộm nghĩ: Chúng sanh đời Mạt Pháp căn cơ cạn mỏng, nếu không cậy vào Phật lực, chắc chắn khó thể liễu thoát. Do vậy, phải giữ chắc một môn “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ” thì mới có thể thoát khỏi

cõi Ngũ Trược này, lên cõi chín phẩm sen kia. Nếu làm lẫn cho mình là cao quý, muốn cậy vào sức của chính mình để tu các pháp môn Thiên, Giáo, Mật hòng liễu sanh tử thì phần nhiều sẽ là “có nhân, không quả”. Vì sao vậy? Dù có thể triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, nhưng chưa đoạn hết sạch Phiền Hoặc, chắc chắn chẳng có phần liễu sanh tử, huống hồ kẻ chưa thể triệt ngộ tự tâm và chưa thể thâm nhập ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Phùng Thiên Tây và Trịnh Viên Oánh*)

* Pháp môn Tịnh Độ dạy dỗ không phân biệt, phàm - thánh, trí - ngu đều được bình đẳng nhiếp thọ. Hết thấy pháp môn đều cậy vào tự lực, chỉ có mỗi pháp này hoàn toàn cậy vào Phật lực, Phật lực khác biệt tự lực một trời một vực. Tín nguyện ức niệm quyết định sanh về nước Phật. Bao nhiêu người tín niệm, bấy nhiêu người vãng sanh. Phật có lời thệ nguyện, nay đã tỏ lộ dấu hình (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Ca tụng pháp môn Tịnh Độ thù thắng*)

* Hết thấy pháp môn đều cậy vào tự lực để liễu sanh tử; pháp môn Niệm Phật cậy vào Phật lực để liễu sanh tử. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử chẳng phải là chuyện có thể thực hiện xong trong một hai đời. Bậc chúng Sơ Quả còn phải bảy lần sanh trong cõi trời và

nhân gian, mới chứng Tứ Quả. Tứ Quả là liễu sanh tử! Người chưa chứng Sơ Quả thặng trầm bất định. Kẻ đời này tu hành rất khá, đời sau tạo nghiệp lớn lao, trong trăm kẻ có đến hơn chín mươi người.

Bậc chứng Sơ Quả, dầu dùng oai lực bức bách họ tạo nghiệp, họ thà chịu xả mạng, chẳng chịu tạo những ác nghiệp giết, trộm, dâm v.v... Nếu không xuất gia, cũng sẽ cưới vợ. Nếu buộc họ tà dâm, họ thà chết chẳng làm! Vị ấy tuy chưa liễu sanh tử, quyết định chứng Sơ Quả, dầu dùng oai lực bức bách họ tạo nghiệp, họ thà chịu xả mạng, chẳng chịu tạo những ác nghiệp giết, trộm, dâm v.v... quyết định chẳng bị đọa xuống, còn kẻ chưa chứng Sơ Quả thì không chắc! Dầu một đời, hai đời chẳng tạo nghiệp, chắc chắn khó thể vĩnh viễn không tạo nghiệp. Vì thế biết: Cây vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân khó khăn như lên trời vậy!

Người niệm Phật ắt phải sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, quyết định cầu Phật gia bị trong đời hiện tại, đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Lúc bình thường niệm Phật, phải thành khẩn như làm đám tang cho cha mẹ, phải tích cực như cứu đầu cháy; lại phải đem pháp môn này tùy phần tùy sức nói với hết thầy mọi người; lại còn đối với mọi chuyện đều phải trọn hết bốn phận của chính mình để được mãn nguyện. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời thầy Tu Tịnh*)

*** Thuốc không quý - hèn, thuốc nào trị được bệnh thì thuốc ấy là thuốc hay. Pháp chẳng cạn - sâu, pháp nào hợp căn cơ sẽ là pháp mầu nhiệm.** Đang thời Mạt Pháp, căn cơ con người kém hèn, nếu chẳng nương vào hoàng thế nguyện lực của đức Như Lai, ai có thể đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng vô sanh?

Ví như bệnh đã lậm vào tạng phủ, tuy bệnh tình hòa hoãn, vẫn không thể làm gì được, nhưng nếu chịu uống thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh này, thì chuyện “đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô Sanh” vừa nói trên đây ai nấy đều có thể đích thân chứng được, hoàn toàn chẳng khó khăn gì! Vì sao vậy? Do người ấy dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, lâm chung chắc chắn sẽ được Phật tiếp dẫn, liền được vãng sanh. Đã được vãng sanh, thân cận Phật Di Đà dài lâu, theo gót hải chúng, còn có thể viên mãn Bồ Đề, triệt chứng Niết Bàn rốt ráo, huống là những chuyện “đoạn Phiền Hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô Sanh” vừa mới nói đó ư?

Do vậy, biết rằng: Trong thời tiết¹⁰¹ này, chỉ có một pháp này là thích hợp căn cơ nhất. Nếu bỏ pháp môn

101. Xin đừng hiểu lầm chữ “thời tiết” ở đây là weather, mà có nghĩa là thời thế, đúng dịp, đúng lúc nhân duyên chín muồi, các duyên hội đủ, như trong thành ngữ “nhân duyên thời tiết” thường được dùng trong kinh sách.

cậy vào Phật lực này để tu những pháp môn tự lực khác, đừng nói hạng trung - hạ căn không có cách chi mong mỏi, dầu là thượng căn chắc chắn cũng khó lòng thành tựu ngay trong một đời được; phần nhiều chỉ gieo nhân cho đời sau, khó được lợi ích thật sự! Vì thế, hàng tri thức xưa nay cực lực hoằng dương pháp này để mong trên báo ơn Phật, dưới độ những người cùng hàng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Tịnh Độ Tập Yếu*¹⁰²)

* Hết thấy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong suốt cả một đời Ngài, tuy là Đại, Tiểu, Đốn, Tam bất đồng, Quyền, Thật, Thiên, Viên sai khác, nhưng không pháp nào chẳng nhằm khiến cho hết thấy chúng sanh đều theo đường về nhà, khôi phục tâm tánh mà thôi! Nhưng những pháp ấy đều cần phải tự lực tu trì để đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, hoàn toàn không được một sức nào khác nhiếp trì hòng chắc chắn được siêu phàm nhập thánh, thành tựu sở nguyện ngay trong đời này!

Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào sức thế nguyện, nhiếp thọ của Phật và lòng thành tín nguyện niệm Phật của chính mình, bất luận đã chứng ngộ hay không;

102. Tịnh Độ Tập Yếu như tên gọi là một cuốn sách tập hợp những lời dạy chánh yếu về Tịnh Độ của chư Bồ Tát, chư tổ sư, đại đức, do hai ông Phan Huệ Thuần và Thiệu Huệ Viên biên soạn. Xin đừng lẫn lộn với tác phẩm Tịnh Độ Thập Yếu của đại sư Ngẫu Ích.

thậm chí kẻ chưa đoạn mảy may Phiền Hoặc nào vẫn đều có thể cạy vào Phật từ lực liền được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Đã được vãng sanh, nếu là người đã chứng ngộ liền lên thẳng Thượng Phẩm, kẻ chưa đoạn Hoặc vẫn dự vào dòng thánh.

Do vậy biết pháp môn Tịnh Độ rộng lớn không có gì ra ngoài được, như trời che khắp, dường đất chở đều, thống nhiếp các căn cơ trọn chẳng sót vật nào! Thật có thể nói là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, thâm trọn lợi căn và độn căn. Trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được; dưới là phàm phu nghịch ác vẫn có thể dự vào trong đó. Thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Như Lai, mở ra con đường chánh để chúng sanh trở về nguồn. Vì thế, pháp này được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Huống chi đang nhằm thời Mạt Pháp, căn cơ con người kém hèn, bỏ pháp này tu pháp khác thì chẳng những hàng phàm phu bộn bề phiền não chẳng có cách nào thoát ly sanh tử, mà ngay cả bậc thánh nhân Thập Địa cũng khó thể viên mãn Bồ Đề! Vì vậy, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn Công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh đều phát tâm Kim Cang hoằng truyền, tán dương, ngỏ hầu lực đạo, tam thừa

đều được vượt ngang ra khỏi tam giới, khôi phục tâm tánh vốn có. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thập Yếu*)

* Pháp môn Tịnh Độ rộng lớn như pháp giới, rộng rãi như hư không. Hết thấy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thấy các hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Người thiên tư thông minh thường vì tưởng lầm pháp này sự giản dị, lý tầm thường nên chẳng bỏ công xét kỹ, chẳng những chính mình không tu tập, lại còn thốt lời bàn luận, ngăn trở, phá hoại, bài xích người khác tu trì, nhằm tỏ vẻ chính mình cao minh. Điều này đúng là “*biến quán lục hợp nhi bất kiến lai mao*” (thấy trọn vũ trụ nhưng chẳng thấy được sợi lông nơi khóe mắt), biết trọn các pháp nhưng chẳng biết chính mình thế trí biện thông, tự nghĩ mình Tông - Giáo đều thông, đức Phật gọi kẻ ấy là kẻ đáng thương xót!

Họ chẳng nghĩ chỗ quy tông của kinh Hoa Nghiêm là cầu sanh Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền thấy đều phát nguyện vãng sanh. Những vị ấy là người như thế nào, chuyện ấy là chuyện như thế nào? Dầu bọn ta có hiểu được chút giáo nghĩa, nhưng Phiền Hoặc chưa đoạn, sanh tử chưa giải quyết xong, hề trải qua một phen biến đổi, sanh sang kiếp sau, há có thể chẳng mê mất được ư? Chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Nguyên do

đức Như Lai đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ này là nhằm làm cho thượng thánh hạ phàm đều cùng thoát được sanh tử ngay trong đời này. Huống chi hai vị Đại Sĩ kia thành Phật đã lâu, thị hiện thuộc địa vị Đẳng Giác, lấy thân làm gương cho kẻ khác phát nguyện cầu sanh; ta là hạng người nào mà dám chống đối các vị ấy?

Nghĩ kỹ như thế, chắc chắn sẽ nhanh nhẩu thay đổi, tuân theo giáo huấn phổ độ thánh - phàm của đức Như Lai, noi theo Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn Công, Trí Giả, Thiện Đạo, Vĩnh Minh v.v... các vị đại Bồ Tát, Tổ sư mà nhất trí tiến hành, dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngổ hầu viên mãn Phật quả, làm bậc đại trọng phu rất ráo. Ai chịu cam lòng nhường đại lợi ích này cho người khác, rồi tự mình ở yên trong nhà lửa tam giới, thường bị thiêu đốt vậy thay? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục*)

* Nghe Di Đà thệ nguyện, dạy chúng sanh phương hướng “*tâm làm, tâm là*” thích hợp khắp chín giới. Pháp môn Tịnh Độ là đạo thành thủy thành chung của Như Lai, thỏa thích lớn lao bản hoài của Phật. Phật, Tổ xuất thế đều lập pháp thuận theo cơ nghi. Kẻ độn căn đời Mạt nên chọn lấy pháp vừa khế lý lại vừa khế cơ để

chuyên ròng dốc sức, ngỗ hầu nương theo Phật từ lực, vượt ngang ra khỏi tam giới, ngay trong một đời này sẽ giải quyết xong xuôi đại sự sanh tử chẳng thể dễ dàng giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ Linh Nham Sơn Tự*) * Tâm đấng của Phật - Tổ thường luôn sáng ngời. Lý tốt cùng Thiên - Tịnh tràn ngập pháp giới, ai nấy đều sẵn có, cần chi phải tán dương? Do vì kẻ chưa hiểu rõ mà phải ghi chú tỉ mỉ bên dưới! Kinh Phạm Võng dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh*”. Lại nói: “*Ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành*”. Trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ Tát trông thấy tứ chúng đều lễ bái thưa: “*Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài sẽ đều thành Phật*”. Trong hội Hoa Nghiêm, khi đức Như Lai thành Đẳng Chánh Giác, than rằng: “*Lạ thay! Hết thấy chúng sanh đều có đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí sẽ được hiện tiền*”. Do vậy biết chúng sanh về bản thể là Phật, nhưng vì mê muội nên chưa ngộ, hoặc ngộ nhưng chưa chứng, nên chẳng thể tránh khỏi vẫn là chúng sanh!

Pháp khiến cho họ được ngộ, không chi hơn tham Thiền, tức tham cứu điều thường được gọi là “*thấy được bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*” nhằm

dạy con người hướng về lúc trước khi dấy lên ý niệm đề đích thân thấy được chủ nhân ông. Nếu có thể thấy triệt đề thì gọi là Ngộ; nhưng phiền não chưa đoạn thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi y như cũ! Nếu có thể đoạn hết sạch Phiền Hoặc thế gian thì mới vượt khỏi được ba cõi. Do vậy, biết rằng Chúng là chuyện lớn lao, chẳng dễ dàng gì! Vì thế, chẳng thể không nương vào “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương” để mong cậy vào Phật từ lực đởi nghiệp vãng sanh! Suy nghĩ chín chắn nghĩa này, sẽ biết Như Lai đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ chẳng phải chỉ để tiếp dẫn riêng hạng hành nhân tâm thường, mà thật ra còn nhằm bảo vệ những người đã có ngộ chứng trong Tông, trong Giáo, nhưng chưa đạt đến mức “phạm tình lẫn thánh kiến đều bất khả đắc”.

Phiền Hoặc hết sạch, đương nhiên sẽ giải thoát. Người đã ngộ đã chứng nhưng chưa đạt đến mức cùng cực, nếu không có pháp môn Tịnh Độ che chở, nhiếp trì thì những hành nhân ấy lại phải thọ sanh, kẻ bị chìm đắm thì nhiều mà kẻ tấn tu thật ít! Cảm ân đức của Phật khiến con người khôn ngoan ghen ngào ứa lệ! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa lưu thông cho bản in gộp chung hai sách Phật Tổ Tâm Đăng và Thiên Tịnh Song Úc*)

* Phật pháp có vô lượng pháp môn, nhưng đều phải tu đến khi nghiệp tận tình không thì mới có thể liễu sanh thoát tử! Nếu không, dù có sở đắc, vẫn cứ y như cũ, chẳng làm gì được sanh tử! Như trong hiện thời, sợ rằng khắp cõi đời cũng khó được một hai người đạt đến địa vị nghiệp tận tình không! Chỉ có một pháp Niệm Phật nếu đầy đủ tín chân, nguyện thiết, chí thành niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, dù toàn thân là nghiệp lực, vẫn đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, ấy gọi là “đời nghiệp vãng sanh”. Hễ sanh về Tây Phương thì liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

Vì thế, thiện tri thức đời Mạt phần nhiều đều đề xướng Tịnh Độ; bởi lẽ Tịnh Độ thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt được hiệu quả nhanh chóng. Thường có những kẻ thông minh, hơi hiểu giáo nghĩa, hoặc biết đôi chút lẽ Thiên, bèn tự cho mình là bậc thông suốt, miệt thị niệm Phật, cho niệm Phật là chuyện dành cho bọn ngu phu, ngu phụ làm! Đấy đều là những kẻ chẳng biết tự xét, là hạng cuồng đồ, cứ tưởng “hiểu nghĩa lý theo văn tự chính là thật chứng”, chắc chắn là hạng “nói không, làm có”, dùng thân báng pháp, tương lai ắt đọa tam ác đạo, được những ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh Tây Phương thương xót nhưng chẳng thể cứu vớt! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Thương Châu - 1*)

* Tam giới không đâu chẳng phải là quán trọ, chúng sanh trong lục đạo đều là kẻ nghèo cùng. Tuy hứng chịu khổ - vui tạm thời sai khác, nhưng hết vui sẽ tới khổ, rốt cuộc chẳng phải là chỗ an thân lập mạng rốt ráo! Do vậy, đức Thích Ca Thế Tôn ta đặc biệt rủ lòng thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thị hiện thành Chánh Giác, tùy theo căn cơ chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho khắp các chúng sanh đều theo đường về nhà, nhận lãnh của gia bảo, vĩnh viễn hưởng an lạc.

Nhưng các pháp ấy mỗi pháp lợi lạc cho một loại căn cơ, lại chẳng dễ tu tập, dấu tu cũng khó thể liễu thoát ngay trong đời này, bởi hoàn toàn cậy vào sức Giới - Định - Huệ của chính mình để đoạn Hoặc chứng Chân thì mới thoát sanh tử. Chúng sanh đời Mạt Pháp khó lòng trông mong được! Do lòng đại từ bi, đức Như Lai lại bày ra một pháp môn đặc biệt, đó là “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương”, để những người đã đoạn Hoặc sẽ nương vào Phật từ lực mau chứng Bồ Đề, kẻ chưa đoạn Hoặc sẽ nương vào Phật từ lực liền thoát sanh tử. Thích hợp khắp ba căn, gồm thấu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn; thượng thánh hạ phàm cùng nương về, kẻ mới phát tâm lẫn người tu lâu đều cùng tiến. Pháp môn này không riêng gì phàm phu đầy dẫy phiền não nên chuyên tu, ngay cả bậc Đăng Giác Bồ Tát sắp thành Phật cũng cần phải dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc thì mới có thể viên thành Phật

quả. Pháp môn lớn lao như hư không chứa đựng rộng khắp, pháp môn lợi ích như mùa Xuân khiến cho khắp mọi loài sanh trưởng; trọn cả kiếp tán dương cũng khó lòng cùng tận. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Kỹ Lộ Chỉ Quy*)

3. Dạy Những Điều Thiết Yếu Về Lúc Lâm Chung

* **Một cửa ải lâm chung thật là khẩn yếu.** Đòi có kẻ ngu trong lúc cha mẹ, quyến thuộc lâm chung, bèn bi thương, đau đớn, khóc lóc, tắm rửa, thay áo, chỉ cốt sao đẹp mắt người đòi, chẳng tính kể đến chuyện gây hại cho người chết. Người không niệm Phật thì không nói làm chi, chứ người mang chí hướng khẩn thiết vãng sanh, lúc lâm chung gặp phải hạng quyến thuộc này đa phần đều bị phá hoại chánh niệm, vẫn phải ở lại thế giới này.

Trợ niệm lúc lâm chung ví như kẻ yếu đuối trèo núi, sức mình chẳng đủ, may có sức của người đứng trước lôi, người đằng sau đẩy, người hai bên nâng đỡ nên bèn có thể lên đến được đỉnh cao chót vót.

Lâm chung chánh niệm **rõ ràng** bị phá hoại bởi những chuyện như tình yêu thương của quyến thuộc, đòi đổi chỗ v.v... Ví như dững sĩ trèo núi, sức mình sung mãn, nhưng thân hữu, người quen biết đều đem những vật của họ giao cho đội vác. Đội vác quá nhiều

nên sức kiệt, thân nhọc, nhìn vách núi lùi bước.

Lẽ được - mất này tuy do người khác gây ra, nhưng thật ra cũng do nghiệp lực thiện - ác của chính mình từ trong kiếp trước đã thành toàn hay phá hoại người khác mà ra. Phàm những người tu Tịnh nghiệp hãy nên thành toàn chánh niệm cho người khác và bảo cho quyền thuộc biết sẵn về lẽ lợi - hại, khiến cho ai nấy đều biết điều quan trọng nằm ở chỗ thần thức sẽ đạt được, chứ chẳng phải ở chỗ dễ coi thuộc về phương diện tình cảm thế gian, để khỏi phải lo lắng nữa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Sự tích vãng sanh của u-u-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật Tánh*)

* Nhận được thư biết phu nhân mắc phải bệnh tật đã hơn cả tháng. Dùng thuốc khó khăn, các thầy thuốc đều bó tay. Nhằm ngay lúc này, đúng là lúc nên dùng thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh. Các hạ hay đem thuốc này thí khắp cho người, sao đối với bệnh của phu nhân lại chần chừ, lo ngại khó dùng thuốc này vậy? Lệnh lang, lệnh ái, lệnh tức v.v... đều thọ ân sanh thành; đúng ngay lúc thân mẹ mắc bệnh nặng, sống chết khó bảo đảm này, hãy dạy họ ai nấy vì mẹ chí thành khẩn thiết niệm “**Nam Mô A Di Đà Phật**”, để cầu tuổi thọ mẹ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, tuổi thọ đã hết sẽ mau được sanh về Tây Phương. Các cậu con trai... hiếu

tâm thuần thành, sốt sáng, ắt đều như cứu đầu cháy, sẽ thường trì niệm. Như thế chẳng phải chỉ hữu ích cho phu nhân mà còn có lợi ích sâu xa cho các cậu con trai, các cô con gái v.v... nữa!

Phàm con người mắc bệnh, có thể dùng thuốc để trị được thì cũng không nhất quyết chẳng dùng đến thuốc. Nếu chẳng dùng thuốc để trị được thì dù có thuốc tiên cũng vô ích, huống gì là thuốc thế gian? Bất luận bệnh có trị được hay không, đều nên uống thuốc A Già Đà. Thuốc này tuyệt đối chẳng hại người, uống vào dù thân hay tâm đều thấy công hiệu.

Người sống trong thế gian, bất luận lâu hay mau, rốt cục đều phải chết. Chết không đáng tiếc, chết rồi sẽ đi về đâu há chẳng nên sắp đặt sẵn ư? Người có sức tự mình sắp đặt thỏa đáng sẵn sàng thì khi lâm chung cố nhiên chẳng cần đến ai khác giúp đỡ, nhưng nếu được phụ trợ lại càng thêm đắc lực. Người không có sức hãy nên bảo gia thuộc thay mình niệm Phật, ắt đề khởi được chánh niệm, chẳng đến nỗi bị ân ái buộc ràng, vẫn cứ bị tình thương yêu trói buộc y như cũ, trụ mãi nơi đây không thoát ra được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi - 1*)

* Hãy nên đem hết thầy chuyện nhà và sắc thân của chính mình toàn thân buông trọn xuống. Dùng cái tâm chẳng nhiễm mảy trần để trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, nghĩ mình sắp chết, ngoại trừ niệm Phật cầu tiếp dẫn ra, chẳng khởi một tạp niệm nào. Làm được như thế thì quyết định vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh. Tuổi thọ chưa hết thì quyết định nghiệp tiêu, bệnh lành, huệ rạng, phước cao. Nếu không thể niệm như thế, cứ si dại cầu chóng được lành bệnh thì chẳng những không thể chóng lành, trái lại bệnh còn nặng thêm! Nếu mạng đã hết, chắc chắn phải trôi nổi theo nghiệp, vĩnh viễn không có lúc thoát khỏi cõi khổ Sa Bà này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gửi cư sĩ Phương Thánh Dận*)

* Bà đã ngoài 70 tuổi rồi, chẳng bao lâu nữa sẽ phải chết. Hiện thời phải nhanh chóng thu xếp hết thầy mọi việc cho tốt đẹp, trong tâm ngoại trừ niệm Phật ra, không để vướng mắc bất cứ chuyện gì khác thì khi lâm chung mới có thể không vướng mắc, không ngăn ngại. Nếu bây giờ cứ vẫn chuyện gì cũng không buông xuống được như thế, vẫn nhìn không thông suốt, khi lâm chung tất cả những tâm tham luyến y phục, đồ trang sức trên đầu, nhà cửa, con cháu sẽ đều hiện ra hết, như thế thì làm sao có thể vãng sanh Tây Phương cho

được? Đã không thể vãng sanh được thì bà một đời thủ tiết niệm Phật và làm đủ mọi chuyện hữu ích sẽ hoàn toàn trở thành phước báo!

Hiện thời bà vẫn chưa có trí huệ, tuy thường tinh tấn niệm Phật, trong tâm vẫn chưa quyết định cầu sanh Tây Phương, đến đời sau trong lúc hưởng phước chắc chắn bị phước mê hoặc, sẽ tạo các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, chắc chắn phải đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu khổ! Nỗi khổ lớn lao ấy đều là do đời này niệm Phật chẳng biết quyết định cầu sanh Tây Phương chiêu cảm. Quang thương xót bà, sợ bà mai sau có thể lâm vào tình huống ấy cho nên lập sẵn cách cho bà. Nếu bà chịu nghe theo lời tôi, sẽ chẳng do phước mà mắc họa.

Hiện thời tuy bà rất mạnh khỏe nhưng phải nghĩ mình sắp chết. Bây giờ cần mặc những thứ quần áo nào thì giữ lại để mặc, phàm những thứ y phục quý trọng như lượt, là, áo da v.v... đều chia cho cháu, cho dâu. Những thứ cài đầu, xuyên đeo tay, hoa tai, vàng, bạc, phi thúy¹⁰³ v.v... đều dùng để cứu giúp dân chúng bị tai nạn. Dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh. Nếu trong tâm thấy biết nhỏ nhen, chẳng thể đem cứu vớt tai nạn thì cũng nên chia cho con gái, cháu dâu, cháu gái

103. Phi Thúy (Jadeite) là một loại ngọc quý, còn được gọi bằng những danh xưng Thúy Ngọc, Ngạnh Ngọc, Miến Điện Ngọc, màu xanh lục đậm hơi biếc giống như màu lông chim Phi Thúy (chim bói cá, chim trà) nên mới có tên như vậy. Ở Trung Hoa không có loại ngọc này, phải nhập từ Miến Điện về nên rất quý và mắc tiền.

v.v... Bên thân mình quyết chẳng được giữ lại những thứ khiến cho con người dấy lòng tham luyến ấy. Tất cả những khoản tiền dành dụm để phòng khi dưỡng già cũng nên giao hết cho con cháu, dù là khế ước, sổ sách ruộng đất v.v... đi nữa cũng nên giao hết sạch cho người khác. Trong tâm bà trừ chuyện niệm Phật, chẳng để cho có một chút ý niệm nào khác! Ngay cả cái thân của bà cũng chẳng tính toán sẵn sau khi chết đi sẽ nên an bài ra sao. Ngay cả với cháu, chặt cũng đều nên coi như người không quen biết, mặc kệ chúng nó hay dở ra sao, ta chỉ quan tâm niệm đức Phật của ta, nhất tâm mong chờ đức Phật đến tiếp dẫn ta vãng sanh Tây Phương.

Bà làm theo đúng như lời tôi nói, hết thảy mọi sự đều buông xuống hết, đến lúc lâm chung tự nhiên cảm được Phật đích thân rủ lòng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu vẫn cứ tham luyến hết thảy những vật tốt đẹp, tiền bạc, ruộng đất, nhà cửa, đồ cài đầu, quần áo và con cái, cháu chắt v.v... y như cũ thì vãn muôn phần chẳng thể vãng sanh Tây Phương được!

Đã không sanh về Tây Phương được thì đời sau chắc chắn có si phước để hưởng, do hưởng phước sẽ tạo nghiệp, chắc chắn khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa lạc trong tam đồ vì ác nghiệp ngăn lấp vậy! Tâm thức chẳng rõ, đâu có một vị Phật sống đến cứu bà cũng chẳng cứu được, há chẳng đáng thương

đáng xót lắm ư? Xin bà hãy tin lời tôi nói thì thật là may mắn không chi hơn được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Pháp ngữ dạy nữ cư sĩ Châu Dư Chí Liên*)

* Có chánh nhân Tịnh nghiệp, lại còn thêm tâm chánh tín tự niệm, quyển thuộc trợ niệm, lo gì chẳng vãng sanh! Kẻ chẳng thể vãng sanh đều là do tình ái dấy lên, chánh niệm liền mất. Đừng nói kẻ công phu nông cạn, dẫu là người công phu sâu đậm, vẫn chẳng thể vãng sanh được! Do dùng tình kiến phạm phu để xử sự nên khí phận bị cách ngăn với Phật vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh*)

*** Thành tựu người khác vãng sanh thì đến khi chính mình lâm chung ắt sẽ có người khác thành tựu sự vãng sanh cho chính mình, đừng cho chuyện ấy là không quan hệ rồi coi thường!**

Trong lúc bình thường hãy nên nói với người trong nhà về lợi ích do trợ niệm khi lâm chung cũng như những họa hại do tắm rửa, thay áo sắn, hoặc đối trước người sắp mất khóc lóc. Hãy nên thỉnh một cuốn Sứ Chung Tân Lương cho họ đọc để họ biết tường tận.

Để rồi đến khi cha mẹ hoặc các quyển thuộc khác sắp mạng chung, quyển thuộc trong nhà sẽ cùng nhau

vì người ấy niệm Phật, khiến cho tâm người sắp mất ấy giữ được chánh niệm, theo Phật vãng sanh, cũng như thỉnh xã hữu trợ niệm cho người sắp mất ấy. Lúc ấy là lúc ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ rất lớn. Hãy nên đem những chi phí ma chay cúng tế rỗng tuếch, hoa mỹ dùng vào lúc ấy, hãy biến tấm lòng buồn đau, tận hiếu chân thành trở thành cái tâm vì cha mẹ niệm Phật. Lại còn bảo quyến thuộc đều nghe theo lời chỉ dạy của xã hữu, đừng khư khư theo tập tục, kéo làm hỏng đại sự! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Trợ Niệm Vãng Sanh Xã tại trấn Cấp Tân, Hải Môn*)

* Còn như vì người khác trợ niệm, há nên vì họ niệm Quán Âm, lại còn cầu thọ cho người ấy? **Niệm Phật cũng có thể kéo dài mạng sống!** Niệm Quán Âm thì không có tâm cầu được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết sẽ làm hỏng chuyện. Không phải là Niệm Phật sẽ nhất định chết, niệm Quán Âm nhất định chẳng thể vãng sanh. Chỉ vì kẻ si không có tâm niệm cầu được vãng sanh nên cũng chỉ tạo thành một thứ nghiệp cảm gây hỏng chuyện mà thôi! **Vô Lượng Quang là tiêu tai, Vô Lượng Thọ là diên thọ (kéo dài tuổi thọ).** Niệm A Di Đà Phật công sức đến cùng cực còn được thành Phật, há lẽ nào niệm Phật chẳng thể kéo dài tuổi thọ, khiến cho chóng chết ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập*)

*** Kể thường ngày chẳng hề niệm Phật, lâm chung được bạn lành khai thị, mọi người trợ niệm, cũng có thể vãng sanh.**

Người thường niệm Phật nếu lúc lâm chung bị quỵén thuộc vô tri tắm rửa, thay quần áo sẵn và hỏi han mọi chuyện, cũng như khóc lóc v.v... Do những nhân duyên ấy phá hoại chánh niệm liền khó được vãng sanh.

Vì thế, người niệm Phật lúc thường ngày ắt phải bảo ban quỵén thuộc trong nhà đều niệm thì khi chính mình lâm chung bọn họ đều biết trợ niệm. Lại do thường nói lợi ích của sự trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do khóc lóc, bày vẽ mù quáng, họ sẽ chẳng đến nỗi vì lòng hiếu mà khiến cho người thân vẫn phải hứng chịu nỗi khổ sanh tử lớn lao, sẽ ngay trong đời này hưởng lợi ích lớn lao vãng sanh Tây Phương. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, Những căn cứ để làm cho hết thấy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh*)

*** Vì sao mẹ ông bệnh chẳng thấy lành? Ấy là do túc nghiệp mà ra! Là do báo nặng đời sau chuyển thành báo nhẹ trong hiện tại để giải quyết cho xong ngay lúc này đó vậy! Huyền Trang Pháp Sư lúc lâm chung cũng có chút bệnh khổ, tâm nghi ngờ những Kinh mình dịch có bị sai lầm gì chẳng, có một vị Bồ Tát an ủi Ngài:**

“Do sự khổ nhỏ này, tội báo của Sư trong những kiếp trước đều tiêu cả, chớ hoài nghi!” Hãy nên đem ý này an ủi mẹ ông, khuyên cụ sanh lòng hoan hỷ, đừng sanh lòng oán hận thì quyết định được Phật gia bị. Thọ mạng chưa hết sẽ chóng lành, đã hết sẽ Vãng Sanh. Phạm nhân trong lúc bệnh khổ nếu nghĩ thoái lui một bước thì an lạc vô lượng.

Gần đây, bình lửa liên miên, may sao chúng ta chưa mắc phải nạn ấy. Tuy có bệnh khổ, nhưng vẫn còn có thể dùng đó làm lời cảnh tỉnh, răn nhắc thoát khổ, phải nên cảm kích, tinh chuyên tu tập thì sẽ tự được lợi ích. Nếu không, oán trời hận người, chẳng những không tiêu được túc nghiệp, lại còn đèo thêm cái nghiệp oán trời trách người! Hãy bảo cùng mẹ ông như thế. Nếu có thể chẳng oán trời trách người, tịnh tâm niệm Phật thì tiêu được nghiệp như nước sôi tan tuyết. Từ khi Quang trở về núi, lúc hồi hướng trong khóa tụng hằng ngày đều hồi hướng cho mẹ ông, cầu Tam Bảo gia bị mạng chưa tận sẽ chóng lành, tuổi thọ đã hết sẽ mau được Vãng Sanh Tây Phương.

Trong lúc ma chạy, toàn dùng đồ chay, đừng bị thể tục xoay chuyển. Dầu bị kẻ chẳng hiểu thời thế chê là không đúng, cũng cứ mặc cho họ cười chê. Tang ma, chôn cất, chớ nên bày vẽ phô trương quá mức.

Làm Phật sự chỉ nên niệm Phật, đừng làm Phật sự gì khác, cũng như bảo cả nhà đều khẩn thiết niệm

Phật thì đối với mẹ ông, đối với quyền thuộc các ông và thân thích, bằng hữu đều có lợi ích thật sự.

Có tài lực thì làm nhiều công đức. Nếu tiền chi tiêu cho tang sự không dư dả thì chuyên lo tang sự là được rồi, đừng gắng gượng bày vẽ, đến nỗi thiếu hụt, để rồi sau này túng quẫn, không nên! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Con người suốt cả một đời chuyện gì cũng có thể giả vờ được, chỉ có lúc sắp chết là không thể giả dối được! Huống chi cụ không có tình ái luyện, vẻ mặt vui tươi, ngời yên qua đời. Nếu không phải là Tịnh nghiệp thành thực, làm sao được như thế?

Chỉ cần nhìn vào anh em ông và gia đình quyền thuộc tích cực vì mẹ niệm Phật, chẳng những bà cụ được lợi ích mà thật ra so với công đức niệm Phật cho chính mình lại càng lớn hơn. Do vậy, đức Phật dạy con người phạm tụng kinh, trì chú, niệm Phật, làm các công đức đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Bình thời còn hồi hướng cho chúng sanh không liên hệ gì với mình, huống gì lúc mẹ mất lại chẳng chí tâm vì mẹ niệm Phật hay sao?

Bởi lẽ, hồi hướng cho hết thầy chúng sanh chính là phù hợp với thế nguyện Bồ Đề của Phật, như một giọt nước gieo vào biển cả cũng trở thành sâu rộng như biển

cả. Nếu chưa đến được biển, đừng nói chi là một giọt nước, dầu trường giang, sông lớn hiển nhiên vẫn thua xa biển cả như trời với đất. Do vậy, biết rằng phạm thí cho mẹ và hết thầy mọi người đều chính là tự vun bồi phước cho mình! Biết được nghĩa này thì người có lòng hiếu sẽ càng tăng trưởng lòng hiếu; kẻ không có lòng hiếu cũng sẽ phát khởi tâm hiếu. Thịnh Tăng niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày rất tốt. Lúc niệm Phật thì anh em ông phải có người hiện diện niệm theo.

Biết được nghĩa này thì người có lòng hiếu sẽ càng tăng trưởng lòng hiếu; kẻ không có lòng hiếu cũng sẽ phát khởi tâm hiếu. Thịnh Tăng niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày rất tốt. Lúc niệm thì anh em ông phải có người hiện diện niệm theo, phụ nữ bắt tất phải ngồi sau Tăng. Bởi lẽ, niệm nhiều ngày, ắt quen biết nhau, dễ khiến người ta khởi hiềm nghi! Nên lập riêng một chỗ cho phụ nữ, hoặc cho họ ngồi sau màn, ra vào theo cửa riêng, hai bên chẳng thấy nhau để làm gương cho làng ấp, mở đầu khuôn phép nghi thức tốt đẹp. Nếu tràn lan không giới hạn thì rất có thể người khác bắt chước theo, lâu ngày nảy sanh thói tệ. Người xưa lập pháp dầu là thượng thượng nhân cũng phải tuân thủ khuôn phép dành cho kẻ hạ hạ, cho nên không thể có tệ hại.

Anh em ông vì mẹ có thể niệm Phật như thế lại còn vì mẹ in tặng Quán Âm Tụng, Văn Sao v.v... có thiện tâm, tư lương thanh tịnh, và chuyện công đức lợi người

như thế há chẳng riêng gì mẹ ông phẩm sen được tăng cao, chắc rằng tổ phụ, tổ mẫu, phụ thân ông và tổ tiên nhiều đời cùng được thắm nhuần pháp lợi, cùng được Vãng Sanh.

Những thuyết “*đảnh Thánh nhân thiên*” quả thật có chứng cứ, nhưng Quang sợ kẻ vô tri chỉ chăm chú thăm dò chỗ nóng - lạnh, ý tôi cho rằng: **“*Hễ có tín nguyện và lúc lâm chung chánh niệm phân minh bèn được Vãng Sanh, chẳng cần phải chuyên thăm dò nóng lạnh để làm chứng cứ*”**, nên mới nói cũng đừng theo lệ ấy vì sợ rằng thăm dò quá nhiều lần đến nỗi hỏng việc. Không thể không biết điều này! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Đối với việc cầu an cho người bệnh, tiến vong¹⁰⁴, người đời nay hay chú trọng tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục¹⁰⁵ v.v... Quang đều bảo những bạn bè quen biết nên niệm Phật, bởi niệm Phật lợi ích hơn tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục nhiều lắm. Vì sao

104. Tiến vong: Cầu siêu cho người đã khuất.

105. Còn gọi là Thủy Lục Trai, Thủy Lục Đạo Tràng, Bi Trai Hội. Đây là pháp hội thí thực cho tất cả hữu tình sống trong nước (thủy) trên đất liền (lục) và các loài ngạ quỷ. Nguyên khởi do Lương Võ Đế (Tiêu Diển) mộng thấy có vị Tăng dạy lập đàn Thủy Lục, cúng thí cho lục đạo tứ sanh. Vua bèn ra lệnh cho biên tập khoa nghi từ các kinh điển, dựa theo chuyện A Nan gặp Diên Nhiên ngạ quỷ (quỷ mặt bốc lửa cháy bùng bùng), được Phật dạy tạo Bình Đẳng Học để thí cho ngạ quỷ, soạn ra khoa nghi, tu Thủy Lục Trai Hội tại chùa Kim Sơn khoảng năm 504. Khoa nghi này được các đời sau bổ sung chi tiết hơn

vậy? Tụng kinh thì người không biết chữ chẳng thể đọc theo. Dù biết chữ nhưng tụng nhanh như nước chảy thì người miệng lưỡi hơi chậm chạp cũng không tụng được. Người biếng nhác tuy tụng được nhưng cũng không chịu tụng, thành ra hữu danh vô thực. Bái sám, làm đàn Thủy Lục cũng cứ theo đó mà suy!

Niệm Phật thì không một ai chẳng thể niệm được, dẫu cho kẻ biếng nhác không chịu niệm, nhưng mọi người đồng thanh cùng niệm, nếu kẻ ấy không bịt tai thì một câu Phật hiệu cố nhiên sẽ rành rẽ phân minh rót vào tâm, tuy chẳng niệm mà cũng chẳng khác gì niệm. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm, tuy không cố ý muốn thơm mà ngò đâu lại được như thế. Vì thân quyết đảo bệnh, cầu siêu, chẳng thể không biết điều này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi - 1*)

* Làm Phật sự, bắt tất phải niệm Kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục, bởi những chuyện ấy đều thuộc bề ngoài, nên chuyên niệm Phật, khiến cho các con trai gái từ đầu đến cuối đều niệm theo, những người nữ nên ở trong phòng niệm, chẳng nên ngồi sau chư Tăng. Như thế thì chẳng những tôn phu nhân và lệnh quyết thật sự được lợi ích mà ngay cả những vị Tăng niệm Phật và những ai thấy nghe không ai chẳng được lợi ích.

Phàm khi làm Phật sự, nếu chủ nhân chịu tham dự

đàn tràng thì Tăng sẽ tự phát tâm chân thật, nếu chủ nhân chỉ làm cho đủ lệ, thì Tăng cũng chỉ làm chiếu lệ! Như một kỳ Phật sự đã xong, trong ban đêm tổ chức lễ Diệm Khẩu là xong. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi - 2*)

* Con người sống trong thế gian thật giống như huyền hóa, dầu thọ trăm tuổi cũng chỉ là một khoảng khảy ngón tay. Lúc sanh ra cũng tùy theo túc nhân (nhân trong đời trước) mà đến, lúc chết cũng tùy theo hiện nhân (cái nhân trong đời này) mà đi. Dầu sẵn đủ Phật tánh thường trụ bất biến, tịch - chiếu viên dung, nhưng do mê chưa ngộ nên ngược ngạo nương vào sức công đức của Phật tánh ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp luân hồi sáu nẻo, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Đức Như Lai thương xót nên khi họ còn sống bèn dạy tu tịnh hạnh để mong bỏ mê về với ngộ, lìa vọng theo về chân ngộ hầu khôi phục Phật tánh sẵn có, sau khi chết bèn hóa thiêu thân xác nhằm chỉ rõ sáu Trần không có Thể, năm Uẩn đều là không, đích thân chúng được diệu tâm thường trụ. Ở Tây Vực có bốn cách an táng:

1) Một là thả trôi trong nước, tức là bỏ trong các sông rạch cho cá, rùa ăn.

2) Hai là hỏa thiêu, dùng lửa đốt xác ngộ hầu phá được Ngã Chấp.

3) Ba là chôn xuống đất, tức vùi kín trong huyết để thân xác khỏi bị phơi bày. Nước ta thường chú trọng chôn xuống đất; nhưng biển dâu biến đổi, đường đất nhiều lượt thay đổi, đào mộ lộ xương, thảm thương tột cùng!

4) Bốn là thi lâm (rừng thây), tức bỏ xác trong rừng cho chim thú ăn. Nay tại Ngoại Mông Cổ¹⁰⁶, bỏ xác trong đồng hoang để nuôi chim, thú.

Từ khi Phật pháp truyền sang phương Đông, Tăng chúng đều an táng theo cách hỏa thiêu. Những bậc cao nhân thông đạt, sùng tín Phật pháp đời Đường đời Tống cũng thường dùng cách này vì Phật pháp trọng thần thức, chỉ sợ đấm dập thân xác, chẳng thể giải thoát được! Thiêu đi thì sẽ biết đáy chẳng phải là ta, không còn đấm dập nữa. Lại vì người đã khuất tụng kinh niệm Phật, mong họ chứng được Pháp Thân. (*Ấn*

106. Gọi là Ngoại Mông Cổ nhằm để phân biệt với Nội Mông Cổ. Khi người Mông Cổ chiếm Trung Hoa lập ra nhà Nguyên, Hốt Tất Liệt sát nhập đất đai Mông Cổ vào lãnh thổ Trung Hoa. Tới khi Châu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) lật đổ nhà Nguyên, người Mông Cổ bị đuổi ra ngoài cửa ải, nhưng các vương hầu, tộc trưởng Mông Cổ gây chiến liên miên với nhau nên càng ngày càng suy yếu, phải dựa dẫm vào thế lực của một sắc dân ngày càng quật cường là dân Mãn Châu. Do ngày càng cường thịnh, dân Mãn Châu đã lần lượt biến các bộ tộc Mông Cổ thành chư hầu của họ. Khi dân Mãn Châu chiếm được Trung Hoa lập ra đế quốc Đại Thanh, toàn bộ đất đai Mông Cổ một lần nữa lại bị sát nhập vào lãnh thổ Trung Hoa. Ngoại Mông Cổ là vùng nằm gọn trong địa bàn nước Cộng Hòa Mông Cổ ngày nay (đa số là dân Mông Cổ sắc tộc Khalkha), còn Nội Mông Cổ bao gồm phần đất sát với Vạn Lý Trường Thành, có rất đông người Mông Cổ sinh sống, chủ yếu là các sắc tộc Hung Nô, Ô Hoàn, Tiên Ty, Đột Quyết và Đông Hồ (hai tộc này là người Mông Cổ). Khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, Nội Mông Cổ trở thành một đặc khu tự trị với thủ phủ là Hohhot.

Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về việc Linh Nham Sơn Tự xây dựng tháp Phổ Đồng cho tứ chúng)

* Khi Phật pháp hưng thịnh vào thời Đường - Tống, người tại gia thường dùng cách hỏa táng. Nhưng hãy nên thuận theo thói đời mà chôn cất, vì sợ kẻ chấp trước câu nệ sẽ lầm lạc nói ra nói vào, chứ thật ra thiêu sẽ dễ dàng gọn gàng hơn. Qua 49 ngày rồi hãy thiêu là ổn thỏa. Chôn lâu ngày thì rất có thể xương cốt bị phơi bày. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Người niệm Phật nếu đã chứng đạo thì lúc lâm chung mặc cho dao cắt, hương bôi, trợn chẳng hề có chuyện động niệm, nên không có những cái được gọi là tổn hại hay lợi ích. Nếu chỉ có sức tu trì, chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, khi lâm chung được người khác trợ niệm sẽ quyết định được vãng sanh. Nếu gặp phải quyền thuộc vô tri, ngay trước khi chưa chết đã tắm rửa, thay quần áo sẵn, khiến cho người sắp mất bị dờn động, chịu khổ. Dù chẳng bị khổ, nhưng vừa bị dờn động thì tâm chẳng thể quy nhất nơi Phật (do thân thể bị động, tâm liền chẳng thể triệt để thanh tịnh thuần nhất).

Nếu lại còn đối trước người sắp mất khóc lóc thì

chính người sắp mất ấy cũng sanh ái luyến, nên chẳng tương ứng cùng Phật, muốn được vãng sanh sẽ chẳng có cách nào! Do vậy, lúc thường ngày phải làm cho họ (tức thân quyến của chính mình) biết lợi - hại, phải thường bảo với họ để đến khi chính mình lâm chung, bọn họ chính là người trợ đạo, không chỉ có ích cho ta mà đối với bọn họ đều có lợi ích lớn lao. Nếu chỉ biết tự mình tu trì, trọn chẳng thuật lẽ lợi - hại cùng bọn họ, lúc ông lâm chung, chắc chắn bọn họ sẽ là kẻ phá hoại chánh niệm, chắc chắn chẳng giúp cho ông tịnh tâm để được vãng sanh. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hứa Hy Đường*)

* Lại nữa, người niệm Phật phải nên khuyên quyến thuộc trong nhà cùng sanh tín tâm, cùng thường niệm Phật để chuẩn bị cho cha mẹ và các quyến thuộc trong nhà người ấy hễ có ai mạng chung liền trợ niệm cho. Nếu không, chẳng những không thể giúp cho người sắp chết giữ được chánh niệm, mà trái lại còn làm cho người ấy sanh khởi những tâm sân hận, ái luyến v.v... (Tắm rửa sẵn, thay áo làm mất chánh niệm. Nếu dờn động khiến cho người sắp mất bị đau đớn bèn sanh sân hận. Sân hận thì có thể đọa vào loài độc trùng. Nếu đối trước người sắp mất khóc lóc, người ấy liền sanh ái luyến. Những chuyện này đều làm mất chánh niệm, vĩnh viễn không mong chi được vãng sanh, buồn

thay!) Người không niệm Phật còn chẳng đến nỗi bị tổn hại lớn, chứ người niệm Phật hễ bị phá hoại, chánh niệm mất sạch, muốn được vãng sanh sẽ trọn không thể được! Từ đây luân hồi trong lục đạo suốt kiếp dài lâu, đều là do bị bọn quyền thuộc ấy gây nên. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Di và La Huệ Chú*)

* Người niệm Phật hãy nên khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nhưng muốn cho cha mẹ lúc lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương mà không nói sẵn cho quyền thuộc biết về việc trợ niệm khi lâm chung, lợi - hại của việc phô trương mù quáng và khóc lóc sẽ chẳng thể được!

Vì vậy, muốn cho cha mẹ khi lâm chung được hưởng sự lợi ích do quyền thuộc trợ niệm, chẳng bị cái hại phá hoại chánh niệm, nhưng lúc thường ngày không nói cho họ biết sự lợi ích của việc niệm Phật, khiến cho ai nấy đều thường niệm, sẽ không thể được! Như thế chẳng những có ích cho cha mẹ mà thật sự còn có ích cho những quyền thuộc hiện đời lẫn con cháu đời sau. Lâm chung trợ niệm bất luận già - trẻ đều nên như vậy, xem kỹ cuốn *Sức Chung Tân Lương* sẽ tự biết (Thượng Hải Phật Học

Chú thích: *Sức Chung Tân Lương* (Những hướng dẫn trong việc lo liệu cho người lâm chung) là một tác

phẩm do ông Lý Viên Tịnh soạn với nội dung hướng dẫn cách thức chuẩn bị cho thời khắc lâm chung và phương pháp trợ niệm nhằm đảm bảo người tu Tịnh nghiệp lúc lâm chung không bị phá hoại chánh niệm. Sách này chia làm bốn phần:

1) Sức Chung Chương Trình: Người tu Tịnh Độ phải dặn dò gia đình, bạn bè cách xử trí như thế nào khi người ấy lâm chung, cách thức trợ niệm, an táng sao cho người chết giữ được chánh niệm.

2) Sức Chung Ngôn Luận: Tập hợp những lời dạy về chuẩn bị lâm chung của các cổ đức.

3) Dự Tri Lợi Hại: Những phân tích về lẽ lợi hại khi lâm chung như không nên khóc lóc, sát sanh, không bày vẽ phô trương như buộc người chết ngồi xếp bằng, thay áo, tắm rửa trong khi người sắp chết còn đang thở hắt ra.

4) Sức Chung Thật Hiệu: Những bằng chứng vãng sanh do đã dự bị chu đáo cho phút lâm chung. Thư Cục, chùa Báo Quốc ở Tô Châu đều có bản cuốn ấy). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gửi khắp*)

* Hôm qua nhận được thư bà và thư của cư sĩ Phạm Cổ Nông, biết bà đời trước vốn có thiện căn, nhưng do tập khí văn nhân chưa trừ được, nên gần như chẳng được lợi ích thật sự! Nay tu tập mà vẫn chưa biết mỗi

tương quan rất lớn giữa tự lợi và lợi tha. Đừng nói chi người ngoài, ngay cả chồng, con, dâu, cháu v.v... của chính mình đều phải nên dạy họ thường niệm Phật hiệu.

Một là khiến cho bọn họ cùng gieo thiện căn; đang trong khi cõi đời đại loạn này, nếu chẳng nương tựa vào Phật thì nguy hiểm đáng lo lắm.

Hai là nếu lúc bình thường chẳng dạy bọn họ uốn nắn tập khí thì mai kia lúc bà sắp mất, bọn họ sẽ thuận theo tri kiến thế tục, tính làm những chuyện phô trương, khóc lóc mù quáng, dẫn bà có công phu Tịnh nghiệp có thể tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn, nhưng gặp phải những hành động đó phá hoại tịnh niệm, chắc chắn vẫn ở lại cõi Ta Bà, từ trần sa kiếp này cho đến trần sa kiếp khác vẫn bị luân hồi trong sáu nẻo. Do vậy, khuyên quyền thuộc niệm Phật chính là một đại sự khẩn yếu nhất.

Quang là một ông Tăng tâm thường chỉ biết đến cơm cháo, chẳng thể làm cho bà được hưởng lợi ích nơi diệu lý của kinh giáo; chỉ có mỗi một việc này do từng trải mấy mươi năm nên có thể làm cho bà đích thân được lợi ích trong đời này. Nếu bà làm theo được, sẽ chẳng khác gì cầu Phật tiếp dẫn bà và quyền thuộc cùng con cháu đời sau. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giác Minh*)

* Mẹ ông đã 71 tuổi rồi, ngày tháng không còn nhiều nữa. Hãy nên bảo quyến thuộc trong nhà: “Mọi người hằng ngày hãy thay phiên nhau niệm Phật trước mẹ”. Vì sao vậy? Do bọn họ lúc thường ngày nếu không niệm Phật thì tới lúc mẹ ông sắp mất, họ cũng sẽ chẳng chịu niệm. Lúc bình thường đã quen niệm, đến lúc ấy sẽ niệm được. Phải thỉnh một cuốn Súc Chung Tân Lương gửi về nhà cho bọn họ đọc, ngõ hầu họ hiểu được người đến lúc lâm chung phải nên làm như thế nào thì mới hữu ích, như thế nào sẽ bị tổn hại. Đã biết những điều thế tục thường làm đều là chuyện “*đã bị té xuống giếng còn bị quăng đá*”, sẽ chẳng đến nỗi cứ nghĩ thực hiện những chuyện ấy mới là hiếu, thực hiện lòng hiếu theo kiểu thế gian ấy sẽ khiến cho mẹ chẳng được vãng sanh, mà ngược lại càng bị đọa lạc hơn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Cao Khế Lý*)

* Người niệm Phật bị bệnh liền nghĩ là sắp chết, nhất tâm niệm Phật. Nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ đâm ra chóng lành. Nếu chỉ mong lành bệnh tức là sợ chết. Có cái tâm sợ chết, sẽ khó cảm được Phật! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tăng Di Chi*)

* Tông Tịnh sau cơn thổ tả, thần thức rất thanh tịnh, vẫn muốn được lành bệnh bèn niệm Quán Âm. Đây cũng là sự sai lầm do ít đọc những sách Tịnh Độ và Văn Sao! Hễ có bệnh liền nghĩ sắp vãng sanh, niệm Phật cầu vãng sanh, nếu tuổi thọ trong cõi đời chưa hết, chắc sẽ mau được lành. Nếu tuổi thọ trong cõi đời đã hết, chẳng đến nỗi vì cầu lành bệnh mà chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật!

May là ông ta tự biết chẳng thể vẫn hồi được nữa, bèn ngồi xếp bằng niệm Phật, dặn dò người nhà. Câu đầu tiên bèn nói: “Ta chết rồi đừng động đến di thể”; ấy là vì muốn ngồi qua đời để làm gương cho những người cùng chí hướng. Tiếp đó, dặn đừng sát sanh, chẳng dùng đồ mặn để cúng bái v.v...và bảo báo cho ông biết để chuyển tin cho Quang, rồi nhất tâm niệm Phật và dặn người nhà trợ niệm. Tông Khiết hoàn toàn chẳng biết sự quan trọng của việc trợ niệm: “Hễ không động đến thân thể thì sẽ không có chuyện do bị động chạm mà tâm không thể quy nhất. Hoặc do thân không có sức, lại bị đời động sanh đau đớn, tâm sân hận sẽ khởi lên”. Tông Khiết lầm lạc đặt thân thể của Tông Tịnh nằm xuống, ngay lập tức Tông Tịnh sân tâm bùng lên, cho nên sắc mặt đỏ bừng. May là mọi người tưởng lầm đã đến lúc vãng sanh bèn lớn tiếng niệm Phật, ông ta còn có thể mấp máy môi niệm theo, vẫn chưa đến nỗi hỏng chuyện! Đến khi tắt hơi rồi, một chân còn

chưa đuổi ra là vì Tông Tịnh muốn nhóm dậy nhưng lực bất tòng tâm. Do vậy, Tông Khiết nói: “Cụ co được một chân, bèn nhóm dậy muốn ngồi, nhưng không còn sức nữa, bèn nằm thẳng đờ qua đời!” Nếu không bị Tông Khiết mù quáng quấy rối, cảnh tượng lúc Tông Tịnh mất sẽ là chuyện lạ được đồn đại cả một vùng. Nhưng tắt hơi rồi, vẫn còn có những chuyện như co chân, nhóm dậy v.v... cũng là rất không bình thường, chắc là ông ta cũng được vãng sanh. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương*)

* Bà Lưu Thị - thím của ông Trương Phước Tuyên - bẩm tánh tinh thuần, đã có túc căn, đến khi mắc bệnh bèn tin theo lời của Phước Tuyên, Tông Tịnh v.v... mà niệm Phật, lại còn được người nhà trợ niệm, vì thế qua đời thật tốt lành. Những tướng tốt đẹp như: Vẻ mặt trở nên đẹp đẽ hơn lúc sống, sau mười bốn tiếng đồng hồ toàn thân đã lạnh, đánh đầu vẫn còn ấm, chân tay, mình mẩy mềm mại, ruồi nhặng chẳng bu tới v.v.... Căn cứ theo bài kệ kiểm nghiệm tình trạng lúc lâm chung trong kinh Đại Tập thì:

*Đánh thánh, nhĩn thiên sanh,
 Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
 Sức sanh tất cái ly,
 Địa ngục cước bản xuất.*

(Đánh: thánh, mắt: sanh thiên,

Người: tim.

Nga quý: bụng.

Súc sanh: đầu gối lìa.

Địa ngục: bàn chân thoát)

Bởi lẽ con người sắp chết, hơi nóng từ dưới dồn lên trên thì siêu thăng; từ trên dồn xuống dưới sẽ đọa lạc. Nếu toàn thân đã lạnh, chỉ còn đỉnh đầu ấm, ắt sanh về Tây Phương, vào trong thánh đạo. Mắt và trán nóng là sanh trong đường trời. Ngực nóng là sanh trong nhân đạo. Bụng còn ấm là sanh trong nga quý đạo, đầu gối ấm là sanh trong súc sanh đạo, bàn chân ấm là trong địa ngục đạo.

Người niệm Phật nếu nhất tâm niệm Phật, chẳng nghĩ đến gia nghiệp, con cái trong thế gian, quyết định sẽ được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Bất luận tu trì đã lâu hay mới tu, thậm chí kẻ tới lúc lâm chung mới được bạn lành khai thị liền nhất tâm niệm Phật, dầu chỉ niệm được mười tiếng liền mạng chung thì cũng được vãng sanh. Ấy là vì trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện thứ mười tám là: *“Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, chí tâm tin ưa, cầu sanh về nước ta, thậm chí mười niệm, nếu chẳng được sanh, ta không giữ ngôi Chánh Giác”*.

Do nhân duyên ấy, kẻ thường ngày chẳng hề niệm Phật, lâm chung được bạn lành khai thị, mọi người trợ

niệm, cũng có thể vãng sanh. Người thường niệm Phật nếu lúc lâm chung bị quỵên thuộc vô tri tắm rửa, thay quần áo sẵn, và hỏi han mọi chuyện, cũng như khóc lóc v.v... Do những nhân duyên ấy phá hoại chánh niệm liền khó được vãng sanh.

Vì thế, người niệm Phật lúc thường ngày ắt phải bảo ban quỵên thuộc trong nhà đều niệm thì khi chính mình lâm chung bọn họ đều biết trợ niệm.

Lại do thường nói lợi ích của trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do khóc lóc, bày vẽ mù quáng, họ sẽ chẳng đến nỗi vì lòng hiếu mà khiến cho người thân vẫn phải hứng chịu nỗi khổ sanh tử lớn lao, sẽ ngay trong đời này được hưởng lợi ích lớn lao vãng sanh Tây Phương.

(Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ ba - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh)

* Liễu sanh thoát tử là chuyện lớn nhất trong đời người. Pháp môn Niệm Phật là một pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Pháp này trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến tội nhân nghịch ác đều nên tu tập, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương trong đời này. Công đức, lực dụng của pháp này khác hẳn với hết thảy những pháp Đại Tiểu Thừa đã được nói trong

cả một đời đức Phật. Vì sao vậy? Do hết thầy các pháp Đại Tiểu Thừa đều phải cậy vào sức Giới - Định - Huệ của chính mình để liễu sanh thoát tử. Đừng nói là phàm phu đầy dẫy triền phược chẳng thể liễu, ngay như bậc thánh nhân đã chứng Sơ, Nhị, Tam Quả vẫn chẳng thể liễu được! Tứ Quả A La Hán mới liễu được! Đây là ước theo phía Tiểu Thừa mà nói.

Nếu nói theo phía Viên Giáo, sở ngộ thuộc địa vị Ngũ Phẩm đã bằng với Phật, nhưng vẫn chưa đoạn được Kiến Hoặc. Sau khi đã viên mãn các tâm thuộc Ngũ Phẩm rồi, đoạn được Kiến Hoặc, liền chứng địa vị Sơ Tín. Bồ Tát thuộc địa vị này, nếu xét trên phương diện đoạn Hoặc thì giống như Sơ Quả trong Tiểu Thừa, nhưng công đức, trí huệ, thần thông, đạo lực vượt trội Sơ Quả ngàn vạn ức ức lần. Cho đến khi viên mãn tâm Lục Tín rồi, đoạn sạch Tư Hoặc, mới chứng Thất Tín; Bồ Tát thuộc địa vị này mới liễu sanh tử. Liễu sanh thoát tử nào phải là chuyện dễ! Do vậy, biết rằng cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó lắm, khó như lên trời! Bồ Tát thuộc địa vị Lục Tín còn chưa thể liễu, huống là phàm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp ư?

Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào đại từ bi nguyện lực của A Di Đà Phật, bất luận già - trẻ, trai - gái, sang - hèn, trí - ngu, tại gia, xuất gia, hễ có ai chịu sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, chí thành khấn thiết niệm thánh hiệu Phật thì trong đời này không một ai

chẳng được vãng sanh khi lâm chung. Trong cõi đời, người niệm Phật thì đông nhưng ít kẻ vãng sanh là vì:

1) Chẳng tuân lời Phật dạy, miệng nói vãng sanh, tâm luyến trần cảnh.

2) Chẳng dạy quyền thuộc niệm Phật và chẳng nói sẵn lợi ích của việc trợ niệm và những họa hại do phô trương bày vẽ mù quáng: tắm rửa, thay quần áo sẵn, hỏi chuyện, khóc lóc v.v... Đến khi lâm chung, quyền thuộc chẳng những không trợ niệm mà trái lại còn phá hoại chánh niệm. Thất bại lúc sắp thành công, chuyện ma chay vẫn tuân theo sự thấy biết của thế tục, khiến cho người chết bị chìm đắm trong biển khổ sanh tử, chẳng đáng buồn ư! Ông Ngô Đình Kiệt vãng sanh được đắc lực là nhờ cả nhà trợ niệm. Cả nhà có thể trợ niệm là do Huệ Trung đã quen nghe ông nói đến lợi ích do trợ niệm và họa hại do bày vẽ mù quáng mà ra, khiến cho ông Đình Kiệt được an tường qua đời trong tiếng niệm Phật. Mắt rồi, mặt vẫn tươi nhuận, tay chân duỗi thẳng, người cả một vùng thấy đều kinh dị. Đủ biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn. Hết thấy chúng sanh đều sẵn có tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, do không có Phật lực, pháp lực gia trì, nên chỉ có thể tạo nghiệp, chẳng thể thọ dụng được! Uông sẵn có Phật tánh mà trọn chẳng được lợi ích! Một mai nghe thiện tri thức chỉ dạy, quy mạng gieo lòng thành, được cảm ứng

đạo giao với lời thề từ bi của đức Phật, cạy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Nhìn lại sáu đường qua lại như bánh xe “hết lên cao lại xoay xuống thấp”, khôn ngoan thương xót! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn*)

* Tuy bà ta quy y với Quang, nhưng thật ra chỉ gặp mặt một lần, Quang cũng chẳng nói với bà ta được mấy câu. Văn Sao, Gia Ngôn Lục, chắc bà ta chẳng đến nỗi chưa xem, nhưng bà ta chỉ chú trọng lập đại nguyện làm công đức nơi cõi này, chẳng chú trọng tới đại nguyện cầu sanh Tây Phương. Vào lúc sắp mất, đã cùng với chị em mộng thấy Phật quang, đài bạc, nhưng chẳng nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương trong lúc ấy, lại ngược ngạo phát ra bốn đại nguyện để gieo trồng gốc sanh tử.

Do vậy, có thể thấy là thường ngày bà ta trọn chẳng lấy những điều Quang đã nói làm chí hướng, sự nghiệp. Bởi thế, đánh mất nhân duyên vãng sanh tốt đẹp, nhưng do được Bồ Tát gia bị mà khỏi bệnh, đến khi do ác mộng hiện, bệnh theo đó mà phát, còn may mắn là khi lâm chung có người trợ niệm. Nhưng do có lời nguyện trồng sâu cội rễ sanh tử ấy nên đến nỗi hiện ra những điềm báo chẳng thể vãng sanh được, đáng than thay! Ngực lạnh đi sau cùng chính là dấu hiệu chứng tỏ bà ta

sanh trong nhân đạo!

Ông nói bà Lâm Đồng Vỹ hiện thân thuyết pháp, há bà ta có thân phận ấy hay sao? Nhưng do bà ta chẳng thể tận lực cầu sanh Tây Phương mà bị lỡ làng, mọi người bèn lấy đó làm điều răn nhắc, quyết chí cầu vãng sanh thì lợi ích ấy cũng chẳng kém gì hiện thân thuyết pháp! Còn chuyện lập hội truy điệu là do tình cảm của anh em ông Địch Am, xét theo lý thì chẳng nên làm, chỉ nên chú trọng dùng niệm Phật để cầu cho bà Lâm được vãng sanh. Đối với chuyện niệm kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục, Quang trọn chẳng chịu đề xướng một tiếng nào. Bởi lẽ, khó được như pháp! Chỉ là bày vẽ phô trương mà thôi! (*Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 9 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm -3*)

* Hôm qua nhận được thư các ông, biết cha các ông bệnh hết sức trầm trọng. Chớ nên làm theo cách si tâm vọng tưởng của thế gian, mà hãy nương theo Phật pháp, dùng câu Nam Mô A Di Đà Phật để trợ niệm và cầu cho cha: “Nếu tuổi thọ đã tận sẽ mau được đức Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ mau được lành bệnh”. Cha các ông tuổi đã ngoài 70, đang trong thời thế nguy hiểm này, cả nhà hãy nên nhất tâm niệm Phật, cầu Phật tiếp dẫn cụ vãng sanh Tây Phương. Nếu cụ tuổi thọ chưa hết, cũng sẽ do công đức

trợ niệm mà chóng được lành bệnh. Nhưng chớ nên chỉ cầu lành bệnh, chẳng cầu vãng sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ của cụ đã hết, cầu như thế sẽ làm hỏng đại sự.

Hãy vì cha các ông mà nhất tâm trợ niệm. Nếu cụ niệm được thì niệm theo. Chẳng thể niệm, hãy khuyên cụ nhất tâm nghe các ông niệm. Phàm những chuyện khẩn yếu thì phải hỏi han trước; chuyện chẳng khẩn yếu đều nhất loạt chớ nên nhắc tới. Nếu có những cư sĩ chí thành khẩn thiết, hãy nên thỉnh mấy vị cùng với các ông chia phiên trợ niệm liên tục chẳng ngắt. Niệm mãi cho đến khi cụ tắt hơi vẫn cứ niệm giống như thế. Niệm tiếp tục như vậy cho đến ba tiếng đồng hồ sau khi cụ tắt hơi mới ngừng niệm.

Hơn nữa, trước khi cụ chưa chết và lúc vừa mới tắt thở, đừng nên lau rửa thân thể, thay áo, khóc lóc. Những hành vi ấy đều là lỗi cụ xuống biển! Người thế gian tưởng đây là hiếu, nhưng thật ra đã phá hoại chánh niệm khiến cho người đã mất chẳng thể vãng sanh, đâm ra bị đọa lạc. Tội giống như giết cha mẹ, khẩn yếu đến cùng cực! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời anh em Ninh Sanh và Khai Sanh - 1*)

* Sau khi cụ đã mất, đừng bày vẽ mù quáng, làm lễ phúng điếu, nhóm họp thân hữu. Dẫn cho bạn bè thân thiết tìm đến cũng nên đãi cỗ chay, vĩnh viễn chấm dứt

rượu thịt. Ma chay, kính thần, đãi khách đều dùng món chay. Vàn muôn phần chớ nên dùng rượu thịt! Trong đám tang chẳng dùng rượu thịt, cỗ lễ Nho gia đã là như vậy đó, chứ không riêng gì Phật giáo mới vậy. Nếu Hoàng Thái Tử đang cư tang mà lén lút uống rượu thì sử quan ắt phải ghi chép chuyện ấy để truyền cho hậu thế!

Hiện thời lễ giáo bỏ phế, đang cư tang vẫn tấu nhạc, sát sanh để giữ thể diện. Các ông đừng học theo thói cực ác ấy! Lại có kẻ còn đem hành trạng của người đã khuất in ra, thỉnh danh nhân đề lời tán tụng, tặng cho khắp mọi thân hữu. Chuyện ấy cũng hết sức vô lễ! Đem hình ảnh của cha mẹ in trên đây, người ta nhận được xem qua một lần rồi quăng vô đồng giấy lộn, chẳng biết đã khinh nhờn đến đâu! Các ông muốn làm cho cha mẹ được nở mày nở mặt, hãy nên trong mỗi niệm luôn tự phản tỉnh, khởi tâm động niệm, xử sự, chẳng dám có một niệm không xứng đáng với Phật, Bồ Tát, thiên địa, quý thần. Nếu có thể giữ được như thế suốt đời thì mới là đại hiếu, tôn kính cha mẹ. Nếu không, do hành vi bất thiện, ắt người ta sẽ nói cha các ông tôn đức nên mới có đưa con không ra gì như vậy! Do đó, con người chẳng thể không tự trọng! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời anh em Ninh Sanh và Khai Sanh*)

* Nói ngày Ba Mươi tháng Chạp nghĩa là nói chuẩn bị sẵn, chứ không phải là biết trước lúc mất sẽ nhằm ngày Ba Mươi tháng Chạp. Ba Mươi tháng Chạp là ngày năm cùng tháng tận cho nên cổ nhân thường mượn từ ngữ này để ví cho lúc chết. Nếu bình thường chẳng sớm chuẩn bị sẵn, đến lúc ấy chắc chắn tay chân cuống quýt. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam - 2*)

* Trong bộ Văn Sao của Quang, do thuận theo lòng người tôi đã khuyên niệm Phật hai tiếng đồng hồ rồi mới tiến hành lo liệu ma chay thì vẫn là quá sớm, chỉ sợ lòng người chẳng thể nhẫn nại được; chứ thật ra nên đợi tới bốn năm tiếng mới tốt. **Vẫn còn có trường hợp để sau một ngày rồi mới lo liệu mai táng là tốt nhất.** Các hạ trên có mẹ già, hãy nên bảo sẵn với con cái về nghĩa lý này. Lâm chung nghe tiếng niệm Phật, người sắp mất tâm thanh tịnh cũng có thể niệm theo; nghe tiếng khóc tâm sẽ đau buồn liền mất chánh niệm. Hiếu tử thờ cha mẹ, hãy nên dốc sức nơi thực tế, đừng bắt chước làm theo lễ thói thế tục.

Lại hãy nên giảng nói với những người cùng hàng trong hội Phật giáo để cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của mỗi người khi chết sẽ được thành tựu chánh niệm. Những kẻ có túc căn sẽ có thể vãng sanh ngay lập

tức. Kẻ dẫu chẳng vãng sanh cũng nhờ vào công đức ấy mà sanh trong đường lành. Những chuyện người đời đã làm đều là chuyện đã té giếng rồi còn quăng đá xuống, như chưa tắt hơi liền tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc, khiến cho thân tâm người sắp mất đau đớn khó chịu đựng, nhưng lại không thể nói ra được, trong lòng nhất định sân hận và có ý niệm luyến mến. Do tâm sân hận, luyến mến nầy sanh, ắt phải đọa lạc!

Lại dùng đồ mặn để cúng bái và đãi đằng khách khứa, vì một người chết, chẳng biết đã giết bao nhiêu con vật đang sống sờ sờ để chống giữ thể diện, bảo đó là “*tận hiếu, kính khách!*” Tang lễ dùng cỗ chay, từ xưa Nho gia đã như thế. Họ còn chưa biết đạo nhân quả ba đời và luân hồi, nhưng luận theo chuyện con người mà quy định như thế. Huống chi người đời nay đều biết nhân quả ba đời, con người và súc vật tuần hoàn, sao nỡ vì cha mẹ sát sanh, khiến cho cha mẹ và chính mình trong đời vị lai đều cùng phải đem thân đền trả ác báo do việc chống giữ thể diện này ư? Người như vậy chẳng gọi là si thì gọi là gì đây? Thường đề xướng như thế sẽ cứu được nhiều sanh mạng lắm!

Lệnh phu nhân đời trước đã vun bồi lớn lao nên vừa nghe liền sanh lòng tin. Bà ta chưa thể tu trì thường luân tinh tấn thì: Một là vì không có ai khuyến khích, nhắc nhở. Hai là vì chưa thật sự biết nỗi khổ sanh tử và lợi ích của Phật pháp. Lời nói lúc lâm chung khá

hợp với điều thứ nhất trong ba thứ chánh nhân Tịnh nghiệp của Quán kinh; kinh dạy: “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”.

Nghĩ đến hai đứa cháu chưa trưởng thành là thuộc về Thập Thiện Nghiệp, không có lòng yêu mến vợ chồng, mẹ con, cũng là thuộc về Thập Thiện Nghiệp. Có chánh nhân ấy, lại thêm tâm chánh tín, tự niệm, được quyền thuộc trợ niệm, lo gì chẳng vãng sanh? Kẻ chẳng vãng sanh là vì tình ái vừa dấy lên thì chánh niệm liền mất, trọn chẳng thể vãng sanh! Đừng nói người công phu nông cạn, dầu kẻ công phu sâu cũng chẳng thể vãng sanh được, vì dùng phàm tình để xử sự nên khí phẫn cách ngăn với Phật, thánh.

Thế gian chuyện gì cũng đều có thể làm giả, chỉ có lúc lâm chung là không thể giả vờ được. Bà ta đã có thể ngồi dậy quán tượng Tây Phương Tam Thánh, miệng niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát, chẳng sanh Tây Phương thì sanh về đâu? Huống chi chết rồi thân thể còn có mùi hương lạ, vẻ mặt như lúc sống, đầu tóc tươi nhuận. Đây đều là những tướng lành chứng tỏ sanh về Tây Phương. Nếu những điều ấy chẳng thật, khó thể nói chắc chắn bà ta có được vãng sanh hay không! Nếu mỗi một điều đều là thật, chẳng cần phải cầu cơ, vẫn tự có thể phán đoán rằng: “*Nhất định bà ta đã được vãng sanh rồi!*”

Còn như ông ngờ bà ta công phu nông cạn, giới phẩm

chưa vẹn toàn, tức là ông chẳng biết một niệm lúc lâm chung có quan hệ rất lớn! Đừng nói người đã từng có công phu, dầu người chưa hề có công phu, nếu lúc lâm chung có thể nghe thiện tri thức chỉ dạy và được người khác trợ niệm, chính mình niệm theo, quyền thuộc chung quanh khéo léo giữ gìn, chẳng để cho người ấy dấy lên tâm mến luyến và tâm sân hận, sẽ đều có thể vãng sanh. Bài Lâm Chung Chánh Niệm Văn của Thiện Đạo hòa thượng chắc ông cũng đã đọc rồi, cần gì phải nghi ngờ nữa? Sanh về Biên Địa¹⁰⁷ của Tây Phương là đã được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, sao lại nghi ngờ rồi chẳng viết ra, há chẳng phải là ăn nói thật đáng buồn cười ư?

Con cái vì mẹ niệm tụng thì công đức ấy không chỉ mẹ được hưởng mà chính con cái cũng được hưởng. Như dâng hương lên cha mẹ, chính mình cũng ngửi thấy mùi hương, so với chuyện chẳng dâng lên cha mẹ, chỉ riêng chính mình ngửi mùi hương thì cũng chẳng khác gì. Ngược ngạo vì cha mẹ mà sát sanh thì chính mình mắc phải sát báo mà cha mẹ cũng bị sát báo. Như một kẻ giết người, tội quy về kẻ đó, còn nếu bị người khác sai khiến và cả hai người đồng ý giết thì hai người

107. Biên Địa, còn gọi là Nghi Thành, Biên Thai, hoặc Thai Cung là những người tu Tịnh Độ đầy đủ công đức, nhưng tâm còn nghi hoặc (như chẳng tin vào trí huệ của Phật, ngỡ mình chẳng được vãng sanh v.v...) sẽ phải sanh về. Trong 500 năm ở nơi ấy, tuy sự vui sướng chẳng kém gì cõi Cực Lạc, nhưng chẳng gặp được Tam Bảo nên coi là khổ. Kinh Vô Lượng Thọ ví von: “*Vương tử bị xiềng bằng vàng nhốt trong ngục, hưởng trọn ngũ dục, vẫn mong muốn được thoát ra*”.

đều cùng mắc tội giết người. Tiếc cho người đời chẳng biết nghĩa này, thường vì thể hiện lòng hiếu mà hãm cha mẹ lẫn chính mình trong ác đạo, chẳng thể thoát ra, chẳng đáng buồn ư?

Bệnh phát ra, bất tỉnh nhân sự, do chí thành niệm chú Đại Bi nên phu nhân chưa chết, liền tỉnh táo thấy Phật, Bồ Tát, ấy chính là do lòng Thành của các hạ và thiện căn đời trước của phu nhân cảm nên, sao lại bảo là ma? Lại nữa, há nên nói “*đã cảm được Phật, Bồ Tát, sao chẳng qua đời liền?*” Lời lẽ ấy rốt cuộc trở thành vô vị đến cùng cực; chỉ vì chính mình chẳng biết: tà - chánh, chân - nguy vậy. Lâm chung đã niệm danh hiệu Bồ Tát thì phải nói là “*sẽ được tiếp nghênh Bồ Tát*”, chớ nên nói là “*nghe tiếp thần địa phương*”. Phạm mọi chuyện đều có nhân quả. Nếu niệm Bồ Tát mà lại nghênh tiếp thần thì nhân sẽ chẳng phù hợp quả. Viết thư này ngỏ hầu ông được yên lòng thanh thản. Xin ông trên hãy khuyên lệnh từ, dưới khuyên con cái để cùng được hưởng lợi ích này thì may mắn lắm thay!
(*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên Quyển 2, lá thư 293, Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (Thư thứ 3)*)

* Trong tuần thất và trong hết thầy lúc, hết thầy sự, phải lấy niệm Phật làm chánh, chứ chẳng phải chỉ lúc đang lo ma chay! Hiện thời, đa số Tăng lười nhác. Tụng kinh Phật tử phần nhiều không biết. Đã thế còn

tụng nhanh như nước chảy, Phật tử dù biết nhưng chẳng thuộc cũng chẳng thể đọc theo. Dù có đến mấy mươi người, không có mấy người tụng kinh được! Chỉ có mỗi niệm Phật, trừ phi chẳng phát tâm, quyết chẳng có cái nạn không ai niệm theo được. Lại dù chẳng chịu niệm, một câu Phật hiệu lọt qua tai thấu vào tâm cũng tự lợi ích chẳng ít. Đây là lý do Quang tôi tuyệt đối chẳng đề xướng lập bất cứ đạo tràng nào khác.

Đối với người sắp mạng chung, chỉ có đồng thanh niệm Phật là có ích. Nếu tâm thức chưa rời khỏi thân thì tắm rửa, thay y phục v.v... cho người chết gây trở ngại rất lớn. Vì thế, người tu Tịnh nghiệp hằng ngày phải nên nói cho quyến thuộc hiểu rõ duyên do ấy, ngõ hầu chẳng đến nỗi dùng lầm tình thân ái, gây trở ngại việc vãng sanh! Nếu là bậc đại nhân tốt bậc, bậc cao sĩ xuất cách, bất tất e sợ sẽ mắc phải những chướng ngại ấy! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Phật pháp rộng sâu, chỉ khi nào thành Phật mới ngừng tay được. Muốn chắc chắn được vãng sanh, thường hành truy tiến²³ thật chẳng trở ngại gì đến việc khẩn thiết niệm Phật, tức là như kinh Phật đã dạy: “*Dù biết tội tánh vốn là không, nhưng luôn sám hối tội trước, chẳng nói là mình đã được thanh tịnh*”. Ngài Liên Trì nói: “*Trong năm, thường phải truy tiến người đã mất, chẳng được nói họ đã được giải thoát nên chẳng cử*

hành”.

Phải biết rằng: tụng kinh, niệm Phật tuy bảo là để truy tiến người thân, thật sự là để quyến thuộc hiện tiền, người quen mở mang cõi lòng, trông thiện căn, và đem hết thảy công đức truy tiến người thân hồi hướng cho hết thảy pháp giới chúng sanh để mở rộng tâm lượng của mình lẫn người, của kẻ sống lẫn người mất, hòng tiêu diệt những chấp trước, chướng ngại của mình lẫn người, của kẻ còn lẫn người mất. Nếu như chẳng đặt nặng lòng thành, chỉ cốt xa hoa, khoa trương, khoe mẽ cùng người, có thể nói là: “Dùng đám tang người thân để bày trò náo nhiệt”, chẳng phải là điều con cái nên làm.

Với việc đảo bệnh, tiến vong, người đời nay hay dùng những cách như tụng kinh, lễ sám, làm đàn Thủy Lục v.v... Riêng Quang đối với những người quen biết mình đều dạy niệm Phật. Vì lợi ích của việc niệm Phật còn hơn tụng kinh, lễ sám, lập đàn Thủy Lục v.v... rất nhiều. Vì sao vậy?

Tụng kinh thì người không biết chữ không tụng được. Dù biết chữ nhưng tụng nhanh như nước chảy, người miệng lưỡi hơi chậm chạp cũng không tụng theo nổi. Người lười biếng tuy tụng được, cũng chẳng chịu tụng. Hóa ra chỉ hữu danh vô thực. Lễ sám, lập đàn Thủy Lục cứ theo đó mà suy.

Niệm Phật thì không một ai là chẳng niệm được.

Dù có kẻ lười nhác chẳng chịu niệm, nhưng mọi người cùng hòa tiếng niệm, kẻ ấy chẳng bị tai nên một câu Phật hiệu tất nhiên sẽ phân minh rành rọt rót vào tâm. Dù chẳng niệm có khác gì là niệm! Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; nào phải họ muốn thơm, chẳng mong như vậy mà lại được vậy! Vì thân quyền cầu an, tiến vọng, chẳng thể không biết điều này!

Cho dù người mất thật sự được vãng sanh, vẫn phải nên chân thành niệm Phật để cầu phẩm sen của người ấy được cao hơn, chóng chứng Vô Sanh, đấy mới là tận hiếu. Điều này tuy để người chết được lợi, nhưng thật ra con cái, dâu rể đều cùng gieo thiện căn. Cháu nào niệm được cũng nên bảo nó niệm theo.

Lúc cha mẹ lâm chung, toàn gia không khóc lóc mà niệm Phật là có lợi ích nhất. Nhưng chỉ niệm trong lúc ấy vẫn còn ngán ngủ lắm, hãy nên niệm Phật cả ba tiếng không ngừng, chẳng cất tiếng khóc cũng như di động, chuyên dịch là tốt nhất. Xin hãy nhớ kỹ lấy!

Đối với việc làm Phật sự, Quang đã từng nói rõ rồi. Mong đừng bắt chước thói tục, làm chuyện sáo rỗng suông. Nếu niệm Phật trong suốt bốn mươi chín ngày so ra còn lợi hơn tụng kinh rất nhiều.

Người trước khi mất nếu tự có thể tắm gội, thay áo thì rất hay. Nếu người ấy chẳng thể tự làm, quyết chẳng nên tắm gội, thay áo sẵn, khiến người ấy bị đau đớn khó chịu đựng nổi, mất chánh niệm. Sao cuối cùng ông

vẫn buộc người đã khuất mặc pháp y, khoanh chân ngồi kết già để rồi tiếc hận? Chẳng biết rằng trong lúc ấy tốt nhất là đồng thanh niệm Phật, vạn vạn phần chẳng được phô trương, bày vẽ (như tắm gội, thay áo, bắt người sắp chết ngồi xếp bằng v.v...). Nếu phô trương, bày vẽ sẽ thành như đã bị té xuống giếng còn bị ném đá thêm. Hãy nhớ kỹ, nhớ chắc!

Lâm chung teo quắt lại và bị bệnh khổ chính là do nghiệp chướng từ nhiều kiếp. Vì người ấy dốc lòng tu Tịnh nghiệp nên chuyển trọng báo, hậu báo thành báo nhẹ trong hiện đời. Ông bảo do tu trì tinh tấn nên thân ngày càng yếu. Lời này chẳng xác đáng, còn vương lỗi là khiến cho kẻ tín tâm nông cạn nhân đó bèn lui sụt. Phải biết rằng: người niệm Phật quyết định tiêu trừ được nghiệp chướng; những nghiệp chướng hiện tiền chỉ là những ác báo phải đọa trong tam đồ của đời tương lai chuyển thành bệnh khổ trong đời hiện tại để giải quyết cho xong đó thôi!

Kinh Kim Cang dạy: *“Trì kinh Kim Cang có điều nhọc nhỏ như bị người khác khinh miệt chính là diệt được cái khổ tam đồ ác đạo trong nhiều kiếp”*. Đây chính là phước dày, sẽ được vãng sanh Tây Phương. Chịu cái khổ nhỏ lúc này để giải quyết cho xong ác báo từ vô lượng kiếp đến nay, thật là may mắn lớn. Chớ học theo kẻ chẳng biết sự việc chi bảo: *“Vì tu trì đến nỗi*

mắc bệnh hay bị chết!” (Trích dẫn *Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

*** Người lâm chung được trợ niệm ắt sẽ được vãng sanh.** Đã không được trợ niệm, lại còn khóc lóc, xáo động, khiến ái tình, sân hận khởi lên làm cho người chết khó khỏi bị đọa lạc. Cực hiểm, cực hiểm! Ông thành tựu được việc vãng sanh cho mẹ cũng là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật. Ấy là: Ngay trong trần lao mà hành Phật sự, công đức ấy thù thắng hơn những công đức tầm thường cả vạn phần. (Trích dẫn *Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

LÂM CHUNG TAM ĐẠI YẾU

*(Trích Dẫn Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên
Quyển Hạ)*

* Điều bi thảm nhất trong thế gian không chỉ bằng cái chết, nhưng người trong khắp cả cõi đời, không một ai may mắn thoát được! Vì vậy, người có tâm muốn lợi mình, lợi người, chẳng thể không sớm lo liệu! Thật ra, một chữ CHẾT vốn chỉ là giả danh, do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ các nhân đời trước đã hết nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì đúng là không tìm được cách gì, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh Độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín nguyện niệm Phật, sắp đặt sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được nỗi khổ luân hồi sanh tử giả huyễn, chứng sự vui Niết Bàn thường trụ chân thật.

Nếu ai có cha, mẹ, anh, em và các quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh tình khó bề thuyên giảm, thì hãy nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương và trợ niệm cho họ, để mong người bệnh nhờ vào đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh Độ. Sự lợi ích như thế làm sao diễn tả được? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; lời lẽ tuy thô vụng, quê kệch, nhưng ý vốn lấy

từ kinh Phật. Gặp được nhân duyên này, hãy đều nên làm theo. **Ba điều trọng yếu vừa nói đó chính là:**

- **Một** là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến cho người sắp mất sanh chánh tín.

- **Hai** là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp cho người sắp mất giữ được tịnh niệm.

- **Ba** là hết sức tránh đời động, khóc lóc, kéo làm hỏng việc.

Nếu có thể tuân theo ba pháp này để hành thì người sắp mất chắc chắn sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng Tịnh nhân (cái nhân để vãng sanh Tịnh Độ), được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu, ắt sẽ đạt tới viên thành Phật quả mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. **Có thể làm được như thế mới là chân hiếu đối với cha mẹ, mới thật là chân đễ¹⁰⁸ đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chân từ đối với con cái, mới thật là chân nghĩa, chân huệ đối với bằng hữu và đối với mọi người.** Dùng những điều ấy để vun bồi cái nhân Tịnh Độ của chính mình, khơi gợi lòng tin tưởng của những đồng nhân, lâu ngày chầy tháng, đâu có khó gì mà chẳng tập quen thành lẽ thói cho được? Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để chẳng đến nỗi có những điều không thích đáng lúc lâm chung

108. Chân đễ: Tinh thương yêu, hòa thuận thật sự đối với anh em.

vậy.

a. Điều thứ 1 là khéo chỉ bày, an ủi, khiến cho người sắp mất sanh chánh tín

Thiết tha khuyên người bệnh buông xuống hết thấy, chỉ nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong bèn chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay sắp theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu sang, vui sướng, quyền thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta bị mắc hại. Vì thế, chẳng nên sanh một niệm quyền luyến, vương mắc.

Phải biết: Một niệm chân tánh của chính mình vốn chẳng có chết. Sự chết vừa mới nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi! Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, đường dữ (Đường lành là trời - người. Đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. A Tu La vừa gọi là đường lành vừa gọi là đường ác vì họ tu nhân cảm quả đều là thiện - ác xen tạp). Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành ấy, ắt quyết định cảm được Phật dấy lòng từ bi lớn lao, đích thân tiếp dẫn khiến cho ta được vãng sanh.

Thêm nữa, đừng nghi rằng: Ta là nghiệp lực phạm phu, chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn, sao lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây Phương? Nên

biết rằng: Vì đức Phật đại từ bi nên dẫu là kẻ tội nhân Thập Ác, Ngũ Nghịch rất nặng, lúc lâm chung tướng địa ngục đã hiện ra, mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu mà còn được vãng sanh, sao vẫn cho rằng ta nghiệp lực nặng nề, niệm Phật ít ỏi để rồi sanh lòng nghi ư?

Phải biết: Chân tánh vốn sẵn có của chúng ta và chân tánh của Phật chẳng hai; chỉ vì ta Hoặc nghiệp sâu nặng nên chẳng thọ dụng được! Nay đã quy mạng nơi Phật như con nường về với cha, chính là trở về với quê nhà ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì vượt ra ngoài khả năng của ta đâu!

Hơn nữa, xưa kia, đức Phật đã phát nguyện: *“Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chỉ tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác”*. Vì thế, hết thảy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm **chí thành niệm Phật** cầu sanh về Tây Phương thì không một ai là chẳng được Ngài rủ lòng Từ tiếp dẫn. Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa! Hoài nghi tức là tự mình làm lạc, họa ấy chẳng nhỏ đâu! Huống hồ, lìa khỏi thế giới khổ não này, sanh về thế giới vui vẻ kia là chuyện hết sức sung sướng, hãy nên sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết! Dẫu sợ chết vẫn chẳng thể không chết,

lại còn đâm ra mất phần vãng sanh Tây Phương nữa, vì tâm mình đã trái với tâm Phật rồi! Dầu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng không làm thế nào được đối với những chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật!

Vạn đức hồng danh của Phật A Di Đà giống như lò luyện lớn lao; tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phạm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết ở gần bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa. Và lại, hưởng chi nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng thù thắng; sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh và Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư?

Mềm mỏng, uyển chuyển chỉ dạy, an ủi như thế thì người bệnh sẽ có thể tự sanh tâm chánh tín. Đây chính là những điều chỉ dạy cho người bệnh. Còn như những chuyện do lòng tận hiếu chí thành mà chính ta phải nên làm thì hãy chú trọng nơi những điểm ấy.

b. Thứ 2 là mọi người thay phiên nhau niệm Phật để giúp cho người chết giữ được tịnh niệm

Trước đó, đã chỉ dạy người bệnh khiến cho kẻ ấy sanh chánh tín; nhưng vì người bệnh tâm lực yếu ớt, đừng nói chi hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ gì niệm liên tục lâu dài được, ngay cả người một mực chuyên trọng niệm Phật đến

lúc ấy cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu. Vì vậy, quyền thuộc trong nhà hãy nên cùng nhau phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu.

Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thầm. Nếu có chuyện nhỏ thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm; còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp. Xong rồi liền trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng; như vậy thì niệm suốt cả ngày đêm cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết: Chịu giúp cho người khác đạt được Tịnh niệm vãng sanh thì cũng sẽ được hưởng quả báo có người trợ niệm. Chớ có nói “chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy”, đối với người dung cũng nên vun bồi ruộng phước của chính mình, trưởng dưỡng thiện căn của chính mình thì mới đúng là đạo tự lợi, chứ chẳng phải chỉ vì người khác mà thôi! **Thành tựu một người được vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức như thế há thể nghĩ lường được ư?**

Ba ban niệm liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngắt.

Nếu sức bệnh nhân niệm được thì nương theo đó niệm nhỏ theo. Chẳng thể niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác sẽ tự có thể tương ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to; niệm to sẽ hao hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến cho bệnh nhân nghe chẳng rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá mau, bệnh nhân niệm theo chẳng nổi, dầu có lắng nghe tiếng niệm cũng khó nghe rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích!

Hãy nên niệm chẳng lớn tiếng, chẳng nhỏ tiếng, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch, khiến cho từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bệnh nhân; như vậy thì dễ có sức niệm theo.

Đối với pháp khí dùng để niệm Phật, chỉ nên dùng dẫn khánh, hết thấy các thứ khác đều nhất loạt chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong trẻo khiến tâm lòng người nghe thanh lương. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung.

Lại nữa, nên niệm Phật hiệu gồm bốn chữ. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ; rồi sau đó chuyên niệm bốn chữ A Di Đà Phật, chẳng niệm Nam Mô. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ niệm theo được hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều đỡ tổn tâm lực. Quyển thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu bên ngoài đến trợ niệm thì cũng niệm như vậy. Dù nhiều

người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc lại ngưng nghỉ, rồi lại niệm khiến cho bệnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu gặp lúc ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng ngắt tiếng niệm Phật.

Nếu như lúc bệnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban nên cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa. Sau đấy, mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc.

Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vỗ về. Đã có lòng đến thăm thì hãy theo đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm lòng yêu mến chân thật, có ích cho bệnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người ta xuống biển. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng để xảy ra sự ấy thật đáng đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người đến thăm để khỏi tổn thương tình cảm, lại khỏi gây hại cho bệnh nhân bị phân tâm chẳng được vãng sanh vậy.

c. Thứ 3 là kiêng dè dòi động, khốc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người bệnh sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ, tình trạng khác nào ngàn cân treo đầu sợi tóc; quan trọng cùng cực! Chỉ nên dùng Phật hiệu để hướng dẫn thần thức của người ấy, trọn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dòi chỗ nằm. Mặc

kệ người ấy nằm - ngồi như thế nào, cứ để yên người đó trong tư thế ấy, chẳng nên dời động chút nào. Cũng chẳng nên đối trước người ấy mà lộ vẻ buồn bã, thương xót, hoặc đến nỗi khóc lóc. Vì khi đó, người sắp chết thân chẳng tự chủ được; hễ lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị bẻ, chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên tâm niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đọa vào độc loại (những loài vật hung dữ, độc địa như rắn, bò cạp, rết...), đáng sợ hãi quá sức!

Nếu người sắp chết thấy thân quyền đau đớn, khóc lóc thì tâm mến luyến phát sanh nên tâm niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyến mà ra đi nên đến nỗi đòi đòi, kiếp kiếp chẳng được giải thoát. Lúc ấy, có lợi nhất thì không gì bằng nhất tâm niệm Phật; điều gây hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi người chết sanh lòng sân hận hay mến luyến thì dầu có muốn sanh Tây Phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một!

Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút từ dưới rút lên trên là tướng siêu thăng, còn hơi nóng từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy, có thuyết:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh

Nhân tâm, ngạ quỷ phúc

Súc sanh tất cái ly,

Địa ngục cực bản xuất ¹⁰⁹

Nhưng nếu mọi người chí thành trợ niệm thì người chết ắt tự có thể sanh thẳng về Tây Phương. Chẳng nên thăm dò nhiều lượt khiến cho khi thần thức người chết chưa rời khỏi xác, có thể sẽ do bị kích thích như vậy mà tâm sanh phiền đau nên chẳng được vãng sanh. Lỗi làm ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu ai nấy đều khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần thăm dò xem hơi nóng cuối cùng bị lạnh đi ở chỗ nào. Kẻ làm con hãy nên lưu tâm điều này mới là hiếu thật sự. Nếu cứ thuận theo các tình cảm thông tục trong thế gian thì chính là xô người thân xuống biển khổ chẳng thương xót, mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen ngợi ta đã tận hiếu! Hiếu như vậy thì có khác chi là tình yêu của La Sát Nữ!

Kinh dạy: “*La Sát Nữ ăn thịt người, bảo: ‘Vì ta yêu người nên ăn thịt người!’*” Kẻ vô tri kia thể hiện lòng hiếu khiến cho người thân mất vui, bị khổ, há chẳng phải là giống hết cái tình yêu người của La Sát Nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không đếm xỉa tình người, chỉ là muốn cho ai nấy đều xét rõ sự thực, cốt sao người chết vãng sanh, kẻ còn sống được phước, nhằm thỏa tấm lòng thành sắt son của con hiền, cháu

109. Đầu nóng sẽ sanh vào cõi thánh, mắt còn nóng thì sanh vào cõi trời. Ngực nóng thì sanh vào cõi người. Bụng nóng thì sanh vào đường ngạ quỷ. Đầu gối nóng thì sanh vào đường súc sanh. Bàn chân nóng thì sanh trong địa ngục.

thảo thương yêu người thân, chẳng ngờ lời lẽ dường
như quá khích. Người thương yêu cha mẹ thật sự ắt sẽ
lượng thứ cho! (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển
Hạ, Lâm chung tam đại yếu*)

LÂM CHUNG CHÂU TIẾP

(Mái Chèo Lâm Chung)

(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

Phật chế Tăng khi mất phải hỏa thiêu vốn là để họ rời lìa được cái thân phần đoạn giả dối, chứng được Pháp Thân chân thường. Vì thế, từ khi Phật chế lập điều ấy đến nay, Tăng chúng kính dùng cấm chế ấy làm thường quy. Tiếc là đạo pháp ngày càng suy đồi, lâu ngày tệ nạn phát sanh. Như nay Thích tử vội vàng lo hỏa thiêu cho xong việc, chẳng tuân cấm chế. Mỗi khi người bệnh vừa thở hắt ra, liền vội thay áo, dờn động để kịp nhập khám một hai ngày, rồi liền hỏa thiêu. Có thể nói là rất trái nghịch chế định của Phật!

Phật nói con người có tám thức, tức là tri thức. Năm thức đầu là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân. Thức thứ sáu là Ý. Thức thứ bảy là Mạt Na, còn gọi là Truyền Tổng Thức. Thức thứ tám là A Lại Da, còn gọi là Hàm Tàng Thức. Khi con người sanh ra, chỉ có thức thứ tám này đến trước nhất, các thức kia đến sau. Đến lúc chết, thức thứ tám này cũng ra đi sau cùng; các thức khác lần lượt đi trước.

Thức thứ tám chính là linh thức của con người, thế tục thường gọi là “linh hồn”. Thức thứ tám này thông linh nên khi con người mới nhập thai mẹ, nó liền đến trước. Vì thế, con trong bụng mẹ liền biết hoạt động. Đến khi chết, sau khi dứt hơi, nó chẳng đi ngay, phải

đợi đến khi toàn thân lạnh giá, không còn một điểm nào còn ấm nữa, thức ấy mới chịu đi. Khi thức đã đi, thân này sẽ không còn mây may tri giác nào.

Nếu chỗ nào còn ấm là thức ấy còn chưa rời đi. Động chạm đến vẫn biết đau khổ. Lúc ấy, kỳ nhất là các sự mặc áo, xếp chân, dời động v.v... Nếu hơi động đến sẽ đau khổ khó chịu đựng nổi; bất quá miệng không nói được, thân chẳng động được đó thôi! Xét theo kinh dạy, ba thứ hơi nóng, thọ mạng và thức thường chẳng rời nhau. Như người sống có hơi ấm thì thức còn hiện hữu. Thức còn hiện hữu thì tuổi thọ chưa hết. Xưa nay có kẻ chết đi dăm ba bữa rồi sống lại, chép rõ ràng trong sách vở có thể tra cứu được.

Nho Giáo cũng có cái lễ để ba ngày rồi mới đại liệm, do quyền thuộc yêu mến, vẫn hy vọng người chết vạn nhất sống lại chẳng? Còn Tăng sĩ ta, tuy chẳng mong sống lại, nhưng cũng chẳng thể chẳng quản gì đến nỗi thống khổ của vong giả, cứ tự tiện dời động để kịp di quan, thiêu hóa. Lòng từ bi để đâu? Cổ nhân nói: “*Thổ tử hồ bi, vật thương kỳ loại*” (thổ chết, cáo buồn; loài vật thương xót nhau). Loài vật còn như thế, huống hồ cùng là loài người ư? Huống hồ lại còn cùng là Phật tử nữa ư?

Vả nữa, thói đời khi đau đớn tột bậc sẽ dễ nổi sân tâm. Do sân tâm rất dễ bị đọa lạc. Như kinh nói vua A Kỳ Đạt lập chùa tháp Phật, công đức vôi vọi. Lúc lâm

chung, người hầu cầm quạt lờ đờ rớt trúng mặt vua. Vua bị đau, nổi sần, chết đọa làm thân rắn. Nhờ có công đức, sau gặp được sa-môn vì rắn thuyết pháp. Do nghe pháp nên bèn thoát thân rắn, được sanh lên trời. Xem đó, biết rằng: Khi thần thức của người chết chưa đi hẳn thì mặc áo, dờn động và lập tức thiêu hóa ngay sẽ khiến người ấy đau đớn nổi sần, càng thêm đọa lạc, há chẳng phải là nhân tâm hại lý cố bày trò thảm độc ư?

Hãy thử nghĩ người chết có oán cừu chi với mình; chỉ vì hảo tâm thành ra ác duyên! Nếu bảo sự còn mờ mịt, biết cậy vào đâu để suy xét, thì những điều chép trong kinh điển chẳng đáng tin chãng? Đến giờ đây, các thói tệ lưu hành nói chung là do người sống chẳng biết thương cho nỗi khổ của người chết, chỉ tính xong việc cho nhanh nên chẳng nhọc công xem kỹ âm lạnh. Do đấy, trở thành thói quen, dù có ai nhắc đến lại cười là vu vơ, đến nỗi người chết phải chịu khổ nạn! Ô hô! Điều khổ nhất trên đời không gì bằng sanh tử. Sanh như rùa còn sống bị bóc mai, tử như cua bị nhúng nước sôi. Tắm khổ cùng nấu, đau đớn chẳng nói nổi!

Xin những ai chăm sóc bệnh nhân hãy lưu tâm cẩn thận, chớ cùng bệnh nhân tán nhảm chuyện gẫu khiến tâm họ tán loạn, cũng đừng buồn bã, khóc kể om sòm. Hãy nên khuyên bệnh nhân buông hết thân tâm, một dạ niệm Phật để cầu vãng sanh. Lại nên trợ niệm khiến cho bệnh nhân nương theo tiếng niệm Phật của mình để

nhớ kỹ trong tâm. Nếu có tiền tài hãy thỉnh Tăng chúng chia ban niệm Phật, khiến cho tiếng niệm Phật ngày đêm không ngớt, hòng tai người bệnh luôn nghe Phật hiệu, có thể quyết định nhờ vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Còn như không có tiền của thì cả nhà phát tâm trợ niệm để kết duyên cuối cùng.

Về việc sắp đặt hậu sự, chớ bàn bạc ngay trước mặt bệnh nhân. Chỉ nên gõ dẫn khánh, cao tiếng niệm Phật, khiến cho từng câu lọt vào tai bệnh nhân ngổ hầu trong tâm người bệnh thường chẳng lìa Phật. Tiếng mõ vốn đục, trợ niệm lâm chung trọn chẳng nên dùng. Bệnh nhân nằm hay ngồi nên để tùy ý, chớ nên di động, cả nhà cứ chuyên tâm niệm Phật. Đợi đến lúc toàn thân đã lạnh hết, tức là thần thức đã đi hết rồi, đợi thêm hai tiếng nữa mới được tắm rửa, thay áo. Nếu như thân đã lạnh hóa cứng thì nên dùng nước nóng xoa nắn, dùng vải thấm nước nóng áp vào khuỷu tay, đầu gối, cổ chân, đợi giây lát, những chỗ đó sẽ mềm mại trở lại. Lúc ấy mới xếp chân cho người chết nhập quan. Cho đến lúc mọi việc xong xuôi hết cả, vẫn phải thường niệm Phật.

Tất cả những việc như lễ sám, tụng kinh đều chẳng có lợi ích rộng lớn bằng niệm Phật. Phạm hết thảy các quyển thuộc dù là tại gia hay xuất gia đều phải tuân hành cách này thì kẻ còn, người mất đều được lợi ích lớn lao. Hơn nữa, Đức Phật ta khi Niết Bàn, vốn nằm trên hông phải, cứ để như vậy nhập quan trà-tỳ. Người

đời nay cứ thuận theo tự nhiên. Nếu ngồi mất thì đặt vào khám. Nếu nằm mất thì đặt vào quan tài, cốt sao thỏa đáng. Nhưng người đời nay phong tục đã thành thói, sợ họ chẳng cho như vậy là đúng, cũng nên lắng nghe, suy nghĩ để quyết định sao cho tiện.

Còn như người chết rồi có các cảnh tượng thiện ác, vốn là có chứng cứ thật sự. Người sanh vào thiện đạo hơi nóng từ dưới bốc lên trên; người sanh vào ác đạo, hơi nóng từ trên tỏa xuống dưới. Nếu như cả thân lạnh hết, khí nóng tụ lại trên đầu bèn là sanh trong thánh đạo. Hơi nóng ở mắt sanh trong thiên đạo, ở ngực sanh trong nhân đạo, ở bụng sanh ngạ quỷ đạo, ở gối sanh trong súc sanh đạo, ở bàn chân sanh trong địa ngục đạo. Vì thế có bài kệ:

*Đảnh thánh, nhãn sanh thiên,
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc, Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất.*

(Đảnh: thánh; mắt: sanh thiên,

Ngực: người, bụng: ngạ quỷ;

Từ gối ra: súc sanh,

Địa ngục: bàn chân nóng)

Ôi! Đại sự sanh tử chẳng ai tránh được, chỉ có một điều phải thật thận trọng: người săn sóc bệnh nhân phải dùng đồng thể bi tâm để giúp hoàn thành đại sự vãng sanh. Cổ nhân nói:

Ta thấy người khác chết,
Ruột ta nóng như lửa,
Nào phải mình ai kia,
Rồi ta cũng đến lượt!

Nhân duyên, quả báo cảm ứng chẳng sai! Muốn cầu
tự lợi trước phải lợi người! Soạn thiên này để bảo khắp
đồng bào, khẩn khoản mong mọi người chú ý!

V. KHUYÊN GẮNG GIỮ LÒNG THÀNH KÍNH

* Nhập đạo có nhiều cửa, chỉ do chí hướng của mỗi người, trọn không có một pháp nhất định. Cái nhất định là Thành, là Cung Kính. Hai sự này dầu chư Phật tốt cùng đời vị lai xuất thế cũng chẳng thể thay đổi được. Nhưng bọn phàm phu sát đất chúng ta muốn tiêu nghiệp lụy nhanh chóng, mau chóng Vô Sanh lại chẳng dóc sức nơi hai chuyện này thì ví như cây không rễ lại muốn xum xuê, chim không cánh lại muốn bay, há có được chăng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời thầy Hoàng Nhất - 1*)

* Một pháp Niệm Phật là pháp giản dị nhất, dễ dàng nhất, rộng nhất, lớn nhất, nhưng phải khẩn thiết, chí thành đến cùng cực mới có thể cảm ứng đạo giao, được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Nếu biếng trễ, lười nhác, không mảy may kính sợ, dầu gieo được viên nhân, nhưng cái tội khinh nhờn khó thể tưởng được nổi. Dầu cho được làm người, sanh lên trời, trọn khó thể dự vào hải hội.

Đối với tượng Phật nên coi như là Phật thật, chẳng thể xem như đất, gỗ, đồng, sắt v.v... Kinh Điển là thầy của tam thế chư Phật, như xá lợi của Pháp Thân Như Lai, cũng nên xem như Phật thật, chẳng được coi như giấy, mực v.v... Lúc đối trước Kinh tượng, nên như

trung thần thờ thánh vương, như con hiếu đọc di chúc. Làm được như thế thì không nghiệp chướng nào chẳng tiêu, không phước huệ nào chẳng đủ. Nay những sĩ đại phu học Phật thì nhiều, nhưng thầy đều là đọc Kinh Văn, hiểu ý nghĩa, lấy đó để ăn nói, hòng được tiếng là một tay thông gia mà thôi. Còn như cung kính chí thành, y giáo tu trì, thật khó được mấy kẻ!

Tôi thường nói: ***“Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính thì tiêu tội nghiệp một phần, tăng phước huệ một phần. Có mười phần cung kính, thì tiêu tội nghiệp mười phần, tăng phước huệ mười phần. Nếu không cung kính đến nỗi khinh nhờn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm”***. Than ôi! Hễ gặp bạn tri giao, hãy nên ra rả đem lời này bảo cho họ biết, không còn pháp thí nào lớn hơn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành*)

*** Lễ tụng trì niệm, các thứ tu trì đều phải lấy thành kính làm chủ.** Nếu thành kính cùng cực thì công đức sẽ như trong kinh nói: ***“Dầu thuộc địa vị phạm phu, tuy chưa thể viên đắc, nhưng sở đắc của người ấy đã khó thể nghĩ bàn”***. Nếu không thành kính sẽ giống như diễn tuồng, khổ, sướng, buồn, vui đều là giả vờ, chẳng do nội tâm phát ra. Dầu có công đức cũng chẳng

thể vượt khỏi si phước trong nhân thiên mà thôi; nhưng ắt sẽ lại y vào si phước ấy mà tạo ác nghiệp, nổi khổ trong tương lai khi nào hết được? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 2*)

* Là Thành, là Cung Kính. Những chữ ấy cả thế gian đều biết, nhưng đạo ấy cả thế gian đều làm. Ấn Quang do tội nghiệp sâu nặng, mong tiêu trừ tội chướng để báo ân Phật nên thường tìm cầu khuôn mẫu tu trì tốt đẹp của cổ đức, **do vậy mới biết “Thành” và “Cung Kính” quả thật là bí quyết cực diệu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.** Vì thế, tôi thường ra rả bảo cùng những ai hữu duyên. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Như Lai diệt độ, chỉ còn kinh tượng tồn tại.

+ Nếu coi tượng bằng đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v... là Phật thật sẽ diệt được nghiệp chướng, phá phiền hoặc, chứng tam-muội, xuất sanh tử.

+ Nếu coi là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v... thì chỉ là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ mà thôi; khinh nhờn đất, gỗ, vàng, sơn vẽ thì không mắc lỗi gì. Nếu khinh nhờn tượng Phật bằng đất, gỗ, vàng sơn vẽ thì tội ngập trời! **Đọc tụng kinh Phật, lời Tổ, phải nghĩ Phật, Tổ đang hiện diện đích thân nói cho chúng ta, chẳng dám manh nha ý**

niệm lười nhác, coi thường.

Tôi nói người làm được như thế ắt được vãng sanh, cao đẳng phẩm vị, chứng ngộ triệt để Nhất Chân. Nếu không, bèn là đùa cợt với pháp môn, được lợi ích bất quá là thấy nhiều, biết nhiều, nói trơn tru, nhưng chẳng được thọ dụng thật sự mảy may gì, chỉ thành chuyện nghe lỏm nói mò! Đối với Tam Bảo, cổ nhân luôn giữ lòng kính trọng thật sự, chẳng phù phiếm bàn suông! Người bây giờ ngay một chữ “khuất” còn không nói được, huống gì thực hành? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Vưu Tích Âm ở Vô Tích*)

* Nghi thức lễ Phật đối với người rất bận chẳng cần phải lập riêng, chỉ cần chí thành khấn thiết xưng niệm Phật hiệu, thân lễ dưới chân Phật, ắt phải thành kính như Phật đang hiện diện là được rồi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lô - 2*)

* Chẳng thể lễ xá-lợi, chẳng thể thân cận từng lâm, nào có thiếu sót gì đâu? **Cứ hễ thấy tượng Phật, liền nghĩ đó là đức Phật thật, thấy kinh Phật, lời Tổ, liền tưởng như Phật, Tổ đang đối mặt dạy mình, phải cung, phải kính, không biếng nhác, không coi thường thì chẳng phải là suốt ngày thấy Phật, suốt**

ngày thân cận chư Phật, Bồ Tát, Tổ sư, thiện tri thức, xá-lợi, tùng lâm hay sao? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gửi cư sĩ Tạ Dung Thoát*)

* Hết thầy các Kinh Đại Thừa hiển hay mật do đức Đại Giác Thế Tôn đã nói, về lý đều vốn duy tâm, đạo phù hợp Thật Tướng. Trái ba đời chẳng biến đổi, cả mười pháp giới đều tuân theo. Là người dẫn đường để trở về nguồn, quay lại cội, dẹp khổ, ban vui, là đạo sư của chư Phật, là bậc cha lành dẹp khổ ban vui cho chúng sanh. Nếu có thể tột lòng thành, tận lòng kính, lễ tụng, thọ trì thì cả mình lẫn người đều được lợi ích thù thắng, u - hiển đều được gọi ân quang. Dường như Như Ý Châu, giống như Vô Tận Tạng, lấy chẳng hết, dùng chẳng cùng. Tùy tâm hiện lượng đều vẹn sở nguyện.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu Tam Muội được Tam Muội, cầu sống lâu được sống lâu, như thế cho đến cầu đại Niết Bàn được đại Niết Bàn”*. Đại Niết Bàn chính là quả đức rốt ráo.

Nếu luận về bản tâm của Như Lai thì toàn lực Khế Kinh thật ra đều nhắm về điều này. Nhưng do chúng sanh chí nguyện hẹp hòi, kém cỏi, lại thêm chẳng chí thành cùng cực nên chẳng thể trực tiếp khế hợp được. Vì thế, Phật thuận theo tâm hạnh của họ, thỏa mãn nguyện của họ. Nếu là bậc túc căn sâu dày sẽ nhanh chóng hiểu rõ

tự tánh, triệt chứng duy tâm, phá phiền hoặc, tiến thẳng vào Bồ Đề, viên mãn phước huệ, chóng thành giác đạo, đạt được lợi ích hoàn toàn nơi Khế Kinh, thông suốt bản hoài của Như Lai.

Ví như một trận mưa tưới khắp, cây cỏ đều tươi tốt. Đại căn thì tăng trưởng chọc mây, che lấp mặt trời. Tiểu căn thì cũng tăng trưởng vài phân, vài tấc. Đạo vốn Chân Như duy nhất, lợi ích do tùy theo tâm mà có thù thắng hay kém cỏi; nhưng nếu đã gieo căn lành thì Phật quả rốt cục sẽ thành. Dầu chẳng thể đạt được lợi ích lớn lao ngay, cũng sẽ nhờ đó mà được độ thoát. Nghe tiếng cái trống bô thuộc độc, xa gần đều chết. Ăn chút Kim Cang, quyết định chẳng tiêu. Trước dùng Dục để lôi kéo, sau mới làm cho nhập Phật trí. Chính là như vậy đó! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận*)

* Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải thực hiện với mười phần thành tâm. Trì kinh và niệm Phật về mặt Sự tuy giống nhau, nhưng lòng Thành có sâu hay cạn, phù phiếm hay thiết tha khác biệt, cho nên lợi ích càng khác biệt lớn lao! Mọi chuyện trong thế gian đều phải do lòng Thành để được thành tựu, huống gì trì kinh, niệm Phật, muốn dùng cái thân phàm phu để liễu sanh thoát tử, siêu lên cõi Phật, mà thiếu lòng Thành há có được chăng? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao*)

Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào ở Hải Môn)

* **Trì tụng kinh chú, quý tại chí thành.** Dẫu trọn chẳng biết nghĩa, mà nếu có thể hết lòng Thành, cạn lòng kính, kiên thành, khẩn thiết thọ trì thì lâu ngày chày tháng tự nhiên sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, chương tận, tâm minh, còn có thể thấu hiểu trực tiếp ý Phật, huống là những giải thích về mặt văn tự và ý nghĩa của chúng ư?

Nếu không, dẫu có thấu hiểu thông suốt nhưng do chẳng chí thành thì chỉ trở thành tình kiến phàm phu, dò đoán suy lường mà thôi; chứ không có cách nào đạt được lợi ích chân thật và sự cảm ứng chân thật của kinh! Do hoàn toàn là thức tâm¹¹⁰ phân biệt suy lường thì làm sao có thể ngầm thông Phật trí, thâm hợp diệu đạo, hễ vừa vượt thoát liền chứng nhập trực tiếp, mau chóng đạt lợi ích thù thắng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời tựa sách Triêu Mộ Khóa Tụng Bạch Thoại Giải Thích*)

* **Kinh dạy: “Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe”.** Nếu không có nhân duyên kiếp xưa thì danh hiệu kinh Phật còn chẳng được nghe,

110. Thức tâm (còn gọi là Tâm Sở Pháp), tức cái tâm bị chi phối bởi tác dụng của sáu thức hay tám thức; gọi như vậy để phân biệt với chân tâm.

huống là được thọ trì, đọc tụng, tu nhân, chứng quảư? Những gì đức Như Lai đã nói đều y theo lý vốn sẵn có trong tâm chúng sanh, ngoài tâm tánh trọn chẳng có một pháp nào để đạt được cả. Chỉ vì chúng sanh đang mê nên chẳng thể hiểu rõ, trong Chân Như Thật Tướng bèn huyễn sanh vọng tưởng, chấp trước. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, mê trí huệ nên thành phiền não, ngay nơi thường trụ bèn thành sanh diệt, trải trần điếm kiếp, không thể thoát được. May mắn gặp được những kinh Đại Thừa hiển - mật do đức Như Lai đã nói, mới biết hạt châu vẫn y nguyên nơi chéo áo, Phật tánh vẫn tồn tại. Tự coi mình là khách, là kẻ hạ tiện, nhưng vốn thật là con ông trưởng giả. Trời - người sáu nẻo chẳng phải là chỗ ta ở; Thật Báo, Tịch Quang mới là quê nhà sẵn có. Nghĩ lại từ vô thủy đến bây giờ, chưa nghe lời Phật nên dù sẵn có tâm tánh này, vô có bị luân hồi oan uổng! Thật là đáng đau đớn khóc than, tiếng rên đại thiên, tim từng miếng xé toạc, ruột từng tác đứt lìa. Ân ấy, đức ấy quả còn hơn trời đất, cha mẹ gấp trăm ngàn vạn lần. Dầu nghiền thân nát xương, há có thể báo đền được? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Kiệt Thành Phương Hoạch Lợi Ích Luận*)

*** Kinh Kim Cang dạy:** “*Nếu kinh điển này ở đâu, chỗ ấy có Phật, phải như đệ tử tôn trọng Phật*”. Lại

dạy: “*Nơi nơi, chốn chốn, nếu có kinh này thì hết thấy thế gian trời, người, A Tu La đều phải nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy chính là tháp, đều nên cung kính, làm lễ, đi nhiễu, dùng các thứ hương hoa rải lên nơi đó*”. Vì sao lại dạy như thế? Do hết thấy chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của hết thấy chư Phật đều từ kinh này mà ra.

Các kinh Đại Thừa đâu đâu cũng dạy con người phải cung kính kinh điển, chứ không phải chỉ nói một lần rồi thôi! Ấy là vì **các kinh Đại Thừa chính là mẹ của chư Phật, là thầy của Bồ Tát, là Pháp Thân xá-lợi của tam thế Như Lai, là thuyền Từ thoát khổ của chúng sanh trong chín giới**. Dù cao đẳng Phật quả vẫn còn phải kính pháp, ngổ hầu báo đáp đến tận gốc, chẳng quên đại ân. Vì thế, kinh Niết Bàn dạy: “*Pháp là mẹ của Phật, Phật từ Pháp sanh*”.

Tam thế Như Lai đều cúng dường Pháp, huống gì hạng phạm phu sát đất, toàn thân đầy nghiệp lực, như tù nhân phạm tội nặng bị giam cầm lâu ngày trong lao ngục, không cách gì thoát ra được! May sao nhờ vào thiện căn đời trước, được xem kinh Phật, như tù nhân nhận được lệnh tha, mừng rỡ vô ngần! Do vậy, bèn nương theo kinh pháp vái chào tam giới mãi mãi, thoát khỏi lao ngục sanh tử vĩnh viễn, đích thân chứng Tam Thân, về thẳng quê nhà Niết Bàn. Vô biên lợi ích do nghe kinh bèn đạt được, há có nên dựa theo tri kiến

cuồng vọng chẳng giữ lòng kính sợ, giống như nhà Nho đọc sách trong cõi tục, buông tuồng khinh nhờn ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Kiệt Thành Phương Hoạch Lợi Ích Luận*)

*** Còn như duyệt kinh, nếu muốn làm pháp sư để tuyên dương cho đại chúng thì hãy nên đọc kinh văn trước, kể đến là đọc chú sớ.** Nếu tinh thần không sung túc, kiến giải không hơn người, chớ nên uổng công lao tâm lao lực, uổng phí năm tháng. Nếu muốn tùy sức chứng được lợi ích thật sự, phải chí thành khẩn thiết, thanh tịnh ba nghiệp, trước hết đọa tọa một lát để thân tâm ngưng lặng, rồi sau đấy mới lễ Phật tụng ra tiếng, hoặc chỉ thầm đọc, hoặc lễ Phật rồi đọa tọa một chút, sau đấy mới mở kinh ra. Cần phải ngồi ngay ngắn nghiêm chỉnh như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám chớm một niệm lười nhác, cũng chẳng dám khởi một niệm phân biệt. Đọc thẳng từ đầu đến cuối, bất luận dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng dụng công để hiểu.

Đọc kinh như thế, người lợi căn liền có thể ngộ được lý Nhị Không, chứng pháp Thật Tướng. Nếu như căn cơ độn, kém, cũng có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ. Lục Tổ nói: *“Chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh”*, tức là nói đến cách xem như vậy đó. Vì thế nói *“chỉ”*. Có thể xem

kinh như thế thì xem kinh Đại Thừa nào cũng có thể minh tâm kiến tánh, há phải riêng gì kinh Kim Cang là như vậy!

Nếu cứ một bề phân biệt, câu nói này nghĩa là gì, đoạn này nghĩa là gì, bèn hoàn toàn thuộc vào phạm tình vọng tưởng, đoán mò, suy lường, há có thể ngâm hợp ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh, nhân đó nghiệp chướng tiêu trừ, phước huệ tăng cao ư?...

Ngài Trí Giả tụng kinh, hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, há có phải là do tâm phân biệt mà hồng đạt được ư? Một vị cổ đức chép kinh Pháp Hoa, nhất tâm chuyên chú bèn được “niệm cực, tình vong”, đến khi trời tối mịt vẫn cứ viết mãi. Thị giả vào nói trời đã tối đen rồi sao thầy vẫn viết mãi, liền duỗi tay ra chẳng thấy được bàn tay¹¹¹. Duyệt kinh như thế cùng với tham thiền, khán thoại đầu, trì chú, niệm Phật có cùng một sự chuyên tâm chuyên chí. Ra sức như thế, lâu ngày ắt có bữa sẽ được lợi ích hoát nhiên quán thông.

Thời Minh, thiền sư Tuyết Kiều Tín, người phủ thành Ninh Ba, không biết chữ nào, trung niên xuất gia, nhọc nhằn tham cứu tận lực, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những điều người khác không thể làm, khổ hạnh ấy người khác quả thật khó thể làm được. Lâu ngày đại triệt đại ngộ, thuận miệng

111. Theo Tử Bách Lão Nhân Tập, quyển 22, vị Tăng này chính là Nhất Am thiền sư sống vào thời Gia Tĩnh (1522-1566) nhà Minh.

nói ra những điều khéo khế hợp thiên cơ, dầu không biết chữ, chẳng thể viết được, nhưng lâu ngày bèn biết chữ. Lâu sau ngọn bút vẫy vùng, nghiêm nhiên thành một nhà thư pháp lớn. Các lợi ích này đều cầu từ nơi chẳng phân biệt, chuyên ròng tham cứu. Người duyệt kinh cũng nên lấy cách này làm pháp tắc. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

*** Người học Phật ban đêm đừng ngủ trần truồng, phải mặc áo, quần đùi, tâm thường như đối trước Phật.**

Ăn cơm chớ nên quá mức. Cơm ngon đến đâu đi nữa chỉ ăn đến mức tám chín phần là tối đa. Ăn 10 phần đã chẳng có ích cho người; ăn mười mấy phần ắt tạng phủ bị thương tổn. Thường ăn như thế nhất định bị đoản thọ. Hễ ăn quá nhiều, tâm hôn trầm, thân mỏi mệt, tiêu hóa chẳng kịp, ắt phải trung tiện. Chuyện trung tiện là chuyện tệ nhất, là chuyện gây nên tội lỗi lớn nhất. Nơi Phật điện, tăng đường, đều phải cung kính; như thắp hương chẳng qua để biểu lộ tấm lòng, chứ xét rất ráo ra, chẳng có loại nào đáng xem là hương cả! **Nếu ăn nhiều, vãi trung tiện hết sức hôi thối, khiến cho hơi thối ấy xông sục Tam Bảo, tương lai ắt sanh làm loài giòi trong hầm phân.** Chẳng ăn quá mức sẽ chẳng phóng trung tiện!

Nếu như dùng chất lạnh, cảm thấy không ổn, hễ vô sự bèn đi ra chỗ trống xả ra, đợi đến khi tan mùi lại quay vào trong thất. Nếu có việc chẳng ra ngoài được, hãy nên dùng sức kèm lại, chưa đầy một khắc nó sẽ tan mất trong bụng. Có người nói chẳng phóng ra sẽ thành bệnh; lời lẽ này còn nặng tội hơn chuyện phóng trung tiện, vạn phần chớ nghe theo... Chúng ta là nghiệp lực phàm phu ở trong Phật điện của bậc Thánh Trung Thánh, Thiên Trung Thiên (thánh của các thánh, trời của các trời), nơi có đủ Tam Bảo, sao dám chẳng kiềm chế, mặc tình trung tiện ư? Tội lỗi ấy lớn nhất không gì sánh bằng! Có lắm kẻ do chẳng xem nhiều trước thuật của cô đức, nên tưởng là cô đức không nói đến. Chẳng biết cô đức nói rất khéo, gọi đó là “*tiết hạ khí*” (hơi rỉ ra từ bên dưới). Họ cũng chẳng hiểu câu đó có nghĩa là gì, chẳng thèm để ý. Ba mươi, bốn mươi năm trước, Quang thường nói đến chuyện này, sau thử hỏi lại, người ta chẳng biết là chuyện gì! Do vậy, tốt nhất cứ nói thẳng là “trung tiện”. Trong tuồng hát, hễ chửi người khác nói năng buông tuồng, bèn nói: “Lời người nói như thả rắm”. Phàm có chuyện gì kinh sợ, đều chẳng dám thở mạnh, làm sao còn đánh trung tiện được? Do buông tuồng không kiêng dè, nên mới trung tiện! Chớ có nói “nhắc đến chuyện trung tiện nghe không nhã”, thật ra, tôi vì muốn tạo cách cứu người khỏi bị làm giòi trong hàm phân! (*Ấn Quang Pháp Sư*

Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc người mới phát tâm học Phật ở quê tôi)

*** Sáng dậy và lúc đại tiểu tiện xong, phải rửa tay. Phàm sờ lên thân, mò xuống chân đều phải rửa tay.**

Những tháng mùa Hạ ông quần chớ buông thùng thình, phải bó lại.

Tùy tiện khắc đàm hỉ mũi là chuyện tôn phước lớn lắm! Đất Phật thanh tịnh, chẳng những trong điện đường chẳng được khắc nhổ, hỉ mũi, mà ngay cả trên cuộc đất sạch phía ngoài điện đường cũng chẳng nên khắc nhổ, xỉ mũi. Nhổ trên đất sạch sẽ tạo thành vẻ dơ bẩn!

Có kẻ luông tuông chẳng kiêng dè, khắc bừa ra đất hay khắc lên vách trong phòng! Một gian phòng đẹp đẽ mà khắp đất, đầy tường toàn là đàm. Kẻ ấy khắc đàm để ra vẻ hống hách, lâu ngày thành bệnh, hằng ngày thường khắc; tinh hoa của đồ ăn thức uống đều biến thành đàm hết! Nếu chịu nuốt đàm xuống, lâu dần sẽ không còn đàm nữa. Đây là cách hay nhất để dùng đàm diệt đàm. Nếu chẳng thể nuốt xuống, hãy nên bỏ một cái khăn lau đàm trong tay áo, khắc lên đó xong lại bỏ vào trong tay áo. Cách này cũng vừa mệt người, lại không sạch sẽ, chẳng bằng nuốt xuống, vừa không mệt người, vừa chẳng ô ướ, lại vĩnh viễn không bị bệnh đàm. Đây là cách hay nhất để trị bệnh đàm. (*Ấn Quang*

Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc người mới phát tâm học Phật ở quê tôi)

* Xem kinh luận và các loại sách vở chớ nên vội vã. Phải xem nhiều lần, xem gấp rút sẽ chẳng thể ngưng lặng được, khó lòng thấu đạt ý chỉ. Kẻ hậu sinh hơi thông minh, được một bộ kinh sách bèn quên ăn bỏ ngủ để xem, coi một lần là xong liền. Lần thứ hai không còn hứng thú xem nữa. Dù có xem, cũng giống như vẽ mắt hòn ngọc ngấn. Những loại người này đều chẳng thể thành tựu, hãy nên tận lực ngăn ngừa! Tô Đông Pha nói: “*Cựu thư bất yếm bách hồi đọc. Thực độc thâm tư tử tự tri*” (Sách cũ trăm lần xem chẳng chán; đọc kỹ, nghĩ sâu ắt tự biết).

Khổng Tử là bậc thánh thông minh thiên phú còn đọc kinh Dịch đến độ ba lần đứt lẽ sách. Với tư cách của Khổng Tử, vừa qua mắt liền thuộc lòng, cần gì phải nhìn vào văn để đọc nữa? Do vậy, ta biết: Nhìn vào văn có điểm rất tốt. Đọc thuộc thì phần lớn là miệng đọc qua trơn tru, còn xem văn thì mỗi chữ, mỗi câu đều biết được chỉ thú. Chúng ta nên học theo cách này, chớ nên tỏ vẻ chính mình thông minh, chuyên đọc thuộc lòng.

Thời Khổng Tử không có giấy. Hễ viết thì viết trên tấm gỗ hoặc viết trên thẻ tre (trúc giản tức là thẻ bằng tre). Sáu mươi tư quyển Dịch do Phục Hy¹¹² vạch ra.

112. Phục Hy: Còn được gọi là Bào Hy, hoặc Thái Hạo, theo truyền thuyết sống

Phần Thoán¹¹³ mở đầu 64 quẻ do Văn Vương soạn. Ý nghĩa của sáu hào trong mỗi quẻ do Châu Công định ra. Ngoài ra, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Thượng Kinh, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Hạ Kinh và phần Văn Ngôn của hai quẻ Càn Khôn, Hệ Từ Thượng Truyện, Hệ Từ Hạ Truyện, Thuyết Quái Truyện, Tự Quái Truyện, Tạp Quái Truyện¹¹⁴, được gọi chung là Thập Dục đều do Khổng Tử biên soạn. Nếu chỉ xét theo số lượng chữ thì phần biên soạn của Khổng

vào khoảng 8.000 hoặc 7.500 trước Công Nguyên, là một trong ba vị thánh vương (Tam Hoàng, tức Phục Hy, Hoàng Đế, Thần Nông) của Cổ Trung Hoa. Ông và bà Nữ Oa (có thuyết nói họ là anh em, nhưng thường được hiểu là vợ chồng) được coi là thủy tổ của nhân loại trong văn hóa Hoa Hạ. Theo đó, cả ông và Nữ Oa đều có nửa thân dưới là rắn. Ông ta đóng đô tại Uyển Khưu (nay là huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam). Theo thần thoại, Phục Hy lên đàn hình vuông, nghe tiếng gió thổi đến từ tám phía, bèn nghĩ ra Bát Quái.

113. Trong Kinh Dịch, mỗi quẻ có một lời giảng tổng quát ý nghĩa của quẻ ấy gọi là Thoán. Lời giải thích ý nghĩa mỗi một Hào, tức một vạch liền hoặc đứt trong một quẻ gọi là Hào Từ tương truyền do Châu Công soạn).

114. Kinh Dịch được chia thành hai phần: Thượng Kinh gồm 30 quẻ đầu, Hạ Kinh gồm 34 quẻ sau. Thập Dục có nghĩa là mười cái cánh. Đa phần các nhà chú giải cho rằng: Phần Thoán và phần Hào giống như con chim đã trợn vện hình rồi, thêm Thập Dục như chấp cánh thêm lông cho con chim được thêm toàn vẹn. Thời cổ, chữ Truyện có nghĩa là lời giải thích kinh điển. Thoán Truyện là lời giải thích cho rõ ý nghĩa phần Thoán Từ. Tượng Truyện là phần giải thích ý nghĩa của Tượng được biểu thị bởi mỗi quẻ (Đại Tượng), phần giải thích tượng của mỗi hào gọi là Tiểu Tượng. Theo cụ Nguyễn Hiến Lê, Tượng có nghĩa là hình thái, như câu “*tại thiên thành tượng, tại địa thành hình*” (trên trời thành tượng, dưới đất thành hình); nó còn có ý nghĩa là biểu tượng như câu “*Thiên thủy tượng, kiến cát, hung; thánh nhân tượng chi*” (Trời hiện ra hình tượng, thấy điềm lành, điềm dữ, thánh nhân phỏng theo đó lập nên biểu tượng). Hệ Từ truyện thường được hiểu là phần giải thích chung cho mỗi quẻ và hào. Văn Ngôn Truyện là phần giảng về lời kinh văn, nhưng chỉ chú trọng vào ý nghĩa hai quả Thuần Càn và Thuần Khôn. Thuyết Quái Truyện giảng về ý nghĩa tám quẻ đơn (Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài). Tự Quái Truyện giải thích về thứ tự các quẻ (lý do tại sao lại sắp các quẻ theo thứ tự đó). Tạp Quái Truyện giải thích linh tinh về một số quẻ.

Tử gấp mười mấy lần phần trước tác kinh Dịch của Văn Vương, Châu Công. Nhưng Không Tử đọc kinh Dịch của Văn Vương, Châu Công rớt cuộc đến nỗi dây buộc sách bằng da thuộc bị mòn đứt ba lần, đủ biết số lần đọc chẳng thể tính đếm xuê! Chúng ta hằng đọc kinh Phật, trì Phật danh giống như Không Tử đọc kinh Dịch ắt sẽ có thể dùng lời Phật, phẩm đức của Phật mà un đúc cái tâm nghiệp thức của chính mình trở thành trí huệ tạng của Như Lai. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* Kinh chẳng thể đọc được, tượng chẳng thể thờ được nữa, lẽ đương nhiên hãy nên thiêu đi, nhưng chớ nên làm giống như thiêu giấy chữ bình thường, mà phải tạo ra đồ để thiêu riêng, giữ gìn nghiêm ngặt chẳng để cho tro bay sang chỗ khác. Dem tro ấy đựng trong túi vải may thật kín, lại bỏ thêm cát sạch hoặc đá sạch để hễ bỏ xuống nước sẽ chìm ngay, chẳng đến nỗi giạt vào hai bờ. Nếu có ai ra biển, đến chỗ sâu bỏ xuống giữa biển, hoặc nơi sâu trong sông to thì được, chớ bỏ xuống ngòi nhỏ, rạch nhỏ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Như Sầm hỏi thay cho bạn*)

xá-lợi của Như Lai, cũng nên xem như Đức Phật thật sự, chẳng được coi như giấy mực. Lúc đối trước kinh tượng, hãy nên như trung thân thờ thánh chúa, như con hiếu đọc di chúc. Làm được như thế, không nghiệp chướng nào chẳng tiêu, không phước huệ nào chẳng đủ!

Hiện tại, hàng sĩ đại phu học Phật rất nhiều, nhưng đa số chỉ đọc kinh văn, hiểu ý nghĩa, dùng đó để phô phang ngoài miệng hồng được tiếng là bậc thông gia mà thôi. Còn như cung kính, chí thành, y giáo tu trì, thật khó có được một ai!

Tôi thường nói: “Muốn hưởng lợi ích thật sự từ Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính sẽ tiêu được một phần tội nghiệp, tặng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính sẽ tiêu được mười phần tội nghiệp, tặng mười phần phước huệ”. Nếu chẳng cung kính đến nỗi khinh mạn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm. Buồn thay!”

Nói đến thành, nói đến cung kính, lời lẽ ấy cả thế gian đều biết, nhưng đạo lý này cả thế gian đều mê muội. Ông X. nọ do tội nghiệp sâu nặng, mong tội nghiệp tiêu trừ để báo ân Phật, thường tìm cầu những khuôn mẫu tu trì tốt đẹp của cổ đức. Nhờ đó, ông biết rằng Thành và Cung Kính thật là bí quyết cực diệu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Vì thế, ông thường cùng kẻ hữu duyên nhắc đi, nhắc lại điều này.

Đối với việc xem kinh, nếu muốn làm pháp sư để tuyên dương cho đại chúng thì hãy đọc kinh văn trước, tiếp đó xem các chú sớ. Nếu tinh thần chẳng sung túc, kiến giải chẳng hơn người, chớ có mất công nhọc nhằn tâm lực, uổng phí năm tháng.

Nếu muốn tùy phận được lợi ích thật sự, phải chí thành khấn thiết thanh tịnh tam nghiệp. Hoặc trước hết phải đốn tọa chốc lát, lắng định thân tâm, rồi mới lễ Phật, đọc ra tiếng; hoặc chỉ im lặng xem. Hoặc lễ Phật xong, đốn tọa chốc lát, sau đó mới mở kinh ra xem. Cũng phải thân đốn nghiêm, ngồi ngay ngắn như đối trước thánh dung, đích thân lắng nghe viên âm, chẳng dám manh nha một niệm biếng nhác, chẳng dám khởi một niệm phân biệt. Đọc một loạt từ đầu đến cuối, dù là văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng dùng lý lẽ để hiểu.

Đọc kinh như thế, người lợi căn đối với mỗi mỗi không lý sẽ lãnh ngộ được, chứng pháp Thật Tướng; còn kẻ căn cơ độn kém cũng tiêu trừ được nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ. Lục Tổ nói: “*Đãn khản Kim Cang kinh, tức năng minh tâm kiến tánh*”(chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh) là nói về cách xem kinh như trên đây, cho nên bảo là “đãn” (chỉ). Kinh Đại Thừa đều có công năng minh tâm kiến tánh, chứ nào phải mình kinh Kim Cang?

Nếu cứ một mực phân biệt câu này nghĩa như thế nào, đoạn này nghĩa là gì thì toàn là thuộc về phạm

tình, vọng tưởng, xét đoán, suy lường, làm sao ngầm phù hợp với ý Phật, lãnh ngộ trọn vẹn ý kinh; nhân đó, nghiệp chướng tiêu diệt, phước huệ tăng cao cho được? Nếu biết cung kính thì còn gieo được chút thiện căn. Nếu cứ làm giống hệt như cách đọc sách Nho của kẻ học rộng sẽ thành hạng người vương phải tội khinh nhờn sùng sững như non, thăm thăm như vực, dùng nhân lành chiêu lấy quả ác vậy.

Cổ nhân chuyên trọng nghe kinh vì tâm chẳng thể khởi phân biệt. Như có người đọc kinh ra tiếng, một người khác ở cạnh nhiếp tâm lắng nghe mỗi chữ, mỗi câu cho thật phân minh. Tâm kẻ ấy chuyên chú, chẳng dám duyên theo hết thấy thanh sắc bên ngoài. Nếu chỉ hơi phóng túng liền bị đoạn tuyệt ngay, chẳng quán thông nổi văn nghĩa!

Người tụng có kinh văn để nương theo, chẳng phải dốc trọn tâm, nhưng cũng phải tụng cho rõ ràng vì người nghe chỉ nhờ vào tiếng tụng. Nếu người tụng phóng túng một chút liền thành đứt đoạn. Nếu nghe được như thế, công đức bằng với công đức của người chí thành, cung kính tụng. Nếu người tụng chỉ thiếu cung kính đôi chút thì công đức khó bằng nổi kẻ nghe.

Người đời nay xem kinh Phật như giấy cũ. Trên án kinh để lã các tạp vật. Cầm lấy kinh chẳng rửa tay, miệng chẳng súc sạch, lặc lư thân mình, giở chân, rung đùi, thậm chí phóng thí²⁵, gãi chân, buông lung hết

thầy chẳng kiêng sợ gì, còn hòng xem kinh để được phước, tiêu tội! Chỉ có hạng ma vương muốn diệt Phật pháp là tán thán, cho là hoạt bát viên dung, là phù hợp sâu xa với diệu đạo không chấp trước của Đại Thừa! Hàng Phật tử chân thật tu hành trông thấy cảnh ấy chỉ còn biết đau xót thâm, nước mắt đầm đìa, than thở ma quấy nhiễu hoành hành, chẳng biết làm sao!

Ngài Trí Giả tụng kinh hoát nhiên đại ngộ, lạng lẽ nhập định, nào phải do tâm phân biệt mà được đâu! Một vị cổ đức chép kinh Pháp Hoa, nhất tâm chuyên chú liền đạt “niệm cực tình vong”, cho đến lúc trời tối mịt vẫn chép kinh như thường. Thị giả vào hỏi trời đã tối mịt sao vẫn còn chép, Ngài liền xòe tay ra, chẳng trông thấy lòng bàn tay. Xem kinh như thế là cũng chuyên tâm dốc chí giống như tham thiền khán thoại đầu, trì chú, niệm Phật. Do dụng lực lâu ngày, sẽ có một ngày được hoát nhiên quán thông.

Minh Tuyết Kiệu Tín thiền sư, người ở Phủ Thành, Ninh Ba không biết chữ, trung niên xuất gia, tận lực khổ công tham cứu, nhận được những việc người khác chẳng thể nhận, làm được việc người khác chẳng thể làm. Khổ hạnh của ngài người khác khó đạt được. Lâu ngày, đại triệt, đại ngộ, miệng nói ra điều gì đều khéo léo khế hợp cùng Thiền cơ. Tuy chẳng biết chữ, chẳng viết được, nhưng lâu ngày Ngài liền biết chữ! Lâu sau, Ngài còn tung hoành ngọn bút, nghiêm nhiên trở thành

một bậc đại thư pháp.

Những sự lợi ích này đều là từ chẳng phân biệt, chuyên tinh tham cứu mà có. Người xem kinh cũng nên lấy đó làm gương!

Lúc xem kinh tuyệt đối chẳng được khởi tâm phân biệt thì tự nhiên vọng tưởng phải tiềm phục, thiên chân phát hiện. Nếu muốn nghiên cứu nghĩa lý hoặc giờ xem các chú sớ hãy dành một thời gian khác để chuyên nghiên cứu. Trong lúc nghiên cứu, tuy chẳng nghiêm túc như lúc xem kinh, cũng chẳng được hoàn toàn không cung kính. Bất quá, so với lúc xem kinh, thư thái hơn một chút.

Nghiệp chưa thể tiêu, trí chưa thể rạng thì phải lấy việc xem kinh làm chính, việc nghiên cứu chỉ đại lược kèm theo. Nếu không, suốt ngày quanh năm chỉ lo nghiên cứu, dù nghiên cứu đến mức như vệt mây thấy mặt trăng, mở cửa thấy núi, cũng chỉ là bàn suông ngoài miệng, chẳng hề can hệ mảy may đến thân tâm, tánh mạng, sanh tử chi cả! Ngày ba mươi tháng Chạp xảy đến chẳng dùng được mảy may!

Nếu có thể xem kinh theo cách như trên vừa nói, ắt sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, ba thứ tình kiến sẽ trở về “chôn quê hương chẳng hề tồn tại” (ý nói: sẽ biến mất không tăm tích). Nếu chẳng xem kinh được như thế, chẳng những ba thứ tình kiến chưa chắc chẳng sanh, còn e do sức tức nghiệp, tà kiến sẽ phát khởi, bác không nhân

quả, và các thứ phiền não: giết, trộm, dâm, dối sẽ nối tiếp nhau nổi dậy như lửa cháy hừng hực, nhưng vẫn cứ cho mình là người hành Đại Thừa, hết thấy vô ngại! Lại còn vin vào câu nói “*Tâm bình hà lao trì giới?*” (tâm bình nào phải nhọc công giữ giới?) của Lục Tổ để cho rằng phá hết các giới mà chẳng phá mới thật sự là trì giới. Thật là tu hành khó đạt chân pháp vậy!

Sở dĩ chư Phật, chư Tổ chủ trương Tịnh Độ là để nhờ vào Phật từ lực chế phục nghiệp lực, chẳng cho chúng phát hiện. Vì thế nên lấy niệm Phật làm chánh, xem kinh làm trợ hạnh!

Đức Như Lai đã diệt độ, những cái còn lại chỉ là kinh và tượng. Nếu coi tượng bằng đất, gỗ, vàng, tượng vẽ v.v... là đức Phật thật sẽ diệt được nghiệp chướng, phá được phiền hoặc, chứng tam muội, thoát sanh tử. Nếu coi đó chỉ là đất, gỗ, vàng, tranh vẽ thì tượng cũng chỉ là đất, gỗ, vàng, tranh vẽ mà thôi! Nếu khinh nhờn đất, gỗ, vàng, tranh vẽ chẳng có lỗi gì, nhưng nếu khinh nhờn tượng Phật bằng đất, gỗ, vàng, tranh vẽ thì tội tày trời. Đọc tụng kinh Phật, lời Tổ, phải coi như Phật tỏ đang hiện diện nói cho ta nghe, chẳng dám móng khởi chút biếng nhác nào!

Làm được như vậy, tôi bảo người ấy ắt sẽ cao đẳng chín phẩm ngay trong đời này. Nếu không, chỉ là dạo chơi trong pháp môn, bất quá được lợi ích là biết nhiều, thấy nhiều, nói được rành rẽ, chứ chẳng mảy may thọ

dụng được lợi ích chân thật chi, vẫn chỉ là chuyện nghe bên đường, nói bên lề mà thôi! Cổ nhân đối với Tam Bảo đều giữ lòng tôn kính thật sự, chứ chẳng chỉ bàn bạc ơ hờ rồi thôi. Người đời nay miệng còn chẳng buồn bàn đến một chữ, huống là thực hành ư?

Ấn Quang thấy những người trích máu chép kinh gần đây chỉ là tạo nghiệp vì trọn chẳng cung kính. Mỗi lần trích máu, liền trích rất nhiều. Vào tiết Xuân Thu, qua hai ba ngày máu liền hư thối. Mùa Hạ, để nửa ngày máu liền tanh hôi, vẫn cứ dùng để chép. Có người còn đem máu phơi khô, mỗi lần chép liền dùng nước hòa máu khô nghiền ra để chép. Lại còn chép luộm thuộm, chẳng cung kính mấy may.

Đúng là trò trẻ con đùa giỡn, chẳng phải là dùng máu để biểu lộ lòng chí thành, mà chỉ là trích máu chép kinh để đoạt cái danh mình là người chân thật tu hành thôi!

Chép kinh chẳng giống như viết tự bình²⁶, chủ yếu là dốc tinh thần vào, chứ chẳng cần xinh khéo. Chép kinh nên như tiến sĩ chép sách. Mỗi một nét bút chẳng được cầu thả, viết tắt. Dạng chữ dùng phải là dạng chánh thức. Nếu tọa hạ²⁷ viết theo thể loại viết trát là không được. Xưa nay, người ta hay dùng các thể loại hành thư hay thảo thư để chép kinh, Quang tôi tuyệt đối chẳng tán thành!

Người đời nay chép kinh mặc sức ngoáy bút, thật

chẳng phải là chép kinh, chỉ là mượn dịp để luyện chữ đồng thời lưu lại bút tích cho hậu thế đó thôi! Chép kinh như thế không phải là hoàn toàn vô ích, nhưng chẳng qua chỉ tạo thành cái nhân đắc độ trong đời tương lai, mà cái tội khinh nhờn cũng chẳng nhỏ nhặt gì!

Nếu đối với pháp môn Tịnh Độ chẳng thể dốc hết một lòng quyết chí tu trì; đối với việc tuân giữ lòng thành kính, khắc kỷ, giữ lễ cứ muốn cho là chẳng muốn chấp trước, hòng khéo che đậy những thứ sơ sài, tán loạn, phóng dật, thì những lợi ích ngài đạt được chẳng giống với cái hiểu biết từ chỗ thấy hiểu kém cỏi của Quang tôi. Những điều khác trong bộ Văn Sao tạp nhạp của Quang đã nói đủ cả, nên chẳng dông dài nữa. Đối với việc xem kinh, chỉ có cung kính mới được lợi ích thật sự. Nếu chẳng cung kính, dù có được lợi ích thì lợi ích ấy chẳng qua là nương theo kinh văn hiểu ý nghĩa, chứ nghiệp tiêu, trí rạng, thâm ngộ tự tâm trọn chẳng thể cầu may như thế được! Huống hồ còn đeo cái lỗi khinh nhờn chẳng thể nói hết nổi được! Đây chính là bệnh chung của cả thế gian, thật là buồn đau, khóc hận, thở dài sườn sượt vậy!

Tri thức gửi vài trắng cho biết đến năm Nhâm Ngọ sẽ in. Điều này tội lỗi đến mức cùng cực, bởi lẽ đã sử dụng danh hiệu Bồ Tát một cách điếm nhục, khinh nhờn đến mức cùng tột. Huống hồ có nơi còn khinh miệt ngời lên nữa. Năm Quang Tự thứ 20, tôi từng thấy

một lần ở Phổ Đà, năm 21 ở chùa A Dục Vương lại thấy. Tôi lấy làm lạ, than cùng điện chủ điện Xá Lợi. Ông bảo: “Đây là phong tục của vùng Ninh Ba”. Tôi tự thẹn mình không có sức để ngăn ngừa thói tục xấu ác này. Nếu như Quang tôi là chủ nhân một phương ất sẽ đến nơi thanh minh lỗi hại của việc này, ngõ hầu những người có tín tâm chỉ được lợi ích, chẳng mắc điều tổn hại ấy!

Tăng, tục ngày nay giờ xem kinh Phật chẳng mấy may cung kính, bao thứ khinh nhờn khó thể thuật tả mĩ từng thứ. Thói quen lưu hành đã lâu, coi đó là thuận mắt, những điều khinh nhờn khó bề kể hết. Coi pháp ngôn của Như Lai như giấy cũ rách nát.

Đừng nói chi kẻ chẳng biết chỉ thú của kinh, trọn không lợi ích; ngay cả những người hiểu sâu xa nghĩa kinh cũng chỉ là tam muội nơi cửa miệng, tỏa sáng ngoài mặt. Như kẻ đói kẻ chuyện ăn, như người nghèo đếm của báu, tuy có công nghiên cứu, tuyệt không được ích lợi thực chứng! Huống hồ cái tội khinh nhờn đã ngập cả trời, nên thời hạn thọ khổ phải đâu chỉ hết kiếp! Tuy là nhân lành, chiêu cảm ngược thành ác quả. Dù có thành cái nhân đặc độ cho tương lai, khó tránh nhiều kiếp chịu đủ các khổ.

Đem tấm lòng ôm áp nỗi thảm thương này dám bày tỏ những điều rom rác để mong ai nấy vâng làm theo lời Phật, ngõ hầu chỉ được lợi ích, chẳng bị tổn hại.

Đạo của Thánh Hiền chỉ là Thành và Minh. Thánh, Cuồng phân biệt chỉ trong một niệm. Chẳng niệm Thánh ắt biến thành Cuồng, khắc chế cuồng niệm bèn trở thành Thánh. Lẽ nắm - buông, được - mất ví như thuyền chèo ngược nước, chẳng tiến phải lùi, chẳng thể chẳng gắng sức chống chọi mà lơ lửng chút nào.

Phải biết rằng một chữ Thành, thánh lẫn phạm cùng có một Chân Tâm hết như nhau chẳng khác. Một chữ Minh phải luôn giữ gìn, xem xét, là cách để đạt đạo từ phạm chí thánh. Nhưng trong địa vị phàm phu, trong những sinh hoạt hằng ngày, muôn cảnh chen nhau, chẳng nhận biết, soi xét một cảnh sẽ khó tránh trong chớp mắt liền nảy sanh những tình tượng trái lẽ. Tình tượng ấy đã sanh, chân tâm liền bị vương mối tề, nên hành vi nào cũng đều chẳng trung chánh. Nếu chẳng vận dụng một phen công phu thiết thực trừ khử cho sạch thì ngày càng tề hơn, chẳng biết đã tuột xuống tận đáy. Ủng cho cái tâm làm thánh sẵn có vĩnh viễn bị chìm đắm trong loài phàm ngu, chẳng đáng buồn sao?

Nhưng làm thánh chẳng khó, chỉ là tự làm sáng cái đức sáng của chính mình. Muốn làm sáng cái đức sáng thì phải từ “trí tri cách vật” mà hạ thủ. Nếu chẳng thể cực lực hiểu rõ, trừ khử những mối nhân dục (tham muốn của con người) thì Chân Tri sẵn có quyết khó thể hiển hiện triệt để được!

Dù là trai chủ tỉnh pháp hay các Sư tác pháp, ai

này đều kiệt thành tận kính thì lợi ích chẳng thể nói được nổi. Như Xuân về, khắp cõi đất thảo mộc đều nảy nở xanh tươi; trăng sáng vằng vặc giữa trời, sông ngòi thấy đều hiện bóng. Do đó, người đương sống sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước tăng, tiên vong đều sanh Tịnh Độ, sở cầu không gì chẳng được toại ý, lại khiến cho oán thân bao kiếp, pháp giới hàm thức cùng gọi Tam Bảo ân quang, cùng kết duyên chung Bồ Đề.

Nếu trai chủ chẳng thành kính thì công đức xuất tiền chỉ hữu hạn, nhưng tội lỗi khinh mạn thì vô cùng. Tăng chúng chẳng thành kính, chính là thói ông bề thành kính, gõ chày cối thành lễ²⁸, lúc Tam Bảo, long thiên giáng lâm cứ xử sự lỗ mãng, luộm thuộm, tắc trách, mà không đến nổi núi tội ngất ngưỡng, biển phước cạn khô, sống mắc tai vạ, chết bị đày phạt há có được chẳng? *Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*

* Một pháp Kính chính là căn bản để học đạo thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu chẳng trọng lòng kính, giữ lòng thành, dù có sở ngộ, vẫn chẳng thể được lợi ích thật sự. Hễ rơi vào cuồng huệ, chắc chắn khó thể sự lý viên dung. Thiên chấp lý tánh, chẳng trọng tu trì, tuy thấy Lý chẳng làm, cũng chẳng khác gì tà ma, ngoại đạo cho mây! Huống chi đã chấp Lý phế Sự thì cái Lý được ngộ cũng khó thể thích đáng.

Do vậy, nói: “*Bất quý tử kiến địa, chỉ quý tử hành*

lý” (Chẳng quý chỗ kiến địa của ông, chỉ quý chỗ ông thực hiện). Đây chính là cái bẫy sập lớn cho người thông minh trong cả cõi đời; chẳng mắc phải bệnh này mới đáng gọi là thông minh. Nếu không, thông minh lại bị thông minh làm cho lầm lạc, biến thành hạng người tự lầm, lầm người. (*Án Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Quách Trang Ngộ*)

* Tôi thường nói: “*Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính liền tiêu được một phần tội nghiệp, tặng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tặng mười phần phước huệ*”. Nếu chẳng cung kính mảy may thì tụng kinh niệm Phật tuy chẳng phải là không được mảy may lợi ích nào, nhưng trước hết phải chịu cái tội khinh nhờn, đọa lạc trong tam đồ bao nhiêu kiếp! Tội trả hết rồi, sẽ nhờ vào nhân lành ấy lại được nghe pháp, tu đạo, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử.

Nếu đời này cạn lòng thành, dốc hết lòng kính thì trong đời này sẽ có thể cậy vào Phật từ lực đỏi nghiệp vãng sanh Tây Phương. Hễ được vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa các khổ, chỉ hưởng những sự vui vậy! (*Án Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư nhắc nhở những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* Chỉ có cung kính, chí thành mới hoàn toàn đạt được lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Ngoài ra, tùy theo lòng Thành lớn hay nhỏ mà được lợi ích lớn hay nhỏ. Nếu chỉ phô trương, màu mè giả dối hầu sượng mắt khoái tai người khác thì rất có thể lại phạm tội khinh nhờn. (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Trần Trọng Vi*)

* Người thật sự tin tưởng Phật pháp thấy hết thấy các vị Tăng còn kính lễ, hướng gì đối với vị thầy quy y ban đầu ư? Nếu đích thân đến quy y, phải dập đầu mấy chục lượt, quỳ hơn một tiếng đồng hồ. Dẫu nói dễ dãi, không thăng tòa¹¹⁵ thì cũng phải dập đầu mười mấy lượt. Do xem thư ông lời lẽ khá kiên thành, nên bỏ qua, nhưng vẫn phải nói rõ cho ông, chứ không phải mong được ông cung kính, mà là muốn cho ông biết Phật pháp tôn quý, ngỏ hầu ông tự được lợi ích thật sự. Nếu cung kính tượng đức Phật bằng đất nặn, gỗ khắc như đức Phật thật thì liền có thể siêu phàm nhập thánh. Nếu coi là đất - gỗ y như cũ thì tội ấy chẳng kham nói được! Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, nên hướng đến sự cung kính mà cầu. Ông có thể hành theo đây thì lợi ích ấy chỉ có đức Phật biết được. (*Ấn Quang Văn*

115. “Thăng tòa” ở đây có nghĩa là vị pháp sư truyền giới lên pháp tòa, trước hết dạy người muốn quy y sám hối, phát nguyện quy y Tam Bảo, đánh lễ cầu giới, phát nguyện thọ giới.

Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hùng Huệ Dục)

* Chí thành niệm Phật, lợi ích ấy lớn lắm. Đòi có kẻ ngu chẳng biết vì sao Phật là Phật, thường chấp chết cứng lẽ cung kính, chẳng biết biến - thông, chẳng hạn như ăn mặn thì chẳng dám niệm. Lại như nữ nhân khi có kinh nguyệt hoặc sanh nở bèn chẳng dám niệm. Phải biết: Ăn chay là tốt nhất, nhưng ăn mặn cũng vẫn niệm được. Có kinh nguyệt thì hãy thường rửa ráy sạch sẽ, đừng dùng tay bẩn chưa rửa chạm vào kinh, tượng và thấp hương v.v... Hễ rửa ráy sạch sẽ thì chẳng ngại gì.

Nữ nhân khi sanh nở phải niệm “*nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” ra tiếng, chắc chắn chẳng đến nỗi bị sanh khó. Dầu bị sanh khó mà chịu chí thành niệm Ngài, cũng chắc chắn sanh ngay. Điều này trước kia Quang không nói, sau này nghe rất nhiều người hoặc mấy ngày mới sanh được, hoặc phải mổ, hoặc do sanh nở mà chết, nên thường nói với hết thầy mọi người: Nếu khi sanh nở mà niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì không ai bị khó sanh!

Lúc bình thường ắt phải cung kính, khiết tịnh; còn lúc ấy (tức lúc sanh nở) lỏa lồ bất tịnh vốn là chuyện bất đắc dĩ, là chuyện có liên quan đến tánh mạng. Chỉ cần trong tâm chí thành, chẳng cần phải luận trên hình tướng bề ngoài. Nếu là lúc bình thường, ắt cần phải mũ áo tề chỉnh, tay lẫn mặt đều sạch sẽ thì mới được niệm

ra tiếng. Nếu không, chỉ niệm thầm trong tâm thì công đức vẫn giống hệt như vậy. Vì thế, lúc ngủ nghỉ, tắm rửa, tiêu tiêu, hoặc đến chỗ không sạch sẽ, đều niệm thầm trong tâm.

Chỉ khi nữ nhân đang sanh nở thì cần phải niệm ra tiếng vì niệm trong tâm thì tâm lực yếu, khó thể cảm thông. Nếu lại gắng sức, sợ bị thương tổn. Vì thế, hãy nên niệm ra tiếng. Ông đã muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Tông Từ. Tông (宗) là chủ, lấy tâm từ bi làm chủ để làm chuyện tự lợi, lợi tha thì mới không uổng kiếp sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời một cư sĩ ở Diêu Duy*)

* Đã biết hổ thẹn sám hối, cứ sao vẫn hành động y như cũ, ác chẳng thấy giảm, thiện chẳng thấy tăng vậy? Không có chi khác cả! Vì tâm chẳng chí thành vậy! Nếu tâm lấy chí thành làm chủ, lẽ nào biết rồi mà vẫn cố phạm? Biết mà tâm vẫn cố phạm là vì tâm thật ra chẳng có lòng thành khẩn, quyết định đôi lồi hướng thiện mà ra! Chính ông đã muốn làm hiền nhân, thiện nhân thì tự có thể xa lìa tập khí ác. Kẻ chẳng thể xa lìa tập khí ác là vì tâm chẳng quyết định; nếu hời hợt, chơi vơi, chần chừ, khinh mạn, sẽ khó tránh khỏi quay về đường cũ!

Nếu ông chịu sốt sắng tự suy xét tội lỗi của chính mình, cần chi tôi phải nói nhiều? Nội hai chữ Tông

Thành đã bao quát sạch cả rồi! Con người nếu tâm không hư ngụy, chắc chắn chẳng đến nỗi không chịu sửa lỗi hướng lành. Ví như ta thật sự biết kẻ nào muốn hại ta, dù hắn có lắm lời ngon lẽ ngọt dụ dỗ, chắc chắn ta chẳng để hắn gạt rồi giao phó tánh mạng. Chịu bị lừa chính là kẻ chẳng biết tốt - xấu! Đã có kẻ đòi đầu lớn lao liên quan đến tánh mạng, sao còn chịu để cho hắn lừa? Đây gọi là “câu người khác nói ra phương cách màu nhiệm để bảo vệ thân mạng cho ông”, có ích lợi gì đâu? (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình - 2*)

* Hết thầy chúng sanh đều sẵn có Tánh Đức, nhưng rất ít có Tu Đức. Nay đã phát tâm học Phật là do từ Tánh Đức khởi lên Tu Đức. Tuy có tâm ấy, nhưng nếu chẳng kiết thành tận kính tu trì thì Tu Đức chẳng thể tăng trưởng, Tánh Đức vẫn bị phiền não ác nghiệp gây chướng ngại như cũ, chẳng thể hiện hiện được! Như mặt trời trong mây, trọn chẳng thấy được tướng sáng. Vì thế, phải phấn chấn tinh thần, giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phạm, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, làm các điều lành trong thế gian.

Lại phải cạn lòng thành, tốt lòng kính, sanh tín, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương để tu pháp xuất thế gian. Trong thế gian, học một tài, một nghề, đều phải dốc hết toàn bộ tinh thần thì mới có thể thành

được. Nay là phàm phu sát đất, lại muốn ngay trong đời này siêu phàm nhập thánh liễu sanh thoát tử, há chẳng phát khởi mạnh mẽ chí hướng lớn lao nâng cao tinh thần mà thành được ư? (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 1*)

* Chuyện trong thiên hạ đều lấy lòng Thành làm căn bản. Lòng Thành đến mức cùng cực thì đá - vàng cũng phải nứt. Thành tích, hiệu quả thật sự đều cậy vào lòng Thành. (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời răn dạy khích lệ các học trò ghi sau cuốn Quy Ước của Cô Nhi Viện Phật giáo chùa Pháp Vân*)

* Muốn mai sau được thành tựu thì phải lập chí hành sự từ ngay bây giờ, cần phải trung hậu, siêng năng, cẩn thận, khiêm cung, hòa thuận, tâm và miệng như một, những gì được biểu lộ ra ngoài chẳng khác những gì ẩn kín trong lòng, thường giữ lòng hổ thẹn, đừng tự kiêu căng, sáng - tối chí thành niệm Phật để mong tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chuyện gì cũng lấy lòng Thành làm gốc, niệm niệm thường tự soi xét tự tâm (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời răn dạy khích lệ các học trò ghi sau cuốn Quy Ước của Cô Nhi Viện Phật giáo chùa Pháp Vân*)

* Các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng lấy lòng Thành làm gốc. Những người tu hành càng phải nên chí thành. Hễ có lòng Thành thì nghiệp

chươngng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng.

Phàm lúc tụng kinh, ắt phải dứt bật lo nghĩ, vọng duyên, nhất tâm tịnh niệm như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám manh nha chút niệm lười nhác, coi thường! Lâu ngày chầy tháng sẽ tự ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo mâu. Ví như ánh nắng Xuân vừa chiếu đến, băng cứng tự tiêu tan. Lòng Thành đến mức cùng cực sẽ hoá nhiên thông suốt. Đây chính là cách hay nhất để xem kinh, niệm Phật. Bà có thể suốt đời hành theo cách này thì lợi ích sẽ chẳng thể nào diễn tả được! (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Đồi lời đề tựa cho cuốn A Di Đà Kinh của nữ sĩ Vương Tông Ý*)

* Nay gửi cho ông Một Bức Thư Trả Lời Khấp và hai gói kinh sách gồm Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu, Văn Sao v.v... Nếu chịu lắng lòng đọc kỹ, ắt sẽ có thể biết rõ tông chỉ Tịnh Độ, nhưng cần phải cung kính, đừng nên đọc theo kiểu đọc sách Nho, trọn chẳng cung kính gì! Nhà Nho chẳng kính trọng sách nên cõi đời loạn lạc không ngơi. Nếu nhà Nho kính trọng sách thì hẳn là người đọc sách đều là hạng mong thành thánh thành hiền, đâu đến nỗi loạn lạc cùng cực như thế này?

Đọc kinh sách trong Phật pháp ắt phải tay sạch, bàn sạch, ngồi ngay ngắn như đối trước đức Phật, đích thân nghe viên âm. Nếu làm được như thế, thì

nghiệp chương ngày một tiêu, trí huệ ngày một tăng trưởng. (*Hoằng Hóa Nguyệt San số 12 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phí Sư Mẫn*)

NHỮNG LỜI TÂM HUYẾT	4
TỔ SƯ ẮN QUANG DẠY PHẢI CHÚ TRỌNG CHÍ THÀNH CUNG KÍNH	8
TỔ SƯ ẮN QUANG DẠY	9
MƯỜI ĐIỀU CUNG KÍNH KHI ĐỌC SÁCH.....	9
KỆ TU TRÌ.....	11
NHỮNG CÂU ĐỐI DO ĐẠI SƯ VIẾT ĐỀ TỰ KHÍCH LÊ	12
KỆ VIẾT TRÊN VÁCH QUAN PHÒNG CHÙA BÁO QUỐC Ở TÔ CHÂU	13
Lời tựa của bộ Ắn Quang Đại Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục.....	14
I. TÁN TỊNH ĐỘ SIÊU THẮNG	
(Khen ngợi Tịnh Độ siêu việt thù thắng).....	17
II. KHUYÊN TÍN, HẠNH, NGUYỆN NÊN	
CHÂN THÀNH, THA THIẾT	90
1. Dạy Về Lòng Tin Chân Thật, Tâm Nguyện Thiết Tha	90
2. Khuyên Nên Trừ Lòng Nghi, Sanh Lòng Tin	103
3. Khuyên Hành Nhân Tịnh Độ Hầy Trọn Đủ Lòng Tín Nguyện	140
III. DẠY PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ	168
1. Dạy Phương Pháp Niệm Phật	168
2. Khuyên Niệm Kèm Thêm Danh Hiệu Quán Âm	215

*Kệ Hồi Hương Lễ Niệm Quán Âm Bồ Tát	269
3. Dạy Cách Đối Trị Tập Khí	270
4. Luận Về Cách Giữ Gìn Tâm Lòng, Lập Phẩm Vị	322
5. Đánh Giá Các Phương Pháp Tu Trì.....	345
6. Khuyến hành nhân hỷ nỗ lực	404
7. Chỉ Dạy Quy Củ Thơm Thảo Trong Chốn Thường Trụ	423
IV. LUẬN SANH TỬ ĐẠİ SỰ	431
1. Răn Nhắc Mạng Sống Vô Thường	431
2. Dạy Hành Nhân Hỷ Chuyên Cậy Vào Phật Lực	437
3. Dạy Những Điều Thiết Yếu Về Lúc Lâm Chung	463
LÂM CHUNG TAM ĐẠİ YẾU	505
V. KHUYẾN GẮNG GIỮ LÒNG THÀNH KÍNH	522

10 CÔNG ĐỨC ÁN TỔNG KINH PHẬT

Một là, những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.

Hai là, thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh ngục tù.

Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.

Bốn là, các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại.

Năm là, tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiện sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.

Sáu là, chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.

Bảy là, lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.

Tám là, ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.

Chín là, vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước

lộc tròn đầy.

Mười là, hay vì tất cả chúng sanh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe Pháp phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

10 CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT LỚN TIẾNG

1. Đánh tan cái tâm hôn trầm, mê ngủ.
2. Thiên ma kinh sợ.
3. Tiếng vang xa khắp 10 phương.
4. Ba đường ác được nhờ vào đó mà dứt khổ.
5. Tiếng động chung quanh không xâm nhập vào làm loạn tâm mình được.
6. Niệm tâm không tán loạn.
7. Mạnh mẽ tinh tấn.
8. Chư Phật vui mừng.
9. Tam muội hiện tiền.
10. Được vãng sanh Cực lạc.

THEO KINH "Nghịệp Báo Sai Biệt" và Kinh "Đại Tập Nguyệt Tạng" dạy:

10 CÔNG ĐỨC PHÓNG SANH

1. Không có nạn đao binh, tránh được tai họa chiến tranh tàn sát.
2. Sống lâu, mạnh khỏe, ít bệnh.
3. Tránh được thiên tai, dịch họa, không gặp các tai nạn.
4. Con cháu đông đúc, đời đời hưng thịnh nối dõi không ngừng.
5. Chỗ mong cầu được toại nguyện.
6. Công việc làm ăn phát triển hưng thịnh, gặp nhiều thuận lợi.
7. Hợp lòng trời, thuận tánh Phật, loài vật cảm ơn, chư Phật hoan hỷ.
8. Giải trừ oán hận, các điều ác tiêu diệt, không có lo buồn sầu não.
9. Vui hưởng an lành, quanh năm đều được an ổn.
10. Tái sinh về cõi trời hưởng phước vô cùng, nếu có tu Tịnh Độ thì được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc

10 CÔNG ĐỨC LẠY PHẬT

Trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt có phân tích đến 10 sự lợi ích của sự lạy Phật:

1. Được sắc thân tốt đẹp.
2. Nói ra điều gì ai cũng tin dùng.
3. Không sợ sệt giữa đông người.
4. Được chư Phật giúp đỡ.
5. Đầy đủ oai nghi lớn lao.
6. Mọi người đều nương theo mình.
7. Chư thiên cung kính.
8. Đủ phước đức lớn.
9. Lúc lâm chung được vãng sanh.
10. Mau chứng quả Niết Bàn.

Lễ Phật 1 lễ thì từ đầu gối trở lên đến đầu, đều có ngôi chuyển Luân Thánh Vương hiển hiện phù trì và cũng thấu hoạch được 10 thứ công đức.

10 CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT

Trong kinh nói: “ Người nào chí tâm niệm Phật”, được 10 món công đức như sau:

1. Thường được chư Phật ngày đêm hộ niệm, Đức Phật A Di Đà phóng quang nhiếp thọ.

2. Thường được các vị Đại Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm thủ hộ.

3. Ngày đêm thường được chư Thiên cùng Đại lực Thần tướng ủng hộ.

4. Tất cả Dạ-xoa, ác quỷ, rắn độc, thuốc độc đều không thể làm hại.

5. Không bị những tai nạn: nước, lửa, đao, tên, gông, xiềng, lao ngục, giặc cướp, oan gia, cùng các thứ chết dữ.

6. Những tội đã làm thấy đều tiêu diệt, những kẻ chết oan vì mình đều được giải thoát, không còn kết oán ràng buộc.

7. Ban đêm nằm ngủ thường thấy điềm lành, hoặc thấy sắc thân thắng diệu của Phật A Di Đà.

8. Tâm thường vui vẻ, sắc thường tươi nhuận, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp lợi ích.

9. Mọi người trông thấy đều vui mừng, cung kính hoặc lễ bái cũng như kính Phật.

10. Khi mạng chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được Tây phương Tam Thánh tiếp dẫn sanh về

Tịnh Độ hưởng sự an vui không cùng!

ẤN QUANG TỔ SƯ DẠY

Ấn tông kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên gặp khi chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ bệnh tật, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ đề ấn tông, để trồng cội phước đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.

Tất cả Kinh Sách của Tịnh Thất Quan Thế Âm đều cúng dường không bán. Quý vị muốn thỉnh Kinh Sách, xin liên hệ:

Địa chỉ: Tịnh Thất Quan Thế Âm, tổ 15, thôn Trung Hiệp, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: Thầy Nhật Đạo: 0965.549.299

Thầy Nhuận Phiên: 0121.234.4948

Website: voluongtho.vn

Quý vị muốn ấn tống kinh sách tượng Phật và phóng sanh, tùy hỷ cúng dường, gửi vào tài khoản ngân hàng:

TTK: Trần Văn Hơn (Thích Giác Nhàn)

STK: 0561.000.747474

Ngân hàng Vietcombank Chi Nhánh Đức Trọng - Lâm Đồng.



**HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

**ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO
TINH HOA LỤC - QUYỂN 1**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: **BÙI VIỆT BẮC**

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập: **LÝ BÁ TOÀN**

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in: Pháp Hội Niệm Phật A Di Đà - Tịnh Thất Quan Âm

Trình bày & Bìa: Tịnh Thất Quan Âm

Đối tác liên kết:

PHÁP HỘI NIỆM PHẬT A DI ĐÀ - TỊNH THẮT QUAN ÂM

In lần thứ nhất. Số lượng: 10.000 bản, khổ 16 x 24 cm.

Tại: **Công ty Cổ phần In Khuyến học phía Nam.**

Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phú Trung, xã Tân

Phú Trung, Củ Chi - TP.HCM

Số XNĐKXB: 1364 - 2019/CXBIPH/41 - 22/HĐ

Quyết định xuất bản số: 237/QĐ-NXBHĐ ngày 02/05/2019.

ISBN: 978-604-89-8647-6. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.